

# Nhà Áng Mây Bay

Cuộc đời của Đại Lão Hòa Thượng

**THÍCH ĐÔN HẬU**



Đệ tử Tâm Đức phụng soạn

Thất chúng môn đồ ấn hành

2010 - USA



# MỤC LỤC

- *Thay Lời Tựa* ..... *i-xi*

## QUYẾN MỘT:

### **HÒA THƯỢNG THÍCH TÂM TỊNH (1868-1928) VÀ PHẬT GIÁO CUỐI THẾ KỶ 19, ĐẦU THẾ KỶ 20**

<i>Chương 1:</i> Hòa Thượng Thích Tâm Tịnh (1868-1929), Bổn Sư Của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu .....	15-23
<i>Chương 2:</i> Phật Giáo Việt Nam Vào Cuối Thế Kỷ 19 Đầu Thế Kỷ 20, Dưới Thời Hòa Thượng Tâm Tịnh .....	25-40

## QUYẾN HAI:

### **HÒA THƯỢNG ĐÔN HẬU (1905-1992) VÀ PHONG TRÀO PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO**

<i>Chương 3:</i> Gia Thế Và Thời Thơ Ấu Của Hòa Thượng Đôn Hậu.....	43-59
<i>Chương 4:</i> Hạt Bồ Đề Chớm Nở .....	61-72
<i>Chương 5:</i> Một Thoáng Trần Duyên, Một Giây Sinh Tử ...	75-90
<i>Chương 6:</i> Thế Phát Xuất Gia, Tâm Sư, Học Đạo.....	91-107
<i>Chương 7:</i> Dưới Chân Thầy Tổ - Những Năm Tháng Tại Phật Học Viện Thập Tháp & Tây Thiên .....	109-123

**QUYẾN BA :**  
**SỰ NGHIỆP HOÀNG HÓA (1932- 1992)**

*Chương 8:* Bối Cảnh Xã Hội Từ 1932 Đến 1945

Và Phong Trào Phục Hưng Phật Giáo..... 127-143

*Chương 9:* Công Tác Hoằng Truyền (1932-1945)..... 145-175

**QUYẾN BỐN:**  
**THỜI ĐẠI BẢO TÁP (1945-1968)**

*Chương 10:* Nguồn Cửa Tử Thần (1947)

Từ Chiến Tranh Việt- Pháp (1946)

Đến Hiệp Định Genève (1954) ..... 179-211

*Chương 11:* Trong Lòng Pháp Nutzung (1963) ..... 213-285

*Chương 12:* Gọng Kềm Lịch Sử (1966-1968) ..... 287-322

**QUYẾN NĂM:**  
**CỦ TRẦN LẠC ĐẠO**

*Chương 13:* Từ Trường Sơn

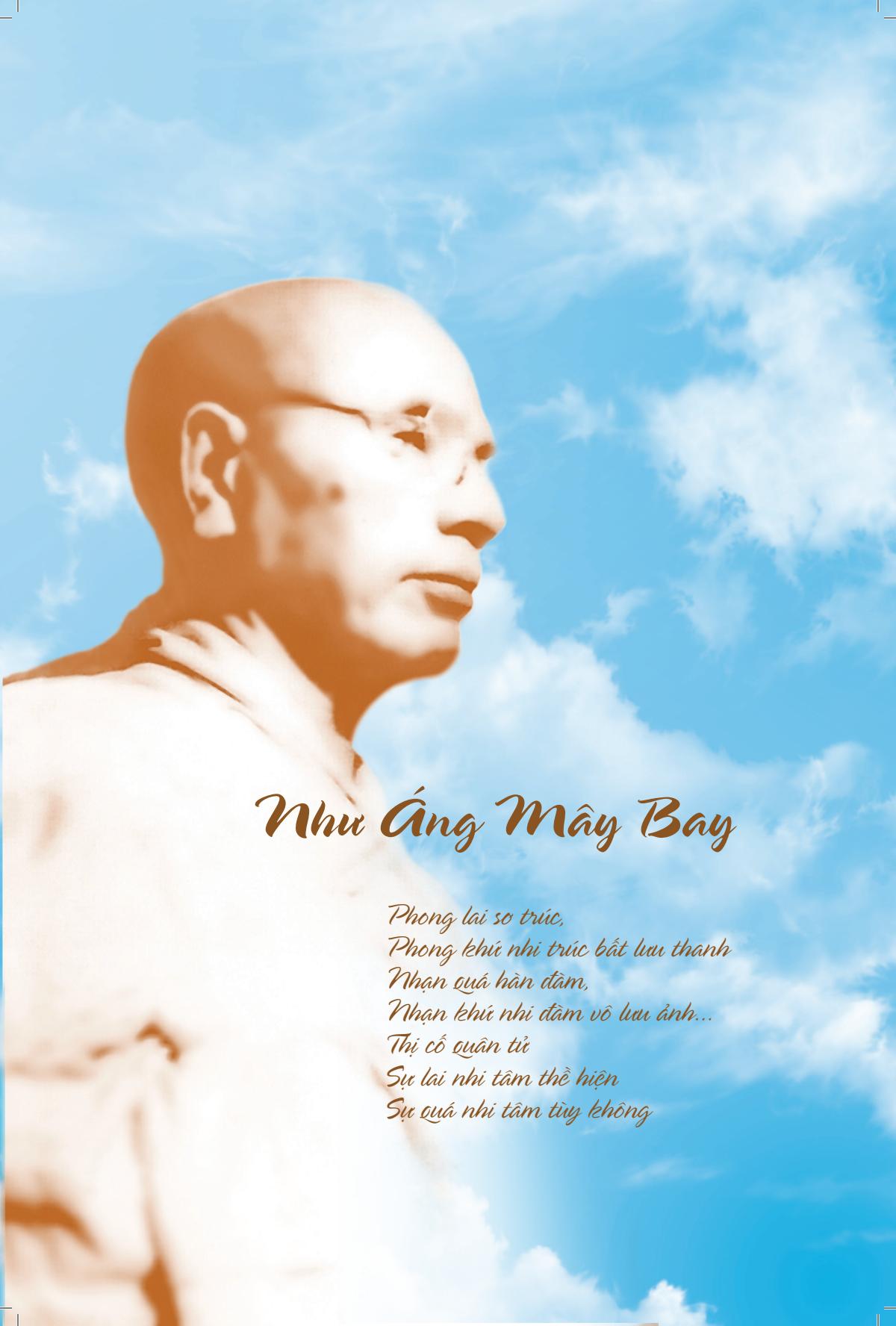
Đến Thảo Nguyên Mông Cổ (1968-1975) ... 325-355

*Chương 14:* Trở Về Chùa Xưa ..... 357-371

*Chương 15:* Dung Thông Tam Muội ..... 373-437

*Chương 16:* Như Áng Mây Bay ..... 439-457

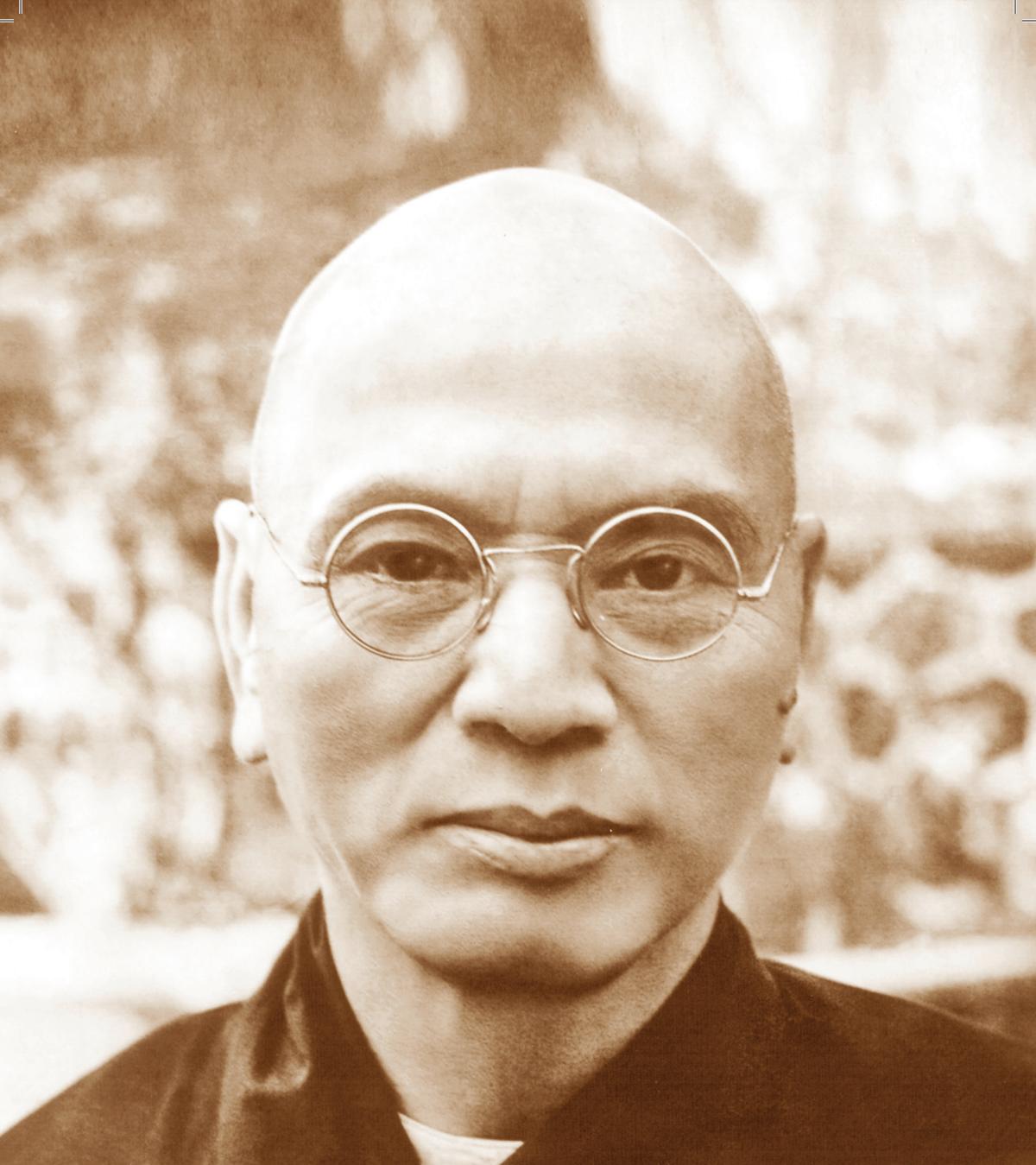
– Tài Liệu Nghiên Cứu Và Trích Dẫn ..... 459-460



## Như Áng Mây Bay

Phong lai so trúc,  
Phong khí nhi trúc bất lưu thanh  
Nhận quá hàn đầm,  
Nhận khí nhi đầm vô lưu ánh...  
Thị cô quân tử  
Sự lai nhi tâm thề hiện  
Sự quá nhi tâm tùy không





## Như Áng Mây Bay

Non xanh xanh mãi như xưa,  
du nhân dì mãi mà chưa thấy về.  
Sóng in bóng tháp bồ đề,  
mở tan cửa động liền kề chân mây.



# Như Áng Mây Bay

Người từ đâu đến, dù về đâu  
Đạo lý Vô Sinh quá nhiệm màu  
Đến chẳng từng sinh, dù chẳng diệt  
Đến, dù dấu tích khó tìm cầu



Hòa Thượng Thích Đôn Hậu 1905-1992)  
Đệ Tam Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam  
Thống Nhất



*Như Áng Mây Bay*





## THAY LỜI TỰA

*S*au khi Phật thành đạo, bài kinh đầu tiên giảng cho năm ông Kiều Trần Như là **Kinh Chuyển Pháp Luân**, thuyết minh đạo lý trung đạo. Trong kinh **Pháp Hoa**, phẩm **Đề Bà Đạt Đa**, đức Phật cho biết một trong những tiền thân của Ngài có liên quan đến Đề Bà Đạt Đa và Đề Bà Đạt Đa là trợ duyên quan trọng giúp ngài tinh tấn hành trì bồ tát đạo. Vì vậy Đề Bà Đạt Đa, đối với Phật là một ân nhân và Phật đã thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa về sau thành Phật hiệu Thiên Vương Như Lai. Trong kinh **Lăng Nghiêm** đức Phật chỉ rõ bản thể của tâm để hành giả nương vào đó chuyển mê khai ngộ. Bồ Tát an trú vào tâm thanh tịnh để cứu độ chúng sinh. Sử dụng hình tướng, danh sắc, nhưng tâm vẫn thường an trú vô tướng. Thị hiên nhập niết bàn nhưng không bao giờ tịch diệt. Chu du khắp muôn phương quốc độ mà vẫn giữ bình đẳng pháp tính. Đối đầu với ma oán nhưng không bị ma oán chi phổi, luôn luôn chan hòa từ ái.

Tôn Ngộ Không, nhân vật trong Tây Du Ký, khuấy nước chọc trời, bị giam trong Ngũ Hành Sơn, đối với Phật, với Bồ Tát Quán Thế Âm là nhân duyển thích hợp giúp Đường Huyền Trang sang Tây Trúc thỉnh kinh. Trước cổng tam quan của nhiều ngôi chùa Việt Nam có hai bức tượng: tượng Ông Thiện, tượng Ông Ác. Ông Thiện mặt mày hiền lành, Ông Ác mặt mày hung dữ. Cả hai ông đều là hộ pháp. Cả hai ông đều hộ trì Tam Bảo. Phật Giáo không xem ai là kẻ thù và, với đạo lý trung đạo, đạo lý từ bi và giải thoát giác ngộ, Phật Giáo sẵn sàng dang tay đưa họ về với Phật.

Dưới thời nhà Đường tại Trung Quốc có một nhà Nho tên là Hàn Dũ (768-824) nhiều thành kiến với Phật Giáo, phản đối vua Đường Hiến Tông làm lễ rước xá lợi Phật, cho như vậy là mê tín dị đoan và làm hao tổn quốc khố. Nhưng sau được Đại Diên Hòa Thượng hướng dẫn, đã quay về với Phật, lấy đạo giải thoát làm chỗ nương thân.

Tại Việt Nam đời Trần (1293-1341) Trương Hán Siêu khi soạn bài Ký Tháp Linh Tế ở núi Dục Thúy và bài bia chùa Khai Nghiêm, đã chỉ trích Phật Giáo, đề cao Nho Giáo, nhưng vào cuối đời, ông làm bài thơ tả cảnh núi Dục Thúy rất nổi tiếng, được học giả Trần Văn Giáp dịch như sau:

**Non xanh xanh vẫn như xưa  
Du nhân di mãi vẫn chưa thấy về.  
Sóng in bóng tháp bồ đề,  
Mở toang cửa động liền kề chân mây.  
Đời lênh đênh trước khác nay  
Thân nhàn mới biết trước ngày lâm to...**

Sau bao kinh nghiệm ruộng dâu bãi bể, cuộc sống phù trầm, Trương Hán Siêu trước hình ảnh giải thoát của đức Phật, trước nếp sống dung dị của các bậc chân tu, đã thấy rõ đâu là điểm tựa cần thiết cho cuộc đời.

Vào đầu thế kỷ 19 ở miền nam có một nhà khoa bảng nổi tiếng

tên là Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) khi soạn bản tuồng **Kim Thạch Kỳ Duyên**, có đôi chỗ chế nhạo các nhà sư, nhưng khi ông qua đời, các nhà sư mang bài vị của ông về chùa thờ, ngày đêm hương khói. Không có lòng bao dung thì không phải đạo Phật.

Đầu thế kỷ 20 khi dân tộc ta đang tìm cách lật đổ gông cùm nô lệ, Phật tử, Tăng Ni, chùa chiền góp phần đấu tranh dành độc lập, dành quyền sống, dành công bằng, công lý. Năm 1943 bác sĩ Yersin người Pháp qua đời, hai chùa Long Sơn và Long Tuyền đem linh vị bác sĩ về thờ, hàng năm làm lễ cúng giỗ long trọng. Phật Giáo biết phân biệt chánh tà, không mù quáng vì màu da, tín ngưỡng.

Năm 1942 trong bài giảng **Tam Thân Phật** cho Phật Tử Việt Kiều tại Savannakhet, Lào Quốc, khi cắt nghĩa về Hóa Thân, một trong Ba Thân (Pháp Thân, Báo Thân, Hóa Thân), Hòa Thượng Đôn Hậu nói do tâm nguyện độ sinh mà chư Phật thường tùy duyên ứng hiện trong những hình hài khác nhau để hóa độ chúng sinh. Chúng ta may mắn được làm con Phật. Ngài mãi mãi ở bên cạnh chúng ta, dắt dùn, an ủi chúng ta, vì mắt phàm chúng ta không thấy, chứ không khéo ngài đang là người bạn cùng chúng ta đi trên con đường đạo. Nếu vậy chúng ta không thể nhìn đời bằng oán thù, nghi kỵ mà phải bằng từ ái, bao dung. Tất cả chúng sinh đều là Phật sắp thành, là bạn lữ, là thầy của chúng ta.

Năm 1947 khi quân Pháp tiến chiếm cố đô Huế, Hòa Thượng Đôn Hậu bị bắt, bị lính Pháp ra lệnh đào hầm xử tử. Trời lạnh công xương, Hòa Thượng cố gắng đào, lòng không oán hận mà cầu cho những người bị bắt giam, bị cực hình bỏ được ác niệm, bỏ hận thù. Hòa Thượng nhìn những người lính Pháp, những người lính Việt theo Pháp bằng cặp mắt bao dung độ lượng.

Năm Tân Sửu, 1961 là năm Phật Giáo Miền Trung bị chính quyền đàn áp nặng nề nhất, nhưng trong bài giảng nhân Đại Lễ Phật Đản, Hòa Thượng cổ võ Phật Tử: “**Muốn Phật Pháp**

*trường tồn, chúng ta phải luôn luôn thực hành hạnh từ bi, hy xả, nhẫn nhục, tinh tấn, trong bối cảnh pháp nhược ma cường, giữa lúc nền đạo đức dân tộc đang bị phá hủy.”*

Năm 1963 sau vụ Phật Giáo kỳ không được treo trong ngày đại lễ Phật Đản tại Huế, Tăng tín đồ Phật Giáo đứng lên đòi bình đẳng tôn giáo bị tù tội, lăng nhục. Hòa Thượng Thích Quảng Đức và nhiều Tăng Ni đã tự thiêu, vị pháp vong thân, người ta không cảm thông được sự khổ đau của người phải lấy thân mình làm bô đuốc soi đường, đã mủ mai xúc phạm nặng nề. Phật Giáo không lấy điều đó mà oán hận.

Phật Giáo có chủ trương lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm hay không, có chống Cộng Giáo hay không? Có theo đảng phái chính trị nào không? Trong **Bản Phụ Đính Tuyên Ngôn** năm 1963, Phật Giáo trình bày rõ ràng quan điểm của mình:

1. Phật Giáo không chủ trương lật đổ chính phủ mà chỉ nhắm thay đổi đường lối của chính phủ đối với Phật Giáo.
2. Phật Giáo không xem ai là kẻ thù cả. Đối tượng của cuộc đấu tranh tuyệt đối không phải Thiên Chúa Giáo mà là chính sách bất công tôn giáo.
3. Phật Giáo không chấp nhận sự lợi dụng của bất cứ ai. Phật Giáo từ chối sự lợi dụng nếu có, của cọng sản và của những kẻ mưu toan chức vị chính quyền.

Vừa khi tiếng súng Cách Mạng 1963 chấm dứt, sợ một số Phật Tử có phản ứng mạnh với những người của chế độ cũ đã từng có hành động sinh sát với họ, Hòa Thượng viết **Lời Kêu Gọi Khẩn Thiết**, nhờ quảng bá trên các đài phát thanh, các phương tiện truyền thông kêu gọi hàng Phật Tử phải nêu cao đức Từ Bi, Hỷ Xả, tuyệt đối không gây hấn, trả thù bất cứ ai. Phải luôn luôn phát huy đức tính khoan dung, từ hòa của người Phật Tử.

Người ta cứ tưởng Phật Giáo muốn tranh dành quyền bính. Trong Đại Hội Phật Giáo Miền Trung sau năm 1963, Hòa Thượng trong bài diễn văn Khai Mạc Đại Hội đã nói: “**Cần**

*bản của Phật Giáo Việt Nam là dân tộc chứ không phải chính trị và chính quyền... Phật Giáo không bao giờ từ bỏ cường vị tôn giáo của mình. Nói theo lời dạy của Phật, người Phật Tử trau dồi đức từ bi, nhẫn nhại, dung hòa và học tập đức vô úy... Phật Giáo Việt Nam nỗ lực phát huy truyền thống tự phát triển tôn giáo mình không dựa vào cường quyền mà bằng sự thực hành giáo lý Phật."*

Tinh thần rạt rào trong huyết quản Phật Giáo Việt Nam. Vào những năm 1966-1968 Phật Giáo muốn nói lên tình tự ấy, nói lên ước vọng của dân, đã bị chính quyền đương thời, đàn áp không nương tay. Hòa Thượng vẫn chủ trương thuyết vương đạo, lấy lẽ nghĩa làm giềng mối. Theo Tuân Tử, một Nho gia thời Chiến Quốc, qua hành động của người xưa, liệt kê ba phương thức điều hành đất nước gọi là Vương Đạo, Bá Đạo và Vong Quốc Chi Đạo. Vương Đạo lấy lẽ nghĩa làm căn bản, "**giết một người vô tội mà được thiêu hạ cũng không làm**", Bá Đạo lấy chữ tín làm nền tảng. Vong Quốc Chi Đạo lấy lợi và quyền uy làm gốc. Chính quyền quân nhân, không lấy lẽ nghĩa làm nền tảng, không giữ chữ tín, mà lấy quyền lực làm trọng, lấy "body count" làm chính sách. Họ không chịu lắng nghe tiếng nói của dân, cảm thông ước vọng và khổ đau của dân. Họ không hỏi tại sao những ông tướng do chính phủ gửi đến lại theo Phong Trào. Họ chỉ biết trấn át. Đó là Vong Quốc Chi Đạo.

Tuy bị đàn áp nặng nề, Phật Giáo cũng không hận thù, vay trả. Văn hóa Phật Giáo không phải văn hóa "Răng Cho Răng, Mắt cho Mắt". Hòa Thượng đã trải tâm tư của mình trong bức thư gửi cho toàn thể tín đồ Phật Giáo Việt Nam, như **Huyết Lệ Thư**, như **Lời Kêu Cứu**, mong các thế lực thấy sự liên hệ mật thiết giữa Phật Giáo và Dân Tộc mà nương tay, đừng phá hoại Phật Giáo, nhưng lời kêu cứu ấy không khác tiếng kêu sa mạc, bị nghiền nát trong gọng kềm lịch sử. Hòa Thượng tự hỏi không biết tại sao một chính thể mệnh danh cho dân, vì dân lại đàn áp dân. Những nhà lãnh đạo Phật Giáo bị chính quyền

xem như kẻ thù, không có chỗ đứng. Phật Giáo bị gạt ra khỏi lòng Dân Tộc. Chính phủ quân nhân, rồi Đệ Nhị Cộng Hòa theo Vong Quốc Chi Đạo đã đưa Miền Nam Việt Nam vào tử lộ.

Sau ngày 30/4/1975 các nhà lãnh đạo Phật Giáo, trong đó có Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, nguyên Giám Luật Hội Tăng Già Việt Nam, đệ tam Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã bị xuyên tạc với nhiều lời lẽ xúc phạm, bần học. Chiến dịch mạ lỵ, bóp méo sự thật, sau ba chục năm vẫn còn tiếp tục. Người ta gọi đức Giám Luật, đức Đệ Tam Tăng Thống, một ngôi vị tôn quý, lãnh đạo tinh thần của hàng triệu Tăng Ni, tín đồ Phật tử Việt Nam trong nước cũng như tại hải ngoại, của đại đa số dân Việt Nam, bằng những lời lẽ quá ư xúc phạm. Họ không để cho cửa thiền được chút tôn nghiêm, thanh tịnh.

Hòa Thượng Thích Đôn Hậu nếu có nghe những lời này, chắc ngài cũng vẫn hoan hỷ cười, cái cười hiền hòa, cởi mở của một nhà tu:

**Phong lai sơ trúc,  
Phong khút nhí trúc bất lưu thanh.  
Nhạn quá bàn đàm,  
Nhạn khút nhí đàm vô lưu ản.**

Gió rít qua rặng tre, gió lướt bay đi không để lại tiếng. Con chim nhạn bay ngang hồ nước lạnh, nhạn bay qua rồi không để lại bóng hình. Thế nhân đây ngang trái trôi qua không để lại cho Hòa Thượng những vướng bận, ưu sầu mà chỉ Như Áng Mây Bay, tất cả rồi cũng trở về hư vô, tịch mịch.

Ngài chỉ bận tâm khi Phật Giáo bị phân hóa năm 1966 cũng như năm 1982. Nỗi quan tâm của ngài được biểu hiện trong Thông Điệp Phật Đản, trong đó ngài cho thấy tai họa tại tâm chấp trước, phân biệt gây nên: “**Bên này, bên kia, bỉ, thủ, ngã** **nhân làm mất đi trí tuệ bát nhã, làm mờ tri kiến Phật**”. Mỗi quan tâm này còn được diễn đạt một cách tích cực trong

**Tâm Thư** gửi Tăng Ni Phật Tử Hải Ngoại, trong **Thông Điệp** năm 1991 và trong **Lời Di Chúc** trước khi ngài viên tịch.

Hòa Thượng Thích Mẫn Giác, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đã cực kỳ xúc động khi đọc Tâm Thư của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu: “**Sáng thứ Bảy 21 tháng 9 năm 1991, Đại Hội Khoáng Đại Kỳ 6 của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đã khai mạc tại chùa Liên Hoa, thành phố Olympia, thủ phủ của Tiểu Bang Washington. Tâm Thư của Ôn Linh Mụ đã đến với Đại Hội như Tiếng Gọi ân cần của người cha. Niềm xúc động đã dâng trào cả Đại Hội, đã tới với những người khách chưa từng quen với sinh hoạt Phật Giáo. Tôi muốn nói đến ông George Bamer, đại diện chính quyền địa phương đã đến dự. Người đọc khóc, người nghe khóc, cả ròng người khóc. Nước mắt không biết từ đâu cứ ràn rụa tuôn ra làm cho tôi không thấy chű để đọc. Riêng ông George Bamer vì không hiểu gì nên KHÔNG khóc. Nhờ KHÔNG khóc, ông đã thấy và vội rút khăn tay trên túi của ông trao cho tôi để lau nước mắt nước mũi khi tôi đang cố đọc lá thư tâm huyết của Ôn. Bất chợt tiếng KHÔNG của ngài Triệu Châu xưa vọng về trong tôi. Cả một gánh nặng tình cảm và trách nhiệm nơi Tiếng Gọi của Ôn đặt lên Đại Hội, đặt lên vai hàng Chúng Trung Tôn hốt nhiên thành nhẹ nhàng. Bởi trước mặt, tiếng KHÔNG vẫn sừng sững giữa chốn Thiên Môn, tiếng KHÔNG xóa mờ hết mọi ranh giới, nhân-nghã, thị-phi, bên này và bên kia. Con đường thống nhất đích thực là con đường hòa điệu. Và hòa điệu nền tảng là hòa điệu với KHÔNG. Kẻ nào hòa điệu với KHÔNG, thì hòa điệu với tất cả. Ngài Long Thọ đã nói đâu đó như thế.” (Los Angeles, Mùa Đón Tết Nhâm Thân 92, Huyền Không, đăng trong tạp chí **Phật Giáo Việt Nam**, số 79, tháng 1, 1992 – Xuân Nhâm Thân).**

Hòa Thượng Thích Huyền Quang nói: qua hai văn kiện Tâm Thư và Thông Điệp, ngài đã phá vỡ vòng vây hãm hiểm nghèo

cho Giáo Hội, đã liên kết Tăng Ni Phật Tử Hải Ngoại với Tăng Ni Phật Tử trong nước. Sức mạnh gì có thể phá vỡ vòng vây hiểm nghèo? Đó là tinh thần hòa hợp, tinh thần phá chấp, tinh thần hài hòa trung đạo của Phật Giáo.

Thầy Thích Phước Sơn trong bài **Tinh Thần Cởi Mở Khoan Dung Của Đạo Phật** đăng trong tạp chí Hoa Sen, số 21, tháng 1, 1994, kết luận: “**Kinh nghiệm cho chúng ta thấy chỉ có những đạo nhân, túc học mới biểu lộ tấm lòng khiêm hạ một cách chân thành, cũng như chỉ có những bậc bi trí viên dung mới mở rộng cõi lòng bao dung tất cả.**”

Cuộc đời của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu được trình bày trong cuốn **Như Áng Mây Bay** phản ánh nếp sống đạo hạnh, hiện thân của bao dung, độ lượng, của chân thành, bình dị, lồng vào sắc thái quen thuộc, thân thương của núi rừng Yên Tử:

**Ta đến với rừng thiêng Yên Tử  
Gió trăng ơi xin hãy đón ta về**

Ung dung trong cái hư ảo của cuộc sống phù du, vô thường, không bám víu, không bận bịu. **Như Áng Mây Bay**, bao phủ, che chở mà không hé lụy.

Nếp sống đạo đối với Hòa Thượng là từ bi, độ lượng, là nếp sống mà người con Phật phải hết lòng noi theo, là mô hình mà thế giới hiện đại cần tái khám phá. Sống trong cái làng địa cầu (global village), chúng ta không thể nhìn dời bằng đôi mắt hẹp hòi, hạn chế mà phải học hỏi làm thế nào để sống, để hành xử, để đối đãi với nhau như những người thân thuộc, vì thế giới ngày nay, quả địa cầu ngày nay của chúng ta ngày càng nhỏ, càng mong manh.

**Như Áng Mây Bay** được trình bày trong Năm Quyển, Mười Sáu Chương.

– Quyển Một với 2 Chương nói về Đại Lão Hòa Thượng Thích

Tâm Tịnh, bốn sự của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và tình trạng Phật Giáo đương thời.

- Quyển Hai với 5 Chương nói về thân thế của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu lúc thiếu thời, thế phát xuất gia, tầm sư học đạo.
- Quyển Ba với 2 Chương nói sự nghiệp hoằng hóa của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu trong phong trào chấn hưng Phật Giáo.
- Quyển Bốn: Thời Đại Bảo Táp với 3 Chương, trình bày những tai họa mà Hòa Thượng Thích Đôn Hậu cũng như Phật Giáo Việt Nam phải trải qua trong bối cảnh nghiệt ngã của đất nước Việt Nam từ ngày quân Pháp trở lại Đông Dương sau Đệ Nhị Thế Chiến, qua thời Đệ Nhất Cộng Hòa và những năm tháng chuẩn bị cho nền Đệ Nhị Cộng Hòa.
- Quyển Năm: Cư Trần Lạc Đạo, diễn đạt cuộc đời của Hòa Thượng Đôn Hậu từ ngày lên núi, ra Bắc, trở về cho đến ngày viên tịch. Ở đâu, trên núi, dưới biển, chỗ nào cũng là đạo tràng thanh tịnh. Ngài đã vận dụng phương tiện thiện xảo, dung thông mọi việc, cốt bảo toàn sự nghiệp của Như Lai và ngài ra đi như mây trôi, gió thoảng, như áng mây bay.

Chúng tôi vâng lệnh phụng soạn cuốn **Như Áng Mây Bay** để đáp công ơn cao dày của vị bốn sự thân quý. Vị bốn sự bài hòa độ lượng, uyển chuyển tùy duyên theo đạo lý Hòa Quang Đồng Trần của Tuệ Trung Thượng Sỹ, theo dấu chân Cư Trần Lạc Đạo của Trúc Lâm Yên Tử, theo nếp sống đạo Ưng Vô Sở Trụ Nhi Sanh Kỳ Tâm của lịch đại tổ sư, quen thuộc, thân tình như lời nói dân dã: **Đất Vua, Chùa Làng, Phong Cảnh But** để trang trải, viên dung tất cả...

**Như Áng Mây Bay** là một phần thành quả của sự huân tập ý đạo, là một phần của cuộc hành trình đầy mạo hiểm mà ta gọi là kiếp người. Thời gian chúng tôi dành để biên soạn **Như**

**Áng Mây Bay** là thời kỳ chúng tôi dần dần cảm nhận được cái an bình nội tâm, đạt được lòng tự tin khi đi trên bánh xe đời, thể nghiệm được sự tĩnh mặc giữa hai nhịp thở, lắng nghe được tiếng động của tâm linh và biết được cái tiềm năng cùng sự hạn chế của cuộc sống.

**Như Áng Mây Bay** là thành quả đóng góp tích cực của những người môn đệ đức Đệ Tam Tăng Thống, xuất gia cũng như tại gia, về tư liệu, công sức, tịnh tài. Ở đây chúng tôi xin đê đầu danh lě VĂn Phòng Viện Tăng Thống, Giáo Hội PGVNTN đã cho ấn hành hạn chế cuốn Tiểu Sứ Đức Đệ Tam Tăng Thống, kính cẩn đội ơn cố Hòa Thượng Thích Huyền Quang, xử lý Thường Vu Viện Tăng Thống, đã viết **Lời Giới Thiệu** cuốn **Tiểu Sứ**, đã soạn **Nghi Dụ Tiển** cho buổi lễ Nhập Tháp.

Chúng tôi cũng xin thành thật cảm ơn cụ Nguyễn Thúc Tuân dù bận thì giờ và không quen biết mà vẫn vui lòng tiếp và cung cấp cho chúng tôi những tư liệu quý giá về Hòa Thượng Đôn Hậu suốt 10 năm từ năm 1968 đến 1978. Xin cảm ơn ông Hồ Đăng Thông, quý thày Trí Tựu, thày Hải Bình, thày Hải Tạng đã vui vẻ san sẻ những dữ kiện về Ông. Xin cảm ơn cô Hồng đã cho tôi mượn cuốn băng, xin cảm ơn huynh trưởng Bạch Hoa Mai, anh chị huynh trưởng Nguyễn Quốc Hưng, Gia Đình Phật Tử giúp đỡ phân phối, xin cảm ơn anh Trần Hoàng Phụng lo phương tiện chuyên chở, xin cảm ơn gia đình ông bà Trần Thiện Đường, gia đình ông bà Trần Tường Châu, tiện nội và các con đã yểm trợ tinh thần, giúp tinh tài thực hiện cuốn **Như Áng Mây Bay**. Nguyễn hồi hướng tất cả công đức cho toàn thể Phật Tử, cho toàn dân Việt, cho thập phương chúng sinh.

Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã mô tả Hòa Thượng Đôn Hậu là nhân cách lý tưởng, “nhân cách mà khi dấn thân vào chợ đời trước ác nhưng tâm tư không hề bị ô nhiễm và nhiễu loạn, khi bị vây khốn trong vòng quyền lực thế gian nhưng vẫn an nhiên tiến bước theo đường hướng đã tự mình chọn lựa, mặc dù là con đường chênh vênh giữa

*sống và chết, vinh và nhục. Đó là bậc Thượng Sĩ xuất trần mà không bỏ rời trần gian khổ lụy. Ngài đã dày công kết dệt sợi dây Điều Ngự của Ba La Đề Mộc Xoa làm giềng mối cho Tăng luân, duy trì và quảng diễn Tỳ Ni Tạng để cho mạng mạch của Chánh Pháp trường tồn. Với cốt cách uy nghi, đạo phong trác tuyệt, giới hạnh tinh nghiêm, Hòa Thượng là hóa thân của bài thuyết pháp thù thắng, linh động và hùng vĩ, là lời huấn dụ mẫu mực, trang nghiêm, tự tại cho hàng thัt chúng đệ tử noi theo để tu tập, hành trì.”*

Với quần chúng Phật Tử Mông Cổ, Hòa Thượng được ngưỡng mộ như bậc Thánh. Hàng Phật Tử Việt Nam kính trọng Hòa Thượng như vị tôn sư. Với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Hòa Thượng là Đức Đệ Tam Tăng Thống. Với chúng con, hàng thัt chúng môn đồ đệ tử của Ngài, Hòa Thượng là sư phụ trong gia đình đạo, là Ôn, sống mãi trong lòng những người đệ tử thân thuộc, trong lòng con cháu của Ôn, mãi mãi không có phút nào xa cách.

*Cầu mong Ôn từ bi chung giám.  
Cầu mong đức Phật soi sáng cho chúng con.*

*Vu Lan năm 2009  
Đệ tử: **Tâm Đức** phung soan*



Quyển Một

---

**HÒA THƯỢNG THÍCH HÌNH TÂM TỊNH  
(1868-1928)**  
**VÀ PHẬT GIÁO CUỐI THẾ KỶ 19,  
ĐẦU THẾ KỶ 20**



## CHƯƠNG 1:

---

# HÒA THƯỢNG THÍCH TÂM TỊNH (1868-1929) BỐN SƯ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH ĐÔN HẬU

Hòa Thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh là một trong 9 đệ tử xuất sắc, có tên là Cửu Tâm, của Đại Lão Hòa Thượng Hải Thuận Lương Duyên, người đắc pháp với tổ Tánh Thiên Nhất Định, khai sơn chùa Từ Hiếu.

Hòa Thượng Tánh Thiên Nhất Định (1784-1847) người họ Nguyễn, sinh năm Giáp Thìn, 1784 tại làng Trung Kiên, tổng Bích La, huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị, đồng niên xuất gia, theo học với Hòa Thượng Phổ Tịnh, thọ giới với Hòa Thượng Mật Hoằng chùa Thiên Mụ. Năm 1816 bốn sư viên tịch, ngài kế thừa chùa Báo Quốc. Năm Minh Mệnh thứ 14 (1833) ngài được mời làm Trú Trì chùa Linh Hựu. Năm Minh Mệnh thứ 20 ngài lại được sắc phong làm Tăng Cang chùa Giác Hoàng. Đến năm Thiệu Trị thứ ba (1843) ngài xin về hưu, lập Am An Dưỡng để chuyên tâm hành trì pháp môn niệm Phật. Ngài viên tịch ngày 7-10 năm Đinh Mùi (1847), thọ 64 tuổi đời, 46

hạ lạp, đời 39 dòng Lâm Tế, đời thứ 5 của dòng Thiên Liễu Quán. Tháp 7 tầng của ngài được xây tại chùa Từ Hiếu, gọi là An Dưỡng Tháp.

Am An Dưỡng sau khi ngài viên tịch được Thái Giám Viện kiến thiết thành chùa Từ Hiếu. Ngài có 41 vị đệ tử, trong đó có 8 vị xuất sắc:

1. Hải Thuận Lương Duyên, trú trì chùa Diệu Đế, chùa Báo Quốc.
2. Hải Thiệu Cương Kỷ, kế thế trú trì chùa Từ Hiếu.
3. Hải Toàn Linh Cơ, trú trì chùa Tường Vân.
4. Hải Nhu Tín Nhậm, (sau cải thành Hải Nhu Tín, tại vì cữ húy Dục Tông Anh Hoàng Đế) trú trì chùa Quảng Tế.
5. Hải Trường Pháp Lữ, trú trì chùa Túy Vân, Linh Hựu.
6. Hải Hoa Phát Đạt, trú trì chùa Tịnh Quang, Quảng Trị.
7. Hải Trạch Thiên Hoa.
8. Hải Phong Vĩnh Mậu.

Hòa Thượng Hải Thuận Lương Duyên (1806-1892), trú trì chùa Báo Quốc, người đời thường gọi ngài là Diệu Giác Thiên Sư, người họ Đỗ, sinh quán xã Bích Khê, tổng Bích La, huyện Thuận Xương, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ngài sinh năm Bính Dần (1806), đời Gia Long. Xuất gia năm 13 tuổi tại chùa Báo Quốc. Năm Minh Mạng thứ 11 (1840) ngài thọ cụ túc giới tại giới đàn Báo Quốc lúc ngài 34 tuổi, đời 40 dòng Lâm Tế, thế hệ thứ 6 dòng Liễu Quán, với Pháp danh là Hải Thuận, tự Lương Duyên, hiệu Diệu Giác. Năm 1849 ngài được cử làm trú trì chùa Diệu Đế, năm 1859 được cử làm trú trì chùa Báo Quốc. Ngài đã trùng tu chùa Báo Quốc thành chốn tự vũ nghiêm trang, đồng thời ngài còn tham gia trùng tu chùa Kim Tiên, chùa Huệ Lâm. Năm 1886 ngài được nhà vua ân tứ một y cà sa vàng ngũ thể bá nạp. Ngài là vị sao sáng trong rừng Thiên, làm tỏa rạng dòng Thiên Liễu Quán. Năm Thành Thái thứ 6, 1891 mặc dù đã 89 tuổi, ngài vẫn ra sức mở đại giới đàn tại chùa Báo Quốc. Ngài viên tịch năm 1892, hưởng thọ 90 tuổi, 52 hạ lạp. Tháp của ngài gọi là Diệu Quang Tháp được

xây cất bên cạnh tháp của bốn sư. Ngài đã thế độ cho 40 vị đệ tử trong đó có 9 cao đồ, Pháp danh hàng chữ Thanh, Pháp tự chữ Tâm, trong Sơn Môn Huế gọi là Cửu Tâm:

1. Hải Hoạt Tâm Quảng (y chỉ pháp huynh), trú trì chùa Báo Quốc.
2. Thanh Minh Tâm Truyền, trú trì chùa Báo Quốc.
3. Thanh Tịnh Tâm Thể.
4. Thanh Phước Tâm An, tăng cang chùa Diệu Đế, khai sơn chùa Thọ Đức.
5. Thanh Ninh Tâm Tịnh, trú trí chùa Từ Hiếu, khai sơn chùa Tây Thiên.
6. Thanh Vân Tâm Thành, khai sơn chùa Từ Quang.
7. Thanh Liên Tâm Thiên, trú trì chùa Thuyền Tôn.
8. Như Thuật Tâm Minh (y chỉ sư Diệu Giác), trú trì chùa Kim Sơn.
9. Thanh Đức Tâm Khoan, trú trì chùa Báo Quốc, chùa Thuyền Tôn.

Chín vị Tổ này được truyền tụng với danh hiệu Cửu Tâm theo cách xưng hô tôn kính của nhân dân xứ Huế và được *Hàm Long Sơn Chí* gọi là Cửu Diệp, nghĩa là *Cành Lam Chín Lá* hoặc *Thiền Tông Chín Ngọn*.

Hòa Thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh thế danh là Hồ Hữu Vĩnh, sinh ngày 18-5-1868 (Năm Mậu Thìn, Tự Đức năm 21), ở làng Trung Kiên, tổng Bích La, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Năm 13 tuổi xuất gia tại chùa Báo Quốc, thờ ngài Hải Thuận, tự Lương Duyên, hiệu Diệu Giác làm thầy. Năm 1887 (Đinh Hợi, triều Đồng Khánh) thọ Sa Di, năm 1894 (Giáp Ngọ, Thành Thái thứ 6) thọ cụ túc giới, được bốn sư ban cho pháp danh Thanh Ninh, hiệu Tâm Tịnh và bài kệ:

*Hà thanh ninh mật tú phuơng an  
Hữu vĩnh tâm tâm đạo túc nhàn  
Tâm tự bồ đề khai tuệ nhật  
Bao hàm thế giới như thị quan*

**(Sông xanh tĩnh mịch bốn bề  
Phảng lặng tâm thường đạo tịch khê  
Tâm tựa bồ đề soi tuệ nhẫn  
Bao trùm thế giới vượt sông mê)**

Sau đó Hòa Thượng được bốn sư gửi đến chùa Từ Hiếu theo sự thúc Hải Thiệu Cương Kỷ học đạo. Khi ngài Hải Thiệu Cương Kỷ viên tịch, Hòa Thượng được bảo cử làm trú trì chùa Từ Hiếu và được ban chức Tăng Cang chùa Diệu Đế. Năm 1902, để có nhiều thì giờ tu tập, Hòa Thượng nhường chức vị trú trì chùa Từ Hiếu cho Hòa Thượng Thanh Thái Huệ Minh, đến thôn Dương Xuân Thượng, Xã Thủ Xuân, huyện Hương Thủy cất am Thiếu Lâm, gọi là Thiếu Lâm Trưởng Thất, để chuyên tu pháp môn tịnh độ. Năm 1911, Duy Tân năm thứ 5, Thiếu Lâm Trưởng Thất đổi thành Tây Thiên Phật Cung, năm 1933 triều Bảo Đại, Tây Thiên Phật Cung được ban Sắc Tứ trở thành Tây Thiên Di Đà Tự.

Trong thời gian khai sơn Thiếu Lâm Trưởng Thất, Hòa Thượng truyền thụ tâm ấn cho hàng đệ tử, trong đó có 9 vị mang danh chữ Giác thành Cửu Giác, kế thừa truyền thống Cửu Tâm của Bốn sư Hải Thuận Lương Duyên. Chín vị đệ tử mang danh chữ Giác thành Cửu Giác là:

- Giác Nguyên, kế thừa chùa Tây Thiên.
- Giác Tiên, khai sơn chùa Trúc Lâm.
- Giác Nhiên, tọa chủ tổ đình Thuyền Tôn, Đệ Nhị Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.
- Giác Viên, khai sơn chùa Hồng Ân.
- Giác Hải, khai sơn chùa Giác Lâm.
- Giác Bổn, trú trì chùa Từ Quang.
- Giác Ngạn, trú trì chùa Kim Đài.
- Giác Thanh, hiệu Đôn Hậu, trú trì chùa Diệu Đế, chùa Linh Mụ, Đệ Tam Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Hòa Thượng Tâm Tịnh rất có uy tín ở kinh đô. Vua Khải Định



Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh (1868-1929)  
(Thích Đồng Bổn: *Tiểu sử Danh Tăng Việt Nam*, tr. 61)

thường hay để xe cộ, thị vệ, đi bộ một mình lên chùa Thiếu Lâm thăm Hòa Thượng. Nhân đại lễ Phật Đản năm Giáp Tý (1924), Hòa Thượng đứng ra tổ chức đại giới đàn Từ Hiếu, được sự bảo trợ của vua Khải Định. Trong đại giới đàn này ngài là Đàn Đầu Hòa Thượng, với 450 giới tử, trong đó có 300 tăng ni thọ đại giới.

Mùa xuân năm Mậu Thìn (1928) ngày 6 tháng 4 Bảo Đại năm thứ 3, nhằm ngày 25-4-1928, Hòa Thượng thị tịch, trù thế 60 tuổi, 32 hạ lạp. Hòa Thượng ra đi, nhưng hình ảnh của ngài còn mãi trong lòng Phật tử Việt, nhất là Phật tử Huế. Thiền sư Viên Thành, trú trì chùa Tra Am, một thi sĩ tài ba đương thời đã sáng tác hai câu đối nói về đời ngài và sự mất mát không lường của chốn thiền môn:

*Tứ thập nhất đại Lâm Tế chấn thiền phong,  
đạo chú công thâm, thùy thọ đương đầu hát bỗng,*

*Ngũ thập cửu niên Diêm Phù thùy hóa tích,  
trí bi nguyên mãn, nhi kim toát thủ hoàn gia.*

**(Lâm Tế đời bốn mươi mốt, chấn chỉnh thiền tông,  
nung đúc công sâu, còn ai trao truyền đánh hét.**

**Diêm Phù thọ năm mươi chín, rõ lòng giáo huấn,  
trí bi nguyên đủ, chừ đây buông thông về nhà.)**

Dòng Lâm Tế là một trong ba phái thiền chính, đó là Lâm Tế, Tào Động và Hoàng Bá. Từ lục tổ Huệ Năng chùa Tào Khê qua Nam Nhạc, Mã Tổ, Bách Trượng, Hoàng Bá đến Lâm Tế Nghĩa Huyền tức thế hệ thứ sáu của tổ Huệ Năng.

Ngài Lâm Tế người Nam Hoa, Tào Châu, Hà Nam, họ Hinh, xuất gia, hâm mộ thiền đời Đường. Lúc đầu ngài đến Giang Tây tham học với ngài Hoàng Bá Hy Vân, sau theo học các ngài Cao An Đại Ngu, Qui Sơn Linh Hựu, cuối cùng trở về thụ ấn với ngài Hoàng Bá năm Đại Trung thứ 8, đời vua Tuyên Tông.

Sau đó ngài đến làm trú trì chùa Lâm Tế, Trấn Châu, Hà Bắc, thiết lập cơ pháp tâm huyền, tâm yếu, làm Lâm Tế Tông. Đời có câu “*Đức Sơn Đánh Gậy, Lâm Tế Quát Hét*”, dùng phương thức thoại đầu và tích trượng trong thiền tập. Ngài viên tịch tháng 4 năm Hâm Thống thứ 8, được ban thụy là Tuệ Chiếu Thiền Sư. Ngũ lục của ngài do môn nhân Tuệ Nghiên biên tập gọi là *Trấn Châu Lâm Tế Tuệ Chiếu Thiền Sư Ngũ Lục*.

*Lâm Tế Lục*, Hội Nguyên, quyển 11 chép: “*Lâm Tế đến học đạo với ngài Hoàng Bá. Ba lần hỏi ngài Hoàng Bá thế nào là yếu nghĩa Phật Pháp, ba lần bị ngài Hoàng Bá lấy gõ vào đầu. Lâm Tế già từ ngài Hoàng Bá đến gặp ngài Đại Ngu. Đại Ngu hỏi Hoàng Bá dạy dỗ như thế nào. Lâm Tế thuật lại ba lần hỏi yếu nghĩa của Phật Pháp, ba lần bị ăn gậy mà không biết phạm lỗi lầm gì. Đại Ngu bảo: Hoàng Bá đã có cách chỉ dạy, vậy đến ta làm gì. Nghe câu nói đó, Lâm Tế thoát nhiên đốn ngộ.*”



Cổng Tam Quan chùa Từ Hiếu  
(Võ Văn Tường: *Việt Nam Danh Lam Cố Tự*, tr. 122)



Chùa Từ Hiếu  
(Võ Văn Tường: *Việt Nam Danh Lam Cố Tự*, tr. 123)

Hòa thượng Thích Tâm Tịnh, bốn sư của Hòa Thượng Đôn Hậu, thuộc dòng Lâm Tế đời thứ 41, lớn lên trong thời kỳ triều đình nhà Nguyễn đang dần dần suy yếu, là đệ tử nối pháp thứ năm của Hòa Thượng Diệu Giác Hải Thuận, trú trì chùa Báo Quốc. Sau khi đắc pháp, Hòa Thượng Tâm Tịnh kế vị Hòa Thượng Huệ Đăng làm trú trì chùa Từ Hiếu trong nhiều năm. Tại đây Hòa Thượng một mặt trau dồi Tam Học, một mặt hoằng dương đạo pháp, trùng hưng ngôi Tam Bảo Từ Hiếu trở thành một tổ đình uy nghi, sầm uất.

Chùa Từ Hiếu tọa lạc tại thôn Dương Xuân Hạ, xã Thủy Xuân, Huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, cách thành phố Huế 5 km về phía tây nam, lúc đầu chỉ là một cái am nhỏ có tên là An Dưỡng Am do Hòa Thượng Tánh Thiện Nhất Định (1784-

1847), tổ thứ năm, thiền phái Liễu Quán xây dựng năm 1843. Cuối thời Thiệu Trị (1847) sau khi Hòa Thượng Tánh Thiên Nhất Định viên tịch một năm, tức vào năm 1848, các vị thái giám, cung giám đứng ra mua ruộng đất tái thiết chùa rộng lớn, trang nghiêm hơn, được vua Tự Đức sắc ban Sắc Tứ Từ Hiếu Tự vì Hòa Thượng Nhất Định rất có hiếu với mẹ. Chùa được trùng tu nhiều lần năm 1865, 1894, 1931, 1962, 1971. Chùa Từ Hiếu hiện nay có một Phật Học Viện, được sự giúp đỡ của Thiền sư Nhất Hạnh, một danh tăng Việt Nam, xuất thân từ ngôi chùa này.

Năm Giáp Thìn 1904, sau 10 năm làm trú trì tổ đình Từ Hiếu, Hòa Thượng truyền giao lại cho Hòa Thượng Huệ Minh, để có thì giờ hành trì theo sở nguyện: Hòa Thượng thích chốn u nhàn, tịch mặc để tư duy kiến tánh và giáo hóa đệ tử kế thừa. Ngài đến làng Dương Xuân Thượng, cất một thảo am đặt tên là Am Thiếu Lâm, tiền thân của chùa Tây Thiên, một tổ đình nổi tiếng của đất thần kinh và của cả miền Trung nước Việt.



## CHƯƠNG 2:

---

# PHẬT GIÁO VIỆT NAM VÀO CUỐI THẾ KỶ 19 ĐẦU THẾ KỶ 20, DƯỚI THỜI HÒA THƯỢNG TÂM TỊNH

Phật Giáo Việt Nam từ thế kỷ 17 đã trải qua nhiều giai đoạn nghiệt ngã trong tiến trình lịch sử. Từ ngày đất nước chia đôi, chúa Trịnh, chúa Nguyễn có ý nhờ thế lực ngoại quốc để loại trừ nhau, muốn sử dụng khoa học Âu Châu nên dùng nhiều giáo sĩ Cơ Đốc giúp việc tại triều: Chúa Hiền Vương dùng giáo sĩ Bartholomen de Costa làm thầy thuốc; chúa Minh Vương dùng giáo sĩ Jean de Lima về thiên văn và toán học; chúa Võ Vương dùng giáo sĩ Neugebauer. Giáo sĩ Siebert Slamenki, Jean Koffler, Xavier de Monteiro, Jean de Louveiro được các chúa Nguyễn trọng dụng trong nhiều lãnh vực. Ở Đàng Ngoài chúa Trịnh dùng các giáo sĩ trong việc chế tạo vũ khí, luyện tập binh sĩ. Năm 1772 ba anh em Tây Sơn đứng lên chống lại chúa Nguyễn. Sau ba năm chiến đấu quân Tây Sơn làm chủ hầu hết lãnh thổ miền Nam. Năm 1787 quân của Nguyễn Huệ chiếm Thăng Long, lật đổ Họ Trịnh ở phương Bắc, thống nhất đất nước, lên làm vua hiệu Quang Trung. Trung Quốc mượn danh nghĩa phò vua Lê, tiến chiếm Hà Nội bị vua Quang Trung đánh đuổi ra khỏi nước.

Dưới thời Tây Sơn trong thời gian ngắn bốn năm (1785-1789) Phật Giáo Huế, đã gặp phải nhiều tai ương: Chùa chiền bị phá hủy, tượng Phật, Bồ Tát, La Hán, đại hồng chung bị tịch thu để đúc súng, đúc chảo. Sư sãi bị sung vào quân đội, cầm súng ra chiến trường chiến đấu chống quân Thanh xâm lược. Chùa chiền bị sung công làm nơi trú quân, làm kho diêm tiêu (chùa Báo Quốc), làm nhà ở cho thái sư Bùi Đắc Tuyên (Chùa Thiền Lâm), làm kho than... Vua Quang Trung ra lệnh phá bỏ chùa làng để xây chùa lớn tại mỗi huyện. Mệnh lệnh ấy đem lại nhiều hậu quả khá tai hại đối với Phật Giáo mà sau nhiều năm hòa bình vẫn chưa cứu vãn lại được. Tại sao lại có tình trạng như vậy? Vua Quang Trung, một anh hùng dân tộc rất có thiện cảm với Phật Giáo vì Phật Giáo đã cùng vua sát cánh chống quân Thanh xâm lược, tại sao vua lại ra lệnh như vậy. Hòa Thượng Tâm Tịnh thường tự hỏi, cố tìm câu giải đáp thỏa đáng.

Dưới thời nhà Nguyễn, được sự giúp đỡ của các vua chúa, đặc biệt là các bà hoàng, bà chúa, nhiều tự viện Phật Giáo được trùng tu. Ngôi chùa được trùng tu đầu tiên năm 1807 là tổ đình Thuyền Tôn. Chùa Thuyền Tôn tọa lạc tại thôn Ngũ Tây, xã Thủy An, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, Huế. Chùa do thiền sư Liễu Quán xây cất vào đầu thế kỷ 18. Năm 1746 ông Mai văn Hoan, một Phật tử đứng ra vận động xây dựng lại chùa cho qui mô hơn. Đến năm 1807 hai bà công chúa đứng ra trùng tu. Năm 1808 bà Lê Thị Tạ đã giúp chùa trùng tu thêm. Năm 1937 chùa bị hư hỏng nặng, Hòa Thượng Giác Nhiên, Đệ Nhị Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vào năm 1965 tổ chức trùng tu. Sau năm 1975 Hòa Thượng Thiện Siêu kêu gọi Phật tử đại trùng tu chùa. Trong khuôn viên chùa có tháp thờ tổ Liễu Quán, tháp Hòa Thượng Giác Nhiên, tháp Hòa Thượng Thiện Minh, tháp Hòa Thượng Thiện Siêu, trong chùa có tượng Thập Điện Minh Vương

Thiền sư Liễu Quán sinh tại Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, đến Thuận Hóa vào cuối thế kỷ 17. Chúa Nguyễn Minh Vương



Tổ Liêu Quán

mến mộ đạo hạnh của ngài, thường thỉnh cầu ngài vào cung thuyết pháp, giảng kinh. Theo văn bia ghi chép ngài họ Lê người làng Bạc Mã, huyện Đồng Xuân, phủ Phú Yên. Ngài sinh vào giờ Thìn tức là khoảng 7-9 giờ sáng ngày 18 tháng 11 năm Đinh Ty, dương lịch là năm 1667, nhăm niên hiệu Cảnh Trị thứ 5 đời vua Lê Huyền Tôn. Ở Thuận Hóa lúc này là vào đời chúa Nguyễn Phúc Tân (1648-1687). Năm ngài lên 6 tuổi (1672) thì mẹ mất. Ngài xin thân phụ xuất gia năm 1763 được thân phụ đưa đến chùa Hội Tôn học đạo với Hòa Thượng Tế Viên, người Trung Hoa đang hoằng hóa tại chùa này. Năm 1680 Hòa Thượng bổn sư viên tịch, năm ấy ngài được 14 tuổi. Có lẽ không có thầy để tiếp tục học đạo, ngài xin phép phụ thân cho vượt biển ra Thuận Đô tầm sư học đạo.

Lê Quý Đôn, thế kỷ thứ 18 cho biết, theo sổ định của chúa Nguyễn để lại thì một dải đất từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân được kể là xứ Thuận Hóa, chỉ có 9 huyện, 862 xã thôn, tổng số người là 126, 857. Cuộc sống của người dân rất đạm bạc. Các xứ đàng trong chắc còn ít người hơn và đời sống mộc mạc hơn.

Đường biển từ Phú Yên muốn ra Thuận Hóa phải đến cửa Tư Dung, từ đó đi bộ lên kinh thành. Tổ Liễu Quán lúc đó chỉ là một chú tiểu 14 tuổi chưa thọ Sa Di, nhưng đã quyết tâm cầu đạo, vượt xa ngàn dặm để đến Xuân Kinh. Áo đà, tay nải, một thân một mình theo thuyền buôn vào Tư Dung, rồi lại một thân một mình đi về tận Hàm Long vào lề tổ Giác Phong ở thảo am Hàm Long Thiên Thọ, cầu Tổ nhận cho tu học. Được Tổ chấp nhận cho theo học trên dưới 10 năm. Trong thời gian này thân phụ ngài bị bệnh nặng năm 1691 ngài phải trở về Phú Yên phụng dưỡng thân sinh cho đến khi thân phụ qua đời năm 1695 ngài trở lại Phú Xuân tiếp tục tu học và được thọ giới Sa Di trong đại giới đàn Thiền Lâm năm 1695 do ngài Thạch Liêm làm đường đầu Hòa Thượng. Lúc đó ngài được 28 tuổi.

Sau khi thọ giới Sa Di xong ngài đến chân núi Hòn Mô (tức

núi Ngự Bình ngày nay), thấy một cái am tranh Linh Tiêu Điện có sẵn, nằm ở phía tây bắc chùa Viên Thông. Ngài dọn dẹp am, biến thành thảo am. Hai năm sau, tức năm Đinh Sửu (1697) ngài đến cầu pháp với Tổ Từ Lâm, thọ cụ túc giới trong đại giới đàn do tổ Từ Lâm làm Đường Đầu Hòa Thượng. Năm Nhâm Ngọ (1702) ngài được Hòa Thượng Từ Dung trao truyền công án hành thiền. Sau khi nhận công án ngài lập một thảo am gần chùa Ấn Tôn (Từ Đàm), rồi sau đó trở về Phú Yên. Mùa Xuân năm Mậu Tý (1708) ngài trở lại Long Sơn cầu Hòa Thượng Từ Dung ấn chứng công án nhưng chưa được ấn khả. Ngài đi sâu vào núi Thiên Thai lập một thảo am mới, về sau trở thành Thiên Thai Thiền Tôn Tự mà người Huế gọi là chùa Thuyền Tôn, ngôi chùa của tông phái Thiền.

Ở thảo am này hàng ngày ngài xuống con suối gần đó vớt rong để ăn. Mùa hạ năm Nhâm Thìn (1712), trong kỳ Kết Hạ An Cư của chư tăng hai xứ Thuận Hóa - Quảng Nam tại chùa Thiền Lâm do Hòa Thượng Minh Hoằng Từ Dung làm thiền chủ, ngài trình Kệ Dục Phật lên Hòa Thượng Từ Dung, tổ thứ 34 của thiền phái Lâm Tế, được Hòa Thượng ấn khả, truyền tâm ấn, ban pháp hiệu là Thiệt Diệu, tổ thứ 35 của thiền phái Lâm Tế, gọi là tổ Thiệt Diệu Liễu Quán. Từ đây tại Thuận Hóa một phái thiền mới được khai sáng gọi là Thiền Từ Dung - Liễu Quán. Phái thiền này được tổ Thiệt Diệu Liễu Quán biệt xuất một bài kệ 48 chữ, hoằng truyền rộng rãi khắp miền Trung hiện nay. Cho đến giờ đã đến thế hệ chữ Nhuận: (dựa theo tài liệu trong cuốn *Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế* tr. 190-197 của Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm)

*Thiệt tế đại đạo, tánh hải thanh trừng  
Tâm nguyên quảng nhuận, đức bốn từ phong  
Giới định phước huệ, thể dụng viên thông  
Vĩnh siêu trí quả, mật khế thành công.  
Truyền trì diệu lý, diễn xướng chánh tôn  
Hạnh giải tương ứng, đạt ngộ chọn không.*

Trước khi viên tịch năm 1742, ngài để lại bài thơ từ biệt:

*Thất thập dư niên thế giới trung  
Không khôn g sắc sắc duyệt dung thông  
Kim triều nguyện mãn hoàn gia lý  
Hà tất bôn man vấn tổ tông*

**Ngoài bảy mươi năm trong thế giới  
Không khôn g, sắc sắc thấy dung thông  
Ngày nay nguyện mãn về nơi cũ  
Nào phải ân cần hỏi tổ tông**

(Thích Mật Thể: *Việt Nam Phật Giáo Sứ Lược*, tr 205-206)

Trước ngôi tháp thờ ngài tại chùa Thuyền Tôn có khắc dòng chữ “*Đàm Hoa Lạc Khứ Hữu Dư Hương*” (Hoa Ưu Đàm dâu đã tàn nhưng mùi hương vẫn mãi mãi còn bay tỏa), nói lên lòng qui ngưỡng của chư Tăng Ni Phật tử Huế đô.

Hòa Thượng Giác Nhiên, đệ Nhị Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sinh năm 1878 tại xã Ái Tử, quận Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ngài xuất gia năm 18 tuổi. Năm 1919 được vua Khải Định bổ nhậm làm Trú Trì quốc tự Thành Duyên. Năm 1929 ngài làm Viện chủ chùa Thuyền Tôn. Năm 1956 ngài làm Viện Trưởng Học Viện Phật Giáo Trung Phần. Sau khi Hòa Thượng Đệ Nhị Tăng Thống Thích Tịnh Khiết viên tịch năm 1973, ngài được bầu làm Đệ Nhị Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Năm 1979 ngài viên tịch, hưởng thọ 102 tuổi.

Sau khi chùa Thuyền Tôn được trùng tu, các vua chúa, các bà hoàng bà chúa nhà Nguyễn tiếp tục cho trùng tu các chùa Quốc Ân, Từ Lâm trên đồi Quảng Tế, Từ Đàm, Viên Thông, Viên Giác, Báo Quốc, Thiền Lâm...

Phật Giáo xứ Huế tuy được trùng hưng, nhưng chỉ ở phần hình thức, còn nội dung thì vẫn hạn chế. Vua Gia Long trong lúc



Tháp tổ  
Liễu Quán  
tại chùa  
Thuyền Tôn, Huế  
(Võ Văn Tường:  
*Việt Nam Danh  
Lam Cổ Tự*, 41.2,  
tr. 118)

bôn ba xây dựng cơ đỗ, nay đây mai đó khắp vùng Gia Định, Cà Mâu, Phú Quốc, Xiêm La. Có lúc ngài và các bà chúa trú ẩn trong những ngôi chùa vùng Gia Định như chùa Đại Giác ở Biên Hòa, chùa Từ Ân, chùa Khải Tường ở Gia Định, chùa Khải Tường ở Bình Dương, chùa Linh Thủ ở Tiền Giang. Các bà hoàng thường cầu nguyện cho chúa tai qua nạn khỗi. Sau khi thành công, trở về thành Phú Xuân, vua Gia Long và các bà chúa nhớ ân đức và lời cầu nguyện xưa đã cho trùng tu chùa, đúc tượng, đúc chuông, mở giới đàn.

Chùa Đại Giác tọa lạc tại 393/A2 Ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa, cù lao Phố, thị xã Biên Hòa. Chùa được xây dựng vào cuối thế kỷ 17. Năm 1749 hòa thượng Mật Hoằng từ Bình Định vào tu ở đây, đến năm 1773 được cử làm trú trì chùa. Trong thời gian chốn

Tây Sơn, Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh thường đến các chùa tá túc, trong đó có chùa Đại Giác. Công chúa Ngọc Anh, con thứ ba của Nguyễn Vương xuất gia thọ giới với Hòa Thượng Mật Hoằng. Sau khi lên ngôi năm 1802, Vua Gia Long ra lệnh trùng tu chùa, xây lầu chuông, lầu trống, cho tạc pho tượng Phật A Di Đà cao 2.25m. Chùa còn giữ tấm hoành phi sơn son thếp vàng do công chúa Ngọc Anh hiến cúng, ghi “*Đại Giác Tự, Minh Mạng Nguyễn Niên*” (1820). Chùa được trùng tu lớn năm 1959.

Chùa Từ Ân tọa lạc tại 23 Đường Tân Hóa, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc sơ khởi chùa chỉ là một thảo am, do Hòa Thượng Phật Ý dựng ở làng Tân Lộc, xã Minh Hương, phủ Tân Bình để tu. Năm Nhâm Thân (1752) Hòa Thượng xây thành chùa đặt tên là Từ Ân Tự.

Trong thời gian chống Tây Sơn, Nguyễn Vương đã có lúc tá túc trong chùa. Hậu phi ở chùa Khải Tường, ấp Tân Lộc, huyện Bình Dương, tức khu vực chợ Đũi, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh ngày nay. Tại đây hậu phi hạ sinh hoàng tử Phúc Đản năm 1791, về sau nối ngôi, hiệu Minh Mạng. Năm 1804 vua Gia Long dâng cúng chùa pho



Chùa Đại Giác  
(Võ Văn Tường:  
Việt Nam Danh Lam Cố Tự, tr. 271)





tượng Phật bằng gỗ cao 2.5m. Năm 1832 vua Minh Mạng cho trùng tu chùa, báo đền ân đức nơi ông ra đời. Chùa bị hư hại hoàn toàn năm 1867. Hiện nay tấm bảng *Quốc Ân Khải Tường Tự* được treo tại chùa Từ Ân và bức tượng Phật được bảo quản tại tàng cổ viện, thành phố Hồ Chí Minh.

Chùa Từ Ân được tái thiết năm 1802. Năm 1822 vua Minh Mạng tặng bản Sắc Từ Từ Ân Tự. Vào cuối thế kỷ 19, chùa được dời về Phú Lâm, bên cạnh Rạch Ông Buông, tức vị trí hiện nay.

Chùa Từ Ân  
(Võ Văn Tường:  
Việt Nam Danh Lam Cổ Tự, tr. 182)



Các chúa Nguyễn ở Đàng Trong có công xây dựng nhiều chùa tháp. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) con thứ sáu của Nguyễn Hoàng, được dân chúng mến chuộng gọi là Chúa Sãi, như trước đây họ gọi chúa Nguyễn Hoàng là Chúa Tiên. Chúa được các nhân sĩ tài ba như Đào Duy Từ, Nguyễn



Bảng Quốc Ân Khải Tường Tự  
treo trong chùa Từ Ân  
(Võ Văn Tường:  
Việt Nam Danh Lam Cổ Tự, tr. 182)

Hữu Tiến phò trợ làm cho cơ đồ Nhà Nguyễn ở phương Nam trở nên văn hiến, qui củ. Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) chăm lo chính sự, chiêu hiền đai sĩ, nhận lời can gián, bỏ xa hoa, bớt chi phí. Vừa lên ngôi, chúa cho xây dựng chùa miếu, mở trại đàn tại chùa Linh Mụ, ăn chay một tháng cầu nguyện quốc thái dân an, bố thí chẩn bần, giúp người nghèo khó.

Vừa lên ngôi, vua Gia Long năm 1802 cho lập đàn tại chùa Thiên Mụ (Linh Mụ) để tế chiến sĩ trận vong. Chín năm sau (1811) vua mời thầy Tăng từ Gia Định về Kinh. Năm 1815 vua cho đại trùng tu chùa Thiên Mụ, cho đúc đại hồng chung và mời thiền sư Tổ Ẩn Mật Hoằng chùa Đại Giác ra Huế, phong làm Tăng Cang chùa Thiên Mụ.

Chịu ảnh hưởng văn hóa thời đại, các vua nhà Nguyễn, giống như Trung Quốc, Đại Hàn, Nhật Bản, lấy Phật Giáo để hành trưởng Nho Giáo, “dĩ Phật tái Nho”. Xem Phật Giáo là phụ, Nho Giáo mới là chính. Trong lời chiếu của vua Gia Long liên quan đến việc thờ Phật, làm chùa, có đoạn: *“Thứ xem những Tổ đã thành Phật như Mục Liên mà cũng không độ được mẹ, chuông Phật Giáo như Tiêu Diễn (Lương Võ Đế) mà cũng không giữ được thân, huống chi bọn bất trung, bất biếu, không biết quốc vương là Phật hiện thời, bỏ cả cha mẹ là Phật sinh thành, mà đi cầu Phật xa ngoài muôn dặm để mong phúc may chưa đến, có lẽ ấy được chăng? Gần đây có kẻ sùng phụng đạo Phật, xây dựng chùa chiền quá cao, lầu gác rất là tráng lệ, đúc chuông, tô tượng rất đỗi trang hoàng, cùng là làm chay, chay đàn, mở hội, phí tổn về cũng Phật nuôi sư không thể chép hết, để cầu Phật báo viển vông, đến nỗi tiêu hao máu mồ. Vậy từ nay về sau, chùa quán có đổ nát mới được tu bổ, còn làm chùa mới tô tượng, đúc chuông, đàn chay hội chùa hết thảy đều cấm. Sư sai có kẻ chân tu thì lý trưởng sở tại phải khai rõ tính danh quán chỉ, đem nộp ở quan trấn để biết rõ số.”* (Quốc Sử Quán, *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*)

Bia chùa Thánh Duyên ở núi Thúy Vân (Túy Vân) cho thấy

vua Minh Mạng cho xây dựng chùa Thúy Vân để hồi hướng công đức chúc họ Thuận Thiên Cao Hoàng Thái Hậu 70 tuổi. Rõ nhất là câu đối trước chùa do vua ngự chế: “*Thánh Túc Thị Phật, Phật Túc Thị Thánh*”. Thánh ở đây là bà Hoàng Thái Hậu. Vua làm chùa cũng để cầu Quốc Thái Dân An. Vua Thiệu Trị (1840-1847) trong bia Ngự Chế Thị ở chùa Diệu Đế cho biết nhận thấy Phật Giáo khuyên người làm thiện, tất chẳng hại gì cho vương đạo, nên đã theo lời thỉnh cầu của mọi người mà làm chùa Diệu Đế. Tại bia Thiên Mụ Tự, Phước Duyên Bảo Tháp Bí, vua trích sách *Luận Ngữ*, *Kinh Dịch*, *Kinh Thư* làm động cơ chính trong việc trung tu chùa, tháp.

Năm 1819 vua Gia Long băng hà, con là Minh Mạng lên nối ngôi. Khác với phụ vương, vua Minh Mạng chịu ảnh hưởng Nho Giáo rất sâu đậm, không mấy tin tưởng người Âu Châu đang nỗ lực bành trướng ảnh hưởng tại Đông Nam Á. Năm 1822 vua Minh Mạng từ chối không chịu tiếp kiến sứ thần Anh Quốc. Năm 1825 ông ra sắc lệnh cấm các nhà truyền giáo Cơ Đốc vào Việt Nam. Năm 1847 lấy cớ vua Thiệu Trị ra lệnh bắt giữ một giáo sĩ Cơ Đốc người Pháp, chiến thuyền Pháp tấn công hải cảng Đà Nẵng, bắn chìm ba tàu chiến Việt Nam, giết hại hơn trăm quân lính Việt. Năm 1858 chiến thuyền Pháp tấn công Đà Nẵng lần thứ hai. Năm 1862 vua Tự Đức nhường ba tỉnh miền đông, rồi ba tỉnh miền tây nam bộ cho Pháp năm 1866.

Dưới thời vua Minh Mạng, Thiệu Trị nhiều chùa chiền được trùng tu, nhiều phật tượng, phật khí được chế tạo. Vua Minh Mạng cho mình kiếp trước là một nhà sư, nên năm Minh Mạng thứ 20 (1839), đã biến chỗ ở của mình ngày trước, thành chùa thờ Phật, hiệu Giác Hoàng, có nghĩa là ông vua đã ngộ đạo. Thiền sư Tánh Thiên Nhất Định (1784-1847) thế hệ thứ 5 của phái Liễu Quán được mời làm Tăng Cang chùa Giác Hoàng sau buổi lễ khánh thành chùa. Vua Minh Mạng còn cho tổ chức trai đàn năm lần tại chùa Linh Mụ để cầu siêu độ cho những oan hồn uổng tử, cầu quốc thái dân an. Vua còn mở cuộc sát

hạch Tăng sĩ. Năm 1830 vua xuống chỉ dụ vân tập chư tăng trong nước về chùa Báo Quốc tham dự sát hạch về giới luật. Chỉ những vị nào tinh thông giới luật, mới được cấp đồ điệp, tiếp tục tu hành, được qua đò miễn thuế.

Vua Thiệu Trị (1840-1847) có công xây dựng bảo tháp Phước Duyên tại chùa Linh Mụ, khởi sự năm Thiệu Trị thứ tư (Giáp Thìn, 1844), hoàn tất năm Thiệu Trị thứ năm (Ất Ty, 1845). Theo gương vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị lấy tiền của mình làm chùa Diệu Đế, chế tạo đại hồng chung, dựng bia ký. Cuối thời Thiệu Trị (1847) chùa Từ Hiếu được xây dựng.

Hòa Thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh tự hỏi tại sao trước hiềm họa xâm lăng của quân Pháp, trước sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân, sự bành trướng của Cơ Đốc Giáo, vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, những vị vua có liên hệ mật thiết với Phật, với chùa, với chư tăng; có công trùng tu xây dựng chùa tháp mà lại có những chiếu chỉ, bia ký v.v... như vậy. Giáo lý Phật, tư tưởng của các thiền sư, nếp sống của chư tăng, đức tin của tín đồ không có ảnh hưởng mấy với những bậc quân vương này? Hay tại vì phương thức chuyển đạt của các nhà sư không mấy tinh vi, hay tại các nhà lãnh đạo Phật Giáo muốn lánh xa trần thế, không mấy quan tâm? Hay quá bận tâm với thế sự mà quên chấn chỉnh sơn môn?

Đến thời vua Tự Đức (1848-1883), quan giám sát ngự sử Lạng Bằng (phụ trách hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng) là Trần Văn Ý, giám sát ngự sử Nam Ngãi (Quảng Nam và Quảng Ngãi) là Nguyễn Văn Tố năm 1849, tức là năm Tự Đức thứ hai, đã điều trần lên vua, công kích Phật Giáo, đề nghị bắt chư tăng hoàn tục để tăng nhân công sản xuất, tăng thuế đinh. Phạm Duy Phiên, người Hà Nội ngày 12 tháng 2 năm 1858 (Tự Đức năm 12) vào kinh đánh trống dâng điều trần, xin phế bỏ Phật Giáo (*Châu Bảo Triều Nguyễn, Chư Nha*). Lê Ngọc Chấn, Nho sinh Thừa Thiên ngày 27 tháng 10 năm 1858, dâng mộc sớ điều trần xin vua bỏ chi phí thờ Phật; đề nghị xin dỡ chùa,

phá chuông để sung vào quân nhu, quân khố (*Quốc Sứ Quán - Châu Bảo Triều Nguyễn - Cơ Mật*)

Dưới thời Tự Đức nước nhà gặp nhiều nguy biến. Năm 1862 qua Hòa Ước Nhâm Tuất, ba tỉnh miền đông Nam Việt: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường bị cắt cho Pháp. Dân chúng bất mãn. Năm Bính Dần, 1866 một cuộc khởi nghĩa do ba anh em họ Đoàn là Đoàn Trung, Đoàn Hữu Ái và Đoàn Tư Trực cùng với vị trú trì chùa Thiên Phước là thiền sư Nguyễn Văn Quý đứng ra lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa thất bại. Thiền sư Nguyễn Văn Quý và ba anh em họ Đoàn bị vua Tự Đức xử cắt từng miếng thịt, cho đến khi tắt thở. Ngoài ra còn nhiều tổ chức khác muốn bảo vệ tổ quốc, chống thực dân Pháp ra đời, như lực lượng bí mật có thiền sư Phạm Tấn Kỳ, hiệu là Đạo Linh tham dự, năm Tự Đức thứ 26 (1874). Sự hy sinh, lòng can đảm của thiền sư Nguyễn Văn Quý, Phạm Tấn Kỳ đáng được ghi danh, nhưng như vậy có giúp cải thiện tình trạng Phật Giáo? Và phải chăng đó là nhiệm vụ chính của các nhà sư? Cuộc khởi nghĩa năm 1916 của vua Duy Tân có sự tham dự của Trần Cao Vân, Thái Phiên. Trần Cao Vân đã từng xuất gia tại chùa Cổ Lâm, pháp danh Như Ý. Trước đó Trần Cao Vân đã tham gia cuộc khởi nghĩa của thiền sư Võ Trứ ở Phú Yên.

Trước cảnh nước mất nhà tan, ai mà không động lòng. Dầu là nhà sư, bỏ chuyện thế gian, xuất gia cầu đạo, tìm đường giải thoát cảnh sinh tử luân hồi, nhưng tiếng gọi non sông, cởi cà sa khoác chiến bào, có một mảnh lực khó có thể kềm chế được.

Để đối phó với chánh sách thuộc địa, bành trướng thị trường, bành trướng tín ngưỡng của Tây Âu, các nhà lãnh đạo Á Châu lúc bấy giờ, trong đó có vua Tự Đức và một số quan lại chủ trương bế quan tỏa cảng, diệt trừ tà giáo và đã tỏ ra bất lực. Minh Trị Thiên Hoàng của Nhật Bản kịp thời thay đổi đường lối, trong khi Trung Quốc, Đại Hàn, Việt Nam lún sâu vào tường thành bảo thủ. Phật Giáo vào giai đoạn này không còn

ở thế chỉ đạo. Hành xử của các nhà sư “bỏ cà sa khoác chiến bào” là một lựa chọn có vẻ chẳng đặng đừng.

Sau ngày vua Tự Đức băng hà 19-7-1883, Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng. Vua không có con trai nối ngôi, trong khi triều đình đang kiếm người kế vị thì hải quân Pháp tấn công Cửa Thuận. Chiến thuyền Pháp đi dọc theo Sông Hương tiến chiếm kinh đô Huế. Ngày 25 tháng 8, 1883, Việt Nam ký thỏa ước với Pháp, chấp nhận chế độ Bảo Hộ Pháp cho Bắc Kỳ và Trung Kỳ, chế độ Thuộc Địa Pháp cho Nam Kỳ. Việt Nam không còn là một quốc gia thống nhất, độc lập, mà là một nước bị đô hộ và bị chia thành ba mảnh.

Trung Quốc không chấp nhận chế độ thuộc địa Pháp tại Việt Nam nên đã đem quân vào Việt Nam tháng Tám năm 1883. Tháng 12 quân Pháp tấn công quân Trung Hoa. Cuộc chiến tranh Hoa Pháp kéo dài suốt hai năm. Ngày 9 tháng 6, 1885 Hiệp Ước Tientsin (Thiên Tân) được ký kết, Trung Quốc thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ trong khi tại triều đình Huế khủng hoảng kế thừa vương vị tiếp diễn:

- Vua Dục Đức lên ngôi được 3 ngày.
- Vua Hiệp Hòa làm vua được 5 tháng (tháng 6 đến tháng 11, 1883).
- Vua Kiến Phúc tại vị được 9 tháng (từ tháng 12-1883 đến tháng 8, 1884).
- Vua Hàm Nghi trên ngai vàng được một năm (từ tháng 8, 1884 đến tháng 8, 1885).

Vua Hàm Nghi tên là Ưng Lịch, em ruột của vua Kiến Phúc Ưng Đăng bị Nguyễn Văn Tường âm mưu giết hại, lên ngai vàng khi 13 tuổi. Lễ đăng quang ngày 1 tháng 8, 1884 triều đình Huế không thông báo cho tòa Khâm Sứ Huế, nên Pháp không thừa nhận, yêu cầu Cơ Mật Viện sang tòa Khâm Sứ họp bàn. Tôn thất Thuyết từ chối, tướng Pháp De Courcy dọa đem quân tới bắt. Đêm 7 tháng 7, 1885 Tôn Thất Thuyết ra lệnh tấn công bất ngờ vào đồn Mang Cá và đồn Pháp cạnh tòa

Khâm Sứ. Vì vũ khí thô sơ và phổi hợp thiếu chặt chẽ, chẳng bao lâu quân Pháp làm chủ tình hình. Tàn quân của Tôn Thất Thuyết, vua Hàm Nghi và đoàn tùy tùng chạy ra Quảng Trị đến vùng Tân Sở giáp ranh giới Lào trốn tránh, rồi chuyển dần ra căn cứ Hà Tĩnh, nơi vua Hàm Nghi ngày 14-11-1888 bị quân Pháp bắt đem đi an trí tại Angier, thủ đô Algerie, thuộc địa của Pháp tại Bắc Phi.

### **Vua Đồng Khánh (1885-1888).**

Trong thời gian vua Hàm Nghi sống tại căn cứ Tân Sở, giới thẩm quyền Pháp và Cơ Mật Viện đưa Kiến Giang Quận Công (Ung Đường) lên làm vua hiệu Đồng Khánh, một vị vua rất thân Pháp, trị vì được ba năm (tháng 10, 1885- tháng 12, 1888) và đã qua đời vì bệnh, hưởng thọ 25 tuổi, để lại 9 người con, 6 trai, 3 gái.

### **Vua Thành Thái (1889-1907).**

Sáu người con trai của vua Đồng Khánh quá nhỏ nên triều đình đón người con thứ bảy của vua Dục Đức 8 tuổi lên làm vua, hiệu Thành Thái. Vua Thành Thái rất thông minh, cần mẫn, gần dân, không được Pháp tín nhiệm, bị Pháp quản thúc tại Vũng Tàu rồi đưa sang đảo Reunion an trí cùng con là Duy Tân cho đến năm 1947 được trở về Việt Nam, nhưng chỉ được sống tại Sài Gòn, mãi đến năm 1953 mới được ra Huế thăm gia đình. Vua Thành Thái mất tại Sài Gòn ngày 24-3-1954, hưởng thọ 74 tuổi, được con cháu đưa về Huế an táng.

### **Vua Duy Tân (1907-1916).**

Sau khi hạ bệ vua Thành Thái, nhà cầm quyền Pháp đưa con là hoàng tử Vĩnh Sang, 8 tuổi, lên ngôi, hiệu Duy Tân. Cuối năm 1916 lúc vua Duy Tân trên 17 tuổi, không chịu đựng được sự thống trị của Pháp, bí mật gặp hai chí sĩ Việt Nam Quang Phục Hội là Trần Cao Vân và Thái Phiên bàn chuyện khởi nghĩa, không may kế hoạch bị lộ, vua và nhiều chí sĩ bị quân Pháp bắt tại một ngôi chùa ở Quảng Ngãi. Không chịu thay đổi lập trường, vua bị đưa vào Vũng Tàu rồi chở qua đảo

Reunion cùng phụ vương. Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đê, Nguyễn Quang Siêu bị xử tử.

Trong thời Đệ Nhị Thế Chiến, vua Duy Tân tình nguyện tham gia không lực Pháp. Sau khi Đồng Minh thắng trận, vua được giải ngũ với chức thiếu tá không quân Pháp. Vua được tướng De Gaulle cho về Việt Nam với kế hoạch đem lại nền độc lập cho Việt Nam. Trên đường bay về Việt Nam, ông ghé Reunion thăm gia đình, máy bay của ông gặp nạn, ông bị chết năm 46 tuổi.

### **Vua Khải Định (1916-1925).**

Hoàng thân Phụng Hóa (Bửu Đảo) con trai của vua Đồng Khánh, sinh năm 1884. Khi vua Duy Tân bị đầy đi Reunion, hoàng thân năm 32 tuổi được chính quyền bảo hộ Pháp và triều đình Huế đưa lên làm vua hiệu Khải Định. Giống như phụ vương Đồng Khánh, vua Khải Định có khuynh hướng thân Pháp. Tháng 4 năm 1922 trước ngày sang Pháp dự Hội Chợ, vua cho làm lễ sắc phong hoàng tử Vĩnh Thụy 10 tuổi làm Đông Cung Thái Tử, được khâm sứ Charles mang sang Pháp học tập...

Những biến thiên lịch sử này Hòa Thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh hoặc tự chứng kiến, hoặc được các bậc tiền nhân kể lại, đặc biệt những người trong đại nội thường hay lui tới chùa Từ Hiếu, nơi Hòa Thượng từng cư trú. Năm 1916, năm vua Duy Tân khởi nghĩa, là năm Hòa Thượng về thăm quê nhà, tạm trú tại chùa Sắc Tứ Tịnh Quang ở thôn Ái Tử, quận Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, nơi trước đây sư thúc Hải Hoa Phát Đạt đã làm Trú Trì.

Quyển Hai

---

**HÒA THƯỢNG THÍCH ĐÔN HẬU  
(1905-1992)**

**VÀ PHONG TRÀO PHỤC HƯNG  
PHẬT GIÁO**



## CHƯƠNG 3:

---

# GIA THẾ VÀ THỜI THƠ ẤU CỦA HÒA THƯỢNG ĐÔN HẬU

Hòa Thượng Thích Đôn Hậu pháp danh Trừng Nguyên, pháp tự Giác Thanh, hiệu Đôn Hậu, thuộc đời thứ 8, thiền phái Liễu Quán, thế danh là Diệp Trương Thuần. Hòa thượng sinh ngày 13 tháng Giêng năm Ất Tý (16-2-1905) tại làng Xuân An, tổng An Đôn, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Tỉnh Quảng Trị phía bắc giáp tỉnh Quảng Bình, phía đông là biển Đông Hải, phía tây là dãy Trường Sơn và nước Lào, phía nam giáp tỉnh Thừa Thiên. Thị xã Quảng Trị cách Hà Nội 570 km, cách Huế khoảng 62km, cách Sài Gòn hơn 1000km. Theo thống kê và phân bố hành chính, tỉnh Quảng Trị hiện nay gồm 2 thị xã Đông Hà và Quảng Trị, 7 huyện (quận), 67 thôn xã, diện tích 4,692 km vuông, dân số 557,121 người.

*Thị xã Đông Hà* diện tích 76.26 km<sup>2</sup>, dân số 66,470 người.

*Thị xã Quảng Trị* diện tích 5.28 km<sup>2</sup>, dân số 15,487 người.

*Huyện Vĩnh Linh* diện tích 626.23 km<sup>2</sup>, dân số 90,142 người.

*Huyện Gio Linh* diện tích 481.67 km<sup>2</sup>, dân số 70,142 người.

*Huyện Cam Lộ* diện tích 351.99 km<sup>2</sup>, dân số 41,580 người.

*Huyện Triệu Phong* diện tích 350.90 km<sup>2</sup>, dân số 102,710 người.

*Huyện Hải Lăng* diện tích 498.72 km<sup>2</sup>, dân số 96,059 người.

*Huyện Hương Hóa* diện tích 1,179.97 km<sup>2</sup>, dân số 48,608 người.

*Huyện Đa Krong* diện tích 1,020.95 km<sup>2</sup>, dân số 15,917 người.  
(Xem Lê Quang Tiềm: *Quảng Trị Địa Lý* đăng trong *Kỷ Yếu Quảng Trị*, 2000 tr. 94-97)

Huyện Hải Lăng, theo *Phủ Biên Tạp Lục* (1760) của Lê Quý Đôn gồm có 5 Tổng: Hoa La, An Thư, An Dã, Câu Hoan, An Khương. *Tổng Hoa La* gồm các xã Hồng Khê (nay là Bích Khê), Nái Diễn, Tả Hữu, Hậu Lẽ, Cổ Bưu, Phù Lưu, Dư Triều, Hậu Lẽ, **Long Hưng**, Vệ Nghĩa, Xuân An, Vạn Long, Nà Nấm.

*Tổng An Thư* gồm xã Mỹ Chánh, Hội Kỳ.

*Tổng An Dã* gồm các xã An Trung, Đại Hòa, Quảng Điền, Vũ Thuận, An Lệ, Nhị Giáp, Duy Hòa, Giáo Liêm, Phụ Tài, Thanh Liêm, Quảng Lượng, Hiền Lương, Hàn Xá, Trúc Đang.

*Tổng Câu Hoan* gồm các xã Trường Sinh, An Phúc, Hà Lộc, Lương Phúc, Miên Trạch, Đỗ Phùng.

*Tổng An Khương* gồm các xã: An Khang, Đại Nại, Trà Lộc, La Duy, Hương Vân, Anh Hoa, Tam Hữu, Duân Kinh, Thi Ông, Thượng Xá, Trâm Lý, Xuân Lâm, Mai Lộc, Phú Xuân, Mai Hoa, Mai Đàm, Thượng Thôn.

*Huyện Đăng Xương* (Triệu Phong) gồm có 5 Tổng: An Phúc, An Lưu, An Cư, An Đôn, An Lạc.

*Tổng An Phúc* gồm các xã: An Phúc, Hòa Viên, Diên Phúc, Kim Giáo, Kim Lung, Đan Quế, Hội Yên, Đà Nghị, Ba Đu, Phúc Kinh, Thượng An, Đôn Điềm, Thâm Khê, Mỹ Thủy, Tân An.

*Tổng An Lưu* gồm các xã: An Lưu, Hương Liệu, Thượng Trạch, An Phủ, An Trụ, Đồng Bào, Tài Lương, Thanh Lê, Mỹ Khê, Xuân Dương, Trung An, Phú Hải, Phú Toàn, Ba Lăng, Văn Phong, Gia Đẳng, Thuận Đầu, An Bôi, Tân An, Ngô Xá Đông, Ngô Xá Tây.

*Tổng An Cư* gồm các xã: An Cư, Bồ Bản, Hà Bá, Linh An, Đang Long, Lai Phú, Lê Truyền, An Trạch, Nho Lý, Lưỡng Toàn,, Hạo Ly, Như Liễu, Mỹ Lộc, Tân Định, An Việt, Phúc Lê, Tường Vân, Văn Tường, An Tục, Phụ Lũy, Khang Vĩnh, An Toàn, Tân An.

*Tổng An Đôn* gồm các xã: An Đôn, Thượng Phúc, Phúc Toàn, Phù Áng, Trà Lẽ, Lại Phúc, Văn An, Hà Xá, Đại Áng, Lập Thạch,, Phương Lương, Phú An, Lăng Phúc, Điếu Ngao, Đông

Hà, Đông Vu, Y Bích, Bạch Câu, Cây Khế, Giang Hiếu, Hà Xá, Thiết Trường, Tử Chính, Thiết Tường, Hà Phường, Sơn Trạch, Đơn Hàng, An Trang, Ngũ Giáp.

*Tổng An Lạc* gồm các xã: An Lạc, Phả Lại, An Bình, Phú Ngạn, Trúc Khê, Nhật Lệ, Thuận Đức, Lâm Lang, Phi Hữu, An Thịnh, Bào Đá, Trung Bác, Phả Lại, An Xuân, Phúc An, Khang Mỹ, An Bình, Khang Thái, Tân An, Ba Xuân, Cây Lúa, Bá Sơn, Thiết Trường, Cam Lộ, Thiên Xuân, Bố Chính, Quật Xá, An Sát.

Quảng Trị có những địa danh quan trọng: Động Côn Tiên nằm trên ngọn đồi cao thuộc quận Gio Linh. Chiếm khu Tân Sở thuộc vùng Cùa, huyện Cam Lộ được Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết xây dựng chuẩn bị chống Pháp. Ái Tử thuộc quận Triệu Phong, căn cứ đầu tiên của chúa Nguyễn Hoàng trên đường Nam Tiến, trên quốc lộ 1 cách thị xã Quảng Trị chừng 4 km. Chùa Sắc Tứ Tịnh Quang gần chân núi Trường Sơn, thuộc làng Ái Tử, Quận Triệu Phong, được xây dựng vào thời Hậu Lê. Chùa Thiền Tâm ở xã Đầu Kênh, huyện Triệu Phong do vua Thái Tông xây dựng, vua Minh Mệnh trùng tu. Chùa Long Phúc ở phường An Định, huyện Gio Linh trước làm miếu thờ Thái Tổ, vua Minh Mạng đổi làm chùa, cấp 10 mẫu ruộng và 3 người từ phu lo săn sóc. Chùa Cổ Trai ở xã Cổ Trai, huyện Vĩnh Linh, quê hương của Hiếu Khang hoàng hậu. Sau khi hoàng hậu qua đời dân trong làng lập miếu thờ, vua Minh Mạng đổi làm chùa. Đền Thờ Đức Mẹ La Vang cuối thế kỷ 18, cách thị xã Quảng Trị 4km, cách Huế 58km.

Về hình thể, Quảng Trị phía đông đồng bằng hẹp, phía tây là núi rừng Trường Sơn chiếm hơn hai phần ba diện tích đất đai. Từ bắc xuống nam có những ngọn núi Đông Châu cao 1,254m, Động Voi Mèp 1,701m, Động Tou Troen 928m, Động Ca Lư 710m, Phou Nhoi 690m, Giang Gro 771m, Ta Laou 821m, Cây Tre 485m, Động Bà Lê 1,102m. Những sông chính của tỉnh Quảng Trị là sông Bến Hải, sông Cam Lộ và sông Thạch Hãn. Sông Bến Hải dài 75km phát xuất từ dãy Trường Sơn chảy ra biển ở Cửa Tùng. Sông Thạch Hãn hay sông Hàn, sông Quảng

Trị phát xuất từ dãy Trường Sơn chảy qua quận Triệu Phong, đến quận Hương Hóa và Cam Lộ rồi đổ ra Cửa Việt. Phía tả ngạn có sông Hiếu Giang, Vĩnh Phước, Ái Tử. Hữu ngạn có sông Vĩnh Định. Sông Cam Lộ còn gọi là sông Bồ Điền, là con sông đào, nối sông Bến Hải và sông Thạch Hãn. Ngoài ra tỉnh Quảng Trị còn có những con sông nhỏ như Rào Quán, D Krong, Rào Vịnh, Mỹ Chánh, Nhung Giang, Trịnh Hin.

Bờ biển Quảng Trị dài khoảng 60km, bãi biển bằng phẳng, ngoại trừ vùng Cửa Tùng lởm chởm đá. Khí hậu Quảng Trị khá khắc nghiệt, với hai mùa mưa nắng. Mùa nắng từ tháng 3 đến tháng 7, có gió Lào thổi về rất oi bức. Mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 2, chịu ảnh hưởng gió bắc đổ xuống ào ạt gây lụt lội. Từ tháng giêng đến tháng 2 mưa phùn, gió lạnh.

Quốc lộ 1 và 9 là đường giao thông với các tỉnh khác. Quốc lộ 9 chạy từ Savannakhet qua Lao Bảo, Quảng Trị đến biển Đông Hải. (Xem Tiến sĩ Lê Đình Cai: “*Đi Tìm Hình Ảnh Quảng Trị qua Ô Châu Cận Lục và Đại Nam Thống Nhất Chi*” đăng trong *Kỷ Yếu Quảng Trị*, 2000, tr. 9-18)

Khi Nhà Đường cai trị Trung Quốc (618-907), đất Giao Châu trở thành đô hộ phủ, giáp giới Diễn Châu (Nghệ An ngày nay). Đất Quảng Bình Quảng Trị thuộc Lâm Ấp. Năm 931 Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, dành lại độc lập sau hơn 1000 năm bị đô hộ, thiết lập triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần.

Năm 1069 vua Lê Thánh Tôn dẫn binh đánh Lâm Ấp bắt được Chế Củ. Chế Củ dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chánh (Quảng Bình, Quảng Trị ngày nay) để chuộc mạng. Năm 1301 vua Trần Nhân Tông muốn thắt chặt tình hữu nghị giữa hai nước Chiêm Thành (Lâm Ấp) và Đại Việt đã gả Huyền Trần Công Chúa cho vua Chiêm là Chế Mân. Vua Chiêm dâng hai châu Ô, Rý (Lý) để làm sinh lě. Châu Ô về sau đổi thành Thuận Châu gồm quận Triệu Phong, Hải Lăng của tỉnh Quảng Trị, quận Phú Lộc và Phú Vang tỉnh Thừa Thiên. Châu Rý sau đổi thành Hóa Châu gồm quận Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam.

Dưới thời Trịnh Nguyễn Phân Tranh, mùa đông năm Bính Ngọ (1558) Thái Úy Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng cùng gia tộc và một số binh lính gốc Thanh Hóa, Nghệ An và một số sĩ phu xuống thuyền xuôi Nam trấn đất Thuận Hóa. Sau ba ngày đến cảng Cửa Việt, ngược dòng sông Thạch Hãn, dừng chân tại sông Ái Tử, nay thuộc xã Triệu Ái, quận Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, được quan quân và dân chúng các làng xã lân cận nghênh tiếp. Thôn Ái Tử gắn liền sự nghiệp vĩ đại của Nhà Nguyễn trong suốt hơn 300 năm.

Quảng Trị là cái nôi của phong trào Cần Vương chống Pháp của Việt Nam Quốc Dân Đảng, của Đại Việt Cách Mạng Đảng, của Đông Dương Cộng Sản Đảng. Dân Quảng Trị từng chịu đựng nhiều cảnh thương hải tang điền. Cầu Bến Hải ở Hiên Lương phủ Vĩnh Linh, là ranh giới giữa hai miền Bắc Nam sau Hiệp Định Genève. Hàng nghìn dân chúng Vĩnh Linh phải bỏ nơi chôn nhau cất rốn di cư vào thị xã Quảng Trị năm 1954. Năm 1965 hàng rào điện tử McNamara trải dài từ Cửa Việt dọc theo sông Hiên Lương đến tận biên giới Lào Việt, vùng oanh kích tự do. Dân chúng Trung Lương phải di tản vào thị xã Cam Lộ. Năm 1972, những trận đánh tàn khốc dữ dội xảy ra dọc theo quốc lộ 9, trên 300,000 người nổi đuôi nhau trên quốc lộ 1 từ Đông Hà đến Mỹ Chánh được mệnh danh là Đại Lộ Kinh Hoàng trong những ngày 25, 26, 27 tháng 4 năm 1972 làm mồi cho bom đạn.(Xem Lê Hữu Thăng: *Quảng Trị Trong Tiến Trình Phát Triển và Xây Dựng Đất Nước*, đăng trong *Kỷ Yếu Quảng Trị*, 2000 tr. 54-61)

Thân phụ của Hòa Thượng Đôn Hậu là cụ Diệp Văn Kỷ, thân mẫu là cụ bà Nguyễn thị Cựu, mất sớm khi Hòa Thượng vừa lên 9 tuổi. Cụ Diệp Văn Kỷ là một thầy thuốc bắc nổi tiếng trong vùng. Cụ còn là Phổ Trưởng Phổ Liên Trì. Tuy nhà thanh bạch nhưng đạo đức, có lòng giúp người nghèo khó. Người trong vùng khi đau yếu đến nhờ cụ chữa trị, không có tiền mua thuốc, cụ vẫn vui lòng bốc thuốc cho họ mà không lấy tiền. Nhà của cụ ở gần bờ sông, nơi bà con trong vùng thường

# QUẢNG TRỊ 45

107°20' 4

107°00'

106°40'

3

2

1

## QUẢNG BÌNH H LỆ THỦY

QUẢNG NINH

LÊ NINH

A  
đảo Cồn Cỏ  
CỒN CỎ

B  
17°00' 17°00'  
17°00' 17°00'

CAO ĐẲNG VĨ HÀNH CHÍNH  
ĐƯỢC ĐÁNH SỐ TRÊN BẢN ĐỒ  
TX. Đông Hà  
4. Phường 4  
H. Triệu Phong  
1. P. Đông Thành  
2. P. Đông Giang  
3. Phường 1  
5. Xã Triệu Giang  
6. Xã Triệu Thành





đắp mộ hai bên bờ. Khi nước lụt, nhiều ngôi mộ bị lở, xương người chết lộ ra mà không ai thâu lượm. Cụ thường đi nhặt những xương cốt ấy bỏ vào hũ đem chôn ở nơi cao hơn. Dân chúng trong vùng mến mộ cụ qua những hành động phước đức này. Cụ Diệp Văn Kỷ về sau xuất gia học Phật với tổ Hải Thiệu, có pháp danh là Thanh Xuân, tự Sung Mẫn, đắc pháp với tổ Tâm Truyền, được ban pháp hiệu là Phước Điền, khai lập chùa Long An, Quảng Trị và kế thế trú trì chùa Sắc tử Tịnh Quang, Quảng Trị. Cụ rất giỏi nghi lễ. Trong giới đàn tại Đà Nẵng, khi Hòa thượng Trí Thủ thọ đại giới, cụ được mời làm tôn chứng A xà lê.

Cụ Diệp Văn Kỷ trước khi xuất gia, có hai đời vợ: Vợ thứ nhất sinh được người con trai tên là Diệp Văn Hùng. Diệp văn Hùng lập gia đình có 4 con: 3 trai, 1 gái. Con trai đầu là Diệp Tâm Hoa, con trai thứ hai là Diệp Tâm Khai, về sau là Hòa thượng Trí Án, hiệu Nhật Liên, thành viên của Hội Đồng Trưởng Lão thuộc Viện Tăng Thống, Giáo Hội PGVNTN, con trai út là Diệp văn Thuận. Con gái thứ ba là Diệp thị Chương lập gia đình với Mai Tôn Nghiêm, người có công xây cất khu chợ Nha Trang và bến tàu Nha Trang.

Người vợ thứ hai tên là Nguyễn thị Cựu sinh được 4 người con, 1 gái 3 trai. Con gái đầu tên là Diệp Thị Tý, lấy chồng sinh được 1 người con gái tên là Từ Thị Thí. Chồng mất sớm. Bà Từ Thị Thí hiện ở Đông Hà lấy chồng sinh được 4 người con, 2 trai, 2 gái. Chồng mất sớm, bà Từ Thị Thí đi kháng chiến, không được kết nạp vào đảng cộng sản vì là con cháu của Hòa Thượng Đôn Hậu. Người con trai thứ nhất tên là Diệp Trương Thuần, sau xuất gia pháp danh Trừng Nguyên, hiệu Đôn Hậu. Người con trai thứ hai tên là Diệp Trương Cẩn, thường gọi là ông Thọ, qui y, pháp danh Trừng Hộ. Lập gia đình, có hai đời vợ:

Vợ cả có 3 gái, 1 trai. Con gái đầu tên là Diệp thị Thoại năm 1956 thành hôn với ông Trần Tường Châu, đệ tử của Hòa

Thượng Đôn Hậu. Gia đình định cư tại Mỹ. Người con gái thứ hai tên là Diệp Bích Thủy lấy chồng làm bác sĩ. Người con gái thứ 3 tên là Diệp Thúy Nga, hiện ở Denver, Hoa Kỳ. Người con trai út tên là Diệp Thanh Trúc, đi tu theo thầy Nhất Hạnh, hoạt động cho trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, đã cùng 5 huynh đệ thọ nạn trong vụ nạn trong vụ trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội bị tấn công năm 1966.

Vợ kế có 2 người con, 1 trai, 1 gái. Con trai tên là Diệp Văn Trúc hiện ở Long Khánh, con gái tên là Diệp thị Chanh mới qua đời.

Cụ Diệp Văn Kỷ có lập một ngôi chùa ở làng Long Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị cách chùa Long An chừng 5 km ở hướng nam. Hòa Thượng Đôn Hậu về sau có mua một ngôi chùa tên là chùa Đông An, thôn Xuân An, xã Dương Biều, tổng An Đôn, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị ngày nay đổi là thôn Xuân An, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Chùa Đông An sau được đổi tên thành Long An (ghép từ chữ Long Hưng với Xuân An). Hòa thượng chỉ mua chùa chứ chưa được mua đất, vì vậy hàng năm phải đóng tiền thuê đất cho làng Dương Biều, cho mãi đến năm 1943 (năm Quý Mùi) mới mua được đất.

Chùa Long An có thời do ni sư Diệu Lý đến bảo quản. Chùa hiện nay thầy Hải Tạng làm trú trì, được trùng tu đại qui mô, trở thành một ngôi chùa trang nghiêm, một di tích lịch sử có phong cảnh đẹp tại Quảng Trị.

Năm 1985, đại đức Thích Hải Tạng, đệ tử của Hòa Thượng Đôn Hậu, vâng lệnh thầy về Quảng Trị bảo quản chùa Long An. Ngày 14 tháng 4 năm 2007 đại đức khởi công đại trùng tu chùa được sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Nhật Liên, thành viên Hội Đồng Trưởng Lão, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, cháu ruột gọi Hòa Thượng Đôn Hậu bằng chú ruột. Công việc trùng tu chùa Long An được trình bày trong *Cẩm Bách Thư*.

*Chùa Long An Xã Triệu Thượng,  
Huyện Triệu Phong  
Tỉnh Quảng Trị  
ĐT: 0988.853560 \* 0533.828257*

*Phật lịch 2550  
Quảng Trị  
Ngày 14 tháng 4 năm 2007*

## **CẨN BẠCH THƯ**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

*Kính bạch: Chư Tôn Đức Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại  
Đức Tăng Ni*

*Kính thưa: Quý liệt vị Phật Tử, Thiện hữu tri thức xa gần:*

*Chùa Long An là một di tích lịch sử, kỷ niệm nơi sinh  
trưởng của đức đại lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, đệ  
tam Tăng Thống GHPGVNTN.*

*Chùa nằm trên bờ phía bắc dòng sông Thạch Hãn, địa  
điểm nổi tiếng của một thời lửa đạn kinh hoàng trên  
quê hương Quảng Trị trong chiến trận 1972.*

*Năm 1985, khâm thưa tôn ý của Hòa Thượng Bổn Sư,  
chúng con về đắm nhận chùa Long An, khi ấy chỉ là  
một khu vườn còn đượm vẻ tiêu điều với ngồn ngang hố  
bầm bom đạn. Mái chùa xưa chỉ còn là một căn nhà  
nhỏ được che lợp tạm để thờ trí tôn tượng đức Bổn Sư  
và chư Tăng cùng các hương linh tiền bối.*

*Năm 1986, chúng con mua lại một liếp nhà cũ đưa về  
dựng tạm lên làm chùa để có nơi lễ bái, tu học cho tăng  
chúng trong chùa và các Phật tử tại địa phương. Từ đó  
đến nay, chúng con vẫn luôn mong mỏi làm sao*

có đủ duyên lành, để dựng lại một ngôi chùa tương đối khang trang, tương xứng với tâm cõi của một ngôi Chùa Tổ đã có lịch sử hàng trăm năm, dù chỉ là khiêm tốn. Nhưng mãi đến nay, ngôi chùa được làm tạm đã bị dột nát, gãy đổ nhiều nơi. Trong khi đó chùa Long An lại nằm ở vị trí ven sông, thuộc vùng trũng thấp, thường trực tiếp hứng chịu thiên tai bão lũ, nên chúng con đã phải thường xuyên lo lắng vào mỗi lần nghe tin bão đến, lũ về.

Kính bạch chư Tôn Đức,  
Kính thưa liệt quý vị:

Giờ đây, nhìn lại 20 năm về bám trụ tại một làng quê nơi tỉnh lẻ, nhiều khi chúng con không khỏi ngậm ngùi, buồn tủi vì quá đỗi gian truân! Trừ những tấm lòng thương yêu, quí mến của những người dân quê, tuy nghèo khó về nhiều mặt, nhưng lại rất giàu niềm tin Tam Bảo, luôn luôn gắn bó với chùa; còn lại, chúng con đã phải đối mặt với không biết bao nhiêu chướng duyên, nghịch cảnh mà nhiều lúc gần như nghiệt ngã, đến phải than thầm:

Gió sóm hắt hiu cùng đất mẹ  
Mưa chiều tê tái với non thiêng.  
Nghịệp vận đạo đời, âu đành phận,  
Sinh tử buồn vui, một lời nguyện!

Thế nhưng, với thời gian, cái gì rồi cũng qua đi. Duy chỉ có một tấm lòng với đạo pháp, với quê hương và nhất là đối với Hòa Thượng Bổn Sư thì vẫn còn đó, vẫn luôn luôn canh cánh, trở trăn... Và, cứ mỗi lần nghĩ lại sự kỳ vọng của Tôn Sư, khi đưa chúng con về làm Phật sự trên quê hương của Ngài, thì bao nỗi ước mong lại càng thêm ray rứt!

*May thay, ngày nay có lẽ cơ duyên đã đến, thế theo nguyện vọng trong Đơn Trình của chúng con ngày 14-11-2006, UBND tỉnh Quảng Trị đã có văn thư phúc đáp, đồng ý cho chùa Long An được nâng cấp, trùng tu. Thế là một ước nguyện mà đã suốt 22 năm trời chúng con đã từng hoài bão, kể từ khi đặt chân đến vùng đất Quảng Trị khó nghèo đã có cơ may thực hiện! Sau khi thỉnh ý và được sự tùy hỷ của chư Tôn Đức cùng quý huynh đệ trong tông môn, lễ động thổ khởi công trùng tu tôn tạo chùa Long An đã được tổ chức vào ngày Kỷ Hợi - ngày 18 tháng tháng Giêng năm Đinh Hợi tức là ngày 6 tháng 3 năm 2007.*

*Trong niềm vui mừng quyền lẵn với bao nỗi lo âu, chúng con mạo muội viết bức thư này cẩn bạch cùng chư Tôn Đức, pháp hữu gần xa... để mong được tỏ lòng tùy hỷ, nâng đỡ cho chúng con trong Phật sự lớn lao này. Chúng tôi cũng rất trông mong sẽ được đón nhận những nghĩa cử cao đẹp của quý liệt vị Phật tử và chư vị thiện hữu tri thức, đồng bào giàu truyền thống tâm linh Đất Việt đang âm thầm phát bồ đề tâm, hành bồ tát hạnh để hộ trì cho quê hương và đạo pháp.*

*Nguyễn cầu hồng ân Tam Bảo chứng minh và gia bị chư Tôn Đức cùng quý liệt vị thân tâm thường an lạc, hội đủ thắng duyên để thành tựu quả vị bồ đề.*

*Nam Mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát*

Chứng minh

Trụ trì chùa Long An



Trưởng lão  
**HT Thích Nhật Liên**



Tỳ kheo  
**Thích Hải Tạng**



Chùa Long An ngày nay, nhìn thẳng  
(Ảnh chụp ngày 20 tháng 3 năm 2009)



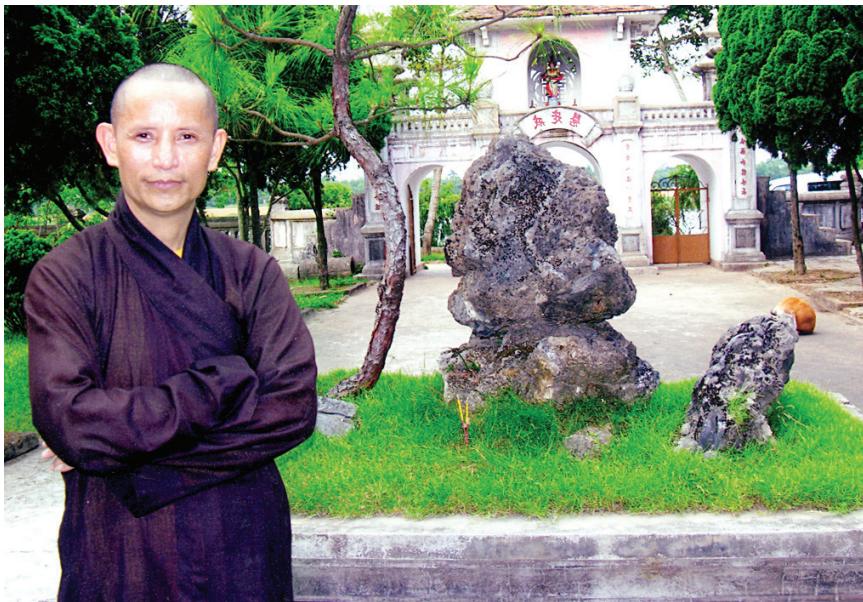
Chùa Long An, nhìn xéo  
(Ảnh chụp ngày 20 tháng 3 năm 2009)



Ngôi tháp thờ HT Thanh Truyền và những ngôi mộ gia đình  
nằm bên phía tay trái của chùa  
(Ảnh chụp ngày 20 tháng 3 năm 2009)



Ngôi Nhà Tổ  
Di ảnh Hòa Thuượng Đôn Hậu, đệ Tam Tăng Thống Giáo Hội PGVNTN  
(Ảnh chụp ngày 20 tháng 3 năm 2009)



Tam quan chùa Long An với Thầy Trú Trì Thích Hải Tạng  
(Ảnh chụp ngày 20 tháng 3 năm 2009)



Tháp chuông trước sân chùa Long An  
(Ảnh chụp ngày 20 tháng 3, năm 2009)



Sông Thạch Hãn trước chùa Long An  
(Ảnh chụp ngày 20 tháng 3 năm 2009)



Chùa Linh Quang hiện nay không có thầy Trú Trì  
tại thôn Trung Kiên, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

Nếu đi dọc theo bờ sông phía tay trái cách chùa Long An độ chừng 500m sẽ đến thôn Trung Kiên, sinh quán của Hòa Thượng Trí Thủ, cố Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội PGVNTN, của đại lão Hòa Thượng Hải Đức, Hòa Thượng Diệu Hoằng, Hòa Thượng Kim Tiên, Hòa Thượng Giác Lâm, nơi có từ đường dòng họ Nguyễn của Hòa Thượng Trí Thủ, Hòa Thượng Hải Đức, từ đường dòng họ Hồ của Hòa Thượng Tâm Tịnh, nơi có chùa Linh Quang với bài thơ *Nhớ Làng* của Hòa Thượng Trí Thủ. Trước chùa có hồ sen. Chùa bây giờ là trụ sở của Khuôn Hội, không có người cư trú, không có thầy trú trì mặc dầu thôn Trung Kiên nổi tiếng là cái nôi của hàng tăng ni. Đây là tình trạng chung hiện nay ở Việt Nam. Tăng ni nhiều nhưng không ai muốn sống ở thôn quê. Thôn quê Việt Nam, vùng Cao Nguyên bỏ ngỏ cho các phái bộ truyền giáo Thiên Chúa và Tin Lành.



## CHƯƠNG 4:

# HẠT BỒ ĐỀ CHỐM NỎ

Chùa Tịnh Quang ngày hôm nay quá rộn rịp. Chư tăng từ các quận trong Tỉnh đổ về để tiếp đón vị cao tăng, Hòa Thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh từ cố đô Huế trở về quê hương, thăm quý thầy, quý Phật tử sau nhiều năm xa cách.

Chùa Tịnh Quang, tọa lạc tại thôn Ái Tử, xã Triệu Ái, huyện Đăng Xương nay là quận Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, nơi dừng chân đầu tiên của Đoàn Quốc Công Nguyễn Hoàng. Chùa nằm cách quốc lộ 1A chưa đầy 1km về phía tây. Theo truyền thuyết, ngày xưa vùng đất này có tên là Xứ Bầu Voi, hoang vu, ít người cư trú. Bầu Voi xưa kia là một hồ nước lớn, nơi voi thường đến tắm, nơi cọp và heo rừng thường về quấy nhiễu dân chúng, phá phách ruộng vườn, cho đến khi có một vị Hòa Thượng đến cư trú mới được yên ổn. Nghe nói vị Hòa Thượng này có pháp thuật trừ tà, hàng phục thú dữ.

Theo bút ký của tổ sư Chí Khả, chùa Tịnh Quang nguyên là thảo am Tịnh Độ do tổ sư lập ra. Tổ sư Chí Khả người Trung Hoa, sinh trưởng trong một gia đình quyền quý, thâm tín Phật pháp. Thân phụ tên là Nguyễn Chí Công, tước hiệu Kỳ Thiên Hầu, thân mẫu tên là Nguyễn Thị Thơ, pháp danh Phật Thơ. Trước khi lâm bồn, thân mẫu ngài nằm mộng thấy một con chim hạc từ ngọn núi phía nam bay lại. Khi sinh ra thân tướng

ngài khôi ngô, mày thanh mắt sáng. Lúc thơ ấu ngài thường được mẹ dẫn lên chùa lạy Phật, nghe kinh. Lúc lên 7 tuổi, ngài nambi mong thấy mình đi trên con thuyền đến vùng núi rừng xanh biếc, giữa trời nước bao la, trước mặt là một ngọn núi hình quả chuông, sau lưng là một dòng sông chảy giữa đôi bờ cỏ xanh tươi. Giữa cảnh thiên nhiên hùng vĩ ấy hiện ra một ngôi chùa uy nghi, tịch mịch và một vị thiền sư đang lặng lẽ kinh hành.

Năm 12 tuổi ngài xin phép cha mẹ lên đường cầu đạo. Ngài theo đoàn thuyền vượt biển đi về hướng nam. Khi đoàn thuyền ghé vào cửa Thuận An, ngài lên bờ, đi về đất Thân Kinh, có vẻ quen thuộc như đi về quê cũ. Ngài gặp thiền sư Liễu Quán, được thiền sự nhận làm đồ đệ, ban cho pháp danh là Tánh Tu, pháp tự Tề Pháp, pháp hiệu là Chí Khả. Ngài theo thiền sư học Phật Pháp, học tiếng Việt, văn hóa, phong tục tập quán Việt Nam. Sau 10 năm theo thầy tu học, đến năm Quý Sửu (1733) ngài được phép thọ Cụ Túc Giới và bắt đầu vân du hoằng hóa. Ngài lên đường tiến về phía bắc, đến huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Ngài dừng lại trên bờ sông Vĩnh Định, dựng lên một thảo am, rồi bắt đầu sự nghiệp hoằng hóa. Ngài độ cho trên 10 vị xuất gia, qui y cho vô số Phật tử tại gia. Sau một thời gian ngài lại tiếp tục lên đường, đi về phía thượng nguồn sông Vĩnh Định và sông Thạch Hãn, đến làng Ái Tử. Tại đây vào khoảng năm Ất Mão 1735, đời Lê Ý Tôn, năm thứ 11 chúa Nguyễn Phúc Trú, ngài dựng một thảo am đặt tên là Tịnh Độ Am. Năm 1739 chúa Nguyễn Phúc Khoát đổi Tịnh Độ Am thành Tịnh Nghiệp Tự. Vua Gia Long ban sắc tứ, đổi Tịnh Nghiệp Tự thành Sắc Tứ Tịnh Quang Tự. Năm 34 tuổi ngài phát nguyện tự thiêu để cúng dường Tam Bảo. Ngày kỵ tổ hàng năm là ngày 16 tháng 2 Âm Lịch. Sau khi ngài cúng dường sắc thân lên ngôi Tam Bảo, hai vị đại đệ tử trong số 12 đệ tử là thiền sư Tuyết Phong và thiền sư Bảo Châu kế thừa trú trì chùa Tịnh Quang. Từ ngày xây dựng chùa cho đến nay đã gần 300 năm, trải qua bao nhiêu biến thiên lịch sử, chùa vẫn còn tồn tại sau nhiều lần trùng tu:

Năm Nhâm Tuất Gia Long thứ 1 (1802) thiền sư Bảo Châu vận động môn đồ trùng tu chùa và chỉnh trang Phật tượng.

Năm Tân Mùi, Gia Long thứ 10, bà Hoàng Quốc Muội đến tu tại chùa, mua 3 mẫu ruộng của làng Ái Tử và 3 mẫu tại làng Giao Liêm sung cúng vào chùa.

Dưới thời Thiệu Trị (1841-1847) đại sư Lê Phát Đạt cùng bốn đạo trùng tu, mở rộng thêm.

Năm Qui Mùi, Tự Đức năm thứ 30, tăng ni tín đồ tản mác, chùa bị hư hỏng, ruộng vườn chùa mất dần.

Đồng Khánh năm thứ 2 (1890) Phật tử Lê Thị Thanh Tâm (Lê Thị Đệ) và Lê Thị Thanh Nhật (Lê Thị Dư) mời thiền sư Thông Quảng làm trú trì và mời ông Hoàng Như Hân làm Phổ trưởng lo việc hương khói, chuộc lại 6 mẫu ruộng và tự khí của chùa.

Năm Ất Mùi, Thành Thái thứ 6 (1889), Phổ Phước Huệ và tín đồ cúng dường số tiền hơn 6,000 quan, đại trùng tu chùa.

Năm Nhâm Tuất, Khải Định thứ 7, bốn pho tượng trùng tu chùa, mời thầy Phước Điện (thân sinh của HT Thích Đôn Hậu) chùa Long An, thuộc Phố Liên Trì làm trú trì, từ đó hai Phổ Phước Huệ và Liên Trì hợp thành một.

Năm Giáp Tuất, Bảo Đại thứ 9, đạo hữu trong Phổ phát tâm đại trùng tu chùa, sau đó Hòa Thượng Hải Đức đến khai đại giới đàn, hoằng dương chánh pháp.

Năm Đinh Hợi 1947 chùa bị phá hủy trong cuộc chiến tranh Việt Pháp.

Năm Ất Mùi 1955 Giáo Hội Tăng Già Quảng Trị vận động xây lại chùa trên nền cũ và mời thầy Ân Cần làm trú trì và thầy Tâm Chánh làm giám tự.

Năm Tân Sửu 1961 thầy Ân Cần thôi chức trú trì, giáo hội cử thầy Khai Trí lên thay thế.

Năm 1971, công cuộc đại trùng tu chùa được thực hiện. Hòa Thượng Thích Trí Thủ làm trưởng ban, thầy Ân Cần làm Phó Trưởng Ban, thầy Chánh Trực làm Tổng Thư Ký. Công cuộc trùng tu đang tiến hành thì biến cố chiến tranh 1972 san bằng chùa cũ và phá hủy công trình mới.

Năm 1975-1977 chùa được sửa chữa lại, gồm Phật điện, đài



Chùa Sắc Tứ Tịnh Quang, Quảng Trị  
(Võ văn Tường: *Việt Nam Danh Lam Cố Tự*, tr. 104)

Quan Thế Âm, tháp mộ, phuong truong và các tang phong. Năm 1996 với sự ủng hộ của chư Tăng Ni Phật Tử trong và ngoài nước, Sắc Tứ Tịnh Quang Tự được đại trùng tu, một di tích lịch sử tại tỉnh Quảng Trị, một trung tâm văn hóa và tín ngưỡng được tái thiết, trang nghiêm và sầm uất. (Xem Phan Khâm: *Lịch Sử Tổ Đinh Sắc Tứ* đăng trong *Kỷ Yếu Quảng Trị*, 2000 tr. 38-39)

Trong khuôn viên chùa có ngôi tháp thờ tổ khai sơn. Một ngôi tháp nhỏ, bình dị, khiêm cung. Chùa Tịnh Quang đã dung chứa nhiều vị đại sư nổi tiếng, là tổ đình Phật Giáo Quảng Trị, nơi chứng kiến nhiều nỗi thăng trầm của Phật Giáo Miền Trung từ thời Quang Trung cho đến ngày nay.

Năm Bính Thìn, tức năm 1916, Hòa Thượng Tâm Tịnh về thăm

quê, lưu trú tại tổ đình sắc tứ Tịnh Quang. Nghe tin ngài về, chư tăng và tín đồ gần xa đến vấn an ngài rất đông.

Một hôm đang đứng trước sân chùa nói chuyện với chư tăng, Hòa Thượng thấy một đám học sinh đi ngang qua, liền đưa tay chỉ và nói với chư tăng: “*Đó là tương lai của đất nước. Nhưng tương lai của đạo pháp thì như thế nào? Tre sáp tàn mà măng thì chưa mọc.*” Hòa thượng thường lo nghĩ đến tiền đồ Phật Giáo, muốn xây dựng nền tảng vững vàng cho Phật Giáo, muốn đào tạo kẻ kế thừa sự nghiệp Như Lai. Nhưng làm sao đây, tình hình Phật Giáo lúc bấy giờ không mấy sáng sủa.

Thượng Tọa Thích Mật Thể trong cuốn *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* (tr. 222-224, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, 1984) viết về tình hình Phật Giáo Việt Nam vào thời điểm Hòa Thượng Tâm Tịnh:



Tháp Tổ chùa Tịnh Quang  
(Võ Văn Tường: *Việt Nam Danh Lam Cố Tự*, tr. 104)

*“Xét về điều kiện tín ngưỡng của các nhà vua và những bậc tu hành – tuy các ngài vẫn tu hành đạo đức - ta có thể biết ngay Phật Giáo về đời triều Nguyễn này đã sơ sài lắm.*

*“Trải các triều vua, nhất là triều vua Thiệu Trị, ngài là một ông vua hết lòng sùng phụng và rất sốt sắng với đạo Phật. Những sự nghiệp xây dựng cho Phật Giáo về thời này, ngài là người đáng cho ta chép vào lịch sử hơn hết. Nhưng thật ra Phật Giáo vào thời này đã kém lăm rồi, nên đâu các triều vua vẫn tín ngưỡng sùng phụng, làm chùa đúc tượng mà tinh thần Phật Giáo vẫn suy.*

*“Đến đây, từ trên vua quan cho đến thú dân, ai ai cũng an trí đạo Phật là ở sự cúng cấp cầu đảo chú không biết gì khác nữa. Và phần đông họ chỉ trọng ông thầy ở chỗ danh vọng chức tước, mặc dầu ông thầy ấy thiếu học, thiếu tu. Bởi tệ hại ấy, làm cho Tăng đồ trong nước lần lần sa vào con đường truy lạc, cờ bạc rượu chè, đam trước thanh sắc. Tuy vậy, ở miền trung ương Bắc Kỳ về kỷ luật Tăng Già bê ngoài còn giữ được nghiêm chỉnh đôi chút, chứ như Trung Kỳ phần nhiều thì họ đã có vợ có con một cách công nhiên, không còn áy náy, nhứt là Nam Kỳ ông thầy bà vãi lại càng hỗn độn hơn nữa. Cũng vì tình trạng ấy mà tạo nên hại lớn ngày nay, đến nỗi gần 15 năm lại đây, hiện tượng suy đồi ấy càng biếu diễn đến chỗ tồi bại: phần đông tăng đồ chỉ nghĩ đến danh vọng, chức tước, xin bằng Tăng Cang, Trú Trì, Sắc Tứ v.v... một phương diện khác thì chỉ biết cúng cấp, cầu đảo, phù chú (phù chú đã thành phù thủy hóa) làm tay sai cho các nhà vua chúa, quan quyền, phú hộ, thay vì họ cầu đảo cúng cấp để làm kế sinh nhai, hoặc phải chăm việc đồng áng có thể nuôi sống hàng ngày; còn một hạng nữa chỉ giữ mình cho được thanh nhàn, ăn chơi tiêu khiển bảo là giải thoát... Ôi! Tình thần Phật Giáo đến đây hầu đã tuyệt diệt! Bởi vậy các cảnh chùa trong nước đã thành những cảnh gia đình riêng, không còn gì là tính cách đoàn thể của một tôn giáo nữa. Họ sống trong Phật Giáo hầu hết chỉ để “dốt” và “quên”! Quên để khỏi phải biết đến bốn phận - bốn phận chánh của một tăng đồ.*

*“Ở trong tăng đồ thì như vậy, ở ngoài tín đồ cư sĩ thì cũng ngác ú òa, tin bướng theo càn, ít ai là người hiểu đạo lý.*

*“Trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam ta có thể đánh vào đây một dấu than rất to tướng! Có người bảo Phật Giáo về thời này bị suy đồi là bởi thế lực truyền bá của đạo Thiên Chúa. Nhưng theo ý chúng tôi thì không phải: chỉ là tại nhân tâm của thời đại mạt pháp mà thôi, khiến cho trong Phật Giáo thiếu những bậc tu hành chân chính, đến nỗi đạo pháp phải suy đồi.”*

Không những tại Việt Nam tình trạng Phật Giáo sa sút mà tại các nước khác như Trung Quốc, Đại Hàn, Nhật Bản cũng cùng chung cảnh ngộ khi Phật Giáo bị đứng giữa gọng kìm Khổng Giáo và sức mạnh của nền văn hóa Tây Phương trong giai đoạn bành trướng thế lực.

Tại Trung Quốc, một thi sĩ thế kỷ thứ 18 đã diễn đạt tình trạng một trong những ngôi chùa hoang như sau:

*Không có một vị tăng nào cư trú trong chùa,  
Tượng Phật ngã nhào xuống sân chánh điện,  
Chiếc chuông chùa treo trên cao, lấp lánh ánh nắng chiều  
Chỉ cần một khẻ nhẹ – nhưng buồn thay không ai làm  
Là có thể đóng lên tiếng nhạc trầm hùng trong khung trời cổ kính.*  
(Bài thơ với nhan đề: Chuông Chùa, sáng tác năm 1769.

Arthur Val: Yuan Mei, *An Eithteenth Century Poet*, London 1956)

Triều đình và quần chúng dần dần xa cách Phật Giáo, thật ra không phải hoàn toàn do sự cạnh tranh của nền Tân Khổng Giáo, cũng không hoàn toàn vì hệ thống thi cử ra làm quan dựa vào kinh sách Nho học, mà do guồng máy chính quyền từ thời Tống đến năm 1912 đã được cải thiện, có thể áp đặt quan điểm, chính sách và đường lối của mình một cách hữu hiệu hơn so với những thời đại trước. Ngoài chế độ thi cử, chính quyền còn kiểm soát chặt chẽ chương trình học, kiểm soát sách vở, báo chí; kiểm soát dân từ trên xuống dưới, trong đời sống cá nhân cũng như trong nếp sống tập thể. Chính

quyền dùng mọi hình thức hướng dẫn tư duy và hành động của dân đối với chính quyền.

Tân Khổng Giáo cung cấp cho hàng thương lưu trí thức Trung Hoa một nền triết học, một chủ thuyết được vay mượn từ Phật Giáo, càng ngày càng hấp dẫn, hậu quả khiến các danh gia vọng tộc không thiết tha bảo trợ Phật Giáo. Sức sống của Phật Giáo dần dần đi xuống, không còn chiếm địa vị độc tôn. Tư tưởng mới, phong thái mới, quyền hành mới, con đường đi đến quyền hành mới, tất cả tạo cho hàng sĩ phu Trung Hoa một sự thống nhất tư tưởng và chất keo xã hội mới gắn họ vào thành một khối. Một trong những nhiệm vụ thiêng liêng của giới sĩ phu Trung Hoa cũng như triều đình Trung Quốc là quảng bá đạo lý Khổng Mạnh khắp trong nước và trong thời điểm này quan quyền trung ương cũng như địa phương làm đủ cách khiến cho quảng đại quần chúng phải cắt đứt giây liên hệ tôn giáo, trở về với nền đạo đức dân dã, đạo đức Tân Không Giáo.

Tại Triều Tiên, dưới thời nhà Lý (1393-1910) Phật Giáo suy yếu, nhường thế chỉ đạo cho Tân Khổng Giáo (Lý Học). Vua Thái Tôn thi hành chính sách bài Phật sùng Nho, hủy bỏ các tông phái Phật Giáo, triệt hạ tự viện, thi hành nghiêm khắc lệnh cấm phát đồ điệp, phế bỏ chức Quốc Sư. Vua Thế Tôn đem các tông phái Phật Giáo hợp thành hai tông phái lớn là Thiền Tông gồm Tào Khê Tông, Thiên Thai Tông v.v... và Giáo Tông gồm Hoa Nghiêm Tông, Tứ Ân Tông v.v... hạn chế số lượng tự viện và Tăng Ni. Thiền Tông chỉ được hành trì trong 18 ngôi chùa với 1970 Tăng. Giáo Tông chỉ được hành hoạt trong 18 ngôi chùa với 1750 Tăng, còn tất cả những ngôi chùa khác bị phá hủy, số tăng còn lại bị bắt hoàn tục.

Từ năm 1651 đến năm 1910, từ thời vua Hiếu Tông (1650-1659) trở về sau Phật Giáo hết sinh lực, không có chư tăng giảng dạy Phật Pháp, không có Trú Trì bảo quản tự viện. Vua Hiển Tông (1660-1674) cấm không cho dân chúng xuất gia tu Phật,

bắt Tăng Ni hoàn tục, làm cho Phật Giáo Triều Tiên hầu đi đến chốn diệt vong.

Trong lịch sử truyền thừa, phát triển, Phật Giáo đã phải đương đầu với những nền văn minh bản xứ. Phật Giáo Trung Hoa, Việt Nam nhiều lần bị Khổng Giáo chèn ép, nhưng chưa bao giờ đến mức độ thê thảm như Phật Giáo Triều Tiên. Dưới thời Lý, chư Tăng Phật Giáo không được cư trú tại thủ đô, khắp nước không được quá 38 ngôi chùa, không được quá 3,720 Tăng Ni và vị thế xã hội của hàng Tăng Ni trở thành giai cấp thấp nhất trong xã hội Triều Tiên.

Dầu bị đàn áp, dầu bị liệt vào giai cấp thấp nhất trong xã hội dưới thời nhà Lý, Phật Giáo Triều Tiên vẫn tồn tại. Tư tưởng Phật Giáo, nếp sống Phật Giáo, tinh thần dung hợp của Phật Giáo, hình ảnh đức Quán Thế Âm cứu khổ cứu nan là nơi nương tựa tinh thần và tình cảm của dân chúng Đại Hàn. Tịnh Độ Tông là nguồn nước mát cho dân Triều Tiên trong phong ba bão táp thời đại.

Tại Nhật Bản, dưới thời Giang Hộ (Edo 1603-1867), Phật Giáo được chính quyền ủng hộ triệt để, đã trở thành cánh tay đắc lực của chính quyền Mạc Phủ. Quyền lực và danh lợi thường đi đôi với nhau. Tăng sĩ ngày càng bị tha hóa, trở nên xa hoa, trụy lạc, quay lưng lại với lý tưởng giải thoát, mua lấy sự căm phẫn của giới trí thức và quẳng đại quần chúng.

Trong thời Giang Hộ, một số nhân sĩ trí thức đứng lên công kích Phật Giáo. Tại Phiên Thủy Hộ (Mito) chính quyền địa phương ủng hộ quan điểm của phái Chu Tử, thi hành chính sách Thần Phật Phân Ly, chỉ giữ lại những ngôi chùa lớn, còn những ngôi chùa nhỏ và những chùa không có tăng sĩ cư trú thì phế bỏ. Tuy nhiên những hành động như vậy chỉ có tính cách địa phương. Phật Giáo vẫn còn mạnh dưới tàng lọng của Mạc Phủ. Đến thời Minh Trị (1867-1912) tình thế thay đổi. Tháng 3 năm 1868, Thiên Hoàng Minh Trị ra sắc lệnh Thần Phật Phân Ly, bắt hoàn tục các vị tăng chỉ biết làm nhiệm vụ cúng kiến,

đang trông nom các ngôi Thần Cung Tự, phụ thuộc các ngôi Thần Xã; bắt không được lấy tượng Phật làm tượng Thần, không được sử dụng danh từ như Bồ Tát v.v... cho các vị Thần, phá bỏ các loại pháp khí như chuông mõ trong các ngôi đền thờ Thần.

Những nhà Quốc Học cũng như Chu Tử Học vốn không có cảm tình với Phật Giáo, đặc biệt với hàng tu sĩ Phật Giáo mà họ cho là sa đọa, dựa vào sắc luật Thần Phật Phân Ly, ra sức tàn phá Phật Giáo. Họ tung ra chiến dịch Phế Phật Hủy Thích trên toàn quốc, dùng gậy gộc, dao búa xông vào các tự viện đốt phá chùa chiền, kinh tượng, bắt tăng sĩ hoàn tục. Phong Trào Phế Phật Hủy Thích làm cho Phật Giáo phải thần phục thể chế chính trị mới, thể chế lấy Thiên Hoàng làm trung tâm quyền lực và chính trị.

Mặc dầu bị phá hoại, bị đàn áp, Phật Giáo không vì vậy mà bị mai một. Sau pháo nạn rùng rợn vào những năm đầu thời Minh Trị Duy Tân, Phật Giáo nhận thấy cần phải chấn chỉnh nội bộ, thanh tịnh hóa thiền môn, tôn trọng đạo đức, lấy giới luật làm thầy. Ngoài ra Phật Giáo còn phải tích cực hoạt động xã hội, mở các chiến dịch chống trộm cướp, chống phá thai, xây dựng bệnh viện, cô nhi viện, dưỡng lão viện, tổ chức những đoàn tuyên úy giúp đỡ, hướng dẫn tù nhân.

Tại Việt Nam dưới thời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, theo Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận III* “*tuy Phật Giáo ít bị kỳ thị nhưng chủ lực chính trị nằm trong tay Nho gia. Từ năm 1817 về sau, các Nho gia cảm thấy có sự liên kết giữa những phong trào truyền đạo Cơ Đốc và sự phát triển của thế lực thực dân cho nên đã bắt đầu chống đối Cơ Đốc Giáo. Sự chống đối này phát triển mạnh từ khi vua Minh Mạng lên ngôi... Dần dần một số Nho Gia trở nên có cảm tình với đạo Phật. Nhưng phải đợi cho đến khi văn hóa Tây Phương du nhập, tây học chiếm chỗ của Nho học, ta mới thấy cảnh Nho sĩ và Tăng sĩ ngồi chung uống trà đàm đạo noi thiền viện...*” (VNPGSL III tr. 13)

Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh đang đứng nói chuyện với chư tăng trước sân chùa Tịnh Quang, thì vừa lúc ấy, một toán học sinh khác đi ngang qua. Mặt mũi đứa nào đứa nấy trông sáng sủa, đặc biệt trong đó có một cậu học sinh độ chừng 11, 12 tuổi với đôi mắt sáng, trán rộng, mũi cao. Hòa thượng chăm chú nhìn cậu học trò khôi ngô khác thường ấy, rồi bước đến gần, cầm tay cậu học trò ấy, hỏi:

- Con tên gì, bao nhiêu tuổi?
- Con tên Thuần, Diệp Trương Thuần. Con 11 tuổi.
- Con học gì đó, đưa ta xem nà.
- Con học Luận Ngữ.
- Con học chữ Nho năm nào? Tại sao con không học chữ quốc ngữ mà học chữ Nho?
- Con học chữ Nho cách đây 4 năm khi con lên 7. Vì Thầy con cho con học chữ Nho nên con học chữ Nho.

Cậu học trò nhỏ trả lời rõ ràng, lễ phép. Hòa Thượng giở sách, chỉ mấy dòng, bảo đọc. Trò đọc ngay:

*“Quân tử chi học văn bồ nhĩ  
Nhập bồ tâm, bồ bồ tú chi,  
Hành bồ động tịnh...”*

Hòa Thượng dở chõ khác bảo đọc. Trò nghe lời, đọc:

*“Tủ viết: quấn tủ thực vô cầu bảo,  
cư vô cầu an,  
mẫn ư sự nhi thận ư ngôn,  
tựu hữu đạo nhi chính yên, khả vị học đã dĩ.”*

Hòa Thượng bảo:

- Con giải nghĩa cho ta nghe thử.
- Không ngần ngại, trò giải nghĩa suông sẻ. Hòa Thượng choc:
- Sao, con ăn mà không cầu no hả? Ở mà không cần tiện nghi hả?
  - Con không biết. Thầy giải nghĩa thế nào thì con chỉ biết giải nghĩa theo lời thầy.

Hòa thượng vuốt đầu, khen:

- Con ngoan, giỏi lăm, giỏi lăm.

Sau khi đám học trò đi rồi Hòa Thượng hỏi quý thầy về đứa trẻ. Con cái nhà ai. Quý thầy trong sơn môn cho biết đứa trẻ ấy là con của cụ Diệp Văn Kỷ ở làng Xuân An, tổng An Đôn, phủ Triệu Phong. Nhà cụ ở trên bờ sông Thạch Hãn.

Hòa thượng Tâm Tịnh hỏi:

- Nhà cụ Kỷ cách chùa có xa lăm không?
- Không xa lăm, độ chừng 5, 6 cây số.
- Có cách gì chúng ta đến thăm cụ, gặp lại cháu nhỏ khi nãy?
- Để chúng con sắp đặt.

Chiều hôm ấy, sau khi thọ trai xong Hòa Thượng Tâm Tịnh và một số quý thầy lên đường đến nhà cụ Diệp Văn Kỷ. Bốn chiếc xe ngựa chở Hòa Thượng và chư sơn đến xã Xuân An. Xe đậu bên sông. Hòa Thượng và chư sơn phải đi thuyền qua bên kia. Thuyền đậu ngay trước bến nhà cụ Kỷ. Hòa Thượng và chư sơn bước lên bờ.

Được báo tin trước, cụ Kỷ và một số người trong gia đình đã túc trực tại bến đò. Khi Hòa Thượng và chư sơn bước lên bờ, cụ Kỷ và gia quyến chấp tay cung kính vái chào và mời Hòa Thượng cùng chư sơn vào nhà cách bờ sông chừng 20 thước.

Sau khi đã pha trà mời Hòa Thượng và chư sơn dùng, cụ Kỷ bảo con cháu ra sắp hàng để cụ giới thiệu:

- Đây là đứa con trai đầu của bà vợ cả đã qua đời tên là Diệp Văn Hùng đã thành gia thất.
- Đây là cháu gái đầu của bà vợ kế, tên là Diệp Thị Tý. Bà vợ kế cũng đã qua đời cách đây 2 năm.
- Đây là cháu Diệp Trương Thuần, 11 tuổi mà Hòa Thượng và chư sơn đã gặp sáng nay tại chùa Sắc Tú.
- Đây là cháu Diệp Trương Cẩn, con trai kế.
- Đây là dì Chắt, em ruột của tiên nội, lo săn sóc các cháu khi bà chị qua đời.

Hòa Thượng hỏi cháu Thuần sinh giờ nào, năm nào?

– Cháu sinh vào giờ Tỵ, ngày Hợi, 13 tháng Giêng năm Ất Tỵ, tức là ngày 16 tháng 2 năm 1905.

Nghe xong Hòa Thượng bấm đốt tay tính nhẩm rồi vui vẻ nói với cụ Kỷ:

– Cháu Thuần có tướng số rất tốt, có bốn Tiên đạo, lớn lên ở đời sẽ làm quan cao, chức lớn, nếu xuất gia đầu Phật sẽ trở thành người hữu dụng cho Phật pháp.

Cụ có biết không, Hòa Thượng hạ giọng:

*“Quan trường là hoạn hải, sông danh sóng lợi chưa biết sẽ kéo ta vào ngả nào, chi bằng theo Phật, dù có ba chìm bảy nổi cũng chuẩn bị cho con đường giải thoát thênh thang, sáng sủa hơn”*.

Cụ Diệp văn Kỷ nghe lời Hòa Thượng dạy lặng thinh không trả lời.



## CHƯƠNG 5:

---

# MỘT THOÁNG TRẦN DUYÊN, MỘT GIÂY SINH TỬ

Cụ Diệp Văn Kỷ từ ngày Hòa Thượng Tâm Tịnh ghé thăm, nghe những lời tiên đoán của Hòa Thượng về đứa con trai Diệp Trương Thuần mà lòng không yên. Cụ không biết phải xử trí như thế nào, muốn con của mình sau này làm quan, rạng danh tổ tiên hay là xuất gia cầu đạo giải thoát, giúp chấn chỉnh Phật Giáo đương trên đà suy thoái? Dẫu ở vị trí nào, theo cụ nghĩ, cũng phải cho con ăn học đàng hoàng, vì vậy từ ngày ấy cụ chăm sóc việc học hành của cậu con trai Diệp Trương Thuần nhiều hơn. Cụ mời gia sư về nhà dạy học, luyện cho xong Tứ Thư, Ngũ Kinh. Đến năm 12 tuổi, năm Đinh Tỵ, 1917 cụ cho con lên trường huyện học chữ quốc ngữ.

Trường học cách nhà ba bốn cây số. Sáng học chữ quốc ngữ, tối tiếp tục học chữ Nho, ròng rã bốn năm cho đến năm Tân Dậu, 1921, Diệp Trương Thuần thi đậu bằng Tiểu Học, một thành công khá lớn thời bấy giờ. Cụ còn nhớ sau khi đậu bằng Tiểu Học, cả làng ăn mừng. Trong bữa tiệc tổ chức tại đình làng, các ông tiên chỉ, á chỉ cho cậu Thuần được ngồi chung chiếu dự tiệc. Các cô các cậu trong làng thì thầm, chỉ chỏ.

Sau khi đậu bằng Tiểu Học, cụ không cho con học tiếp vì muốn học tiếp, phải vào Huế mà cụ lại không muốn cho con xa nhà. Vì vậy Diệp Trương Thuần lại tiếp tục học chữ Nho và học nghề làm thầy thuốc Bắc, nối nghiệp cụ.

Lời tiên đoán năm xưa của Hòa Thượng Tâm Tịnh mãi lớn voblin trong đầu óc của cụ Kỷ khiến cụ thường xuyên suy nghĩ. Một hôm sau buổi cơm chiều, cụ Kỷ mờidì Chắc và con trai trưởng Diệp Văn Hưng uống nước trà để cụ tâm sự:

- Thằng Thuần năm nay đã 16 tuổi. Ta có nên bàn tính chuyện tương lai của nó không?
- Chuyện tương lai là chuyện gì thưa thầy? Anh Hưng hỏi.
- Con đương còn nhỏ, mới 16 tuổi đâu? Dì Chắc góp ý.
- Nhỏ gì nữa, thằng Tâm lối xóm mới 15 tuổi đã lấy vợ rồi thì sao?
- Phải rồi. Dì Chắc đồng ý.
- Nhưng nó chưa có công ăn việc làm mà nói chuyện lập gia đình có vội lắm không? anh Hưng thắc mắc.
- Thì cứ lo chuyện chọn vợ, gả chồng trước, rồi lo đến tương lai sau. Hơn nữa nhà mình cũng không đến nỗi, thêm cái chén đũi đũa thì có nhầm gì.
- Nhà mình cũng cần thêm người làm ruộng. Dì Chắc đưa ý kiến.
- Dì muốn chọn đâu hay chọn người giúp việc? Cụ Kỷ cười hỏidì Chắc.
- Thì có gì đâu mà anh phải quá bận tâm?
- Chắc chi Thuần nó chịu?
- Thì anh để tôi hỏi dò xem thế nào?
- Nhưng lấy ai? Dì và anh Hưng có thấy mối nào chưa?
- Con thấy cô Hạnh con bà Yến ở thôn kế cạnh vừa xinh, vừa ngoan, nhiều người ngắm nghé lắm, nếu không mau tay mất đi uổng lắm! Anh Hưng gợi ý.
- Dì Chắc nghĩ thế nào? Hùng mà nói kỳ quá! Chọn vợ chứ đâu phải đi mua trâu mua bò mà nói như vậy!
- Con nghĩ cũng phải gấp, nếu không mất đi thì uổng lắm.

Hơn nữa lỡ em Thuần thích người khác thì làm sao?

- Em Thuần không có vậy đâu. Nó muốn đi tu đó!
- Tu gì, tu hú hả? Dì Chắc nói đùa để đánh phủ láp.
- Dì Chắc ăn nói kỳ khôi quá! Cụ Kỷ trách.

Những lời bàn tán giữa thân sinh, dì Chắc và anh Hùng, tình cờ lọt vào tai của cậu thanh niên 16 tuổi. Cậu nghe câu chuyện mà lòng phân vân, nhưng không dám bày tỏ ý kiến. Cậu đã có lần gặp cô Hạnh, một cô gái xinh đẹp nết na mà nhiều chàng trai trong làng nhòm ngó. Tuy cậu cũng thích, nhưng chưa bao giờ nghĩ đến chuyện lập gia thất vì đương còn nhỏ mà chưa có nghề nghiệp gì. Cậu không muốn mình là một nông dân bình thường, ít nhất cũng phải làm nghề thuốc như cha mà làm nghề thuốc đòi hỏi nhiều thời gian học tập. Lòng cậu vừa phân vân, vừa xao động. Một ít bối rối, một ít trông chờ, một ít âu lo!

Một hôm cụ Kỷ gọi con là Diệp Trương Thuần đến ngồi gần, rồi nói cho cậu biết ý định của cụ, muốn cưới cô Hạnh cho cậu. Để làm vui lòng thân phụ, cậu không chống đối, nhưng lòng vẫn phân vân.

Thời gian lặng lẽ trôi qua cho đến một ngày cụ ông ngồi uống nước trà trên bộ trường kỷ giữa nhà, thấy cậu đi ngang qua, bảo cậu đến gần rồi cho biết ý định của cụ về việc gia thất tương lai của cậu:

- Con năm nay bao nhiêu tuổi rồi?
- Dạ con 16 tuổi.
- Lớn vậy hả? Đã yêu cô nào chưa?
- Thầy nói giỗ, con đâu dám!
- Thôi đi, đừng dấu thầy nữa. Cụ Kỷ đùa chọc.
- Thật vậy thưa Thầy. Con đang còn nhỏ lại không có công ăn việc làm. Con còn đi học mà!
- Thôi được. À con có biết cô Hạnh bên thôn kế cạnh không?
- Cô Hạnh nào, phải cô Hạnh con bà Yến không Thầy?
- Chính cô đó. Con thấy cô ấy như thế nào?
- Con không để ý nên không biết!

- Anh Hưng và dì Chắc nói cô ấy nết na, xinh xắn. Con nghĩ thế nào?
- Con không biết!
- Thôi đi. Thầy muốn hỏi cô ấy làm vợ cho con. Con nghĩ sao?
- Thầy để thong thả cho con suy nghĩ rồi có ý kiến thưa thầy.
- Thôi được, nhưng không được để lâu nghe không?
- Dạ.

Cô Hạnh năm nay 15 tuổi, da dẻ hồng hào, mặt mày xinh xắn, được nhiều chàng trai trong làng, trong xóm chú ý chọc ghẹo, nhưng cô tỏ ra rất đoan trang, thùy mị, đứng đắn. Một hôm tình cờ cậu Thuần gặp cô đi trên cầu, đi về phía cậu, bị một chàng trai chặn đường chọc ghẹo. Cô lách người bỏ chạy. Thấy vẻ đẹp thùng của cô làm cho cô đỏ mặt, thêm xinh. Người này bây giờ thầy mình muốn chọn cho mình. Nghĩ đến chuyện đó, cậu vừa lo vừa thích. Một thoáng trần duyên: ấm áp, hấp dẫn, lôi cuốn lòng người. Nhưng nói đến chuyện đó cậu vừa lo, vừa ngại. Lo ngại không biết làm thế nào để nuôi sống gia đình. Lo ngại bước vào một đoạn đời quá phiêu lưu, quá bất ngờ. Cậu không đủ sức quyết định.

Ngày tháng trôi qua...

- “Thuần ơi”! thầy gọi.
- Nghe tiếng chị Tý gọi, cậu Thuần từ trong nhà chạy ra, thấy thầy đang ngồi trên bộ ghế trường kỷ, vừa hút thuốc, vừa uống nước trà, cậu thưa:
- Thầy gọi con?
- Ủ. Chuyện thầy nói với con về việc cô Hạnh cách đây hơn một tháng con đã nghĩ kỹ chưa, ý kiến con như thế nào?
- Con còn nhỏ tuổi, lại chưa có nghề nghiệp.
- Nhỏ tuổi? Chưa có nghề nghiệp? Thằng Tâm bên lối xóm nhỏ hơn con mà đã có vợ sắp sửa có con rồi đó.

Cậu không dám cãi lại. Giáo dục gia đình không cho phép cậu làm vậy.

Thầy con không nói gì, cụ quyết định, gọi dì Chắc lên dặn dò:

– Dì lo may cho cháu cái áo lương đen, mua cho nó cái nón gò găng, sắm cho nó đôi giày hạ để bữa nào tôi dẫn nó qua thăm bà Yến, bà mẹ vợ và xem mặt cô dâu tương lai như thế nào.

Để làm vui lòng cha, cậu Thuần lặng thính không nói điều gì. Một tháng sau vào ngày giờ Cụ Kỷ đã xem cho là giờ hoàng đạo, cụ dẫn con đến thôn kế cận, thăm bà Yến và cô Hạnh, bà sui và con dâu tương lai.

Cậu Diệp Trương Thuần xúng xính trong chiếc áo lương đen, đầu đội nón gò găng với giải nón bằng lụa sát cằm, chân đi đôi guốc vông trắng (đôi giày hạ bằng da bóng loáng bỏ trong xách), theo sau phụ thân đội khăn đóng, mặc áo dài đen, chống dù đi trước. Hai cha con, đi trên bờ ruộng giờ đây khô ráo, băng qua cánh đồng đến thôn kế cạnh. Cụ ông đi trước, thỉnh thoảng đáp lời chào hỏi của những dân làng quen thuộc đi ngang. Riêng cậu Thuần có vẻ ngượng nghịu trước lời chào hỏi mà cậu cho có vẻ chế nhạo, với chàng trai trẻ tuổi sang nhà mẹ vợ tương lai. Có lẽ vì tự ti mặc cảm mà cậu nghĩ như vậy, chứ dân làng họ không thắc mắc bận lòng mà chỉ vô tư thành thật chúc tụng.

Con đường làng trước đây rất ngắn giờ đây đối với cậu sao mà dài quá, đi mãi không hết. Đến đầu đường, cậu vội lấy đôi giày hạ bằng da bóng loáng trong xách tay, thay đôi guốc. Cậu cảm thấy hơi bối rối, nhìn quanh, đi thử vài bước cho chắc chắn, bỏ đôi guốc vào xách, theo cha đến trước cổng nhà bà Yến, thấy trong nhà nhiều bóng người qua lại.

Ngôi nhà bà Yến ba gian hai chái, lợp ngói trông có vẻ bề thế. Tim cậu đánh thình thịch. Không biết cậu sợ chuyện gì hay sắp gặp mặt người vợ tương lai? Trong phút chốc ấy cậu lại nhớ hình ảnh của Hòa Thượng Tâm Tịnh, cứ thỉnh thoảng lẩn vởn trong đầu óc cậu, không biết tại sao bây giờ, trong giờ phút này lại hiện ra. Cậu muốn gạt hình ảnh đó sang một bên, nhưng không được. Nụ cười hiền hòa, bao dung của Hòa Thượng ám ảnh cậu.

– Đi mau con. Ông Kỷ quay đầu lại nhìn cậu, thúc dục.

Bà Yến đứng sẵn trước cửa, ân cần niềm nở đón chào cụ Kỷ:

– Chào Cụ. Tôi đợi cụ từ sáng đến giờ. Còn cháu Thuần nữa, cháu mau đi vào.

Bà Yến thật tử tế, rất vồn vã, ân cần:

– Cụ có mạnh khỏe không? Đi đường có mệt không?

– Cám ơn bà, nhờ Trời Phật tôi vẫn được bình thường. Hôm nay trời mát, hơn nữa không xa lăm nên không thấy mệt. Còn bà như thế nào? Độ rày làm ăn có suông sẻ không?

Cụ Kỷ ngồi trên chiếc sập gỗ bóng loáng, có kê cái án và cái gối xếp. Cụ tì tay vào gối xếp trông có vẻ thoải mái. Bà Yến ngồi trên bộ phản đối diện, trước mặt có khay đựng cau trâu. Cậu Thuần ngồi trên chiếc ghế đã để sẵn, cạnh chiếc sập gỗ.

Bà Yến bưng khay trâu qua mời cụ Kỷ, rồi quay mặt về phía dưới nhà gọi:

– Hạnh ơi! Pha nước mang lên đây con.

Cô Hạnh từ dưới nhà bưng khay nước với ba chén nước để trên dĩa. Cô mặc chiếc áo dài màu tím nhạt, quần trắng, đi đôi guốc cườm. Cô nhỏ nhẹ cúi đầu chào cụ Kỷ, nhưng như có vẻ không để ý đến sự hiện diện của cậu Thuần, vì không thấy cô nhìn hay chào hỏi gì cả. Cô nhẹ nhàng đặt khay nước trên chiếc án, bưng chén nước để trên dĩa đặt trước mặt cụ Kỷ, mời cụ dùng nước, mang nước mời me, rồi dắt thêm cái kỷ để tách nước bên cạnh ghế cậu Thuần ngồi, không nói một lời, rón rén đi vào phòng trong. Cậu Thuần ngẩng mặt nhìn cô Hạnh trong giây lát rồi cúi mặt xuống, cũng không có lời cảm ơn. Không khí thật nặng nề giữa hai người trai gái này. Không biết họ nghĩ gì. Chắc tim họ đập mạnh lầm vì thấy mặt mày người nào người nấy không thoa son mà đều đỏ cả và từ đó cậu Thuần không nghe rõ lời trao đổi giữa cụ Kỷ và bà Yến. Tại họ nói nhỏ quá hay tại tâm hồn cậu quá bấn loạn? Cậu chỉ thỉnh thoảng nghe họ cười. Tiếng cười của họ sao khó nghe quá, làm cậu

thêm đỏ mặt và chắc chắn sắc mặt của cô Hạnh cũng như thế.

Sau một thời gian dài gần một thế kỷ, cụ Kỷ chào bà Yến ra về, kéo cậu đi theo, vừa cười vừa nói với bà Yến, chọc quê cậu:

– Chắc cháu nó muốn ngồi đây mãi. Hay để cho cháu ở lại. Bà Yến cười, tiễn cụ Kỷ và cậu ra cửa.

Trên đường về, cụ Kỷ hỏi:

- Con thấy cô Hạnh như thế nào? Có được không?
- Con có thấy gì đâu?
- Không thấy sao mà con ngây người như mất hồn, mất vía vậy? Cụ Kỷ vừa đi, vừa tẩm tẩm cười, tỏ vẻ rất hài lòng...

Vừa bước chân vào nhà, chưa kịp cởi giày, móc nón lên tường thì có người chạy vào nhà hoảng hốt báo tin chị Bảy, cháu kêu cụ Kỷ bằng cậu, vừa mất ở bệnh viện, mới đưa về nhà. Chị Bảy vào bệnh viện sinh đứa con trai thứ ba cách đây mấy ngày, mẹ tròn con vuông, tại sao lại lên nỗi này. Chị rất thân với gia đình. Chị rất thương cậu Thuần. Khi còn nhỏ có cái bánh cái kẹo gì cũng dành cho cậu Thuần. Giờ đây chị qua đời, một cái tin sét đánh động trời.

Cụ Kỷ vơ vội cây dù và giục cậu Thuần đi sang nhà anh Bảy. Trong nhà anh Bảy, một cảnh tượng diễn ra trông thật bi thảm. Xác chị Bảy đặt nằm ngay trên bộ phản kê ở giữa nhà. Trên xác chị đắp một cái mền dạ màu xám đã rách. Trên mặt chị đắp một tờ giấy trắng đã ngả màu. Trên bụng chị để một cây dao phòng ngừa mèo có nhảy qua không khiến cho xác người có thể ngồi dậy theo truyền thuyết dân gian. Ba đứa con nhỏ bao quanh xác mẹ khóc bù lu bù loa, vừa khóc vừa réo nhẹ thật quá thảm thiết. Anh Bảy tay bồng đứa bé trai vừa sinh được mấy ngày, da thịt còn đỏ hỏn. Trên trán thằng bé có quết một quết lợnghẹ để trừ tà yêu. Mặt anh Bảy bơ phờ. Miệng anh méo xệch, nói không ra hơi, khóc tức tưởi không thành tiếng. Cô và dượng, cha mẹ của chị Bảy, mặt mày ủ rũ, róm róm nước mắt. Khắp nhà phủ một màu tang tóc, cảnh người tóc bạc tiễn người tóc xanh thật thê thảm.

Họ hàng chung quanh nhốn nháo, người lo chõ kê hòm, người lo tìm cách thiết trí bàn thờ Phật. Mọi người đều lăng xăng âm thầm làm việc nhưng mắt người nào người nấy đều ướt. Suốt thời gian ba bốn ngày cả nhà phủ một màu tang tóc, thê lương.

Hôm nay ngày mở cửa mả chị Bảy. Anh Bảy lủi thủi một mình ra mộ bày đồ cúng rồi thắp ba cây hương cắm trước mộ chị. Anh ngồi trệt xuống dưới đất, chấp tay vái. Miệng thì thầm cầu nguyện. Không biết anh cầu nguyện gì. Cầu cho chị lên thiên giới, về Tịnh Độ hay cầu khẩn chị bảo hộ cho đứa con dại mới ra đời? Chỉ thấy anh xuýt xoát, lẩm bẩm, nước mắt tuôn trào. Có lẽ anh nhớ lại những ngày chị còn sống, vợ chồng thương yêu nhau, gia đình đầm ấm. Giờ đây thì một người một ngả. Sinh ly, tử biệt và cảnh gà trống nuôi con!

Nhưng rồi ngày tháng lặng lẽ trôi qua. Mới đó mà đã một năm kể từ ngày chị Bảy qua đời. Hôm nay là ngày lễ tiểu tưởng chị Bảy. Trên bàn thờ hình chị Bảy chụp lúc sinh thời, thuở còn con gái, xinh đẹp, mộng mơ. Không biết bây giờ chị như thế nào? Chị có tiếc nuối cuộc đời đã qua? Chị có thấy chồng chị, con chị nheo nhóc trên thế gian này? Tiếng các thầy tụng kinh, hồi hướng công đức càng thêm áo não:

*Nguyễn sanh Tây Phương Tịnh Độ trung  
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu.  
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh  
Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ.*

Anh Bảy nghe tiếng tụng kinh, lòng dạ bồi hồi. Nửa muốn chị được sống cuộc đời thanh thoát, gần Phật, gần thần thánh; nửa muốn chị trở về nhân thế chấp lại duyên xưa. Chị Bảy bây giờ có còn đoái hoài đến anh, đến các con? Hay chị bây giờ lấy Phật làm cha mẹ, lấy Bồ Tát làm bạn bè? Chị không còn nhớ tưởng đến anh nữa? Sao quá phũ phàng! Trong khi anh muốn bay qua bên kia thế giới hay xuống tuyỀn đài để mong gặp lại chị!

Bao nhiêu ý nghĩ ngổn ngang. Cậu Diệp Trương Thuần chưa có kinh nghiệm đời nên không bị những ý nghĩ ngang trái ấy dày vò, dồn vặt. Cậu nhìn ảnh của chị Bảy, nhìn hình dạng của anh Bảy, nhìn những đứa con nheo nhóc để thấy cuộc đời thật đầy bi lụy, hạnh phúc thật quá mong manh. Và chỉ chừng ấy, cậu đã thấy choáng váng mặt mày.

Để giữ trạng thái bình tĩnh, ổn định tâm thần, cậu vội vã về nhà lục lại chồng sách cũ, tìm những quyển chuyện mà gần đây cậu mua của bà bán sách cổ để đọc. Mỗi lần đọc sách cổ làm cho cậu thấy tâm thần định tĩnh. Bà bán sách này làm cậu chú ý vì giọng rao và lời rao sách độc đáo của bà. Cậu còn nhớ rõ vào một buổi trưa hè, tiết trời oi ả, cậu và một người anh họ đang ngồi đánh cờ dưới mái hiên nhà, thì nghe tiếng rao trong vút của một bà người Bắc:

- Ai mua “chuyển” không? “Chuyển” đây ai mua không?
- Anh Đức. Anh có biết “chuyển” là cái gì’ không? Cậu Thuần hỏi người anh họ.
- Cậu kém quá! “Chuyển” là chuyện theo giọng Bắc. Và Chuyện tức là truyện theo cách phát âm của người Bắc.
- Thì ra thế! Vậy mà tôi cứ thắc mắc hoài, nhưng không dám hỏi bà rao hàng, sợ bà cho mình dốt!

“Chuyển” của bà này bán gồm đủ loại: truyện cổ tích, truyện Tàu, tuồng hát bội, hát cải lương như *Tam Quốc Chí*, *Thủy Hử*, *Mạnh Lệ Quân*, *Phong Thần*, *Tây Du Ký*, *Phật Bà Quan Âm*... Bà bỏ những tập sách trong hai cái bầu giống như hai cái thúng, có nắp đậy, gánh đi bán khắp nơi.

Cậu Thuần rất thích truyện *Tây Du Ký*, nhất là sự tích *Phật Bà Quan Âm*.

- Anh Đức, trong những sách như *Tam Quốc*, *Thủy Hử*, *Mạnh Lệ Quân*, *Phong Thần*, *Tây Du Ký*, *Phật Bà Quan Âm*, anh thích sách nào hơn cả?
- Tôi thích *Thủy Hử*. Những anh hùng Lương Sơn Bạt làm tôi say mê. Tôi cũng thích *Tam Quốc*, những nhân vật tài ba của

Ngụy, Thục, Ngô.

- Ba nhân vật chính trong Tam Quốc: Lưu Bị, Tào Tháo, Tôn Quyền, anh thích người nào nhất?
- Tôi thích Tào Tháo.
- Anh thích một kẻ phóng đãng, dối chú, dối cha, gian hùng, đa nghi, độc ác như vậy sao?
- Nếu Tào Tháo là người phóng đãng, xảo trá thì làm sao hàng phục được tướng tá tài ba, trung thành liều mình giúp Tào Tháo xây dựng cơ đồ? Tào Hùng, Hứa Chữ, Hạ Hầu Đôn nhiều phen liều chết cứu Tào Tháo. Ngay cả tướng Mạnh Điền cũng đã xả thân bảo vệ Tào Tháo khi ông đang say mê với người đẹp! Tào Tháo thật sự là người nổi bật trong ba nhân vật chính của Tam Quốc Chí. Ông là một chính trị gia lối lạc, một nhà lãnh đạo giỏi, một nhà quân sự có tài, đầy khả năng và đảm lược để có thể đương đầu với Đổng Trác. Ông là người biết trọng dụng nhân tài được thể hiện trong việc đối xử với Bàng Thống. Không những có tài dụng võ mà còn giỏi văn. Ông là tác giả bộ binh pháp *Mạnh Đức Tân Thư*, là nhà thơ nổi tiếng: bài *Đoán Ca Hành* xuất khẩu khi du ngoạn trên Trường Giang, mở màn trận Xích Bích, bài *Khổ Hàn Hành* được xem như một áng văn chương tuyệt tác thời vua Hiến Đế (196-220).  
– Nhưng tôi không mấy thích Tào Tháo vì hành động của ông ta thật quá bá đạo.  
– Tùy thời, tùy thế đôi khi sử dụng vương đạo, đôi lúc cần đến bá đạo. Tuân Tử, một Nho gia thời Chiến Quốc qua hành động của người xưa, liệt kê ba phương thức trị loạn an dân gọi là Vương Đạo, Bá Đạo và Vong Quốc Chi Đạo trong *Chương Vương Bá: Vương Đạo lấy lẽ nghĩa làm căn bản. Bá Đạo lấy tín làm nền tảng. Vong Quốc Chi Đạo lấy lợi và quyền uy làm gốc.*

*“Vương Đạo là vận động cả nước, đem cả nước hô hào làm việc lẽ nghĩa. Không làm gì hại đến lẽ nghĩa. Giết một người vô tội mà được thiêu hạ cũng không làm. Giữ nước là giữ vững lòng mình không bị chao đảo vì quyền uy, lợi lộc. Những người cùng mình làm việc lẽ nghĩa đều là nghĩa sĩ. Những luật pháp*

*đem lại lẽ nghĩa cho quốc gia đều là pháp nghĩa. Kẻ dưới lấy nghĩa mà trông cậy người trên, đó là nền tảng của an định. Nền tảng an định thì nước nhà an định. Nước nhà an định thì thiên hạ an định. Mọi hành động đều dựa vào lẽ nghĩa. Đó là vương đạo, đó là phương thức trị nước của nhà vua.*

*“Bá Đạo lấy tín làm nền tảng. Tuy chưa đạt được chỗ cùng cực của lẽ nghĩa, của đạo đức, nhưng không đi sai tình lý. Xử phạt công minh để cho thiên hạ tin tưởng. Kẻ dưới biết rõ qui luật để noi theo. Khi chính lệnh đã bày ra thì mặc dầu thấy không có lợi cho mình cũng không lùa dối dân. Khi đã kết ước với nước nào, dù không lợi cho mình lầm cũng không bội ước, không lùa dối người. Nhờ vậy luật pháp vững mạnh, địch quốc kính nể, cả nước một lòng, toàn dân tin tưởng. Tuy ở noi hẻo lánh cũng có thể huy động được thiên hạ. Làm điều gì cũng có phương lược, xét việc gì cũng cẩn kẽ súc tích, biết phòng ngừa sự nguy biến, trên dưới tin nhau, vì vậy thiên hạ không ai dám xem thường. Tất cả đều dựa vào chữ tín. Lấy tín làm căn bản, đó là Bá Đạo, đó là phương thức trị nước của hàng Bá.*

*“Con đường làm mất nước, vong quốc chi đạo, là bô hào cả nước làm lợi, không cần phát triển lẽ nghĩa, không cần giữ chữ tín, miễn có lợi là làm, chỉ biết cầu lợi. Trong thì không sợ đối dân, miễn sao có lợi. Ngoài thì không sợ đối nước thân với mình, chỉ cốt có lợi. Trong không lo sửa sang thổ địa tài hoa của mình mà muốn thay đổi tài hoa của người, khiến cho kẻ dưới lấy lòng giả dối đối với người trên. Dưới trên chia rẽ, địch quốc khinh mình, nước thân nghi ngờ mình. Chỉ biết dùng quyền mưu không trọng lẽ nghĩa, coi thường chữ tín, khiến cho nước nhà nguy biến đến ngày mất nước. Đó là Vong Quốc Chi Đạo. Đó là phương thức trị nước chỉ biết quyền mưu, không trọng lẽ nghĩa, không giữ chữ tín”.*

– Ta phải đi theo con đường nào? Anh Đức hỏi? Rồi anh nhận định: Vương đạo, Bá đạo hay Vong quốc chi đạo? Trên thực tế khó thi hành Vương đạo. Kẻ hoạt đầu mới sử dụng Vong

quốc chi đạo. Còn phần đông đều áp dụng Bá đạo. Tào Tháo theo Bá Đạo thì có gì đáng phàn nàn, trách cứ?

- Tôi vẫn cho phương thức Vương đạo là trên tất cả?
- Anh chỉ là người mơ mộng hão huyền!

Anh Đức bước sang chuyện khác, hỏi người em họ:

- Tại sao cậu thích *Tây Du Ký*? Chuyện Tề Thiên Đại Thánh đầy hoang đường, giả tưởng mà cậu cũng thích à?
- Anh không biết đó thôi. *Tây Du Ký* về mặt hình thức là nhịp cầu văn học Trung Hoa từ khuynh hướng tiểu thuyết anh hùng như *Tam Quốc*, *Thủy Hử* sang khuynh hướng tiểu thuyết sinh hoạt như *Kim Bình Mai*, *Hồng Lâu Mộng*, đến tiểu thuyết biểu tượng tâm linh như *Tây Du Ký*. Về mặt nội dung là năng lực quyền biến diệu dụng của Phật, Bồ Tát trong cuộc du hành từ Trung Quốc nhà Đường sang Thiên Trúc thỉnh Tam Tạng Kinh Điển Phật Giáo.

– “*Hầu vương hay Tề Thiên Đại Thánh, giống như các bậc để vương Trung Hoa hay nói chung cho toàn thế giới, đều muốn trường sinh bất tử. Nhưng làm thế nào được. Con người sinh ra trên đời, phải già, phải chết, trừ Thần, Thánh, Tiên, Phật. Nghe vậy Hầu vương tìm đến một vị Tiên Ông xin học đạo, được Tiên Ông thâu nhận, đặt tên là Tôn Ngộ Không. Sau khi luyện được 72 phép thần thông biến hóa, Tôn Ngộ Không trở về động Thủy Liêm, tung hoành khắp nơi, so tài với Hỗn Thê Ma Vương, xuống biển tìm Long Vương đòi thiết bản nặng hàng chục nghìn cân mà Ngộ Không có thể biến nó nhỏ, to tùy ý. Ngộ Không còn xuống địa ngục xóa tên mình trong sổ tử để Diêm Vương không tìm được. Mặc dù vậy Ngộ Không vẫn lo sợ, nên lên Thiên Giới ăn trộm đào, uống rượu tiên để có thể sống mãi không già, không chết nhưng bị Thái Thuượng Đạo Tổ và Phật Bà Quan Âm bắt giam vào lò bát quái. Sau 49 ngày, một đạo sĩ mở nắp lò ra xem Ngộ Không đã chết chưa, vô ý để lò rơi xuống trung giới. Đức Thích Ca phải dùng bàn tay lật lò xuống đất, hóa thành năm ngón núi – năm ngón tay của Phật – gọi là Ngũ Hành Sơn. Đức*

*Thích Ca lại lấy giấy họa phù sai A Nan đến dán nơi chót núi. Tôn Ngộ Không bị giam trong Ngũ Hành Sơn”.*

– Anh có biết không”, Trương Thuần nói tiếp: Đoạn văn trên cho ta thấy cái tài nhồi nặn hai nền văn hóa Ấn Hoa. Cách bắt ấn của Phật Thích Ca dùng bàn tay năm ngón đã biến thành năm ngọn núi lớn và giấy họa phù của Lão Giáo đã trở thành phương tiện hành hoạt của Phật qua A Nan, người đệ tử hầu cận Phật.

Nếu Tôn Ngộ Không mãi mãi bị giam trong Ngũ Hành Sơn thì quá uổng phí. Làm cách nào có thể giải thoát tên khuấy trời chọc nước này? Cải đổi tình tinh nghịch ngợm của anh ta hay biến anh ta thành kẻ hộ đạo?

Phật, Bồ Tát, La Hán họp bàn việc làm cách nào mang Tam Tạng Kinh Điển từ Ấn Độ sang Trung Quốc. Ai có thể đảm đang công việc này? Bồ Tát Quán Thế Âm tình nguyện tìm người phụ trách thỉnh kinh. Ngài từ giã Phật, từ giã chúng hội cùng đệ tử là Huệ Ngạn, nguyên là Mộc Tra Thái Tử con của Lý Thiên Vương, xuống núi Linh Sơn sang Đông Độ tìm người.

Bồ Tát Quán Thế Âm và đệ tử trên đường đi Đông Độ, gặp một con quỉ nguyên là Quyện Liêm Đại Tướng trước kia khi còn ở trên tiên giới, vô ý làm vỡ đèn lưu ly tại đại hội vườn đào, phải xuống hạ giới. Bồ Tát Quán Thế Âm khuyên qui y Tam Bảo, cầu nguyện sám hối, đặt Pháp danh là Sa Ngộ Tịnh, khuyên ở lại tinh tấn hành trì sám hối đợi ngày tháp tùng đoàn đi sang Tây Trúc thỉnh kinh.

Đi đến một khu vực khác, Bồ Tát Quán Thế Âm gặp một con yêu tinh, nguyên trước kia là Thiên Bồng Nguyên Soái ở sông Ngân, say rượu đi lạc vào Nguyệt Cung, chọc ghẹo Hằng Nga, bị Thượng Đế đày xuống hạ giới làm heo rừng. Được Bồ Tát cứu độ, đặt tên là Trư Ngộ Năng, khuyên ăn chay niệm Phật và ở đó chờ đợi ngày tháp tùng đoàn đi Thiên Trúc thỉnh kinh.

Kế tiếp Bồ Tát Quán Thế Âm gặp một con rồng trắng đang bị treo lơ lửng giữa lưng trời, chờ ngày hành quyết. Con rồng trắng này kiếp trước là thái tử con Long Vương Ngao Thuận ở biển Tây, vì quá ham chơi, đốt quả châu trước đền, bị Thượng Đế trừng phạt. Bồ Tát Quán Thế Âm vội bay lên thiên cung xin xá tội cho rồng, khuyên rồng kiên nhẫn ở lại chờ ngày biến thành ngựa kim chờ thánh tăng qua Thiên Trúc thỉnh kinh.

Bồ Tát Quán Thế Âm cuối cùng đi đến Ngũ Hành Sơn thấy hào quang chói rọi, biết đây là nơi Tôn Ngộ Không bị nhốt trong núi. Bồ Tát cho Tôn Ngộ Không biết ngài đang kiểm người giúp thánh tăng sang Tây Vực Thiên Trúc thỉnh kinh. Tôn Ngộ Không mừng rỡ, xin tinh nguyện phò tá thánh tăng dù gian nguy mấy cũng không nài. Nhận thấy Tôn Ngộ Không thực lòng hối cải. Bồ Tát chấp thuận lời thỉnh cầu của Tôn Ngộ Không.

Bồ Tát Quán Thế Âm và đệ tử Huệ Ngạn đi đến Trường An, kinh đô của nhà Đường dưới thời vua Đường Thái Tông. Vua bị bệnh nặng, triều đình kiếm người chữa trị, đưa đại sư Huyền Trang vào kinh, yết kiến vua rồi ở lại kinh đô tụng kinh cầu nguyện cho vua sớm tai qua nạn khóc. Bồ Tát Quán Thế Âm đem tích trượng và áo cà sa cho vua, khuyên vua nên ban những bảo khí này cho ngài Huyền Trang và khuyên ngài Huyền Trang nên đi Thiên Trúc thỉnh Tam Tạng Kinh Điển.

Cuộc du hành từ Trung Quốc sang Ấn Độ bằng đường bộ thật thiên nan vạn nan. Nhờ thần lực của Bồ Tát Quán Thế Âm và lòng hộ trì của đoàn tùy tùng, đặc biệt nhờ tài năng thiêng biến vạn hóa của Tôn Ngộ Không mà ngài Huyền Trang đã hoàn thành công tác, trở về kinh đô Tràng An, được vua Đường Thái Tông tiếp rước nồng hậu, được Phật tổ thọ ký cho Huyền Trang thành Chiên Đàm Công Đức Phật, Tôn Ngộ Không thành Đấu Chiến Thắng Phật, Trư Ngộ Năng (Bát Giới) thành Tịnh Đàng Sứ Giả, Sa Ngộ Tịnh (Sa Tăng) thành Kim Hân La Hán, Bạch Mã thành Bát Bộ Thiên Long.

– Anh Đức có biết không, Trương Thuần nói tiếp: Cái đặc điểm của *Tây Du Ký* không những cung cấp cho chúng ta dữ kiện lịch sử mà còn cho chúng ta thấy bất kỳ một công việc gì, dù nhỏ hay lớn cần sự hợp tác của nhiều người. Pháp sư Huyền Trang nếu không có sự giúp đỡ của đoàn tùy tùng, của đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát, Linh Kiết Bồ Tát, Quốc Sư Bồ Tát, Thái Bạch Kim Tinh, của thần Lục Đỉnh, Lục Giáp, Yết Đế, Công Tào, Quảng Mục, Thiên Vương... thì không làm sao hoàn thành công tác giao phó. Ngoài ra đâu có phạm tội gì, nếu một lòng hối cải thì tội có thể tiêu vong. Dũng nên có tâm chấp nhất...

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát không những giúp đỡ, cứu độ mà còn khuyên giải, chỉ bày, hướng dẫn pháp sư Huyền Trang và đoàn tùy tùng. *Tây Du Ký* thuật lại chuyện pháp sư Huyền Trang sang Thiên Trúc thỉnh kinh, đó là đứng về phương diện nhân gian, còn đứng về mặt huyền bí linh thiêng là vai trò của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Pháp sư Huyền Trang là biểu tượng cho sự thanh cao, lương thiện, đạo đức, mực thước, nhân nghĩa; là biểu tượng của sự chịu đựng, ẩn nhẫn; của từ bi, trí tuệ, đại hùng, đại lực. Tôn Ngộ Không tượng trưng cho sự can đảm, mạnh dạn, ngỗ nghịch, bướng bỉnh. Trư Bát Giới là biểu tượng của sự đam mê dễ bị thế tình lôi cuốn. Sa Tăng tượng trưng cho lười biếng, do dự, rụt rè. Ngựa Bạch Kim là biểu tượng của phương tiện. Không có phương tiện Bạch Kim thì khó có thể vượt hành trình dài muôn vạn dặm, khó có



Pháp sư Huyền Trang và đoàn tùy tùng sang Thiên Trúc thỉnh kinh  
(Minh Đức: *Truyện tích Quán Thế Âm Bồ Tát*, tr. 139, An Tiêm)

thể chuyên chở kinh sách nặng nề từ Tây Vực về Đông Đô.

Tất cả tính tình của con người đều được biểu lộ qua những nhân vật ghi trong *Tây Du Ký* và oai lực của đức Bồ Tát Quán Thế Âm luôn luôn được phô bày qua những đoạn đường gian nan, hiểm trở của hành trình thỉnh kinh, của cuộc đời.

- Cậu có vẻ thông thạo chuyện Phật, anh Đức nhận định.
- Bồ Tát Quán Thế Âm, đối với tôi không những là vị thần mà còn là bùa hộ mạng. Tôi nhớ năm tôi lên 9 tuổi, năm 1914, năm Giáp Dần. Năm ấy mẹ tôi qua đời, một sự mất mát khó tả và là năm tôi bị bệnh đậu mùa vào giai đoạn nghiêm trọng. Bệnh đã thấm vào trong. Tôi nằm mê man suốt hai ba ngày, theo lời thầy tôi và anh em cho biết. Tôi không ăn, không uống, ngay cả sữa cũng không thể uống được. Thầy tôi như anh biết, là một vị thầy thuốc giỏi mà hình như cũng chịu bó tay. Cả nhà tính đến chuyện lo lui. Suốt ngày đêm cả nhà tụng kinh, niệm danh hiệu Quán Thế Âm, cầu ngài từ bi cứu độ.

Đến đêm thứ ba, chị tôi cho biết, vì tôi đâu có rõ ngày giờ, tôi nằm mộng thấy một người đàn bà, dung mạo uy nghi, đẹp đẽ, hiền hậu, đến cạnh giường tôi, cho tôi uống thuốc. Tôi sực tỉnh, thấy người khỏe khoắn rồi bắt đầu từ đó, tôi dần dần bình phục. Tôi kể chuyện này cho thầy tôi và cả nhà nghe. Thầy tôi nói đó là Phật Bà Quan Âm đến cứu độ cho con. Bồ Tát Quán Thế Âm là bùa hộ mạng của tôi. Từ đó trở đi, khi nào gặp khó khăn gì, buồn khổ gì tôi cũng niệm danh hiệu của ngài cầu xin cứu độ.

Tôi gọi bà bán sách mua quyển truyện *Cao Vương Quan Âm*, đọc đi đọc lại nhiều lần, nhất là sau ngày Chị Bảy qua đời. Tôi tự suy nghĩ té ra đàn bà tu mà cũng thành Phật. Còn đàn ông thì như thế nào. Hình ảnh của Hòa Thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh ở chùa Tây Thiên Di Đà lại hiện ra, như ánh hào quang, lôi cuốn tôi về phía ngài để được ngài soi sáng.

## CHƯƠNG 6:

---

# THẾ PHÁT XUẤT GIA, TẦM SỰ, HỌC ĐẠO

Chị Bảy đột ngột qua đời. Cảnh tượng anh Bảy tay bồng đứa con sơ sinh mới mấy ngày khóc lóc tiễn đưa người quá cố. Cảnh tượng anh Bảy lủi thủi một mình mở cửa mả cho vợ. Cảnh tượng anh Bảy cúng lễ tiễn tường trước chân dung chị Bảy đẹp đẽ, thùy mị lúc thiếu thời làm cho cậu Diệp Trương Thuần thấy cuộc đời vô thường, khổ đau, còn đó, mất đó. Con người sống trong hồi hộp lo âu không có cái gì bền vững. Hình ảnh Hòa Thượng Tâm Tịnh hiện rõ trong tâm khảm, tượng trưng cho cái gì thanh cao, thoát tục, an nhiên tự tại. Cậu muốn có cuộc sống như vậy, tiêu diêu tự tại, không vướng bận vào những luyến ái, dục tình nhân thế. Cậu muốn hiến cả cuộc đời của mình cho lý tưởng cao đẹp, vừa cứu mình, vừa độ người. Một cuộc sống lấy hy sinh, phục vụ làm lý tưởng; lấy nhân ái, vị tha làm mục tiêu. Trong tâm tư của cậu ngày đêm thúc đẩy cậu phải làm một cái gì để có thể thoát khỏi cạm bẫy tử sinh, nghiệp duyên ràng buộc. Hình ảnh của cô Hạnh thỉnh thoảng cũng lởn vởn trong tâm thức cậu, nhưng không đủ sức kéo cậu vào cuộc đời nhân thế. Cậu cảm thấy có phần nào băn khoăn, như đã phụ lòng người thiếu nữ hiền thực. Cậu muốn đền đáp hạnh ngộ tương phùng bằng tình thương bao la rộng lớn hơn.

Sau bao nhiêu đêm trằn trọc, cậu quyết tâm xả bỏ cuộc đời trần thế, tâm sự học đạo. Vào ngày trăng tròn tháng 8 năm Nhâm Tuất (1922), sáng sớm cậu trình trọng xin phép phụ thân đi tu. Cụ Kỷ lắng nghe người con trình bày ý nguyện. Cụ có vẻ suy tư. Nửa buồn, nửa vui. Buồn vì sắp xa đưa con thân yêu, vui vì thấy con có chí lớn, muốn hiến thân phụng sự đạo pháp. Cụ lắng nghe, không nói một lời, chỉ lắng lặng gật đầu.

Một tháng sau vào đêm 18 tháng 9 Âm Lịch, cậu ngồi vào bàn, viết một bức thư để lại cho phụ thân, rồi thu xếp một ít hành lý, vật dụng cần thiết cho chuyến đi lâu dài. Cậu muốn viết thư vì trước mặt phụ thân, cậu không thể trình bày những gì sâu kín trong lòng đối với cha già, đối với anh em, đối với cô Hạnh và gia đình cô, đặc biệt là ý nguyện xuất gia quá mạnh, dâng lên như ngọn thủy triều.

Sáng hôm sau, ngày 19 tháng 9 năm Nhâm Tuất tức là ngày 7 tháng 11, 1922, cậu thức dậy sớm, pha trà hâu phụ thân, rồi xin phép phụ thân vào Huế tìm đường xuất gia. Cụ Kỷ cẩn dặn:

– Thầy đã đọc kỹ bức thư của con để lại đêm hôm qua. Suốt đêm thầy không ngủ được, linh tính báo cho thầy biết có chuyện bất thường xảy ra. Thầy ngồi dậy, xuống giường lấy nước uống thì thấy bức thư của con. Thầy rất mừng thấy có người con phát tâm bồ đề, đi theo tiếng gọi xuất trần. Tuy nhiên thầy không khỏi lo ngại. Nếp sống con sắp sửa đi vào thật thiên nan vạn nan, đòi hỏi lòng kiên trì và tín tâm mạnh mẽ. Từ đây con sẽ không có người thân bên cạnh. Con tin Tam Bảo, con tin ở đức Quán Thế Âm, thầy khuyên con nếu gặp gì khó khăn trắc trở, con nên cầu nguyện ngài từ bi tế độ. Thầy quen với Hòa Thượng Tâm Tịnh, một cao tăng học hạnh vẹn toàn. Thầy sẽ không viết thư cho Hòa Thượng để gửi gắm con, vì như vậy sẽ làm động niệm chúng điệu trong chùa và giảm đi phần nào chí nguyện xuất trần của con. Tuy nhiên sau khi con được Hòa Thượng Tâm Tịnh chấp nhận, thầy sẽ vào thăm Hòa Thượng và thăm con xem đời sống mới của con như thế nào.

Cậu Diệp Trương Thuần khắc cốt ghi tâm những lời dặn dò của thân phụ. Cậu lạy thân phụ hai lạy tỏ lòng biết ơn công lao dưỡng dục. Sau khi từ giã anh chị em, cậu vội vàng đi bộ đến ga xe lửa, mua vé tàu đi Huế. Cậu mua vé hạng ba của chuyến tàu hàng. Tàu chạy rất chậm, dừng lại nhiều trạm: Hải Lăng, Diên Sanh, Mỹ Chánh, Phò Trạch, Ga Cây Số 10, ga Văn Xá, cuối cùng đến ga Huế. Toa tàu đầy nghẹt người, phần nhiều là người làm ăn buôn bán, thúng rổ, gà vịt ngổn ngang. Ghế ngồi bằng gỗ không đủ chỗ, nhiều người ngồi trên sàn tàu. Đoạn đường từ Quảng Trị vào Huế không quá 60km mà mất hết hơn hai giờ. Đoạn đường khá quen thuộc vì đã hai ba lần cậu theo thân phụ vào Huế, nhưng lần này cậu thấy đoạn đường này như muôn trải dài ra trước mắt. Con tàu thì như vô tình, âm ĩ lao về phía trước không đoái hoài gì đến nỗi lòng nao nao của cậu với bao nhiêu kỷ niệm lui dần về phía sau.

Trong khi cậu Diệp Trương Thuần ngồi trên xe lửa trên đường đến Huế, cụ Kỷ lấy bức thư đọc lại một lần nữa:

*Thưa Thầy:*

*Trước hết con xin lạy Thầy hai lạy gọi là một chút đèn đáp công lao nuôi dạy như trời biển của Thầy. Khi mẹ con mất đi, để chúng con lại, Thầy đã gánh vác cả hai vai, nuôi nấng dạy dỗ anh em chúng con khôn lớn đến ngày hôm nay.*

*Riêng con, Thầy lại sắp tác thành đôi lúa, song giờ đây khi Thầy đọc bức thư này, con biết Thầy sẽ đau buồn lắm, nhưng biết làm sao khi lòng con không muốn vướng vào khổ lụy.*

*Thưa Thầy,*

*Chính cái chết đau thương của chị Bảy để lại một đòn*

*con thơ nheo nhóc là một tiếng sét đánh ngang tai con,  
đã làm cho con tỉnh ngộ.*

*Nay con xin phép được kể lại với Thầy để Thầy thấy rõ  
tâm tư của con, là khi ở nhà bác Yến về, con đang vạch  
một chương trình cho việc xây dựng hạnh phúc sau ngày  
cuối vợ. Con xin thưa thật với Thầy, là con rất bâng lòng  
cô Hạnh khi thấy cô ta mặt mày hiền lành, phúc hậu,  
lại có tư chất đúng đắn như con đã gặp tại nhà bà Yến  
trong dịp đi theo hâu thày.*

*Nhưng than ôi chương trình xây dựng hạnh phúc con  
vạch chưa xong, bước đi chưa được một đoạn đường  
ngắn ngủi, thì cái chết bất thắn của chị Bảy đã là một  
hồi chuông cảnh tỉnh cho con thấy rõ được hai chữ vô  
thường. Vì lẽ đó, con tin rằng số con được đi tu, nên hồi  
chuông cảnh tỉnh ấy đã điểm vào đúng lúc.*

*Thưa Thầy,  
Chắc Thầy còn nhớ hôm mồng một Tết, vợ chồng anh  
Bảy đến chúc Tết nhà ta, vợ chồng con cái ríu rít bên  
nhau trông thật là hạnh phúc. Thế nà chưa đầy một  
tháng sau thì chị Bảy đã ra người thiền cổ, tang tóc trùm  
trọn cả gia đình. Thật có ai ngờ!*

*Chỉ Bảy giờ đây đã được mô yên, mà đẹp, nhưng còn  
anh Bảy thì nay một tay phải nuôi dưỡng bốn đứa  
con thơ thật là tội nghiệp. Cảnh tang thương của gia  
đình anh Bảy như vận vào đời con. Bỗng nhiên con  
nghĩ, rồi cũng một ngày nào đó, gia đình con cũng sẽ  
như gia đình anh Bảy, nếu một trong hai đứa chúng  
con chết đi, cũng để lại cho nhau một đàn con thơ lúc  
nhúc như vậy, thì khổ biết nhường nào. Và không đâu  
xa, nhớ lại ngày mẹ con mất, cũng đã để lại cho Thầy*

*bao nỗi buồn vui với một đàn bốn đứa con thơ dai.*

*Chính vì những lý do thực tế ấy mà con đã nghĩ nhiều về đời con, nên con xin phép Thầy hiểu cho con và cho con được đi tu theo chí nguyện.*

*Con biết rằng hiện giờ thì bác Yên mà nhát là cô Hạnh sẽ là người buồn khổ hơn ai hết. Nhưng con tin tưởng thời gian là phương tiện sẽ giúp cho cô Hạnh khuây khỏa dần dần Nếu có dịp nào thuận tiện Thầy an ủi cô Hạnh giúp con. Cô nên hy sinh cho con được tu hành đến nơi đến chốn, thì cái ơn ấy con sẽ ghi nhớ và nếu có dịp may nào đó con sẽ xin đèn đáp xứng đáng. Nhân đây con cũng xin Thầy nói lại với bác Yên giúp cho con rằng rồi đây khi thời gian phai lạt nhó nhung, nếu có nơi nào xứng đáng, xin bác tác thành đôi lúa cho cô Hạnh để cho con được an tâm mà tu hành thì công ơn của bác con xin ghi lòng tạc da.*

*Cuối thơ, con xin kính lạy Thầy và chào tất cả anh chị em trong gia đình.*

*Thư bất tận ngôn.*

Con: Diệp Trương Thuần

Cậu Diệp Trương Thuần đến Huế vào lúc 11 giờ 20 trưa. Sân ga Huế hiện ra trong một không gian mênh mông xa lạ. Không có một người thân, không có ai quen biết. Cậu theo đoàn hành khách xuống tàu, tay xách chiếc vali mây đựng một ít áo quần và vật dụng, vừa háo hức vừa lo toan, không biết ý nguyện xuất gia có được thày, ôn chấp nhận hay không. Cậu đi ra khỏi ga, rẽ phía tay phải, đi dọc theo bờ sông An Cựu đến cầu Nam Giao, quẹo phải, lần mò trên con đường dốc Nam Giao, đi ngang qua chùa Báo Quốc, Thiên Minh, Từ Đàm cuối cùng

đến đèn Nam Giao. Cậu rẽ sang tay trái đi xuống dốc đến Tây Thiên Di Đà Tự, cách nhà Ga Huế trên 4km.

Ngôi chùa uy nghi trong rừng cây xanh tốt giữa một bầu không gian tĩnh mịch tỏa ngát hương ngọc lan, tường vi. Tiết trời cuối thu của xứ Huế nhiều mưa nên màu xanh của lá cây càng xanh tươi và thắm sắc hơn. Cậu Diệp Trương Thuần bước vào sân chùa như bị thôi miên bởi cảnh trí quá u nhàn, thanh tịnh. Cậu dừng lại ngắm cảnh chùa. Thình lình ba hồi chuông trống bát nhã dồn lên, chùa cử hành lễ vía đức Quán Thế Âm. Sau vài giây phút ngỡ ngàng, cậu mạnh dạn tiến đến nhà khách, thì gặp thầy Thủ Tọa mà sau này cậu mới biết là thầy Giác Nguyên, đệ tử đầu tay của Hòa thượng Tâm Tịnh.

Thầy Giác Nguyên (1877-1980) về sau Phật Tử gọi là Ôn Tây Thiên, thế danh là Đặng Ngộ, sinh năm Đinh Sửu (1877) tại Phủ Trung, Tuy Phước, Bình Định, thân phụ là cụ Đặng Văn Gần, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Tộ.

Năm lên 6 tuổi, ngài mồ côi cha mẹ nên được bà cô chăm sóc, rồi sau được thái giám Nguyễn đình Huề (hay Hữu) đem về



Sắc Tú Tây Thiên Di Đà Tự  
(Võ Văn Tường:  
Việt Nam Danh Lam Cố Tự, tr. 130)



Huế nuôi dưỡng, vì vậy ngài còn có tên là Nguyễn đình Ngộ, về sau được đi theo dưỡng phụ lên chùa Từ Hiếu. Nhờ cơ duyên ấy ngài xin xuất gia tại chùa Từ Hiếu, thờ tổ Tâm Tịnh làm thầy, lúc đó là mùa xuân năm Tân Mão (1891), ngài vừa đúng 15 tuổi.

Năm Bính Thân (1896) ngài được thọ Sa Di giới, được pháp danh là Trừng Văn, tự là Chí Ngộ. Năm Quý Mão (1903) ngài theo bốn sư ra lập thảo am ở Ấp Thuận Hòa, thôn Dương Xuân Thượng, xã Thủy Xuân, huyện Hương Thủy, gọi là Thiếu Lâm

Am. Năm Canh Tuất (1910) ngài được thọ Cụ Túc giới tại giới đàn Phước Lâm, Hội An. Cũng năm này ngài được đắc pháp với pháp hiệu Giác Nguyên. Năm Bính Dần (1926) vua Khải Định ban Sắc Tứ chùa Tây Thiên và cúng pho tượng Phật A Di Đà. Sau khi bốn sư viên tịch năm 1928, ngài được kế thừa làm trú trì Tây Thiên Di Đà Tự.

Năm Canh Ngọ (1930) ngài cùng với chư vị tôn túc mở Cao Đẳng Phật Học Đường Tây Thiên, thỉnh Hòa Thượng Phước Huệ ở chùa Thập Tháp, Bình Định ra làm chủ giảng. Từ năm 1949 đến năm 1954, ngài phát nguyện trì tụng lễ sám Hồng Danh Vạn Phật và Tam Bảo Kinh. Từ năm 1963 đến năm 1966, mặc dầu tuổi cao, ngài vẫn nhiều lần chống gậy xuống đường tham gia công cuộc vận động bảo vệ Phật Pháp.

Năm Đinh Mùi (1967) ngài cho thành lập Tịnh Nghiệp Đạo Tràng Tây Thiên, đến nay vẫn còn sinh hoạt. Đầu năm Canh Thân, đúng ngày mồng một Tết (16-2-1980) ngài viên tịch, thọ 104 tuổi, 80 hạ lạp. Ngài thuộc dòng Lâm Tế đời thứ 42 tức đời thứ 8 pháp phái Liễu Quán, Nam Hà.

Suốt đời ngài luôn luôn thọ trì pháp môn Tịnh Độ. Ngài thường cẩn dặn đệ tử xuất gia cũng như tại gia: Niệm Phật là pháp môn tối diệu, tối huyền, chẳng có thuốc gì hay hơn thuốc Phật, chữa lành muôn bệnh, nghiệp chướng lâu đời... Niệm Phật phải chuyên cần, mỗi bước mỗi niệm Phật, đi xe cũng niệm Phật, đi bộ cũng niệm Phật, có như thế mới đạt được nhất tâm.

Ngài thường khuyên các Phật tử đến thăm viếng chùa:

*Niệm Phật sen nở đợi chờ  
Nhân nào quả nấy sờ sờ không sai.*

Thiền sư Bích Phong đã tặng ngài bài thơ:

*Xu bồi trượng tân kỷ kinh niên  
Y bát gia phong khé diệu truyền  
Ối vũ ninh tri tâm lạc dã,  
Phao chuyên đốn liễu tánh thường viễn,  
Tang thương kiếp hậu thành như thi  
Vinh nhục trường trung thính tự nhiên.  
Hồi thủ lao dao tam giới mộng  
Thủy chung nhất niệm hướng Tây Thiên*

Từ Phương dịch:

*Tham thiền học đạo trải bao năm,  
Y bát truyền gia khéo lựa tâm.  
Khoai nướng thỏa lòng vui lẽ đạo,  
Gạch voi sáng dạ rõ thâm tâm.  
Biển đâu sau cuộc cờ sinh tử,*

*Quí tiệm trong đời chuyện thế nhân.  
Ngoảnh lại rồi thôi ba cõi mộng,  
Tây Thiên chung thủy bạn tri âm.*

(Thích Hải Ân & Hà Xuân Liêm: *Lịch Sử Phật Giáo xứ Huế*, tr. 582-584).

Hòa Thượng Giác Nguyên lúc bấy giờ là Thủ Tọa chùa Tây Thiên, gặp cậu Diệp Trương Thuần niêm nở, từ hòa, ân cần hỏi:  
– Anh đi lễ Phật à? Ở mô mà ngó quen quen rú?

Diệp Trương Thuần chấp tay cung kính vái chào.

Thầy hỏi tiếp:

– Anh có phải từ Quảng Trị mới vô không?

Diệp Trương Thuần hơi ngạc nhiên, tự hỏi tại sao thầy lại biết mình ở Quảng Trị mới vào. Cậu sửa lại thế đứng ngay thẳng rồi thưa:

– Dạ thưa Thầy: Đúng, con từ Quảng Trị mới vào. Con vào đây để xin phép quý Ôn, quý Thầy cho con đi tu.

Nghe vậy Thầy nhìn cậu với cặp mắt cứu mang:

– Tốt lắm! Đương còn trẻ tuổi mà cũng ưa đi tu à? Tu cực khổ lắm, con có biết vậy không? Thôi được để ta dẫn con lên gặp Ôn.

Theo sự hướng dẫn của thầy Thủ Tọa, cậu Diệp Trương Thuần đi qua sân sau đến ngoài cửa phương trượng, nơi Hòa thượng Tâm Tịnh mà cậu còn nhớ rõ dung mạo, đang ngồi trên chiếc sập nhìn ra. Thầy Thủ Tọa chấp tay vái rồi thưa:

– Bạch Thầy, có anh này ở Quảng Trị mới vô xin đi tu.

Hòa Thượng hỏi thầy Thủ Tọa:

– Tôi thấy cậu này quen quen. Cậu có phải con cụ Diệp thầy thuốc ở Quảng Trị mà tôi thường hay nhắc đến đó không? Hòa Thượng vừa hỏi vừa nhìn kỹ người thanh niên trẻ tuổi đứng trước mặt từ đầu đến chân.

Thầy Thủ Tọa trả lời:

– Bạch Thầy chính cậu này, người mà Thầy thường nhắc hoài nên khi mới gặp con đã đoán cậu từ Quảng Trị vào. Bạch Thầy cho phép cậu đánh lẽ.

Diệp Trương Thuần đánh lẽ Hòa Thượng ba lạy.

Hòa Thượng vui vẻ hỏi tiếp:

– Cậu có phải là chú học trò học chữ Nho con cụ PhuỚc ĐIỀn độ nào ta gặp khi ta đến thăm nhà? Chà, mau lớn quá! Tại sao con lại thích đi tu?

Cậu chưa kịp trả lời thì có nhiều Phật Tử đến thăm Hòa Thượng, nên Hòa Thượng giao cậu cho Thầy Thủ Tọa dẫn xuống liêu chúng. Cậu đã được Hòa Thượng chấp nhận cho xuất gia!

Thầy Thủ Tọa dẫn xuống Tăng Phòng để giới thiệu với các sư huynh đệ. Cậu thấy vị nào cũng uy nghi đạo mạo, trang nghiêm mà thanh thoát, bình dị mà thân tình: Thầy Giác Nhiên cao và gầy, khác hẳn thầy Thủ Tọa Giác Nguyên thấp và mập. Thầy Giác Tiên trán cao, thông minh; thầy Giác Viên thâm trầm, đoan nghiêm; thầy Giác Hải từ hòa dung dị; thầy Giác Hạnh, thanh lịch cao sang. Thầy Thủ Tọa cho biết ngày hôm ấy hai thầy Giác Bổn và Giác Ngạn vì công việc Phật sự nên vắng mặt.

Đa số các thầy đều xuất thân từ Quảng Trị như thầy Giác Nhiên người làng Ái Tử, Phủ Triệu Phong về sau là Đệ Nhị Tăng Thống, Giáo Hội PGVNTN; thầy Giác Viên, người làng Bích Khê (Hồng Khê), phủ Triệu Phong, khai sơn chùa đặt tên là Hồng Khê để kỷ niệm sinh quán, một nhà sư uyên thâm giáo điển; thầy Giác Hải, người làng Trung Kiên, khai sơn chùa Giác Lâm; thầy Giác Hạnh, người làng Ái Tử, phủ Triệu Phong. Tất cả đều là người Quảng Trị, chỉ trừ thầy Thủ Tọa người Bình Định và thầy Giác Tiên người làng Dạ Lê Thượng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, người có công lớn trong công cuộc chấn hưng Phật Giáo miền Trung.

Thầy Thủ Tọa cho biết Hòa Thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh là đệ tử của Hòa Thượng Hải Thuận Lương Duyên. Hòa Thượng Hải Thuận Lương Duyên là đệ tử của đại lão Hòa Thượng Tánh Thiên Nhất Định, khai sơn An Dưỡng Am, tiền thân Sắc Tứ Từ Hiếu Tự.

Đại Lão Hòa Thượng Tánh Thiên Nhất Định có 41 vị đại đệ tử, trong đó có những vị tiêu biểu như ngài:

- Hải Thuận Lương Duyên (Diệu Giác thiền sư, trú trì chùa Diệu Đế, Báo Quốc).
- Hải Thiệu Cương Kỷ, kế thế trú trì chùa Từ Hiếu.
- Hải Toàn Linh Cơ, trú trì chùa Tường Vân.
- Hải Nhu Tín Nhậm, trú trì chùa Quảng Tế.
- Hải Trường Pháp Lữ, trú trì chùa Túy Vân, Linh Hựu.
- Hải Hoa Phát Đạt, trú trì chùa Tịnh Quang, Quảng Trị.
- Hải Trạch Thiên Hoa.
- Hải Phong Vĩnh Mậu.

Ngài Hải Thuận Lương Duyên, bổn sư của Hòa Thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh, có nhiều đệ tử, đặc biệt có Cửu Tâm, chín người đệ tử với pháp hiệu có chữ Tâm đứng đầu, đó là:

- Tâm Quảng, trú trì chùa Báo Quốc nhận HT Lương Duyên làm y chỉ sư.
- Tâm Truyền, trú trì chùa Báo Quốc.
- Tâm Thể.
- Tâm An, tăng cang chùa Diệu Đế, khai sơn chùa Thọ Đức (Châu Lâm ngày nay).
- Tâm Thành, khai sơn chùa Từ Quang.
- Tâm Thiền, trú trì chùa Thuyền Tôn.
- Tâm Minh, trú trì chùa Ngọc Sơn (Y chỉ sư Diệu Giác, chùa Kim Sơn).
- Tâm Khoan, trú trì chùa Báo Quốc, Thuyền Tôn.
- Tâm Tịnh, khai sơn chùa Tây Thiền.

Hòa Thượng Tâm Tịnh, theo gương Thầy, thâu nhận 9 đệ tử với pháp hiệu có chữ Giác đứng đầu, gọi là Cửu Giác, đó là:

- Giác Nguyên (1877-1980) kế thừa Trú Trì chùa Tây Thiên.
- Giác Tiên (1880-1936) chùa Trúc Lâm.
- Giác Viên (1883-1942) chùa Hồng Khê.
- Giác Nhiên (1878-1979) chùa Thuyền Tôn, Đệ Nhị Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.
- Giác Hải (1882-1938).
- Giác Bổn, chùa Từ Quang.
- Giác Ngạn.
- Giác Hạnh (1880-1981) chùa Vạn Phước.
- Giác Thanh, hiệu Đôn Hậu (1905-1992) chùa Linh Mụ, Đệ Tam Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Sau khi chào hỏi xong các vị sư huynh, cậu Diệp Trương Thuần được thầy Thủ Tọa dẫn đến cái giường nhỏ dành cho cậu trong Tăng Phòng chùa Tây Thiên, dặn dò đôi lời về nếp sống trong chùa.

Một tháng sau Hòa Thượng Tâm Tịnh chính thức thâu nhận cậu Diệp Trương Thuần xuất gia. Lễ thế phát được tổ chức một cách đơn giản nhưng không kém phần trang nghiêm. Sau khi xuống tóc, theo lời dặn của Hòa Thượng Bổn Sư, chú tiểu Diệp Trương Thuần được giao phó trách nhiệm làm hương đăng, đồng thời dạy chữ Hán cho các đệ tử trong chùa, làm thị giả Hòa Thượng và giúp các Chú quét dọn sân vườn.

Sáng sớm 4 giờ chú tiểu Diệp Trương Thuần đã phải dậy nấu nước pha trà cho bốn sư khi tiếng chuông sáng bắt đầu. Hòa Thượng bốn sư thích uống nước trà với hoa tường vi, nên chú để sẵn trong túi những đóa tường vi hái từ chiều hôm qua dành để pha trà cho thầy. Bình trà của thầy quá nhỏ nên lúc đầu chưa quen, chú rót nước chảy ra ngoài. Thầy nhỏ nhẹ dạy cách pha trà như thế nào cho nước khỏi chảy ra đĩa. Chùa không có bàn ủi, nhưng áo quần của thầy luôn luôn thẳng thớm. Thầy chỉ cách sau khi phơi áo một vài giờ, ra vuốt cho thẳng. Khi xếp áo quần để dưới mền dắp cho tươm tất. Từng li từng tí thầy hướng dẫn cho chú. Đây là phương thức huấn luyện chú

đi dần vào khuôn khổ thiền môn. Lúc đầu chú hơi khó chịu thấy thầy quá tỉ mỉ, nhưng dần dần chú thấy sự dụng ý của thầy. Thầy còn dạy cách đi, đứng, nằm ngồi. Không được đi quá nhanh, không được vừa đi vừa chạy, trừ lúc gánh nước, chạy đàn. Nằm ngủ không được nằm ngửa, hay nằm sấp mà phải nằm nghiêng phía tay phải. Ngồi không được ngồi chồ hổ, ngồi vách đốc. Đứng không được nghiêng ngửa... Oai nghi tế hạnh của một nhà tu nhở những phương thức này mà được duy trì và truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác... Thầy Thủ Tọa, thầy Giác Viên, Giác Nhiên thích uống trà pha hoa soái, nên chú cũng góp hoa soái đưa cho quý thầy.

Sau thời chuông sáng là buổi công phu. Chú theo các Chú các Thầy tụng công phu sáng. Lúc đầu chú chưa thuộc kinh nên chỉ phụ theo, nhưng sau vài tháng chú đã thuộc Lăng Nghiêm, Thập Chú cho thời công phu sáng, Di Đà Hồng Danh cho thời công phu chiều. Tụng kinh xong chú lo phần hương đăng và giúp các chú quét dọn sân vườn chùa.

Cơm sáng vào lúc 7 giờ. Thường thường là cơm nguội được chiên lại làm cơm sáng. Gọi là chiên nhưng không có dầu, chỉ có một ít tương, nhưng với tuổi của chú, cơm chiên như vậy cũng rất ngon. Dùng cơm xong, chú đi dọn dẹp phòng xá của bốn sư, giặt áo quần cho thầy nếu có. Đến 9 giờ 30 chú được phép học kinh, luật. Lúc đầu là kinh chú cho hai thời công phu sáng chiều, tiếp đến là kinh Thủy Sám, Địa Tạng và Luật Sa Di.

Sau chín tháng đến ngày 10 tháng 6 năm Quý Hợi (ngày 23-7-1923) nhân đại giới đàn Thuyền Tôn, Thừa Thiên Huế, chú được thầy cho thọ giới Sa Di với pháp danh Trừng Nguyên, pháp tự Giác Thanh. Thọ Sa Di được một năm, bốn sư cho phép chú thọ Cụ Túc Giới (Tỳ Kheo Giới) tại đại giới đàn Từ Hiếu, Thừa Thiên Huế, được tổ chức ngày 15 tháng 6 năm Nhâm Tý (ngày 16-7-1924) với pháp hiệu Đôn Hậu.

Trong đại giới đàn Từ Hiếu Hòa Thượng Bổn Sư làm Đường

Đầu Hòa Thượng, Hòa Thượng Thanh Trí chùa Quảng Tế làm Yết Ma, Hòa Thượng Tuệ Pháp trú trì chùa Thiên Hưng làm Giáo Thọ. Quý thầy Giác Tiên, Giác Nhiên, Tịnh Hạnh, Tịnh Khiết làm Kiến Đàn. Thầy Tịnh Khiết về sau là Đại Lão Hòa Thượng Đệ Nhất Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, thầy Giác Nhiên về sau là Đại Lão Hòa Thượng Đệ Nhị Tăng Thống Giáo Hội PGVNTN là hai trong bốn vị dẫn thỉnh đại giới đàn Từ Hiếu lúc bấy giờ.

Từ ngày vào chùa cho đến khi thọ Cụ Túc Giới, Tỳ Kheo Thích Đôn Hậu đã ghi lại những cảm tưởng, tâm tình, kỷ niệm của mình trong cuốn Hồi Ký **“Trên Những Chặng Đường”** do chúng tăng chùa Linh Mụ sưu tập cho ấn hành năm **2000**:

*“Vào chùa được hơn một tháng, tôi thấy không khí sinh hoạt trong chùa sao nó đậm ấm quá, nó yên lành và thanh tịnh quá. Tiếng tụng kinh của quý Thầy vào mỗi buổi sáng mai hay vào lúc xế chiều, hòa trong tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tang nghe thật trầm hùng, thanh thoát. Đôi khi tôi thấy như mình đang được sống trong một không gian xa lạ nào. Tôi cảm thấy sung sướng, sức nhớ đến khi tôi vừa bước chân vào sân chùa thì nghe ba hồi chuông trống Bát Nhã, tuy là chuông trống cử hành lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng sự ngẫu nhiên mà được gặp như vậy cũng là một điều hiếm có, vì Hòa Thượng và thầy Thủ Tọa thường nói cho tôi nghe rằng nếu ai gặp như vậy là một điều tốt lành. Riêng tôi Hòa Thượng dạy chắc chắn tương lai sẽ được thành đạt như ý nguyện. Mà thật vậy. Ở đây tôi thấy có một điều trùng hợp rất kỳ diệu, tưởng chỉ có người trong cuộc mới thấy rõ. Chính tôi đã nhờ đức Quán Thế Âm Bồ Tát cứu túi khi bị mắc bệnh đậu mùa thập túi nhất sinh và chính nhờ quyền Quan Âm Cao Vương Truyền mà tôi phát nguyện tâm sư học đạo. Nay đến ngày tôi vào chùa xin đi tu thì lại gặp ngày Vía của Ngài...”*

*“Từ ngày tôi xuất gia cho đến ngày được bốn sư cho phép thọ đại giới tính tròn hai năm mười một tháng. Với một thời gian*



Chùa Hồng Khê tại Cầu Lim  
Xã Thủy Xuân, Huế

*ngắn ngủi mà tôi đã được Hòa Thượng Bổn Sư cũng như quý Thầy đã dày công dạy dỗ cho tôi được trưởng thành, thật là một nỗi vui mừng không thể nào tả xiết.”*

Sau khi thọ đại giới chưa được hai năm thì Hòa Thượng Bổn Sư viên tịch ngày mồng 6 tháng 3 năm Bính Dần tức ngày 7-4-1926. Tỳ Kheo Thích Đôn Hậu đã ghi lại cảm xúc của mình:

*“Đến đây không ngờ tôi lại phải chứng kiến thêm một cảnh vô thường nữa. Thật là một nỗi đau buồn thảm thía. Bổn sư là vị thầy làm duyên khởi cho mình xuất gia, ơn sâu nghĩa nặng của bổn sư mà mình chưa được hầu hạ mấy cả. Tuổi đời, tuổi đạo còn non nớt mà bổn sư đã vội vã ra đi... Thế là từ đây trong đời sống tu học hàng ngày, dù có quý thầy, quý huynh đệ quấn quýt bên nhau, nhưng tôi vẫn thấy bơ bo, hiu quạnh!”*

Sau lễ Chung Thất của Hòa Thượng Tâm Tịnh vào ngày 25 tháng 5 năm Bính Dần tức ngày 3-7-1926, thầy Thủ Tọa, tức

Hòa Thượng Giác Nguyên kế thừa trú trì chùa Tây Thiên bàn bạc cùng thầy Giác Tiên, Giác Nhiên gửi pháp đệ Đôn Hậu sang chùa Thệ Đa Lâm (chùa Hồng Khê ngày nay) do sư huynh Giác Viên vừa xây dựng để học hỏi.

Hòa Thượng Giác Viên là một danh tăng thời bấy giờ, đa văn bác học, thông suốt cả Phật Học và Nho Học. Tại chùa Thệ Đa Lâm thầy Thích Đôn Hậu kết hạ an cư năm 1926, tình cờ gặp lại bà Yến, người mẹ vợ hụt, đến chùa lễ Phật, cúng dường trai soạn. Cuộc gặp gỡ tình cờ ấy được Hòa Thượng ghi lại như sau:

*“Năm ấy tôi được an cư tại chùa Hồng Khê. Trong mùa an cư này tôi phải đối diện với một chuyên hết sức thương tâm. Một hôm giữa thời “quá đường” (thời cúng dường và ngọ trai) thì bà Y và ba bốn đạo hữu từ Quảng Trị vào lạy “quá đường”. Khi chấp tay lạy trước bàn thờ Phật, bà thấy tôi cùng ngồi an cư với chư Tăng, thì nước mắt bà ràn rụa, bà vừa lạy vừa khóc. Mấy đạo hữu cùng đi không hiểu vì lý do gì mà bà khóc và bà cũng không nói gì cho các đạo hữu ấy hay.*

*“Thời “quá đường” xong, bà theo các đạo hữu ngồi ăn trưa, vừa ăn vừa khóc. Khi thấy tôi đi xuống, bà bỏ dużia chén đứng dậy, đến gần tôi. Lúc ấy tôi bình tĩnh tiếp bà... Bà chưa nói gì mà đã khóc tức tưởi. Các đạo hữu nghĩ bà là người thân của tôi có điều tâm sự muốn nói với tôi nên tránh đi nói khác. Người thì đi ra vườn xem hoa, người thì lên bâu thăm Hòa Thượng trú trì, bà thì cứ tức tưởi khóc.*

*“Tôi nghĩ nếu lúc này mà tôi nói ra lời nào chắc bà sẽ khóc to, nên tôi ngồi lặng thinh. Một hồi lâu bà ngẩng mặt lên nhìn tôi, nói một câu ngắn gọn: Tu là cõi phúc. Bác cầu nguyện cho con, à cho Thầy tu hành đến nơi đến chốn, như con, à như thày ước nguyện. Bác xin lỗi... hu, hu!.”*

Sau khi qua học đạo với sư huynh hơn một năm, vào năm Đinh Mão (1927) nhận thấy pháp đệ tư chất thông minh lại cần

mẫn hiếu học, sư huynh Giác Viên bàn với các huynh đệ cho pháp đệ vào tổ đình Thập Tháp, nơi Hòa Thượng Phước Huệ (1867-1945) vừa mới mở Phật Học Viện để đào tạo Tăng tài.

Giã từ Huế, bái biệt huynh đệ đồng môn, rời những ngôi chùa thân thuộc, Tăng sinh Đôn Hậu cùng quý thầy Vĩnh Thừa, sau này là Hòa Thượng Châu Lâm, bổn sư của Hòa Thượng Thiên Ân (1925-1980), người sáng lập Đại Học Đông Phương và chùa Phật Giáo Việt Nam tại Los Angeles, của Hòa Thượng Tiêu Diêu (1892-1963), người tự thiêu cúng đường sắc thân cho Phật Giáo được trường tồn trong mùa Pháp nạn 1963, Thầy Mật Khế, đệ tử của Hòa Thượng Giác Tiên, khai sơn chùa Trúc Lâm, bậc lương đống trong phong trào chấn hưng Phật Giáo Huế, Thầy Chánh Thống, nhà Phật học Nho học nổi tiếng, khai sơn chùa Qui Thiện và thầy Chánh Huy vào mùa Thu năm Đinh Mão, 1927 lên đường vào Thập Tháp. Hòa Thượng Đôn Hậu trong **Trên Những Chặng Đường** thuật lại: “*Được vào học ở chùa Thập Tháp, tôi nghĩ đây là một dịp may hiếm có. Có thể nói cả sự nghiệp tu hành của đời tôi đều được mở đầu trong chuyến đi cầu học rất có triển vọng này.*”



## CHƯƠNG 7:

---

# DƯỚI CHÂN THẦY TỔ - NHỮNG NĂM THÁNG TẠI PHẬT HỌC VIỆN THẬP THÁP VÀ TÂY THIÊN

Chùa Thập Tháp (Sắc Tứ Thập Tháp Di Đà Tự) tọa lạc trên đồi Long Bích, cách trung tâm thành phố Qui Nhơn khoảng 25km, qua khỏi thị trấn Đập Đá, gần Cầu Chùa, thuộc thôn Vạn Thuận, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chùa do thiền sư Nguyên Thiều sáng lập năm 1665. Thiền sư thế danh Tạ Hoán Bích, người huyện Trịnh Hương, phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, sinh năm Mậu Tý 1648, lớn lên theo thuyền buôn của người Trung Hoa vào phủ Quy Ninh (Bình Định). Tại đây ngài lập chùa Thập Tháp Di Đà vào năm thứ 3 đời Lê Huyền Tông (1665). Căn cứ vào bia tháp thì ngài hoằng hóa tại Việt Nam 54 năm.

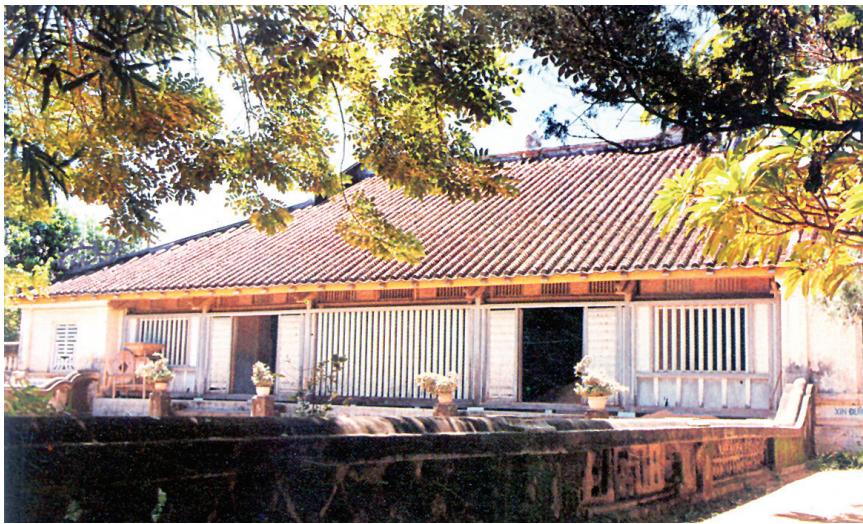
Chùa Thập Tháp nằm sát phía bắc thành Đồ Bàn, sau gọi là thành Hoàng Đế vì vua Nguyễn Nhạc đóng đô ở đây, trên một ngọn đồi, chu vi gần 1km, xưa gọi là núi Long Bích Cương. Trước mặt là ngọn Thiên Bút Sơn hay còn gọi là núi Mò O, ngọn núi che chắn mặt chính của chùa. Sau lưng được bao bọc bởi



Cổng chùa Thập Tháp Di Đà  
(Võ Văn Tường: Việt Nam Danh Lam Cố Tự, 60.2 tr. 152)



Chánh Điện Chùa Thập Tháp Di Đà  
(Võ Văn Tường: Việt Nam Danh Lam Cố Tự, 60.3 tr. 152)



Chùa Thập Tháp Di Đà  
(Võ Văn Tường: *Việt Nam Danh Lam Cố Tự*, 61.1, tr. 151)



Tượng Thập Bát La Hán  
(Võ Văn Tường: *Việt Nam Danh Lam Cố Tự*, 60. 6a, 6b. tr. 151)

chi lưu sông Côn. Phía bắc là sông Quai Vạc, xưa gọi là sông Bàn Khê. Đối diện với chùa là hồ sen rộng 500m vuông, bờ xây bằng đá ong. Vào năm 1680 chùa được xây dựng qui mô.

Chùa xây theo kiểu chữ “Khẩu”, chia thành bốn khu vực: Chánh Điện, Phương Trượng, Tây Đường, Đông Đường. Các khu vực nối liền với nhau bằng một khoảng sân bên trong, gọi là sân Thiên Đỉnh (Giếng Trời).

Chánh Điện là khu bè thế nhất, gồm 5 gian bằng gỗ, có 4 hàng cột cái, 4 hàng cột quân, 8 cột con và 16 cột hiên. Trong Chánh Điện bài trí Khám Thờ. Khám chính cao 5m, bên trên chạm “Lưỡng Long Triều Nguyệt”, thờ Tam Thế Phật, bằng đồng thếp vàng, hai bên trang trí long, trưởng, thờ Thập Bát La Hán. Ngoài ra còn ba khám thờ khác đơn giản hơn. Chánh Điện lợp bằng ngói âm dương, mái thǎng.

Phương Trượng được xây cất theo kiểu kiến trúc Nam Trung Quốc, được cải tạo nâng cấp năm 1973, lợp bằng ngói âm dương. Khu Tây Đường và Đông Đường kiến trúc giống Phương Trượng, mái lợp ngói âm dương.

Trong chùa còn nhiều hiện vật quý: Hai câu đối do chúa Nguyễn Phúc Chu ban năm Tân Ty, tấm hoành phi đê Thập Tháp Di Đà Tự, Minh Mạng Nguyên Niên, sơn son thếp vàng. Bức hoành phi ghi nội dung bài kệ tổ 31 phái Lâm Tế, do Hòa Thượng Minh Lý cung tạo năm Bính Tý 1874. Bức hoành phi đê: Thượng Tứ Hảo Nghĩa, Tự Đức 33.

Sau khi khai sơn chùa Thập Tháp Di Đà, tổ đi khấp nơi truyền đạo, sáng lập các chùa Hà Trung, Quốc Ân và tháp Phổ Đồng tại Thừa Thiên, Huế.

Chùa Thập Tháp Di Đà trải qua 15 đời truyền thừa, đến thời Quốc Sư Phước Huệ (1869-1945), chùa mở Phật Học Viên đào tạo tăng tài. Trong khuôn viên của chùa có rất nhiều tháp. Tổ Nguyên Thiều khi lập chùa thấy có 10 tháp xưa của người

Chàm nên đặt tên Thập Tháp, về sau thêm vào hai chữ Di Đà. Năm 1876, niên hiệu Tự Đức 29, chùa được ban tên Sắc Tứ thành Sắc Tứ Thập Tháp Di Đà Tự.

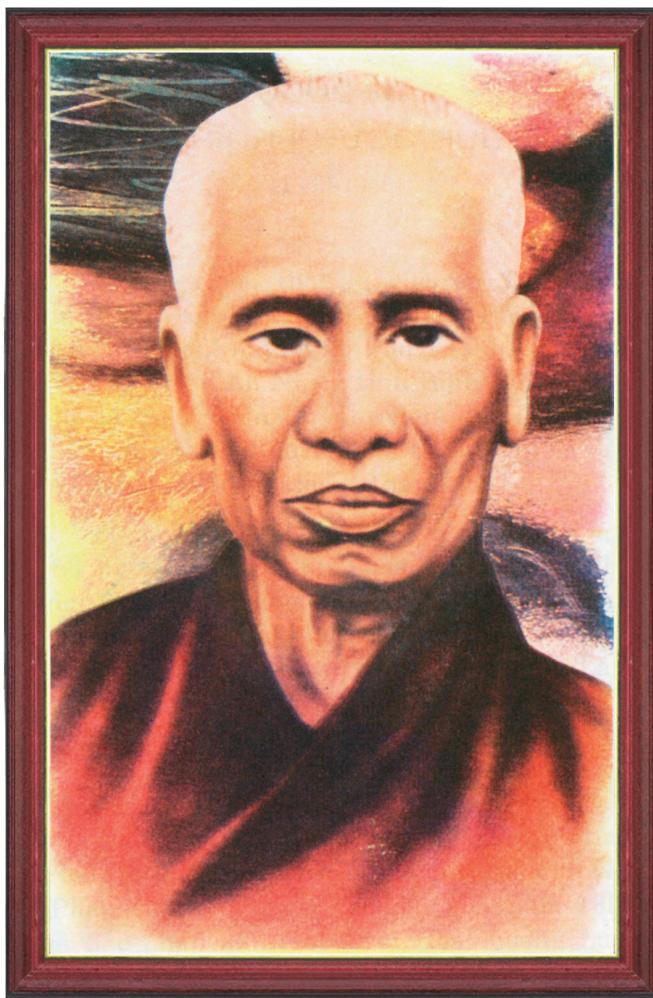
Quốc sư Phước Huệ (1869-1945) thế danh là Nguyễn Tấn Giao, sinh năm Kỷ Tỵ (1869) tại làng Phú Thành, Phủ An Nhơn nay là ấp Phú Thành, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thân phụ là cụ Nguyễn Chánh Niệm, tự Hòa Bình, thân mẫu là cụ Nguyễn Thị Lành. Ông bà là những Phật tử thuần thành.

Năm 12 tuổi ngài được cha mẹ cho xuất gia tại chùa Thập Tháp, thọ giới với Hòa Thượng Chí Tịnh (Minh Lý) được ban pháp hiệu là Phước Huệ. Sau một thời gian tu học tại chùa, ngài được bổn sư cho tới chùa Tịnh Lâm ở huyện Phù Cát, Bình Định, theo học với Hòa Thượng Từ Mẫn chùa Châu Long. Năm 19 tuổi ngài trở về giữ chức Thủ Khố của tổ đình Thập Tháp. Năm 20 tuổi, ngài vào chùa Từ Quang ở Đá Trắng huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên theo học với Hòa Thượng Luật Truyền (Pháp Chuyên). Ngài thọ đại giới năm 1889 và đắc pháp với Hòa Thượng Luật Truyền.

Khi bổn sư viên tịch, ngài trở về tổ đình Thập Tháp thọ tang rồi ở lại tham học với sư huynh Tăng Cang Vạn Thành vừa mới được suy cử làm trú trì tổ đình Thập Tháp.

Sau mươi năm chuyên tâm tu học, bác thông Tam Tạng Giáo Điển lại thông suốt cả Bách Gia Chư Tử, có khả năng giáo hóa nhuần nhuyễn, đạo vị vào bậc nhất thời bấy giờ, ngài được người đương thời tặng danh hiệu Phật Pháp Thiên Lý Câu có nghĩa là con ngựa tinh thông Phật Pháp chạy được ngàn dặm.

Năm 1894 ngài được cử làm trú trì chùa Phổ Quang ở huyện Tuy Phước, nay ở xã Phường Thuận. Đây là ngôi cổ tự do thiền sư Minh Giác Kỳ Phương (đệ tử của tổ Nguyên Thiều) khai sơn từ đời chúa Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691). Năm Tân Sửu (1901) ngài được triều đình ban cho chức vị Tăng Cang



Quốc sư Thích Phước Huệ  
(Thích Đồng Bổn: *Tiểu Sử Danh Tăng Việt Nam Thế Kỷ XX*,  
tr. 155)

chùa Thập Tháp. Năm 1908 ngài được mời ra hoàng cung tại Huế thuyết pháp, đồng thời mở khóa giảng kinh tại chùa Trúc Lâm. Các vua Thành Thái, Duy Tân, Khải Định đều mời ngài vào cung thuyết pháp, được triều đình, sơn môn đồ chúng tôn xưng Quốc Sư.

Năm 1920 ngài mở các lớp dạy nội điển tại chùa Thập Tháp và Long Khánh. Năm 1929 khi Hòa Thượng Giác Tiên mở Phật Học Đường tại chùa Trúc Lâm, Huế vào chùa Thập Tháp mời ngài ra làm chủ giảng. Từ đó hàng năm ngài ra Trúc Lâm giảng dạy cho Tăng sinh.

Năm 1937 khi tăng cang Vạn Thành viên tịch, sơn mòn đồng lòng cung thỉnh ngài về kế vị tổ đình Thập Tháp. Từ đó ngài ở hẵn Bình Định không ra Huế giảng dạy nữa, một phần vì tuổi cao sức yếu, phần khác phải chu toàn nhiệm vụ làm viện chủ, đồng thời làm Đốc Giáo cho Trường Trung Đẳng Phật Học tại chùa Long Khánh, lo trùng tu tổ đình Thập Tháp và khai sơn chùa Phước Long tại thị trấn Phú Phong thuộc xã Bình Phú, huyện Bình Khê nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Quốc sư Phước Huệ là cây đại thụ của Phật Giáo Trung và Nam Kỳ. Sau nhiều năm cống hiến tài năng, sức lực và tâm huyết cho công cuộc xây dựng lâu đài Phật Giáo, tháng Giêng năm Ất Dậu (1945) ngài viên tịch tại tổ đình Thập Tháp, hưởng thọ 76 tuổi đời, 56 tuổi hạ. Hòa Thượng Trí Hải, trú trì chùa Bích Liên, Bình Định đề 4 câu thơ khắc vào tháp, tán dương công hạnh của ngài:

*Nguy nhiên nhất cao tháp  
Độc tọa Đồ Bàn Đông  
Ngoại thị hữu vi tướng  
Trung tang vô tướng ông*

**Cao thay một ngọn tháp  
Độc chiếm đông Đồ Bàn  
Ngoài bày tướng hữu vi  
Trong ẩn tính vô tướng.**

Năm 1970 để tưởng niệm công đức Quốc Sư, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tỉnh Bình Định đã chọn pháp hiệu

của ngài để đặt tên cho một Phật Học Viện mới thành lập tại tổ đình Thập Tháp: Phật Học Viện Phước Huệ.

Hòa Thượng Đôn Hậu ghi lại nếp sống tại Phật Học Viện Thập Tháp lúc ngài cùng quý thầy ở Huế vào theo học năm **1927**:

*“Ở Thập Tháp chùa chỉ lo phần gạo còn tiền ăn học thì học tăng phải tự túc. Ban đầu mỗi học tăng phải nộp mỗi tháng một đồng rưỡi. Sau chùa thấy số tiền ấy quá lớn, nhiều người không đủ sức để nộp, nên chùa cho bớt xuống chỉ còn 9 hào một tháng.”*

*“Sau khi học được một năm, đến năm Mậu Thìn, 1928 thì thầy Chánh Huý và thầy Chánh Thống trở về Huế. Đổi lại thì có hai thầy là thầy Mật Hiển và thầy Mật Nguyên từ Huế vào.*

*Anh em thấy thời gian học của mình còn khá lâu dài mà số tiền 9 hào một tháng vẫn còn quá lớn, nên anh em muốn thực hiện phương thức “phước huệ song tu” nghĩa là vừa học vừa lao động. Do đó anh em ngoài giờ học, theo sự phân công, mỗi người phải nhận công tác để có thể giảm tiền học phí. Công việc được phân phối như sau: Thầy Vĩnh Thừa sau khi anh em thọ trai xong, lo rửa dọn chén bát. Thầy Mật Khế lo đi chợ. Thầy Mật Hiển và thầy Mật Nguyên lo nấu ăn. Còn tôi thì phụ trách đi kiếm củi.*

*“Như vậy số tiền nộp hàng tháng chỉ còn lại 6 hào. Xem ra anh em nhọc công một chút nhưng lại nhẹ được gánh nặng tiền đóng hàng tháng.”*

Sống chung với nhau, làm việc chung với nhau, có những cái vui, cái buồn; có những kỷ niệm khó quên. Hòa Thượng Đôn Hậu trong **Trên Những Chặng Đường** ghi lại câu chuyện khá lý thú:

*“Một hôm thầy Mật Khế đi chợ mua thức ăn hơi ít. Thầy sợ anh em ăn thiếu, nên thầy ra vườn chùa kiếm thêm măng. Không*

*may mǎng trong chùa đã ăn hết sạch. Thầy bèn “nhanh trí” nhảy qua vườn bên cạnh chùa “kiếm” mǎng. Nghe có tiếng sột soạt ngoài vườn, người trong nhà chạy ra vườn xem. Thoáng thấy bóng người thầy liền bỏ chạy, đồng thời nhanh tay quăng mạt mǎng sang bụi tre bên vườn chùa một cách nhẹ nhàng. Khi người nhà ra đến nơi thì chỉ thấy thầy cúi xuống cầm mạt mǎng từ bụi tre chùa đi ra tinh bơ...!*

*“Đến khi anh em ngồi dùng cơm, thầy kể chuyện lại cho anh em nghe, tất cả đều ôm bụng cười muốn tắt thở! Húi hồn, may không thôi thì mất mặt cả đám. Ai lại thầy chùa mà đi... ăn trộm mǎng!”*

Chúng tăng hỏi Hòa Thượng đến kỳ Bố Tát thầy Mật Khế có bày tỏ sám hối không và có xin lỗi với chủ nhà bên cạnh không. Hòa Thượng cho biết đó là hành động bất ổn duy nhất, khó quên trong cuộc đời tu hành của quý thầy. Trong kỳ Bố Tát liền sau đó, quý thầy đã thổ lộ sám hối và qua nhà kế cận nhìn nhận hành động không mấy tốt đẹp của mình. Chủ nhà bên cạnh không những hoan hỷ bỏ qua mà còn nói nếu khi nào cần, quý thầy có thể qua chùa “kiếm” mǎng.

Hòa Thượng cũng cho biết trong thời gian tu học tại Thập Tháp, những vị có công chăm lo giúp đỡ chư tăng từ Huế vào tu học là Hòa Thượng Giác Tiên chùa Trúc Lâm, Hòa Tượng Tịnh Khiết chùa Tường Vân và bà Trương Xướng ở gần chùa Trúc Lâm. Hòa Thượng ghi trong Hồi Ký **Trên Nhũng Chặng Đường** về đời sống của quý thầy tại Thập Tháp:

*“Tuy đời sống vật chất có phần cơ cực, thiếu thốn, nhưng nếp sống tinh thần thì rất dồi dào, phong phú. Được như thế phần lớn đều do anh em chúng tôi sống với nhau trong tinh thần Lục Hòa, thân mật, vui vẻ, xem nhau như anh em ruột thịt.Thêm vào đó chúng tôi được sống dưới sự chăm nom dạy bảo của một vị Hòa Thượng chan hòa đức độ, một vị Quốc Sư uyên thâm Phật Pháp, phước trí kiêm toàn, trong khung cảnh trang nghiêm, thanh tịnh của một ngôi chùa lịch sử, cổ kính.*

*“Trong học chúng lúc bấy giờ những tăng sinh xuất sắc đều từ Huế, đặc biệt là thầy Mật Khế. Tất cả anh em chúng tôi ai ai cũng lo chuyên cần tu học, luôn luôn giữ gìn giới hạnh, nên được Hòa Thượng thương mến.*

*“Tác phong đứng đắn, học hành chăm chỉ không những đem lại sự hăng say, tận tụy trong việc tu học mà còn làm tăng thêm tín tâm của bốn đạo, tín đồ của chùa híc bấy giờ.*

*“Một điều đáng ghi thêm ở đây nữa là trong lớp học tại Phật Học Viện Thập Tháp hồi đó còn có cả thầy Trí Độ, lúc bấy giờ còn là cư sĩ, nhưng sự tu học của thầy rất tinh tấn. Trong các thời công phu sáng chiềú, thầy không bỏ sót một thời nào. Thật là một tấm gương sáng cho ta nể vì.”*

Hòa Thượng Thích Trí Độ (1894-1979) hiệu Hồng Chân, thế danh là Lê Kim Ba, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1894 tại thôn Phổ Trạch, xã Kỳ Sơn, huyện Tây Phước, tỉnh Bình Định.

Sinh ra trong một gia đình Nho học nên ngài bắt đầu học chữ Nho lúc còn nhỏ tuổi. Tuy học chữ Nho nhưng cha mẹ cũng đồng thời cho học chữ Việt đến cấp sư phạm. Sau khi tốt nghiệp sư phạm, ngài chuyên tâm học Phật Pháp, đến Phật Học Viện Thập Tháp theo học Phật Pháp với Quốc Sư Phước Huệ, cùng khóa học với quý Hòa Thượng Mật Khế, Đôn Hậu, Mật Hiển, Mật Nguyên... suốt bốn năm, từ năm 1927 đến 1931. Năm 1931 ngài vào Sài Gòn cùng với một số cao tăng sáng lập và xuất bản tạp chí *Tử Bi Âm*. Năm 1935 ngài được Hội An Nam Phật Học mời làm Giám Đốc Phật Học Viện Báo Quốc, nơi đào tạo quý Hòa Thượng Trí Tịnh, Trí Quang, Thiện Siêu, Thiện Minh, Thiện Hoa, Thiện Hòa, Huyền Quang... Năm 1940 trở vào Bình Định, được Hòa Thượng Liên Tôn khuyến hóa, ngài xuất gia làm đệ tử hòa thượng Trí Hải, chùa Bích Liên, làng Hòa Xá, quận An Nhơn, tỉnh Bình Định, đắc pháp với Quốc Sư Phước Huệ được ban pháp hiệu là Hồng Chân. Năm 1941 ngài thọ cụ túc giới do hòa thượng Đắc Quang chùa Quốc Ân, Huế làm Đường Đầu Hòa Thượng.



Hòa Thượng Thích Trí Đô (1894-1979)  
(Thích Hải Ẩn & Hà Xuân Liêm: *Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế*, tr. 577)

Khi Phật Học Viện Báo Quốc dời từ Kim Sơn Huế vào Trà Vinh năm 1945, trước cao trào đấu tranh dành độc lập, ngài tham gia phong trào Phật Giáo Cứu Quốc. Năm 1946 Hội Phật Giáo Bắc Kỳ mời ngài ra chùa Quán Sứ mở Phật Học Viện đào tạo Tăng tài, hoằng truyền chánh pháp. Năm 1950 ngài được bầu vào Ủy Ban Liên Việt tại Thanh Hóa và năm 1953 được chỉ định làm Ủy Viên của Ủy Ban Bảo Vệ Hòa Bình. Năm 1954, sau Hiệp Định Genève ngài trở về Quán Sứ, tích cực vận động thành lập tổ chức Phật Giáo Thống Nhất, được bầu làm Chủ tịch của tổ chức Phật Giáo Thống Nhất năm 1958 cho đến ngày ngài viên tịch năm 1979.

Sau khi Hội Phật Giáo Thống Nhất được thành lập, ngài đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo Tăng Ni. Ngài xin Nhà Nước mở những lớp huấn luyện dài hạn, ngắn hạn, cùng quý Hòa Thượng, Thượng Tọa khác trực tiếp hướng dẫn chư tăng ni Phật tử.

Năm 1950 ngài đi Ấn Độ dự lễ kỷ niệm Lễ Phật Thành Đạo 2,500 năm. Năm 1961 ngài tham dự Đại Hội VI của Hội Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới (WFB) tại Cao Môn. Năm 1964 ngài đi Trung Quốc dự lễ kỷ niệm ngài Huyền Trang. Năm 1979 ngài đi Mông Cổ dự đại hội bảo vệ hòa bình Á Châu. Từ năm 1955 đến 1979 ngài được bầu làm Ủy Viên Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Ngài là dân biểu quốc hội khóa 2, 3, 4, 5, được giữ chức Ủy Viên Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ở những khóa trên. Khi viên tịch năm 1979 được Nhà Nước truy tặng Huân Chương Độc Lập hạng 2, Huân Chương Kháng Chiến hạng 3.

Ngoài thầy Trí Độ lúc bấy giờ là một cư sĩ tham dự khóa học Phật Pháp tại Chùa Sắc Tứ Thập Tháp Di Đà, còn có một nữ cư sĩ, bà Cao Xuân Xang, sau này xuất gia hiệu Diệu Không cũng đến đây học hỏi.

Sau 4 năm học tập, vào năm Canh Ngọ, 1930 bốn thầy là thầy Vĩnh Thừa, thầy Mật Khế, thầy Mật Hiển, thầy Mật Nguyên

xin trở về Huế chỉ có thầy Đôn Hậu, xin ở lại học thêm hai năm nữa cho đến gần cuối năm Nhâm Thân, 1932 mới thôi học, trở về Huế Đô.

Về Huế thầy Đôn Hậu vẫn tiếp tục nghiên tầm kinh điển cho đến khi Hội An Nam Phật Học thành lập Phật Học Viện tại chùa Tây Thiên. Ngày 16 tháng 10, 1935, nhân ngày Lê Vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật Học Viện được khai giảng gồm ba cấp: Tiểu Học, Trung Học và Đại Học. Hội cung thỉnh Quốc Sư Phước Huệ làm Giáo Thọ cho chương trình Đại Học.

Phần đông quý thầy đã tham dự các khóa học Phật tại Phật Học Viện Thập Tháp như thầy Chánh Thống, thầy Đôn Hậu, thầy Mật Hiển, thầy Mật Nguyên giờ đây khi trường Đại Học Phật Giáo Tây Thiên khai giảng, đều đến tham dự, cộng thêm những thầy khác như thầy Trí Thủ và thầy Thiện Trì. Cấp Trung Học có nhiều thầy theo học, như thầy Thiện Hòa, thầy Thiện Hoa, thầy Hành Trụ từ trong Nam ra, thầy Trí Quang tức là thầy trú trì chùa Từ Ân, anh ruột của thầy Trọng Ân, nhà thơ Trúc Đieber, thầy Chánh Pháp, thầy Như Ý ở Huế...

Trường Phật Học Tây Thiên, đơn sơ nhưng rất là ấm cúng. Được sự chăm sóc tận tình của Hòa Thượng Giác Nguyên, trong một khung cảnh tĩnh mịch, cách xa thị thành, thật là nơi lý tưởng.

Sáng ngày Khai Giảng, khi vào chùa làm lễ, quý Hòa Thượng Giáo Thọ, Chứng Minh đứng giữa, bên phải là các Tăng sinh cấp Đại và Trung Học, bên trái các Tăng Sinh cấp Tiểu Học. Sau thời tụng niệm và phát hoằng thệ nguyện, Quốc Sư Phước Huệ có vài lời với Tăng Sinh. Ngài nói:

*“Ngày xưa đức Bổn Sư bỏ ngai vàng, lâu dài, điện ngọc, phu vương, thê tử xuất gia tầm đạo và sau 6 năm khổ hạnh, dưới gốc cây Bồ Đề, vượt qua những thử thách của ma vương, thành tựu đại nguyện. Chúng ta ngày nay có nguyện theo dấu chân ngài, kế thừa đạo pháp? Mọi thử thách đang chờ đợi chúng ta và thử thách cẩm go nhất là kiểm soát cuộc đời của chúng ta,*



Xuân Kinh Đại Phật Học Tràng  
(Văn Phòng Viện Tăng Thống: Tiểu Sử Đức Đệ Tam Tăng Thống, tr. 14)

*kiểm soát thân khẩu ý. Muốn được vậy chúng ta không thể lờ là trong việc chấp trì giới luật, siêng năng tu tập. Đời sống tâm linh bắt đầu từ sự tuân hành kỷ luật, biết vâng lời, biết phụng sự. Dẹp bỏ tư kỷ, dẹp bỏ ham muốn thường tình. Nếp sống Lục Hòa mà Phật Tổ đã truyền dạy, chúng ta cố gắng tuân hành. Sống hòa đồng với anh em, với tất cả mọi người. Hợp tác, thân tình, phụng sự.”*

Lễ Khai Mạc xong Tăng Sinh ra ngoài tháp phía bên trái trước chùa hay đứng chụm năm chụm ba dưới cây thị xòe nhánh bao phủ cả sân chùa để thảo luận những điểm Quốc Sư nêu ra trong huấn từ, hoặc trao đổi cho nhau những câu chuyện cá nhân đầy ý vị cho đến khi có tiếng chuông báo hiệu giờ quá đường, giờ cúng ngọ và thọ trai.

Một năm trôi qua. Số lượng tăng sinh không thay đổi, rất là khiêm nhượng, chỉ vỏn vẹn trên dưới ba chục vị, những bậc lương đống cho Phật Giáo Việt Nam sắp bước qua một giai đoạn mới đầy chông gai thử thách.

Sau buổi lễ kỷ niệm năm thứ nhất của Viện Phật Học Huế, Quốc Sư Chủ Giảng, Ban Giáo Thọ, Chứng Minh cùng Tăng Sinh chụp ảnh lưu niệm.

Bức ảnh có phần ghi chú bằng chữ Nho.

Hàng đầu: Phật Lịch Nhị Thiên Ngũ Bách Lục Thập Niên, Bính Tý Cửu Nguyệt Thập Cửu Nhật (Phật Lịch 2560 năm Bính Tý ngày 19 tháng 9). Hàng thứ hai: Xuân Kinh Đại Phật Học Tràng Đệ Nhất Chu Niên Nhiếp Ânh Kỷ Niệm (Viện Đại Học Phật Giáo Huế - Ânh kỷ niệm đệ nhất chu niên)

Ngồi ở hàng ghế đầu là Ban Giáo Thọ và Chứng Minh: Từ trái sang phải: Hòa Thượng Giác Bổn, Hòa Thượng Giác Hạnh, Quốc sư Phước Huệ, Hòa Thượng Giác Tiên. Đứng hàng trước, từ phải sang trái: Tăng sinh Đôn Hậu, Tăng sinh Mật Hiển và toàn thể Tăng Sinh Phật Học Viện Tây Thiên, Huế.

Bốn năm trôi qua. Vào đầu mùa hạ năm Mậu Dần, 1938, trường Đại Học Tây Thiên tổ chức khóa thi tốt nghiệp. Thầy Đôn Hậu được ra trường với hạng Ưu, thành quả của trên 11 năm chuyên cần tu học. Trong **Trên Những Chặng Đường** Hòa Thượng ghi cảm tưởng của mình: “Tôi hết sức vui mừng. Ngày nay hồi tưởng lại, tôi không làm sao quên được công lao dạy dỗ của quý Ôn, quý Thầy, cùng sự tận tâm giúp đỡ của nhiều vị thiện tri thức, những đàn na tín thí đã giúp đỡ tôi có điều kiện theo đuổi chương trình tu học trong những năm qua.”

Hành trang đã chuẩn bị, Hòa Thượng Đôn Hậu bắt đầu lộ trình hoằng hóa đầy thử thách nhưng cũng đầy hoa, đầy lá.



Quyển Ba

---

**SỰ NGHIỆP HOÀNG HÓA  
(1932-1992)**



## CHƯƠNG 8:

---

# BỐI CẢNH XÃ HỘI (1932–1945) VÀ PHONG TRÀO PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO

**1905-1925:** Khi Nhật Bản chiến thắng Nga trong trận thủy chiến tại Thái Bình Dương, người Á Châu cảm thấy họ không thua gì người Tây Phương. Một trong những người Á Châu ấy là cụ Phan Bội Châu, kêu gọi thanh niên Việt hãy nỗ lực học hỏi canh tân theo gương Nhật Bản, mời hoàng thân Cường Để lãnh đạo phong trào. Cụ lén qua Nhật, đứng ra thành lập Việt Nam Duy Tân Hội. Cụ thường xuyên đi đó đi đây để vận động và phát triển phong trào, đồng thời để tránh tai mắt của các gián điệp Pháp, nhưng cuối cùng cụ bị bắt tại Thượng Hải, bị quản thúc tại Huế cho đến ngày cụ qua đời năm 1940.

**1905-1926:** Phan Chu Trinh theo Phan Bội Châu sang Nhật Bản năm 1905, lúc đầu cũng muốn dựa Nhật Bản, thành lập một chính thể quân chủ lập hiến, nhưng sau bỏ ý định ấy, trở về Việt Nam tranh đấu đòi chính quyền Pháp thực hiện lý tưởng tự do, dân chủ, công bằng, bác ái mà nước Pháp thường công bố. Năm 1908 chính phủ bảo hộ Pháp bắt ông cầm tù. Sau ba năm ông được thả nhưng phải sống biệt xứ ở Paris.

Vào cuối thập niên 1920 ông được phép trở về Việt Nam và ông qua đời năm 1926.

**1908-1918:** Dân chúng biểu tình chống Pháp tại Việt Nam vì chính sách thuế khóa. Lính Việt Nam trong quân đội Pháp đứng lên làm phản. Chiến tranh du kích chống Pháp ở thôn quê. Quân Pháp phải mất nhiều công sức đàn áp, dẹp loạn.

**Tháng 2- tháng 4 1918:** Các nhà cách mạng Việt Nam cùng vua Duy Tân bí mật dự bàn kế hoạch chống Pháp. Kế hoạch bị bại lộ. Nhiều nhà cách mạng bị xử tử. Vua Duy Tân bị đày ra nước ngoài.

**1919:** Tại Hội Nghị Hòa Bình Paris sau khi Đệ Nhất Thế Chiến kết thúc, các nhà ái quốc Việt Nam sống tại Pháp đưa chương trình tám điểm đòi hỏi độc lập cho Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc muốn gặp Tổng Thống Woodrow Wilson, người chủ trương tự trị cho mọi dân tộc qua tuyên ngôn 14 điểm, nhưng không được ông Wilson tiếp kiến.

**1920-1925:** Nguyễn Ái Quốc gia nhập đảng Cộng Sản Pháp, cho rằng chỉ có Liên Bang Soviet mới có lập trường chống thuộc địa, giúp Việt Nam thoát khỏi ách đô hộ Pháp. Ông đến Mạc Tư Khoa rồi đến Quảng Đông liên kết với các tổ chức cộng sản khác. Năm 1925 ông thành lập Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, một tổ chức thanh niên Mác Xít đầu tiên tại Đông Dương.

**1925:** Bảo Đại được 12 tuổi, lên làm vua. Suốt ba chục năm ông là con bài không mấy hiệu nghiệm của Pháp.

**1925-1926:** Học sinh biểu tình chống Pháp khi Phan Bội Châu bị bắt đưa ra tòa và khi Phan Chu Trinh qua đời.

**1919-1930:** René Bazin một quan chức Pháp tuyển mộ công nhân đồn điền cao su bị một đảng viên Quốc Dân Đảng ám sát, nhiều đảng viên VNQDĐ bị bắt bỏ tù. Năm 1930 Quốc Dân Đảng vận động lính Việt Nam trong quân đội Pháp đứng lên làm phản tại Yên Bái. Quân Pháp đàn áp nặng nề, giết hại nhiều lính Việt và đảng viên VNQDĐ.

**1930:** Nguyễn Ái Quốc thành lập đảng Cộng Sản Việt Nam, bị cảnh sát Hongkong bắt nã, lẩn trốn nhiều nơi cho đến năm 1941 xuất hiện tại Việt Nam.

**1931-1936:** Khủng hoảng kinh tế khắp nơi, khiến cho nhân dân bị ảnh hưởng nặng nề. Giá gạo và cao su xuống thấp, nạn thất nghiệp và đói kém xảy ra tạo tình trạng bất an. Năm 1936 chính phủ bình dân Pháp đưa ra những cải cách cho Việt Nam, nhưng không mấy hữu hiệu và chỉ tồn tại trong thời gian ngắn.

**1931:** Vua Bảo Đại trở về nước sau thời gian du học tại Pháp. Lúc đầu người Pháp hình như cho ông đóng vai trò quan trọng trong việc trị nước an dân, nhưng thực ra ông chẳng có quyền hành gì. Ông dùng thì giờ vào những vui thú cá nhân trong khi các nhà yêu nước Việt Nam muốn thay đổi tình hình nhưng không mang lại kết quả nào đáng kể.

**1933:** Ngô Đình Diệm sau khi tốt nghiệp trường Hậu Bối năm 1920, được sự đỡ đầu của Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài, nhậm chức Tri Huyện Hương Trà 1921, Tri Phủ Hải Lăng năm 1926, rồi chức Quản Đạo Ninh Thuận, Tuần Vũ Bình Thuận, năm 1933 thăng chức Thượng Thư Bộ Lại, một vị quan trẻ tuổi nhất triều Nguyễn (32 tuổi). Năm 1934 Ngô Đình Diệm từ chức, bị thất thế trước phe cánh của Phạm Quỳnh.

**1938:** Đức tấn công Tiệp Khắc.

**Tháng 8, 1939:** Đức tấn công Ba Lan. Anh khai chiến với Đức. Đệ Nhị Thế Chiến bắt đầu.

**Ngày 22 tháng 9, 1940:** Chính phủ Vichy của Pháp hợp tác với quân đội Đức, ký thỏa ước cho phép Nhật Bản đóng quân và sử dụng những tiện nghi cần thiết tại Bắc Việt. Mặc dù được những đặc quyền như vậy, quân Nhật vẫn từ Trung Quốc tiếm chiếm Việt Nam, Đông Dương. Đến cuối năm 1941 khi chiến tranh ở Thái Bình Dương lên đến cao độ, Nhật Bản xem Việt Nam như là nước thuộc địa của Thiên Hoàng.

**Ngày 10 tháng 5, 1941:** Vào đầu năm 1941 Nguyễn Ái Quốc trở về Việt Nam, gặp những nhóm cộng sản và các đảng phái chính trị, thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, viết tắt là Việt Minh, liên kết mọi thành phần kháng Nhật, chống Pháp. Nguyễn Ái Quốc đổi tên thành Hồ Chí Minh.

**1942-1943:** Hồ Chí Minh sang Tàu cốt vận động Tưởng Giới Thạch giúp đỡ chống Nhật. Thay vì giúp đỡ, Tưởng Giới Thạch

bắt Hồ Chí Minh cầm tù 13 tháng. Cuối cùng ông thuyết phục được Tưởng Giới Thạch là ông sẽ giúp đỡ Trung Quốc đánh Nhật, thực hiện mục tiêu cứu nước của Trung Quốc. Ông được phép trở về Việt Nam.

**1943-1944:** Trong thời gian này, nhờ được sự yểm trợ của Trung Quốc và Hoa Kỳ, Hồ Chí Minh và đồng chí của ông giúp cứu phi công Mỹ bị bắn rơi, giúp phá hoại hệ thống giao thông và sự chuyển vận của quân đội Nhật, đồng thời thực hiện mục tiêu do cộng sản quốc tế giao phó.

**Ngày 22 tháng 12, 1944:** Với sự yểm trợ của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp thiết lập đạo quân du kích 34 người, bắt đầu đánh các đồn bόp Pháp ở Bắc Việt, mở đầu cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

**Đầu năm 1944:** Ngô Đình Diệm nhờ Hiến Bình Nhật Bản can thiệp, vào trú tại Lãnh Sự Nhật ở Huế. Được vài ngày, người Nhật đưa Ngô Đình Diệm vào Đà Nẵng, rồi vào Sài Gòn, trú tại trụ sở Hiến Bình của Nhật, sau một thời gian về nhà Ngô Đình Luyện tại Ngã Sáu Chợ Lớn.

**Ngày 9 tháng 3, 1945:** Nhận thấy sẽ bị thất trận trong vùng Thái Bình Dương, quân Nhật làm đảo chánh tại Việt Nam và khắp Đông Dương, đưa Bảo Đại lên làm Quốc Trưởng, nhưng không giao phó quyền hành tương ứng.

**Ngày 16-29 tháng 8, 1945:** Sau khi Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh, Hồ Chí Minh thành lập Ủy Ban Giải Phóng Quốc Gia để xây dựng một Chính Phủ Lâm Thời. Ngày 18 tháng 8 quân đội Nhật chuyển giao quyền hành cho Việt Minh. Ngày 23 tháng 8 Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Ngày 29 tháng 8 Việt Minh và Quốc Hội Nhân Dân thành lập Chính Phủ Lâm Thời mời Bảo Đại làm Cố Vấn Tối Cao.

**Ngày 2 tháng 9, 1945:** Tại Hà Nội, Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập. Sĩ quan Hoa Kỳ trong tổ chức OSS (Office of Strategic Services, tiền thân của CIA) đứng bên cạnh trong khi Hồ Chí Minh đọc lời Mở Đầu của Bản Hiến Pháp cho nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa dựa theo lời Mở Đầu của Hiến Pháp Hoa Kỳ.

\* \* \*

## PHONG TRÀO PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO.

Khi thế kỷ thứ 19 sắp sửa cáo chung, tại Tích Lan, một nước Phật Giáo có truyền thống lâu đời nhất, bị ngoại bang đô hộ nhiều thế kỷ bắt đầu chuyển mình. Từ khi đạo quân Bồ Đào Nha đến xâm chiếm Tích Lan năm 1501, mang theo các giáo sĩ Thiên Chúa, chính quyền Bồ Đào Nha ra lệnh không cho phép dân Sinhalese thờ cúng đạo cổ truyền trong tư gia hay nơi công cộng. Ngoài phương thức khủng bố, Bồ Đào Nha còn dùng thủ thuật ma giáo để biến Tích Lan thành nước Chúa. Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha muốn dụ dân theo đạo Chúa, mặc y phục bản xứ màu vàng, khoác da cọp trên vai, lấy tro trầm hương bôi lên trán, xưng mình thuộc giai cấp Bà La Môn của thế giới phương Tây đến Tích Lan hướng dẫn dân chúng theo chính đạo. Họ ngụy tạo hồ sơ bằng cổ ngữ Tích Lan để chứng minh họ là Bà La Môn. Họ làm áp lực với vua Tích Lan cuối cùng, bắt cháu đích tôn của vua tên là Dharmapala (Hộ Pháp) phải theo đạo nếu muốn Dharmapala nối ngôi.

Hòa Lan thay thế Bồ Đào Nha, thiết lập Giáo Hội Cải Cách (Giáo Hội Tin Lành), cấm những người không rửa tội làm chủ tài sản đất đai. Giáo Hội Cải Cách giữ độc quyền làm lễ cưới, ghi sổ sinh, sổ tử.

Trong nỗ lực bành trướng, các nhà truyền giáo Tin Lành đã hạ nhục Phật Giáo, gọi Phật Giáo là tà giáo. Chính trong khung cảnh này, một nhà sư Phật Giáo Tích Lan, đại đức Migettuwatte Gunananda thách thức tranh luận công khai với các nhà truyền giáo Cơ Đốc tại Panadura năm 1873, kết quả không những làm chấn động dư luận trong nước mà còn lan đến các nước Âu Mỹ, khiến bà Hélène Blavatsky người Nga, chủ tịch Hội Thông Thiên Học Thế Giới tại New York cùng cựu đại tá Steele Olcott người Hoa Kỳ đến Tích Lan ngày 21 tháng 5 năm 1880, thành lập Hội Thông Thiên Học tại Tích Lan và sau đó qui y Tam Bảo, mở đầu cho phong trào phục hưng Phật Giáo tại Tích Lan và rồi lan dần khắp thế giới.

Cũng vào thời điểm này vào năm 1887, trên một ngọn đồi nhìn xuống thành phố Santa Cruz, California, Hoa Kỳ, một thanh niên người Mỹ gốc Thụy Điển tên là Philango Dasa, cho xuất bản tờ *The Buddhist Ray* (Tia Sáng Phật Giáo) đã viết về Đại Hội Tôn Giáo Hoàn Cầu được tổ chức tại Chicago năm 1883 với lời lẽ hài hước, nhí nhảnh đầy tự tin: “*Đại Hội Tôn Giáo Hoàn Cầu thành công rực rỡ không phải cho tín đồ Cơ Đốc như Hồng Y giáo xứ Boston tuyên bố mà cho những đại diện Phật Giáo, nhất là pháp hữu Dharmapala, người đã vui vẻ bắt tay hàng trăm phụ nữ Cơ Đốc, đã ký tên lưu niệm trên quạt hay trong sổ kỷ niệm... hành động ấy sẽ khiến cho ngân sách giáo xứ trong mùa Giáng Sinh bị sút giảm và khiến cho những thiếu nữ Cơ Đốc không còn e lệ với một nhân tình Phật tử.*”

Sau lễ bế mạc Đại Hội Tôn Giáo Hoàn Cầu, Charles T. Strauss, 30 tuổi, cha mẹ theo đạo Do Thái, thọ tam qui ngũ giới do Dharmapala hướng dẫn. Charles Strauss là người Phật tử Hoa Kỳ đầu tiên thọ giới Uu Bà Tắc trên đất Mỹ. Trước đó 3 năm bà Hélène Blavatsky và cựu đại tá Steel Olcott đã thọ tam qui ngũ giới với một nhà sư tại ngôi chùa ở thành phố Galle, Tích Lan.

Dharmapala, thế danh là David Hewavitharne, sinh ngày 17 tháng 9, 1864 trong một gia đình giàu có tại Tích Lan. Cha mẹ theo Phật Giáo, thường dẫn Dharmapala đi lễ chùa, mặc dầu cho con theo học trường Cơ Đốc St. Thomas gần Colombo. Sau khi bà Hélène Blavatsky và cựu đại tá Steele Olcott đến Tích Lan, thành lập Hội Thông Thiên Học, qui y Tam Bảo, ông cùng hai vị sư người Tích Lan năm 1884 gia nhập Hội Thông Thiên Học tại Tích Lan và rồi theo bà Blavatsky đến Ấn Độ học hỏi và làm việc cho Hội Thông Thiên Học tại Ấn Độ. Năm 1886, ông Olcott trở về Colombo vận động tài chánh cho nền giáo dục Phật Giáo Tích Lan, cần một người thông dịch viên cùng đi vận động, lúc đó Dharmapala đang làm việc cho Bộ Giáo Dục, tình nguyện tham gia. Họ đi từ làng này đến làng

khác khuyến khích dân chúng ủng hộ hệ thống giáo dục Phật Giáo vì lúc bấy giờ trong nước chỉ có nền giáo dục quốc gia và Cơ Đốc mà thôi.

Dharmapala xin phép phụ thân sống đời độc thân, dành trọn thì giờ để phụng sự đạo pháp. Từ năm 1885 đến năm 1889 Dharmapala dấn thân vào công tác phục hưng Phật Giáo. Ông cùng Olcott cho xuất bản tuần báo *Sandarana* bằng tiếng Sinhalese và sau đó cho xuất bản tờ *The Buddhist* bằng tiếng Anh, trở thành cơ quan ngôn luận của tổ chức Thanh Niên Phật Tử Colombo từ đó cho đến bây giờ.

Đại tá Olcott và Dharmapala năm 1889 viếng thăm Nhật Bản, vận động chấn hưng Phật Giáo. Tháng Giêng năm 1891, Dharmapala cùng với nhà sư Nhật Bản Kozen đến Ấn Độ chiêm bái thánh tích. Tại Bồ Đề Đạo Tràng, họ thấy thánh tích nơi Phật thành đạo nằm dưới quyền điều hành của người ngoại đạo chỉ quan tâm đến khía cạnh thương mãi. Dharmapala quyết vận động phục hồi thánh địa Phật Giáo trở về với Phật Giáo. Ông chuyển trụ sở Hội Maha Bodhi từ Colombo đến Calcutta năm 1892. Được sự trợ giúp tài chính của bà Foster xứ Hawaii ông cho xây dựng một trụ sở lớn của Hội Maha Bodhi tại Calcutta, đến nay vẫn còn, là trung tâm hoạt động của Hội. Ông cho xuất bản nguyệt san *Maha Bodhi Journal* còn tồn tại cho đến ngày nay. Lời mở đầu tờ báo là lời của Phật truyền dạy cho 60 đệ tử đầu tiên trong sự nghiệp hoằng hóa: “*Này các Tỳ Kheo, hãy vì lợi ích của quang đại quần chúng, sự an vui của Trời và Người mà rao truyền Chánh Pháp, khai triển Nếp Sống đạo hạnh, thuần khiết, hoàn hảo.*”

Dharmapala trong nỗ lực vận động phục hưng Phật Giáo đã viếng thăm Anh Quốc nhiều lần. Trong chuyến thăm thứ nhất, ông gặp thi sĩ Sir Edwin Arnold, tác giả tập thơ *The Light of Asia* (Ánh Sáng Á Châu, nói về sự tích Phật Thích Ca bằng thơ), đã cùng thi sĩ gặp Bộ trưởng đặc trách Ấn Độ Lord Kimberly để trình bày về Bồ Đề Đạo Tràng. Kết quả: ngày Lễ Phật Đản

được công nhận lễ công cộng tại Calcutta năm 1896, và tại thành phố New York năm 1897.

Tháng Giêng năm 1933 Dharmapala thọ đại giới, được ban pháp hiệu là Sri Devamitta Dhammapala. Ông làm Tỳ Kheo không được bao lâu, tình trạng sức khỏe ngày càng sa sút, ông qua đời tháng Tư năm ấy, hưởng thọ 69 tuổi, với 49 năm năm phục vụ đạo pháp, vận động phục hưng Phật Giáo. Nỗ lực vận động của ông không những có ảnh hưởng đến các nước Á Châu, mà Âu Mỹ cũng nhờ nỗ lực ấy mà quan tâm đến Phật Giáo.

#### TRUNG QUỐC HƯỞNG ỨNG LỜI KÊU GỌI PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO.

Trung Quốc tuy không bị các nước Tây Phương cai trị, ngoại trừ Ma Cao, Hong Kong, nhưng bị áp lực của các quốc gia Tây Phương khá nặng nề. Các phái đoàn truyền giáo tại Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng áp dụng phương thức mềm dẻo hơn so với Tích Lan hay các nước tại Trung Mỹ, Nam Mỹ sau khi Kha Luân Bố (Columbus) “khám phá” tân thế giới. Giáo sĩ Dòng Tân, theo dấu chân của thánh Francis Xaxier nhận thấy muốn truyền đạo một cách có hiệu quả, phải học triết lý, phong tục, tập quán của các nước họ đến truyền đạo, tuy nhiên họ vẫn rất chủ quan và thiên kiến. Năm 1549 thánh Xaxier đến Nhật, gặp một số tăng sĩ Phật Giáo Nhật Bản, đặc biệt là thiền sư Nanjio, thấy vị viện chủ và các thầy đang ngồi thiền. Thánh Xaxier hỏi có vẻ biếm nhè:

– Các vị ấy ngồi nghĩ chuyện gì?

Thiền sư Najio nói:

– Trong số chúng tôi có người ngồi tĩnh nhẩm tháng vừa qua đã nhận được bao nhiêu tiền hỷ cúng của thập phương thiện tín. Có vị ngồi nghĩ xem ở đâu bán áo quần, vật thực rẻ. Có vị ngồi nghĩ đến nơi nào tiêu khiển, giải trí tốt... Nói tóm lại họ ngồi nghĩ vào những chuyện không đâu vào đâu...

Giáo sĩ Dòng Tên đã nhận định về các thiền sư và pháp môn thiền quán của Phật Giáo: “*Thiền sư cho vạn vật đều không. Không có kiếp sau, không có thường phật và tệ hơn nữa không có đẳng Tạo Hóa. Họ còn đặt ra những câu thoại đầu rắc rối, làm bấn loạn tâm trí...*”

Nước Trung Hoa với hàng nghìn năm văn hiến may mắn thoát khỏi tai biến do Hồng Tú Toàn, một tín đồ Tin Lành gây nên, muốn biến Trung Quốc thành nước Chúa. Ngày 11 tháng 1, 1851 Hồng Tú Toàn tự xưng vua của Thái Bình Thiên Quốc, chiếm Trường Sa năm 1852, lấy Nam Kinh năm 1853. Suốt 13 năm quân đội của Hồng Tú Toàn đi đến đâu phá hủy chùa chiền, thiêu đốt kinh tượng Phật Giáo đến đó. May mà Hồng Tú Toàn không thành công, nếu không Trung Quốc đã trở thành nước Chúa vào cuối thế kỷ 19 và Phật Giáo sẽ bị tai kiếp nặng nề.

Cuộc Cách Mạng Tân Hợi 1911 lật đổ triều đình Mãn Thanh, thiết lập chế độ Cộng Hòa từ năm 1911 đến 1949 dưới quyền lãnh đạo của hai vị Tổng Thống Tôn Dật Tiên và Tưởng Giới Thạch, đều là tín đồ Cơ Đốc. Thuế ruộng đất chùa tăng lên gấp bội, chùa chiền bị sung công làm đồn lính, trạm cảnh sát, trường học. Tá điền được khuyến khích không trả lúa canh tác ruộng đất chùa cho chùa. Trên lãnh vực tư tưởng, Phật Giáo bị tấn công nặng nề. Hồ Thích muốn nhổ tận gốc ánh hưởng văn hóa Ấn Độ (văn hóa Phật Giáo). Ông cho rằng Phật Giáo đã làm chệch hướng tiến tuân tự của nền văn hóa Trung Hoa duy lý, nhân bản, khoa học, có đủ bản lãnh để đương đầu với thế giới Tây Phương hiện đại. Tuy vậy trước khi ông qua đời ông lại dùng lời lẽ của một thiền sư để căn dặn hàng hậu bối: “*Trước kia một hòa thường Thiền tông từng nói: Bồ Đề Đạt Ma sang phương Đông chỉ muốn tìm một người chịu để cho người ta mê hoặc mà truyền thụ tâm pháp. Trong thiên ngôn vạn ngữ của tôi, tôi cũng chỉ dạy người ta phương pháp làm người không để cho người ta mê hoặc...*” (Hồ Thích: *Trung Hoa Triết Học Sử*, bản dịch Huỳnh Minh Đức, Đại Nam xuất bản 1969, tr. 9).

Phật Giáo Trung Hoa dưới thời Mãn Thanh và Cộng Hòa đã được một số quan sát viên nhận định:

*“Mức độ đạo đức của chư tăng rất thấp... Họ thi hành nhiệm vụ tôn giáo rất máy móc, trong phạm vi hăn hẹp và cuộc đời của họ thay vì diệt trừ bản ngã, trở thành cuộc sống vị ngã, lười biếng... Họ ít liên hệ với Phật tử và nếu có liên hệ chẳng là để làm ăn buôn bán... Nếp sống bê tha, sa đọa...”* (H. Hackman: *Buddhism as a Religion*).

*“Phật Giáo dần dần trở thành hình thức. Tăng già Phật Giáo, không khác gì Đạo sĩ Lão Giáo, lười biếng, kém học, ký sinh trùng. Tôn giáo cũng như chùa chiền của họ ở trong tình trạng suy sụp.”* (A.H. Smith: *Forty Years a Missionary in China*, New York, 1912).

*“Tăng già kém học và sa đọa. Chùa chiền không được bảo trì đúng mức và tràn ngập không khí thương mại.”* (Chan, Wing-tsit: *Religious Trends in China*, New York, 1953)

*“Đạo đức suy đồi, đời sống tâm linh suy đốn.”* (Ch'en Kenneth K.S.: *Buddhism in China, A Historical Survey*, Princeton, 1964).

Phật Giáo Trung Hoa giờ đây phải đương đầu với bao nhiêu nghịch cảnh, với đức tin của nhân dân Trung Hoa, với khoa học vạn năng, với hào quang kỹ thuật Tây Phương, với chế độ chính trị, với hàng trí thức không mấy thiện cảm. Một cuộc gặp gỡ, một đương đầu thiếu chuẩn bị. Thái Hư Đại Sư (1889-1947) nhà lãnh đạo Phật Giáo danh tiếng, người chủ xướng canh tân Phật Giáo Trung Quốc có thể trả lời một cách hùng hồn là những phát minh khoa học hiện đại, thể chế dân chủ hiện đại... Phật Giáo đã có từ lâu. Thuyết nguyên tử, thuyết tương đối, tâm lý học, tâm lý trị liệu, thể chế dân chủ trong tổ chức Tăng Già dựa vào thuyết Lực Hòa v.v... Phật Giáo đã có từ ngàn xưa. Những người không đồng ý với ngài hỏi lại: Nếu Phật Giáo đã khám phá những nguyên tử ấy từ xưa, đã có những thể chế dân chủ ấy từ xưa, vậy Phật Giáo đã làm

gì với những khám phá ấy, với những thể chế ấy? Phật Giáo đã làm gì để có thể xây dựng một xã hội theo quan điểm và đường hướng của Phật Giáo?

Thái Hư đại sư kêu gọi toàn thể chư tăng, tín đồ Phật Giáo đoàn kết thành một khối. Trong *Hải Triều Âm* năm 1935 ngài viết: “*Không nhẫn tâm đứng nhìn tự viện Phật Giáo bị phá hủy... tôi phát động phong trào bảo vệ Phật Giáo, xiển dương giáo nghĩa, chỉnh đốn Tăng già, giáo dục tăng ni, Phật tử. Chương trình cải cách Phật Giáo là làm sống lại đạo lực của hàng tăng sĩ, đem tài sản của chùa chiền làm lợi ích cho dân, tạo cơ hội và khuyến khích chúng tăng tu học.*”

Thái Hư đại sư chủ trương cách mạng giáo chế, cách mạng giáo học, cách mạng giáo sản trong nỗ lực chấn hưng Phật Giáo Trung Hoa, để đáp ứng nhu cầu văn hóa thời đại, làm sáng tỏ gia tài Phật Giáo.

#### VIỆT NAM HƯỚNG ỨNG LỜI KÊU GỌI PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO.

Phật Giáo Việt Nam từ thế kỷ 16, đạo lý Cư Trần Lạc Đạo của Trần Nhân Tông chỉ còn vang bóng một thời trước cảnh phân hóa thời Trịnh Nguyễn. Tại Đàng Ngoài, tình trạng phân hóa nội bộ nặng nề. Năm 1741 nạn đói hoành hành, khắp nơi khởi loạn. Tại Đàng Trong dưới thời các Chúa Nguyễn đầu tiên, tình trạng ổn định, nhưng giữa thế kỷ 18 khi Trương Phúc Loan chuyên quyền, lòng dân ly tán, họ Trịnh nhân cơ hội này đánh chiếm Phú Xuân, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dấy binh, lãnh đạo quân Tây Sơn chiếm Qui Nhơn rồi Quảng Nam. Chúa Nguyễn Phúc Thuần cùng cháu là Nguyễn Phúc Ánh xuống thuyền chạy vào Gia Định. Năm 1778 sau khi Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ lấy xong đất Gia Định, Nguyễn Nhạc sửa lại thành Đồ Bàn, kinh thành cũ của Chiêm Thành, tự xưng đế. Năm 1789 Nguyễn Phúc Ánh xưng vương chống lại quân Tây Sơn. Năm 1786 Nguyễn Huệ đánh chiếm Phú Xuân. Năm 1788 Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ được tin

quân Thanh đem quân đến Thăng Long giúp họ Trịnh và vua Lê Chiêu Thống, lập đàn ở núi Bàn Sơn lên ngôi hoàng đế thống lãnh binh mã ra Bắc, tiêu diệt quân Thanh trong trận đánh lịch sử Đống Đa ngày 25-1-1789.

Đông Định Vương Nguyễn Lữ cai quản vùng Gia Định, bị quân Nguyễn Ánh tấn công phải chạy về Qui Nhơn, rồi mất tại đó năm 1787. Trung ương hoàng đế Nguyễn Nhạc đóng đô ở Đồ Bàn bị quân Nguyễn Ánh tiếp tục tấn công, qua đời năm 1793. Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ đóng đô ở Phú Xuân, định dời đô ra Nghệ An nhưng qua đời năm 1792, nhường ngôi lại cho con là Quang Toản, mới được 10 tuổi, việc triều chính do Bùi Đắc Tuyên quyết đoán, nội bộ phân hóa, sát hại lẫn nhau. Năm 1799 quân Nguyễn Ánh chiếm Qui Nhơn đổi thành Bình Định. Năm 1801 chiếm Phú Xuân. Năm 1802 chiếm Thăng Long. Triều đình Tây Sơn sụp đổ. Nguyễn Ánh lên làm vua, hiệu Gia Long (ghép chữ Gia Định, Thăng Long), thống nhất đất nước.

Trong cảnh quốc gia phân tán, chiến tranh ly loạn, cũng nhầm vào lúc Tây Phương sau cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ, bành trướng thị trường. Các phái bộ truyền giáo sử dụng hay bị sử dụng chính sách thực dân thuộc địa để truyền rao Lời Chúa. Năm 1535 thuyền trưởng Bồ Đào Nha đến Hội An thiết lập trạm buôn, mở đầu thế lực Tây Phương bành trướng tại Việt Nam. Dòng Tên nước Ý xây dựng nhà thờ Công Giáo đầu tiên tại Đà Nẵng năm 1615...

Dưới thời nhà Trần, Phật Giáo có trên 30,000 Tăng Ni giờ đây trong thời Trịnh Nguyễn Phân Tranh, vắng bóng Tăng Già. Tại Đàng Ngoài chỉ có một nhà sư Việt Nam nổi tiếng, đó là ngài Chân Nguyên, người tỉnh Hải Dương có công phục hồi Phật Giáo Trúc Lâm, ngoài ra hầu hết các thiền sư đều là người Trung Hoa. Tại Đàng Trong cũng vậy, hầu hết các bậc cao tăng đều là người Trung Hoa, bỏ Trung Quốc vào buổi giao thời Minh-Thanh đến Việt Nam hoằng hóa, chỉ có ngài Liễu

Quán, người Phú Yên là vị thiền sư nổi tiếng của Việt Nam.

Dưới thời Tây Sơn vua Quang Trung nhận thấy chùa chiền nhiều mà tăng ni hầu hết thiếu học vấn, đạo hạnh nên cho phá hủy chùa chiền ở làng, xóm, đem vật liệu xây dựng chùa lớn tại quận lỵ hoặc biến chùa chiền làm cơ sở hành chính, quân sự hay giáo dục. Dưới thời nhà Nguyễn, tuy các vua triều Nguyễn có lòng mộ đạo cho xây dựng, tu bổ chùa tháp, nhưng tinh thần chỉ đạo dựa vào Nho Giáo. Vua quan, dân chúng chú ý đến Phật Giáo qua hình thức cúng lễ, cầu đảo. Tăng Ni đến với Phật Giáo vì cuộc thế nhiễu nhương hơn vì ý nguyện xuất trần, hoằng truyền chánh pháp. Nhiều ngôi chùa bị bỏ hoang, nhất là những ngôi chùa xa thị thành. Vào thời kỳ chống Pháp khi thực dân Pháp bắt đầu đặt nền đô hộ, Tăng Ni Phật Tử trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào các phong trào chống Pháp, các phong trào Cần Vương, Cách Mạng, Ngôi Nhà Phật Giáo bị bỏ bê...

Hưởng ứng lời kêu gọi chấn hưng Phật Giáo của Dharmapala và Thái Hư đại sư, Phật Giáo Việt Nam chuyển mình sau một giấc ngủ dài, trong đó “*phản động tăng đồ chỉ nghĩ đến danh vọng, chức tước... xin bằng Tăng Cang, Trú Trì, Sắc Tú v.v... một phương diện khác thì chỉ biết cúng cấp, cầu đảo, phù chú... để làm kế sinh nhai... còn một hang nữa chỉ giữ mình cho được thanh nhàn, ăn chơi tiêu khiển bảo là giải thoát*”.. (Thích Mật Thể: *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược*, Nhà Xuất Bản Phú Lâu Na, 1993, tr. 188).

Tình trạng suy sập của Phật Giáo Việt Nam đến nỗi ngôi quốc tự Linh Mụ nổi danh của chốn thần kinh cũng phải chịu cảnh hoang tàn không người săn sóc, như được ghi trong bài *Linh Mụ Hoài Cổ* của Tương An Quận Vương con Vua Minh Mệnh:

*Linh Mụ rày xem cỏ lướt mây  
Xe loạn qua lại dấu còn đây  
Đại Hùng điện trước ngàn rêu lấp  
Di Lặc chùa sau tiếng dế vây*

*Thảm lấp Phú Câu sông một dải  
Sâu giăng Long Thọ núi liền dây  
Cánh trời sương khói thêm buồn bã  
Còn thiếu quyên kêu xó gốc cây.*

(Quách Tấn: *Bước Lặng Du. Trẻ*, TPHCH 1996, tr. 198)

Giống như những người đồng đạo tại Tích Lan, Miến Điện, Lào, Cao Môn, Phật Giáo Việt Nam phải đương đầu với thực dân thuộc địa về cả hai mặt quân sự cũng như văn hóa. Tại Việt Nam những phái bộ truyền giáo sớm nhất hoặc là Y Pha Nho, Bồ Đào Nha hay Pháp và Giáo Hội Thiên Chúa La Mã là thành phần tích cực trong tiền tuyến văn hóa. Một sử gia Pháp, ông Charles Mayhon nói về vai trò quan trọng của phái bộ Thiên Chúa trong chiến tranh thuộc địa: “*Lịch sử của Hội Truyền Giáo liên hệ chặt chẽ với lịch sử bành trướng ảnh hưởng của Pháp tại Đông Dương. Người sáng giá nhất trong Hội Truyền Bá là Giám Mục Adrian Pigneau de Behaine.*” (Benz, Ernst: *Buddhism or Communism, Which Holds the Future of Asia* tr. 31).

Phan Bội Châu xem Adrian Pigneau de Behaine là nhà lãnh đạo tiền phong trong khát vọng thuộc địa (Benz nt. Tr. 44). Cao Huy Thuần viết: “*Hoạt động của Giáo Hội Thiên Chúa là một phần của chiến lược thực dân. Trong chủ nghĩa thực dân (Colonialism), chữ C hoa đại diện cho 3 chữ c nhỏ, đó là Cơ Đốc Giáo (Christianization), Thương Mại (Commerce) và Văn Minh (Civilization.)*” (Cao Huy Thuần: *Catholicism and French Colonialism in Vietnam* tr. 111).

Vào thế kỷ thứ 19 hầu hết những nước Phật Giáo tại Đông Nam Á nói riêng, Á Châu nói chung đều bị Âu Châu cai trị và Cơ Đốc Giáo đe dọa truyền thống văn hóa của họ. Thực dân thuộc địa đến những quốc gia này một tay cầm Thánh Kinh, một tay cầm súng, bành trướng thế lực với danh nghĩa rao truyền văn minh nhân loại, mà họ gọi là mission civilisatrice. Các dân tộc Đông Nam Á hướng đến Phật Giáo làm bình phong chống lại chủ nghĩa đế quốc Tây Phương.

Phật tử Việt Nam thấy nhiệm vụ cứu nước và cứu đạo đi đôi với nhau. Phong trào chấn hưng Phật Giáo bắt đầu từ trong Nam qua việc thành lập Hội Lục Hòa Liên Hiệp năm 1923 tại chùa Long Hoa, Trà Vinh, tổ chức Thích Học Đường và Phật Học Thư Xã tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn năm 1928, thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học năm 1931 tại Sài Gòn, Phật Học Tùng Thư của Đoàn Trung Còn năm 1932, Hội Lưỡng Xuyên Phật Học tại Trà Vinh năm 1934, Hội Tịnh Độ Cư Sĩ tại chùa Tân Hưng Long, Chợ Lớn năm 1936, Hội Phật Học Kiêm Tế tại chùa Tam Bảo, Rạch Giá năm 1937 với hoạt động tích cực của Hòa Thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Pháp Hải, Khánh Anh, Thiện Chiếu, Bích Liên, Liên Tôn... Ngoài ra còn có các Hội Phật Học khác không có Chi Hội ở các Tỉnh, không có báo chí, không Phật Học Viện, như:

- Hội Phật Giáo Liên Hữu do vị Trú Trì chùa Bình An, tỉnh Long Xuyên sáng lập năm 1932.
- Hội Phật Giáo Tương Tế do vị Trú Trì chùa Thiên Phước tên là Lê Phước Chí ở Sóc Trăng sáng lập khoảng năm 1934.
- Hội Thiên Thai Thiền Giáo Tông Liên Hữu do thiền sư Huệ Đăng sáng lập năm 1934, trụ sở đặt tại chùa Thiên Thai, Bà Rịa.

Tại Trung Kỳ Hội An Nam Phật Học ra đời năm 1932 với sự hướng dẫn của Hòa Thượng Giác Tiên và hoạt động tích cực của những cư sĩ như: Cụ Ưng Bàng, Nguyễn Khắc Hòe, Nguyễn Khoa Tân, Viễn Đệ, Nguyễn Khoa Toàn, Ưng Bình, Bửu Bác, Trần Đăng Khoa, Lê Thanh Cảnh, Lê Quang Thiết, Trương Xướng, Tôn Thất Quyên, Nguyễn Xuân Tiêu, Hoàng Xuân Ba, Lê Bá Ý, Tôn Thất Tùng, Lê Đình Thám...

Sơn Môn Huế và Hội An Nam Phật Học rất chú trọng về việc đào tạo nhân tài và chỉnh lý Tăng giới. Trường Phật Học đầu tiên được mở tại chùa Trúc Lâm với chương trình học 15 năm, 5 năm Tiểu Học, 5 năm Trung Học, 5 năm Đại Học. Năm 1935 Trường Phật Học được dời qua chùa Tây Thiên, với chương

trình học 12 năm, 4 năm Tiểu Học, 4 năm Trung Học, 4 năm Đại Học. Khi Phật Học Viện do Hội An Nam Phật Học tổ chức tại Báo Quốc năm 1944, với chương trình 6 năm, 2 năm Tiểu Học, 2 năm Trung Học, 2 năm Đại Học. Cuối năm 1944 Phật Học Đường Báo Quốc được dời về Tùng Lâm Kim Sơn ở làng Lưu Biểu. Tình trạng kinh tế sau ngày Nhật đảo chánh Pháp trở nên tồi tệ, Hội An Nam Phật Học không đủ sức duy trì Phật Học Viện phải dời vào Nam với sự yểm trợ của Tăng sinh Thiện Hoa, đầu tiên dời về Vĩnh Tràng ở Mỹ Tho, sau chuyển đến chùa Phật Quang ở Trà Ôn, tỉnh Trà Vinh. Khi Cách Mạng Tháng Tám bùng nổ, trước cao trào đấu tranh dành độc lập, nhiều Tăng sinh đã tham gia kháng chiến chống Pháp. Phật Học Đường này bị tan rã.

Trong công tác chỉnh lý tình trạng Tăng sĩ, Hội An Nam Phật Học chủ trương cư sĩ có bổn phận tham gia bằng cách không công nhận người phá giới là tăng sĩ, hủy bỏ điệp qui y do các thầy không trì trai giữ giới cấp phát. Công bố những tăng sĩ phạm giới nếu có đầy đủ bằng chứng. Bảo vệ những tăng sĩ nghiêm trì giới hạnh. Không tham dự những công việc không phù hợp với Phật Pháp. Tham gia công tác hoằng dương chánh pháp và chỉnh đốn tăng già.

Tại Bắc Kỳ, Hội Phật Giáo Bắc Kỳ được thành lập năm 1934 với sự hướng dẫn của Hòa Thượng Thanh Hanh (Tổ Vĩnh Nghiêm) và hoạt động tích cực của thiền sư Trí Hải, Tâm Ứng, Tâm Bảo, Tố Liên, Giải Ngạn, Tuệ Chiếu... các cư sĩ như cụ Nguyễn Hữu Kha, Nguyễn Năng Quốc, Trần Trọng Kim, Bùi Ký, Cung Đình Bính, Trần Văn Giáo, Văn Quang Thùy, Nguyễn Can Mộng, Nguyễn Đỗ Mục, Nguyễn Văn Tố, Dương Bá Trạc, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Vĩnh...

Giống như Hội An Nam Phật Học, trọng tâm công tác chấn hưng của Hội Phật Giáo Bắc Kỳ là đào tạo nhân tài. Trường Phật Học tại Quán Sứ, Bồ Đề, Bằng Sở với chương trình học Phật 10 năm, 4 năm Tiểu Học, 3 năm Trung Học, 3 năm Đại

Học. Ngoài ra ông Đỗ Nam Tử Nguyễn Trọng Thuật muốn đưa đạo Phật vào đời sống hàng ngày của nhân gian chủ trương Nhân Gian Phật Giáo với sự yểm trợ đắc lực của Nguyễn Hữu Kha Thiều Chủ.

Hội Phật Giáo Bắc Kỳ đã lôi cuốn nhiều học giả tân cung như cựu để tâm nghiên cứu Phật Học. Ông Trần Văn Giáp cho xuất bản cuốn *Le Bouddhisme en Annam des Origines au 13e siècle* là công trình đầu tiên về Phật sử Việt Nam. Lê Thân Trần Trọng Kim, một sử gia nổi tiếng dịch kinh *Bát Nhã* từ chữ Nho ra chữ Việt, tác giả của những tập tham luận như *Phật Giáo Thuở Xưa và Phật Giáo Ngày Nay*.

Trong khi Hội Phật Giáo Bắc Kỳ nỗ lực vận động canh tân Phật Giáo với diễn đàn *Đuốc Tuệ* ra đời năm 1935, thì chư Tăng trong Sơn Môn cũng không kém phần hoạt động. Sơn Môn Linh Quang với tạp chí *Tiếng Chuông Sớm* do Tăng Cương Đỗ Văn Hỷ, chùa Linh Quang (Bà Đá), thiền sư Thanh Tường, Trú Trì chùa Trầm ở Hà Đông, thiền sư Đặng Văn Lợi tăng trưởng chùa Trần Quốc, Hà Nội, thiền sư Bảo Giám, trú trì chùa Đông Lâm, Bắc Ninh... ông Mai Đăng Đệ, Trần Đình Rư, Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn Tiến Lãng... chủ trương. Cơ quan *Tiếng Chuông Sớm* cuối năm 1935 thành lập Bắc Kỳ Phật Giáo Cổ Sơn Môn, chủ trương duy trì truyền thống thiền môn khác với chủ trương canh tân của Hội Phật Giáo Bắc Kỳ. Tổ Vĩnh Nghiêm không để cho sự chia rẽ trở nên trầm trọng, cố gắng hòa giải đôi bên nêu dần dần hai bên hoan hỷ cộng tác.



## CHƯƠNG 9:

---

# CÔNG TÁC HOẰNG TRUYỀN (1932-1945)

Ngôi Nhà Phật Giáo Việt Nam bấy lâu bị lãng quên giờ đây được sơn phết lại. Tại miền Nam Việt Nam Hòa Thượng Khánh Hòa, thiền sư Thiện Chiếu cùng chư tăng già, cư sĩ năm 1931 thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, mở Phật Học Viện, xuất bản *Tử Bi Âm, Duy Tâm*. Tại miên Trung, Hòa Thượng Giác Tiên, cư sĩ Lê Đình Thám cùng chư tăng cư sĩ khác thành lập Hội Phật Học Trung Kỳ năm 1932, mở Phật Học Viện Trúc Lâm, Diệu Đức, Tây Thiên, Báo Quốc, cho xuất bản *Viên Âm*. Tại miền Bắc Hòa Thượng Trí Hải, cụ Nguyễn Năng Quốc cùng chư tăng và các cư sĩ khác thành lập Hội Bắc Kỳ Phật Giáo năm 1934, mở trường tăng tại chùa Quán Sứ, trường Ni tại chùa Bồ Đề, cho xuất bản *Đuốc Tuệ*.

Chính vào thời điểm này Hòa Thượng Thích Đôn Hậu bắt đầu cuộc hành trình trên lộ trình hoằng hóa. Những năm tháng ban đầu, từ năm 1932 đến năm 1938 là thời kỳ tập sự. Từ 1939 đến 1945, hòa thượng dành trọn thì giờ trong nhiệm vụ hoằng truyền chánh pháp.

Ngày mồng 8 tháng 2, 1932 là năm Hội An Nam Phật Học ra đời trong phong trào chấn hưng Phật Giáo và cũng là năm Hòa Thượng rời tổ đình Thập Tháp trở về Huế. Chuyến đi này chỉ một mình Hòa Thượng vì những vị khác đã về trước cách đó mấy năm. Mới về được một thời gian ngắn thì Hòa Thượng được Hội Phật Học mời làm giảng sư và đóng góp bài vở vào Nguyệt San *Viên Âm* do Hội xuất bản.

Năm 1935 Hội đứng ra thành lập Phật Học Viện tại chùa Tây Thiên gồm ba cấp Tiểu Học, Trung Học và Đại Học và mời Quốc Sư Phước Huệ làm giáo thọ cho cấp Đại Học. Hòa Thượng ghi danh nhập học cấp Đại Học cùng với một số quý thầy khác như thầy Chánh Thống, Mật Hiển, Mật Nguyên, Trí Thủ, Thiện Trì, đồng thời Hòa Thượng được mời dạy cấp Trung Đẳng cho một số quý Thầy trong đó có thầy Thiện Hòa, Thiện Hoa, Hành Trụ từ trong Nam ra, thầy Trí Quảng, Chánh Pháp, Như Ý tại Huế... Hòa Thượng tiếp tục đi các Chi Hội, Khuôn Hội diễn giảng và đóng góp bài vở cho *Viên Âm*.

Năm 1938 Hòa Thượng tốt nghiệp Ưu Hạng, Đại Học Phật Giáo tại Phật Học Viện Tây Thiên. Trong năm này Hội An Nam Phật Học khởi công kiến thiết chùa Từ Đàm, làm trụ sở của Hội, nơi cư trú của thầy Trú Trì, nơi thập phương thiện tín đến làm lễ và nghe pháp. Trong thời gian xây cất, trụ sở của Hội dời vào chùa Từ Quang, Hòa Thượng vẫn liên tục thuyết giảng hàng tuần.

Trong buổi giảng đầu tiên tại chùa Từ Quang, trụ sở tạm thời của Hội An Nam Phật Học, Hòa Thượng đã chọn kinh Lăng Nghiêm làm đề tài cho mùa diễn giảng Phật Pháp. Sở dĩ Hòa Thượng chọn kinh *Lăng Nghiêm* vì hai lý do. Lý do thứ nhất mỗi lần vào buổi sáng tụng Lăng Nghiêm Thập Chú, Hòa Thượng luôn luôn xúc động trước lời thệ nguyện với Phật: “*Nguyễn kim đắc quả thành bảo vương, hoàn độ như thị hằng sa chúng. Tương thủ thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật Ân. Phục thỉnh Thể Tôn vị chứng minh, ngũ trước ác thế hệ*

*tiên nhập. Như nhát chung sanh vị thành Phật, chung bất ư thủ thù nê hoàn...*". Lời nguyệt thành khẩn, trải lòng mình trước Phật Tổ, như kêu gọi, như đánh thức, như nhắc nhớ sứ mạng của người xuất gia. Lý do thứ hai: kinh *Lăng Nghiêm* là một bộ kinh quan trọng của Đại Thừa. Trong kinh đức Phật chỉ rõ bản thể của tâm để hành giả nương vào đó chuyển mê khai ngộ. Sau khi nội tâm đã thanh tịnh, Bồ Tát an trụ vào tâm thanh tịnh để cứu độ chúng sinh. Sử dụng hình tướng, danh sắc nhưng tâm vẫn thường an trụ vô vi. Thị hiện nhập niết bàn nhưng không bao giờ tịch diệt. Thị hiện các hình tướng nhưng không hoại diệt sắc tướng. Chu du khắp mười phương quốc độ nhưng không phân biệt, vẫn giữ bình đẳng pháp tính. Thực hành các hạnh nguyệt lợi tha nhưng không tự cao, kiêu mạn, buông lung. Đối đầu với ma oán, nhưng không bị ma oán chi phối, luôn luôn chan hòa tử ái. Thị hiện đầu thai trong sáu đường, nhưng không phân biệt màu da chủng tộc. Thực hành nhẫn nhục, tìm phương tiện nói các pháp để đưa chúng sinh khỏi vòng sinh tử luân hồi. Ngoài ra diệu dụng của Thủ *Lăng Nghiêm* đã phá tan thần lực ngoại đạo cứu thoát tôn giả A Nan khỏi rơi vào lưới Ma Đǎng Già Nữ, đưa A Nan trở về bản tánh chân tâm. Diệu dụng đó cũng đánh thức lương năng của Ma Đǎng Già trở thành con người thánh thiện...

Kinh *Lăng Nghiêm* với đạo lý uyên thâm chỉ bày mọi phương tiện thù thắng là một bộ kinh trọng yếu trong chương trình nghiên cứu Phật Học của Học Viện Nalanda, Ấn Độ suốt hơn 12 thế kỷ. Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang đã đến Nalanda nghiên cứu học tập bộ kinh thâm ảo này. Do đó Hòa Thượng Đôn Hậu đã chọn bộ kinh này trong khóa thuyết giảng tại chùa Từ Quang, trụ sở tạm của Hội An Nam Phật Học. Hòa Thượng rất thận trọng trong việc giảng giải bộ kinh này. Suốt trong khóa giảng rất đông Tăng Ni, tín đồ Phật Tử tham dự. Ngồi ở hàng ghế chứng minh là quý Ôn, quý Thầy thuộc Sơn Môn Huế nên buổi giảng rất trang nghiêm và trọng thể. Buổi giảng đầu tiên tại chùa Từ Quang thành công rực rỡ. Hòa Thượng ghi trong Hồi Ký **Trên Những Chặng Đường**: "Sau

*buổi giảng đầu tiên đó, các vị tôn túc trong chư sơn như quí Hòa Thượng Giác Tiên, Hòa Thượng Giác Nhiên, Hòa Thượng Tịnh Hạnh, Hòa Thượng Tịnh Khiết... càng thương mến và nể vì. Sự thương mến và nể vì của các ngài giúp tôi tăng trưởng nghị lực trong nhiệm vụ hoằng pháp.”*

Hòa Thượng không chỉ thuyết pháp, diễn giảng tại Huế mà Hội Phật Học còn cử ngài đi Quảng Nam, Quảng Ngãi, khắp 17 tỉnh miền Trung, một số tỉnh ở Miền Nam và sang đến các Hội Phật Tử tại Vương Quốc Lào. Hòa Thượng trong ***Trên Nhũng Chặng Đường*** ghi: “*Làm giảng sư tại Huế gần hai năm. Sau đó tôi được Hội cử vào thuyết pháp tại tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng, rồi lần lượt đi giảng khắp các tỉnh ở Trung Kỳ, xa hơn nữa tận Gò Dầu thuộc huyện Thủ Đức, nơi đây phần nhiều các sư sãi thuộc giáo phái Nam Tông.*”

Mỗi khi đi đến địa phương nào để thuyết pháp, Hòa Thượng trước hết tìm hiểu dân tình, tìm hiểu đối tượng nghe pháp xem có những vấn đề gì cần giải quyết. Những bài pháp của Hòa Thượng năm vào những thắc mắc về giáo lý, về phương thức hành trì. Hòa Thượng đã nhận được ở quần chúng Phật tử những ấn tượng tốt đẹp, lòng hăng say muốn tìm hiểu, tín tâm cần bồi bổ, nghi ngờ cần giải tỏa. Hòa Thượng sau mỗi buổi giảng dành ít nhất nửa giờ để giải đáp những điều thắc mắc, nghi ngờ hoặc những vấn đề mà thính chúng cần được làm sáng tỏ thêm. Hòa Thượng ghi trong ***Trên Nhũng Chặng Đường***: “*Chắc ai cũng biết rằng vào giai đoạn từ 1930 đến 1940 Phật Giáo Việt Nam đang ở trong thời kỳ chấn hưng nên niềm tin và sự hiểu biết của quần chúng cũng có giới hạn. Vì thế nhiệm vụ của chúng tôi là phải cố gắng đánh thức được phần nào niềm tin và sự hiểu biết của quần chúng, tín đồ, nhất là đối với những người đã chịu ảnh hưởng nặng nề tư tưởng Khổng Mạnh.*”

Hòa Thượng trên đường hoằng đạo thường gặp những thử thách làm phong phú thêm kinh nghiệm. Một hôm trong buổi

giảng đê tài là *Năm Điều Giới Cấm Cản* tại ngôi chùa làng Thanh Khê, huyện Hòa Khánh, tỉnh Quảng Nam. Theo thông lệ, giảng xong Hòa Thượng dành nửa giờ để thính chúng cần hỏi điều gì. Trong số thính chúng ngày hôm ấy có một vị, với hình tướng bên ngoài có lẽ là vị phụ mẫu của dân, vì vị ấy ngồi ở hàng ghế danh dự, ăn mặc chỉnh tề, ngồi vách đốc chêm chệ, có chú lính cầm bình ống điếu cẩn, bịt bạc đứng hầu một bên. Thỉnh thoảng chú lính đưa bình điếu sát miệng ông rồi quẹt diêm để ông hút. Thỉnh thoảng ông đưa tay vuốt chòm râu được cắt tỉa công phu. Hòa Thượng đang đợi thính chúng đặt câu hỏi, thì ông cất lời:

- Cho tôi hỏi một câu có được không?
- Xin mời ông.
- Nay giờ ngồi nghe thầy giảng, tôi thấy thầy cũng đã tốn nhiều công phu nghiên cứu Phật lý. Tôi cũng thấy thầy ăn mặc tươm tất, da dẻ trắng hồng, hai bàn tay trơn tru. Thầy có bao giờ làm lao động không? Thầy đi giảng như vậy lấy cơm đâu mà ăn, áo đâu mà mặc. Thầy có biết sự cực khổ của quần chúng như thế nào không?

Hòa thượng nhận ra ông cụ là một nhà Nho, chịu ảnh hưởng nặng nề của đạo lý Tống Nho, cho các nhà sư “*Bất canh nhi thực, bất chúc nhi y*”. Không cày ruột mà có cơm ăn, không dệt vải mà có áo mặc, là ký sinh trùng xã hội. Hòa Thượng thường hay gặp những nhà Nho này, nên không ngạc nhiên trước câu hỏi có vẻ đùòng đột và xúc phạm như vậy. Tuy nhiên được thầy tổ thường cẩn dặn là phải luôn luôn nhẫn nhục, luôn luôn đem tấm lòng từ và chân thật để đối phó với mọi người, trong mọi hoàn cảnh, nên Hòa Thượng từ tốn trả lời:

- Tôi sinh trưởng trong một gia đình không giàu có, cũng đã đi cày, đi bừa, gặt lúa, cuốc đất. Tôi sống chung với đám bình dân nghèo khó nên biết hoàn cảnh của họ, thân phận của họ. Ngày tôi xin phép cha mẹ xuất gia học đạo, không phải là để tránh cuộc sống cần cù, khổ sở của người dân quê, vì từ ngày

vào chùa, tôi đã trải qua nhiều năm tháng thức khuya dậy sớm làm bao công quả trong chùa. Thưa cụ, nhìn qua cung cách của cụ, chắc cụ sinh trưởng trong một gia đình thương lưu và hiện nay chắc đang giữ vai trò trị nước an dân. Xin phép cụ cho tôi mạn hỏi, không biết có phải như vậy?

- Gia đình tôi không thuộc thành phần thượng lưu, nhưng thuộc thành phần khoa bảng. Hiện nay tôi đang làm quan.
- Thưa cụ làm quan là lo trị nước an dân, không biết có phải như vậy?
- Vâng, chính vậy.
- Với phong thái của cụ, đi đâu có lính hầu cận, ở nhà chắc nhiều người hầu kề hạ, chắc chắn là cụ làm quan lớn, lương tiền bồng lộc chắc chắn phải tương xứng với địa vị của cụ? Ông cụ đưa bàn tay vuốt chòm râu, chüm chím cười mà không trả lời.
- Thưa cụ, làm quan là lo cho dân, giáo hóa dân biết điều hay lẽ phải, ăn ở hiền lành, tôn trọng luật pháp, biết thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, làm tròn bổn phận người dân. Công việc trị nước an dân đòi hỏi hầu hết thì giờ của cụ, không biết tôi hiểu như vậy có đúng không?
- Đúng vậy.
- Thưa cụ, sau khi xuất gia, tôi được quý vị tôn túc hướng dẫn, rèn luyện, lấy việc độ sinh làm sự nghiệp. Hội An Nam Phật Học mời tôi đi đó đi đây giảng giải giáo nghĩa Phật, khuyên quần chúng tu nhân, tích đức, thương yêu, đùm bọc nhau, làm tròn nhiệm vụ không những của người dân mà còn nhiệm vụ của người Phật Tử: vui cái vui của thiên hạ và buồn cái buồn của thiên hạ. Như thế thưa cụ, việc làm của chúng tôi mục đích không khác mấy công việc trị nước an dân của cụ. Công việc hoằng truyền của tôi choáng hầu hết thì giờ. Ngoài ra chúng tôi còn phải tụng kinh, niệm Phật, cố gắng chuyên cần trì trai giữ giới. Tuy vậy chúng tôi không có người hầu kề hạ, chỉ tiêu hết sức khiêm nhượng, hai bữa tương rau, không quá một phần trăm lương bổng của cụ...

Hòa Thượng vừa nói dứt lời thì tiếng vỗ tay của thính chúng xen lẫn tiếng la ó vang cả chùa. Hòa Thượng nói tiếp khi tiếng vỗ tay chấm dứt như được ghi trong **Trên Những Chặng Đường**: “*Thưa cụ, tôi thiết nghĩ tất cả chúng ta, mỗi người đều có một trách nhiệm. Chính cái trách nhiệm ấy nó tương quan mật thiết với nhau để tạo thành một xã hội. Trong một xã hội thì phải có người làm quan để điều hành sự sinh hoạt của xã hội, phải có người làm ruộng để cung cấp lương thực cho mọi người, có người buôn bán để phân phối hàng hóa từ nơi này sang nơi khác, có người hướng dẫn tinh thần để lo trau dồi về đạo đức v.v... Tất cả những điều đó là sự phân công của xã hội. Một xã hội muốn được tốt đẹp thì mọi người trong đó đều phải tuân theo sự phân công ấy.*

“*Chúng ta không nên quan niệm hay bắt buộc người nào cũng phải làm ruộng mới được ăn cơm, có dệt vải mới được mặc áo quần. Thưa cụ, như cụ làm quan, cụ đâu có làm ruộng, dệt vải mà vẫn có cơm để ăn, áo quần để mặc? Tôi thiết nghĩ giả như trong một xã hội loài người mà mọi người chỉ chăm làm có hai việc là lo kiếm ăn và lo may mặc, mà không chú tâm vào chuyện an bang tế thế của các nhà lãnh đạo chính trị, không chú tâm vào đạo đức của các nhà lãnh đạo tinh thần, cái xã hội ấy chắc sẽ lâm than, rồi loạn đến chừng nào?*”

– Thầy nói phải, xin cảm ơn thầy.

Một kinh nghiệm khác mà Hòa Thượng thâu hoạch được tại Tỉnh Hội Phan Rang.

Kinh nghiệm cho thấy nếu diễn giảng mà sử dụng nhiều từ ngữ chuyên môn, giáo lý phức tạp trong một thời gian ngắn khó mang lại kết quả mong muốn mà phải sử dụng từ ngữ thông thường, biến đạo lý thăm sâu trở thành giản dị, thì mới mang lại kết quả mong muốn.

Sau buổi giảng tại Phan Rang, một Phật Tử đứng lên hỏi:

– Thưa thầy, tôi được tham dự buổi giảng của thầy tại thị xã Phan Thiết. Trong buổi giảng ấy, thầy nói đến phương pháp

đối trị tham, sân, si. Như đối với bệnh tham, nhất là tham sắc, thì dùng phương thức quán bất tịnh để đối phó. Với bệnh sân thì dùng phương thức từ bi quán để đối phó. Hai điều này tôi hiểu được chút đỉnh. Nhưng khi nói đến bệnh Si, thầy đưa ra phương thức quán Thập Nhị Nhân Duyên để đối phó thì làm cho tôi tối tăm mặt mày. Những danh từ Phật học *nhu vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lực nhập, lực nhập duyên xiết, xuyên duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử*. Những danh từ này làm tôi không hiểu thầy muốn nói gì. Đạo lý duyên khởi qua 12 nhân duyên. Rồi 12 nhân duyên làm phương thuốc diệt trừ si mê, sao mà phiền toái, khó hiểu quá!

– Thưa thầy, xin thầy thông cảm hoàn cảnh của chúng tôi. Phần đông chúng tôi sống đời sống lam lũ. Tuy mến đạo, ưa nghe Phật Pháp nhưng không có thì giờ, không đủ trình độ để am tường giáo lý cao siêu. Vì vậy tôi mong thầy giảng cách thế nào cho chúng tôi không phải thông thạo danh từ Phật học mà vẫn có thể biết được phương pháp diệt trừ si mê.

Lời yêu cầu của Phật tử tại Phan Rang làm Hòa Thượng tỉnh giấc, thấy mình cần phải học hỏi thêm nhiều, cần phải am tường tâm lý quân chung bình dân trước khi đưa đạo lý Phật đến cho họ.

Hòa Thượng cám ơn người Phật tử đặt câu hỏi. Trong **Trên Những Chặng Đường**, Hòa Thượng ghi: “*Anh hỏi bay quá. Câu hỏi của anh cũng là ước nguyện của chúng tôi. Chúng tôi chỉ mong quý vị nghe để hiểu, để thực hành, chứ không muốn nói những chuyện xa vời không thiết thực.*”

Và Hòa Thượng cắt nghĩa phương thức diệt trừ si mê bằng ngôn từ giản dị như sau:

“*Sỉ là không nhận rõ sự thật, không nghĩ đến hậu quả do ngôn ngữ và hành vi của mình đem lại, để rồi lúc đầu chỉ bằng hạt*

bụi mà cuối cùng đi đến hậu quả to lớn không lường... Ở đây tôi muốn kể lại câu chuyện, một câu chuyện thật. Qua câu chuyện này quí vị sẽ có một nhận định, một sự phê phán để khi nào có con si mê nỗi lên quí vị có thể ngăn chặn nó, dập tắt nó kịp thời.

“Lúc ấy tôi chưa đi tu, vào khoảng tôi được 15, 16 tuổi. Ở cạnh nhà tôi có gia đình hai vợ chồng và bốn đứa con, đòi sống khá giả. Hai vợ chồng và các cháu thường hay đến nhà tôi chơi.

“Một hôm hai vợ chồng sửa soạn đi chơi. Chị vợ trang điểm xong, đến nằm trên võng chờ ông chồng cao ráu, thay quần áo rồi cùng đi. Sau khi sửa soạn xong, ông chồng đến bên cạnh chiếc võng vợ đang nằm, đùa nghịch đưa tay đẩy qua, đẩy lại cái võng ba bốn lần. Chị vợ chóng mặt không chịu nổi bảo ông chồng đừng đẩy nữa, nhưng ông cứ nghịch tiếp tục đẩy.

“Chị vợ nói: Thôi đừng đẩy nữa, em chóng mặt quá. Anh ta nghe nhưng cứ nghịch ngợm đẩy mà còn đẩy mạnh hơn nữa.

“Chị vợ la lớn: Đồ yêu, ta nói đừng đẩy mà cứ đẩy hoài.

“Anh chồng nghe mắng như vậy thì nổi lì, nổi si lên. Anh nắm đầu võng giật mạnh một cái. Chiếc võng chao từ bên này sang bên kia làm chị vợ loạng choạng té xuống đất, nằm úp mặt xuống nền nhà. Chị gượng đứng dậy, thét lên: Đồ khỉ, khốn nạn, đồ lẩn đẩn!

“Anh chồng giận, thay áo quần không đi chơi nữa. Thế là cuộc đi chơi đáng lẽ vui vẻ trở thành cuộc cãi vã, mắng nhiếc nhau. Chị vợ giận lẫy, nằm vạ không ăn uống. Việc nhà, con cái chị bỏ bê không chăm sóc. Cuối cùng hai vợ chồng không thể tiếp tục sống bên nhau, đòi ly dị.

“Hai năm sau anh ta có vợ khác. Bà vợ kế không mấy hiền thục. Mấy đứa con không được săn sóc chu đáo, thường bị bà vợ kế hành hạ.”

Quí vị có biết không, Hòa Thượng tiếp tục:

*“Đó là kết quả của sự si mê. Lúc so khởi câu chuyện chỉ nhỏ bằng sợi chỉ, đùa không ra đùa, chơi không ra chơi, nhưng không ai thấy rõ, chẳng ai chịu nhận ai, nên đã mang lại kết quả tai hại như vậy.*

*“Bình tâm mà xét, nếu một trong hai người sáng suốt một tí, nhẫn nhục một tí, không si mê một tí, thì đã không xảy ra chuyện gì. Nếu anh chồng kịp dừng tay khi chị vợ kêu chóng mặt, hoặc chị vợ ôn tồn bảo chồng đừng đẩy vồng nữa thì đâu đến nỗi mang họa như vậy. Anh chồng vì nghịch ngợm sinh lì, vì sinh lì nên không nghe lời vợ.. Chị vợ vì lời lẽ không nhu mì, vì thiếu nhu mì nên khiến anh chồng tiếp tục làm cho bõ tức... Vì cái này sinh cái khác. Đó là đạo lý duyên khởi.*

*“Qua câu chuyện này, quí vị thấy phương pháp đối trị si mê rất đơn giản chứ cũng không cần phải đi sâu vào thuyết Thập Nhị Nhân Duyên, không đi vào trận đồ danh từ Phật Học rắc rối...”*

Hòa Thượng cho biết đề tài diễn giảng tại Huế và tại 17 Tỉnh Hội, Chi Hội thay đổi tùy theo địa phương, tùy theo đối tượng nghe pháp. Mỗi nơi có đề tài thuyết giảng khác nhau. Hòa Thượng chọn đề tài cốt làm sao cho người nghe hiểu được lời dạy của Phật để có thể áp dụng vào đời sống hàng ngày. Trong khoảng thời gian gần hai năm từ năm 1938 đến 1940, Hòa Thượng đã thuyết giảng không biết bao nhiêu đề tài. Có đề tài do Hòa Thượng tự chọn, có đề tài do thính chúng yêu cầu, có đề tài được xây dựng trong một hoàn cảnh đặc biệt vào một thời điểm đặc biệt.

Đến giữa mùa thu năm 1940 Hòa Thượng trở về Huế. Vừa nghỉ ngơi một tháng thì có phái đoàn Hội Phật Tử Việt Kiều ở Savannakhet thuộc Vương Quốc Lào sang mời Hội An Nam Phật Học tham dự lễ Khánh Thành chùa Diệu Giác do Hội mới kiến thiết xong, đồng thời cũng yêu cầu Hội An Nam Phật Học cử người thuyết pháp nhân lễ Khánh Thành Chùa.

Hội An Nam Phật Học nhận lời mời của Hội Phật Tử Việt Kiều Savannakhet, cử một phái đoàn gồm thầy Chánh Thống, thầy Chánh Pháp, thầy Đôn Hậu và hai vị cư sĩ. Phái đoàn được Hội Phật Tử Việt Kiều Savannakhet tiếp đón một cách long trọng và niềm nở. Sau khi dự lễ cắt băng khánh thành xong, Hội mời đại diện của phái đoàn lên giảng một thời pháp. Phái đoàn cử Hòa Thượng thay mặt Phái Đoàn và Hội An Nam Phật Học đăng đàn thuyết pháp. Hòa Thượng nhận lời và đề tài thuyết giảng hôm ấy là *Tứ Ân*. Sở dĩ Hòa Thượng chọn đề tài này vì một phần muốn nhắc nhở Phật Tử Việt Kiều dù ở nước ngoài phải luôn luôn nhớ ơn cha mẹ, thầy tổ, quốc gia, dân tộc:

Tứ Ân là:

**Ân Cha Mẹ:** Cha mẹ sinh thành dưỡng dục, nuôi ta nên người, ân đức thâm trọng suốt đời không quên, dù ở đâu, nơi nào.

**Ân Chúng Sinh:** Mọi người, mọi loài trên quả địa cầu, trên hành tinh, trong tam thiên đại thiên thế giới đều liên hệ mật thiết với nhau.

**Ân Quốc Vương:** Đời sống của chúng ta có được an toàn, bảo đảm, cơm ăn, nhà ở, tiện nghi đi lại, phương tiện hành trì, đạo đức xã hội... tất cả đều nhờ guồng máy lãnh đạo quốc gia.

**Ân Tam Bảo:** Nhờ Phật, Pháp, Tăng mà ta có nơi để quay về và nương tựa. Tất cả qui luật, giáo lý giúp ta thăng tiến đời sống tinh thần đều nhờ công ơn Tam Bảo.

Có nơi nói Tứ Ân là Ân Cha Mẹ, Ân Sư Trưởng, Ân Quốc Vương, Ân Đàm Na Thí Chủ. Trong *Nghi Thực Tụng Niệm* đề cập đến Ân Cha Mẹ, Ân Sư Trưởng, Ân Bằng Hữu, Thiện Tri Thức và Ân Chúng Sinh, hữu tình cũng như vô tình.

Hòa Thượng nói, với người xuất gia, hàng ngày trong thời công phu buổi sáng đều đánh lê Tứ Ân, nhắc nhở bốn phận đối với Cha Mẹ, Thầy Tổ, Quốc Vương, Bằng Hữu Chúng Sinh. Cuộc sống của chúng ta gắn bó vào nhau, vì vậy phải thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau.

Sau buổi thuyết pháp, Phật tử tỏ ra rất hoan hỷ.

Trong chuyến đi dự lễ Khánh Thành này, phái đoàn được Phật Tử Lào mời tham dự Lễ Trai Tăng tại một ngôi chùa lớn trong tỉnh Savannakhet, gần chùa Diệu Giác của Hội Phật Tử Việt Kiều. **Trên Những Chặng Đường** ghi: “Khi phái đoàn chúng tôi vừa đến, thì thấy Ban Tổ Chức đã cho trải sẵn tấm thảm nhung màu đỏ rất lớn ở liêu phái của ngôi chánh điện, nơi dành cho phái đoàn chúng tôi ngồi.

“Sau khi chư tăng lần lượt an tọa, một vị Thượng Tọa người Lào, có lẽ là trưởng ban tổ chức, mời tín đồ vào ghi danh cúng đường Trai Tăng. Các tín đồ lần lượt đến ghi tên của mình vào một mảnh giấy nhỏ, rồi kẹp mảnh giấy nhỏ ấy trong một cái thẻ như thẻ xăm, đem để trên một cái bàn lớn giữa Chánh Điện. Khoảng 15 phút sau, trên cái bàn lớn ấy chứa đầy các thẻ xăm. Một người được cử lên sắp xếp những thẻ xăm, trong khi hàng tín chủ đến quì trước điện Phật. Thượng Tọa trưởng ban tổ chức đọc lời cầu nguyện bằng tiếng Pali, tín chủ đọc theo. Tiếp theo đó hàng tín chủ đọc lời cầu nguyện riêng của mình, muốn cúng đường phẩm vật trai tăng cho Thượng Tọa... hay Đại Đức... Các ông Mường Trưởng (Tri Huyện, Tri Phủ) cầu mong phẩm vật trai tăng của mình được cúng đường cho phái đoàn chư tăng Việt Nam của hội Hội An Nam Phật Học.

“Lễ cầu nguyện xong. Tất cả tín chủ ra ngoài. Ban Tổ Chúc cho người đem những thẻ xăm cắm trước mặt chư Tăng theo thứ tự từ trên xuống dưới, trong đó có phái đoàn Việt Nam. Cắm xong họ lần lượt mở xăm và đọc tên vị thí chủ ghi tên trong mảnh giấy nhỏ kẹp trong thẻ xăm. Nghe đọc tên mình, vị thí chủ từ ngoài bước vào, mang giỏ đựng các phẩm vật như tiền, vải, thau, khăn, xà phòng v.v... quì xuống dâng lên cho vị sư họ muốn cúng đường phẩm vật. Phái đoàn Việt Nam nhận được những thẻ của các Mường Trưởng. Khi nghe đọc tên, các Mường Trưởng sung sướng bưng mâm cơm và giỗ phẩm vật đến đặt ngay trước mặt phái đoàn. Theo truyền thống Nam Tông, mâm cơm cúng đường trai tăng không phải cơm chay, nhưng phái đoàn Việt Nam, theo truyền thống Lào, đưa tay đặt vào

*mâm cơm và giỗ phẩm vật, gọi là đã thọ nhận. Thượng Tọa Trưởng Ban Tổ Chức biết phái đoàn chư Tăng Việt Nam chỉ dùng chay nên đã cho người mang xôi chuối, các loại bánh ngọt cho phái đoàn.*

*“Sau thời thọ trai, chư Tăng tụng kinh cầu nguyện. Phái đoàn chư Tăng Việt Nam xem đây là buổi “quá đường” trong mùa An Cư, sau khi dùng xôi chuối, bánh ngọt, tụng kinh hồi hướng”.*

Tiếng tụng kinh vừa dứt thì thấy bốn người khiêng một pháp tọa cao khoảng 2 mét, trên có bảo cái, bốn cột trụ chạm rồng uốn lượn, sơn son thếp vàng. Dưới chân pháp tọa có thang cấp để bước lên. Pháp tọa được khiêng đến trước Chánh Điện. Một vị cư sĩ đến đảnh lễ chư Tăng cung thỉnh Pháp Sư thăng tòa thuyết pháp. Một vị sư người Lào, có lẽ là một Thượng Tọa đứng dậy đi đến Pháp Tọa, bước lên thang cấp, ngồi trên Pháp Tọa bắt đầu thuyết pháp. Sau thời pháp độ chừng 40 phút, vị Pháp Sư bước xuống Pháp Tọa đến chỗ mình an tọa. Một Phật Tử đến trước Pháp Sư đảnh lễ và bạch lên lời thỉnh cầu. Vị Pháp Sư đứng dậy đến trước phái đoàn chư tăng Việt Nam chấp tay đảnh lễ, thưa: Hôm nay là ngày lễ lớn của Phật Giáo Lào, chúng tôi rất may mắn được chư Tăng Việt Nam đến tham dự. Tín đồ của chúng tôi rất sung sướng, ước mong được quý vị ban Pháp Bảo. Rất mong quý vị từ bi chấp thuận lời thỉnh cầu của họ.

Phái đoàn Việt Nam hoan hỷ nhận lời, cử Hòa Thượng Đôn Hậu thay mặt phái đoàn có vài lời với Phật Tử Lào. Hòa Thượng nhân dịp này giảng về *Công Đức Cúng Đường Tam Bảo*, được một nữ giáo sư người Việt dạy Pháp văn nhiều năm tại Lào, thông thạo ba thứ tiếng Việt, Lào, Pháp thông dịch.

Bài giảng về Công Đức Cúng đường Tam Bảo phù hợp với khung cảnh lúc bấy giờ, nói lên truyền thống Cúng Đường Tam Bảo đã có từ xưa trong thời kỳ Phật tại thế, trong những chuyện Tiên Thân của Phật mà hiện nay người Phật Tử Lào đang tiếp nối truyền thống ấy, một truyền thống cao đẹp, nhiều

ý nghĩa. Phật tử Lào chăm chú lắng nghe, trông có vẻ thích thú. Buổi giảng chỉ trong vòng 20 phút nhưng mang lại nhiều mĩ cảm đối với Phật tử Lào.

Sau thời thuyết pháp, phái đoàn Việt Nam được chư Tăng và Phật Tử Lào tiễn đưa về chùa Diệu Giác một cách thân mật và trọng thể.

Ngày sau, khi phái đoàn Việt Nam vừa dùng sáng xong thì thấy một nhà sư Lào dẫn theo một ít Phật tử đến. Nhà sư trình trọng thưa: “*Thưa quý ngài, tín đồ của chúng tôi rất sung sướng được nghe bài thuyết pháp ngày hôm qua tuy ngắn nhưng rõ ràng và thiết thực. Họ tha thiết nhờ tôi đến cung thỉnh quý ngài hoan hỷ giảng thêm cho một thời pháp nữa. Thời gian xin tùy quý ngài quyết định.*”

Quí thầy lại giao trách nhiệm ấy cho Hòa Thượng Đôn Hậu và hẹn tối mai lúc 7 giờ sẽ đến giảng.

Ngày mai đúng 6:30 tối phái đoàn Việt Nam đã đến. Phái đoàn đến sớm để xem xét tình hình, quyết định đề tài thuyết giảng. Mặc dù đến trước nửa giờ, tín đồ đã tập trung đông hơn cả buổi lễ Trai Tăng hôm trước.

Hòa Thượng tối hôm ấy giảng về *Đạo Lý Nhân Quả*, đề tài rất phổ thông với Phật Tử Nam Tông. Những thí dụ được nêu ra rút từ những câu chuyện tiền thân của Phật, từ kinh Bách Dụ mà Phật Tử Nam Tông quen thuộc, khiến họ chăm chú lắng nghe, không có tiếng bàn tán xôn xao, không có một tiếng động.

Như thường lệ giảng xong, Hòa Thượng để dành nửa giờ cho thính chúng có cần hỏi điều gì. Một Phật Tử đứng dậy hỏi: “*Bach Thầy nếu đạo lý nhân quả theo như thầy giảng, tại sao con thấy có nhiều người ăn ở hiền lương mà vẫn chịu cảnh khổ sở còn người ác lại được giàu sang phú quý?*”

Hòa Thượng giải thích: Có những nhân vừa tạo xong đã mang lại kết quả, có những nhân phải đợi thời gian mới có hiệu lực. Trồng lúa thì ba tháng sau có lúa để gặt, nhưng trồng nhãnh phải đợi mười năm mới có trái.

Một Phật Tử khác hỏi: Nếu định luật nhân quả theo như thầy giảng, không thể thay đổi: “trồng dưa đặng dưa, trồng đậu đặng đậu” thì đâu cần lời nguyệt cầu, chuyển nghiệp của chư tăng?

Hòa Thượng giải thích: Định luật nhân quả không phải là thuyết tiên định. Hành động, năng lượng luôn luôn chuyển biến, thay đổi không ngừng. Trong dòng năng lượng chuyển biến ấy – lời cầu nguyệt, hồi hướng công đức... làm giảm đi hoặc tăng thêm phần nào sức mạnh của nó. Đó là đạo lý chuyển nghiệp trong nhà Phật. Không có gì đứng nguyên một chỗ. Cũng không có cái gì đi theo một đường thẳng. Tất cả đều chuyển biến, tất cả có ảnh hưởng lẫn nhau...

Phật tử thính chúng rất phấn khởi nghe những lời giải thích của Hòa Thượng. Sau thời thuyết pháp, Hòa Thượng cảm ơn chư Tăng, Phật Tử Lào đã thân mật tiếp đón phái đoàn Phật Giáo Việt Nam. Vừa khi ấy thì thấy vị sư Lào hướng dẫn một Phật Tử mang cái ô bằng đồng đặt trước mặt Hòa Thượng dưới Pháp Tọa. Phật Tử lần lượt đem tiền bỏ vào cái ô ấy. Bỏ tiền xong, nhà sư mời một nữ Phật Tử đội cái ô đồng ấy đến thang cấp Pháp Tọa, nơi ấy đã sẵn có một nam tín đồ đứng tiếp bưng cái ô dâng lên cho Hòa Thượng. Người thông dịch bạch với Hòa Thượng: Đây là lễ vật của tín đồ đến nghe pháp, xin ngài hoan hỷ lãnh thọ cho. Hòa Thượng theo truyền thống Lào đưa tay đặt lên trên cái ô, ý nói hoan hỷ tiếp nhận, nhưng cũng có vài lời cùng tín đồ hiện diện: Tôi xin thay mặt phái đoàn, thay mặt Hội An Nam Phật Học nhận lãnh món quà này, tấm lòng của Phật Tử, giây liên hệ đạo tình giữa Phật Giáo Lào và Phật Giáo Việt Nam. Mọi người phá lệ, vỗ tay hoan hô.

Hòa Thượng bước xuống Pháp Tọa, cùng phái đoàn ra về trước hai hàng Phật Tử tiễn đưa từ chánh điện ra đến cổng chùa.

Phái đoàn lên xe trở về chùa Diệu Giác. Sau khi về chùa được độ mươi phút thì thấy một số Phật Tử mang cái ô đựng tiền đến giao cho phái đoàn.

Đêm hôm ấy phái đoàn dù đã khuya cũng ngồi uống trà để bàn luận về phong tục tập quán của người Lào, của chư Tăng, Phật Tử Lào.

Trở về Huế Hòa Thượng tiếp tục công việc diễn giảng. Khi thì đi giảng ở Chi Tịnh Độ này, khi thì đi giảng ở hội đoàn Phật Giáo khác, liên tục ít khi rảnh rỗi cho đến giữa năm 1942 thì Hội Phật Tử Việt Kiều Savannakhet lại cử một phái đoàn đến Huế mời Hòa thượng sang Lào thăm và thuyết pháp một lần nữa. Hòa Thượng đưa chuyện này bàn với Hội An Nam Phật Học và quý thầy trong Sơn Môn. Hội và quý thầy đều khuyến khích. Hòa Thượng dàn xếp công việc, rồi cùng phái đoàn Lào qua Savannakhet.

Cũng như chuyến viếng thăm năm 1940, lần này Phật Tử Việt Kiều tại Savannakhet đến rất đông để đón tiếp Hòa Thượng và nghe Hòa Thượng thuyết pháp tại chùa Diệu Giác. Số thính chúng ngồi chật cả hội trường phải ra ngoài sân. Hòa Thượng trong hai đêm liền thuyết pháp với hai đề tài là *Tam Thân* và *Tứ Nhị Pháp*.

**Tam Thân:** Chư Phật đầy đủ 3 thân: Pháp thân, Báo thân, Hóa thân.

**Pháp thân:** Thân chân thật, thường trú, không biến đổi, không bị giới hạn bởi thời gian hay không gian, không thể nắm bắt được bằng khái niệm và nhận thức, không bị sinh, lão, tử chi phối. Pháp thân là chân như, là pháp tính, là bản thể. Đức Phật Thích Ca trong dạng Pháp thân thường ở mãi với chúng ta, không sinh ra tại vườn Lâm Tỳ Ni, không nhập diệt tại rừng Ta La Song Thọ. Chúng ta không bao giờ mất ngài. Pháp thân cũng còn có danh hiệu là Tự Tính Thân.

**Báo thân.** Thân Phật thị hiện giữa cảnh giới Ta Bà, trên trời Đâu Suất, nơi thế giới Cực Lạc. Đó là thân của Thái Tử Tất Đạt

Đa tu thành chánh quả dưới gốc cây Bồ Đề, có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp và nhập diệt tại thành Câu Thi La. Báo thân cũng có danh hiệu là Thọ Dụng Thân.

**Hóa Thân** cũng gọi là Ứng Thân hay Ứng Hóa Thân. Do tâm nguyện cứu độ chúng sinh, chư Phật thường tùy duyên ứng hiện trong những hình hài khác nhau để dễ dàng hóa độ. Hóa Thân cũng còn có danh hiệu là Biến Hóa Thân.

Hòa Thượng nói: Chúng ta may mắn được làm con của Phật. Ngài mãi mãi ở bên ta, dắt dìu ta, an ủi ta. Có thể mắt phàm chúng ta không thấy, không khéo ngài đang là người bạn cùng ta đi trên con đường đạo. Không khéo ngài là những con vật đương giúp ta trong cuộc hành trình gian khổ đầy chông gai. Nếu vậy ta không nhìn đời bằng oán thù, kỳ thị, nghi kỵ mà bằng từ ái, khoan dung. Tất cả chúng sinh đều là Phật sắp thành. Tất cả chúng sinh đều là bạn hữu, là thầy của ta. Trong số thính chúng hôm nay có lẽ có vị là thầy của tôi đang âm thầm giúp đỡ, hướng dẫn tôi trên bước đường tu đạo và hoằng đạo. Vì ấy hôm nay đến đây để cổ vũ tôi làm cho tôi thêm hăng say, không chùn bước.

Đêm thứ hai Hòa Thượng giảng thuyết với đề tài *Tứ Nhiếp Pháp*. Đến nghe pháp đêm hôm ấy có ông Trịnh Văn Phú, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Kiều, thủ phủ Vientaine, được Hội Phật Tử Việt Kiều Savannakhet mời.

**Tứ Nhiếp Pháp** là bốn phương thức xử thế của người con Phật. Là Phật Tử không những ta tuân theo lời Phật dạy, sống đời sống gương mẫu mà còn phải làm thế nào để trở thành một sứ giả loan truyền nếp sống đạo hạnh cho người khác noi theo, làm rạng danh Phật Giáo, đền đáp công ơn cao dày của Phật Tổ. Cuộc sống giữa thế gian đầy thương đau, nghi kỵ, hận thù, giả trá, là Phật tử chúng ta có trách nhiệm giúp xoa dịu đau thương, xóa bỏ hận thù, nghi kỵ. Người Phật tử phải thực thi phương thức xử thế đã được đức Từ Phụ chỉ dạy, làm sao cho sự hiện diện của mình luôn luôn là cánh hoa tươi

mát cho mọi người. Về phương diện này, nếp sống và cách xử thế của người Lào nói chung, của người Phật Tử Lào nói riêng cần được lưu ý.

Bốn phương thức xử thế hay *Tứ Nhiếp Pháp* là: Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự.

**Bố Thí** là chia bớt, san sẻ những gì chúng ta có cho người chung quanh, có thể là tài vật, tiền bạc, của cải, vật dụng (Tài Thí); có thể là lời khuyên răn, an ủi, lời vàng ngọc của Phật áp dụng cho đời sống hàng ngày, cho tiến trình phát triển tâm linh (Pháp Thí); có thể là tinh thần dũng cảm không sợ nguy hiểm khi phải đương đầu với ác ma, tội lỗi, không dùn chân trước những công tác lợi mình, lợi người. An nhiên tự tại, tâm trí bình thản trước mọi giao động của cuộc đời (Vô Úy Thí).

**Ái Ngữ** là lời nói thân tình, chân thật, ôn hòa, thành khẩn, phát xuất từ tình thương, có công năng gây thiện cảm, mỹ cảm, làm cho người nghe cảm thấy dễ chịu, với bớt sự buồn phiền, khổ sở.

**Lợi Hành**: làm những việc có thể giúp người trên phương diện vật chất cũng như tinh thần..

**Đồng Sự**: tham gia, hợp tác, hòa mình trong công việc chung, có lợi ích chung.

Hòa Thượng nói: Quý vị được an bình sống trong Vương Quốc này, phải biết ơn họ. Và phương thức trả ơn hữu hiệu nhất là thực hành Tứ Nhiếp Pháp, là áp dụng bốn phương thức xử thế của Phật dạy. Được như vậy cộng đồng quý vị đang sinh sống thêm hòa hợp, an bình, đồng thời làm rạng danh dân tộc Việt tại xứ người.

Ông Hội Trưởng Trịnh Văn Phú sau khi nghe bài thuyết pháp của Hòa Thượng, chứng kiến được quang cảnh tiếp đón Hòa Thượng và lòng hân hoan của Phật Tử, tâm thần rất phấn khởi. Sáng hôm sau ông đến chùa Diệu Giác, gặp Hòa Thượng, cúi đầu đánh lễ mà thưa rằng: Bạch ngài: “Con xin thay mặt toàn thể Phật Tử Việt Kiều tại Vientiane, tha thiết cung thỉnh ngài

*đến thăm Hội Phật Giáo của chúng con, đồng thời cũng xin ngài hoan hỷ bố thí cho thời pháp. Phật Tử của chúng con rất khao khát được nghe giáo lý do các nhà sư Việt Nam giảng. Kính mong ngài thương tình hoan hỷ nhận lời cầu thỉnh của chúng con.”*

Nghe lời thỉnh cầu thành khẩn của ông Hội Trưởng, Hòa Thượng không có cách nào từ chối mặc dầu công việc Phật sự tại Huế còn rất đa đoan. Hòa thượng vui vẻ nhận lời, hứa sẽ xuống tàu đi Vientaine sáng ngày mai.

Sáng sớm vào lúc 7 giờ, phái đoàn của Hội An Nam Phật Học cùng sư cụ Diệu Thanh, khai sơn chùa Diệu Giác với ông Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Kiều Vientaine cùng ba cư sĩ chùa Diệu Giác xuống tàu thủy đi Vientaine. Cuộc hành trình bằng tàu thủy từ Savannakhet đến Vientaine mất năm ngày. Khi đến Vientaine ông Hội Trưởng mời phái đoàn cư trú tại chùa Bàn Long, trụ sở của Hội.

Vừa đến chùa, Hòa Thượng đi thẳng vào Chánh Điện lễ Phật nhưng không vái lạy hai vị thần ở hai bên tả hữu của chùa. Phật tử để ý đến từng cử chỉ của Hòa Thượng, thì thầm to nhỏ với nhau, có vẻ thán phục. Họ thấy Hòa Thượng không giống một số vị sư Việt Nam khác lạy bất kỳ hình tượng nào...

Sau khi nghỉ ngơi xong, ông Hội Trưởng ngỏ ý muốn mời Hòa Thượng và phái đoàn đến thăm Vua Sãi, vị lãnh đạo tối cao của Phật Giáo Lào. Hòa Thượng và phái đoàn nhận lời, định 6 giờ chiều hôm ấy đến yết kiến đức Vua Sãi. Nghe Hòa Thượng và phái đoàn nhận lời, ông Hội Trưởng liền đi đến Tòa Vua Sãi để thông báo cho đức Vua Sãi hay.

Chiều hôm ấy, theo lời tường thuật của Hòa Thượng trong **Trên Những Chặng Đường**: “Khi chúng tôi sắp sửa đến viếng vua Sãi thì một điều làm cho tôi rất ngạc nhiên là đức Xixaket, Vua Sãi của Quốc Vương Lào, cũng vừa đi đến sân chùa Bàn Long. Tôi chưa được diện kiến đức Vua Sãi nên không biết mặt ngài, nhưng khi nghe ông Hội Trưởng nói thì tôi và ông Hội Trưởng

vội vàng bước ra sân để đón tiếp ngài. Trong khi người thông dịch vừa giới thiệu giữa tôi với ngài, thì ngài đưa tay nắm chặt lấy tay tôi, rồi đưa tay tôi áp lên trán ngài một hồi lâu. Tôi hết sức ngạc nhiên và cảm động trước cử chỉ lân mẫn của ngài. Nghe tôi bày tỏ sự ngạc nhiên, đức Vua Sãi liền nói: Tôi phải đến thăm ngài trước vì ngài đến xúi tôi. Hơn nữa tôi đến để xin hoãn lại cuộc viếng thăm của ngài lúc 6 giờ chiều nay cho đến chiều mai.

“Sáu giờ chiều ngày mai, đúng hẹn, tôi có mặt tại Tòa Vua Sãi. Vừa đến nơi thì thấy đức Vua Sãi đã ngồi trong ngôi nhà sàn trước Tòa. Thấy tôi đến, ngài bước ra, nắm tay tôi áp lên trán ngài như ngày hôm qua.

“Khi vào Tòa, tôi xin phép được làm lễ yết kiến. Tôi vừa lạy xuống thì ngài cũng lạy làm cho tôi thêm cảm động và kính nể.”

Sau đó đức Vua Sãi hỏi Hòa Thượng về tình trạng Phật Giáo Việt Nam. Hòa Thượng trình bày sơ lược về lịch sử truyền thừa và sinh hoạt của Phật Giáo Việt Nam trong quá khứ và hiện tại. Hòa Thượng nói tại Việt Nam giữa Phật Giáo và dân tộc có sự liên hệ mật thiết, cùng nhau chia sẻ những bước thăng trầm. Hòa Thượng không quên tán dương tín tâm vững mạnh của Phật tử Lào, ca ngợi phong tục, tập quán của quốc dân Lào.

Sau một thời gian chuyện trò, đức Vua Sãi đứng dậy vào phòng lấy ra quyển sách, nói với Hòa Thượng: Tuần trước có một vị sư Việt Nam, mặc y phục nâu, đến thăm tôi và tặng cho tôi cuốn sách này. Vừa nói đức Vua Sãi vừa đưa cuốn sách cho Hòa Thượng xem. Cầm cuốn sách, mở trang đầu thấy in tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế, giở ở trang tiếp đọc vài hàng biết không phải kinh Phật, Hòa Thượng nói: Thưa ngài, đây là kinh sách ngoại đạo chứ không phải kinh Phật.

Đức Vua Sãi tiếp lời: Tôi không biết chữ Nho, nhưng cũng đoán như lời ngài nói vì xem bức tranh trong sách biết không phải của Phật Giáo.

Hòa Thượng nói: Thưa ngài, theo tôi, bất kỳ cuốn sách gì mà trong đó nói đến đạo lý vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch tịnh, niết bàn thì quyển sách ấy là sách Phật, trái lại là kinh sách ngoại đạo.

Nghe xong, **Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Ngài vui mừng ôm chặt lấy tôi nói: Đúng quá! Lời ngài nói thật là đúng với kinh sách, đúng với lời Phật dạy.*”

“*Từ đây, giữa ngài và tôi, mỗi đạo tình từ buổi ban đầu mới gặp, đã trở nên thân thiết và sâu đậm hơn. Nhìn tôi, ngài vui vẻ nói tiếp:*

– *Ngài là một viên ngọc. Ở quý quốc có bao nhiêu vị Pháp Sư giống như ngài?*

*Tôi thành thật trả lời:*

– *Thưa ngài rất nhiều mà có vị còn giỏi hơn tôi nhiều. Khi nào thuận duyên xin rước ngài qua thăm nước tôi thì sẽ rõ lời tôi vừa mới thưa với ngài.*

– *Được như vậy thì tương lai Phật Giáo Việt Nam chắc sẽ huy hoàng! Nói xong ngài nắm tay tôi dẫn lên chánh điện lễ Phật. Xong đến một ngôi nhà rộng năm căn chùa đầy tượng Phật, có tượng thì gãy tay, tượng thì gãy chân, tượng sứt tai, sứt mũi. Ngài chỉ cho tôi xem những ngôi tượng bị hư đồi mòn và nói: Những ngôi tượng này trước kia đôi mắt được làm bằng kim cương, nhưng sau đó bị giặc cướp móc mắt lấy đi hết.*

– *Thưa ngài, ở Việt Nam chúng tôi sau khi Hội Phật Học phát triển, nhiều tượng Phật đúc bằng đồng, nhưng quý vị Hòa Thượng và tôi không chấp nhận việc yểm tâm hoặc điểm nhăn bằng chàm báu, vì nhu vậy rất dễ cho chúng sinh tạo tội lớn.*

– *Đó là một ý kiến hay, rất sáng suốt. Đức Vua Sãi gật đầu tán trợ.”*

Ba hôm sau, theo chương trình định sẵn Hòa Thượng thuyết pháp liên tiếp ba đêm tại chùa Bàn Long, trụ sở của Hội Phật Tử Việt Kiều Vientiane. Đêm đầu Hòa Thượng giảng bài *Chân*

*Tinh Thần Phật Giáo. Đêm thứ hai Nhân Quả Luân Hồi. Đêm thứ ba Chữ Tu Trong Đạo Phật.*

Suốt ba đêm diễn giảng, số lượng người nghe rất đông, chứng tỏ lòng hăng say, tinh thần mộ đạo của Phật Tử Việt Nam tại Vientiane rất cao. Sau đó Hòa Thượng được ông Hội Trưởng mời đi thăm một chùa sư nữ. Hòa thượng hơi ngạc nhiên, không ngờ ở Lào cũng có chùa sư nữ, nhưng Hòa Thượng không hỏi mà chỉ nhận lời.

Hòa Thượng và phái đoàn lên xe đi độ chừng hơn một cây số thì đến một khu rừng nhân tạo rất đẹp. Giữa khu rừng là một ngôi nhà sàn to lớn. Ngôi nhà sàn hình như không có ai ở, vì thấy yên tĩnh không thấy một bóng người, không nghe một tiếng động, nhưng khi bước vào ngôi nhà kế cận thì thấy một phụ nữ mặc chiếc áo quạ trắng, trên vai vắt một tấm vải trắng xuất hiện. **Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Người thông dịch liền giới thiệu đoàn chúng tôi với vị phụ nữ ấy. Nghe xong bà bước lên trên Ngôi Nhà Sàn đánh ba tiếng trống, tức thì từ bốn phương có những người phụ nữ cũng mặc áo quạ trắng, trên vai vắt tấm vải trắng, đến tập trung trước nhà sàn. Lúc bấy giờ tôi thoáng nghĩ: À... té ra sư nữ ở đây lại có hình thức như thế*”.

Tại Lào cũng như tại các quốc gia theo Phật Giáo Nam Tông vào thời điểm ấy, Ni Chứng vẫn chưa được phục hồi. Họ chỉ được thọ tám giới Thúc Xoa Ma Na và y phục của họ màu trắng, Bạch Y Cư Sĩ. Nếp sống của họ không khác chư ni, xa gia đình, sống độc thân, nhưng chưa được khoác y vàng.

“*Sau cùng thì thấy có một vị sư độ chừng sáu mươi tuổi, dáng điệu rất thanh thoát trong chiếc áo cà sa màu vàng, khoan thai từ trong nhà đi ra tận cổng đón chúng tôi*”.

Người thông dịch vừa giới thiệu xong, vị sư tử vẻ hân hoan, không những sẵn sàng hướng dẫn chúng tôi thăm viếng ni viện mà còn yêu cầu tôi nói bài pháp ngắn cho chư ni. Tôi nhận lời. Bài pháp hôm đó là *Tứ Niệm Xứ*, rất phù hợp cho khung

cảnh và hạnh tu của ni chúng tại khu vườn yên tĩnh này.

**Tứ Niệm Xứ**, bốn lãnh vực quán niệm hay là bốn đối tượng quán niệm. Tu tập phép quán niệm này phải trải qua hai giai đoạn: giai đoạn riêng biệt và giai đoạn dung thông. Giai đoạn riêng biệt là quán chiếu từng đối tượng riêng biệt. Giai đoạn dung thông là thấy sự liên hệ của bốn đối tượng. Bốn lãnh vực quán niệm hay Tứ Niệm Xứ là:

- 1. Quán thân bất tịnh.** Hành giả quán niệm xác thân là nơi tập trung của hàng triệu tế bào của da, thịt, máu, mủ, phân, nước tiểu... không có gì là trong sạch để phải đam mê, hê lụy.
- 2. Quán thọ thị khổ.** Hành giả quán niệm mọi cảm thọ đều đau khổ. Trong thế gian không có cái vui chân thật mà chỉ tạm bợ trong giây lát, rốt cuộc đưa đến cái khổ. Thân, tâm, nhận thức, cơm ăn, áo mặc, nhà ở, sắc, thanh, hương, vị, xúc... mọi thọ nhận, mọi cảm thọ đều là gốc nguồn của khổ đau.
- 3. Quán tâm vô thường.** Hành giả quán niệm tâm, ý luôn luôn thay đổi, từng phút, từng giây không bao giờ dừng nghỉ, như làn thác đổ.
- 4. Quán pháp vô ngã.** Mọi hiện tượng trên thế gian đều do nhân duyên hòa hợp mà sinh, không có cái gì chân thật, độc lập.

Nhờ quán chiếu bốn đối tượng trên hành giả sẽ dần dần xả bỏ mọi ham muốn, diệt được sân hận, si mê, giữ được tâm bình thản trước những oán nghịch của tình đời.

Trong giai đoạn đầu quán chiếu từng đối tượng riêng biệt, đến giai đoạn kế tiếp, khi đã bước vào lãnh vực quán chiếu cao, hành giả thấy bốn đối tượng liên hệ với nhau. Khi quán chiếu thân bất tịnh cũng nhận thấy khổ đau, vô thường, vô ngã. Khi quán niệm tâm ý vô thường thì cũng thấy thân thể, cảm thọ và vạn pháp không đứng nguyên một chỗ, không tồn tại vĩnh viễn...

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “Cả chúng chăm chỉ lắng nghe, không có một tiếng động nhỏ nào. Trong thái độ kính cẩn cầu pháp của những vị sư nữ này, tôi rất phục, cảm thấy vui lòng.”

Vừa thuyết giảng xong, người thông dịch viên đến sát bên tai Hòa Thượng thưa nhỏ: Nếu có thể được xin ngài cúng dường cho các vị sư nữ này một ít tịnh tài. Hòa Thượng nghĩ đây có lẽ là phong tục tập quán của xứ Một Triệu Con Voi nên hoan hỷ lấy hai đồng sẫn có trong túi đưa cho vị Sư để chuyển giao cho Ni chúng. Vị sư nhận tiền nói lời cảm ơn: “Chúng tôi xin thay mặt cho Ni Chúng cảm ơn ngài không những đã có từ tâm giảng pháp cho Ni mà còn tài thí cho họ. Thay mặt đại chúng, tôi xin chân thành bái thọ và sẽ luôn luôn nhắc nhở cho cả chúng thực hành theo lời giảng dạy của ngài.” Nói xong vị sư quay lại dặn dò ni chúng. Toàn thể đê đầu đanh lẽ, rồi lặng lẽ giải tán.

Vì sư mời Hòa Thượng đi xem khu Tịnh Xá. Đây là khu rừng nhân tạo. Cây cối được trồng thành từng dãy, ngay ngắn, cao thấp tấp, rất sạch sẽ và mát mẻ. Trong khu rừng có hàng trăm cái chòi nhỏ, xây dựng sơ sài, giống như những cái cốc, khoảng cách đều nhau, nơi chư ni cư trú, chuyên lo tu học, hành trì thiền quán.

Vị sư hướng dẫn mời Hòa Thượng bước lên cầu thang của một cái chòi nhỏ. Nhìn vào trong chòi thấy một chiếc chiếu, trên chiếu có mền, gối. Bên cạnh là một cái bàn và một cái ghế dài làm bằng tre. Trên bàn có kinh sách và một bình nước, một ly tách. Tất cả dụng cụ đều rất thô sơ, nhưng sạch sẽ và được sắp xếp rất ngăn nắp, phản ảnh nếp sống đạo hạnh của chư ni ở Khu Vườn Tịnh Xá này.

Xem xong Hòa Thượng tỏ ý với nhà sư muốn gặp lại Ni Chúng để nói lời cảm ơn. Vị sư ấy trả lời: Ngài sẽ gặp họ trong chốc lát. Vừa nói vị sư vừa hướng dẫn Hòa Thượng ra cổng Khu Vườn Tịnh Xá. Vừa tới cổng Hòa Thượng đã thấy những vị ni

mắc áo quạ trắng, vai vắt khăn choàng trắng đứng hai hàng chỉnh tề, trên tay người nào cũng cầm một bó hoa mà họ đã hái được trong Khu Rừng Tịnh Xá khi Hòa Thượng cùng vị sư đi tham quan, thấy những cái chòi nhỏ không có người ở.

Hòa Thượng vừa bước tới thì tất cả chúng đều quì xuống, hai tay cầm bó hoa đưa lên ngang đầu. Người thông dịch thưa với Hòa Thượng: Họ đang dâng hoa cúng đường, xin ngài tho lanh cho.

Trên Những Chặng Đường ghi: “*Thế là vừa đi tới, tôi vừa lần lượt nhận những bó hoa họ đang dâng, đến khi tay tôi không còn cầm được nữa, tôi phải đưa cho những người trong đoàn cầm hộ, nên khi ra về trên tay chúng tôi người nào cũng đầy cả hoa...*

“Cuộc viếng thăm và thuyết pháp lần này của tôi ở Savannakhet và ở thủ phủ Vientiane kéo dài cũng gần một tháng trời. Đến cuối tháng bảy năm 1942, tôi mới lên đường trở về Huế.”

Trở về Huế, Hòa Thượng được Hội Đồng Sơn Môn Tăng Già Thừa Thiên, Huế cử làm trú trì quốc tự Diệu Đế.

Hòa Thượng ngoài việc quản trị chùa, còn bận rộn với những chương trình thuyết giảng ở các Khuôn Tịnh Độ xa xôi hẻo lánh. Một trong những nơi ấy là Khuôn An Xuân, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Dân làng An Xuân chưa được thâm tín Phật lý. Mùa thu năm 1942 Hòa Thượng về thôn này diễn thuyết, thể theo lời mời của Khuôn Tịnh Độ. Với ngôn từ bình dị, nhất là với tác phong hiền hòa, oai nghi, khả ái, Hòa Thượng đã chinh phục được đa số dân làng, nổi tiếng là bường bỉnh nhất Huyện Quảng Điền hay có thể nói cả tỉnh Thừa Thiên.

Thuyết pháp xong đến giờ thọ trai. Hàng bô lão trong làng cho người mang đầu heo dâng cúng Hòa Thượng tỏ lòng tôn kính

như là đối với ông tiên chỉ. Hòa Thượng đứng dậy từ tốn tiếp nhận, tỏ lời cảm ơn hàng bô lão đã có lòng chiếu cố, nhưng khi dùng cơm ngài chỉ xin ít tương và muối mè để dùng, ngài cáo lỗi đã quen dùng chay.

Cuộc viếng thăm dân làng và thuyết pháp tại ngôi chùa làng ở Phe Tây đã mang lại nhiều kết quả cụ thể, đặc biệt là có 4 thanh niên và một cậu bé 12 tuổi phát tâm xuất gia.

Cậu bé sau ngày nghe Hòa Thượng thuyết pháp, nhất là thấy diện mạo của Hòa Thượng, nồng nặc đòi mẹ cho phép lên chùa Tây Thiên thăm Hòa Thượng. Chùa Tây Thiên cách làng An Xuân trên 15 cây số. Chú bé cứ cách vài tháng một lần đòi mẹ cho lên chùa thăm Hòa Thượng. Sáng tinh sương chú đã dậy và đi bộ qua làng Kim Đôi, đến chợ Bao Vinh, lên chợ Đông Ba, qua cầu Tràng Tiên đến cầu Nam Giao, dọc theo dốc Nam Giao đi ngang chùa Báo Quốc, chùa Thiên Minh, chùa Từ Đàm đến Đền Nam Giao, đi xuống con đường dốc rồi lên dốc vào chùa Tây Thiên. Đến chùa cốt để chiêm ngưỡng Hòa Thượng, được hưởng không khí thanh tịnh của chốn thiền lâm. Ở lại chùa vài giờ lại lên đường trở về quê. Về đến nhà thì trời đã tối. Ấy vậy mà chú không thấy mệt. Vài tháng sau lại đòi đi nữa.

Thăm chùa, thăm Hòa Thượng, thăm chúng tăng. Tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tụng kinh, quang cảnh chùa chiền như có một sức hấp dẫn lạ thường đối với chú bé. Sau thời gian thăm viếng, chú bé xin mẹ ăn chay trường. Mẹ không cho sợ đói con trẻ, còn đi học ăn chay không đủ dinh dưỡng, nhưng chú nhất định ăn chay. Trên ba tháng chú chỉ ăn cơm với đường cục, với muối ướt, vì mẹ không nấu chay cho ăn để làm chú nản lòng. Nhưng chú vẫn cương quyết, cuối cùng mẹ phải nấu chay cho chú ăn. Ăn chay được vài tháng chú xin mẹ đi tu. Mẹ không cho, chú khóc suốt ngày. Cuối cùng mẹ phải chịu lòng, nhưng mẹ nghĩ chắc chắn chú không thể chịu đựng cảnh sống khổ sở của nhà chùa, chú sẽ về nhà. Sợ nợ công ơn thí



Quốc tự Diệu Đế, Huế  
(Võ Văn Tường: *Việt Nam Danh Lam Cố Tự*, tr. 111)

chủ, nên mẹ đem gạo vào chùa cho chú ăn. Chú không những chịu đựng được nếp sống thanh đạm, khổ cực của người mới vào chùa tu, phải làm bao nhiêu công quả mà còn cảm thấy sung sướng. Chú hăng say theo thầy học đạo, được thầy thọ ký, ban cho pháp danh Tâm Đức, pháp tự Trí Không...

Hòa Thượng vào thời điểm ấy đã có ít nhất trên 10 đệ tử xuất gia và vô số đệ tử tại gia, cùng khắp nơi trong nước và tại Vương Quốc Lào. Những đệ tử đầu tay của Hòa Thượng lúc bấy giờ là: Trí Thắng, Trí Nghiêm, Trí Diệm, Trí Đăng, Trí Cảnh, Trí Châu, Trí Không... Những vị này sống đúng theo nguyên tắc Lục Hòa, không ai có tiền bạc riêng. Ngay cả áo quần cũng mặc chung với nhau, cục xà phòng cũng dùng chung.

Trở về Huế sau thời gian hoằng hóa tại Lào, Hòa Thượng ngoài nhiệm vụ giảng sư, Hội An Nam Phật Học còn mời Hòa

Thượng dạy Phật Pháp cho Đoàn Phật Học Đức Dục do Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám thành lập và hướng dẫn từ năm 1940. Đoàn là nơi qui tụ đông đảo thanh niên trí thức cố đô Huế và các đô thị lân cận như Thanh Hóa, Vinh, Quảng Nam, Đà Nẵng. Họ là những thanh niên có kiến thức cao nên dễ dàng và mau chóng tiếp nhận giáo lý Phật.

Đoàn Phật Học Đức Dục đã đào tạo nhiều Phật Tử trí thức, tiền thân của các Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử, có tài có đức, đóng góp, xây dựng ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam.

Năm Quý Mùi (1943) nhân dịp Tết Nguyên Đán Hòa Thượng về thăm quê ở Quảng Trị. Đây là lần đầu tiên sau 11 năm xa cách kể từ ngày Hòa Thượng từ giã gia đình xuất gia cầu đạo. Con đường làng với lũy tre xanh dọc theo dòng sông Thạch Hãn gợi cho Hòa Thượng nhiều kỷ niệm thời thơ ấu.

Hòa Thượng về lưu trú tại chùa Long An, ngôi chùa do thân phụ sáng lập. Được tin Hòa Thượng về, bà con, cô bác, láng giềng hàng xóm tấp nập đến thăm Hòa Thượng suốt ba ngày Tết. Ở chùa Long An được gần một tuần lễ. Chư tăng lần lượt đến thăm và yêu cầu Hòa Thượng đến chùa Sắc Tứ Tịnh Quang lưu trú, thuyết pháp và làm lễ qui y cho đồng bào Phật Tử. Hòa Thượng hoan hỷ nhận lời.

Chùa Tịnh Quang năm 1943 không khác mấy Chùa Tịnh Quang năm 1916 khi Hòa thượng mới được 12 tuổi, trên đường đến trường học thường đi ngang qua chùa. Chính tại đây Hòa Thượng đã gặp vị thầy tương lai của mình, đó là Hòa Thượng Tâm Tịnh. Hình ảnh từ hòa, khả ái, khả kính của Bổn Sư hiện rõ trong đầu óc của Hòa thượng mặc dầu đã 27 năm trôi qua. Cũng tại trước tam quan ngôi chùa lịch sử này vị bồn sư tương lai đã hỏi Hòa Thượng học gì, bắt Hòa Thượng cắt nghĩa những đoạn văn trong Luận Ngữ, đã xoa đầu Hòa Thượng như dấu hiệu thọ ký cho ngài. Bổn sư đã viên tịch nhưng hình ảnh của bồn sư, những lời dạy dỗ của bồn sư Hòa Thượng không bao giờ quên.

Tại Sắc Tứ Tịnh Quang Tự năm Quý Mùi Hòa Thượng đã thuyết pháp trong ba đêm liên tiếp, đã làm lễ qui y cho trên 300 Phật Tử. Tín đồ hăng say đến nghe pháp, đến thăm viếng. Hòa Thượng cảm thấy phấn khởi, nhận thấy tín tâm của Phật Tử tại quê nhà cũng cao không kém các nơi Hòa Thượng đến thuyết giảng.

Trong số những người đến qui y với Hòa Thượng, có một nữ Phật Tử, về sau mới biết là cô Hạnh, người mà hai bên gia đình định kết tóc xe tơ. **Trên Những Chặng Đường** ghi:

*"Rồi vào một buổi chiều vắng khách, có hai thiếu phụ dắt hai em bé chừng 11, 12 tuổi đến thăm, đem cúng một bình trà Tam Hỷ và một gói cam. Hai cô cho biết gia đình đã được quy y vừa rồi, một cô Pháp danh là Tâm Thường, một cô là Tâm Giải cùng ba người con là Tâm An, Tâm Lạc và Tâm Phước.*

*"Như thường lệ, với những Phật Tử mới quy y, tôi khuyến khích họ cố gắng giữ gìn những giới đã thọ. Tôi cắt nghĩa công năng của việc giữ giới. Đối với hàng phụ nữ, được gần Phật Pháp là điều may mắn. Cần đem áp dụng chánh pháp vào đời sống hàng ngày, biến gia đình bình thường thành gia đình Phật hóa. Xây dựng gia đình để đem lại một mái ấm hạnh phúc. Giữ gìn thiền chức làm mẹ, dạy dỗ con cái nên người. Tâm Thường ngồi im lặng chăm chú lắng nghe, trong khi Tâm Giải có vẻ lơ đãng, tư tưởng không tập trung, mắt nhìn đâu đâu...*

*"Hai hôm sau tôi đang sửa soạn hành trang để về Huế thì Tâm Thường lại đến. Tôi nghĩ rất đơn giản, tình thầy trò mới quy y, nay biết thầy sắp đi thì thế nào cũng lưu luyến, đó là thông bệnh của tín đồ.*

*"Sau những lời vấn an thường lệ, Tâm Thường kể cho tôi nghe: Hôm kia hai chị em đến hầu thầy, lúc ra về Tâm Giải có kể một câu chuyện, bình như chuyện liên quan đến đời mình. Tâm Giải kể: Hơn hai chục năm về trước, ngày ấy mình mới 15 tuổi, có một chàng thanh niên đến nhà mẹ mình, người thanh niên*

*đi đôi giày bã, đội nón gò găng, mặt mày khôi ngô. Cha mẹ  
đôi bên đã đính ước với nhau và sắp đi đến hôn nhân. Bỗng  
nhiên chàng bỏ ra đi và để lại một bức thư cho thân phụ, yêu  
cầu cha chấm dứt sự đính ước. Mình đợi ba năm, sau nghe  
chàng đi tu hẳn. Mẹ mình tìm thăm đã biết chàng đi tu thật.  
Đã thấy nơi ăn chốn ở của chàng yên ổn, nên mẹ ép gả cho  
người khác. Vâng lời mẹ, mình kết duyên với người chồng hiện  
giờ và đã sinh được năm đứa con. Tuy cuộc sống gia đình vẫn  
giữ được hạnh phúc, nhưng nay thấy cuộc đời tu hành thanh  
tịnh, giải thoát của quý thầy rồi nhìn lại đời mình ái ân triền  
phutoc, biết đến bao giờ mới có được một ngày thanh thoát...*

*“Bất ngờ có một đoàn Phật Tử đến thăm. Tâm Thường phải  
chấm dứt câu chuyện. Thật là may.”*

Hòa Thượng cảm thấy may khi có đoàn Phật Tử đến thăm. Ngài không biết phải ăn nói thế nào với Tâm Thường, bạn của Tâm Giải về cô Hạnh ngày xưa?

Công tác Phật sự chồng chất trên vai, nhưng Hòa Thượng không thấy mỏi mệt, hăng say hoạt động, hăng say phục vụ. Ngày 21 tháng 3 năm 1945 Hội An Nam Phật Học trong kỳ Đại Hội lần thứ 13 đổi danh hiệu thành Việt Nam Phật Học Hội và công cử Hòa Thượng giữ chức Chánh Hội Trưởng thay thế bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám xin nghỉ việc. Ngày 31 tháng 3 năm 1945 Hội Đồng Sơn Môn Tăng Già Thừa Thiện, Huế lại suy cử Hòa Thượng làm Trú Trí Quốc Tự Linh Mụ, Huế. Tại Hà Nội *Đuốc Tuệ* đình bản ngày 15 tháng 8, 1945, danh xưng Hội Phật Giáo Bắc Kỳ được thay thế bằng danh xưng Việt Nam Phật Giáo Hội.

Biến chuyển dồn dập. Từ năm 1943 đến năm 1945 ngoài công tác diễn giảng, đóng góp bài vở cho tờ *Viên Âm*, cơ quan hoằng pháp của Hội An Nam Phật Học và hướng dẫn Tăng Ni trong các Phật Học Viện, Hòa Thượng chú tâm đến việc xây dựng nông thiền, vì nhận thấy nền tảng kinh tế của Tăng Ni hết sức bấp bênh, nếu không lo chuẩn bị thì việc đào tạo

nhân tài, xây dựng cơ sở Phật Giáo khó có thể thành công.

Được sự hỗ trợ của một số Phật Tử, của Ôn Tây Thiên, nhất là với công sức khai khẩn ruộng vườn của một số đệ tử, Hòa Thượng cho thành lập nông thiền tại Bình Điền cách thị xã Huế độ chừng 15km nằm trong dãy Trường Sơn, giữa hai con sông Bồ và sông Hữu Trạch. Suốt gần 3 năm trời không quản gió mưa, không nề sét rét, một số đệ tử của Hòa Thượng và của Ôn Tây Thiên như thầy Trí Diệm, Trí Đăng, Trí Cảnh, Thiện Mẫn... đã ra công chặt cây, cuốc đất, biến đất rừng thành đất canh tác. Công việc đang tuần tự tiến triển, thì Cách Mạng Tháng Tám bùng nổ.



Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám  
(Ảnh chụp tại chùa Từ Đàm Huế, năm Quý Tỵ, 1950. *Tiểu Sử*, tr. 55)



Quyển Bốn

---

**THỜI ĐẠI BÃO TÁP  
(1945-1968)**



## CHƯƠNG 10:

---

# NGƯỜNG CỦA TỬ THẦN (1947) TỬ CHIẾN TRANH VIỆT – PHÁP (1946) ĐẾN HIỆP ĐỊNH GENÈVE (1954)

Trong ba tổ chức chấn hưng Phật Giáo Việt Nam là Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, Hội An Nam Phật Học và Hội Phật Giáo Bắc Kỳ, Hội An Nam Phật Học tỏ ra có hiệu quả nhiều hơn vì từ đầu cho đến những năm kế tiếp giữa Tăng Già và Cư Sĩ có sự hợp tác chặt chẽ, trong khi Hội Phật Giáo Bắc Kỳ lúc đầu có sự bất đồng ý kiến giữa chư tăng và cư sĩ, còn tại Miền Nam, nhiều tổ chức Phật Giáo ra đời, không liên hệ nhau, không cùng nhau phối hợp hoạt động nên không mang lại kết quả mong muốn.

Chương trình học Phật tại các Phật Học Viện Nam, Trung, Bắc thiên nhiều về giáo điển. Môn sử học, tôn giáo tỉ giáo, văn hóa thời đại không được ghi vào học trình. Phương thức hành trì, hướng dẫn phát triển tâm linh, duy trì và kiện toàn tín tâm, bồ đề tâm không được quan tâm đúng mức. Phương pháp hoằng truyền chưa được triển khai. Nền tảng kinh tế của các Phật Học Viện rất mong manh... Phật Giáo cần thì giờ để điều chỉnh mọi sinh hoạt của mình sau một thời gian dài bị tê liệt, nhưng rồi tình thế không cho phép: Cách Mạng Tháng Tám bùng nổ, chiến tranh Việt Pháp bắt đầu.

**Lúc 20 giờ 25 ngày 9 tháng 3, 1945:** Quân Nhật đảo chánh, truất quyền thuộc địa Pháp.

**Năm 1945:** Sau 4 năm hợp tác với Nhật, Ngô Đình Diệm bị Nhật bỏ rơi cùng lúc với Cường Đế để thừa nhận vua Bảo Đại với chính phủ Trần Trọng Kim sau biến cố ngày 9 tháng 3, 1945. Ngô Đình Diệm lui về sống với Ngô Đình Luyện tại Ngã Sáu Chợ Lớn, thỉnh thoảng xuống thăm giám mục Ngô Đình Thục tại Vĩnh Long. Trong thời gian hoạt động chính trị, ngoài việc tiếp xúc với quân Nhật không ai thấy ông Diệm xuất hiện hoạt động trong giới chính trị công khai hay bí mật.

**Ngày 15-8-1945:** Nhật Bản tuyên bố đầu hàng. Cách Mạng Tháng Tám bùng nổ. Ngày 23 vua Bảo Đại thoái vị, Hồ Chí Minh thành lập chính phủ lâm thời tại Hà Nội, mời công dân Vĩnh Thụy làm cố vấn tối cao, Võ Nguyên Giáp làm Bộ trưởng Nội vụ năm 32 tuổi, một Bộ trưởng trẻ tuổi nhất sau Ngô Đình Diệm năm 1933.

**Trước cách Mạng Tháng Tám** ít ngày, từ Sài Gòn, Ngô Đình Diệm theo một toán quân Nhật ra Huế bị Việt Minh chặn đánh tại Tuy Hòa. Ngô Đình Diệm bị bắt và bị giải ra Bắc. Đến đầu năm 1946 nhờ Giám Mục Lê Hữu Từ lúc bấy giờ là cố vấn tôn giáo cho Hồ Chí Minh can thiệp nên ông được trả tự do.

**Ngày 21-3-1945:** Hòa Thượng được Hội An Nam Phật Học mời làm Chánh Hội Trưởng thay thế bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám.

**Ngày 31-3-1945:** Hội Đồng Sơn Môn Tăng Già suy cử Hòa Thượng làm Trú Trì chùa Linh Mụ.

**Ngày 9-9-1945:** Quân đội Tưởng Giới Thạch đến Bắc Việt giải giới quân Nhật.

**Ngày 12-9, 1945:** Quân Anh đến Sài Gòn giải giới quân Nhật, cung cấp khí giới cho quân đội Pháp chống lại Việt Minh.

**Ngày 6-1-1946:** Bầu cử Quốc Hội. Ứng cử viên Việt Minh chiếm đa số, nhưng với sự dàn xếp của quân đội Tưởng Giới Thạch, một chính phủ liên hiệp được thành hình.

**Tháng 2-4, 1946:** Quân đội viễn chinh Pháp đến Nam Việt Nam đánh nhau với quân đội Việt Minh.

**Ngày 28-2-1946:** Trung Quốc và Pháp ký thỏa ước, trong đó

Trung Quốc đồng ý rút quân khỏi Bắc Việt và Pháp từ bỏ mọi nhượng địa của Pháp tại Trung Quốc.

**Ngày 6-3 đến ngày 12-9-1946:** Ngày 6 tháng 3, 1946 Hồ chí Minh ký Hiệp Định Sơ Bộ với Pháp trong đó Pháp thừa nhận chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một quốc gia tự trị nằm trong Liên Bang Đông Dương và Liên Hiệp Pháp.

**Ngày 1-6-1946:** Cao Ủy Pháp tại Đông Dương lại tuyên bố Nam Việt Nam là một phần đất tự trị, như vậy là phân tán Việt Nam thành hai quốc gia, vi phạm Hiệp Định Sơ Bộ.

**Ngày 12-11-1946:** Pháp và Việt Nam chấm dứt hội đàm thương thuyết.

**Đầu tháng 9, 1946:** Hòa Thượng được bầu làm Chủ tịch Hội Phật Giáo Liên Hiệp Trung Bộ, thành viên Ban Chấp Hành Hội Phật Giáo Cứu Quốc Thừa Thiên Huế.

**Ngày 20-11 đến ngày 7-12-1946:** Tàu tuần tra Pháp bắt giữ một chiếc tàu Trung Hoa tại hải cảng Hải Phòng. Quân Pháp và Việt Minh chạm súng trên bờ.

**Ngày 23-11-1946:** Tuần dương hạm Pháp có pháo binh và phi cơ yểm trợ pháo kích Hải Phòng làm tử thương trên 1,000 người. Hai tuần lễ kế tiếp, quân Pháp liên tục tấn công các vị trí quân sự Việt Minh tại Hải Phòng.

**Ngày 19-12-1946:** Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tuyên chiến với Pháp. Quân Việt Minh đặt chất nổ phá nhà máy điện Hà Nội. Chiến tranh bùng nổ ở nhiều tỉnh trên toàn quốc.

**Ngày 16-1-1947:** Quân Pháp đổ bộ tại Huế. Hòa Thượng cùng Hòa thượng Tây Thiền, Thuyền Tôn và một số tăng ni khác về làng An Xuân lánh nạn. Sau một tuần Hòa Thượng bị quân Pháp đến bồ ráp bắt giam mấy ngày rồi thả. Trở về Linh Mụ Huế được một thời gian ngắn Hòa Thượng lại bị quân quân Pháp bắt giam tại nhà ông Ưng Trinh, phường Kim Long, cùng với 10 người khác, bị trói, bị hành hạ, suốt 15 ngày, rồi ra lệnh đào mồ. Pháp cho thành lập giáo phái Thiền Lữ.

**Ngày 19-2-1947:** Quân Pháp tiến chiếm Hà Nội.

**Tháng 10, 1947:** Quân Pháp hành quân tảo thanh quân Việt Minh ở Bắc Việt.

**Ngày 7-12, 1947 đến ngày 8-6-1948:** Tháng 12, 1947 trên chiến hạm Pháp ngoài khơi Hải Phòng, cựu hoàng Bảo Đại ký hiệp định với Pháp trong đó Pháp công nhận quyền tự trị của Việt Nam. Tháng 6-1948 Pháp làm áp lực với chính phủ Bảo Đại nhận tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ Tướng. Tướng Nguyễn Văn Xuân có quốc tịch Pháp, nói tiếng Việt Nam không thạo.

**Ngày 8-3 đến ngày 30-12-1948:** Vào tháng 3, cựu hoàng Bảo Đại ký Hiệp Ước Elysée với Pháp trong đó Việt Nam là thành viên của Liên Hiệp Pháp. Pháp kiểm soát quốc phòng, ngoại giao và tài chánh. Tháng 4, Hội Đồng Nam Kỳ bỏ phiếu sáp nhập Miền Nam với Việt Nam, chấm dứt tình trạng thuộc địa Pháp. Chính phủ quốc gia Việt Nam được thành lập tại Sài Gòn ngày 14-6. Ngày 28-6 tuy Nam Kỳ Quốc trở về với Việt Nam, Pháp vẫn chưa thừa nhận quyền độc lập của Việt Nam cho đến ngày 30 tháng 12.

**Ngày 18-3-1948:** Phật Học Đường Báo Quốc và Ni Viện Diệu Đức tái khai giảng, Hòa Thượng nhận làm giáo thọ cho cả hai trường.

**Năm 1949:** Hòa Thượng được mời làm Tuyên Luật Sư Đại Giới Đàn Báo Quốc.

**1949-1950:** Chính Phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được thành lập tại lục địa Trung Hoa.

**Năm 1950:** Hòa Thượng làm Giáo Thọ Đại Giới Đàn Từ Hiếu, làm Yết Ma tại Đại Giới Đàn Ấn Quang.

**Ngày 14-1-1950:** Hồ Chí Minh tuyên bố chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do Việt Minh lãnh đạo là chính phủ hợp pháp duy nhất tại Việt Nam. Liên Bang Soviet và Trung Hoa Cộng Sản thừa nhận chính phủ ấy nhưng Hoa Kỳ, Anh và nhiều quốc gia Tây Phương thừa nhận chính quyền Bảo Đại trong Liên Hiệp Pháp.

**Tháng 5- tháng 11 1950:** Việt Minh mở chiến dịch tấn công quân Pháp tại Bắc Việt. Việt Minh thành công kiểm soát 5 tỉnh Việt Bắc gây tử vong cho 6000 quân nhân Pháp.

**Ngày 6-8-1950:** Pháp buộc vua Bảo Đại ban hành Đạo Dụ số 10 đặt Phật Giáo ra ngoài tổ chức tôn giáo mà chỉ là một hiệp hội như hội thể thao, hội người mù.

**Tháng 8, 1950:** Sau một thời gian vận động ngầm, giám mục Ngô Đình Thục và Ngô Đình Diệm lên đường đi La Mã dự năm Thánh Lễ. Lộ trình không đi thẳng La Mã mà ghé Nhật Bản, gặp giáo sư Wesley Fisher, kết quả trường Đại Học Michigan sẽ bảo trợ cho Ngô Đình Diệm qua Mỹ. Sau khi dự Lễ Năm Thánh và yết kiến đức Giáo Hoàng, Ngô Đình Diệm bay qua Mỹ, được Hồng Y Spellman tiếp kiến. Ông sống tại Hoa Kỳ hai năm trong tu viện Maryknoll tại Lakewood, New Jersey và tu viện Ossining tại New York.

**Ngày 15-3-1951:** Hòa Thượng làm Cố Vấn Giáo Hạnh cho Hội Phật Giáo Trung Việt, cụ Lê Văn Định thay thế Hòa Thượng lên làm Hội trưởng.

**Ngày 6-9/5/ 1951:** Đại Hội 6 tập đoàn Phật Giáo (3 Tăng Già, 3 Cư Sĩ) họp tại chùa Từ Đàm, thành lập Tổng Hội Phật Giáo VN.

**Ngày 25-8-51:** Đại Hội Tăng Già Trung Việt tại chùa Linh Quang cử Hòa Thượng làm Giám Luật Tăng Già Trung Việt.

**Ngày 7-9-51:** Đại Hội Giáo Hội Tăng Già VN họp tại chùa Quán Sứ suy cử Hòa Thượng làm Giám Luật Giáo Hội Tăng Già VN. Hòa Thượng tổ chức lễ cầu nguyện cho Phật Giáo Việt Nam được tự do hành đạo thoát khỏi Đạo Dụ 10.

**Ngày 28 tháng 5 đến ngày 20-6 1951:** Việt Minh mở chiến dịch lớn tấn công quân đội Pháp. Kỳ này Việt Minh bị tổn thất nặng nề.

**Tháng 1 đến tháng 2, 1953:** Quân Việt Minh tấn quân Pháp tại Lào, liên kết hai lực lượng cộng sản Việt và Pathet Lao, tiến đến ngoại ô Luang Prabang nhưng rồi rút lui.

**Tháng 5, 1953:** Ông Ngô Đình Diệm từ giã Hoa Kỳ qua Bỉ, trú ngụ tại tu viện Bénédictine de St. André-les-Purges. Đến năm 1954, ông Ngô Đình Diệm sang Pháp trú ngụ tại nhà ông Tôn Thất Cẩn. Ngày 16-6-1954, sau buổi tiếp kiến ngoại trưởng Hoa Kỳ Foster Dulles, quốc trưởng Bảo Đại ký sắc lệnh số 38/QT bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng.

**Ngày 20-11-1953:** Tháng 11 quân Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, vùng tây bắc Việt Nam, quyết định sinh tử với quân đội Việt Minh.

**Ngày 12-3 đến 7-5, 1954:** Quân Việt Minh vây hãm quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ. Ngày 1-4 Tổng Thống Dwight Eisenhower tuyên bố không cung cấp vũ khí cho quân đội Pháp – vào lúc này Hoa Kỳ giúp 75% kinh phí chiến tranh tại Đông Dương cho Pháp. Sau 56 ngày cầm cự, quân Pháp tại Điện Biên Phủ đầu hàng, tổn thất 5,400 binh sĩ, số 10,000 quân còn lại đầu hàng, một nửa bị thương.

**Trung tuần tháng 6, 1954:** Một cuộc biểu tình độ 500 người tham dự trước Thương Bạc Huế, yêu cầu chí sĩ Ngô Đình Diệm về nước chấp chính.

**Ngày 7-7-1954:** Ông Ngô Đình Diệm về nước làm Thủ Tướng.

**Ngày 26-4 đến 20-7, 1954:** Hội Nghị Quốc Tế về Đông Dương được khai mạc tại Genève. Ngày 20-7 Hiệp Định Genève được ký kết, chấm dứt chiến tranh tại Việt Miên Lào, cả ba nước này được độc lập. Chiến tranh thật sự chỉ chấm dứt vào tháng 8. Hoa Kỳ và chính phủ Bảo Đại từ chối không ký vào Hiệp Định Genève. Việt Nam, qua Hiệp Định Genève bị chia đôi tại vĩ tuyến 17, chờ ngày tổng tuyển cử giữa hai miền dự trù vào tháng 7, 1956 để thống nhất đất nước.

\*  
\* \* \*

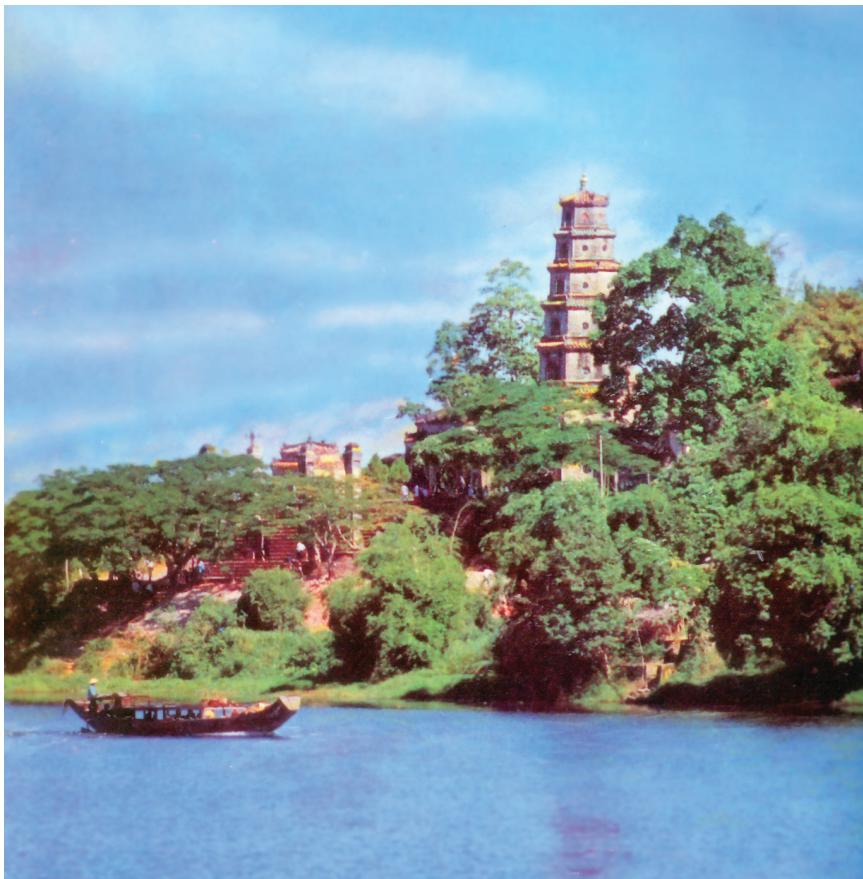
Sau khi Thiên Hoàng Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng Minh năm 1945, Cách Mạng Tháng Tám bùng nổ ngày 16 tháng 8 năm 1945. Ngày 23 tháng 8, trước hàng vạn dân chúng thành phố Huế, tập trung tại cửa Ngọ Môn, hoàng đế Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều đình nhà Nguyễn, tuyên bố thoái vị, trao ấn kiếm cho đại diện chính quyền cách mạng và tuyên bố “*thà làm công dân của một nước tự do hơn là làm vua của một nước nô lệ*.” Sau đó công dân Vĩnh Thụy được chính phủ cách mạng mời làm cố vấn tối cao cho một chính phủ lâm thời mới thành lập. Tháng 9 năm 1945 quân đội Tưởng Giới Thạch đến Bắc Việt Nam, đồng thời tại Miền Nam quân Anh đến giải giới quân đội Nhật Bản. Tháng 2 năm 1946 quân đội viễn chinh Pháp đến Nam Việt Nam với chủ

trương tái chiếm Đông Dương. Năm 1946 trong chuyến công du cùng phái đoàn chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sang Trung Quốc, công dân Vĩnh Thụy đã ở lại nước ngoài. Tháng 11 hải quân Pháp pháo kích hải cảng Hải Phòng. Tháng 12, Việt Nam tuyên chiến với Pháp. Chiến tranh Việt Pháp bùng nổ.

Công tác trùng tu Ngôi Nhà Phật Giáo Việt Nam vừa mới bắt đầu thì bị ngưng lại vì Cuộc Cách Mạng Tháng Tám và chiến tranh Việt Pháp bắt đầu năm 1946. Nhiều nhà sư Phật Giáo đã cởi cà sa khoác chiến bào, dấn thân vào công cuộc đấu tranh dành độc lập, giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ ngoại bang. Ngôi Nhà Phật Giáo lại bị bỏ bê.

Hòa Thượng Đôn Hậu cũng như phần đông quý Ông, quý Thầy, đồng bào, Phật Tử không biết cụ Hồ là ai. Họ không có và không đọc tài liệu về cuộc cách mạng Bolsheviks tại Nga. Họ không biết chế độ cộng sản tại Liên Bang Soviet dưới quyền Lenine, Stalin như thế nào. Họ không biết gì về chủ nghĩa Mác Lê. Họ không biết gì về hoạt động của Mao Trạch Đông, Chu Tể, Chu Ân Lai. Họ chỉ biết và sung sướng thấy Việt Nam độc lập thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Họ thấy hạnh diện như vua Bảo Đại tuyên bố trong buổi lễ thoái vị: "*Thà làm dân của một nước độc lập hơn làm vua của một nước nô lệ*" và họ phẫn nộ khi quân đội Pháp muốn trở lại Việt Nam đặt lại ách đô hộ. Họ phẫn nộ thấy quân Pháp giết chóc đồng bào vô tội, hãm hiếp đàn bà, con gái và họ không mấy cảm tình với những chính phủ hợp tác với Pháp.

Ngày 16 tháng 1, 1947 quân Pháp ô ạt đổ bộ lên Huế. Mặt trận kháng chiến chống Pháp tại Thừa Thiên, Huế xảy ra khắp nơi. Dân quân Việt với gậy, mã tấu, vài khẩu súng trường, lựu đạn, rơm, ớt khô tấn công quân Pháp đóng tại trường Pellerin của Thiên Chúa Giáo tại Huế, bên kia cầu Nam Giao, sông An Cựu. Nhiều nhà sư Huế muốn bỏ áo cà sa, khoác chiến bào, nhưng Hòa Thượng can ngăn, cho như vậy là phạm sát giới,



Quốc tự Linh Mụ, Huế  
(Võ Văn Tường: *Việt Nam Danh Lam Cố Tự*, tr. 106)

dù là giết quân địch xâm lăng. Ngài để cho quí thầy, quí chú, trong đó có đệ tử của Hòa Thượng, tất cả 11 người gồm thầy Hoằng Thơ, Chánh Hậu, Chánh Kiến, Trí Diệm, Trí Đăng, Trí Cảnh, Quảng Tu, Quảng Thành... tham gia đoàn cứu thương. Họ được huấn luyện cấp tốc và sau thời gian huấn luyện xông pha vào trận mạc băng bó, săn sóc thương bệnh binh. Một số hy sinh trong trận địa như thầy Quảng Tu, Quảng Thành, một số tham gia kháng chiến như thầy Trí Diệm, Trí Đăng, một số trở về đời sống tu hành như thầy Hoằng Thơ, Chánh Hậu,

Chánh Kiến, có thày tham gia quân đội Việt Nam Cộng Hòa, binh chủng quân cụ như thày Trí Cảnh...

Khi quân Pháp đổ bộ lên Huế, dân chúng dắt nhau chạy trốn, tản cư về những nơi an toàn hơn. **Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Dân chúng dắt dùi nhau, bồng bế nhau chạy tản cư và chốn thiền môn cũng không thoát ra ngoài cảnh loạn ly ấy.*”

*“Do đó tôi được bắt nhặt vị Hòa Thượng Tây Thiên và Thuyền Tôn cùng một số chư Tăng Ni khác tản cư về làng An Xuân, xã Quảng An, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên. Tản cư về đây được hơn một tuần lễ thì tôi bị bắt thám Pháp bắt giam mấy ngày. Sau khi tra hỏi nhiều lần rồi họ thả ra. Trở về chùa Linh Mụ được một thời gian ngắn thì tôi bị bắt lại và đem giam tại nhà ông Ưng Trình. Ngôi nhà này sau bán lại cho ông Võ Đinh Dung. Hiện nay ngôi nhà này vẫn còn ở trên đường Hương Bình, nay là đường Nguyễn Hoàng, thuộc địa phận phường Kim Long, Huế.”*

Sở dĩ Hòa Thượng bị bắt vì ngài bị ghi vào sổ đen của Phòng Nhì Pháp. Ngài đã giữ những chức vụ quan trọng trước và sau Cách Mạng Tháng Tám. Ngày 8 tháng 2 năm Ất Dậu, tức là ngày 21 tháng 3, 1945 ngài được Hội An Nam Phật Học sau Đại Hội Thường Niên lần thứ 13 mời ngài làm Chánh Hội Trưởng. Ngày 31-3-1945 Sơn Môn Huế cử ngài làm trú trì quốc tự Linh Mụ. Quân Pháp lúc bấy giờ không mấy thiện cảm với Phật Giáo, nhất là Phật Giáo Huế vì họ cho Phật Giáo chống họ. Thái độ của họ đối với Phật Giáo được phản ánh một cách cụ thể khi họ ép vua Bảo Đại ban hành đạo dụ số 10 năm 1950, xem Phật Giáo như là một hiệp hội thể thao, văn nghệ. Chỉ có Thiên Chúa Giáo mới là tổ chức tôn giáo không lệ thuộc vào đạo dụ số 10. Và chỉ có Thiên Chúa Giáo họ mới tin tưởng.

Không những thế vào đầu tháng 9 năm 1946 Hòa Thượng lại được các giáo phái, các hội đoàn Phật Giáo bầu làm Chủ tịch Hội Phật Giáo Liên Hiệp Trung Bộ, một tổ chức do chính quyền

Cách Mạng lập nên, tập trung các lực lượng Phật Giáo thành một khối để đối phó với tình hình đương thời trong cao trào kháng chiến chống Pháp. Trụ sở của Hội Việt Nam Phật Học cũng là nơi đặt trụ sở của Hội Phật Giáo Liên Hiệp Trung Bộ và Hội Phật Giáo Cứu Quốc Thừa Thiên, Huế. Một người giữ nhiều chức vụ như vậy, đối với Phòng Nhì Pháp, không am tường tổ chức và nhân sự Phật Giáo, chắc chắn là Việt Minh, là Cộng Sản và Hòa Thượng đã bị bắt trong bối cảnh ấy.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “Sau khi trở về Huế tôi lại bị Phòng Nhì Pháp bắt. Cùng bị giam với tôi còn có thêm mười người đàn ông nữa. Tất cả đều bị nhốt trong một căn phòng rộng chừng 10 mét vuông. Phòng giam không có cửa. Có lẽ trong biến cố người ta đã dỡ hết để làm cùi chum nấu cơm, hoặc lót làm hầm trú ẩn. Do đó về đêm họ sợ phạm nhân trốn thoát nên cứ gần đến tối là họ gọi tên từng người ra rồi lấy giây điện thoại trói quặt hai tay ra sau lưng. Xong họ đạp từng người nằm sấp xuống đất rồi trói hai chân lại với hai tay. Trói theo cái lối trói heo để khiêng đi. Nhưng cái lối trói heo còn dễ chịu hơn vì bốn chân nó thuận chiều, đằng này chúng tôi bị trói quặt ngược cả tay chân nên cái mặt lúc nào cũng nằm cắp đất, lồng ngực bị ép nén rất khó thở. Thật là khổ sở và đau đớn vô cùng.

“Trói xong họ lại xách từng người quăng vào căn phòng cũ. Tôi bị đem ra trói trước và cũng là người họ xách quăng vào nằm úp mặt trên nền nhà trước. Cứ thế, họ lần lượt xách từ người này đến người khác cho đến hết. Không may là tôi bị quăng vào trước nên phải chịu làm cục kê cho những người bị xách quăng vào sau. Đã bị trói quặp tay chân, lại bị nằm úp xuống đất, đau đớn ê ẩm cả mình, không có đêm nào chớp mắt được một chút. Dù có muôn ngủ cũng không sao ngủ được. Thật là một nhục hình quá đau đớn.

“Sáng sớm họ lại vào xách chúng tôi ra khỏi phòng, mở trói rồi dẫn cho đi tắm. Nói là đi tắm, nhưng chính là đem đi gián

nước, họ dắt chúng tôi ra phía bờ sông Hương cách đó khoảng 300 mét. Đến bên bờ sông, bất thắn họ tống một đạp vào lưng chúng tôi như trời giáng. Anh em chúng tôi cứ như thế lăn ùm xuống sông, tha hồ uống nước. Tiết trời vào tháng Giêng, tháng Hai ở Huế lạnh tím bầm da thịt, thế mà anh em chúng tôi phải “tắm” trong cái lạnh khủng khiếp ấy. Trong khi đó thì bọn họ lại đứng trên bờ sông cười ha hả ra chiều thích thú.

“Chưa hết. Có nhiều đêm trời lạnh quá, họ không đem chúng tôi ra trói quặt như thường lệ, mà chỉ trói hai tay ra phía trước, không phải vì thương xót mà họ nói giây trói đâu, họ trói như thế rồi bắt chúng tôi nằm sấp xuống nền nhà để làm nệm lót, rồi họ trải chiếu nằm đè lên trên mà ngủ cho ấm. Đau đớn biết chừng nào, nhưng anh em chúng tôi không ai dám ho, không dám cựa mình, sợ họ lôi ra đánh. Suốt đêm phải nằm làm tấm đệm cho họ ngủ, sáng dậy thì thân thể nó đau như vừa bị một trận đòn thǎm vấn. Tôi nghĩ nỗi khổ mà anh em chúng tôi phải chịu trong suốt thời gian bị giam giữ nơi này là “bất khả tự nghị, bất khả ngôn thuyết.”

“Từ khi bị bắt cho đến hơn mười lăm ngày sau, trong số anh em chúng tôi bị giam giữ lần lượt khi một người, khi hai người bị trói cặt ké rồi dẫn đi đâu không biết. Cuối cùng trong phòng chỉ còn lại một mình tôi. Tôi ngồi trong phòng trống lạnh pháp phòng lo lắng. Thế rồi vào một buổi sáng, thay vì dắt cho đi tắm như thường lệ, thì một người lính Pháp vào dắt tay ra dấu bắt tôi lấy xe xuốc mà đào. Đào sâu được khoảng hơn 2 tấc, tôi mệt quá, vì vừa đói, vừa lạnh, áo quần tù đã rách rưới lại dính bết bùn đất trông càng tả tơi hơn.

“Tiết trời lạnh tê buốt da thịt. Tôi vừa đào vừa run, nhưng cũng liếc mắt nhìn bốn năm anh lính vừa Việt, vừa Pháp đang xúm lại đánh bài dưới mái hiên nhà. Tôi đánh liều bỏ xuốc ngồi thở. Nhói mà nhói miên man, nhớ các vị Tôn Túc, các thiện tri thức, các Tăng Ni, các thiện tín đã giúp đỡ cho tôi trong suốt thời gian tu học. Nhói những năm tháng đã qua. Nhói những lúc

*đi giảng ở tỉnh này, tỉnh khác, nhó các chú Tăng Sinh trong lớp mình dạy...*

*“Nhó lần vào giảng tại Qui Nhơn. Đường từ Huế vào thị xã Qui Nhơn đi bằng tàu hỏa. Lúc đi không may lại gặp phải một chuyến tàu đông khách. Lên tàu tôi chỉ chen được một chỗ đứng ở ngoài cửa lên xuống. Đứng một chặp thì có mấy đạo hữu họ trông thấy tôi, họ chen ra và dẹp đường cho tôi được vào ngồi trong toa, nhưng không có chỗ nào trống nên tôi lại phải đứng chen với mọi người như lần trước. Bỗng con tàu chuyển bánh lắc mạnh. Bất ngờ một người đàn ông đứng sau lưng tôi chồm tới và xô tôi nằm đè lên trên mấy người đang ngồi dưới sàn tàu. Con tàu chạy nhanh, tôi chưa kịp gượng người đứng thẳng dậy, thì có một thanh niên trong đám người bị tôi đè lên, vùng đứng dậy, dang tay tát vào mặt tôi một cái tát nảy lửa. Tôi chưa kịp nói lời gì thì mọi người chung quanh đã vây lại can thiệp và tỏ vẻ bất bình đối với cử chỉ vừa rồi của người thanh niên, làm anh ta sượng mặt. Tôi thấy anh ta có vẻ hối hận nên xin bà con giảng hòa...*

*“Tuy mãi nghĩ ngợi liên miên như thế, nhưng lâu lâu tôi lại liếc mắt nhìn vào đám lính Pháp đang ngồi chơi dưới mái hiên nhà. Họ thấy tôi nghỉ tay, họ đưa tay ra dấu bảo tôi đào nhanh lên.*

*“Một lúc sau, có một người lính Việt Nam, tay cầm cây roi, từ trong đám lính Pháp đi ra chỗ tôi đang đào hầm. Nhìn cây roi trên tay anh lính Việt Nam, tôi nghĩ thế nào anh cũng quất tôi một trận, vì tôi không chịu đào mà lại ngồi nghỉ. Anh lính vừa đi vừa huýt sáo, tay anh huơ huơ cây roi ra chiều thích thú. Thấy thế tôi lại càng lo. Nhưng khi anh ta đi đến gần chỗ tôi, anh đưa mắt nhìn vào đám lính Pháp và nói nhỏ với tôi: Thầy cứ đào thông thả, lâu chừng nào bay chừng nấy, tụi nó bắt thầy đào huyệt để bắn và chôn thầy đó. Những người cùng bị giam với thầy đã bị chúng đem đi bắn và chôn hết rồi.*

*“Tôi nghe mà choáng váng cả mặt mày. Nhưng thoảng một phút sau, tôi đã lấy lại bình tĩnh. Tôi nói với anh lính trong*

*nỗi xúc động: Tôi rất cảm ơn anh đã nói cho tôi biết được sự thật. Song tôi nghĩ nếu chết được lúc này là sướng lắm. Tôi là người tu hành, trong cuộc sống thường nhật, tôi luôn luôn niệm Phật, nhất tâm cầu được vãng sanh Tịnh Độ. Nay được chết thì sướng hơn là sống trong cảnh đọa đày của đủ mọi thứ bình nhục như thế này. Tôi xin anh yên tâm và cũng mong cầu cho tôi đủ sức chịu đựng từ giờ phút này cho đến khi tôi bị bắn và bị chôn.*

*“Tôi nhớ nét mặt của anh lính ấy rất buồn. Anh nói một câu ngắn ngủn: Thật tội nghiệp cho thầy quá. Rồi anh đứng lặng lẽ bên tôi một晌 lâu, Cảm động trước lòng tốt của anh, tôi rung rung nước mắt. Tôi cúi xuống để dấu hai hàng nước mắt đang chảy dài trên má. Lúc bấy giờ tôi không hiểu được dòng nước mắt ấy là nước mắt vui mừng vì trong lúc nguy khốn lại có người cảm thông nỗi khổ của mình hay là nước mắt lo sợ thường tình của con người khi đối diện với cái chết. Những dòng nước mắt cứ chảy và tôi chẳng còn muốn lau.*

*“Tôi ngẩng mặt lên thì thấy anh lính cúi mặt xuống. Nét mặt anh buồn bã. Anh khóc. Anh từ từ đi vào chỗ mấy người lính Pháp đang ngồi đánh bài dưới mái hiên nhà, hai tay anh vẫn cầm cây roi buo buo trước mặt.*

*“Khi anh lính đi rồi tôi một lòng niệm Phật để giữ cho tâm ý được thanh thản trước cái chết mà chắc chắn không còn lối nào thoát ra được. Bỗng nhiên tôi trực nghiệm được lời nói cao quý, thâm sâu của Phật khi ngài thị hiện vào thế giới đầy ô trọc này: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn.”*

*Cái ngã ở đây không phải tự ngã, không phải là cái ngã phàm trần. Cái ngã mà đức Phật muốn nói khi thị hiện đản sinh là Đại Ngã, là Phật Tánh, là Chân Như, là Chân Lý của cuộc đời, chứ không phải Tiểu Ngã, không phải cái ta nhỏ bé, cá biệt. Chúng sinh vì ngã chấp, vì bám vào cái ta nhỏ bé đã phải đón đau lặn ngụp trong biển sinh tử luân hồi. Vì tham đắm ngã chấp, nên sợ hãi trước cái chết. Vì mê luyến xác thân mà quên*

*đi ánh sáng diệu dụng của bản tính thanh tịnh. Mọi người khi nghe sắp mất cái ta thì choáng váng mặt mày, không tự chủ được.”*

**Trên Những Chặng Đường** ghi tiếp: “*Phải chăng đây là cái Ta Tiểu Ngã mà mọi loài chúng sinh đều sợ mất, luôn luôn muốn níu giữ? Tôi còn nhớ trong một buổi thuyết pháp tôi có kể cho thính chúng nghe chuyện một con mèo bị què chân lại mắc bệnh nữa. Người chủ nuôi thấy con mèo như thế thì thương quá, bèn nói với con mèo rằng: Con ơi, ta chẳng biết làm sao mang bệnh tật thay cho con được, hay là ta giết con đi cho mau thoát kiếp mèo mà hóa thành người cho sung sướng. Tôi nghĩ giá như con mèo ấy mà nghe và hiểu được lời người chủ nói, thì chắc chắn nó sẽ la lớn lên: Thôi thôi, cho em cứ tiếp tục làm mèo đi. Cả hội trường đều cười rộ lên vỗ tay. Mỗi người hiểu câu chuyện theo quan điểm riêng của mình.*

*“Tôi lại nghĩ: Bây giờ đến lượt mình. Đã đến nước này mà khi nghe sắp mất cái ta, một cái ta bị gông cùm xiềng xích, vừa đòi vừa rét, vừa bị hành hạ đủ mọi nhục hình, thế mà vẫn cứ nuối tiếc. Thật là một chuyện lạ! Tại sao ta không niệm Phật để cho tâm trí được thanh tịnh? Tại sao ta không cầu nguyện để có thể xả bỏ cái ta tội lỗi này để đi vào cái ta rộng lớn, đi vào Đại Ngã của chư Phật ở mười phương thế giới? Chỉ còn một thời gian ngắn nữa thôi. Ta cần hoan hỷ nhất tâm niệm Phật cầu xin được thoát khỏi báo thân này... Nhờ nghĩ vậy nên tôi có thể lắng tâm quán chiếu vạn pháp như huyễn.*

*“Tôi liền đứng dậy mạnh mẽ đào sâu thêm độ một tấc nữa. Tôi đào thật nhanh trong ý niệm “Dụ Tri Thời Chí”, biết trước cái gì sẽ đến. Sau khi đào sâu thêm một tấc, tôi cào vét đất dưới đáy huyệt sạch sẽ, rồi tôi lặng lẽ nằm xuống thử xem có vừa không, đồng thời để tu quán niệm oán thân bình đẳng, cầu cho những người bị bắt giam, bị nhục hình như tôi xả bỏ được ác niệm, xả bỏ oán thù, cho xã hội loài người giảm bớt nỗi oan khiên, khổ lụy...*

Hòa Thượng cảm thấy lòng mình thư thái. Hòa Thượng nhìn những người lính Pháp, lính Việt, từng hành hạ ngài trong những ngày qua với cặp mắt bao dung, độ lượng.

**Trên Những Chặng Đường** ghi tiếp:

“*Vừa lúc ấy thì tôi nghe có tiếng “sip lê” thổi rất gấp, rồi một người lính Pháp chạy vội vàng đến chỗ tôi đang đứng, đưa tay ra dấu bảo tôi lên khỏi hầm. Trời lạnh quá, tôi run cầm cập. Người lính Pháp thấy thế liền móc túi lấy ra một bao thuốc đưa cho tôi một điếu rồi quẹt diêm đưa cho tôi thắp và ra dấu bảo tôi hút. Tiếp theo là một người lính Việt Nam đến nắm tay tôi dắt vào một căn phòng có giường gối đàng hoàng. Vào phòng anh lấy một bộ áo quần cũn bảo tôi thay đi kéo lạnh. Tôi thay áo quần xong thì có một người lính Pháp mở cửa phòng bước vào, trên tay anh bưng ly sữa, vừa đi vừa cầm muỗng khuấy khuấy cho ly sữa mau nguội, rồi anh mỉm cười đưa ly sữa cho tôi và ra dấu bảo tôi uống. Uống xong ly sữa, tôi ngả người trên giường nằm ngủ mê man trong căn phòng xa lạ. Lúc tỉnh dậy mới rõ ràng là mình đang còn sống. Chuyện thật là như thế mà tôi cứ ngỡ như vừa trải qua một giấc mơ. Tôi thoảng nghĩ giả như mình được chết ngày hôm qua thì khỏe biết mấy. Giờ đây không biết đời mình rồi sẽ trôi nổi như thế nào. Tôi nằm mà mãi lo nghĩ vẫn vơ.*

“*Một người lính Việt Nam khác đến cạnh tôi, ân cần nói với tôi: Thầy ra xe con đưa thầy về chùa. Tôi nghe nói mà không dám tin vào lỗ tai của mình. Anh lính đưa tay dắt tôi vì lúc này tôi yếu lắm. Vừa mất ngủ, vừa thiếu ăn, vừa bị hành hạ đủ điều nên sức khỏe của tôi giảm sút rất nhiều. Anh lính lại ôn tồn hỏi: Thầy về chùa mô? Bây giờ tôi mới biết là mình thật sự được thả ra, nên tôi nói trong nỗi vui mừng: Anh cho tôi về chùa Tây Thiên.*

“*Chùa Linh Mụ tuy ở gần, chỉ cách chỗ tôi bị giam có hơn cây số, nhưng theo tôi biết thì lúc ấy chùa đã vắng như chùa Bà Đanh. Tăng chúng đã phiêu dạt chẳng còn ai... Do đó nên tôi mới xin về chùa Tây Thiên vẫn còn có quí Ôn, quí thầy.*

*“Chiếc xe hơi chở tôi chạy đến bến đò Kim Long chứ không qua sông được vì cầu Trường Tiền cũng như cầu Bạch Hổ đều bị sập. Xuống xe, tôi nói lời cảm ơn người tài xế rồi tôi qua đò Kim Long. Lên đò tôi lết bộ từ con đường Phường Đức cho đến hết con đường Nam Giao. Đi bộ mà lại phải đi chân không và chân đã bị lở loét nên rất đau rát. Hai tay thì thông xuống như gân sát đất vì hai bên hông bị sưng húp hai cục buốt rất đau đớn, cộng thêm sức khỏe bị giảm sút nên không đi thẳng được. “Vừa bước vào sân sau chùa, tôi mệt ngất người, đi loạng choạng như muối ngả...”*

Trong khi ấy chú Trí Không, một đệ tử của Hòa Thượng đang đứng nói chuyện ở sân sau, dưới cây thị rậm rạp với điệu Hòa, thì thấy có một ông già mang chiếc túi lá loạng quạng từ ngả sau chuồng bò đi vào. Chú túi gần xem thử người nào, thì thấy một người mặc quần đùi, mặt mày sưng bầm, nhìn kỹ thì đó là bồn sư của mình. Chú ôm lấy thầy, vừa ôm vừa khóc vừa bảo điệu Hòa báo tin cho Ôn Tây Thiên và quý thầy biết.

Ôn Tây Thiên, quý thầy, mọi người trong chùa hay tin chạy đến vây quanh Hòa Thượng, đỡ và dìu Hòa Thượng vào căn nhà của Hòa Thượng nằm gần cây thị. Mọi người đều chảy nước mắt.

Ngày hôm sau Hòa Thượng phát sốt nặng. Hai bên hông Hòa Thượng vẫn còn bầm. Má sưng lên vì một chiếc răng bị đánh gãy. Vành tai bên trái của Hòa Thượng bị sứt vì khi tra tấn họ đã dùng kẽm kẹp vành tai. Da đầu còn rỉ máu vì bị chúng đánh vào đầu. Ôn Tây Thiên thấy tình cảnh như vậy mới nói với quý thầy đưa Hòa Thượng về Bệnh Viện Trung Ương Huế để chữa trị. Hòa Thượng nằm tại bệnh viện được nửa tháng, trở về chùa tĩnh dưỡng một thời gian mới được bình phục.

Vừa bình phục, Hòa Thượng liền gọi chú Trí Không bảo lên Linh Mụ giúp thầy Phú (về sau là Hòa Thượng Đảnh Lễ 1918-1968 khai sơn chùa Phước Duyên, sau lưng chùa Linh Mụ và chùa Phước Hải tại làng Văn Xá, Hương Trà, Thừa Thiên) săn

sóc chùa. Cảnh chùa Linh Mụ lúc bấy giờ thật tiêu điều. Thầy Phú rất giỏi nghi lễ, biết phương pháp trị liệu tâm thần, giúp chữa những người quẫn trí, tâm thần không bình thường. Thầy có chú Trí Không lên, Thầy giao công việc cho Chú, ra phía sau chùa Linh Mụ lập một ngôi chùa nhỏ, dành thì giờ điều trị cho những người bị bệnh tâm thần.

Chú Trí Không một thân một mình vừa hai thời công phu, đánh chuông sáng chiêu, vừa lau dọn chùa, vừa làm cỏ ngoài vườn. Công việc đánh chuông phải đúng giờ giấc, nhất là chuông buổi sáng sớm lúc 4 giờ rưỡi. Dân chúng chung quanh chùa, ngay cả Long Thọ bên kia sông, nhờ nghe tiếng chuông chùa sáng sớm tinh sương họ thức giật lo cơm nước, chuẩn bị đi làm, đi buôn bán, ra ruộng vườn canh tác. Hai con đường bên chùa từ điện Quan Âm đến trước tháp mọc đầy cỏ cú. Làm cỏ vừa xong ở đoạn này thì cỏ đã mọc ở đoạn khác. Chú không biết làm gì hơn mà phải bưng từng viên gạch bát tràng từ điện Quan Âm trải dài dọc hai bên đường ra đến cổng Tam Quan, đến trước tháp.

Một hôm trời nóng nực, chú ở trần, mặc quần đùi ra vườn làm cỏ, bưng gạch. Chiều tối trở vào phòng thì thấy y hậu, áo quần bị mất hết. Vỏn vẹn trên người chú là chiếc quần đùi. Đêm hôm ấy và sáng sớm mai chú không dám vào trước bàn Phật tụng kinh, vì không có áo quần, y hậu, nhưng chú phải ra lầu chuông trước chùa đánh chuông. Chú quấn quanh người chiếc mền rách cho đỡ lạnh, lên trên lầu chuông, đánh chuông như thường lệ. Đánh chuông và ăn sáng xong, chú đi về chùa sư nữ, Ni Viện Diệu Đức, nhờ mấy huynh đệ: cô Thanh Quang, Diệu Lý, Diệu Bảo đệ tử của Hòa Thường, anh chị em đồng sư với chú, nhờ may áo quần. Tuy đã 16 tuổi, nhưng chú thật vô tư, không biết ngượng. Là một ông sư, giờ đây ở trần, mặc quần đùi, đi chân không đến chùa ni, xin may áo quần. Vậy mà chú cứ đến. Khi sư bà Viện Trưởng mời dùng cơm trưa, chú cũng tự nhiên thọ dụng. Không ngượng ngùng, mặc cờ.

Được các ni cô may áo quần cho, chú mặc vào cám ơn rồi trở về chùa. Kỷ niệm này suốt đời chú không làm sao quên được, dù ở đâu, nơi nào, làm gì.

Việc này đến tai Hòa Thượng. Hòa Thượng lên thăm, cười hoan hỷ. Không một lời bình phẩm, chỉ hỏi khi đi đường ở trấn vào buổi sáng có lạnh lắm không? Chỉ có thế, nhưng đã nói lên một cách đầy đủ tình thây trò, mà chú hăng ấp ủ cho đến ngày nay, cho đến khi chú về bên kia thế giới gặp lại bốn sư.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Từ khi tôi bị bắt cho đến khi tôi được thả về thời gian mất hơn một tháng. Hơn một tháng trời mà tôi thấy nó dài như cả mấy mươi năm. Cổ nhân dạy: “Nhất nhặt tại tù, thiên thu tại ngoại” nghiệm ra thì thật vô cùng chí lý.*”

Hòa Thượng được cứu sống chỉ trong gang tấc. Khi nghe Hòa Thượng bị bắt, quý Ôn, quý Thầy trong Sơn Môn nhờ sư bà Trừng Hảo Diệu Không, ông Tâm Huệ Tráng Định tìm cách cứu giúp. Hai vị này liên lạc với đức Từ Cung, thân mẫu của vua Bảo Đại. Đức Từ Cung gọi ông Tôn Thất Hối đến cung An Định bàn tính. Đức Từ Cung và ông Tôn Thất Hối liên lạc với Nam Phương Hoàng Hậu, vợ vua Bảo Đại. Hoàng hậu Nam Phương lập tức liên lạc với vị chỉ huy quân đội Pháp tại Huế. Nhờ vậy Hòa Thượng được trả tự do ngay, chỉ một gang tấc trước khi bị hành quyết tại huyệt do chính mình tự đào lấy.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Tôi nghĩ nếu ngày ấy không có quý Ôn, không có nhị vị ân nhân sốt sắng cầu cứu nhiều nơi để cứu tôi, thì ngày nay chắc chắn tôi chẳng còn được sống để tiếp tục việc tu hành như thế này nữa. Công ơn ấy là công “cải tử hoàn sinh” thực là to lớn, tôi không lúc nào không nhớ...*

“*Từ ngày tôi bị mật thám Pháp bắt cho đến nay (1968), thoát đã gần hai mươi năm. Hai mươi năm đã trôi qua mà tôi vẫn còn nhớ rõ tiếng “xíup lê” thổi để dục người lính Pháp chạy nhanh ra hầm đưa tay kéo tôi lên, rồi cho xe chở tôi về bến đò Kim Long...*

*“Bây giờ mỗi khi tiết trời thay đổi là lúc hai bàn tay và hai bàn chân tôi tê buốt và đau nhức, di chứng của những ngày bị bắt bớ, giam cầm, tra khảo.*

*“Từ đây tôi nguyên tập luyện cho quen với cái chết để rồi chết cũng tốt mà sống cũng tốt. Không có điều gì phải e sợ khi phải đối diện với tử thần.”*

Vào tháng 12 năm 1947 trên một chiến hạm Pháp ngoài hải phận Hải Phòng cựu hoàng Bảo Đại ký thỏa hợp với Pháp chấp nhận quyền tự trị của Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp. Tháng 6, chính phủ do tướng Nguyễn Văn Xuân ra đời. Năm 1949 cựu hoàng Bảo Đại tại điện Elysée ký hiệp định với chính phủ Pháp thừa nhận chủ quyền Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp.

Cuối năm 1949 quân đội Mao Trạch Đông toàn thắng, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được thành lập. Từ tháng 5 đến tháng 11, 1950 quân đội Việt Minh trong chiến dịch Việt Bắc đã làm chủ tình hình một số tỉnh lỵ miền bắc. Trận Điện Biên Phủ bắt đầu ngày 26 tháng 4 và quân Pháp thất trận tại Điện Biên Phủ ngày 20 tháng 7, năm 1954. Hiệp Định Genève được ký kết tạm thời chia đôi đất nước chờ ngày tổng tuyển cử dự trù vào mùa hè năm 1956.

Hoa Kỳ sau khi chiến tranh Triều Tiên kết thúc năm 1952, vào tháng 9 năm 1954, đứng ra thành lập tổ chức SEATO (South East Asia Treaty Organization), với mục đích chặn đứng sự bành trướng của Cộng Sản đến các nước Đông Nam Á sau khi Hiệp Định Genève được ký kết.

Khi đổ bộ lên Huế năm 1947, quân Pháp nhận thấy đa số dân chúng Huế không mấy thiện cảm đối với họ, đặc biệt là hàng tăng sĩ Phật Giáo, vì vậy họ cho thành lập một tổ chức Phật Giáo lấy tên là Phật Giáo Thuyền Lữ, với mục tiêu phân hóa hàng ngũ Phật Giáo và nếu có ai chống đối tổ chức ấy họ sẽ ra tay trừng trị. Hòa Thượng Đôn Hậu cùng chư Hòa Thượng lãnh đạo thảo luận vấn đề, đi đến quyết định là không để

mặc mưu kế hoạch của Pháp, không muốn nỗi da xáo thịt, không muốn gây hận thù chia rẽ, nên không những không chống đối tổ chức Phật Giáo mới do Pháp thành lập, mà đối với những vị lãnh đạo tổ chức Phật Giáo Thuyền Lữ không mấy may ác cảm. Nhờ vậy Phật Giáo Huế vượt qua cơn sóng gió lúc bấy giờ.

Mặc dầu bị mật thám Pháp bắt giam, hành hạ và định xử tử, Hòa Thượng vẫn không vì vậy mà có ác cảm với tổ chức Thuyền Lữ do Phòng Nhì Pháp lập ra, ngược lại Hòa Thượng chủ trương Phật Giáo không nên bôi mặt đá nhau, làm công cụ cho kế hoạch chia rẽ Phật Giáo của Pháp. Hơn nữa Hòa Thượng cũng không mấy may oán thù người Pháp, tuy là quân xâm lăng cũng là con người. Hòa Thượng nhớ rõ cảnh tượng một tên lính Pháp thấy Hòa Thượng rét run cầm cập đã cho Hòa Thượng điếu thuốc hút cho đỡ lạnh, đã bưng ly sữa cho Hòa Thượng uống... Họ vẫn có từ tâm của con người, chỉ cần có cơ hội thuận lợi thì từ tâm tự nhiên khai triển.

Từ năm 1948 đến năm 1954, sau khi thoát nạn, sau khi quân Pháp tái chiếm Việt Nam, mặc dầu công việc của Hội Phật Giáo Việt Nam rất đa đoan, sức khỏe không mấy dồi dào, Hòa Thượng vẫn nhận làm Giáo Thọ cho Phật Học Đường Báo Quốc và Ni Viện Diệu Đức Huế khai giảng ngày 18-3-1948. Năm 1949 Hòa Thượng làm Tuyên Luật Sư đại giới đàn Báo Quốc nơi đệ tử Thích Trí Không được Giáo Hội đặc cách cho phép thọ Tỳ Kheo Giới lúc mới hơn 19 tuổi. Năm 1950 Ngài làm Giáo Thọ Đại Giới Đàn Từ Hiếu và làm Yết Ma tại đại giới đàn Ấn Quang.

Vào dịp đệ thập bát chu niên của Hội Việt Nam Phật Học, Hòa Thượng đã đọc bài diễn văn nói lên lịch trình phát triển của Hội, tán dương công đức của Hòa Thượng Thập Tháp, quý vị sáng lập Hội, khai triển mục đích, tôn chỉ và hành hoạt của Hội. Hòa Thượng lưu ý đến tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ của Phật Giáo phải luôn luôn là ngọn hải đăng cho mọi sinh hoạt Phật Giáo.

**DIỄN VĂN**  
**của thầy Chánh Hội Trưởng, Tổng Trị Sự Hội Việt Nam**  
**Phật Học, đọc trong ngày kỷ niệm Đệ Thập Bát Chu**  
**Niên của Hội Việt Nam Phật Học.**  
(ngày 8-2, Phật lịch 2513, dương lịch 1950)

*Kính bạch:*

- Quý Ngài *Chứng Minh Đạo Sư, liệt vị Tôn Túc Sơn Môn Tăng Già*
- Thưa quý vị *Thiện Tri Thủ*
- Thưa *liệt vị đạo hữu Hội Việt Nam Phật Học*

*Chúng tôi rất vinh dự được cung tiếp quý Ngài, quý vị hoan hỷ quan lâm chứng minh buổi lễ kỷ niệm Đệ Thập Bát Chu Niên của Hội Việt Nam Phật Học hôm nay. Sự hiện diện cao quý của quý Ngài, quý vị làm cho buổi lễ thêm phần tôn nghiêm, trang trọng.*

*Chúng tôi xin thay mặt toàn thể Hội hữu kinh lời cảm tạ. Cũng như ở đây, trong giờ phút thuần thành này, khắp 17 Tỉnh Hội, 30 Chi Hội và ngót trên nghìn Khuôn Tịnh Độ của Hội Phật Học trong cõi Việt Nam, trước đài quang minh Phật Tổ, đồng đều trong một niềm, lễ Kỷ Niệm Đệ Thập Bát Chu Niên của Hội chúng tôi đang được cử hành.*

*Và cái lịch trình vể vang cũng như cái tôn chỉ đẹp đẽ của Hội, hôm nay lại có dịp làm tiếng hồng chung khua lên vang động trong muôn vạn lòng Phật Tử, để vui mừng đánh dấu 18 năm qua, cùng một dịp với ngày vía xuất gia của Phật.*

*Cách đây hơn hai nghìn năm, một vị hoàng tử đã xuất với lòng thương vô hạn, mạnh dạn từ giã những kho báu bèo mây, hướng về ánh sáng của các vì tinh tú, cương quyết ra đi để tìm chon lý cho nhân loại đau thương. Người xuất gia để thành công với Đạo Vô Thượng đang phổ cập khắp trần gian.*

*Cách đây 18 năm, năm vị Trưởng Lão Hòa Thượng và 17 vị cư*

*sĩ giữa đất thân kinh, không muốn cho đồng bào mình mê mờ vìi dập trong văn minh vật chất, bèn liên hiệp nhau lại, đínhng dậy lập một Hội tu và học theo đạo Phật, tức là Hội Việt Nam Phật Học chúng tôi bây giờ.*

*Chính nhờ ngài Hòa Thượng Tháp đã khai sáng cho quý vị nói trên trong việc tham học Phật Giáo trước ngày thành lập Hội. Danh sách của các vị sáng lập ấy đã đăng rõ trong bản Điều Lệ, Qui Tắc của Hội năm 1932.*

*Mục đích của Hội là truyền bá Phật Pháp một cách chơn chánh, cải tạo nhơn tâm, phong tục cho hợp với trào lưu tiến hóa, và cố phát huy cái chơn tinh thân Phật Giáo trong việc kiến thiết của một xã hội ngày mai.*

*Lúc thanh bình cũng như trong thời khói lửa, lối tổ chức của Hội khi nào cũng duy nhất với hệ thống và kỷ luật rõ ràng, mà Phật sự tiến hành vẫn biểu dương, phát triển trong cái tinh thân bình đẳng, đại đồng của Đạo.*

*Nhắm vào đích lợi tha và muốñ có đủ phương tiện dẫn tấn những kẻ hậu lai vào đường chánh tín, một trường Tăng học của Hội đã được lập ra năm 1935, lo đào tạo Tăng tài, phó thác dưới sự dắt dùn mẫn cán của thầy Đốc Giáo Trí Độ, để tiếp nối công hạnh của hai vị Đại Đức mà cái gương sáng và kỷ niệm đầy kính mến tiếc thương không bao giờ mờ phai trong khắp hàng hội hữu chúng ta: Đó là ngài Giác Tiên và thầy Mật Khế.*

*Cho đến năm 1945, vì tình thế bất thường của thời cuộc, lớp Tăng tài xứng đáng phải tản mác cùng Trung Nam Bắc và dẫu cho bởi họa chiến tranh mà sự mất còn phải có, ở nơi chân trời nào, những vị học tăng của Hội nói trên trong công việc hoằng pháp vẫn nhận lấy trách nhiệm nặng nề là dịch kinh, giảng pháp, mở lớp dạy tăng đồ, tự mình mở lối, khai đường cho các hàng tín đồ phát lòng chánh tín và thẳng bước theo con đường của chư Phật.*

Sau Đoàn Phật Học Đức Dục gồm có những thanh niên trí thức tổ chức năm 1941, Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Hóa Phổ hoạt động theo một chương trình giáo dục thích hợp với thiếu niên, thiếu nữ hiện thời.

Căn cứ trên giáo lý của đạo Phật, Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Hóa Phổ Trung Ương kỳ vọng xây dựng cho thiếu niên Phật Tử toàn quốc một nền giáo dục chung và phương pháp giáo dục ấy được đồng bào khắp nước để ý.

Là cơ quan hoằng pháp của Hội Việt Nam Phật Học ra đời từ năm từ năm 1934, Viên Âm Nguyệt San tục bản, vẫn là ánh sáng trí tuệ, lửa đuốc quang minh của chư Phật, cốt đem giáo pháp vô thượng của Như Lai truyền bá khắp nơi, để cho ai nấy đều hiểu Phật Pháp, để rõ lý đồng một bản thể chơn tâm thường trú, cải thiện đời sống của mọi người, một hạnh phúc chung dưới bóng Đấng Đại Từ, Đại Giác. Đó là một lợi khí về văn hóa đạo Phật, được khắp nước tán dương, cũng như những kinh sách khác của Hội xuất bản được người người ca ngợi.

Thưa quý Hội Hữu:

Nếu trong giờ phút này tại các chùa Hội Quán cũng như trong các giảng đường của các Tỉnh Hội và Chi Hội, lễ Đệ Thập Bát Chu Niên của Hội đang được cử hành trang nghiêm trọng thể thì chúng ta hãy cùng nhau hướng niệm đến liệt vị Tăng Già và Cư Sĩ chỉ biết lấy Phật Pháp làm chuẩn đích, đã chung vai, đấu cật lại với nhau, đã phấn đấu mọi trở lực khó khăn, không chuyền lay trong muôn vàn thử thách, để sáng lập lấy một cơ đồ làm phương tiện cho chúng ta tu học.

Công đức cao vời của các vị ấy làm cho chúng ta luôn luôn phải nghiêng mình thành kính và tự nhắc nhủ chúng ta phải có bốn phận thành công những công cuộc lợi sinh đang chờ đợi...

Hiện nay chúng ta đang ở trong cảnh lầm than đau khổ vì chúng ta còn chất chứa trong tâm những mê lầm ích kỷ, độc ác tham tàn, nhận giả làm chơn, bảo tà hư cho là chánh đáng.

Nói một cách khác vì chúng ta chưa thành khẩn một lòng tu học theo lời Phật dạy. Giai đoạn này chính là lúc hàng Phật tử chúng ta phải siêng năng học Phật, nêu cao gương sáng Từ Bi, Trí Tuệ của Phật để cứu mình, cứu người. Nêu cao gương sáng Từ Bi là y theo phương pháp Phật chỉ bày mà gọt rửa, rèn luyện tánh tình, không còn lưu lại một mầm mống độc ác tham tàn nào, từ một lời nói đến một việc làm đều chơn thật, từ hòa. Nêu cao gương sáng Trí Tuệ tất phải quan sát nhẫn chân lẽ vô thường chuyển biến của sự vật mà không bám víu, chấp trước, đam mê.

*Thư quý Hội Hữu:*

Đức Giáo Chủ của chúng ta là hiện thân của Từ Bi và Trí Tuệ. Là đệ tử của Ngài, chúng ta phải theo gương Ngài, lấy Trí Tuệ, Từ Bi làm nền tảng cho mọi hoạt động, cốt san bằng, lấp cạn núi sâu, biển lệ đang phô bày giữa cuộc đời ngang trái. Với người Phật Tử, thân thể, phú quý không mấy quan trọng khi thấu hiểu đạo lý vô thường, vô ngã, vô chúng sanh, vô thoả giả.

Bây giờ cũng như bao giờ, một lòng Từ Bi chẳng tính toán so đo, một Trí Tuệ sáng suốt không lúc nào voi, một Nhẫn Nại vững chắc không bao giờ rời rạc, vừa tự tại, vừa yên vui toàn thể Hội Hữu chúng ta, lớp nọ dồn lớp kia, y theo lời Phật dạy, nhắm đúng mục đích của Hội, săn sàng đương đầu, đối phó mọi thủ thách, chướng ngại, cùng nhau hoàn thành đại nguyện Lợi Lạc Hữu Tình.

Mỗi lần lễ kỷ niệm ngày thành lập Hội là dịp vui mừng thành quả, là cơ hội tri ân Phật Tổ, báo đáp công đức cao dày của các bậc tiền bối đã đặt tin tưởng vào chúng ta trong sứ mạng chấn hưng Phật Giáo ở xứ này, song song với công cuộc chấn hưng Phật Giáo khắp năm châu.

Một năm sau, trong dịp Đại Hội Thường Niên lần thứ 19 của Tổng Hội, Hòa Thượng đã đọc bài Diễn Văn Khai Mạc, nhắc lại quá trình phát triển, mục tiêu và triển vọng, thành quả và trở ngại đại ý như sau:

## DIỄN VĂN

của thầy Chánh Hội Trưởng Tống Trị Sự Hội Việt Nam Phật  
Học, đọc trong dịp Lễ Khai Mạc Tổng Hội Đồng Thường  
Niên thứ 19, tại Hội Quán chùa Từ Đàm.

*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*

*Kính bạch:*

- Quý Ngài Chứng Minh Đại Đạo Sư.
- Quý Ngài Đại Đức trong Sơn Môn.
- Quý Thầy Giảng Sư.

*Kính thưa:*

- Quý Vị Thiện Tri Thủc.
- Quý Vị Sáng Lập Hội Viên.
- Quý Vị Đại Biểu và Toàn Thể Hội Hữu.

*Bạch quý Ngài:*

Chúng tôi rất vinh dự được quý Ngài không quản tuổi già sút yếu quang lâm dự Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 19 của Tổng Hội. Chúng tôi lại vinh dự hơn nữa được quý Ngài mẫn cố dùu dắt chúng tôi trên đường tu đạo và hành đạo. Chúng tôi xin tri niệm ân đức bằng cách tinh tấn hành trì, tinh tấn phục vụ và nguyện cầu chư Phật gia hộ cho pháp thể quý Ngài hằng thanh tịnh để làm tiêu biểu cho nền đạo, để chúng tôi nhờ đó dễ dàng thực hiện nhiệm vụ của mình, để toàn thể Hội Hữu chúng tôi được nhuần Phap nhũ.

*Kính thưa quý vị Thiện Tri Thủc:*

Chúng tôi rất hân hạnh được tiếp quý vị dưới mái giảng đường này trong một bầu không khí thanh đạm. Sự hiện diện của quý vị làm cho Lễ Khai Mạc của Tổng Hội Đồng chúng tôi được thêm phần long trọng.

*Thưa quý Hội Hữu:*

Hội Việt Nam Phật Học thành lập đến nay đã 19 năm. Hội chúng ta trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai đều một

*đã trung thành với mục đích của Hội từ thuở thành lập là Học và Tu theo giáo pháp của đức Phật. Trải qua 19 năm tuy cục diện khác nhau, nước nhà nhuốm pha nhiều trạng thái, trải qua nhiều nỗi thăng trầm, nhưng đạo pháp vẫn như ngàn xưa, không thay đổi và mục đích Hội Việt Nam Phật Học dựa vào Phật Pháp cũng không đổi thay. Học và làm theo cái Trí Tuệ của Phật. Học và làm theo lòng Từ Bi của Phật. Học và làm theo cái Dũng Lực của Phật để độ mình, giúp người nên Phật Tử, Hội Hữu chúng ta chỉ biết tinh tiến tu hành để một ngày được gần thêm vị Đại Giác.*

*Tôn chỉ, mục đích của Hội chúng ta là như thế. Biết, Tin và Làm. Hội Hữu chúng ta người trước, kẻ sau, lớp này đến lớp khác, vượt qua mọi trở ngại tinh tiến hành trì. Thời gian qua đã chứng minh điều đó. Không nản chí, không chuyển lòng. Rất nhiều đạo hữu đã đặt lợi tha trên tự lợi làm gương sáng cho các bạn đồng hành.*

*Mười chín năm qua, noi dấu các bậc đàn anh, chúng ta tự mừng rằng đầu trong thời bình hay loạn, tinh thần tu học của Hội Viên Hội Việt Nam Phật Học nếu không tăng tiến thì ít ra cũng vẫn giữa được mức thăng bằng kiên cố.*

*Ngoài việc xuất bản báo chí, kinh sách làm phương tiện cho sự hoằng đạo, đem tín tâm của hàng Phật Tử trở về với chánh tín. Hội vẫn không hề ngừng hoặc chậm trễ công việc giáo dục con em hội viên và vẫn cố phát triển công tác cứu tế xã hội. Mọi thành quả đều nhờ Phật lực hộ佑, nhờ công đức hoằng hóa của quý Ngài Đại Đức, quý Thầy Giảng Sư và đạo tâm chính đáng, vững bền của hàng Hội Hữu.*

*Bạch quý Ngài, thưa quý vị Đại Biểu:*

*Trong năm qua, Phật sự tại các Tỉnh Hội, Chi Hội tiến triển khả quan. Riêng Chi Hội Di Linh tuy trước là Tỉnh Hội Đồng Nai Thương, nhưng khi tiến hành Phật sự, gặp nhiều trở lực, nên theo Nghị Định của Tổng Trị Sự tạm cải thành Chi Hội, thuộc Tỉnh Lâm Viên. Ngày nay Chi Hội ấy đã chỉnh đốn*

*lại nên Tổng Trị Sự đã đồng ý để Chi Hội Lâm Viên trở lại Tỉnh Hội Đồng Nai Thượng như trước.*

*Tỉnh Hội Khánh Hòa đương ở trong thời kỳ chỉnh đốn. Còn Tỉnh Hội Bình Thuận thì gần năm nay mất liên lạc. Gần đây Tổng Trị Sự đã cử một phái đoàn, đại diện Tổng Trị Sự đi các Tỉnh Hội, Chi Hội miền nam Trung Phần để chỉnh đốn công việc. Thầy Trí Quang sẽ thuyết trình với Đại Hội về tình hình Phật sự tại các Tỉnh Hội, Chi Hội này.*

*Riêng Ban Trị Sự Tổng Hội, trong năm qua, chắc gặp nhiều khuyết điểm. Kính mong quý Ngài, quý Đại Biểu nhậm định, phê phán.*

*Là Phật Tử chúng ta không có quyền thờ o trước sự hưng suy của Phật Giáo. Gặp khi hưng chúng ta vui mừng phất cao ngọn cờ hoằng hóa. Phải lúc suy, chúng ta kề vai, sát cánh, bình tĩnh, hy sinh nhiều hơn vào công cuộc chấn hưng.*

*Bạch quý Ngài, thưa quý Đạo Hữu:*

*Trước khi dứt lời chúng tôi xin sám hối những sai lầm trong khi thi hành Phật sự. Xin thành tâm cảm tạ sự hiện diện của quý vị, làm cho buổi lễ thêm phần long trọng. Xin hoan hỷ tán thành công đức Ban Trị Sự các Tỉnh Hội, Chi Hội, Khuôn Tịnh Độ đã sát cánh cùng Tổng Trị Sự chung lo Phật sự.*

Nhận thấy nhiều Phật sự cần được quan tâm, nhất là việc giáo dục Tăng Ni tại các Phật Học Viện, Hòa Thượng Đôn Hậu xin từ chức Hội Trưởng Tổng Trị Sự Hội Việt Nam Phật Học và mời cụ Lê Văn Định thay thế.

Ngày 6 đến ngày 9 tháng 5, 1951 Đại Hội 6 tập đoàn Phật Giáo gồm ba tổ chức Tăng Già, ba tổ chức cư sĩ Trung, Nam, Bắc họp tại chùa Từ Đàm thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Trong kỳ Đại Hội Tăng Già Trung Việt tổ chức tại chùa Linh Quang ngày 25 tháng 8-1951, Đại Hội suy cử Hòa Thượng Đôn Hậu làm Giám Luật Tăng Già Trung Việt. Ngày 7-9-1951



Hòa Thượng làm Tuyên Luật Sư tại Đại Giới Đàn Long Sơn, Nha Trang  
(Tiểu Sử, tr. 53)

Đại Hội Tăng Già Việt Nam họp tại chùa Quán Sứ Hà Nội suy cử Hòa Thượng làm Giám Luật Tăng Già Việt Nam.

Hòa Thượng luôn luôn quan tâm đến đời sống tu hành của Tăng Ni. Ngài thường chăm nom theo dõi, xem xét việc hành trì giới luật của Tăng Ni. Hòa Thượng thường khuyên giải: “Tôi không sợ ma quân nhiều hại Phật Pháp mà chỉ sợ Tăng Ni thiếu việc hành trì giới luật.” (Tiểu Sử Đức Đệ Tam Tăng Thống, Giáo Hội PGVNTN, Văn Phòng Viện Tăng Thống, tr. 15)

## PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO QUỐC TẾ

Vào giữa thế kỷ 20, một biến chuyển lớn xảy ra tại các quốc gia châu Á, đặc biệt các quốc gia Đông Nam Á. Suốt hơn 100 năm đến 400 năm qua, các quốc gia này như Tích Lan, Miến Điện, Ấn Độ, Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân, Việt Nam, Lào, Cao Mèn... bị các nước Âu Châu cai trị, nhưng sau Đệ Nhị Thế Chiến, những quốc gia này dần dần thâu hồi nên

độc lập, văn hồi nền văn hóa bấy lâu bị lấn áp, trong đó có văn hóa Phật Giáo.

Trên một nửa dân số thế giới theo Phật Giáo vào đầu thế kỷ 20, nhưng sau khi Trung Quốc nằm dưới quyền cai trị của Chính Quyền Nhân Dân Trung Hoa từ năm 1949, chỉ trên một phần năm dân số thế giới theo Phật Giáo, trong khi ảnh hưởng Phật Giáo tại các nước Âu Mỹ ngày càng tăng. Mặc dù vậy, Phật Giáo Nguyên Thủy, Đại Thừa, Kim Cang Thừa sau một thời gian khá lâu vì thiếu giao lưu, trường thành thiên kiến ngày càng cao, làm cho nền tảng Phật giáo bị lung lay, khiến ai quan tâm đến tiền đồ Phật Giáo đều muốn làm điều gì để thay đổi tình hình. Một trong những Phật tử quan tâm đến vấn đề này là giáo sư tiến sĩ Gubapala Piyasena Malalasekera.

Giáo sư Malalasekera sinh năm 1900 trong một gia đình Phật Giáo truyền thống tại Malamulla ở Panadura gần Colombo. Thân phụ là một học giả thông thạo tiếng Sanscrit, Pali, Sinhalese và giáo lý Phật, thường dẫn con thăm viếng các nhà sư Tích Lan, trong lúc nhà sư Migettuwatte Gunananda và Anagarika Dharmapala đang vận động phục hồi truyền thống văn hóa Tích Lan trước áp lực văn hóa Cơ Đốc và gánh nặng cai trị của đế quốc Anh. Nỗ lực vận động phục hưng văn hóa truyền thống quốc gia của những vị này đã có một ấn tượng mạnh làm thay đổi cuộc đời của chàng thanh niên Malalasekera. Thân phụ muốn ông trở thành một bác sĩ y khoa, nhưng sau khi phụ thân qua đời, ông đã bỏ ngành thuốc, học ngôn ngữ cổ điển Tây Phương và Đông Phương, đặc biệt tiếng Hy Lạp, La Tinh, Sanscrit và Pali. Năm 23 tuổi, sau khi đậu cử nhân văn chương với cấp ưu hạng, ông đã sang Anh học trường Đạo Học London, đậu Thạc Sĩ (MA) và Tiến Sĩ (Ph. D) cùng một lúc năm 1926. Năm 1927, lúc ông mới 27 tuổi, được mời dạy tại trường Đại Học Colombo. Năm 1938 ông đậu bằng Tiến Sĩ Văn Chương (D. Lit), được mời làm giáo sư và về sau làm khoa trưởng Khoa Á Đông Học tại trường Đại Học Tích Lan. Năm 1956 ông được chính phủ Tích Lan mời làm đại sứ tại

Liên Bang Soviet, Ba Lan, Lỗ Mã Ni, Tiệp Khắc, Anh Quốc, Canada. Từ năm 1959 đến năm 1967 ông được mời làm đại diện thường trực của chính phủ Tích Lan tại Liên Hiệp Quốc. Năm 1967 ông được chính phủ Tích Lan mời làm Chủ tịch Hội Đồng Giáo Dục Quốc Gia. Ông là tác giả của những bộ sách nổi tiếng như:

- *Pali Literature in Ceylon* (Văn Học Pali tại Tích Lan).
- *The Dictionary of Pali Proper Names* (Tự Điển Danh Nhân Học Giả Pali, gồm 2 tập, dày 2500 trang về văn minh và lịch sử Phật Giáo thế giới).
- *English - Sinhalese Dictionary* (Tự Điển Anh - Sinhalese).
- *The Buddhist Doctrine of Anatta* (Thuyết Vô Ngã của Phật Giáo).
- *The Truth of Anatta* (Chân lý Vô Ngã).
- *Aspects of Reality as Taught by Theravada Buddhism in Ceylon* (Đặc Tính Chân Lý trong Phật Giáo Theravada tại Tích Lan).
- *Buddhism in Ceylon* (Phật Giáo Tích Lan).
- *The Buddha and His Teachings* (Đức Phật và Phật Pháp).
- *Buddhism and the Race Questions* (Phật Giáo và các vấn đề sắc tộc).
- *Transference of Merit in Ceylon Buddhism* (Vấn Đề Truyền Thừa Công Đức trong Truyền Thống Phật Giáo Tích Lan).

Ngoài ra ông còn được chính phủ Tích Lan mời làm Chủ Biên bộ Phật Học Bách Khoa Đại Từ Điển (*The Encyclopaedia of Buddhism*) và ông đã hoạt động không ngừng trong nhiệm vụ này cho đến khi ông qua đời.

Qua nghiên cứu, học hỏi, giao tiếp, kinh nghiệm thâu hoạch được về hai truyền thống Phật Giáo Đại Thừa và Nguyên Thủy, giáo sư Malalasekera nhận thấy cả hai truyền thống đều có những điểm tương đồng căn bản, những dị biệt chỉ do phong tục, tập quán, văn hóa, lịch sử và kinh nghiệm hoằng truyền tạo nên và những dị biệt này làm cho nền văn hóa Phật Giáo thêm phong phú nếu có dịp trao đổi. Đại Hội Lần Thứ 28 của

Phật Giáo Tích Lan họp năm 1947 đồng thanh chấp thuận Nghị Quyết là Hội Phật Giáo Tích Lan phải bằng mọi cách vào năm 1950 tổ chức một Đại Hội Phật Giáo Quốc Tế, mời tất cả đại diện các nước Phật Giáo tham dự để cùng nhau họp bàn, trao đổi quan điểm, mang lại sự hòa đồng, an lạc giữa các nước Phật Giáo, hòng tiến tới một tổ chức Phật Giáo Thế Giới.

Chủ Tịch Hội Phật Giáo Tích Lan, giáo sư Malalasekera thi hành Nghị Quyết trên nên đã tổ chức một Đại Hội Phật Giáo Thế Giới tại thánh địa Kandy từ ngày 25 tháng 5 đến ngày 7 tháng 6, trong Hội Trường của Đền Thờ Ngọc Xá Lợi Phật với đại biểu của 30 nước tham dự. Ông C.B. Nugawela Dissawe, Thủ Quản Ngọc Xá Lợi Phật, đại diện phái đoàn Phật Giáo Tích Lan, đệ trình bản dự thảo Nghị Quyết Đại Hội với lời lẽ như sau:

*“Chúng tôi, đại diện cho các tổ chức Phật Giáo từ nhiều quốc gia, hiện diện trong tòa Đại Sảnh của Thánh Điện Thờ Xá Lợi Răng Phật tại Kandy, cố đô của các quốc vương Phật Giáo xưa Lanka, ngày hôm nay cùng thệ nguyện dốc toàn lực giữ gìn và thực hành giáo lý Phật, nguyện biểu dương Đức Tin sống động, nguyện xây dựng tình huynh đệ, đoàn kết, thống nhất toàn thể Phật Tử khắp nơi; nguyện tinh tấn dỗng mãnh loan truyền Chánh Pháp, hy sinh phục vụ quần sinh, đem lại hạnh phúc, an lành cho tất cả; nguyện thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc.*

*Để có thể thực hiện mục tiêu tối thượng ấy, chúng tôi cùng đồng lòng quyết tâm thành lập một tổ chức Phật Giáo lấy tên là Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới (The World Fellowship of Buddhists), các vị trưởng phái đoàn hiện diện có đủ quyền lực thi hành Nghị Quyết này.”*

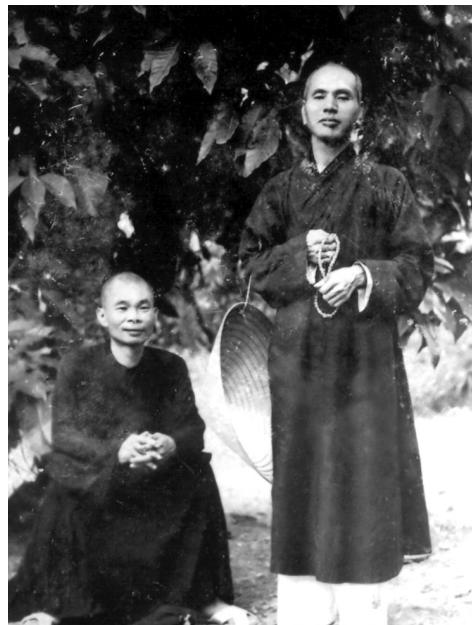
Đại Hội đồng ý thông qua quyết nghị. Hội Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới ra đời. Giáo sư Malalasekera, Chủ Tịch Hội Phật Giáo Tích Lan được mời làm Chủ Tịch Sáng Lập của Hội Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới. Cây cờ sáu màu do đại tá H.S. Olcott, người Hoa Kỳ đến Tích Lan năm 1880, giúp khởi xướng phong trào phục hưng Phật Giáo, thành lập nền tảng giáo dục Phật Giáo cho Tích Lan, đã thiết kế lá cờ Phật Giáo sáu màu, dưới sự hướng dẫn của đại sư Hikkaduve Sri Sumangala Thera được Đại Hội biểu quyết chấp thuận xem như lá cờ Phật Giáo Thế Giới và bánh xe chuyển pháp luân tám gọng cũng được Đại Hội biểu quyết xem như là huy hiệu chính thức của Hội Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới.

Hòa Thượng Tố Liên, đại diện cho Phật Giáo Việt Nam tham dự Đại Hội thành lập Hội Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới tại Kandy, Tích Lan năm 1950. Trong chuyến công du xúc tiến công tác Phật sự các thành viên Hội Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới, tiến sĩ Malalasekera đã đến Việt Nam, làm cho không khí chấn hưng Phật Giáo thêm phần phấn khởi, mở đầu cho sự liên hệ giữa Phật Giáo Việt Nam và các nước Phật Giáo khác trên thế giới.

Phật Giáo Việt Nam gửi tăng sinh ra nước ngoài du học. Ba tăng sinh đầu tiên được gửi ra nước ngoài du học là Sư Ông Phúc Tuệ, thầy Minh Châu và thầy Trí Không. Năm 1951, trong nỗ lực thống nhất Phật Giáo, đại diện sáu tập đoàn Tăng Già và Cư Sĩ của ba miền Bắc, Trung, Nam họp tại chùa Từ Đàm, Huế thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Năm 1952, phái đoàn Phật Giáo Tích Lan tham dự Đại Hội Phật Giáo Thế Giới lần thứ 2 tại Nhật Bản có mang theo ngọc xá lợi để tặng cho Phật Giáo Nhật Bản. Ngọc xá lợi được chuyên chở trên tàu La Marseillaise của hãng Maessageries Maritimes trên đường từ Colombo đến Tokyo ghé hải cảng Sài Gòn. Chủ tịch Hội Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới, tiến sĩ Malalasekera thông báo cho Hòa Thượng Tố Liên biết, Hòa Thượng ủy nhiệm Hội Phật Học Nam Việt, thành viên của Tổng Hội Phật Giáo Việt

Nam tổ chức lễ cung nghinh xá lợi. Số lượng người đến lễ bái xá lợi đặt tại Nhà Kiếng, nay là trụ sở Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam, theo ước tính của báo chí lúc bấy giờ, trên nửa triệu người trong tổng số dân chúng chưa được một triệu người, đến chiêm bái. Năm sau đại đức Narada, tọa chủ chùa Vajirarama tại Tích Lan đến Việt Nam hoằng hóa, mang theo xá lợi Phật và cây bồ đề tặng cho Phật Giáo Việt Nam. Một trong những ngọc xá lợi hiện này được thờ trong bảo tháp tại chùa Xá Lợi, cũng như một trong ba cây bồ đề được trồng tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn.

Ngôi Nhà Phật Giáo Việt Nam được sơn phết lại, được nới rộng hơn. Công tác trùng tu đang tiếp diễn thì hiệp định Genève chia đôi đất nước. Ngôi Nhà Phật Giáo Việt Nam cũng bị cắt làm hai!



Hòa Thượng Đôn Hậu (đứng) và Hòa Thượng Tố Liên (ngồi)  
(Ảnh chụp nhân dịp Hòa Thượng Đôn Hậu ra Hà Nội  
dự Đại Hội Tăng Già Việt Nam tại chùa Quán Sứ, Hà Nội năm 1951,  
Tiểu Sử, tr. 59)



## CHƯƠNG 11:

---

# TRONG LÒNG PHÁP NẠN (1963)

Đạo Dự 10 được tu chính bởi Dự số 24 ngày 19-11-1952 và dự số 7 ngày 3-4-1954 ấn định qui chế Hiệp Hội. Phật Giáo bị đàn áp nhiều nơi.

**Ngày 20-7-1954:** Hiệp Ước Genève được ký kết. Nước Việt Nam bị tạm thời chia đôi tại vĩ tuyến 17. Cầu Hiền Lương trên sông Bến Hải, Quảng Trị là ranh giới giữa hai miền Bắc Nam.

**Ngày 7-7-1954** trước khi Hội Đàm Genève kết thúc, cựu hoàng Bảo Đại chỉ định ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng, một tín đồ Cơ Đốc, như Tổng Thống Tôn Dật Tiên, Tổng Thống Tưởng Giới Thạch của Trung Quốc, Tổng Thống Lý Thừa Väng của Đại Hàn, nói lên ảnh hưởng lớn mạnh của Cơ Đốc Giáo tại các nước Á Châu.

**Ngày 8-11 tháng 10, 1954:** Quân đội Pháp bắt đầu triệt thoái khỏi Bắc Việt, giúp gần một triệu dân di cư từ bắc vào Nam, phần nhiều là tín đồ Thiên Chúa Giáo.

**Tháng 1, 1955:** Chính phủ Hoa Kỳ hứa tăng viện trợ quân sự cho chính phủ Việt Nam.

**Tháng 3, 1955:** Đụng độ giữa quân đội chính phủ và quân đội các giáo phái, các phe nhóm đối lập.

**Ngày 16 tháng 7, 1955:** Ngô Đình Diệm tuyên bố không tham gia tổ chức bầu cử theo Hiệp Định Genève qui định, vì chính phủ của ông không ký vào bản Hiệp Định ấy.

**Ngày 9-10-55:** Đại Hội Tăng Già Trung Việt kỳ III mời Hòa Thượng làm Giám Luật kiêm Nghi Lễ.

**Ngày 24 tháng 11, 1955:** Hòa Thượng được mời làm Chủ Nhiệm *Liên Hoa Văn Tập*.

**Ngày 26 tháng 10, 1955:** Ngô Đình Diệm cho tổ chức trưng cầu dân ý, truất phế Bảo Đại, thành lập nền Đệ Nhất Cộng Hòa mà ông là Tổng Thống.

**Ngày 28 tháng 4, 1956:** Quân đội Pháp hoàn toàn triệt thoái khỏi Việt Nam, phái bộ Cố Vấn Quân Sự Hoa Kỳ (USMAAG: US Military Assistance Advisory Group) thay thế quân Pháp huấn luyện quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

**Ngày 27 tháng 10 đến ngày 11 tháng 11, 1956:** Tháng 10 Hồ Chí Minh thú nhận sai lầm về chính sách cải cách điền địa tại Bắc Việt. Trong việc thi hành chính sách này, chính quyền Bắc Việt đã giết hại hơn 15,000 nông dân vô tội. Dân chúng đứng dậy phản đối bị đàn áp nặng nề.

**Năm 1957:** Trùng tu chùa Linh Mụ lần III.

**Từ năm 1957- đến 1959:** Chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp mọi thành phần đối lập, buộc tội cho họ là Cộng Sản hay thân cộng, đặc biệt là những phần tử trước đó theo kháng chiến chống Pháp, làm mất đi phần nào tính cách “chính nghĩa”. Chính phủ cũng đưa ra chính sách cải cách điền địa, nhưng thực sự chỉ giúp đỡ chủ điền và sung công đất đai của nông dân làm cho dân chúng bất mãn, chống đối. Chính phủ Hà Nội vào tháng 10, ra lệnh tổ chức kháng chiến chống chính quyền Ngô Đình Diệm tại đồng bằng Sông Cửu Long.

**Ngày 3 đến 19 tháng 5, 1957:** Trong chuyến công du Hoa Kỳ, Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói với Tổng Thống Eisenhower là cộng sản tại Nam Việt Nam đã bị hủy diệt. Tổng Thống Eisenhower cam kết với Tổng Thống Diệm sẽ tiếp tục yểm trợ.

**Ngày 30-3-1959:** Đại Hội Giáo Hội Tăng Già VN kỳ II họp tại chùa Án Quang, Hòa Thượng được mời làm Giám Luật.

**Từ 1959 đến 1962:** Hòa Thượng sáng tác nhiều tác phẩm.

**Năm 1959:** Cộng sản tăng cường hoạt động tại Nam Việt Nam. Tháng 5, Bắc Việt tổ chức Nhóm 559 chuyển cán bộ, quân đội, vũ khí vào Nam Việt Nam qua Đường Mòn Hồ Chí Minh. Tháng 7, Nhóm 959 tăng cường quân lực hoạt động tại Lào. Bắc Việt bắt đầu tăng cường không lực và hải quân. “Cố vấn” Hoa Kỳ bắt đầu hành quân với quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 8 tháng 7, 2 binh sĩ Hoa Kỳ đầu tiên bị tử nạn trong vụ pháo kích phi trường quân sự Biên Hòa.

**Ngày 11 và 12 tháng 11, 1960:** Đơn vị Nhảy Dù do đại tá Nguyễn Chánh thi cầm đầu đứng lên đảo chánh. Vì tin lời hứa hẹn cải tổ chính phủ, quân đảo chánh ngừng bắn, quân cứu viện từ Vùng IV Chiến Thuật có thì giờ đến cứu giá. Nguyễn Chánh Thi chạy sang Nam Vang lánh nạn.

**Ngày 20 tháng 12, 1960:** Hà Nội công bố việc thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam.

**Tháng 10, 1961:** Tổng Thống Ngô Đình Diệm tuyên bố tình trạng khẩn trương, có thẩm quyền bắt tất cả thành phần đối lập không cần xét xử.

**Ngày 8 tháng 2, 1962:** Bộ Chỉ Huy Viện Trợ Quân Sự Hoa Kỳ tại Việt Nam (MAGV: The US Military Assistance Command) được thành hình tại Sài Gòn vì Hoa Kỳ nhận thấy chiến tranh đến thời kỳ nghiêm trọng.

**Ngày 2 tháng 2, 1963:** Khoảng 300 quân cộng sản tấn công Ấp Bắc ở đồng bằng Sông Cửu Long, khoảng 2,500 binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa được pháo binh và trực thăng yểm trợ phản công, quân Việt Nam Cộng Hòa bị tử thương khoảng 160 người, 3 phi công Mỹ tử trận, phía Việt Cộng rút lui không bị tổn hại mấy, mở màn cho những cuộc tấn công của Việt Cộng sau này.

**Năm 1963:** Lễ Phật Đản năm 1963 và lệnh hạ cờ Phật Giáo.

\* Hòa Thượng nhận Giáo Chỉ của Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội PGVN ra Quảng Trị hướng dẫn vận động đấu tranh.

\* Trung tá Trương Khuê Quan và Thượng Tọa Đức Tâm thăm viếng Quảng Trị ngày 6-6-63 cho biết chính phủ sẽ gặp đại diện PG để giải quyết vấn đề.

**Ngày 7-6-63:** Tỉnh Trưởng Quảng Trị cho loa phóng thanh nói

Trung Tá Trương Khuê Quan chỉ đến thăm viếng với tư cách cá nhân

**Ngày 11-6-63:** Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại Sài Gòn.

**Ngày 16-6-63:** Bản Thông Cáo Chung được ký kết.

**Ngày 26-6-63:** Hòa Thượng Hội Chủ gửi thư cho TT Ngô Đình Diệm về việc chính phủ không thực thi Bản Thông Cáo Chung, Tổng Thống không trả lời thư.

**Đêm 20-8-1963:** Cảnh sát dã chiến tấn công chùa chiền khắp toàn quốc, bắt tăng ni Phật tử giam giữ, phản bội Thông Cáo Chung, vu khống Phật Giáo làm tay sai cho Cộng sản.

**Khoảng 12 giờ đêm rạng ngày 21-8-63:** Chùa Diệu Đế bị lực lượng quân đội, cảnh sát tấn công. Hòa Thượng Đôn Hậu, Trí Thủ, Mật Hiển, Mật Nguyên, Thiện Siêu, Thiện Minh, Chánh Trực bị bắt.

- \* Chính phủ thành lập Ủy Ban Phật Giáo Thuần Túy để chống lại Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo.
- \* Ủy Ban Phật Giáo Thuần Túy do Thượng Tọa Nhật Minh hướng dẫn viếng thăm Huế, Quảng Trị.
- \* Hòa Thượng tiếp phái đoàn Liên Hiệp Quốc.
- \* Ngày 1-11-63: Đảo chánh.
- \* Hòa Thượng cho quảng bá *Lời Kêu Gọi*, khuyên Phật Tử nêu cao đức Từ Bi, Hỷ Xả, tuyệt đối không hận thù, phát huy tinh thần khoan dung, từ hòa của người Phật tử chân chính.

\*

\* \* \*

Trước Cách Mạng Tháng Tám vài ngày, tư Sài Gòn ông Ngô Đình Diệm theo một toán quân Nhật ra Huế. Khi đến Tuy Hòa, quân Nhật bị các lực lượng cách mạng tấn công, Ngô đình Diệm bị bắt, được giải ra Bắc, bị giam tại Thái Nguyên cho đến tháng 6, 1946 thì được Việt Minh thả nhờ sự can thiệp của Giám Mục Lê Hữu Từ, cố vấn tôn giáo cho chính phủ Hồ Chí Minh. Ông trở về Huế sống với mẹ cho đến năm 1949 thì lên Đà Lạt ở với em là Ngô Đình Nhu, trong khi tại

Pháp, cựu hoàng Bảo Đại ký hiệp định với tổng thống Pháp Vincent Auriol thừa nhận quyền độc lập Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp.

Qua sự vận động của giám mục Ngô Đình Thục, tháng 8 năm 1950 ông Ngô Đình Diệm theo anh đi La Mã dự lễ năm Thánh, được Giáo Hoàng tiếp kiến, sau đó bay qua Hoa Kỳ, được hồng y Spellman và một số nhân viên cao cấp CIA ủng hộ. Người Mỹ tưởng họ đã tìm được một nhà lãnh đạo như Magsaysay của Phi Luật Tân. Mặc dầu ông được tô son là người chống Pháp, nhưng gia đình của ông từng phục vụ cho đế quốc Pháp. Ông Ngô Đình Khả, thân phụ của ông Diệm, từng làm thông dịch viên cho Pháp, được thăng cấp một cách mau chóng, trở thành quan đại thần trong triều Nguyễn dưới thời vua Thành Thái.

Ông Ngô Đình Diệm lúc đầu muốn đi tu, nhưng sau ghi tên vào Trường Hậu Bổ, học làm quan địa phương trong nền hành chánh Pháp. Sau khi tốt nghiệp, ông được bổ nhiệm làm Tri Huyễn, và giống như phụ thân, được thăng chức một cách nhanh chóng. Năm 1933 Pháp đề nghị triều đình Nguyễn mời ông làm Thượng Thư Bộ Lại. Ông làm một thời gian rồi từ chức vì những đề nghị cải tổ hành chánh của ông không được chấp thuận. Sau khi từ quan ông về sống trong gia đình tại Huế. Khi quân đội Nhật chiếm Việt Nam, ông hoạt động thân Nhật hy vọng được làm Thủ Tướng, nhưng vua Bảo Đại lại chọn ông Trần Trọng Kim.

Tháng 5, 1953 ông Ngô Đình Diệm từ Mỹ bay sang Pháp, rồi qua Bỉ trú ngụ tại một tu viện lớn. Tháng 5, 1954 ông trở lại Paris sống tại nhà ông Tôn Thất Cẩn. Tại đây với sự vận động của bào đệ Ngô Đình Luyện ông sinh hoạt với một số chính trị gia lưu vong. Qua sự can thiệp của người Mỹ, ngày 16-6-1954 ông được Quốc Trưởng Bảo Đại ủy nhiệm về làm Thủ Tướng ở Miền Nam, thay thế nội các Bửu Lộc vừa từ chức. Ông Ngô Đình Diệm trong nghi lễ quân thần, đã quì lạy nhận sắc chỉ.

Ngày 7-7-1954 nội các Ngô Đình Diệm ra mắt dân chúng tại Sài Gòn, gồm 14 nhân vật sáng giá. Một năm sau trong số 14 vị chỉ còn 2 vị là không chống đối ông Ngô Đình Diệm.

Ngày 30 tháng 6, ông Diệm ra Hà Nội thăm viếng đồng bào và quan sát tình hình miền Bắc, đồng thời thăm dò nhân sự hẫu thành lập nội các. Thành phố Hà Nội tràn đầy dân di cư, phần nhiều là tín đồ Thiên Chúa Giáo, tìm đường chạy vào Nam.

Được tin ông Diệm ra Hà Thành, trên một ngàn dân chúng do nhóm các ông Lê Quang Luật, Hoàng Bá Vinh, nhân sĩ Thiên Chúa Giáo tại Bắc Việt tổ chức, cầm quốc kỳ, trương biểu ngữ diễn hành trước dinh Thủ Hiến để chào mừng tân Thủ Tướng. Số người tham gia biểu tình mừng tân Thủ Tướng thật quá ít so với dân số Hà Nội, đặc biệt với dân tị nạn từ các tỉnh đến.

Trong khi đó từ tháng 6 năm 1954, trước khi Hiệp Định Genève được ký kết, trước khi ông Ngô Đình Diệm được bổ nhiệm làm Thủ Tướng, đại tá Edward G. Lansdale đã có mặt tại Việt Nam với một nhóm chuyên viên tình báo dọn đường cho ông Diệm về Việt Nam cai trị.

Vào mùa hè năm 1955 Ngô Đinh Diệm mở chiến dịch tổ cọng, từ 60,000 đến 80,000 người bị bắt, phần nhiều là những phần tử đối nghịch với Diệm. Một cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức. Bảo Đại mất ngôi vị Quốc Trưởng, Ngô Đinh Diệm lên làm Tổng Thống. Vị đại thần thề trung quân ái quốc đã đứng lên làm phản, thay đổi thể chế Quân Chủ Lập Hiến thành chế độ Cộng Hòa. Tuy mệnh danh là chế độ Cộng Hòa, nhưng những nghi lễ chào cờ, lại biến chế độ thành quân chủ. Tại Nhật Bản, khi quân đội Đồng Minh đến chiếm Nhật Bản sau Đệ Nhị Thế Chiến, bài hát tôn vinh Nhật Hoàng vạn tuế vạn vạn tuế không được hát sau khi chào quốc kỳ, thì tại Việt Nam trong chế độ Cộng Hòa, bài hát tôn vinh Ngô Tổng Thống muôn năm muôn năm lại được quân, cán, chính, học sinh hát sau bài hát quốc ca!

## HỘI PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT TẠI MIỀN BẮC (1958) VÀ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI MIỀN NAM (1964).

Sau Hiệp Định Genève, đất nước Việt Nam bị chia làm đôi tại vĩ tuyến 17, Ngôi Nhà Phật Giáo Việt Nam cũng bị chia làm đôi, chịu ảnh hưởng phong thổ của hai miền nên được sơn bằng những màu sắc khác nhau.

Tại miền Bắc, số lượng Tăng Ni xuống rất thấp vì đa số đã cởi cà sa khoác chiến bào, theo tiếng gọi của non sông. Số người xuất gia rất ít và đa số không được huấn luyện.. Trước nhu cầu cấp bách, nhiều khóa huấn luyện tăng ni ngắn hạn từ ba đến năm tháng được tổ chức để đào tạo giảng sư. Nỗ lực thống nhất Phật Giáo Miền Bắc được xúc tiến. Tháng 8 năm 1958 một Đại Hội Phật Giáo Thống Nhất được tổ chức, Hội Phật Giáo Thống Nhất được thành lập. Hòa Thượng Thích Trí Độ (1894-1979) được bầu làm Hội Trưởng, Hòa Thượng Thích Đức Nhuận (1897-1993) được bầu làm Phó Hội Trưởng, Hòa Thượng Thích Thế Long được bầu làm Phó Hội Trưởng kiêm Hội Trưởng Phật Giáo tỉnh Hà Nam. Những vị Hòa Thượng khác như Hòa Thượng Tuệ Tạng, Trí Hải, Tố Liên tuy có tham gia nhưng không giữ chức vụ gì vì tuổi già, sức yếu.

*“Ngô Đình Diệm lên chấp chính ngày 7-7-1954, hai tuần lễ trước khi Hiệp Định Genève được ký kết, chia đôi đất nước, mở đầu một cuộc di cư vĩ đại gần một triệu dân. Trong cuộc di cư này, tín đồ Thiên Chúa Giáo được mọi ưu đãi, trong khi Phật Giáo đồ chịu nhiều nỗi đắng cay.”*

*“Một khi đặt chân lên đến Miền Nam, trong sinh hoạt kinh tế và xã hội, Phật Giáo đồ cũng gặp nhiều cản trở, khó khăn trong các chương trình định điền, khu trù mệt bay quốc sách áp chiến lược của chính phủ. Muốn vượt qua các trở ngại ấy, chỉ có một giải pháp duy nhất: rửa tội theo Thiên Chúa Giáo.”* (Minh Không Vũ Văn Mẫu: *Sáu Tháng Pháp Nạn*, tr. 56).

*"Tôi vẫn còn nhớ như in một vài kỷ niệm về những chuyến Phật sự tôi được Phật Giáo Trung Phần phái đến điều tra tình hình sinh hoạt của các Phật tử các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi đến Phan Thiết và vùng cao nguyên Trung Phần.*

*"Hồi đó là năm 1957, phong trào dinh điền đang được xúc tiến mạnh. Theo như luật lệ qui định, dinh điền là một quốc sách tự nguyện. Muốn được nhận cho lên cao nguyên lập nghiệp thì đương sự phải là nghèo, không ruộng vườn nhà cửa. Thế nhưng khi thực hiện chính sách này thì những người nghèo xin đi không được, trái lại có những người không xin đi, không muốn đi nhưng vẫn bị khủng bố, bức ép ra đi. Đó là những Phật tử có nhà cửa, ruộng vườn, những Phật tử không chịu bỏ đạo để theo Ki Tô Giáo. Chương trình dinh điền đã bị lợi dụng như một công cụ để phát triển Ki Tô Giáo, đập tan tiềm lực Phật Giáo địa phương xa xôi... Trên khu dinh điền, họ chỉ được trồng một thứ cây là cây đay. Một người được phát hai lon tẩm gạo gạo lức một ngày. Ai chịu theo Ki Tô Giáo thì được phát ba lon gạo. Nhà nào có thiết bàn thờ Phật, thờ ông bà, đều bị đập phá đập đổ và cấm không được tái thiết.*

*"Trong một chuyến công tác, tôi được chỉ định vào phái đoàn lên cao nguyên thăm đồng bào Phật tử tại các khu dinh điền. Phái đoàn do Hòa Thượng Trí Thủ hướng dẫn và cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền phụ tá... Chỉ huy quân sự địa phương cao cấp thời đó chẳng ai khác hơn là tướng Tôn Thất Đính sau này... Sự thật bày ra trước mắt chúng tôi. Bàn thờ bị đập đổ, không được thiết tượng Phật, không được đốt hương, không được tụng kinh. Có một gia đình hai vợ chồng và năm người con mời phái đoàn vào nhà, đóng cửa lại, rồi chỉ nhăn hiệu bao hương có bình Phật Bà Quan Âm dán noi cột nhà làm bàn thờ. Đêm đến cả nhà xúm quanh cột nhà niệm Nam Mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ Tát. Cụ Mai Thọ Truyền đã không cầm được nước mắt. Thấy một người khô*

*khan nghiêm nghị như cũ Truyền mà cũng phải động lòng nên cả phái đoàn đều khóc theo..." Sa Môn Thích Mẫn Giác: *Bão Qua Cổng Chùa*, 1991. Trần Văn Kha & Trần Thiên Thanh: *Yoga, Tập II*, tr. 964-965)*

*"Những ngày lễ của Thiên Chúa Giáo như Lễ Phục Sinh, Lễ Thăng Thiên, Lễ Giáng Sinh... được coi như là những ngày lễ chính thức như trong thời Pháp thuộc. Trái lại các ngày lễ của Phật Giáo thì không được chú trọng. Trong các ngày lễ của Thiên Chúa Giáo, Tổng Thống đi dự lễ tại giáo đường Sài Gòn không phải với một tư cách cá nhân, mà với danh nghĩa của một vị nguyên thủ quốc gia, tiền bô hậu ứng, có đủ quân hộ vệ mặc lễ phục đi xe mô tô kèm theo... Người ta có cảm tưởng Thiên Chúa Giáo là một tôn giáo của chính phủ và quân đội đã xây dựng khán đài duyệt binh trong ngày Quốc Khánh".* (Minh Không Vũ Văn Mẫu: *Sáu Tháng Pháp Nạn*, tr. 44).

Tại miền Nam sau khi diệt trừ quân đội Bình Xuyên, quân đội các giáo phái, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm hứa khoan hồng đối với những người chống đối nhưng sau khi họ buông súng đầu hàng thì họ bị đưa ra pháp trường. Sau khi quyền lực được củng cố, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cho tổ chức trưng cầu dân ý, truất phế Bảo Đại. Trong cuộc trưng cầu dân ý tại Sài Gòn số phiếu ủng hộ Thủ Tướng nhiều hơn số cử tri. Thủ Tướng được 605,000 trong khi số cử tri tại Sài Gòn chỉ 450,000 người.

Hiến Pháp của nền Đệ Nhất Cộng Hòa do chuyên viên Johnny Orendine người Phi Luật Tân và luật sư Việt Nam soạn thảo thiết lập phân quyền Lập Pháp, Hành Pháp, Tư Pháp, không được Tổng Thống Ngô Đình Diệm chấp thuận, ngược lại ông chủ trương Lập Pháp, Tư Pháp chỉ là bộ phận của Hành Pháp. Không những thế, Hiến Pháp còn muốn Việt Nam trở thành nước chúa. Trong phần Mở Đầu của Hiến Pháp năm 1956 có đoạn viết: "Ý thức rằng nước ta ở trên con đường giao thông và di dân quốc tế, dân tộc ta sẵn sàng tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ để hoàn thành sứ mệnh trước Đấng Tạo Hóa và

*trước nhân loại là xây dựng một nền văn minh nhân bản và phát triển con người toàn diện.”* Đoạn văn này tạo cho Thiên Chúa Giáo một địa vị đặc biệt tại Việt Nam và mục đích của Hiến Pháp là nhắm hoàn thành sứ mạng trước Chúa, Đấng Tạo Hóa dựng ra trời đất vạn vật theo Thánh Kinh của Thiên Chúa Giáo.

Ông Ngô Đình Diệm khi nhận lệnh của cựu hoàng Bảo Đại về nước chấp chính năm 1954, ông thừa hưởng một gia tài không mấy sáng chói. Miền Nam Việt Nam do Pháp để lại, sau những năm tháng liên tiếp từ 1945 cho đến 1954 dưới quyền của những chính phủ chịu ảnh hưởng nặng nề của Pháp. Thủ tướng Xuân nói tiếng Việt Nam không thành thạo, không cùng nhịp thở với dân, với đại đa số quân chúng Việt Nam. Hình ảnh những người lính Pháp về thôn quê bỗn ráp hãy còn rõ ràng trong tâm trí họ và những người lính này giúp chính quyền mới chở hàng nghìn hàng vạn dân di cư từ Bắc vào Nam. Danh từ “chính nghĩa” tuy có vẻ mơ hồ nhưng không thấy hòa quyện trong không khí chính quyền miền nam, nhất là sau những chiến dịch tiêu diệt cựu chiến sĩ kháng chiến chống Pháp. Chính quyền mới chỉ dựa vào thành phần thiểu số, với quá trình tiếp tay với Pháp khi Pháp trở lại Việt Nam sau Đệ Nhị Thế Chiến, nên đối với họ không có giây liên hệ khắng khít, mật thiết.

Họ thấy Cố vấn Ngô Đình Nhu, chiến lược gia của nền Đệ Nhất Cộng Hòa xây dựng chế độ theo mô hình cộng sản. Cộng Sản lấy chủ nghĩa Mác Lê làm nền tảng, Đệ Nhì Cộng Hòa lấy chủ thuyết Nhân Vị rút từ tư tưởng của nhà triết học Pháp Emmanuel Mounier xa lạ. Cộng Sản lấy đảng cộng sản làm nòng cốt, Đệ Nhì Cộng Hòa lấy Cần Lao Nhân Vị và đồng bào di cư Công Giáo. Cộng sản hát bài *Ai Yêu Bác Hồ Chí Minh Hơn Thiếu Niên Nhì Đồng*, thì Đệ Nhì Cộng Hòa có *Toàn dân Việt Nam Nhớ Ông Tổng Thống*, cộng sản có Soviet Nghệ Tĩnh, thì Đệ Nhì Cộng Hòa có Khu Trù Mật, Khu Dinh Điền, Ấp Chiến Lược, lấy từ Kibbutz của Do Thái và Strategic Hamlet Programme của Thomas được áp dụng tại Mã Lai Á. Cộng Sản có đảng trị thì Đệ Nhì Cộng Hòa có gia đình trị.

Cộng sản được Stalin, Mao Trạch Đông yểm trợ, thì Đệ Nhất Cộng Hòa có Eisenhower và v.v... Có điều là ngay những người Công Giáo Bắc di cư chống cộng hết mình cũng chẳng hiểu thuyết Cần Lao Nhân Vị là cái gì. Dầu sao đi nữa, thẻ đảng Cần Lao Nhân Vị là phương tiện thăng quan tiến chức. Mục tiêu của Đảng dần dần không phải để tiêu diệt Cộng Sản - vì rất khó khăn đòi hỏi nhiều công sức, nhiệt tâm-, mà để tiêu diệt những đảng phái, phe nhóm quốc gia có khả năng chống lại chế độ. Ngay cả Lansdale, người có công giúp Tổng Thống Magsaysay của Phi Luật Tân, người ra sức xây đắp nền tảng cho Ngô Triệu cũng tiên đoán không sớm thì muộn Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu sẽ biến Việt Nam thành một nước cảnh sát trị. (George Kahin: *Intervention*, tr. 97)

Chủ nghĩa Nhân Vị của Đảng Cần Lao với Trung Tâm Huấn Luyện tại Vĩnh Long dành cho các viên chức cao cấp chính phủ, cũng như Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, Thanh Niên Cộng Hòa, Liên Đới Phụ Nữ, Khu Trù Mật, Khu Dinh Đìền, Áp Chiến Lược đã được sử dụng để bắt dân cải đạo. Vào đầu năm 1963 hầu hết các Tỉnh Trưởng được bổ nhiệm tại miền Nam đều là thuộc hạ của Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục hay của cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu hoặc của Ngô Đình Cẩn, cố vấn chỉ đạo các đoàn thể chính trị tại Trung Việt, Cao Nguyên và Hải ngoại. Ngay cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, cố Thủ Tướng Nguyễn Bá Cẩn cũng là những tín đồ Công Giáo tân tòng.

Ngôi Nhà Phật Giáo Việt Nam dưới chính quyền Ngô Đình Diệm gặp nhiều trở ngại trong công tác trùng tu:

Mặc dầu Quốc Trưởng Bảo Đại bị truất phế năm 1955 nhưng Đạo Dụ số 10 do ông ký ngày 6-8-1950 vẫn được chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành. Đạo Dụ này xem Phật Giáo như là một hiệp hội không khác Hội đá banh, trong khi Giáo Hội Công Giáo không nằm trong Đạo Dụ này. Phật Giáo nhiều lần bày tỏ nguyện vọng mong Đạo Dụ này được hủy bỏ nhưng không được đáp ứng.

Tăng Ni bị hạn chế hoạt động Phật sự tại địa phương. Nhiều Phật tử bị bắt, bị ép cải đạo. Nhiều gia đình Phật tử ở vùng Dinh Điene, khu Trù Mật không dám thờ Phật ở giữa nhà, không dám đánh chuông đánh mõ khi tụng kinh. Nhiều Phật tử, nhất là Phật tử có máu mặt, bị vu khống là thiên cọng hay theo cọng, nhưng nếu rửa tội thì được tha!

Trong thời điểm này Hòa Thượng Đôn Hậu thường đến các tỉnh Miền Trung tìm hiểu tình hình, viếng thăm chư tôn thiền đức, thăm và đánh lễ bảo tháp Quốc Sư Phước Huệ, tổ đình Thập Tháp, nơi Hòa Thượng được quốc sư cưu mang dạy dỗ từ năm 1927 đến 1932.

Ngoài việc giáo dục Tăng Ni tại các Phật Học Viện, Hòa Thượng Đôn Hậu đã cùng Thượng Tọa Đức Tâm và một số cư sĩ nòng cốt đứng ra thành lập *Liên Hoa Văn Tập* làm cơ quan văn hóa Phật Giáo mang bản sắc dân tộc trong nhiệm vụ hoằng dương Phật Pháp và hướng dẫn Phật Tử trong nhiệm vụ hộ Đạo, hộ Đời.

Trong bài *Định Hướng* đăng ở số 2 tháng 2 năm Bính Thân, tháng 3, 1956 của tạp chí *Liên Hoa*, Hòa Thượng khai triển vị trí của con người trong xã hội và vai trò của Phật Giáo đối với con người ấy. Và vai trò ấy là cải tạo, là chuyển hóa: bỏ mê mờ, giận dữ, tham lam. Trau dồi trí tuệ, rèn luyện ý chí để sống một đời sống lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.



Hòa Thượng chiêm bái  
bảo tháp tổ Phước Huệ  
tháng Hai năm Bính Thân, 1956  
(Tiểu Sử, tr. 49)

## ĐỊNH HƯỚNG

Với con người, Phật Giáo quan niệm là trung tâm điểm của xã hội. Tất cả đều phụ thuộc. Nói rõ hơn là xã hội tốt hay xấu đều do con người mà ra cả, cho nên muốn cải tạo xã hội phải cải tạo con người trước đã.

Con người được cải tạo, tất cả cái gì chung quanh con người đều trở nên thiện mỹ. Con người ở đây là con người của thế giới ô trược, ngang trái này, chứ không phải con người ở một thế giới nào xa lạ.

Con người phải được cải tạo và cải tạo theo Chánh Pháp. Đức Phật ra đời vì mục đích ấy. Ngài đã dạy rõ ràng trong Kinh Vô Thường: “Nếu chúng sanh không đau khổ, cuộc đời không tang thương, đen tối, thì Như Lai chẳng ra đời làm gì!” và câu nói thứ hai trong Kinh Pháp Hoa. Ngài dạy: “Như Lai ra đời là vì đại sự. Đại sự ấy là làm cho chúng sanh thể nhập được tri giác của Đấng Giác Ngộ.”

Đức Phật đã thế, thì những người gánh vác cái sứ mạng của Ngài cũng phải quan niệm minh xác công việc của mình là kiến tạo Cực Lạc ngay ở Ta Bà và làm tròn bổn phận cho đến khi không còn một chúng sinh nào mê mờ, đau khổ, như đức Địa Tạng đã nói: “Tôi thề không chứng đạo Bồ Đề khi độ chúng sanh chưa hết và chưa thành Phật khi khổ ở địa ngục bãy còn...”

Người Phật Tử phải biết khổ cái khổ của chúng sanh và chỉ được vui khi chúng sanh vui. Hãy nghe lời của cư sĩ Tịnh Danh Duy Ma Cật trả lời với đức Văn Thù: “Bệnh tôi phát sanh là vì chúng sanh đau và bệnh tôi sẽ lành khi chúng sanh được bình phục.”

*Phật tử là những người học theo tinh hạnh của Phật thì lại không xa rời, ly khai chúng sanh mà phải gần rời, lẩn lộn trong cuộc sống của chúng sanh để cải tạo, hướng dẫn họ quay về Chánh Đạo. Phật Pháp ở giữa thế gian và phải nhận rõ rằng không thể tìm sự giác ngộ ngoài thế gian. Nếu tìm sự giác ngộ ngoài thế gian thì chẳng khác nào bắt thỏ tìm sừng (Kinh Pháp Bảo Đàn).*

*Căn cứ vào những điểm đã trình bày trên, chúng ta thấy bao giờ cũng như bao giờ, Phật Giáo vẫn chủ trương:*

- Giáo dục cho con người biết cải tạo. Bỏ những gì mê mờ, giận dữ và tham lam. Biết chuyển hướng tình thương, trau dồi Trí Tuệ, rèn luyện ý chí để sống một đời sống ích lợi cho bản thân, gia đình và xã hội.*
- Đào tạo cho những người có sứ mạng trong công việc phục vụ chúng sanh có một ý chí vĩ đại, kiên cố, khả năng đầy đủ, tinh thần vị tha, biết thiết thực và sáng suốt trong công việc chuyển hóa mọi người.*

*Ấy cũng là mục tiêu của Liên Hoa, cơ quan hoằng pháp của Giáo Hội Tăng Già đang nhắm đến và tiến theo.*

*Chủ nhiệm Liên Hoa Văn Tập  
Hòa Thượng Thích Đôn Hậu*

Năm 1957 chính quyền ra lệnh bãi bỏ ngày Phật Đản ra khỏi ngày lễ chính thức trong năm, sau nhờ Tổng Hội Phật Giáo vận động, kêu gọi mới được phục hồi vào năm 1958, trong khi đó những ngày lễ của Thiên Chúa giáo như Lễ Phục Sinh, lễ Thăng Thiên, lễ Giáng Sinh... đều được xem như những ngày lễ chính thức giống trong thời kỳ Pháp thuộc. Không những

thế trong các ngày lễ của Thiên Chúa Giáo, Tổng Thống đi dự lễ tại giáo đường Sài Gòn không phải với tư cách cá nhân mà với tư cách Tổng Thống, có quân hộ vệ mặc lê phục đi mô tô kèm theo. Trong các lễ có rước kiệu. Bình chủng công binh phải lập các khán đài danh dự. Người ta có cảm tưởng Thiên Chúa Giáo là quốc giáo, quân đội xây dựng khán đài rước kiệu như xây dựng khán đài duyệt binh ngày Quốc Khánh.

Hòa Thượng Đôn Hậu trong công tác hoằng truyền thường tự kiểm điểm xem mình đã hoạt động như thế nào, ưu khuyết điểm ra làm sao. Hòa Thượng đã áp dụng phương thức ấy khi làm Chủ Nhiệm *Văn Tập Liên Hoa*, và đã trình bày trong bài *Kiểm Điểm*, đăng trong *Liên Hoa Nguyệt San* số 1, tháng Giêng năm Mậu Tuất, tháng 2-1958



Thầy Chơn Trí và soạn giả - năm 2009 trước chùa Phước Điền, Huế

## **KIỂM ĐIỂM**

“Ôn cố tri tân”.

Một năm nữa lại qua. Liên Hoa dừng chân lại nhìn tổng quát những thành quả đã đạt được trên đoạn đường đã qua, để vạch đường cho năm mới.

Một thành quả quan trọng nhất là mối tình giữa Liên Hoa và độc giả càng thêm gắn bó cả hai chiều sâu và rộng.

Thật vậy, số độc giả càng ngày càng tăng, thư từ gửi về tòa soạn Liên Hoa của nhiều tầng lớp dân chúng càng ngày càng nhiều. Trong những thư từ ấy khen có, chê có... Dù sao đi nữa Liên Hoa cũng xin ghi nhận và tỏ lòng biết ơn chân thành những vị đã lưu tâm đến Liên Hoa.

Phật pháp là nhu cầu của mọi người. Cuộc sinh hoạt vật chất dù có cấp thiết đến đâu cũng không khỏi gây trong lòng người một sự chán ngán, ê ẩm. Dù có miệt mài truy hoan đến thế nào chăng nữa, con người cũng không khỏi bàng hoàng suy gẫm về cuộc sinh hoạt của người và của mình, để rồi: “Giật mình, mình lại thương mình xót xa.”

Ai lại không mong cầu một sự an lạc giải thoát, một phút yên lặng trong tâm tư. Thủ hỏi người ta còn tìm đâu hơn ngoài Phật Pháp?

Liên Hoa cung cấp nhu cầu ấy. Tờ Liên Hoa không trình bày những nghĩa lý quá cao sâu, những áng văn quá hoa mỹ. Vì nó là tờ báo của đại chúng, của những người mới biết đạo, hoặc bắt đầu vào đạo. Giáo lý trong đó có tính cách phổ thông. Nó là tờ báo khai tâm. Nó không

*phải của những nhà học Phật chuyên môn. Nó chỉ thỏa mãn được phần nào khát vọng của những người mà vì sự sống hàng ngày không có thì giờ chuyên môn nghiên cứu đạo Phật. Hơn nữa nó chỉ nhắm vào những điều mà mọi người đều có thể thực hiện trong đời sống hàng ngày. Đối tượng của nó là thế, nhưng nó vẫn giải quyết được bế tắc của một số đông người trong sự sinh hoạt đầy khuyết điểm hiện tại.*

*Tờ Liên Hoa đã gây nên một tiếng vang đáng kể. Đối với độc giả trong đạo, Liên Hoa đã giúp cho họ bồi bổ kiến thức về Phật Giáo, để rồi một ngày kia thiện duyên đầy đủ họ sẽ bước vào đạo.*

*Tuy thế, Liên Hoa tự nhận, ngoài những ưu điểm trên còn nhiều khuyết điểm đáng bổ cứu và còn nhiều điểm đáng nói nhưng chưa nói được. Hoài bão của Liên Hoa: “Nhật niên chi kế tại Ư Xuân”. Ngày Xuân không phải chỉ là ngày hưởng lạc, mà trong ngày Xuân chúng ta cần phải vạch một chương trình hành động mới mẻ cho một năm.*

*Vì thế qua năm này, chúng tôi nguyện cố gắng cải tiến Liên Hoa cho thêm hoàn hảo, gọi là đáp lại thịnh tình của quý độc giả, cũng như để hoàn thành sứ mạng mình trong muôn một. Cũng từ số này chúng tôi xin đổi hai chữ Văn Tập thành chữ Nguyệt San cho nó có tính cách thường xuyên hơn.*

*Trong mong quý vị hãy tích cực hợp tác cùng chúng tôi để xây dựng một “Mùa Xuân Bất Diệt.”*

*Chủ nhiệm Liên Hoa Nguyệt San  
**Hòa thượng Thích Đôn Hậu***

Phật Giáo có khi phải gặp những chuyện bất ngờ. Thầy Chơn Trí, tọa chủ chùa Phước Điền, Huế kể chuyện: Năm 1960-1961 trong mùa An Cư Kiết Hạ tại chùa Báo Quốc, chúng tôi sau giờ Tịnh Độ vào khoảng 9 giờ tối, đang đứng ngoài sân chùa, thì nghe loa từ Phú Cam phóng ra, trong đó linh mục Vàng, địa phận Đà Nẵng, trên chuyến viếng thăm Huế, dỗng đặc nói với giáo dân: Tất cả con chiên nghe đây: Chúng ta bấy lâu chịu đau buồn nhìn thấy sự khổ đau của Đức Mẹ kéo dài từ thế kỷ này sang thế kỷ khác. Đức Mẹ khổ đau vì thấy ngôi nhà của Đức Mẹ bị người ta chiếm đoạt. Đau buồn vì thấy nơi Đức Mẹ xuất hiện bị người ta cưỡng đoạt. Đức Mẹ người đời



Thầy Trí Tựu, trú trì chùa Linh Mụ và soạn giả (thứ hai từ trái) đứng cạnh  
thầy Trí Tựu trong buổi lễ nhập tháp của Thầy Giới Hương,  
trú trì chùa Diệu Đế

gọi là Thiên Mụ. Thiên là gì? là Trời. Mụ là gì? Là Đức Mẹ. Thiên Mụ là Đức Mẹ, là nơi Đức Mẹ giáng trần. Thế mà người ta dựa vào thế này, thế khác, dựa vào Nam Triều, biến nơi ấy làm Chùa Linh Mụ. Chúng ta phải làm gì đây để có thể chấm dứt sự khổ đau của Đức Mẹ?

Chúng ta không thể để cho Đức Mẹ chịu khổ dài dài. Chúng ta phải lấy lại. Không những linh mục Vàng muốn cổ võ giáo dân tiến chiếm chùa Linh Mụ mà cũng muốn lấy luôn quốc tự Túy Vân, chiếm luôn Ngũ Hoành Sơn tại Đà Nẵng. Linh mục muốn xây dựng thánh tích Thiên Chúa tại chùa Túy Vân, tại Ngũ Hoành Sơn.

Thầy Chơn Trí cho biết Linh mục Vàng cho người chở vật liệu đến chùa Túy Vân định thực hiện việc xây cất thánh tích. Giáo Hội Tăng Già Thừa Thiên cử Hòa Thượng Trúc Lâm và thầy Chơn Trí về Túy Vân gặp đại úy quận trưởng Tôn Thất Chi, gặp một số Phật tử trong quận yêu cầu bảo vệ chùa Túy Vân... Thầy Chơn Trí cho biết trong gia đình cụ Diệm ý kiến không thống nhất về việc này, về việc tiến chiếm chùa Linh Mụ, Túy Vân, Ngũ Hoành Sơn.

Linh mục Vàng đến chùa Từ Đàm muốn gặp quý thầy về vấn đề chùa Linh Mụ v.v... Nhưng không gặp ai cả. Sau đó ông đến Chùa Báo Quốc gặp Hòa Thượng Trí Thủ và thầy Chơn Trí đang đứng trước sân chùa. Linh mục hỏi: Quý thầy có phải là các nhà lãnh đạo Phật Giáo không?

Hòa Thượng Trí Thủ hỏi:

- Linh mục muốn gặp quý vị lãnh đạo Phật Giáo có việc gì cần?
- Để nói về chuyện chùa Thiên Mụ, chùa Túy Vân và Ngũ Hoành Sơn. Chùa Thiên Mụ hay Linh Mụ do chúa Nguyễn Hoàng xây dựng năm 1601, chùa Túy Vân do chúa Nguyễn Phúc Chu kiến thiết vào cuối thế kỷ 17...
- Chùa chiền thuộc Nam Triều giao cho Giáo Hội quản trị. Giáo Hội không khác ông từ giữ chùa, không có quyền hành gì cả. Nếu muốn nói về quyền sở hữu, linh mục nên liên hệ

với Tòa Đại Biểu, đại diện của chính quyền để thảo luận. Có điều chúng tôi ở đây cũng muốn nói cho linh mục rõ là dân chúng ở đây bấy lâu đinh ninh quyền sở hữu những cơ sở trên là của Giáo Hội Phật Giáo, do đó linh mục nên tập họp dân chúng lại, giải thích cho họ biết, nói cho họ hay ý định của linh mục và hỏi ý kiến của dân, hòng tránh những hiểu lầm và tai họa có thể xảy ra sau này.

Thầy Chơn Trí lúc ấy chen vào:

– Khi nãy giờ Hòa Thượng chúng tôi đã có ý kiến, không biết tôi có được phép bày tỏ quan điểm của mình?

Linh mục Vàng trả lời:

– Tốt lắm. Rất tốt.

Thầy Chơn Trí nói:

Linh mục nên cho tập họp dân chúng lại, nói ý định của mình, kéo không ban ngày linh mục cho xây cất thánh tích, ban đêm có người phá hoại mà không phải Phật Giáo rồi lại nghi là Phật Giáo hay do Phật Giáo xúi dục, gây hiểu lầm đáng tiếc. Hai tôn giáo Thiên Chúa và Phật Giáo bấy lâu sống chung vui vẻ không khéo gây bất hòa thì thật tai hại...

Sau khi từ giã ra về linh mục Vàng đến gặp đại diện chính phủ tại Tòa Đại Biểu để nói về quyền sở hữu chùa Linh Mụ, Túy Vân, Ngũ Hoành Sơn. Đại diện chính phủ đề nghị linh mục nên hỏi ý kiến Văn Phòng Cố Vấn. Theo thầy Chơn Trí cho biết dựa vào lời thuật lại của bà Hồ Xuân Bào thì khi linh mục vào Văn Phòng Cố Vấn, gặp cụ Ngô Đình Diệm đang ngồi uống nước trà một mình. Nghe linh mục Vàng nói, cụ nổi giận, lùa mấy chén trà xuống đất nói: Gia đình tôi đã báo hại tôi rồi, bây giờ đến lượt các cha!

Trong khi đó Giáo Hội cử Hòa Thượng Trí Quang và thầy Chơn Trí đến gặp cụ Ưng Thuyên, thân phụ của ông Nguyễn Văn Hai làm học chánh, xin tài liệu về các cơ sở Phật Giáo. Cụ Ưng Thuyên vui vẻ cung cấp...

Thầy Trí Tựu kể: Vào năm 1956 hay 1957 (không nhớ rõ lắm) linh mục Nguyễn Văn Vàng và một số linh mục khác lên chùa Linh Mụ, gặp thầy Trí Thủ, thầy Chơn Trí có sự hiện diện của Ông. Cha Vàng hỏi quý thầy có biết tại sao chùa Linh Mụ lại gọi là chùa Thiên Mụ không. Quý thầy nói nhờ linh mục giải thích hộ. Linh mục Vàng nói vì đó là đền thờ Đức Mẹ Maria. Linh mục nói tiếp vì vậy chùa Linh Mụ nên phải giao lại cho Giáo Hội Công Giáo. Nên nhớ chính quyền Ngô Đình Diệm là do Giáo Hội xây dựng... Quý thầy trả lời quý thầy không có thẩm quyền, đề nghị linh mục đến Tòa Đại Biểu, đặc biệt là đến Văn Phòng Ông Cố Vấn để bàn việc. Tuy nhiên cần để ý đừng làm mất lòng dân chúng.

Sau đó Hòa Thượng Đôn Hậu nhờ vợ của ông Phan Xuân Sanh theo dõi chuyện này.

Tháng 5 năm 1957 khi Tổng Thống Diệm viếng thăm Tổng Thống Eisenhower ở Hoa Kỳ, ông cho TT Eisenhower thấy thành quả quan trọng ông đã đạt được trong vòng 3 năm: ông đã mang lại trật tự cho Miền Nam sau khi dẹp xong các giáo phái, phe nhóm như Hòa Hảo, Cao Đài và Bình Xuyên và đã định cư được gần một triệu dân tị nạn. Tổng Thống Diệm cương quyết chống cộng, Tổng Thống Eisenhower hứa tiếp tục viện trợ cho Việt Nam. Tổng Thống Eisenhower ca ngợi Tổng Thống Diệm như là người của phép lạ tại Á Châu và Phó Tổng Thống Mỹ còn so sánh Tổng Thống Diệm như là Churchill của Á Châu. Hoa Kỳ cần có người như Tổng Thống Diệm để ngăn ngừa ảnh hưởng domino tại Châu Á.

Tháng 9 năm 1959 trong cuộc bầu cử Quốc Hội, phe thân chính chiếm 78 trên 123 số ghế. TT Diệm loại bỏ hệ thống thôn xã tự trị có truyền thống hàng nghìn năm và thay thế bằng hệ thống do chính phủ chỉ định gồm hoàn toàn những phần tử thân chính, đặc biệt là tín đồ Thiên Chúa Giáo. TT Diệm không thi hành điều khoản ghi trong Hiệp Định Genève là tổ chức bầu cử hai miền năm 1956 lấy

cớ là chính phủ Miền Nam không ký vào Hiệp Định ấy.

Để đối phó với tình thế mới, chính quyền Miền Bắc gửi cán bộ di cư từ Miền Nam năm 1954 trở lại Miền Nam hoạt động và những người cán bộ này được sự tiếp tay của những phần tử bất mãn với chế độ: dân làng bị mất đất, bị mất quyền tự trị, các giáo phái bị ngược đãi. Cán bộ cộng sản bắt đầu quấy phá từ cuối năm 1958, chúng giết những phần tử bị dân oán ghét hoặc tỏ ra đắc lực. Ngày 8 tháng 6 năm 1959 lực lượng quân sự CS lần đầu tiên tấn công và pháo kích phi trường Biên Hòa, hai binh sĩ Hoa Kỳ bị tử thương. Tình trạng an ninh từ năm 1955 đến 1958 không còn nữa.

Những cuộc bầu cử tại các vùng bất an lại là nơi cử tri đi bầu nhiều nhất và phiếu bỏ cho các ứng cử viên thân chính nhiều nhất. Tổng Thống Ngô Đình Diệm được 99% số phiếu tại Kiến Tường, được 102,031 phiếu tại Pleiku trong khi các ứng cử viên khác chỉ có 7 phiếu! Tại Sài Gòn những người đắc cử không phải là ứng cử viên của chính quyền thì bị vô hiệu hóa như trường hợp bác sĩ Phan Quang Đán được 63% tổng số phiếu trong cuộc bầu cử Quốc Hội ngày 30 tháng 8, 1959.

Mặc dù 80 hay 90 phần trăm binh sĩ là Phật tử, nhưng các sĩ quan trong quân đội phần nhiều là người Thiên Chúa và nếu ai muốn được thăng chức nhanh đều phải gia nhập Thiên Chúa Giáo. Tại nhiều khu vực các giáo sĩ Thiên Chúa giáo có quân đội riêng mệnh danh là đoàn quân giám mục.

Hai trường Đại Học mới tại Nam Việt Nam là của Thiên Chúa Giáo nhờ viện trợ thực phẩm của Mỹ gửi qua cơ quan cứu trợ Thiên Chúa. Một nhà truyền giáo Tin Lành 15 năm tại Bình Định nói tất cả các nhà thờ Thiên Chúa ở tỉnh đều được xây dựng bằng tiền xổ số và tiền bán thực phẩm cứu trợ.

Tháng 3 năm 1961 chính phủ cho phép một linh mục xây nhà thờ Đức Bà trên núi Thiêng Bút nơi đã có cảnh chùa và nghĩa trang Phật Giáo...

Những dữ kiện trên mang lại một số hậu quả:

- Ngày 21 tháng 5, 1957 Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị ám sát hụt tại Ban Me Thuột.
- Ngày 26 tháng 4, 1960 Nhóm Caravelle công bố lập trường và nguyện vọng. Trong số 18 người ký tên vào Bản Thông Cáo, 11 người đã từng hợp tác với TT Ngô Đình Diệm.
- Ngày 11 tháng 11, 1960 Lực Lượng Nhảy Dù do đại tá Nguyễn Chánh Thi cầm đầu đứng lên đảo chánh.
- Ngày 27 tháng 2, 1962 hai sĩ quan không quân Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử ném bom dinh Độc Lập.
- Cuối năm 1962 chỉ trong 15 ngày, 50 Ảp Chiến Lược tại Vùng IV bị phá hủy.
- Ngày 3 tháng 1, 1963 trận đánh Ấp Bắc bắt đầu, gây thiệt hại nặng nề cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa.
- Tại Hoa Kỳ những nhân vật chính trị Hoa Kỳ có tầm cỡ lần lượt không ủng hộ Tổng Thống Ngô Đình Diệm vì chính sách và hành động mất lòng dân, phản dân chủ.
- Ngày 1 tháng 11, 1963 cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm do tướng Dương Văn Minh cầm đầu.

\*  
\* \* \*

Tại miền bắc vương quốc Lào, đặc biệt tại hai tỉnh Phongsaly và Sam Neua, quân Pathet Lao dưới sự chỉ đạo của hoàng thân Souphanou Vong bắt đầu hoạt động năm 1950.

Năm 1956 hoàng thân Souvana Phouma lên làm thủ tướng, chủ trương trung lập, thành lập chính phủ liên hiệp, mời hoàng thân Souphanou Vong, người em cùng cha khác mẹ tham gia chính phủ. Trong kỳ tổng tuyển cử năm 1958, phe CS chiếm 21 trong số 59 ghế tại Quốc Hội. Hoa Kỳ cắt viện trợ. Chính phủ trung lập sụp đổ, chính phủ hữu khuynh ra đời tháng 8 năm 1958. Hoa Kỳ tái và tăng viện.

Tháng 11, 1958 Bắc Việt phản đối Lào vi phạm biên giới. Tháng 7, 1959 một toán quân cán chinh Bắc Việt - Pathet Lao

được gửi đến Lào, hợp lực cùng quân Pathet Lao tiến chiếm hai tỉnh Phongsaly và Sam Nuea. Tướng Nosavan của quân đội hoàng gia Lào hành quân vây bắt cán bộ CS, gồm hoàng thân Souphanou Vong nhưng đến tháng 4, 1960 hoàng thân và những người canh tú theo hoàng thân trốn lên núi.

Đêm 8 tháng 8, 1960 một cánh quân nhảy dù do đại úy Kong Le chỉ huy đứng lên làm đảo chánh, chiếm Vientiane trong khi nhân viên chính phủ đến Louang Prabang dự lễ tang vua Sisavang Vong qua đời tháng 11 năm 1959. Khong Le mời hoàng thân Phouma trở về thành lập chính phủ trung lập. Ngày 22 tháng 9 Khong Le tấn chiếm Pakse khiến cho tướng Nosavan của quân đội hoàng gia phải rút về Savannakhet. Tại miền bắc, quân Pathet Lao chiếm Sam Nuea ngày 28 tháng 9.

Tại Lào có ba lực lượng chống đối nhau: Chính phủ hoàng gia Lào, Pathet Lao và lực lượng trung lập. Hoa Kỳ yểm trợ quân đội hoàng gia, Liên Bang Soviet tiếp tế cho Khong Le trong khi Bắc Việt yểm trợ Pathet Lao.

Ngoại trưởng Anh và Liên Bang Soviet, đồng chủ tịch hội đàm Genève kêu gọi ngừng chiến tại Lào. Ngày 16 tháng 5, 1961, hội nghị quốc tế được triệu tập tại Genève, kết quả là một chính phủ liên hiệp được thành lập tại Lào. Ngày 12 tháng 6, 1962 một chính phủ liên hiệp dưới quyền lãnh đạo của hoàng thân Phouma được thành lập. Thỏa hiệp quốc tế gồm 14 quốc gia chấp nhận chính phủ liên hiệp Lào. Quân đội ngoại quốc phải rút khỏi lãnh thổ Lào, trong khi quân đội Bắc Việt không những không rút lui mà còn tăng cường.

Tại Cao Mên, Sihanouk lên làm vua tháng 4 năm 1941. Đến năm 1955 khi tổ phụ (ông nội) của Sihanouk băng hà, Sihanouk nhường ngôi lại cho phụ vương. Khi phụ vương qua đời, ông trở thành Quốc Trưởng Cao Mên năm 1960. Giống như vương quốc Lào, Cao Mên dưới quyền kiểm soát của Pháp năm 1863, được độc lập sau hiệp định Genève năm 1954. Sihanouk muốn Cao Mên trung lập, nhận được sự giúp đỡ của hai phe Tây

Đông. Mặc dù không chấp nhận viện trợ quân sự của Trung Cộng, nhưng bang giao giữa hai nước Cao Mên Trung Cộng thân thiện khiến cho Nam Việt Nam không mấy hài lòng. Sihanouk phải viếng thăm Sài Gòn tháng 7 năm 1958 trước khi bay sang Bắc Kinh. Tháng 11 Chu Ân Lai viếng thăm Cao Mên.

Tại Cao Mên có trên nửa triệu người Việt sinh sống, phần nhiều ở những tỉnh miền đông. Những người Việt này có liên hệ mật thiết với Hà Nội hay Sài Gòn. Sihanouk không kiểm soát hoàn toàn tổng số dân trên 8 triệu người, vì nhiều vùng nằm dưới quyền kiểm soát của Khmer Đỏ hay Khmer Serai (Cao Mên Tự Do) được Việt Minh huấn luyện và yểm trợ. Chính sách trung lập của Sihanouk làm cho Hoa Kỳ không mấy thiện cảm. Cao Mên nói CIA liên hệ đến hai vụ đảo chánh tháng 1 và tháng 2 năm 1959.

\*  
\* \* \*

Tại Việt Nam vĩ tuyến 17 là vùng phi quân sự, ngăn cách hai miền Bắc Nam. Đường Mòn Hồ Chí Minh băng qua biên giới Lào, Cao Mên dài 1,200 km. Khi Pathet Lao chiếm một phần đất ở Bắc Lào năm 1959, Đường Mòn Hồ Chí Minh trở thành con đường huyết mạch, vận chuyển lương thực, khí giới và quân đội Bắc Việt vào Nam Việt Nam.

Pháp thất trận tại Điện Biên Phủ không chỉ là thua một cuộc chiến mà còn cả đế quốc Pháp. Việt Minh thắng trận nhưng để lại cho Miền Bắc một khu vực bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Pháp và những thành phần Việt Nam thân Pháp tháo gỡ máy móc, dụng cụ kỹ nghệ di chuyển xuống Miền Nam. Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa phải đương đầu với việc tái thiết hết sức nặng nề. Trong Bộ Chính Trị có hai khuynh hướng khá rõ rệt. Khuynh hướng thứ nhất do Võ Nguyên Giáp và Trường Chinh chủ trương, được sự ủng hộ phần nào của Phạm văn Đồng, dồn mọi nỗ lực xây dựng Miền Bắc làm nền tảng cho công cuộc thống nhất đất nước tương lai, còn Miền Nam

chỉ lo đấu tranh chính trị và do người Miền Nam phụ trách. Khuynh hướng thứ hai do Lê Duẩn, Nguyễn Chí Thanh và Lê Đức Thọ chủ trương thống nhất đất nước bằng mọi phương tiện kể cả quân sự.

Khuynh hướng thứ nhất được Hồ Chí Minh đồng ý vì muốn có thì giờ xây dựng Miền Bắc, đồng thời muốn chứng tỏ Bắc Việt tôn trọng Hiệp Định Genève. Nhờ vậy mà trong những năm đầu sau Hiệp Định Genève Miền Nam được yên ổn, không phải vì tài an bang tể thế của TT Diệm, được TT Eisenhower khen ngợi mà vì Bắc Việt không quấy phá. TT Ngô Đình Diệm lợi dụng tình thế này để củng cố quyền lực, dẹp các giáo phái, các đảng phái đối lập.

Tại Miền Bắc đến năm 1959 phe Lê Duẩn, Nguyễn Chí Thanh, Lê Đức Thọ thắng thế. Hồ Chí Minh sau khi dàn xếp nội bộ, để tâm đến Miền Nam, đặc biệt là sau năm 1956 chính phủ Ngô Đình Diệm không thi hành tổ chức tuyển cử hai Miền để thống nhất đất nước như được ghi trong Hiệp Định Genève. Hồ Chí Minh bật đèn xanh cho khuynh hướng Lê Duẩn được thực hiện. Bắc Việt gửi Toán 559 thành lập căn cứ tại Lào. Cũng vào năm 1959 cộng sản thiết lập nhiều căn cứ huấn luyện tại Nam Việt Nam, trên 4900 quân cán chinh Bắc Việt xâm nhập Nam Việt Nam theo Đường Mòn Hồ Chí Minh. Con số này đến năm 1962 tăng lên gần 6,000 người. Trong khoảng thời gian này, cán binh CS bị chính quyền Miền Nam bắt đều là người gốc Miền Nam ngoại trừ 1 cán bộ gốc Bắc.

Những đụng độ quân sự giữa quân Bắc Việt và Nam Việt ngày càng gia tăng. Nhiều vùng ở đồng bằng sông Cửu Long và Cao Nguyên Trung Phần nằm dưới quyền kiểm soát của cộng sản. Ngày 11 tháng 11, 1960 quân Nhảy Dù dưới quyền chỉ huy của đại tá Nguyễn Chánh Thi tấn công dinh Độc Lập. Bộ Chính Trị Bắc Việt vào tháng 12, 1960 quyết định cho thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam gồm 60 nhân vật lãnh đạo các đoàn thể, đảng phái, tôn giáo, là cánh tay mặt của Đảng

Lao Động (CS) Việt Nam. Nguyễn Hữu Thọ, một luật sư từng bị chính phủ Diệm cầm tù được bầu làm Chủ tịch tháng 2, 1962. Ông ta không phải là đảng viên CS. Tổng Thư ký của Mặt Trận thay phiên nhau đến năm 1964 Huỳnh Tấn Phát được bầu làm Tổng Thư ký. Tổng Hành Dinh của Mặt Trận đặt tại Chiến Khu D, ở Long Khánh, tỉnh Bình Dương, cách Sài Gòn 60 km.

Mặt Trận Giải Phóng Nam Việt Nam được thành lập ngày 20-12-1960 trong phiên họp tại một khu trong tỉnh Tây Ninh, gần biên giới Cao Mên:

Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch.

Huỳnh Tấn Phát, Phó Chủ tịch.

Ủy Ban Trung Ương gồm 52 người trong đó có:

Võ Văn Kiệt.

Dương Quỳnh Hoa.

Phùng Văn Cung.

Üng Ngọc Kỳ.

Nguyễn Văn Hiếu.

Nguyễn Long.

Trần Bửu Kiếm.

Trịnh Đình Thảo.

Phạm Xuân Thái.

Nguyễn Hữu Thế.

Nguyễn Cơ Tâm.

Nguyễn Thị Định.

Trương như Tảng.

Năm 1959 Hồ Chí Minh thăm viếng Liên Bang Soviet, tham dự Đại Hội Đảng Cộng Sản, được Liên Bang Soviet hứa giúp đỡ chương trình 5 năm, bắt đầu từ năm 1961. Chuyên viên Soviet đổ đến Hà Nội ngày càng đông, ảnh hưởng Soviet ngày càng mạnh. Tại Hoa Kỳ Tổng Thống Kennedy vừa đắc cử năm 1960. Khi nhậm chức vào tháng Giêng năm 1961, Tổng Thống Kennedy thừa hưởng gánh nặng về chiến tranh Việt Nam, trong

khi tại Liên Bang Soviet Nikita Khrushchev tuyên bố vào dịp Kennedy nhậm chức ngày 6 tháng 1, 1961 là chiến tranh giải phóng quốc gia là chiến tranh hợp lý, thế giới cộng sản hoàn toàn yểm trợ.

Qua kinh nghiệm chiến tranh Đại Hàn, chính sách của Kennedy về chiến tranh Việt Nam có thể tóm tắt: Không để mất Việt Nam, không đưa quân tham chiến, không sử dụng hỏa lực quá mức (không ném bom xuống hệ thống đê điều Bắc Việt, không đổ bộ tấn công Bắc Việt). Vào những năm đầu của thập niên 1960 Hoa Kỳ viện trợ tài chánh, vũ khí, gửi cố vấn quân sự nhưng không gửi quân sang chiến đấu tại Việt Nam. Nhưng trước áp lực quân sự của quân đội Bắc Việt vào tháng 8, 1961 Hoa Kỳ gửi 200,000 quân đến Việt Nam.

Từ năm 1959 đến năm 1961 nhiều đơn vị quân đội Việt Nam Cộng Hòa bị tấn công, nhiều viên chức chính quyền, đặc biệt viên chức cấp thôn xã bị giết hại, từ con số 239 năm 1959 đến trên 1,400 năm 1961. Tháng 9 năm 1961 quân cộng sản đánh chiếm Bình Phước cách Sài Gòn 60km. Cán bộ cộng sản trước đây tập kết tại Bắc Việt bắt đầu trở về ngày càng đông: 5,500 đầu năm 1961 đến 25,000 vào cuối năm 1961. (Adm. US Grant Sharp and Gen. William C. Westmoreland: *Report on the War in Vietnam*. Washington DC. US Government Printing Office).

Năm 1962 Hoa Kỳ tăng viện trợ cho Nam Việt Nam, nhiều đơn vị trực thăng được đưa tới Việt Nam, hình thức và cường độ chiến tranh VN thay đổi. Lúc đầu máy bay trực thăng chỉ dùng làm phương tiện chuyên chở quân đội VN Cộng Hòa đến chiến trường, dần dần máy bay trực thăng được sử dụng vào lực lượng chiến đấu và đưa Hoa Kỳ trực tiếp vào vòng chiến. Quân đội Hoa Kỳ tại VN tăng dần, từ 900 vào tháng 11, 1961 đến 11,326 vào cuối năm 1962 và tuần tự tăng lên mãi. Mặc dầu vậy vẫn không thay đổi được tình thế.

Về việc ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chính năm 1954, **Trên Những Chặng Đường** ghi: “Tôi nhớ vào trung tuần tháng

6 năm 1954, có một cuộc biểu tình của khoảng gần 500 người được tổ chức tại công viên Thương Bạc, Huế với mục đích là “yêu cầu chí sĩ Ngô Đình Diệm về nước chấp chính để cứu nguy tổ quốc.”... Thế là ngày 7 tháng 7 năm 1954 ông Ngô Đình Diệm từ nước ngoài về chấp chính làm Thủ Tướng quốc gia Việt Nam.”

**Trên Những Chặng Đường** cho biết kể từ ngày Thủ Tướng rồi Tổng Thống Ngô Đình Diệm về nước chấp chính cho đến năm 1963 bị quân đội đảo chính, ông đã dùng chiêu bài chống cộng làm đảo lộn đạo nghĩa quân thân bằng cách tổ chức trưng cầu dân ý truất phế Bảo Đại, người mà ông đã quí tuyên thệ trung quân ái quốc. Ông đã lợi dụng sự ủng hộ của chính phủ Mỹ để thiết lập chế độ độc tài gia đình trị. Đức Cha Ngô Đình Thục muốn dùng quyền uy của em để biến nước Việt Nam thành nước Chúa. Ông Ngô Đình Cẩn dùng uy quyền của anh để làm lãnh tụ Miền Trung, Cao Nguyên Trung Phần. Ông em Ngô Đình Luyện không những là đại sứ Việt Nam tại Anh Quốc mà còn có quyền với các tòa đại sứ khắp châu Âu. Ông Trần Văn Chương nhạc phụ là Đại Sứ Hoa Kỳ, Bà Trần Văn Chương làm Đại Diện Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc, ông Ngô Đình Nhu làm Cố Vấn Chính Trị, đảng trưởng Đảng Cần Lao Nhân Vị, thủ lãnh Thanh Niên Cộng Hòa, Bà Ngô Đình Nhu làm Dân Biểu Quốc Hội, thủ lãnh Liên Đới Phụ Nữ, Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, các tín hữu Công Giáo lãnh các vai trò điều khiển quốc gia, các linh mục giám mục không những có quyền hành tôn giáo mà còn cả thế quyền.

Ông đã sử dụng chương trình Khu Trù Mật, Khu Dinh Đǐen, Ấp Chiến Lược để đảo lộn truyền thống “phép vua thua lê làng” trong kế hoạch biến Việt Nam thành nước Chúa. Ông lợi dụng chiêu bài chống cộng để tiêu diệt các giáo phái, đảng phái đối lập. Ông không bao giờ giữ thành tín với bất kỳ ai: không giữ lời hứa với các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài, không giữ lời hứa với Đại tá Nguyễn Chánh Thi, không giữ lời hứa với Phật Giáo khi ký bản Thông Cáo Chung năm 1963. Ông

không thi hành Vương Đạo, Bá Đạo mà chỉ áp dụng Vong Quốc Chi Đạo.

Sau khi lên nắm chính quyền, **Trên Những Chặng Đường** cho thấy ông Ngô Đình Diệm và gia đình đã cho thi hành chính sách tiêu diệt Phật Giáo. Vào những năm 1954 đến 1957, nhiều cuộc khủng bố Phật giáo đồ liên tiếp xảy ra. Theo báo cáo của Hội Phật Giáo Trung Phần thì đã có nhiều Phật Giáo đồ ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên bị chôn sống, bị thủ tiêu, bị áp bức đủ điều. Ngay tại cố đô Huế cũng xảy ra nhiều chuyện thương tâm. Chẳng hạn như vào ngày 8 tháng 6, 1955 tức là ngày 18 tháng Tư năm Ất Mùi tại làng Kim Long, xã Hương Long, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, Phật tử Tâm Khiết Phan duy Trinh, huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Kim An, An Hòa và Phú Thạnh đã bị nhiều kẻ lạ mặt vào nhà bắt ra cánh đồng cách nhà khoảng 300m rồi dùng dao đâm chết. Tang chứng cho thấy huynh trưởng Phan duy Trinh là nạn nhân của kỳ thị tôn giáo. Nhiều cuộc khủng bố khủng khiếp liên tiếp xảy ra cho tín đồ Phật Giáo tại các huyện Phong Điền, Quảng Điền thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Trước cảnh người Phật tử chịu nhiều nỗi oan khiên, Hòa Thượng Thích Đôn Hậu gửi gắm ưu tư của mình, san sẻ nỗi vui buồn của Phật Tử trong tạp chí *Liên Hoa* mà Hòa Thượng đã đứng ra thành lập và làm Chủ Nhiệm năm 1956.

Tạp chí *Liên Hoa* vừa có nhiệm vụ hoằng dương Chánh Pháp vừa là một cơ quan văn hóa mang bản sắc dân tộc. Tạp Chí *Liên Hoa* đã đóng một vai trò quan trọng trong công nghiệp hoằng dương Chánh Pháp của Giáo Hội Tăng Già Trung Việt và Giáo Hội Tăng Già Việt Nam.

Thời gian thấm thoát trôi qua. Thế rồi vào ngày 7 tháng 5, 1963 tức là ngày 14 tháng 4 Âm Lịch, dân chúng, chùa chiền tại Huế treo cờ, kết hoa, chuẩn bị ngày đại lễ Phật Đản, thì vào lúc 5 giờ chiều, lực lượng cảnh sát thành phố Huế, theo lệnh khẩn từ Sài Gòn đánh ra, đã đi khắp thành phố bắt dân

chúng tháo bỏ tất cả những lá cờ Phật Giáo đã treo. Tại khu vực gần chùa Linh Quang, thầy Chơn Trí cho biết một số linh mục đã cùng cảnh sát đi hạ cờ Phật Giáo. Dân chúng phản đối mạnh mẽ. Tỉnh trưởng Thừa Thiên Nguyễn Văn Đẳng, muốn trấn an dân chúng, nói cảnh sát Huế thi hành sai thượng lệnh, cho Phật tử treo cờ lại.

**Trên Nhũng Chặng Đường** ghi: “Vào khoảng 18 giờ ngày 14 tháng Tư năm Quý Mão tức là ngày 7 tháng 5 năm 1963, một phái đoàn Phật Giáo do Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Thích Tịnh Khiết dẫn đầu cùng với Hòa Thượng Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Trung Phần Thích Giác Nhiên và Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản gồm có Thượng Tọa Thích Trí Quang, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Trung Phần, Thượng Tọa Thích Mật Hiển, Trưởng Ban, Thượng Tọa Thích Thành Trí, Phó Ban. Tháp tùng đoàn còn có quý vị Tăng Già thuộc Hội Phật Học Việt Nam và Hội Phật Giáo Nguyên Thủy đã đến tại tòa Tỉnh Trưởng để tỏ bày ý kiến với ông Tỉnh Trưởng tỉnh Thừa Thiên kiêm Thị Trưởng thành phố Huế.

“Trong khi phái đoàn đang bày tỏ ý kiến thì có khoảng hơn 500 Phật Giáo đồ tụ họp trước tỉnh đường để chờ đợi sự giải quyết của chính quyền. Sau đó một hồi lâu, thì ông Tỉnh Trưởng kiêm Thị Trưởng ra giải thích trước đông đảo Phật Giáo đồ đang đứng chờ trước tỉnh đường rằng: Nhân viên công lực của thành phố Huế đã thi hành không đúng lệnh của thượng cấp! Bay giờ nhân danh Tỉnh Trưởng tỉnh Thừa Thiên kiêm Thị Trưởng thành phố Huế, tôi chấp thuận cho tín đồ Phật Giáo được treo giáo kỳ và thể theo lời yêu cầu của Phật Giáo đồ, tôi sẽ ra lệnh cho Ty Thông Tin cho xe phát thanh di loan báo quyết định này của tôi trước 20 giờ 30 đêm nay.”

Sống trong một chế độ mệnh danh là dân chủ mà việc treo cờ kỷ niệm ngày đản sinh của vị khai sáng nền đạo đã có hàng nghìn năm trên đất nước Việt Nam mà cũng phải được sự chấp thuận của chính phủ, của ông tỉnh trưởng. Là thành phần thuộc

đa số trong cộng đồng dân tộc mà làm gì cũng phải xin phép phe thiểu số. Không biết nền dân chủ được xây dựng theo thể thức nào. Dẫu vậy người Phật Tử vẫn chấp nhận số phận của mình, âm thầm chịu đựng, chỉ mong được an thân hành đạo. Nhưng ước vọng nhỏ bé đó cũng không dễ thực hiện.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Ngày Rằm tháng Tư năm Quý Mão tức ngày 8 tháng 5, 1963. Vào lúc 4 giờ 30 sáng Đoàn cung nghinh kim thân Phật Đản Sinh khởi hành từ chùa Diệu Đế lên chùa Từ Đàm, khi đi qua nhà hàng Morin thì trong đơn vị Gia Đình Phật Tử có nhiều tấm biển ngữ được cảng thẳng và giương cao lên, nên nhỉ vị Thượng Tọa Trưởng Ban và Phó Ban Tổ Chức Đại Lễ Thích Mật Hiển và Thích Thanh Trí ra lệnh dừng lại và buộc phải cuốn tất cả tấm biển ngữ, lúc ấy vào khoảng gần 6 giờ sáng, chỉ trừ câu biển ngữ Cờ Phật Giáo Quốc Tế Không Thể Bị Triệt Hạ là được giương cao lên. Đoàn cung nghinh Phật lại được lệnh khởi hành. Nhưng khi lên đến ngang Bệnh Viện Trung Ương Huế thì Đoàn phải dừng lại vì trong đơn vị Gia Đình Phật Tử, ngoài tấm biển ngữ nói trên lại có thêm nhiều tấm biển ngữ nữa xuất hiện.*”

Tám tấm biển ngữ với nội dung như sau được thấy trong buổi lễ Phật Đản tại chùa Từ Đàm:

*Kính Mừng Phật Đản.*

*Cờ Phật Giáo Quốc Tế không thể bị triệt hạ.*

*Phật Giáo Đồ nhất trí bảo vệ Chánh Pháp dù phải hy sinh.*

*Phật Giáo đồ chỉ ủng hộ chính sách tôn giáo bình đẳng.*

*Yêu cầu chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng.*

*Chúng tôi đến lúc bắt buộc phải tranh đấu cho bình đẳng tôn giáo.*

*Chúng tôi không từ chối bất kỳ hy sinh nào.*

*Phản đối chính sách bất công kỳ thị tôn giáo.*

Chùa Từ Đàm là nơi thiết trí lễ đài chính. Sau khi các đơn vị Giáo Hội đã đứng vào vị trí phân định trong sân chùa, Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Trưởng Ban Điều Khiển Chương Trình

Lẽ lén lẽ dài, dùng máy phóng thanh mời Thượng Tọa Thích Trí Quang, Hội Trưởng Phật Giáo Việt Nam tại Trung Phần lên máy phóng thanh để trình bày và giải thích những dữ kiện đã xảy ra trong cuộc cung nghinh kim thân Phật Đản Sinh từ chùa Diệu Ðế đến chùa Từ Ðàm.

Thượng Tọa Trí Quang cho biết là đoàn kiệu và đoàn rước đã diễnh hành trong trật tự và kỷ luật. Những tấm biểu ngữ trương lên phản ảnh trung thực nguyện vọng của Tăng Ni Tín Ðồ Phật Giáo, có tính cách xây dựng và việc thực hiện những nguyện vọng này không những có lợi cho Phật Giáo, cho các tôn giáo khác mà cũng có lợi cho chính quyền, vì tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, phù hợp với Hiến Pháp quốc gia, với chính nghĩa mà chính quyền muốn bảo vệ, duy trì. Thượng Tọa nói sẽ đạo đạt nguyện vọng chính đáng của Tăng Ni Phật Tử Việt Nam lên chính quyền địa phương và lên Tổng Thống Ngô Ðình Diệm.

Sau lời giải thích của Thượng Tọa Trí Quang, Hòa Thượng Ðôn Hậu bắt đầu điều khiển chương trình Đại Lễ Phật Đản. Chương trình được thu thanh và như thường lệ vào những năm trước, sẽ được phát thanh vào lúc 20 giờ trên Đài Phát Thanh Huế.

Dân chúng thành phố Huế tối đến kéo nhau đi như sóng cuộn, hết lớp này đến lớp khác, qui tụ tại Đài Phát Thanh Huế, phía hữu ngạn sông Hương để nghe chương trình phát thanh Phật Giáo vào ngày Phật Đản.

Thế nhưng, **Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Đã quá giờ ấn định mà chương trình vẫn chưa phát. Mọi người chỉ nghe phát những bản nhạc không liên quan gì đến Đại Lễ Phật Đản cả. Không rõ lý do gì nên mọi người đều nôn nóng. Đông đảo quần chúng Phật Tử ở nhà không nghe được chương trình phát thanh Phật Giáo, nên cũng lần lượt kéo nhau đến đài phát thanh để tìm hiểu nguyên nhân. Càng lúc càng đông, đứng chật ních cả sân đài phát thanh, trên cầu Trường Tiền, trên đường Lê Lợi, Duy Tân... ước khoảng hơn một vạn người.*

“Thượng Tọa Trí Quang từ chùa Từ Đàm xuống. Không ai bảo ai tất cả các Phật Tử đều chấp tay bái chào và rẽ lối cho Thượng Tọa vào Đài Phát Thanh. Sau đó Thượng Tọa cho biết lúc đầu nhân viên của Đài đều nói là máy phát thanh bị trực trặc kỹ thuật, nhưng sau cùng thì nói là chính quyền ra lệnh cấm không cho phát thanh chương trình Phật Giáo.

“Ông Tỉnh Trưởng Thùa Thiên đến. Thượng Tọa Trí Quang thấy ông Tỉnh Trưởng đến, liền yêu cầu Phật Tử đứng rẽ hai bên làm hàng rào danh dự đón ông Tỉnh Trưởng vào. Sau khi ông Tỉnh Trưởng đến, chương trình phát thanh của Phật Giáo cũng không được phát.

“Trong khi đó, theo các quân nhân Phật Tử cho biết, Quân Vũ Thị Trấn Huế ra lệnh quân nhân phải cắm trại 100% và thiếu tá Đặng Sỹ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An kiêm Tiểu Khu Phó Tiểu Khu Thùa Thiên lại ra lệnh cho các đơn vị Bảo An, Thiết Giáp, Xe Tăng gắn súng máy, đại bác, các đơn vị Cảnh Sát của Ty Cảnh Sát Thùa Thiên và các xe cứu hỏa thành phố Huế bao vây tất cả các ngả đường chung quanh đài phát thanh. Thượng Tọa Trí Quang và ông Tỉnh Trưởng đang đứng trước bao lơn đài phát thanh. Quần chúng Phật Tử bắt đầu bàn tán xôn xao, rồi có tiếng la ó, ồn ào náo động... Thình lình xe cứu hỏa xịt nước vào đám đông. Dân chúng chen nhau chạy trốn nhưng với biển người dày đặc làm sao chen chân được.

“Bỗng có nhiều tiếng nổ lớn từ các khẩu súng đại bác bắn ra. Lúc ấy vào khoảng 21 giờ 30. Người ta thấy viên thiếu tá Phó Tỉnh Trưởng Nội An Đặng Sỹ đang đứng trên xe chỉ huy. Rồi tiếng súng trường, lựu đạn. Quang cảnh hỗn loạn. Ông Tỉnh Trưởng đứng trên lâu dùng loa phóng thanh ra lệnh: “Hãy ngưng bắn, hãy ngưng bắn!” nhưng các lực lượng bao vây vẫn tiếp tục bắn. Nhiều chiếc xe tăng tiến tới đè lên thân xác của một số người đang đứng giữa sân đài phát thanh.”

Mười lăm phút sau Thượng Tọa Trí Quang và ông Tỉnh Trưởng từ trên sân thượng đi xuống, vào đài phát thanh, được nghe

báo cáo có ba chiếc xe hỏng thập tự chở đầy người chết, người bị thương chạy lên Bệnh Viện Trung Ương Huế.

Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản sau khi kiểm điểm tin tức cho biết trên 50 Phật Tử bị thương, 8 Phật Tử chết không toàn thây, có người đầu lìa khỏi mình, có người thân thể nát nhau, trông vô cùng khủng khiếp. Chính quyền nói đó là do lựu đạn của cộng sản, của CIA cốt gây chia rẽ hận thù giữa Phật tử và chính quyền, nhưng theo lời trình bày của giáo sư bác sĩ người Đức Erich Wulff trước Ủy Ban Điều Tra của Liên Hiệp Quốc được ghi trong cuốn *Vietnamesische Lehrjahre* (Những Năm Dạy Học tại Việt Nam) cho thấy 5 xác chết không đầu, một phụ nữ có vết đạn bắn vào tay và cổ. Giáo sư Wulff là người chứng kiến vụ thảm sát và giáo sư Krainick là người chụp những tấm hình thê thảm ấy. Lựu đạn của CS hay của CIA làm sao cắt đứt hay đè bẹp đầu những em bé nạn nhân?

Dù trong cơn hỗn loạn máu chảy, thịt rơi ghê rợn, quần chúng Phật Tử không hề nao núng. Họ bao vây đài phát thanh để xem Thượng Tọa Trí Quang có bị nguy khốn hay không và cũng để tìm hiểu thêm tình trạng của những Phật Tử thương vong.

Thượng Tọa Trí Quang lúc bấy giờ đang đứng trong đài phát thanh, chứng kiến cảnh thương tâm xảy ra trước mắt. Nhận thấy với số lượng Phật Tử đông đảo như vậy nếu bị ai khuấy động sẽ có thể san bằng đài phát thanh trong giây lát. Hòa Thượng vội vã dùng máy phóng thanh kêu gọi tín đồ giữ bình tĩnh và trở về nhà để cho cấp lãnh đạo Tổng Hội định liệu công việc. Phật tử tỏ ra rất kỷ luật, không có một hành động bạo động nào, mặc dầu một số đồng đạo bị thương, bị chết. Họ lần lượt ra về trong trật tự.

Gần 3 giờ sáng ngày 16 tháng 4 năm Quý Mão tức là ngày 9 tháng 5 năm 1963, Đài Phát Thanh Huế trở lại tình trạng yên tĩnh, không một bóng người ngoại trừ những vũng máu đã đông đặc của những em Phật Tử vô tội đã bị giết hại chỉ vì

đức tin của họ bị chà đạp, vì màu cờ sắc áo của họ không được tôn trọng.

Có người bênh vực cho lệnh cấm treo cờ Phật Giáo nói rằng đấy là lệnh chung cho tất cả các tôn giáo tại Việt Nam không được treo cờ tôn giáo ngoài khuôn viên cơ sở tôn giáo. Nhưng người ta thường thấy cờ Công Giáo tràn ngập thành phố từ dinh Độc Lập đến sở thú, tràn ngập các doanh trại quân đội chứ đừng nói tư gia tín đồ Thiên Chúa Giáo. Người ta thấy cờ tòa thánh, ảnh tượng đức Mẹ treo khắp nơi từ ngày 16 đến ngày 18 tháng 2 năm 1959 nhân Đại Hội Thánh Mẫu và lễ nâng nhà thờ Đức Bà Sài Gòn lên hàng Vương Cung Thánh Đường dưới quyền chủ tọa của Hồng Y Agagianan, đại diện Tòa Thánh La Mã. Không những thế, khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm đón rước Hồng Y Agagianan trong dinh Độc Lập, các bộ trưởng trong chính phủ cũng phải đến nghênh tiếp. Bộ trưởng Phủ Tổng Thống Nguyễn Đình Thuần quì hôn nhẫn Hồng Y.

Ngày 17 tháng 8 năm 1961 nhân lễ khánh thành Vương Cung Thánh Đường La Vang, không những cờ Thiên Chúa kéo dài từ thành phố Huế đến thành phố Quảng Trị mà còn khải hoàn môn, ảnh tượng Đức Mẹ. Cờ Thiên Chúa Giáo tràn ngập thành phố Huế trong dịp lễ khánh thành ngôi nhà thờ do đức cha Ngô Đình Thục xây cất tại Huế, lễ Ngân Khánh của đức cha vài tuần lễ trước ngày lễ Phật Đản...

Sau biến cố đẫm máu tại đài phát thanh Huế, các em thiếu nhi Phật tử thiệt mạng, chính quyền địa phương cũng như trung ương không những không có hành động an ủi nạn nhân mà cũng không có lời chia buồn với thân nhân kẻ xấu số. Sáng ngày 9 tháng 5, 1963 Tổng Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Trung Phần triệu tập phiên họp khẩn cấp gồm đại diện các giáo phái, hệ phái, các ban Trị Sự tại chùa Từ Đàm, Huế để thảo luận vấn đề, thành lập Ban Lãnh Đạo soạn thảo Bản Tuyên Ngôn, mở đầu cho cuộc vận động đòi tự do và bình đẳng tôn giáo.

Ban Lãnh Đạo bắt tay vào việc, ra lệnh triệu tập Phật Giáo

đồ tại thành phố Huế và các vùng lân cận đến chùa Từ Đàm ngày hôm sau, ngày 10 tháng 5, 1963.

Lệnh triệu tập phát xuất, Phật tử tức khắc đáp ứng. Sáng ngày 10 tháng 5, 1963, hàng nghìn hàng vạn Phật tử từ nhiều nơi kéo về chùa Từ Đàm, ào ạt như sóng triều dâng, háo hức trông chờ giờ phút quan trọng.

Đúng 8 giờ sáng, Thượng Tọa Trí Quang, Chánh Hội Trưởng Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, đồng thời là Trưởng Ban Lãnh Đạo cuộc đấu tranh, lên máy phóng thanh kêu gọi Phật Tử đồng tâm nhất trí, dù phải hy sinh tính mạng, để bảo vệ chánh pháp, bảo vệ mạng mạch của nền Phật Giáo Việt Nam. Thượng Tọa long trọng đọc Bản Tuyên Ngôn được Ban Lãnh Đạo thông qua vào khuya đêm 9 tháng 5, 1963 gồm 5 nguyện vọng như sau:

- 1/ Yêu cầu chính quyền cho Phật tử được treo cờ Phật Giáo.
- 2/ Yêu cầu Phật Giáo được chính phủ đối xử bình đẳng như Công Giáo.
- 3/ Yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật Giáo.
- 4/ Yêu cầu cho tăng ni Phật tử được tự do hành đạo và truyền đạo.
- 5/ Yêu cầu chính phủ bồi thường cho những nạn nhân bị thảm sát trước đài phát thanh Huế và trùng trị những người gây tai họa.

Bản Tuyên Ngôn và 5 nguyện vọng đề ngày 10-5-1963 Phật lịch 2507, làm tại Huế mang chữ ký của:

- \* Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam: Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết.
- \* Trí Sự Trưởng Giáo Hội Tăng Già Trung Phần: Hòa Thượng Thích Mật Nguyên.
- \* Hội Trưởng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Trung Phần: Thượng Tọa Thích Trí Quang.
- \* Trí Sự Trưởng Giáo Hội Tăng Già Thừa Thiên: Thích Mật Hiển.

\* Hội Trưởng Tỉnh Hội Phật Giáo Thừa Thiên: Thích Thiện Siêu.

Ngày 15-5-1963 Bản Phụ Đính Tuyên Ngôn được công bố tại chùa Từ Đàm, giải thích rõ ràng 5 nguyện vọng nói trên, đồng thời nêu rõ đường lối bất bạo động và mục tiêu của cuộc tranh đấu:

1. Phật Giáo Việt Nam không chủ trương lật đổ chính phủ để đưa người của mình lên thay thế mà chỉ nhắm đến sự thay đổi chính sách của chính phủ.
2. Phật Giáo Việt Nam không có kẻ thù, không xem ai là kẻ thù cả. Đối tượng của cuộc tranh đấu tuyệt đối không phải là Thiên Chúa Giáo mà là chính sách bất công tôn giáo. Chúng tôi tranh đấu cho lý tưởng công bình chứ không phải tranh đấu với tư cách một tôn giáo chống một tôn giáo.
3. Cuộc tranh đấu của Phật Giáo đồ cho bình đẳng tôn giáo được đặt trong khuôn khổ của lý tưởng công bằng xã hội.
4. Cuộc tranh đấu của Phật Giáo đồ được thực hiện theo đường lối bất bạo động. Chúng tôi phải thể hiện tư tưởng Phật Giáo ngay trong cuộc tranh đấu của chúng tôi. Vì lý do đó chúng tôi chấp nhận mọi sự hy sinh đến tận độ và lấy sự hy sinh ấy làm sức mạnh để rung chuyển tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi.
5. Phật Giáo Việt Nam không chấp nhận sự lợi dụng của bất cứ ai vào cuộc tranh đấu cho bình đẳng tôn giáo và công bình xã hội. Phật tử từ chối sự lợi dụng của những người cọng sản và của những kẻ mưu toan chức vị chính quyền.

Về Đạo Dụ số 10, Bản Phụ Đính đề nghị chính quyền rút tất cả các tôn giáo ra khỏi phạm vi ràng buộc của Đạo Dụ này và ban hành một chế độ chung cho các tôn giáo trong đó có Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo.

Bản Phụ Đính kết luận nếu các nguyện vọng của Phật Giáo được thực hiện thì quần chúng Phật Giáo sẽ hoan nghênh Tổng Thống và chính phủ như đã có công bảo vệ và phát triển tự do dân chủ, bình đẳng tôn giáo.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Bản Tuyên Ngôn ngày 10 tháng 5, 1963 của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đã thực sự mở màn cho cuộc đấu tranh đầy gian khổ của Phật Giáo đồ Việt Nam với chính quyền.... Một cuộc đấu tranh bất đắc dĩ chỉ vì lý tưởng và sự tồn vong của Chính Pháp. Một cuộc đấu tranh không cân bằng sức mạnh. Phật Giáo chỉ có hai bàn tay không và tấm lòng khao khát cho tôn giáo được bình đẳng, còn bên kia thì súng đạn, lưỡi lê, xe tăng thiết giáp... và muôn mồ hôi diệt...*”

“*Tại Sài Gòn, ngày 15 tháng 5, 1963*”, Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận III* viết: “*một phái đoàn Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam phối hợp với đại diện của các tổ chức Phật Giáo khác đã đến dinh Gia Long để yết kiến Tổng Thống Ngô Đình Diệm và trao cho ông bản Tuyên Ngôn ngày 10-5-1963, đồng thời giải thích cho ông rõ 5 nguyện vọng của Phật Giáo đồ. Ba đồng hồ thảo luận chỉ đưa đến một vài hứa hẹn mơ hồ của vị nguyên thủ quốc gia. Tổng Thống còn đổ trách nhiệm vụ tàn sát ở Huế cho những người cung sản.*”

Ngày 16 tháng 5, phái đoàn mở cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi, công bố bản Tuyên Ngôn ngày 10-5-1963 của Tổng Hội, Bản Phụ Đính và Phụ Trương, đồng thời trưng bày trước dư luận những vụ đàn áp, giam cầm, giết chóc mà Phật Tử phải chịu đựng trong nhiều năm qua ghi trong hai tập tài liệu, tập đầu dày 49 trang, tập thứ hai dày 98 trang gồm những biên bản về các vụ kỳ thị, bắt ép và đàn áp có đủ tên họ, chữ ký, con dấu của các tổ chức Phật Giáo địa phương.

Ngày 25 tháng 5 Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo được thành lập. Thượng tọa Thích Tâm Châu làm chủ tịch, lãnh đạo cuộc vận động đòi hỏi bình đẳng và tự do tôn giáo. Tại Huế ngày 27 tháng 5, Thượng Tọa Thích Đôn Hậu được giáo lệnh của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam ủy thác lãnh đạo phong trào vận động tự do, bình đẳng tôn giáo tại Quảng Trị và Đồng Hà.

**Trên Nhũng Chặng Đường** ghi: “Lúc này thì quí Hòa Thượng, Thượng Tọa đều lưu trú tại chùa Từ Đàm, Huế để lãnh đạo phong trào. Riêng tôi ngày 27 tháng 5, 1963 được giáo lệnh của Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam ủy nhiệm ra lãnh đạo phong trào đấu tranh tại tỉnh Quảng Trị với hai đại đức phụ tá là đại đức Quán Tâm và đại đức Minh Đàm.”

Khi ra đến Quảng Trị, Hòa Thượng đến cư trú tại chùa Tỉnh Hội. Sáng hôm sau, vào lúc 8 giờ, Hòa Thượng cho triệu tập một cuộc họp khẩn cấp của hai ban trị sự Giáo Hội Tăng Già và Tỉnh Giáo Hội để thành lập Ban Chỉ Đạo phong trào đấu tranh Tỉnh.

Ban Chỉ Đạo được thành lập:

- \* Trưởng ban: Thượng Tọa Thích Đôn Hậu, Đại diện Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam.
- \* Phụ tá Trưởng ban: Đại đức Thích Quán Tâm và đại đức Thích Minh Đàm.
- \* Thư ký: Đại đức Thích Tuệ Hải.
- \* Ủy viên ngoại giao: Đạo hữu Nguyễn Văn Triển, Hội Trưởng Tỉnh Hội Phật Giáo Quảng Trị.
- \* Ủy viên tài chánh: Đạo hữu Hoàng Trọng Thuần, Phó Hội Trưởng Tỉnh Hội Phật Giáo Quảng Trị.
- \* Ủy viên an ninh trật tự: Đạo hữu Nguyễn Khắc Ủy, Trưởng Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử tỉnh Quảng Trị.

Mọi người bắt tay vào công việc. Trưởng Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử giao một số tài liệu đấu tranh của Ban Chỉ Đạo như Tuyên Ngôn, 5 Nguyên Vọng Phật Giáo, Bản Phụ Đính... cho một số huynh trưởng, đoàn sinh đi đến các quận phân phối. Ngày 28-5-1963 một số huynh trưởng và đoàn sinh GĐPT mang tài liệu từ Quảng Trị ra Gio Linh bị Chi Cảnh Sát Đông Hà bắt giữ, dẫn về Chi Cảnh Sát Đông Hà. Được tin Hòa Thượng Trưởng Ban lập tức viết văn thư can thiệp. Vào khoảng 2 giờ chiều ngày hôm ấy ông Chánh Văn Phòng Tỉnh đến gặp Hòa Thượng, sau thời gian thương thảo ông đồng

ý thả các huynh trưởng, đoàn viên GĐPT với hai điều kiện:

- Thứ nhất Hòa Thượng phải viết thư thông báo cho Tòa Tỉnh biết ngày giờ Ban Chỉ Đạo tổ chức lễ cầu nguyện để Tòa Tỉnh hợp thức hóa, bảo vệ an ninh, trật tự.
- Thứ hai: Hòa Thượng cử người đến Tòa Tỉnh xin lãnh các Phật tử bị bắt về.

Hòa Thượng đồng ý để giữ thể diện của vị Chánh Văn Phòng và Tòa Tỉnh Trưởng mặc dầu Hòa Thượng biết rõ dụng ý của họ đây chỉ là kế hoãn binh, đợi chỉ thị trung ương để có những biện pháp cụ thể hơn.

Lễ cầu nguyện cho những nạn nhân Phật Tử bị thảm sát tại đài phát thanh Huế, được tổ chức tại chùa Tỉnh Hội đêm 31-5-1963. Trên 5000 Phật Tử tụ họp tại chùa để nghe Ban Chỉ Đạo trình bày những gì đã xảy ra tại đài phát thanh Huế đêm 8-5-1963, giải thích 5 nguyện vọng của Phật Giáo gửi chính quyền, mục tiêu và phương thức đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo của Phật Giáo Việt Nam. Hơn 5000 Phật tử im lặng lắng nghe và sẵn sàng tuân theo mọi chỉ thị, mọi mệnh lệnh của Ban Chỉ Đạo. Sau đó toàn thể Phật tử đã ra về trong trật tự.

Tại chùa Tỉnh Hội một lê đài để hai thượng tọa Thích Lương Bậc và Thích An Căn ngồi tuyệt thực được thiết lập. Ban Chỉ Đạo định tổ chức buổi tuyệt thực cầu nguyện cho các thánh tử đạo, cho nguyện vọng của Phật Giáo Việt Nam vào sáng ngày 1-6-1963, nên sáng hôm ấy Phật tử thuộc các Khuôn Hội, Chi Hội, các Gia Đình Phật Tử đã đến tập trung đông đảo tại khuôn viên chùa. Sau lễ cầu nguyện, vị đại diện Phật Giáo Quảng Trị, hướng dẫn một phái đoàn đem bản kiến nghị đến tòa tỉnh nhờ ông Tỉnh Trưởng chuyển đạt lên chính phủ. Đi theo phái đoàn là hàng nghìn Phật Tử mang theo một biểu ngữ duy nhất với lời lẽ: Yêu Cầu Chính Phủ Giải Quyết Thỏa Đáng 5 Nguyện Vọng của Phật Giáo. Họ tụ tập trước Tòa Tỉnh, rồi sau đó đi tuần hành trên các con đường chính và cuối cùng giải tán trong trật tự.

Đến 2 giờ chiều ngày 1-6-1963 Ban Chỉ Đạo cho xe chở hai vị tuyệt thực đến công trường Quảng Trị, cốt quảng bá 5 nguyện vọng đấu tranh của Phật Giáo. Đêm hôm ấy các lực lượng vũ trang của chính quyền đến vây quanh, nội bất xuất ngoại bất nhập. Các Phật tử có bốn phận săn sóc sức khỏe của quý thầy cũng không được phép ra vào. Sáng sớm ngày 2-6-1963 Phật tử đến thăm quý Thầy đều bị ngăn cản. Đám vũ trang canh gác dùng những từ ngữ có tính cách xúc phạm nói với Phật Tử đến thăm:

- Tuyệt thực! Cho bây chết.
- Tuyệt thực chết như chó chết.
- Mấy đứa Phật tử cha mẹ chết không khóc mà đi khóc mấy thằng chưa chết.
- Tuyệt thực gì mà đánh nước cam.
- Cho nó tranh đấu. Đói nó sẽ về nhà. Còn mấy thằng trong này cho chúng chết.
- Tranh đấu cho lăm, rồi đâu cũng chỉ một đạo mà thôi

Những câu xúc phạm ấy làm cho quần chúng tức giận. Thế rồi vào khoảng 8, 9 giờ tối, xô xát giữa quân lính vũ trang và quần chúng xảy ra. Đồng bào ném đá vào những nhiếp ảnh viên đang trà trộn trong đám vũ trang chụp hình những người hăng say đấu tranh. Đám lính vũ trang bắn súng, ném lựu đạn cay giải tán dân chúng tụ tập quanh hàng rào kẽm gai. Vào khoảng 11 giờ khuya, một chiếc xe Wagon màu xanh chở cây ngắn phân phát cho binh sĩ giữ trật tự, bảo dân chúng yên tâm, sẽ lần lượt cho vào thăm, mỗi lượt đi vào 20 người. Họ dẹp giây kẽm gai, mở lối cho dân chúng vào. Dân chúng kéo nhau vào thăm 2 thầy ngồi tuyệt thực. Thình lình vòng vây bao chặt lại. Tên đại úy Nguyễn Huỳnh Bảo ra lệnh cho đánh. Thế là đồng bào bị ăn đòn chí tử, nhiều người bị thương.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Họ vì quá chất phác nên đã bị lường gạt, vì nhẹ dạ mà sa vào cạm bẫy để bị hành hung, trong lúc những phần tử phá rối, gây hấn, lại nằm ngoài pháp luật, không bị một tai hại nào!...*

*"Bất ngờ vào ngày 6-6-1963 tôi được tin có Thượng Tọa Đức Tâm ra thăm chùa Tỉnh Hội. Tôi chắc có chuyện gì hệ trọng nên Tổng Trí Sư mới phái Thượng Tọa ra đây. Đến khi Thượng Tọa đi vào thì có thêm một viên trung tá cùng đi nữa... Khi đến chùa viên trung tá đi ngay vào chánh điện đứng nghiêm trang lễ Phật rồi vào hậu lieu bái yết tôi. Nhìn cử chỉ và cách xưng hô cung kính của viên trung tá tôi ngạc nhiên hết sức. Đến khi tôi mời hai vị ngồi uống nước, thì Thượng Tọa Đức Tâm mới giới thiệu cho biết trung tá Trương Khuê Quan, đặc phái viên của chính phủ ra để thông báo với Ban Chỉ Đạo biết là chính phủ đã chấp nhận tiếp kiến phái đoàn Phật Giáo để giải quyết 5 nguyện vọng của Phật Giáo. Đại diện chính phủ và Phật Giáo sẽ thương thảo tại Hội Trường Diên Hồng và sẽ có Một Thông Cáo Chung..."*

Sau khi Thượng Tọa Đức Tâm và Trung Tá Trương Khuê Quan trở về Huế, Hòa Thượng cho triệu tập hội viên các Khuôn Hội, Chi Hội và Gia Đình Phật Tử để thông báo những gì Hòa thượng thâu hoạch được trong buổi gặp gỡ Thượng Tọa Đức Tâm và Trung Tá Trương Khuê Quan.

Phật tử lắng nghe, lòng dạ phấn khởi, thì bất ngờ sáng ngày 7-6-1963 xe Ty Thông Tin đến chia loa vào chùa Tỉnh Hội đọc một bản thông cáo bằng những lời lẽ hoàn toàn trái ngược với những gì đặc phái viên của chính phủ Trung Tá Trương Khuê Quan nói ngày hôm qua. Bản Thông Cáo cho biết Trung Tá Trương Khuê Quan chỉ đến thăm chùa với tư cách cá nhân, không có thẩm quyền gì để có thể tiết lộ về sự thương thảo của chính phủ với Phật Giáo.

Phật Giáo biết tin vào ai bây giờ. Người nói ngã này, người nói ngã khác. Một chính phủ coi thường lời nói của mình! *Nhất ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ tán bang.* Lời người xưa đối với chính quyền này không có một giá trị gì cả!

Ngày 11 tháng 6, Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã ba đường Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng lúc 10 giờ

sáng. Trước khi tự thiêu Hòa Thượng để lại bức thư gửi Tổng Thống Ngô Đình Diệm cầu mong Tổng Thống lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân, giữ vững nước nhà muôn thuở. Hòa Thượng cũng kêu gọi Tăng Ni Phật Tử đoàn kết nhất trí để bảo toàn Phật pháp.

Sự hy sinh dâng hiến của Hòa Thượng cho tự do và bình đẳng tôn giáo được diễn đạt trong lời thơ thắm thiết của thi sĩ Vũ Hoàng Chương:

*Lửa, lửa cháy ngắt tòa sen  
Tâm chín phương nhục thể trần tâm hiện  
Thành thơ, quỳ cả xuống  
Hai vầng sáng rưng rưng  
Đông tây nhòa lệ ngọc  
Chấp tay đón một mặt trời mới mọc  
Ánh đạo vàng phơi phới đang bừng lên  
dâng lên.*

*Ôi đích thực hôm nay trời có mặt  
Giờ là giờ hoàng đạo nguy nga  
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt  
nhìn nhau: tình huynh đệ bao la  
Nam Mô Đức Phật Di Đà  
Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay?*

*Thương chúng sinh trầm luân bể khổ  
Người rẽ phăng đêm tối đất dày  
bước ra ngoài nhập định hướng về Tây  
gọi hết lửa vào xương da bỏ ngỏ  
Phật pháp chẳng rời tay.*

*Sáu ngả luân hồi đâu đó  
mang mang cùng nín thở  
tiếng nấc lên từng nhịp bánh xe quay.  
Không khí vận mình theo, khóc òa lên nổi gió  
Người siêu thăng... giông bão lảng từ đây*

bóng người vượt chín tùng mây  
nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề

Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạo  
Lua hay tre, nào khiến bút ai ghi  
Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác  
Trong vô hình sáng chói nét từ bi.

Rồi đây... rồi mai sau... còn chi?  
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát  
Với thời gian, lê vết máu qua đi  
– Còn mãi chứ, còn trái tim bồ tát  
đội hào quang xuống tận chốn A Tỳ  
Ôi ngon lửa huyền vi  
Thế giới ba nghìn, phút giây ngơ ngác  
Từ cõi vô minh  
Hướng về cực lạc  
Vẫn điệu thi nhân chỉ còn là rơm rách  
và cũng chỉ nguyện được là rơm rách  
thơ cháy lên theo với lời kinh  
Tụng cho nhân loại hòa bình  
Trước sau bền vững tình huynh đệ này...

Thôn thức nghe lòng trái đất  
Mong thành quả phúc về Cây  
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật  
Đồng loại chúng con nắm tay nhau tràn nước mắt  
Tình thương hiện tháp chín tầng xây.

Ngày 16 tháng 6 Ủy Ban Liên Bộ và Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ  
Phật Giáo ký Thông Cáo Chung chấp thuận 5 nguyện vọng của  
Phật Giáo. Năm nguyện vọng rất khiêm tốn. Thế mà:

Ngày 26 tháng 6, cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu, thủ lãnh  
Thanh Niên Cộng Hòa, gửi tài liệu cho tổ chức Thanh Niên  
Cộng Hòa chống Thông Cáo Chung. Bà Ngô Đình Nhu, dân  
biểu quốc hội, thủ lãnh Liên Đới Phụ Nữ cũng gửi tài liệu

cho tổ chức Liên Đới Phụ Nữ chống Thông Cáo Chung.

Ngày 23 tháng 7 một cuộc biểu tình của khoảng 100 thương phế binh do chính phủ tổ chức trước chùa Xá Lợi chống Thông Cáo Chung, trong khi Bộ Trưởng Công Dân Vụ Ngô trọng Hiếu cho 300 cán bộ cạo trọc đầu giả làm tăng sĩ đi quyên tiền, đặt may cờ Giải Phóng Miền Nam để vu cáo Phật Giáo bị cộng sản xâm nhập, tiếp tay với cộng sản!

Tăng Ni và tín đồ Phật Tử quá thát vọng, không ngờ chính quyền lại có thể làm những điều như vậy. Họ không biết làm gì hơn ngoài việc đem thân xác mình để cảnh tỉnh chính quyền. Nhiều vụ tự thiêu khắp nơi xảy ra: tại Sài Gòn, Nha Trang, Huế.

Quần chúng, trí thức, sinh viên, chính khách, nhân sĩ... không thể chấp nhận những hành động vu khống, mạ lị, đàn áp bất công nêu:

- Ngày 16 tháng 8, 1963, chợ búa, trường học, xí nghiệp, công ty sở đều bãi công. Giới chức Đại Học Huế đồng loạt từ chức.
- Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ, ông Trần Văn Chương từ chức.
- Phu nhân đại sứ Trần Văn Chương, Đại Diện Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc từ chức.
- Ngày 14 tháng Tám, 15,000 giáo sĩ của các Giáo Hội Cơ Đốc tại Hoa Kỳ, mỗi người đã gửi thư đến Tổng Thống Kennedy yêu cầu chấm dứt viện trợ cho chính phủ Ngô Đình Diệm.
- Tờ New York Times ngày 19-7-1963 đã so sánh tình trạng chính phủ Ngô Đình Diệm với tình trạng chính phủ Lý Thừa Văn tại Hán Thành trong những ngày suy tàn với lời bình luận: *Nhưng “có lẽ khác với Lý Thừa Văn, ông Diệm có thể vượt qua cơn sóng gió, nhưng cách giải quyết vấn đề của ông bằng lối đàn áp hơn là làm dịu nỗi đau khổ của Phật Giáo đồ khiến người ta phải ngờ không biết ông có thể vượt qua được không?”*

Linh Mục Lê Quang Oánh đã gửi bức thư cho Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và Thượng Tọa Trí Sư Trưởng Giáo Hội Tăng Già Việt Nam với lời lẽ sau:

*Kính thưa quý vị,*

*Chúng tôi, linh mục Lê Quang Oánh, nhân danh khối giáo sĩ Đồng Tâm, cùng đại diện các đoàn thể khác của chúng tôi, kính gửi lời huyết lệ như sau:*

*Rất đau buồn cho thế đạo nhân tâm. Xin kính cẩn phân ưu cùng quý vị và các quý Phật Tử trong cuộc tang thương vào dịp lễ Phật Đản năm nay ở cố đô Huế, tám đồng quan điểm tranh đấu cho “tín ngưỡng tự do”.*

*Không đào ngũ, chẳng yếu hèn, kia dưới quốc kỳ Việt Nam bao chiến sĩ anh hùng ta hy sinh trên khắp ngả đường đất nước. Tinh thần ái quốc ấy từ lâu đã được hun đúc bởi tinh hoa của các tôn giáo tự nhiên và siêu nhiên.*

*Xin nghiêm minh mặc niệm các linh hồn tử sĩ, chia buồn với gia đình họ và an ủi các nạn nhân trong cược đổ máu này.*

*Chúng tôi lên án “tội bất công” đã giết hại đồng bào vô tội. Thật là tàn bạo, dã man, phản dân chủ, phản tự do, phản đạo đức, làm nhục cho quốc thể Việt Nam, một nước văn hiến trên bốn nghìn năm lịch sử.*

*Dám cả quyết rằng “nhân nghĩa” sẽ thắng. Những màu cờ tượng trưng cho công bằng, bác ái, nhân đạo và hòa bình như quốc kỳ Vatican, hội kỳ Hồng Thập Tự, đạo kỳ Phật Giáo, thánh kỳ Maria vẫn còn mãi tung bay trên đất Việt thân yêu và khắp toàn cầu, mặc dù có xàm ngôn xuẩn động xúc phạm tinh thần phúc âm mà đức Giáo Hoàng đã diễn đạt trong thông điệp Hòa Bình Thế Giới, một vấn kiện rất thời danh.*

*Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII, khi tiếp phái đoàn Phật Giáo Nhật Bản, ngài đã nói với 19 vị Thượng tọa rằng Công Giáo và Phật Giáo chúng ta đều phụng sự cho Hòa Bình”.*

*Trên Hồ Than Thở Đà Lạt ngày 12-5-1963*

*Đại diện ký tên:*

*Linh mục G.M. Lê Quang Oánh, Linh mục T. Võ Quang Thiêng, nữ sinh M. Ngọc Lan Hương, lao công A. Hùng Trí Siêu, thân bảo Thanh Lực, tu sĩ P. Viên Tô Tư, giáo hữu B. Huỳnh Phú Sỹ, thanh niên V. Leo Kim Chi, nhân sĩ Đèo Văn Hộ.*

*Noi nhậm:*

- Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam.
- Thượng Tọa Trí Sư Trưởng Giáo Hội Tăng Già Việt Nam.
- Sao kinh gửi: Đức Khâm Sứ và các Linh mục Công Giáo.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “Trước tình hình dầu sôi lửa bỏng ấy, Tổng Trị Sự Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo nhận định rất rõ điều bối ướt đó nên ngày 26 tháng 6, 1963 Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đã gửi cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm một bức thư mang số 109 THPG/HC để trình bày mối nguy cơ trong việc chính phủ đã không thực thi đúng đắn Bản Thông Cáo Chung.

*“Thế nhưng chính quyền Ngô Đình Diệm không những làm ngơ mà còn còn có những hành động bội ướt nhiều hơn nữa”:*

- Ngày 20-8-1963 Lực Lượng Cảnh Sát Đặc Biệt tấn công chùa Xá Lợi tại Sài Gòn và các chùa khác trên toàn quốc.
- Ngày 21 tháng 8 chính phủ ban bố lệnh thiết quân luật khắp nước.
- Chính phủ thành lập Phật Giáo Cổ Sơn Môn, Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Túy chống lại Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, gửi thư sang Tích Lan buộc tội Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam làm chính trị muối lật đổ chính quyền hợp pháp.

Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu từ chức. Giáo sư Phạm Biểu Tâm, khoa trưởng Y Khoa Sài Gòn từ chức. Sinh viên, học sinh toàn quốc đứng lên biểu tình chống đối hành động ngoan cố của chính phủ. Chư tăng ni tiếp tục tự thiêu bảo vệ chánh pháp.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “Do đó mà Tổng Trị Sự và Ủy Ban Liên Phái đã phát động cuộc tranh đấu lần thứ hai nhằm yêu cầu chính phủ thực thi đúng đắn Bản Thông Cáo Chung.

*“Lần này, tôi được Ban Lãnh Đạo cử về chùa Diệu Đế để tiếp tục lãnh đạo cuộc tranh đấu ở đây... Tôi về chùa Diệu Đế với bao nhiêu công việc cấp bách phải làm: Tổ chức các buổi nói chuyện của Thượng Tọa Thiện Minh, của Đại Đức Chánh Lạc*

*v.v... nhằm giải thích cho Phật Giáo đồ hiểu rõ đường lối đấu tranh của Phật Giáo trong giai đoạn hai này.”*

Chùa Diệu Đế cả ngày lẫn đêm tấp nập đầy người. Không khí đấu tranh sôi sùng sục. Đoàn viên Gia Đình Phật Tử ngoài công tác giữ gìn trật tự, còn có bốn phận thường xuyên túc trực bên cạnh Hòa Thượng. Họ lo bảo vệ tính mạng Hòa Thượng còn hơn tính mạng của họ. Tình thần hộ trì Tam Bảo của anh em trong Gia Đình Phật Tử đáng được đề cao. Nhưng rồi vẫn không tránh được tai họa:

Vào khoảng 12 giờ đêm 20 rạng ngày 21-8-1963, chùa Diệu Đế cũng như những chùa lớn khác trên toàn quốc đã bị lực lượng quân đội và cảnh sát của chính quyền Ngô Đình Diệm tấn công. Họ ném lựu đạn cay, bắn nhiều loại súng để xua đuổi đồng bào Phật Tử đang bao vây bên trong và bên ngoài chùa. Họ tiến đến đâu thì ở đó ngổn ngang như bãi chiến trường.

Hòa Thượng Đôn Hậu sợ Phật Tử phản ứng bạo động, nên bước ra giữa chánh điện, không quản nguy hiểm, nói với Phật Tử, với anh em trong Gia Đình Phật Tử: “*Tất cả Phật Tử nghe tôi. Hãy chấp tay cầu nguyện. Không được bạo động. Hãy ghi nhớ lời dặn dò của Hòa Thượng Hội Chủ là luôn luôn bất bạo động. Tôi sẽ thay mặt Giáo Hội nói chuyện với nhân viên chính quyền.*”

Chính quyền dùng nhiều mưu mô, thủ đoạn, không chính nhân quân tử một tí nào. **Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Một viên trung tá bước tới gần tôi, ngỏ lời mời tôi vào Sài Gòn để tiếp kiến Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tôi biết họ muốn bắt tôi. Dầu có cưỡng lại cũng không đi đến đâu. Tôi để ông trung tá đưa tôi ra xe. Thế là tôi bị bắt, bị giải đi. Họ không ngần ngại nói những lời phỉ nhau.*”

“*Tôi bị đưa về Ty Công An Huế, bị biệt giam hai ngày trong một ngôi nhà vắng người. Đến ngày thứ ba họ dẫn tôi đến giam chung với quí vị Thượng Tọa Lãnh Đạo cuộc tranh đấu*

*nhus Thượng Tọa Trí Thủ, Thượng Tọa Mật Hiển, Thượng Tọa Mật Nguyên, Thượng Tọa Thiện Siêu, Thượng Tọa Thiện Minh, Thượng Tọa Chánh Trực, nhưng vẫn giam mỗi người trong một căn phòng nhỏ để thẩm vấn.*

*“Tôi bị gọi đi thẩm vấn vào đêm khuya, vì chung quanh hoàn toàn im lặng, Viên thẩm vấn suốt trong hai giờ đồng hồ cố gài tôi, muốn tôi thú nhận là Phật Giáo đấu tranh trong giai đoạn hai là cố lật đổ chính phủ chứ không phải vì tự do, bình đẳng tôn giáo. Tôi nói với viên thẩm vấn là Phật Giáo tiếp tục đấu tranh sau Thông Cáo Chung vì chính quyền không tôn trọng những lời cam kết, không tôn trọng Thông Cáo Chung chứ không vì muốn lật đổ chính quyền. Mục tiêu của chúng tôi trước sau như một. Những điều chúng tôi đòi hỏi hết sức khiêm nhường, không biết tại sao chính phủ không thỏa mãn được. Tại sao hứa rồi thay đổi ý kiến. Tại sao ký rồi không thi hành?*

*“Ba ngày đêm tôi bị thẩm vấn liên tục. Tôi bắt đầu thấy mệt mỏi. Đến ngày thứ tư, có một anh khác, trông mặt mày có vẻ thiện cảm hơn, ăn nói lịch sự hơn đến mời tôi ra khỏi phòng giam, nói tôi được nghỉ một hôm và nói muốn hỏi tôi vài điều về giáo lý Phật.*

*“Tôi nói điều gì thì tôi không biết chứ giáo lý Phật tôi có học một ít và thỉnh thoảng cũng hay đi giảng.*

*“Anh ấy nói: Tôi nghe trong đạo Phật thường nói đến thuyết luân hồi. Con người chết đi rồi đâu thai thành con trâu, con chó... sao khó tin quá. Thượng Tọa có thể giải thích cho tôi nghe được không?*

- Anh có tin con người chết là hết, hoàn toàn mất hẳn?*
- Tôi không tin con người chết đi là mất hẳn, nhưng cũng không tin sẽ thành trâu, thành chó.*

*Tôi cảm thấy như mình đang đi giảng trả lời câu hỏi của thính chúng thay vì kẻ đang bị giam trong tù, nên nói: Chà,*

nói chuyện này thì hơi dài dòng đó. Để cho dễ hiểu, tôi xin kể cho anh nghe một câu chuyện rồi sẽ giải thích sau: Có gia đình ông A nọ đang quay quần vui vẻ với vợ con trong ngày Tết thì có người khách đến chơi mời ông đi đến quán nhậu và sòng cờ bạc ăn thua lớn ở bên phố Trần Hưng Đạo. Anh B con ông A nghe vậy nghĩ mình có thể qua đó thử thời vận, kiếm năm ba nghìn về ăn Tết. Anh vội vàng mở tủ lấy ít tiền, phỏng xe đến sòng bạc. Đến xế chiều, ăn thua thế nào không biết chỉ thấy anh B say mèm, nằm trên hè phố trước sòng bạc, mặc cho người qua kè lại. Tôi xin chấm dứt câu chuyện ngang đó, để chiêm nghiệm một số dữ kiện. Động cơ nào thúc đẩy anh B để anh phải chịu thảm cảnh ấy? Có phải vì lòng dạ tham lam, ưa ăn nhậu và bài bạc của anh gây nên nồng nỗi? Trong khi đó, với người ngoan đạo như anh, anh đi đến nhà thờ, xin rửa tội, học hỏi các hạnh lành, cầu nguyện cho mọi người sống trong yêu thương và thánh thiện. Động lực nào thúc đẩy anh như vậy? Phải chăng do tư tưởng tốt lành mà anh đã học được từ lời dạy của Chúa? Đạo Phật chúng tôi quan niệm trong đời sống con người, mọi sự khổ, vui, thăng trầm, thanh cao, nhục nhã... đều do tư tưởng, ý niệm hướng dẫn. Cho nên người nào hàng ngày sống với tâm hồn lang thú, hành động độc ác, ích kỷ tham lam, thì chắc chắn sau khi chết, sẽ không hoàn toàn mất hẳn như anh thưa nhện, họ sẽ đồng hóa với súc sinh, ngựa quỉ. Cho dù hiện tại họ đang mang thân người, nhưng họ lại sống và hành động theo thú tính, thì chẳng qua họ là loài lang thú đang đội lốt người không hơn không kém. Còn ngược lại, người nào mà hàng ngày họ sợ điều ác, sợ tội lỗi, sống với tâm hồn thanh cao, thánh thiện thì chắc chắn cuộc đời của họ được thăng hoa. Tuy mang thân người mà họ đã sống đời tiên giới. Do đó con người có thể lên Thiên Đường hay làm thiên trâu chó, không có gì khó hiểu.

Anh ta im lặng ngồi nghe, không nói một lời”.

Tại Sài Gòn cũng như trên toàn Miền Nam Việt Nam dưới quyền cai trị của chính quyền Ngô Đình Diệm, các ngôi chùa

làm căn cứ cho cuộc vận động đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo đều bị chung số phận như các chùa tại Huế và quý thầy, quý Phật Tử ở các nơi khác cũng bị bắt bớ, giam cầm.

Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật Giáo Sứ Luận III*, tr. 404-406 viết: “*Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo tại chùa Xá Lợi được mật báo về cuộc tấn công chùa chiền vào lúc 5 giờ chiều ngày 20-8-1963. Một buổi họp thu hẹp của Ủy Ban Liên Phái được tổ chức ngay sau đó để bàn định kế hoạch đối phó với cuộc tấn công này mà các vị lãnh đạo cho là lá bài chót của chế độ. Sau buổi lễ Phật vào 8:30 tối, các Phật Tử đến hành lễ tại chùa Xá Lợi, được yêu cầu ra về vào lúc 9 giờ thay vì 11:00 giờ như thường lệ. Vào khoảng 10 giờ đêm thì cảnh chùa đã trở lại yên tĩnh. Tam quan chùa và các cửa hông chùa đều được đóng lại kỹ lưỡng. Đèn ngoài sân chùa đều được để sáng chứ không tắt như mọi hôm. Các Tiểu Ban của Ủy Ban Liên Phái vẫn im lặng làm việc. Một số thanh niên tăng ngồi canh gác sau các cổng chùa. Vào lúc 15 phút sau nửa đêm, Ủy Ban Liên Phái nhận được một tin nữa bằng điện thoại, do một người không xưng danh tin cho biết chùa Xá Lợi sắp bị tấn công và các vị lãnh đạo Phật Giáo sẽ bị bắt cóc. Tất cả Tăng Ni trong chùa đều im lặng niệm Phật để chờ đợi.*

*Đúng ba mươi phút sau nửa đêm, một hồi còi rú lên phía ngoài và xe cảnh sát đổ đến vây quanh chùa. Khoảng 200 người của Lực Lượng Đặc Biệt ào tới tấn công chùa. Giấy điện thoại và giây đèn bị cắt đứt. Các vị lãnh đạo cao cấp của Phật Giáo lúc này đã rút lên chánh điện, bao bọc bởi chư tăng ni. Một số thanh niên tăng trấn ở cầu thang để ngăn không cho bọn người hung dữ tiến lên xâm phạm vào các bậc trưởng thượng của họ. Những cuộc đập phá đã bắt đầu. Bàn thờ thiền sư Quảng Đức bị lật đổ, các cánh cửa và hương dài bị đập phá. Một số chư tăng đánh trống và dông chuông để báo hiệu nguy cấp cho dân cư trong khu phố. Nhiều vị sư khác gõ vào bất cứ thứ gì có thể tạo nên âm thanh để góp phần vào việc báo hiệu.*

Sau khi phá phách bên dưới xong xuôi những người tấn công bắt đầu leo lên thượng điện. Tại đây, thanh niên tăng đã chắt ghế và bàn đầy cầu thang khiến họ không tiến lên ngay được. Những người tấn công tung lựu đạn cay lên. Bị khói cay, các tăng ni ho sặc sụa, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng. Họ dùng khăn ướt bít mặt lại và tiếp tục liêng thêm bàn ghế xuống để chặn đường cầu thang. Thanh niên tăng cầm cự được khoảng gần một giờ rưỡi thì kiệt sức. Nhiều vị ngã lăn bất tỉnh. Lựu đạn cay ném lên chánh điện nhiều quá khiến họ không còn khống khí để thở. Áo quần họ cháy xém. Những người tấn công đã lèn tới chánh điện, dùng súng và lưỡi lê đồn tất cả tăng ni vào một góc. Họ còng tay từng người rồi dẫn ra trước sân thượng điện. Những ai kháng cự đều bị đánh đập không thương tay. Những người mệt mỏi không đi nhanh đều bị họ tống bằng súng vào lồng. Nhiều tăng ni mặt mày bị dập, máu tuôn ướt áo.

Trong khi đó, một số trong những người tấn công đi lục soát các phòng ốc khác trong chùa. Họ phá cửa một căn phòng khóa kín trên tầng xá và tìm thấy gần mươi vị thiền sư đang tĩnh tọa. Đại lão thiền sư Tịnh Khiết có mặt trong số người này. Ông bị những người tấn công xô ngã sấp và bị một vết thương noi mắt trái.

Trong lúc cuộc đòn áp đang diễn ra trên thượng điện, một số tăng sĩ ở bên dưới tìm cách leo lên bức tường sau chùa Xá Lợi để thoát ra ngoài. Bốn vị trong số đó bị bắn rơi trở lại dưới chân tường. Hai vị trèo thoát được sang địa phận của cơ quan USOM của Hoa Kỳ và xin tị nạn ở đấy.

Ngót hai trăm năm mươi vị tăng ni bị bắt. Những người tấn công được lệnh áp giải các thiền sư Tịnh Khiết, Tâm Châu, Thiện Minh, Quảng Độ, Giác Đức và các vị quan trọng khác trong Ủy Ban Liên Phái đi trước. Các tăng ni khác được lần lượt áp giải ra xe. Năm chiếc xe cam không lớn chất đầy các vị tăng ni, người thì bị thương, người còn bất tỉnh, rời chùa Xá Lợi. Cuộc tấn công chùa chấm dứt vào lúc 2 giờ 15 sáng ngày 21-8-1963.

*Chùa Xá Lợi bị tàn phá tan hoang. Tượng Phật Thích Ca tại chánh điện cũng bị xâm phạm. Những người tấn công đã móc mắt tượng Phật để chiếm lấy hai hạt kim cương trong hai mắt tượng.*

*... Số lượng tăng ni và các cư sĩ toàn quốc bị bắt nhốt đêm đó, theo tài liệu của chính quyền là 1,400 vị nhưng có thể cao hơn”.*

Tối hôm 25-8-1963 tại Huế, sau khi chùa Diệu Đế bị tấn công đêm 20 rạng 21-8-1963, Hòa Thượng Đôn Hậu bị bắt giam, bị tiếp tục kêu lên thẩm vấn hết đêm này đến đêm khác. Thân thể bạc nhược, đầu óc căng thẳng. Trong lần thẩm vấn kế tiếp, viên thẩm vấn nói nếu Hòa Thượng chịu nhận Phật Giáo đấu tranh đọt hai với mục đích lật đổ chính phủ và nếu Hòa Thượng đồng ý tham gia vào tổ chức Phật Giáo Thuần Túy do Hòa Thượng Nhật Minh vừa mới thành lập tại Sài Gòn để chỉnh đốn lại Phật Giáo thì Hòa Thượng được trả tự do ngay.

Nghe vậy trong đầu Hòa Thượng nảy ra ý nghĩ: Với tình trạng Phật Giáo như thế này, chùa chiền bị phong tỏa, chư tăng ni Phật tử bị bắt bớ giam cầm, nếu ngồi yên trong tù thì không giải quyết được việc gì cả. Tại sao không noi gương Hòa Thượng Quảng Đức, hiến nhục thân cho Đạo Pháp, làm cây đuốc soi đường cho những tâm hồn đen tối. Nhưng muốn thực hiện đại nguyện này thì phải kiếm cách ra khỏi nhà giam. Suy nghĩ cẩn kẽ, Hòa Thượng quyết tâm chấp nhận hai điều kiện viên thẩm vấn đưa ra.

Từ đó Hòa Thượng được chính quyền ưu đãi, ưa gì được nấy. Hòa Thượng được đi thăm các chùa Diệu Đế nơi Hòa Thượng bị bắt. Rồi lần lượt đi thăm chùa Linh Mụ, Báo Quốc, Từ Đàm... Hòa Thượng đi thăm để xem xét tình hình.

Ngày 2 tháng 8 Âm Lịch tức ngày 19-9-1963 Hòa Thượng được Ông Tỉnh Trưởng mời đến Tỉnh Đường để gặp. Ông Tỉnh Trưởng cho biết ông ta cũng như quý vị trong chính phủ bấy lâu biết Hòa Thượng là nhà tu hành chân chính, được Phật Giáo đồ

tòan quốc hâm mộ. Chính phủ muốn mời Hòa Thượng giúp chính phủ một việc.

Hòa Thượng tỏ vẻ ngạc nhiên, mở to mắt nhìn ông Tỉnh Trưởng.  
**Trên Những Chặng Đường** ghi: “*Thưa ông Tỉnh Trưởng, lời nói vừa rồi của ông Tỉnh Trưởng làm cho tôi khó nghĩ vì tôi là người tu hành, suốt đời ngoài việc tu học và giảng đạo tôi không biết gì về chính trị thì làm sao có thể giúp chính phủ được điều gì?*

“Ông Tỉnh Trưởng nói: *Thầy có tài diễn giảng. Chính phủ chỉ nhờ thầy làm công việc diễn giảng không mà thôi.*

“*Điễn giảng như thế nào? tôi hỏi*

“*Dễ thôi, ông Tỉnh Trưởng trả lời. Chính phủ nhờ thầy lên diễn đàn nói cho quần chúng Phật Tử hay là chủ trương, đường lối của chính phủ đối với Phật Giáo là hoàn toàn xây dựng. Những lời tuyên truyền xuyên tạc của một số người bất hảo cho chính phủ kỳ thị, đàm áp Phật Giáo là hoàn toàn sai lầm, có ác ý.*

“*Thưa ông Tỉnh Trưởng, như trong biên bản tôi đã ký, tôi hứa từ rày sau tôi sẽ không tham gia bất cứ một công việc gì có mang tính chính trị. Bây giờ ông Tỉnh Trưởng lại bảo tôi giải thích đường lối, chính sách của chính phủ, một lãnh vực chính trị tôi không mấy am tường và đi ngược lời cam kết của tôi. Xin ông Tỉnh Trưởng miễn cho.*

“*Ông Tỉnh Trưởng đổi giọng, lớn tiếng: Tốt lắm, tốt lắm! Thầy nói thầy không hề tham gia vào việc chính trị, nhưng thầy lại cho đặt 7 cái loa phóng thanh tại chùa Diệu Đức liên tục chửi bới chính phủ. Giờ đây tôi chỉ nhờ thầy giải thích đường lối chính phủ thầy lại từ chối cho là làm chính trị.*

“*Thấy ông Tỉnh Trưởng to tiếng có vẻ giận dữ, tôi nhớ ý định của mình là mong sớm được ra khỏi nhà giam để noi theo gương ngài Quảng Đức nên tôi chấp thuận, mạnh dạn trả lời: Thôi được, tôi sẽ làm theo lời yêu cầu của ông Tỉnh Trưởng.*

“Ông Tỉnh Trưởng thay đổi sắc mặt, vui vẻ nói: Ủ, có thể chứ! Người ta nói thầy là bậc chân tu, chẳng sai chút nào. Để xem thử hôm nay là ngày mồng hai... Ngày mồng bốn là ngày tốt. Thôi thầy hãy trở về phòng, làm hai tờ cam kết theo sự chỉ dẫn của người tôi gửi đến, sáng mồng bốn tức là ngày 21 tháng 9, 1963, sau khi nộp xong hai tờ cam kết tôi sẽ cho xe đưa thầy về chùa.

“Thưa ông Tỉnh Trưởng, tôi quên thưa với ông Tỉnh Trưởng một điều. Theo giới luật nhà Phật, chúng tôi, hàng tu sĩ, muốn làm việc gì cũng phải tuân theo qui luật nhà Phật, theo ý kiến của Tăng Già. Do đó tôi mong ông Tỉnh Trưởng cho phóng thích quý thầy để tôi trình bày công việc xin quyết định của họ Tôi tin rằng họ sẽ hoan hỷ cho tôi trình bày quan điểm của chính quyền trong những buổi giảng công cộng của tôi.

“Ông Tỉnh Trưởng gật đầu. Thế là sáng hôm sau, ngày 22 tháng 9, 1963 tôi và các Thượng Tọa Thiện Siêu, Chánh Trực cùng được thả ra một ngày. Quý Thượng Tọa Mật Hiển, Mật Nguyên bị đưa vào Sài Gòn, ép tham gia vào Ủy Ban Phật Giáo Thuần Túy. Riêng hai Thượng Tọa Trí Thủ và Thiện Minh còn bị giữ lại, đến hôm sau cũng bị đưa đi Sài Gòn.

“Sau khi được thả, tôi về Từ Đàm. Chính quyền địa phương không cho tôi ở Từ Đàm lấy cớ kiểm tra của tôi ghi địa chỉ chùa Linh Quang, nên tôi phải đến cư trú tại chùa Linh Quang. Hôm sau tôi cho người về chùa Linh Mụ lấy mấy tấm phim dạ dày do bác sĩ Lý Hồng Chương chụp tại Sài Gòn cách đây mấy năm, đồng thời tôi cho người xuống bệnh viện Ngô Quyền xin một phòng cho tôi đến nằm chữa bệnh. Nằm được một hôm, tôi liền xúc tiến ý định tự thiêu. Tôi cho người mời Ni Sư Thể Quán và Ni Sư Cát Tường về để tôi bàn công chuyện. Khi hai ni sư đến, tôi nói ngay ý định của mình:

“Chắc hai ni sư biết từ khi tôi được đi học ở chùa Thập Tháp, Bình Định cho đến nay đã trên 30 năm. Trước sau tôi chỉ một lòng chăm lo đạo pháp. Bây giờ đạo pháp ở trong vòng nguy khốn, tôi thấy cần phải làm việc gì để thức tỉnh nhân tâm,

*cứu nguy đạo pháp. Tôi muốn theo gương Hòa Thượng Thích Quảng Đức, cung đường nhục thân cầu Phật Pháp trường tồn.*

*“Nghe tôi nói như thế, sắc mặt hai ni sư đổi sắc. Nhưng tôi vẫn nói tiếp: Nhưng muôn thực hiện ý nguyện đó, trước khi châm lửa tự thiêu, tôi phải viết bốn bức thư. Bức thư thứ nhất gửi cho Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam để xin phép cho tôi được toại nguyện, Bức thư thứ hai gửi cảm ơn Tăng Ni Phật Tử, các bậc thiện hữu tri thức, đàn na thí chủ đã giúp đỡ tôi trong đời tu học. Bức thư thứ ba gửi cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo, đàn áp Phật Giáo, đồng thời yêu cầu Tổng Thống trả tự do cho Tăng Ni, Phật Tử hiện đang bị giam giữ. Bức thư thứ tư gửi cho Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc yêu cầu can thiệp với chính phủ Ngô Đình Diệm chấm dứt chính sách kỳ thị, ngược đãi Phật Giáo.*

*“Về việc viết bốn bức thư này, tôi thấy tuy hiện nay tinh thần tôi vẫn còn minh mẫn, nhưng sức khỏe quá yếu, nên tôi nhờ ni sư Thể Quán viết giúp và tìm mọi cách gửi đến những nơi tôi muốn gửi.*

*Ni sư Thể Quán với nét mặt buồn bã, thưa: Bạch Thượng Tọa, trong khi Thượng Tọa bị giam giữ, chúng con nghe Thượng Tọa đã cầu kết, hứa hẹn gì với công an, chúng con rất buồn, không ngờ Thượng Tọa lại có hành động như vậy. Nhưng giờ đây nghe ý nguyện cao cả của Thượng Tọa, chúng con mới bừng tỉnh. Chúng con xin thành tâm đảnh lễ sám hối, mong Thượng Tọa tha thứ cho ý niệm sai lầm về Thượng Tọa. Chúng con xin thành tâm đảnh lễ tán thân đức hy sinh cao cả của Thượng Tọa đối với đạo pháp, nhưng thành khẩn mong Thượng Tọa xét lại. Tương lai Phật Giáo còn mờ昧 quá. Công cuộc đấu tranh chưa biết khi nào chấm dứt. Nếu quý Thượng Tọa Trí Quang, Thiện Minh, Trí Thủ, Thiện Hoa, Tâm Châu có mệnh hệ nào thì ai đứng ra gánh vác trọng trách hướng dẫn trong khi Thượng Tọa theo gương hy sinh của Hòa Thượng Quảng Đức? Tâm nguyện của Thượng Tọa thật cao cả, chúng con vô*

*vàn bái phục, nhưng con thuyền Phật Giáo cần những tay lái vững vàng. Vài ngày lại đây Ủy Ban Phật Giáo Thuần Túy sẽ ra Huế và các nơi khác. Phái đoàn Liên Hiệp Quốc cũng sẽ đến Việt Nam điều tra sự việc. Sự có mặt của Thượng Tọa rất cần thiết. Cần thiết hơn sự ra đi của Thượng Tọa. Mong Thượng Tọa suy xét lại cho”.*

Lời trình bày của Ni Sư Thể Quán rất tha thiết, chí tình, chí lý. Hòa Thượng không có cách nào hơn, đành chấp nhận lời thỉnh cầu của Ni Sư. Sau khi hai Ni Sư ra về, Hòa Thượng nhờ ông Giám Đốc Bệnh Viện Ngô Quyền gọi điện thoại báo tin cho ông Tỉnh Trưởng biết Hòa Thượng đang nằm tại bệnh viện chữa trị bệnh đau dạ dày.

Ngày 6 tháng 9 Âm Lịch, tức là ngày 22 tháng 10, 1963, theo lời Hòa Thượng cho biết ông Chánh Văn Phòng tòa Tỉnh Trưởng Thừa Thiên đến bệnh viện thăm Hòa Thượng. Gọi là thăm nhưng thực ra là đến xem thực hư như thế nào. Hòa Thượng đưa 10 tấm phim chụp về dạ dày của Hòa Thượng cho ông Chánh Văn Phòng xem, nhờ ông Chánh Văn Phòng thưa lại với ông Tỉnh Trưởng là Hòa Thượng với bệnh tình như vậy chưa có thể thực hiện lời cam kết đi diễn thuyết trình bày đường lối của chính phủ đối với Phật Giáo, đợi sau khi chữa trị xong sẽ hay.

Vài hôm sau Hòa Thượng nhận được thư của ông Tỉnh Trưởng mời đến chùa Diệu Đế để đón tiếp phái đoàn Ủy Ban Phật Giáo Thuần Túy từ Sài Gòn ra thăm, đồng thời dự bữa cơm chay do Tòa Tỉnh tổ chức. Hòa Thượng gọi điện thoại cảm ơn ông Tỉnh Trưởng xin phép vắng mặt vì bệnh tình chưa cho phép.

Hòa Thượng dẫu nằm tại bệnh viện cũng được biết phái đoàn Ủy Ban Phật Giáo Thuần Túy sẽ làm lễ ra mắt tại chùa từ Đàm, nên Hòa Thượng viết thư cho Ni Sư Thể Quán và Cát Tường đến hầu quý Ôn Thuyền Tôn, Tây Thiên, Vạn Phước xin quý Ôn không nên đến dự lễ ra mắt của Ủy Ban Phật Giáo Thuần Túy và cũng không nên ký tên vào tờ hiệu triệu của Ủy Ban này.

Thượng Tọa Thiện Siêu cho biết phái đoàn Phật Giáo Thuần Túy đến chùa Từ Đàm, sân chùa không ai quét dọn, cỏ dại từ sau đêm chùa bị tấn công, đã mọc um tùm, lấp cả lối đi. Trong giảng đường, bàn ghế đổ ngổn ngang không ai buôn dọn dẹp. Trên phương trượng thì chỉ có một mình Thượng Tọa Thiện Siêu, dưới bếp thì chỉ có chú Phong, một người đàn ông chậm chạp, lờ đờ, được thuê đến để phụ giúp cơm nước trong mấy ngày phái đoàn ở lại chùa.

Phái đoàn được Thượng Tọa Thiện Siêu tiếp ở Nhà Thiền, ngồi trên bộ bàn ghế đã bị hư hỏng, xiêu vẹo vì cái đêm lịch sử 20-8-1963 vừa qua. Sau khi phân ngôi chủ khách, Thượng Tọa Thiện Siêu gọi pha nước, thì người đàn ông dưới bếp bưng lên một khay nước mà ai thấy chắc cũng phải mủi lòng, vì cái khay đã không còn nguyên vẹn là cái khay nữa, nó đã bị méo mó, sứt mẻ nhiều chỗ. Cái bình trà thì đã sứt mất cái vòi, ba chén nước thì hai cái sứt quai, một cái mẻ miệng. Hai chiếc chiểu, cái mền, hai chiếc gối không biết chú Phong mượn ở đâu về cho phái đoàn ngủ, không mấy tươm tất. Đến bữa cơm trưa, chú Phong cũng dọn cơm nước đàng hoàng, nhưng trên mâm cơm chỉ có một đĩa rau khoai luộc và một chén tương. Thật quá đậm bạc nhưng không biết làm sao. Mọi sự đều thiếu thốn. Không có Phật Tử đến giúp việc sợ bị công an tình nghi, theo dõi.

Thượng Tọa Thiện Siêu lúc bấy giờ là Hội Trưởng Tỉnh Hội Phật Giáo Thừa Thiên. Thượng Tọa phải ký tên vào tờ hiệu triệu của Ủy Ban Phật Giáo Thuần Túy. Còn Thượng Tọa Chánh Trực thì có nhiệm vụ đi đến các Khuôn Hội, Chi Hội mời Phật Tử đến chùa Từ Đàm tham dự lễ ra mắt của Ủy Ban Phật Giáo Thuần Túy. Tuy nhiên mỗi lần đến Chi Hội, Khuôn Hội nào Thượng Tọa cũng khuyên họ không nên đến tham dự lễ ra mắt. Thế nhưng đến ngày lễ ra mắt vẫn đông Phật tử tham dự vì chính quyền đã bắt những Phật Tử bị nhốt trong lao đến chùa dự lễ. Xong lễ họ lại được dẫn về trả lại cho nhà lao.

Sau lễ ra mắt tại Thừa Thiên, phái đoàn ra Quảng Trị dự lễ ra mắt tại chùa Tỉnh Hội Quảng Trị. Trước khi phái đoàn ra Quảng Trị, ông Hội Trưởng Hội Phật Giáo Tỉnh Quảng Trị Nguyễn Văn Triển đã vào Huế gặp Hòa Thượng Đôn Hậu đang điều trị tại bệnh viện Ngô Quyền để xin chỉ thị. Hòa Thượng đề nghị ông Hội Trưởng nên gặp Thượng Tọa Chánh Trực để xin ý kiến.

Sau hai buổi lễ ra mắt tại Thừa Thiên và Quảng Trị, Trưởng phái đoàn Phật Giáo Thuần Tùy, Thượng Tọa Thích Nhật Minh trở về chùa Từ Đàm than vãn với Thượng Tọa Thiện Siêu về tình hình Phật Giáo tại miền Trung.

Trong khi phái đoàn còn lưu trú tại chùa Từ Đàm, Hòa Thượng nhờ người lên mời phái đoàn về bệnh viện để Hòa Thượng được thăm viếng. Khi phái đoàn đến bệnh viện, vào phòng thăm Hòa Thượng, vì phòng chật nên anh mật vụ đi theo phái ở ngoài phòng. Anh đi lui đi tới quan sát tình hình.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “Sau khi mời phái đoàn ngồi xong, tôi tỏ lời lấy làm tiếc không đến dự lễ ra mắt của phái đoàn và cảm ơn quý Thượng Tọa đã nhận lời đến thăm tôi tại bệnh viện... Nghỉ một hồi, tôi nói tiếp:

“Nhưng thưa quý Thượng Tọa, trong khi Phật Giáo chúng ta đang ở trong một hoàn cảnh vô vàn điều đứng như thế này mà có một tổ chức Phật Giáo ra đời để duy trì và phát triển đạo pháp thì rất may mắn cho Phật Giáo. Nếu công việc của tổ chức là kể thừa tổ đạo thì được Phật Giáo đón đánh lễ, tán dương, nếu đi ngược lại truyền thống thì sẽ đắc tội với Phật Giáo.

“Thượng Tọa Nhật Minh nói: Thượng Tọa nói gì tôi không hiểu. Tại sao trong lúc Phật Giáo lâm nguy, chúng tôi đứng ra xây dựng lại thì Thượng Tọa lại bảo đắc tội với Phật Giáo?

“Tôi cất nghĩa: Nếu tổ chức lập ra để tiếp tay cho chính phủ âm mưu tiêu diệt Phật Giáo là có tội với Phật Giáo...”

*Trong khi Hòa Thượng đang nói chuyện với Hòa Thượng Nhật Minh thì thấy bên ngoài cửa anh mệt vụt lui đi tới có vẻ nóng ruột. Hòa Thượng ra dấu cho Hòa Thượng Nhật Minh... Hòa Thượng Nhật Minh cho biết Ủy Ban Phật Giáo Liên Hiệp Thuần Túy ra đời với mục đích duy nhất là cứu tăng ni Phật tử ra khỏi tù dày..”.*

Ở trong tù đôi khi cũng gặp những trường hợp cảm động khó quên. Hòa Thượng cho biết có một hôm Hòa Thượng như thường lệ, được phép ra khỏi phòng nửa giờ để tập thể dục, làm vệ sinh... Hòa thượng đang đi lui đi tới trước cửa phòng giam thì gặp một người đàn ông khoảng 30 tuổi, nét mặt hiền hậu, đi ngang qua và vội vàng nhét vào tay Hòa thượng một mảnh giấy nhỏ. Hoa Thượng ngạc nhiên nhưng không nói gì, vội vào phòng đóng cửa lại rồi mở ra xem, thấy có nội dung như sau: “*Thưa Thượng Tọa, con là Phật Tử Nguyên Thành, đệ tử của Ôn Vạn Phước. Hiện con cũng đang bị giam như Thượng Tọa. Hôm 20-8-1963 con được lệnh chỉ huy một đại đội Cảnh Sát Dã Chiến đến bao vây chùa Diệu Đế, tấn công chùa, bắt quý thầy, quý Phật Tử, đặc biệt là bắt Thượng Tọa, nhưng sau khi ra lệnh bao vây, con đã không thực hành nhiệm vụ tấn công, bắt bớ mà ngồi ngoài gốc cây nhăn ôm mặt khóc. Vì không làm tròn nhiệm vụ, con bị bắt và bị đưa đến Quảng Tín. Con bị đau nặng nên được đưa về đây chữa bệnh và cũng bị canh gác nghiêm nhặt. Con nói cho Thượng Tọa biết con rất kính trọng Thượng Tọa, hết lòng ủng hộ Thượng Tọa. Đồng thời con cũng cho Thượng Tọa hay là hai bên phòng Thượng Tọa, ở phòng số 2 và số 4 có hai tên mật vụ được lệnh giả đau để theo dõi Thượng Tọa. Riêng về con, Thượng Tọa nếu muốn hiểu thêm về con, xin Thượng Tọa cho người gặp thầy Tâm Hướng để hỏi Nguyên Thành là người thế nào.”*

Sáng ngày 7-10-1963 tại Nữu Ước, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc mở phiên họp bàn về tình hình Việt Nam. Cũng sáng hôm ấy tại Trung Tâm Tôn Giáo trong Carnegie Hall gần trụ sở Liên Hiệp Quốc, thầy Nhất Hạnh, nhân danh Ủy Ban Liên

Phái Bảo Vệ Phật Giáo họp báo trình bày tình trạng nhân quyền bị vi phạm tại Việt Nam. Sau cuộc họp báo, thầy Nhất Hạnh bắt đầu tuyệt thực cho đến ngày 12-10-1963.

Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc cử một phái đoàn gồm 7 người do đại sứ A Phú Hǎn, ông Abdul Rahman Pazhwak cầm đầu qua Việt Nam điều tra. Phái đoàn rời Nữu Ước ngày 21-10-1963, đến phi cảng Tân Sơn Nhất vào nửa đêm rạng ngày 24-10-1963.

Nghe tin phái đoàn Liên Hiệp Quốc sẽ đến Việt Nam điều tra sự việc. Hòa Thượng Đôn Hậu lên chùa Từ Đàm gặp Hòa Thượng Mật Nguyện, Thiện Siêu và sư bà Diệu Không để bàn công việc. Hòa Thượng đề nghị nên chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, đúc kết thành bản báo cáo và kiến nghị gửi cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc trước khi họ đến thăm Huế. Ý kiến này được quý Hòa Thượng và sư bà Diệu Không đồng ý. Trách nhiệm soạn thảo được giao cho Hòa Thượng Thiện Siêu. Hòa Thượng Đôn Hậu cung cấp cho Hòa Thượng Thiện Siêu các dữ kiện quan trọng được Ni Sư Thanh Quang, đệ tử của Hòa Thượng Đôn Hậu, bấy lâu thu thập, đồng thời Hòa Thượng Đôn Hậu có trách nhiệm tìm cách gửi bản báo cáo và kiến nghị cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc trước khi phái đoàn đến Huế.

Hòa Thượng Đôn Hậu có quen một Phật Tử chùa Thiên Minh, bà C.T. Bà này có người con gái tên là C hiện đang làm việc cho Hội Việt Mỹ tại Huế. Hòa Thượng nghĩ cô này có thể giúp Hòa Thượng gửi bản báo cáo cho phái đoàn. Hòa Thượng cho người mời bà C.T. đến chùa Thiên Minh. Sau khi nghe Hòa Thượng trình bày ý định, bà C.T. hoan hỷ nhận trách nhiệm giao phó. Trở về nhà bà bảo người con gái, cô C nên tìm gặp cô giáo sư người Mỹ theo đạo Tin Lành đang dạy học tại Huế. Nếu cô giáo sư này mà giúp đỡ, công việc sẽ dễ dàng mang lại kết quả mong muốn. Cô C liền tiếp xúc với cô giáo sư Mỹ. Cô giáo sư hứa giúp đỡ.

Bản Báo Cáo và Kiến Nghị do Hòa Thượng Thiện Siêu soạn thảo, được quý Hòa Thượng xem qua, đồng ý, giao cho Hòa

Thượng để nhờ dịch ra tiếng Anh. Hòa Thượng nhờ cô C giúp đỡ, đồng thời cũng nhờ cô dịch lá thư đính kèm. Hòa Thượng giao những tài liệu trên cho bà C.T. Bà C.T. muốn công việc được trôi chảy nên đi kiểm tấm hình của Hòa Thượng và viết một lá thư đính kèm, nhờ cô giáo sư Mỹ chuyển cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc, trong đó nói khi đến Huế nên gặp Hòa Thượng (như trong tấm hình) để biết rõ tình hình Phật Giáo tại Miền Trung nói chung và tại Thừa Thiên, Quảng Trị nói riêng.

Cô giáo sư Hoa Kỳ mang bản báo cáo, kiến nghị và những thư từ, tranh ảnh liên hệ đáp máy bay vào Sài Gòn. Hai ngày sau cô trở ra Huế cho Hòa Thượng biết đã trao tận tay tất cả tài liệu cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc và đoan chắc khi phái đoàn đến Huế sẽ gặp Hòa Thượng.

Tại Sài Gòn ngày 27-10-1963 vào lúc 10:30 sáng ngày Chủ Nhật, trước nhà thờ Đức Bà, Đại Đức Thiện Mỹ sinh năm 1940 tại Bình Định, xuất gia từ thuở nhỏ, thọ Sa Di năm 16 tuổi, thọ Tỳ Kheo năm 20 tuổi, từ Đà Lạt xuống Sài Gòn vào giữa tháng 10 năm 1963 và cư trú tại chùa Vạn Thọ. Đại đức định tự thiêu tại chùa Ấn Quang trước đó nhưng bị mật vụ biết nên không thực hiện được. Ngọn lửa tự thiêu của Đại Đức 23 tuổi là ngọn lửa cuối cùng trước khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị quân đội của ông lật đổ.

Vào thời điểm đó tại Huế khi Hòa Thượng Đôn Hậu đang nằm tại bệnh viện Ngô Quyền, tảng sáng có người vội vã đến mời Hòa Thượng lên chùa Từ Đàm gấp vì phái đoàn Liên Hiệp Quốc đã đến Huế sáng nay và vào 2 giờ chiều sẽ lên chùa Từ Đàm. Hòa Thượng cho kêu xe lên chùa Từ Đàm ngay. Vừa đến Nhà Thiền, Hòa Thượng thấy Hòa Thượng Mật Hiển, Mật Nguyệt, Thiên Siêu, sư bà Diệu Không đang ngồi bàn việc.

Khi Hòa Thượng đến quý Hòa Thượng và sư bà Diệu Không đề nghị là Hòa Thượng nên lên Linh Mụ để khi phái đoàn đến đó thì Hòa Thượng có thể gặp họ nói chuyện. Nhưng theo Hòa Thượng tốt hơn hết là Hòa Thượng nên nằm tại bệnh

viện vì chắc chắn chính quyền họ sẽ lo liệu muốn phái đoàn gặp Hòa Thượng.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: "... Tôi cho xe đạp về bệnh viện để nằm, coi như không có chuyện gì xảy ra. Tôi vẫn ngủ trưa như thường lệ. Đến khoảng 2 giờ chiều thức dậy, đang ngồi uống nước thì có anh T, Phó Trưởng Ty Công An Thủ Thiêm đến gặp tôi, mời tôi đến khách sạn Thuận Hóa để phái đoàn Liên Hiệp Quốc gặp."

Hòa Thượng nói tại sao chính quyền không nói với phái đoàn là Hòa Thượng đau, đang nằm điều trị tại bệnh viện. Anh T cho biết, cơ quan cũng đã nói như vậy, nhưng phái đoàn nói nếu Hòa Thượng đi không được họ sẽ đến bệnh viện gặp Hòa Thượng, vì vậy nên cơ quan mời Hòa Thượng đi gặp họ cho tiện.

Hòa Thượng phân vân, nói với anh T không biết khi gặp phái đoàn phải trả lời những câu hỏi của họ về tình trạng Phật Giáo như thế nào. Nếu nói dối không những phạm tội vọng ngữ mà cũng khó thuyết phục được phái đoàn, nếu nói sự thật thì chính quyền nghĩ như thế nào? Anh T có vẻ khó trả lời, chỉ yêu cầu Hòa Thượng liệu cách trả lời thế nào cho êm đẹp!

Anh T mời Hòa Thượng ra xe. Hòa Thượng từ chối, nói đi xe xanh của cảnh sát làm cho dân chúng lo ngại không biết cảnh sát bắt Hòa Thượng đi đâu. Do vậy tốt hơn để Hòa Thượng đi xe xích lô.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: "... Tôi ra đường thuê một chiếc xe xích lô. Lúc này trời đang đổ cơn mưa lất phất, nên lúc ngồi trên xe, tôi cho kéo trần kín lại. Khi chiếc xe xích lô chở tôi đến khách sạn, anh phu xe và tôi đều không biết khách sạn Thuận Hóa ở góc đường Duy Tân và Trần Cao Vân đã đổi tên nơi khác, nên anh chở tôi đến đó, tôi xuống xe đi vào cổng thì mấy anh lính gác cho biết chúng tôi đã đi nhầm đường vì khách sạn Thuận Hóa bây giờ đã đổi về muii Đập Đá. Tôi vội trở lại lên xe xích lô đi về Đập Đá".

Chiếc xe chở Hòa Thượng đến tận cổng khách sạn, nhưng vì xe che kín trần nên những người đứng đón không thấy Hòa Thượng cho đến khi Hòa Thượng bước xuống xe. Khi thấy Hòa Thượng đến, ông Đại Biểu Chính Phủ Trung Nguyên Trung Phần, ông Giám Đốc Công An Trung Nguyên Trung Phần, ông Trưởng Ty Công An Tỉnh Thừa Thiên, ông Tỉnh Trưởng Tỉnh Thừa Thiên đều đến chào đón, che dù, cầm tay dẫn Hòa Thượng vào khách sạn. Quang cảnh hoàn toàn trái ngược trước đây. Thế thái nhân tình khó mà hiểu được!

Vừa vào phòng khách, ông Đại Biểu Chính Phủ cho biết phái đoàn Liên Hiệp Quốc vừa đến, họ muốn gặp Hòa Thượng, rồi dẫn Hòa thượng qua phòng kế cạnh. Thấy Hòa Thượng bước vào, mọi người trong phòng đứng dậy chào hỏi. Trong phái đoàn Liên Hiệp Quốc có người nói tiếng Việt thông thạo. Ông cho biết phái đoàn gồm 7 người, chia làm hai toán, một toán đi nơi khác, toán còn lại 4 người, trong đó có Trưởng Phái Đoàn. Họ muốn gặp Hòa Thượng. Còn ông ta là thông dịch viên, người Lào, trước đây có theo học tại trường Đại Học Hà Nội, sau khi tốt nghiệp được đi ngoại quốc du học, nên thạo cả ba thứ tiếng: Anh, Lào, Việt. Anh giới thiệu từng người trong phái đoàn:

- Trưởng phái đoàn: đại sứ A Phú Hãn, ông Pazhawak.
- Thành viên, Đại sứ Ba Tây ông Sergic Correa Costa.
- Thành viên, Đại sứ Ma Rốc ông Mahomed Amor.
- Thành viên, Đại sứ Tích Lan ông Senegat Gunawune.

Hòa Thượng tỏ lời cảm ơn phái đoàn đến thăm Việt Nam. Vì Trưởng Phái Đoàn cho biết vì thì giờ quá eo hẹp nên mong Hòa Thượng cho biết thêm những gì cần thiết ngoài những điều đã ghi trong bản báo cáo và kiến nghị mà phái đoàn đã nhận được trước khi đến Huế. Hòa Thượng cho phái đoàn biết đêm 19-8-1963 vào 12 giờ khuya, một toán cảnh sát dã chiến đã nhảy vào thành chùa Diệu Đế, nhưng khi nghe tiếng động, hệ thống điện bố trí chung quanh chùa bật sáng, tiếng

còi báo động của anh em Gia Đình Phật Tử thổi vang lên, các em có trách nhiệm giữ an ninh, trật tự đi khắp nơi quan sát, lính cảnh sát dã chiến đi quanh một vòng rồi nhảy ra thành, vừa đi họ vừa vỗ tay lên trán nói là chẳng làm ăn gì được cả.

Họ nói chẳng làm ăn gì được cả về sau mới biết là họ định bỎ truyền đơn, chất nổ, vũ khí trong vườn chùa Diệu Đế để ngày mai tấn công chùa, họ nói tịch thu được truyền đơn, vũ khí còng sản như họ đã tuyên bố trên đài sau vụ tấn công chùa chiền khắp nước đêm 20-8-1963, là họ “đã khám phá” được một thùng lựu đạn tại khuôn viên chùa Từ Đàm, một số lựu đạn súng ống trong chùa Bình Quang ở Phan Thiết v.v... nhưng chẳng may bị báo động nên chẳng làm ăn gì được... Phái đoàn chăm chú lắng nghe. Họ hỏi Hòa Thượng và các vị khác khi bị bắt, bị giam có bị đánh đập gì không. Hòa Thượng cho biết Hòa Thượng không bị đánh đập nhưng bị thẩm vấn liên tục, đêm nào cũng vậy.

Sau khi gặp phái đoàn Liên Hiệp Quốc, Hòa Thượng trở về bệnh viện, ghé thăm Hòa Thượng Diệu Hoằng, trú trì chùa Kim Quang, cũng bị bắt, bị bệnh đang nằm điều trị gần phòng Hòa Thượng, cho Hòa Thượng Diệu Hoằng biết cuộc gặp gỡ giữa phái đoàn Liên Hiệp Quốc và Hòa Thượng.

Chiều hôm ấy ông Lê Hữu Trí, viên mật vụ thường thẩm vấn Hòa Thượng đến “thăm” Hòa Thượng hỏi tin tức gấp gỡ giữa phái đoàn và Hòa Thượng. Đêm hôm ấy Hòa Thượng ngủ một giấc an lành. Đó là đêm 28 tháng 10 năm 1963.

Tại Sài Gòn đêm 31 tháng 10, 1963 trong tình trạng thiết quân luật, tướng Tôn Thất Đính, tư lệnh quân đoàn III và Biệt Khu Thủ Đô hạ lệnh cấm trại toàn vùng, ủy đại tá Nguyễn Hữu Cố làm quyền tư lệnh sư đoàn 7, đem một đơn vị trấn đóng tại bắc Mỹ Thuận. Thiếu tướng Mai Hữu Xuân với binh sĩ của Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung có trách nhiệm an ninh từ miền Tây về Thủ Đô. Đại tá Vĩnh Lộc với chiến đoàn Vạn

Kiếp đặc trách an ninh miền Cao Nguyên xuống Thủ Đô. Tướng Tôn Thất Đính có trách nhiệm kiểm soát Vùng III Chiến Thuật và Thủ Đô Sài Gòn - Chợ Lớn.

Ngày 1-11-1963 sáng 10:00 giờ đại sứ Cabot Lodge dẫn đô đốc Harry Felt vào dinh Độc Lập từ biệt Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Trưa hôm ấy tướng Trần Văn Đôn mời các tướng lãnh đến Tổng Tham Mưu tham dự việc lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Mọi người đồng ý vỗ tay, chỉ trừ đại tá Lê Quang Tung, tư lệnh Lực Lượng Đặc Biệt. Đại tá Tung bị bắt sau khi ra khỏi phòng họp.

Vào lúc 1:30 chiều hôm ấy, tiếng súng Cách Mạng đầu tiên nổ. Lực Lượng Đặc Biệt đóng tại Tân Sơn Nhất bị chế ngự ngay giây phút đầu. Các đơn vị của chiến đoàn Vạn Kiếp và Thủy Quân Lục Chiến dọc theo xa lộ Biên Hòa tiến về Thủ Đô, chiếm đài phát thanh, Tổng Nha Cảnh Sát, Ty Cảnh Sát Đô Thành và Nha Viễn Thông của Bộ Nội Vụ. Thành Cộng Hòa, nơi đồn trú của Lữ Đoàn Phòng Vệ Thủ Tỉnh cũng bị vây hãm. Đài Phát Thanh được quân Cách Mạng chiếm lúc 1:45 chiều. Hồi 4:45 đài bắt đầu phát thanh tiếng nói của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Lực Lượng Phòng Vệ Thủ Tỉnh tại thành Cộng Hòa đầu hàng lúc 7:00 giờ chiều.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông cố vấn Ngô Đình Nhu được tin đảo chánh, xuống hầm bí mật trong dinh Gia Long. Hầm có phòng ngủ, phòng tắm, phòng khách, hệ thống truyền tin và địa đạo ra khỏi dinh. Khi thấy các tướng lãnh không có người nào đáp ứng lời kêu gọi cứu giá, Tổng Thống và ông cố vấn theo đường hầm ra khỏi Dinh Gia Long, trốn về nhà một người Hoa Kiều ở Chợ Lớn tên là Mã Tuyên, rồi từ đó sang ẩn ở ngôi nhà thờ Cha Tam, nơi có linh mục lai Pháp tên là Jean chủ trì. Vào khoảng 7 giờ sáng ngày 2 tháng 11, 1963 một chiếc thiết vận xa M113 đến nhà thờ Cha Tam đón Tổng Thống và ông Cố Vấn về bộ Tổng Tham Mưu. Giữa đường Tổng Thống và ông Cố Vấn bị hạ sát.

Tại Huế vào khoảng 6 giờ tối ngày 1 tháng 11, 1963 trong khi Hòa Thượng Đôn Hậu đang nằm trong bệnh viện, thấy mọi người lảng xăng, tụm năm tụm ba nói chuyện có vẻ bí mật, không biết có chuyện gì xảy ra. Độ nửa giờ sau, Nguyên Thanh người đã viết thư mật cho Hòa Thượng mấy ngày trước, đến trước cửa phòng Hòa Thượng, nhìn lui nhìn tới không thấy ai, liền lén vào phòng, vội vàng báo tin cho Hòa Thượng: Quân đội Cách Mạng đã chiếm đài phát thanh. Nói xong anh vội vàng đi ra. Khoảng 7:30 tối anh Nguyên Thanh lại đến phòng Hòa Thượng.

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “Lần này anh không rụt rè e ngại như trước. Anh nói: *Thưa Thượng Tọa, ngay từ bây giờ cho đến sáng, con xin Thượng Tọa không nên ra khỏi phòng, e có nhiều điều nguy hiểm. Ai gõ cửa Thượng Tọa cũng đừng mở. Nếu cần đi vệ sinh thì kiếm cái bô, để trong phòng. Con xin Thượng Tọa nhớ cho. Con nói ít, Thượng Tọa hiểu nhiều. Tình hình bây giờ rất hỗn loạn.*

“*Nguyên Thanh đi ra rồi, tôi đóng chặt cửa phòng lại. Nằm thao thức không sao ngủ được. Bao nhiêu suy nghĩ, vui có, buồn có, thương có, lo có... bao nhiêu tư tưởng liên tiếp hiện ra trong trí óc tôi. Lâu lâu có thiếp đi được một chút, rồi lại giật mình thức dậy, suy nghĩ liên miên...*

“*Trời vừa rạng sáng thì Nguyên Thanh lại xô cửa phòng tôi bước vào, có vẻ phấn khởi nói: Thưa Thượng Tọa, quân đội Cách Mạng đã chiếm dinh Gia Long rồi. Hai tên mật vụ ở phòng số 2, số 4 để theo dõi Thượng Tọa đã biến mất lúc 3 giờ khuya rồi.*”

Nghe Nguyên Thanh nói, Hòa Thượng cố giữ bình tĩnh, không lộ vẻ vui mừng hay lo lắng. Hòa Thượng tự nhủ là một nhà tu trong lúc này phải hết sức trầm tĩnh. Bao nhiêu sinh mạng, bao nhiêu lo âu đang bao trùm ở phe này, phe khác.

Để tiện theo dõi tình hình, Hòa Thượng sai chú Long, tức cố Thượng Tọa Giới Hương sau này, đi đến nhà Phật Tử mượn chiếc radio, mặc dầu lúc ấy bên cạnh phòng có nhiều radio đang mở nghe, nhưng Hòa Thượng với thân phận một nhà sư không thể chạy qua nghe ké, trông chướng kỳ lăm.

Sáng sớm ngày 2 tháng 11, 1963 vào khoảng 10 giờ, Hòa Thượng nghe đài phát thanh Sài Gòn loan báo ông Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông cố vấn Ngô Đình Nhu đã tự tử trên đường từ Chợ Lớn đến bộ Tổng Tham Mưu. Về sau Hòa Thượng mới biết hai vị này bị hạ sát.

Nhận thấy trước biến động này, không khéo một số Phật Tử có phản ứng mạnh đối với những người của chế độ cũ, đã từng có hành động sinh sát với họ, ngài lập tức viết lời kêu gọi nhở quảng bá trên các đài phát thanh, các phương tiện truyền thông, với nội dung như sau:

### **LỜI KÊU GỌI KHẨN THIẾT kêu gọi toàn thể Tăng Ni, Phật Tử:**

Nhân danh Giám Luật Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc, tôi khẩn thiết kêu gọi Tăng Ni Phật Tử, không lúc nào bằng lúc này, phải luôn luôn bình tĩnh, tỏ rõ thái độ của người Phật Tử, nêu cao đức Từ Bi, Hỷ Xả. Tuyệt đối không gây hấn hoặc trả thù bất cứ ai. Phải luôn luôn phát huy đức tính khoan dung, từ hòa của người Phật Tử chân chính.

*Làm tại Huế ngày 3 tháng 11, 1963  
Thay mặt chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa,  
Giám Luật Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc  
**Thượng Tọa Thích Đôn Hậu***

**Trên Những Chặng Đường** ghi: “Tôi vẫn ở bệnh viện suốt 3 ngày sau khi đảo chánh, rồi mới lên chùa Từ Đàm. Ra đường tôi ngồi trên chiếc xe xích lô và nhờ anh đạp xe kéo trán che kín lại, mặc dù bên ngoài trời đang nắng. Xe tôi đi giữa thác người xuôi ngược, hàng hàng, lớp lớp, đông vô số kể.

“Vừa bước vào cổng chùa Từ Đàm, tôi liền bị một rồng người vây kín. Phải mất 30 phút tôi mới bước được vào Tăng Phòng. Phật tử bao vây chung quanh, mặt mày hớn hở.

“Vào đến Tăng Phòng tôi yêu cầu cho phóng thanh **Lời Kêu Gọi Khẩn Thiết** liên tục để ngăn ngừa những chuyện không may có thể xảy ra.”

Tại Sài Gòn tin Cách Mạng Thành Công được loan truyền trên đài phát thanh ngày 2 tháng 11, 1963, dân chúng mừng rỡ kéo ra ngoài đường. Họ đổ xô ra các con đường Lê Lợi, Lê Thánh Tôn, Gia Long, Công Lý, Pasteur. Họ đổ xô về phía dinh Gia Long. Họ leo tường vào dinh. Họ leo lên xe thiết giáp, ôm lấy các quân nhân...

Nguồn cảm hứng rạt rào phản ảnh trong các sáng tác văn nghệ. Nhà thơ Trụ Vũ trong bài *Tình Sông Nghĩa Biển* tượng trưng cho nỗi cảm hứng rạt rào ấy:

### **Tình Sông Nghĩa Biển**

*Việt Nam và Phật Giáo  
Phật Giáo và Việt Nam  
Ngàn năm xương thịt kết liền  
Tình sông nghĩa biển mối duyên mặn nồng.*

*Cây đa bến cũ  
Hình bóng con đò  
Thiết tha còn nhớ câu hỏi  
Cây đa bến cũ con đò năm xưa*

*Trang sử Việt Nam yêu dấu*

*Thơm ướp hương trầm  
Nghe trong tim Lý Lê Trần  
Có năm cánh đao nở bìng nguy nga*

*Suối xanh ra biển  
Ngát ngát hoa vàng  
Suối thơm lòng đất Việt Nam  
Chim xanh nhả ngọc, lúa vàng triều bông.*

*Nắng reo trên lúa  
Gió bay trên cờ  
Lũy tre vĩng hiện mái chùa  
Ám tay đại thụ mát bờ quê hương.*

*Tóc cài hoa buổi trăng  
Hồn ướp nhí sen vàng  
Đời đời cô gái Việt Nam  
Tăng lên ngôi vị nữ hoàng tình yêu*

*Phượng hoàng châu Á  
Bay vượt nghìn trùng  
Thái Sơn, Hy Mã hào hùng  
Kết tinh châu ngọc trong lòng Trường Sơn.*

*Mẹ ơi nhớ nước nhớ nguồn  
Thương quê thương đạo con còn làm thơ.*

Những người trung thành với chế độ ông Diệm thường cho rằng sở dĩ Miền Nam bị sụp đổ là vì chế độ ông Diệm không còn nữa. Joseph Buttinger, một học giả Tây Phương đã nói như sau về chế độ: “*Bị giới trí thức chống đối, bị tuổi trẻ và các nhà chính trị ái quốc ghét bỏ, chính phủ Ngô Đình Diệm thiếu hẳn sự ủng hộ của quần chúng và chỉ còn cách dùng đến bộ máy kềm kẹp.*” (Joseph Buttinger: *Vietnam a dragon embattled*, tập II, Pall Mail Press, London 1967, tr. 952).

Nhờ sự tàn ác độc tài của ông mà Miền Bắc đã xây dựng được

cơ sở chống đối vũ trang ở Miền Nam. Ký giả Robert Guillain của báo *Le Monde* viết về chế độ này như sau: “*Tại Hà Nội người ta rất bằng lòng ông Diệm. Ông Diệm đã trở thành người tiếp tay bay nhát cho Cộng Sản. Tại Sài Gòn, cán bộ Việt Cộng thường rỉ tai nhau theo kiểu Voltaire: nếu không có Diệm thì phải tạo ra cho được Diệm. Ngày 1 tháng 11 vừa qua, chính Việt Cộng sợ ông Diệm bị lật đổ hơn ai hết. Họ mong cho ông Diệm ngồi trong Dinh Độc Lập thêm một thời gian nữa sau đám vệ binh, trong khi đất nước đang từ từ sụp đổ chung quanh. Họ tính toán rằng chỉ trong một hai năm thì Miền Nam sẽ từ tay ông Diệm qua tay Bắc Hồ.*” (Robert Guillain: *Le Monde*, Paris 5-5-1961)

Dở lại những trang sử từ năm 1954 khi ông Ngô Đình Diệm từ Pháp về chấp chính cho đến ngày 1-11-1963. Trong 3 năm đầu nhờ sự yểm trợ tích cực của Hoa Kỳ và sau Hiệp Định Genève Bắc Việt lo kiến thiết miền Bắc và lo chuẩn bị chính trị cho kỳ Tổng Tuyển Cử dự định vào năm 1956 và vì phe Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng trong chính trị bộ chủ trương thống nhất đất nước không bằng vũ lực, nên Nam Việt Nam được yên ổn. Nhưng sau khi đã dẹp yên quân đội Bình Xuyên và các giáo phái, đáng lẽ phải nỗ lực xây dựng đoàn kết quốc gia, ông Ngô Đình Diệm chỉ dựa vào gia đình và tôn giáo thuộc thành phần thiểu số để cai trị đất nước, để rồi 6 năm sau, trong số 18 nhân sĩ ký tên trong Bản Thông Cáo yêu cầu thay đổi đường lối, chấm dứt chế độ gia đình trị, 11 người đã từng cộng tác với ông. Ông đã bị ám sát hụt trên Ban Me Thuột, bị đảo chánh, bị ném bom dinh Độc Lập... Đáng lẽ ông phải xem đó là những cảnh cáo nghiêm trọng, nhưng ông vẫn nhắm mắt làm ngơ, càng ngày càng lún sâu vào vũng lầy không thể thoát được. Ông đã tự mình đào hầm chôn sống mình và chôn sống Miền Nam Việt Nam. Ông Diệm không có công đấu tranh cho nền độc lập Việt Nam. “Ông không tham dự kháng chiến nên đã có sẵn mặc cảm. Nay ông lại càng thêm mặc cảm khi ông không thấy quần chúng Nam Bộ xứng mình trong buổi đầu lên cầm quyền”

(Hồ Sĩ Khuê: *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*, Văn Nghệ 1992, tr. 257)...” Từ đó ông Diệm lãnh đạo miền Nam trên một tư thế hoàn toàn siêu thực” (tr. 267) ... Chín năm cầm quyền cho thấy ông Diệm không thuộc hàng lãnh đạo xuất chúng. Ở con người ông, cái thực không gánh nổi cái danh. Ông không đủ tài lương đống.” (tr. 270).

Khi Phật Giáo tranh đấu đòi tự do, bình đẳng tôn giáo, đòi hủy bỏ Đạo Dụ số 10 “Người Thiên Chúa không thờ ơ được. Người Bắc, di cư để chống cộng, trở nên thù nghịch Phật Giáo. Đối với cái nhìn thiển cận của họ, đã chống ông Diệm là làm tay sai cho cộng sản, nếu không phải cộng sản thì cũng là người thân cộng. Loại “ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản”, nói theo giọng cực đoan thời bấy giờ...” (Hồ Sĩ Khuê: *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*, Văn Nghệ 1992, tr. 394).

... “Chân lý chỉ có một: Thiên Chúa! Ngoài ra đều là tà ma. Tố cáo Phật Giáo là thân cộng hay thằng thùng là cộng sản, họ thực ra cũng biết là quá đáng, nhưng lợi cho chính quyền trong mưu đồ đánh đổ Phật Giáo để dành chỗ cho Thiên Chúa Giáo trở thành quốc giáo.” (nt, tr. 394)



## CHƯƠNG 12:

---

# GỌNG KÈM LỊCH SỬ (1966-1968)

**Tháng 12, 1963:** Đại Hội IX của đảng Lao Động (Cộng Sản) họp tại Hà Nội quyết định yểm trợ chiến tranh giải phóng Miền Nam bằng vũ lực.

**Ngày 30-12-1963;** Hòa Thượng tham dự Đại Hội gồm 11 tập đoàn thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

**Ngày 4-1-1964;** Hiến Chương Giáo Hội PGVNTN ra đời. Hòa Thượng được cử làm Chánh Đại Diện Miền Vạn Hạnh, kiêm Chánh Đại Diện Thủ Thiêm, Huế.

**Ngày 30 tháng 1, 1964:** Tướng Nguyễn Khánh làm cuộc chỉnh lý lật đổ chính phủ Nguyễn Ngọc Thơ.

Tại Bắc Việt, Đại Hội IX của Đảng Lao Động vào cuối tháng 12, 1963 quyết định yểm trợ tích cực chiến tranh giải phóng tại Nam Việt Nam. Phe Lê Duẩn, Nguyễn Chí Thanh, Lê Đức Thọ chủ trương thống nhất Việt Nam bằng vũ lực, tích cực hoạt động. Tháng 2, 1964 Lê Đức Thọ công bố chương trình chỉnh huấn đối với toàn thể quân nhân, cán bộ được đưa vào Nam “giải phóng”. Sư đoàn Bắc Việt đầu tiên, sư đoàn 9 Việt Cộng tại Tây Ninh được thành hình năm 1964.

**Ngày 20-6-1964:** Tướng William Westmoreland được chỉ định làm tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam. Tướng Taylor thay thế Cabot Lodge làm đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam mở đầu chiến lược mới của Hoa Kỳ về chiến tranh Việt Nam.

**Từ tháng 2 đến tháng 7, 1964:** Việt Cộng gia tăng áp lực. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ càng ngày càng bị tổn thất nặng.

**Ngày 2 đến ngày 7 tháng 8, 1964:** Tuần dương hạm Hoa Kỳ USS Maddox bị hải quân Bắc Việt tấn công. Máy bay Hoa Kỳ thả bom Bắc Việt.

**Ngày 16-8-1964:** Hiến Chương Vũng Tàu được công bố. Dân chúng thanh niên, sinh viên, học sinh xuống đường phản đối. Một số giáo dân Công Giáo xuống đường yêu cầu chính quyền tái lập trật tự. Hai bên xô xát, có người bị thương.

**Ngày 13-9-1964:** Một cuộc đảo chánh do một số đoàn thể Công Giáo yểm trợ nhưng không thành công.

**Ngày 29-10-1964:** Tướng Nguyễn Khánh từ chức. Chính phủ Trần Văn Hương ra đời. Sinh viên, học sinh xuống đường chống chính phủ, bị đàn áp nặng nề.

**Ngày 20-1-1965:** Thượng Tọa Trí Quang tuyệt thực phản đối chính phủ Trần Văn Hương.

**Ngày 27-1-1965:** Thượng Hội Đồng Quốc Gia và chính phủ Trần Văn Hương bị Hội Đồng Quân Lực giải tán.

**Ngày 7-2-1965:** Cộng quân tấn công căn cứ không quân của Hoa Kỳ tại Pleiku gây thiệt hại khá nặng nề, rồi Bình Giả, Dak To, Qui Nhơn. Hoa Kỳ trả đũa, thả bom Bắc Việt trong chiến dịch Rolling Thunder.

**Đầu tháng 2, 1965:** Phong Trào Dân Tộc Tự Quyết Miền Nam Việt Nam do cộng sản chỉ đạo được thành hình, trong đó có Ủy Ban Bảo Vệ Hòa Bình, trụ sở đặt tại đường Võ Tánh, Sài Gòn. Chủ tịch của Ủy Ban là Bác sĩ Phạm Văn Huyễn, nguyên là Đặc ủy Di Cư năm 1954 của Thủ tướng Ngô Đình Diệm, thân phụ của bà Ngô Bá Thành nguyên là cố vấn tư pháp của Tổng thống Ngô Đình Diệm, cùng một số ủy viên như Cao Minh Chiêm, Tôn Thất Dương Ký. Bác sĩ Phạm Văn Huyễn, ông Cao Minh Chiêm và Tôn Thất Dương Ký về sau bị Thủ

Tướng Phan Huy Quát trực xuất ra Bắc.

**Ngày 11-2-1965:** Giáo Hoàng Paul VI kêu gọi ngừng chiến tại VN.

**Ngày 16-2-1965:** Chính phủ Phan Huy Quát ra đời.

**Ngày 19-2-1965:** Tướng Lâm Văn Phát, Nguyễn Bảo Kiếm, Phạm Ngọc Thảo làm đảo chánh với sự tiếp tay của một số đoàn thể Công Giáo nhưng không thành. Đại Tá Phạm Ngọc Thảo được đức cha Thục nâng đỡ từ thời Đệ Nhất Cộng Hòa là một đặc công cộng sản.

**Ngày 26-2-1965:** Tướng Nguyễn Khánh làm đại sứ lưu động sang sống tại Pháp.

**Ngày 8-9 tháng 3, 1965:** Hai trung đoàn Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ tại Đà Nẵng, mở đầu cho hàng nghìn binh sĩ Hoa Kỳ sau này đến Việt Nam tham chiến.

**Ngày 20-5-1965:** Một cuộc đảo chánh hụt.

**Ngày 27-5-1965:** Lực Lượng Đại Đoàn Kết biểu tình chống chính phủ Phan Huy Quát.

**Ngày 7-6-1965:** Một phái đoàn đại diện các đoàn thể chính trị Công Giáo gặp Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu bày tỏ bất tín nhiệm chính phủ Phan Huy Quát. Biểu tình của tín đồ Thiên Chúa chống chính phủ Phan Huy Quát. Đám biểu tình chiếm dinh Gia Long, ăn uống vất đồ bừa bãi như chỗ không người.

**Ngày 12-6-1965:** Thủ Tướng Phan Huy Quát trao quyền cho quân đội. Quân đội giao cho tướng Thi, tướng Thi từ chối, đề cử tướng Kỳ. Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia được thành lập với Chủ tịch là Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu và Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương do Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch, chủ trương giải quyết chiến tranh bằng quân sự, theo đường lối mới của Hoa Kỳ.

**Ngày 19-9-1965:** Giáo Hoàng Paul VI tổ chức thánh lễ cầu nguyện hòa bình thế giới.

**Ngày 3-10-1965:** Giáo Hoàng Paul VI trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc tại Nữu Ước kêu gọi hòa bình cho Việt Nam.

**Ngày 4-10-1965:** Giáo Hoàng Paul VI cùng Tổng Thống Johnson thảo luận về tình hình thế giới và chiến tranh Việt Nam.

**Tờ Time Magazine ra ngày 31-12-1965** chọn tướng Westmoreland là người của năm 1965 (Man of the Year) vì đã chặn đứng đà tiến quân của Bắc Việt.

**Tháng 2, 1966:** Phật Giáo vận động tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, xây dựng chính phủ dân cử, bị đàn áp nặng nề, nhất là tại Miền Trung, tại thị xã Đà Nẵng và Huế.

**Ngày 26-3-1966:** Linh mục Hoàng Quỳnh lên tiếng chống chính phủ Nguyễn Cao Kỳ, đòi hỏi tổ chức Quốc Hội Lập Hiến.

**Ngày 12-4-1966:** Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, trung tướng Nguyễn Văn Thiệu ký sắc lệnh tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến.

**Ngày 15-5-1966:** Các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến và Nhảy Dù đến Đà Nẵng rồi Huế đàn áp phong trào đòi bầu cử Quốc Hội Lập Hiến. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra thông cáo lên án hành động tráo trở của tướng Kỳ, một mặt chấp nhận bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, một mặt trừng phạt những người đòi hỏi Quốc Hội Lập Hiến.

**Ngày 28-5-1966:** Ni cô Thanh Quang, đệ tử của Hòa Thượng Đôn Hậu tự thiêu tại Huế.

**Ngày 1-6-1966:** Thượng tọa Thiện Minh bị mưu sát tại Sài Gòn. Một trái lựu đạn ném dưới gầm xe làm cho Thượng Tọa bị thương nặng. Chính quyền nói đó là lựu đạn của Việt Cộng nhưng ngày 15-3-1969 Thượng Tọa lại bị tòa án Mặt Trận Sài Gòn lên án về tội phá rối trị an.

**Ngày 5-6-1966:** Bàn thờ được thiết kế ở các ngả ba đường tại Huế.

**Ngày 8-6-1966:** Thượng Tọa Trí Quang tuyệt thực tại Huế.

**Ngày 19-6-1966:** Quân đội và cảnh sát dã chiến hành quân tại Huế.

**Ngày 21-6-1966:** Tướng Nguyễn Ngọc Loan giải Thượng Tọa Trí Quang vào Sài Gòn.

**Ngày 16-8-1966:** Giáo Hội PGVNTN ra thông cáo tẩy chay cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến vì tất cả Phật Tử có điều kiện ra tranh cử đều bị vô hiệu hóa, bị bắt nhập ngũ, hoặc ở tù vì tranh đấu vận động bầu cử Quốc Hội Lập Hiến! Còn những người chống bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, phần nhiều là các tổ

chức Thiên Chúa Giáo giờ đây lại ra tranh cử Quốc Hội Lập Hiến được tổ chức vào ngày 11-9-1966!

**Ngày 11-9-1966:** Tổ chức Liên Tôn ra thông cáo lên án chính phủ Nguyễn Cao Kỳ tham nhũng, luật bầu cử Quốc Hội Lập Hiến phản dân chủ.

**Ngày 16-9-1966:** Thượng Tọa Trí Quang tuân lệnh đức Tăng Thống chấm dứt tuyệt thực 100 ngày.

**Ngày 24-10-1966:** Phật Giáo VNTN bị phân hóa thành hai: Việt Nam Quốc Tự và Ảnh Quang.

**Ngày 26-10-1966:** Tổng Thống Johnson thăm quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam.

**Ngày 16-3-1967:** Một đại đội Hoa Kỳ tuần tiễu tại Mỹ Lai, Quảng Nam, bắn giết trên 250 dân làng, nhiều sĩ quan liên hệ bị đưa ra tòa án quân sự Mỹ và bị xử theo luật định.

**Ngày 1-5-1967:** Ellsworth Bunker thay thế Cabot Lodge làm đại sứ Hoa Kỳ tại VN.

**Ngày 10-5-1967:** Đại diện Hoa Kỳ và Bắc Việt gặp nhau tại Paris thương thảo. Không có tiến bộ gì trong 6 tháng đầu.

**Ngày 3-9-1967:** Bầu cử Tổng Thống và Thượng Viện. 11 Liên Danh tranh cử Tổng Thống & Phó Tổng Thống. Liên danh quân đội Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ đắc cử với 1,638,902 phiếu trong tổng số cử tri 4,868,266 hay 30% phiếu. 50 Liên danh ra tranh cử Thượng Viện, 6 Liên Danh đắc cử là Liên danh Nông Công Bình (quân đội), Bông Lúa (Đại Việt & Cao Đài), Công Ích và Công Bằng Xã Hội (Thiên Chúa), Đại Đoàn Kết (Thiên Chúa), Mặt Trời (Thiên Chúa), Đoàn Kết Tiến Bộ (Thiên Chúa). Nền Đệ Nhị Cộng Hòa ra đời. Giống như nền Đệ Nhất Cộng Hòa, Hành Pháp, Lập Pháp, Tư Pháp đều do Công Giáo lãnh đạo.

**Tháng 12, 1967:** Cường độ chiến tranh lên cao. Quân cọng sản đánh phá khắp nơi. Quân Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam tăng lên trên 500,000. Hoa Kỳ tăng gia không tập Bắc Việt.

**Ngày 21-1-1968:** Căn cứ Khê Sanh bị quân đội Bắc Việt bao vây.

### Tết Mậu Thân

**Ngày 30-1-1968 đến 10-2-1968** (Tết Mậu Thân): Quân Cộng

sản tấn công vào nhiều đô thị, thị trấn Nam Việt Nam, chiếm thành phố Huế hơn một tháng.

**Năm 1968:** Tòa Thánh Vatican xúc tiến vận động hòa bình, chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Đức cha Casaroli, Bộ Trưởng Ngoại Giao của Tòa Thánh tuyên bố: “... *Bây giờ không còn là lúc làm một cuộc thánh chiến chống cộng nữa. Phải chấm dứt chiến tranh và tìm cách sống chung hòa bình với cộng sản. Cho nên những người quốc gia Việt Nam, nhất là những người Công Giáo, phải đoàn kết với nhau, sống chung với cộng sản mà không bị cộng sản nuốt đi.*” (Cao Văn Luận: *Bên Giòng Lịch Sử* 1940-1975, tr. 349).

\*  
\* \* \*

Ngôi nhà Phật Giáo bấy lâu bị nghiêng ngửa, giờ đây được tu chỉnh lại: Ngày 12-1-1964, 11 phái đoàn gồm 6 Tăng Già, 5 Cư sĩ, trong đó có 6 tổ chức của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, 2 tổ chức Tăng Già và Cư Sĩ của Phật Giáo Nam Tông người Việt, 2 tổ chức Tăng Già và Cư sĩ của Phật Giáo Nam Tông người Việt gốc Khmer, cùng một tổ chức Tăng Già Bắc Tông người Việt là Thiền Tịnh Đạo Tràng, họp tại chùa Xá Lợi, thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Ngôi Nhà Phật Giáo được xây dựng trên nền tảng kết hợp hai giáo phái Nam Tông và Bắc Tông, kết hợp tứ chúng đệ tử Tăng Già và Cư Sĩ Nam Trung Bắc, người Việt, người Việt gốc Môn. Lời Mở Đầu của Hiến Chương Giáo Hội PGVNTN có đoạn viết: “*Giáo Hội PGVNTN không đặt sự tồn tại của mình noi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại trong sự tồn tại của dân tộc và nhân loại.*” Nói một cách khác sự hiện hữu, sự hình thành, sự tồn tại của Giáo Hội, hay bản chất của Giáo Hội PGVNTN là một tổng thể chứ không phải biệt thể, hội tụ mọi nhân duyên cần thiết trong một cọng đồng rộng lớn là dân tộc và nhân loại. Nguyên tắc tương duyên, cộng tồn, cộng sinh này không những thể hiện đạo lý nhân duyên của Phật

Giáo mà còn nói lên vị trí của mình trong cộng đồng xã hội, là một phần tử trong tập thể chung.

Cuộc cách mạng 1-11-1963 thành công, nhưng các tướng tá làm cách mạng không chuẩn bị cho thời kỳ hậu cách mạng. Hội Đồng Quân Nhân không được tham khảo ý kiến khi Đại Tướng Dương Văn Minh mời Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ làm Thủ Tướng trước sự bỡ ngỡ và thất vọng của mọi người. Uy tín và sự ủng hộ của dân chúng đối với Hội Đồng Quân Nhân giảm sút dần. Hội Đồng Nhân Sĩ được thành lập sau ngày cách mạng một tháng chỉ là diễn đàn công cộng chứ không có quyền lực gì. Trong khi đó cường độ chiến tranh ngày càng tăng. Chính phủ Hoa Kỳ cho đến ngày đảo chánh 1-11-1963 chủ trương không can thiệp vào nội bộ Việt Nam. Nhưng trước tình thế nghiêm trọng vào mùa thu năm 1963, không can thiệp đã trở thành can thiệp, một sự can thiệp miễn cưỡng, nửa chừng: họ để cho các tướng lãnh đảo chánh mà không giúp đỡ các vị tướng lãnh chuẩn bị cho một chính phủ chuyển tiếp, chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn vì không có kinh nghiệm chính trị, nhất là sau một thời gian dài (9 năm) sống dưới chế độ độc tài không có cơ hội đào tạo lãnh đạo, không có cơ chế cần thiết để điều hành quốc gia. Kết quả là những chuỗi ngày xáo trộn, trong khi tình hình quân sự ngày càng nghiêm trọng.

Sau cuộc Cách Mạng 1-11-1963 Miền Nam Việt Nam rơi vào nhiều cuộc khủng hoảng chính trị vì các phe phái chống đối lẫn nhau, nhưng đặc biệt vì Hoa Kỳ thay đổi chiến lược về chiến tranh Việt Nam sau khi Tổng Thống Kennedy bị ám sát, sau khi chính phủ quân nhân Park Chung Hee trong nền Đệ Tam Cộng Hòa Nam Hàn (1963-1972) đã làm cho kinh tế, kỹ nghệ Nam Hàn phát triển mạnh, dân chúng gọi là Phép Lạ Trên Sông Hán mà thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ khi viếng thăm Đại Hàn rất hâm mộ, muốn rập theo mô hình chính phủ quân nhân Park Chung Hee.

Khi vận động đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo, Phật Giáo không nghĩ đến việc lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm nên không chuẩn bị một thế cờ chính trị hậu Cách Mạng. Phật Giáo không liên kết các tướng lãnh, các nhà làm chính trị, nên sau khi quân đội đảo chánh, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng mời Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ làm Thủ Tướng họ không tham khảo ý kiến Phật Giáo và các nhà lãnh đạo Phật Giáo cũng không xen vào việc chính trị của Hội Đồng Quân Nhân.

Khi có chính biến xảy ra sau một thời gian dài dưới bất kỳ chế độ độc tài nào, thì tình hình chính trị thường bị xáo trộn, vì dưới chế độ độc tài, nhân dân không có cơ hội để đào tạo người lãnh đạo, để xây dựng hệ thống lãnh đạo. Tình trạng này ta thấy rõ tại Đại Hàn sau khi Lý Thừa Väng bị lật đổ, Phi Luật Tân sau Marcos, các nước cộng sản Nga, Đông Âu, Mông Cổ sau khi chế độ cộng sản cáo chung. Tại Việt Nam tình hình rối loạn nặng nề hơn vì ngoài yếu tố trên còn ở trong tình trạng chiến tranh, việc Tổng Thống Kennedy bị ám sát, việc chính phủ Hoa Kỳ muốn thay đổi chiến lược tại Việt Nam.

Tổng Thống Kennedy không mấy tin vào thuyết domino của tổng thống Eisenhower. Ông nói: “Tôi không tin mức độ viện trợ quân sự Hoa Kỳ cho Đông Dương có thể chiến thắng địch quân khi địch quân được cảm tình và sự yểm trợ bí mật của dân chúng”. Và: “Nếu cuộc chiến tại những quốc gia đó trở thành cuộc chiến tranh của người da trắng, thì Hoa Kỳ cũng sẽ thất bại giống như trước đây người Pháp đã thất bại.” (Schlesinger: *The Bitter Heritage and American Democracy* tr. 16 & tr 37). Tổng Thống Kennedy bị ám sát ngày 22 tháng 11, 1963.

Phật Giáo sau một thời gian dài, kể từ cuối đời Nhà Trần, không tham gia vào chính sự. Kinh nghiệm chính trị vì vậy rất hạn chế. Tổ chức Phật Giáo lại hết sức lỏng lẻo. Hàng cư sĩ được tổ chức chỉ để học Phật, tu đạo, hộ trì Tam Bảo. Vấn đề giao tế lại càng hạn chế hơn nữa, không những đối với các

đoàn thể chính trị tôn giáo bạn, các phái bộ ngoại quốc mà ngay với các đoàn thể, giáo phái, hệ phái Phật Giáo, vì vậy Phật Giáo không thể quảng bá rộng rãi quan điểm, mục tiêu của mình. Người ngoài không biết Phật Giáo muốn gì, hoạt động như thế nào.

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sau cuộc Cách Mạng 1963 muốn điều đình với chính phủ Dương Văn Minh, không được Hoa Kỳ đồng ý. Trong thư chúc mừng Tết Nguyên Đán gửi cho tướng Dương Văn Minh, Tổng Thống Johnson bày tỏ quan điểm của mình về chủ trương trung lập của De Gaulle mà TT Johnson xem không khác trao quyền cho cộng sản.

Đó cũng là lý do chính mà tướng Khánh đưa ra khi làm cuộc chỉnh lý, được sự hộ trợ của đảng Đại Việt, trong đó có các tướng lãnh Công Giáo còn có cảm tình với chế độ cũ. Để thăng bằng ảnh hưởng của Đảng Đại Việt và các tướng lãnh Cần Lao cũ, tướng Khánh thăng cấp cho những quân nhân trẻ tuổi như Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi.

Sau khi tướng Nguyễn Khánh làm cuộc Chỉnh Lý ngày 30-1-1964, cố vấn của Tổng Thống Johnson muốn có một chính phủ bền vững, ủng hộ chiến lược mới của Hoa Kỳ muốn nổi rộng chiến tranh ra Bắc Việt. Đại sứ Cabot Lode trong nhiệm kỳ hai tại Việt Nam vừa xuống sân bay đã đi thẳng đến dinh Thủ Tướng gặp tướng Nguyễn Khánh và tin cho ông biết chính phủ Hoa Kỳ đang chuẩn bị dư luận quần chúng Mỹ cho chiến dịch chống Bắc Việt. Biến cố Maddox xảy ra tại Vịnh Bắc Việt ngày 5-8-1964, Hoa Kỳ thả bom Bắc Việt, mở màn cho chiến lược quân sự mới của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Tướng Khánh lợi dụng cơ hội này đưa ra “Hiến Chương Vũng Tàu” biến ông thành một Tổng Thống mà không cần phải bầu cử. Sinh viên, học sinh, chính khách, Phật Giáo chống Hiến Chương Vũng Tàu, đòi hỏi một chính phủ dân cử. Ngày 22 tháng 8, 1964 hàng chục nghìn sinh viên bao vây dinh Thủ Tướng đòi hỏi dẹp bỏ Hiến Chương Vũng Tàu. Thủ Tướng

Nguyễn Khánh hứa thỏa mãn nguyện vọng sinh viên. Phật Giáo đòi hỏi một chính phủ dân sự và tổ chức bầu cử vào ngày 1 tháng 1, 1965 được tướng Khánh đồng ý. Nhóm Công Giáo Bắc di cư được tướng Khánh bí mật giúp đỡ tài chánh, tổ chức biểu tình chống tướng Khánh vì đã nhượng bộ sinh viên, Phật Giáo. Tướng Khánh cảm thấy hoàn toàn bị cô lập ngoại trừ tòa đại sứ Mỹ. Ông ta biết các sĩ quan Đại Việt Công Giáo đang tìm cách hạ bệ ông, trong khi sĩ quan trẻ mà ông mua chuộc bằng cách thăng chức đứng yên một chỗ chờ thời, nhất là chờ xem Hoa Kỳ có hành động gì không. Những sĩ quan trẻ như Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi là những cá nhân đơn độc trong khi các sĩ quan Công Giáo có tổ chức chặt chẽ hơn.

Đại sứ Cabot Lodge và đại sứ Taylor chống đối việc thành lập một chính phủ dân sự. Đại sứ Lodge khuyên tướng Khánh không nên lập chính phủ dân sự trước khi tình hình quân sự được ổn định. Đại sứ Taylor e ngại chính phủ dân sự sẽ chịu ảnh hưởng của Phật Giáo thiên trung lập.

Công giáo Hổ Nai, Gia Kiệm đứng lên chống đối tướng Khánh vì cho tướng Khánh đã đi đôi với Phật Giáo. Năm nghìn người Công Giáo biểu tình tại Sài Gòn, hàng nghìn người tại Huế. Họ chiếm đài phát thanh Sài Gòn đòi được quyền phát thanh, bị từ chối họ đập phá. Tại Đà Nẵng cũng như tại Qui Nhơn đã có những vụ xô xát giữa tín đồ Phật Giáo và Công Giáo.

Ngày 13-9-1964 một cú đảo chính hụt do hai tướng Công Giáo Lâm Văn Phát và Dương Văn Đức chỉ huy và một số sĩ quan Công Giáo Đại Việt dẫn đầu. Họ đọc bản tuyên ngôn ca ngợi cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm trên đài phát thanh Sài Gòn, đòi tái lập nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Tướng Nguyễn Khánh được an toàn nhờ Hoa Kỳ ủng hộ. Tướng Westmoreland làm áp lực với tướng Dương Văn Đức nói chính phủ Hoa Kỳ không thể nào ủng hộ cuộc đảo chánh. Các sĩ quan trẻ ngồi yên chờ Hoa Kỳ hành động. Khi thấy tướng Westmoreland làm áp lực với

tướng Dương Văn Đức, họ mới xông vào cứu tướng Khánh, gây ảnh hưởng với tướng Khánh và tòa đại sứ Mỹ.

Phật Giáo tiếp tục đòi hỏi một chính phủ dân sự. Đại sứ Taylor lúc đầu khuyên tướng Khánh đừng thành lập chính phủ dân sự nhưng nhận thấy sinh viên và quân chúng đều đòi hỏi chính phủ dân sự, nên ông đưa ra kế hoạch làm thế nào để gạt Phật Giáo ra ngoài và đều có chính phủ dân sự quyền hạn tối cao vẫn nằm trong tay Hội Đồng Tướng Lãnh. Chính phủ Trần Văn Hương ra đời trong hoàn cảnh này.

Cụ Trần Văn Hương được đại tướng Nguyễn Khánh mời làm Thủ Tướng. Đại Tướng vẫn làm chủ tịch Hội Đồng Quân Nhân và đại tướng cho thành lập Thượng Hội Đồng Quốc Gia do cụ Phan Khắc Sửu làm chủ tịch. Tuy cụ Trần Văn Hương không phải là người lý tưởng theo quan điểm của đại sứ Hoa Kỳ Taylor, nhưng ít nhất cũng hạn chế được ảnh hưởng của Phật Giáo. Ông Hương, một cựu giáo viên tiểu học, nổi tiếng trong sạch, khí phách nhưng rất thủ cựu, tầm nhìn hạn chế, có khuynh hướng địa phương. Ông cảnh cáo Phật Giáo là ông sẽ không ngần ngại sử dụng biện pháp mạnh đối với những kẻ chống đối. Và ông đã làm.

Đại sứ Taylor công nhận đại đa số dân Việt Nam mong mỏi hòa bình và phong trào Phật Giáo nói lên nguyện vọng ấy. Nhưng nếu Phật Giáo có vai trò gì quan trọng trong chính phủ, theo ông, họ sẽ đòi chấm dứt chiến tranh, đi ngược lại đường lối của Hoa Kỳ trong thời điểm ấy (George Kahin: *Intervention*, Anchor Books, New York, 1987 tr. 281).

Thượng Hội Đồng bị giải tán và đại tướng Khánh cất chức cụ Trần văn Hương ngày 27-1-1965. Đại sứ Taylor rất lo ngại, gửi điện văn về cho ngoại trưởng Hoa Kỳ Dean Rusk với lời lẽ: “*Điều đáng lo ngại là sự thăng thế của Phật Giáo có thể đưa đến việc thành lập một chính phủ đòi hỏi điều đình với Hà Nội và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.*” (Kahin. tr. 415). Hoa Kỳ muốn cho tướng Khánh về vườn khi biết tướng Khánh và

Huỳnh Tấn Phát, Tổng Thư Ký Ủy Ban Trung Ương của Mặt Trận trao đổi thư từ vào cuối tháng 12 năm 1964. Taylor tiếp xúc với các sĩ quan Việt Nam trẻ tuổi như tướng Nguyễn Cao Kỳ, Trần thiện Khiêm, Nguyễn văn Thiệu, Nguyễn hữu Cố để chuẩn bị thế cờ mới.

Tướng Khánh mời bác sĩ Phan Huy Quát thành lập chính phủ. Ba ngày sau, tướng Lâm Văn Phát và đại tá Phạm Ngọc Thảo làm cuộc đảo chánh, chiếm đài phát thanh, công bố sẽ mời đại tướng Trần Thiện Khiêm làm đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ về làm thủ tướng. Họ còn ca ngợi công ơn của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Đại sứ Taylor liên lạc với các tướng trẻ đứng ra điều đình. Ngày 24-2-1965 tướng Khánh đồng ý rời khỏi Việt Nam làm đại sứ lưu động. Chiến dịch Rolling Thunder bắt đầu.

Ngày 27-2-1965 một phong trào mệnh danh là Phong Trào Dân Tộc Tự Quyết Miền Nam Việt Nam do cộng sản chủ trương được thành lập. Trưởng Như Tảng, cựu bộ trưởng Bộ Tư Pháp chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Nam Việt Nam trong cuốn *Việt Cộng Memoire* viết: “Buổi họp mặt ban đầu được tổ chức tại nhà tôi vào cuối tháng. Vừa lúc đó Albert Thao bất ngờ từ Hoa Kỳ trở về. Thảo đang trốn trong phòng ngủ. Chúng tôi bàn tính công việc...” (tr. 95)

Phong Trào Dân Tộc Tự Quyết do bác sĩ Phạm Văn Huyến, nguyên Tổng Ủy Di Cư dưới thời Ngô Đình Diệm, thân phụ của bà Ngô Bá Thành, nguyên cố vấn luật pháp cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm, với các thành viên như Tôn Thất Dương Ký v. v.. Bác sĩ Huyến không phải đảng viên cộng sản, cũng không phải là cảm tình viên của Mặt Trận, nhưng ông đứng ra lãnh đạo Phong Trào với mục đích đem lại hòa bình cho đất nước.

Ngày 8 tháng 3, 1965 hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến đổ bộ lên Đà Nẵng. Hai tuần lễ sau tham mưu trưởng lục quân Hoa Kỳ yêu cầu Tổng Thống Johnson cho phép gửi thêm ba

sư đoàn sang Việt Nam, hai sư đoàn Hoa Kỳ và một sư đoàn Đại Hàn. Ngày 1 tháng 4, 1965 tổng Thống Johnson triệu tập Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, có đại sứ Hoa Kỳ Taylor tại Việt Nam tham dự để duyệt xét tình hình.

Một phái đoàn gồm các chính khách Công Giáo gấp quốc trưởng Phan Khắc Sửu yêu cầu quốc trưởng thay thế thủ tướng Phan Huy Quát. Ngày 20-5-1965 một cú đảo chánh hụt nữa xảy ra do nhóm Hồ Nai chủ xướng. Thủ tướng Phan Huy Quát bị ám sát hụt. Tín đồ Công Giáo biểu tình chống chính phủ Phan Huy Quát buộc tội là thân Phật Giáo.

Một cánh quân Đại Hàn đến Việt Nam tham chiến.

Số phận của chính quyền Phan Huy Quát được quyết định: Quốc trưởng Phan Khắc Sửu và thủ tướng Phan Huy Quát bất đồng ý kiến về việc thay đổi một số tổng trưởng. Kết quả thủ tướng Phan Huy Quát từ chức, nội các chiến tranh ra đời vào ngày 19 tháng 6, 1965 với trung tướng Nguyễn Văn Thiệu làm chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia và thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ làm chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương.

Nguyễn Cao Kỳ không phải là nhân tuyển lý tưởng về tư cách cũng như khả năng lãnh đạo. Phó đại sứ Hoa Kỳ Alex Johnson gọi tướng Kỳ là một hỏa tiễn không được hướng dẫn (unguided missle). Nilly Bundy của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ gọi ông là phần cuối của lòng súng (the bottom of the barrel). Người họ muốn chọn là tướng Thiệu nhưng họ ngại vào thời điểm ấy bất lợi. Tướng Kỳ rất nhiệt tình, thẳng thắn chỉ là viên gạch lót đường.

Nội các chiến tranh ra đời, quân nhân lãnh đạo. Chiến lược mới của Hoa Kỳ về chiến tranh Việt Nam bắt đầu được thực hiện. Trước đây nhiệm vụ chính của quân nhân là bãi chiến trường, giờ đây chính trường là trận địa.

Quân đội Hoa Kỳ đến Việt Nam tham chiến ngày càng đông.

Từ hai trung đoàn thủy quân lục chiến đổ bộ tại Đà Nẵng vào tháng 3 năm 1965 thì đến cuối năm số quân đã tăng lên 186,000. Giai đoạn I và II của chiến dịch Rolling Thunder được thực hiện một cách suông sẻ. Hội nghị thượng đỉnh tại Honolulu được triệu tập ngày 7-2-1966, Tổng Thống Johnson ôm Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ, tượng trưng cho mối giây liên hệ giữa hai chính phủ quyết tâm điều hành cuộc chiến tại Việt Nam bằng vũ lực, lấy “body count” làm thước đo của sự thành công, mà không nhận rõ tại thôn quê một người thân bị giết thì mười người bà con sẽ sang bên kia chiến tuyến, vì trả thù, vì không có chân đứng bên chiến tuyến này... Cuộc chiến tranh Việt Nam không đơn thuần là chiến tranh quân sự mà là chiến tranh toàn diện, một cuộc chiến tranh cách mạng.

Sau khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập tháng 1 năm 1964, Giáo Hội gặp sự khó khăn đầu tiên có tính cách nội bộ là cơ cấu giáo hội không phản ánh được sự kết hợp của tứ chúng đệ tử. Trong cuộc vận động đòi bình đẳng tôn giáo, suốt sáu tháng pháp nạn 1963, vai trò của chư tăng ni nổi bật, vì vậy khi thành lập Giáo Hội trong thời kỳ chuyển tiếp, vai trò lãnh đạo Giáo Hội dành cho hàng tăng ni, hay nói cho đúng hơn dành cho hàng tăng giới: Hầu hết các chức vụ lãnh đạo trong Giáo Hội đều do chư tăng đảm trách, không có tiếng nói của Ni chúng, của cư sĩ. Ông Mai Thọ Truyền đã từ chức vì lý do này. Giáo Hội nhận thấy khuyết điểm ấy, nhưng chưa có thì giờ chỉnh đốn thì vô số biến cố dồn dập đến với Giáo Hội mà Giáo Hội thật sự chưa có chuẩn bị để đối phó với tình thế mới: Đảo chánh, biểu tình, nội các thay đổi liên tiếp trong khi Hoa Kỳ thay đổi chiến lược với sự tham dự của quân đội Hoa Kỳ vào chiến trường Việt Nam ngày càng thêm mạnh.

Nhận thấy muôn có tình trạng ổn định, cần có chính phủ dân cử. Phật Giáo chủ trương tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, được sự hưởng ứng tích cực của toàn dân, đặc biệt tại các tỉnh

Miền Trung với sự tham gia của mọi thành phần: quân nhân, công chức, công an, cảnh sát, sinh viên, trí thức, thương gia, thường dân.

Nhận định và chủ trương này của Phật Giáo rất đúng, nhưng khi Giáo Hội trực tiếp dấn thân vào việc vận động bầu cử, Giáo Hội vô tình đã đi sâu vào sinh hoạt chính trị, mà đáng lẽ ra phải dùng thì giờ vào công việc chính của mình là xây dựng, củng cố và phát triển nội bộ. Cũng chính vì vậy nội bộ Phật Giáo bị phân hóa.

Thành phần quân nhân cầm quyền. Các chính trị gia Công Giáo ngại nếu có Quốc Hội Lập Hiến, vị thế của họ không được bảo đảm. Hoa kỳ sợ có chính phủ dân cử thân Phật Giáo sẽ đòi chấm dứt chiến tranh, điều đình với Bắc Việt. Tướng Westmoreland với một binh lực hùng hậu, tin tưởng vào khả năng chiến đấu và vũ khí tối tân có thể dễ dàng kết thúc cuộc chiến. Ông đã thành công ngăn chặn quân đội Bắc Việt. Ông đã biến làng mạc Việt Nam thành đống tro tàn, khiến cho cộng quân không nơi nương tựa. Và ông vô tình đã giúp quân kháng chiến bổ sung quân số vì dân quê giờ đây muốn sống là phải lên núi. Những thế lực này hợp lại đưa chiến cuộc Việt Nam vào một hướng đi mới.

Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ còn được gọi là chính phủ dân nghèo. Tướng Kỳ thật sự có chủ trương ấy. Nhưng theo sử gia Chánh Đạo trong cuốn *Politics and Religion* thì chính sách cách mạng xã hội của chính phủ dân nghèo chỉ là những hứa hẹn suông. Và sau 6 tháng cầm quyền khi tướng Kỳ ra Đà Nẵng thăm, một thành viên trong Hội Đồng Nhân Dân Thị Xã Đà Nẵng phát biểu là dân đã nghèo lại nghèo thêm. (Nguyễn Chánh Thi: *Memoire*, tr. 334).

Sau hội nghị thượng đỉnh Honolulu, tướng Kỳ cảm thấy vị thế của mình vững vàng hơn. Liên hệ giữa tướng Kỳ và tướng Thi bắt đầu sa sút, nhất là khi tướng Thi ủng hộ quan điểm của đại đa số quần chúng Miền Trung đòi hỏi Quốc Hội Lập Hiến.

Dân miền Trung khi hay tin tướng Nguyễn chánh Thi bị cách chức, đứng lên phản đối, không chấp nhận tướng Nguyễn Văn Chuân ra thay thế. Nhận thấy tình hình quá căng thẳng, tướng Chuân đề nghị với tướng Kỳ nên tìm giải pháp chính trị. Tướng Kỳ đề nghị với đại sứ Lodge để tướng Thi ở lại và ra Huế ổn định tình hình. Khi tướng Thi xuống sân bay Đà Nẵng, ông không tin cặp mắt của mình. Ông thấy hàng trăm, hàng nghìn dân chúng ra phi đạo đón rước ông trở về “quê cũ”, một phần vì mến ông, phần khác là họ vui mừng thấy chính quyền trung ương quan tâm đến những nguyễn vọng của họ. Nhưng với tướng Kỳ và phe nhóm thì xem đây là sự tranh dành ảnh hưởng cá nhân. (Nguyễn Chánh Thi: *Memoire*, tr. 347).

Vài ngày sau tướng Thi ra Huế. Sự đón tiếp lại càng nồng nhiệt hơn: Dân chúng, sinh viên, học sinh, quân nhân, công chức, thương phế binh hàng hàng lớp lopus đón chào ông. Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn lo ngại khi thấy quân nhân, công chức, cảnh sát Vùng I Chiến Thuật tham gia phong trào ngày càng đông. Tướng Kỳ với sự cố vấn của đại sứ Lodge liên lạc với Viện Hóa Đạo, thảo luận về việc bầu cử, hứa sẽ thực hiện vào năm 1967. Nhưng chẳng bao lâu sau ông lại nói ngày bầu cử tùy theo tình hình an ninh. Dân chúng lập tức phản đối. Ngày 22-3-1965 đám biểu tình chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, kêu gọi đình công. Đặc biệt lần này, thành phần Công Giáo cấp tiến tham gia đòi chấm dứt chính phủ quân nhân. Tại Đà Nẵng và Huế đại đa số quân nhân, công chức, cảnh sát ủng hộ Phong Trào. Tướng Phan Xuân Chiểu được Sài Gòn gửi ra hóa giải bị sinh viên giữ lại. Thị trưởng thành phố Đà Nẵng, bác sĩ Nguyễn văn Mẫn, người Công Giáo hết lòng ủng hộ Phong Trào. Tướng Kỳ đột nhiên thay đổi chiến thuật lên án Phong Trào, nói Phong Trào do cộng sản giật giây và với ông, Đà Nẵng đã lọt vào tay cộng sản, dọa sẽ bắn bác sĩ Nguyễn văn Mẫn khi “giải phóng” Đà Nẵng. Tướng Kỳ lẽ dĩ nhiên không nói và hành động như vậy nếu không được sự yểm trợ của tướng Westmoreland.

Để chuẩn bị cho việc “giải phóng” Đà Nẵng, tướng Kỳ cho lập đài phát thanh bí mật trong căn cứ quân sự Mỹ, với sự giúp đỡ kỹ thuật của Hoa Kỳ và nói đó là “Tiếng Nói của Phong Trào” với những tin tức, bình luận đầy mùi cọng sản, để đánh lạc dư luận và buộc tội Phong Trào là theo cọng sản.

Với trên 20,000 Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đóng tại Đà Nẵng, lời buộc tội của tướng Kỳ xem có vẻ phi lý đối với tướng Green, Tư Lệnh Lực Lượng Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ khi ông thăm viếng thị xã Đà Nẵng ngày hôm ấy. Tướng Green nói tinh hình trong thị xã rất yên tĩnh, không có dấu hiệu gì lọt vào tay cọng sản. Tướng Leewis Walt, chỉ huy trưởng lực lượng Hoa Kỳ tại Đà Nẵng cho rằng vấn đề cần phải giải quyết bằng thương thuyết. Rõ ràng là tướng Walt không rõ những gì xảy ra giữa tướng Kỳ, tướng Wesrmoreland và đại sứ Lodge.

Tòa Bạch Ốc không mấy thoái mái khi nghe tướng Kỳ dọa bắn ông thị trưởng thành phố Đà Nẵng. Tướng Taylor lúc bấy giờ là cố vấn quân sự của Tổng Thống Johnson đồng ý sẽ bỏ tướng Kỳ nhưng giữ tướng Thiệu và các tướng lãnh khác trong Hội Đồng Quân Lực tương lai. Tuy nhiên vào lúc ấy Westmoreland vẫn tiếp tục yểm trợ tướng Kỳ trong kế hoạch loại trừ những phần tử phản kháng. Ngày 5-4-1966, mười chiếc C-130 khổng lồ do phi công Hoa Kỳ điều khiển chở 1,900 quân Nhảy Dù Việt Nam, với 10 chiếc xe tăng M-41, 60 xe thiết giáp và nhiều khí giới đáp xuống sân bay Đà Nẵng, trong khi máy bay quân sự Việt Nam chở 4,000 quân cùng đến Đà Nẵng được Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ tại Đà Nẵng bảo vệ không bị quân lính Việt Nam tại Đà Nẵng theo Phong Trào làm khó dễ. Tướng Chuân đến Vùng I Chiến Thuật thay thế tướng Đính giờ đây đi theo Phong Trào, ra lệnh cho quân lính dưới quyền chỉ huy của ông, chặn những con đường chính không cho lính của tướng Kỳ hoạt động hòng tránh cảnh nồi da xáo thịt. Ngày hôm sau tại Huế, tướng Phan Xuân Nhuận, tư lệnh sư đoàn I cũng theo Phong Trào, dọa sẽ chống lại quân của

tướng Kỳ nêu ra Huế và bắt đầu huấn luyện quân sự cho sinh viên, thanh niên Huế, phát vũ khí cho họ để họ lo việc bảo vệ Huế và giúp Đà Nẵng.

Tướng Kỳ không biết làm gì hơn, công khai xin lỗi dân chúng Đà Nẵng đã gọi họ là cọng sản hay thân cộng. Tướng Nguyễn Văn Thiệu với tư cách là chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia cùng tướng Nguyễn Cao Kỳ, chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương đọc sắc lệnh hứa tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến trong vòng 5 tháng, hứa không trừng phạt những người tham gia Phong Trào tranh đấu đòi bầu cử Quốc Hội Lập Hiến.

Thượng Tọa Trí Quang bay ra Huế khuyên sinh viên chấm dứt đấu tranh, đợi ngày bầu cử. Tại trường Đại Học Huế Thượng Tọa nói chuyện với sinh viên, giáo sư, thân hào, nhân sĩ: “*Chúng ta phải nghĩ đến những vấn đề quan trọng trong tương lai, chứ không phải những vấn đề nhỏ bé hiện tại, về sự hiện hữu của một chính phủ trong vòng ba tháng. Chúng ta phải nhìn đến tương lai xem Quốc Hội Lập Hiến được bầu như thế nào chứ không phải làm gì để lật đổ một chính phủ. Những đòi hỏi của dân chúng đã được chính quyền giải quyết và đây là thành quả của cuộc đấu tranh quần chúng. Những đòi hỏi của anh em nếu không phù hợp với nguyện vọng chung, cần phải loại bỏ. Đây là việc bắt đầu của một nền dân chủ.*” (Schecter, Jerrold: *The New Face of Buddha*, John Weatherhill, Tokyo, 1967 tr.80). Sở dĩ Thượng Tọa Trí Quang yêu cầu sinh viên chấm dứt đấu tranh vì Thượng Tọa đã nhận được lời cam kết của đại sứ Lodge. (Schecter, nt. tr. 81)

Tại Huế cũng như tại Đà Nẵng những thành phần tranh đấu vẫn còn nghi ngờ thiện chí của chính phủ. Thượng Tọa Trí Quang hứa với họ sẽ ở lại Huế cho đến ngày bầu cử Quốc Hội Lập Hiến. Những cuộc biểu tình, phản đối dần dần chấm dứt.

Sau biến cố ngày 5-4-1966 cố vấn tòa Bạch Ốc chia làm hai

phe. Một phe nhận thấy ảnh hưởng của Phật Giáo đối với dân chúng Việt Nam, chủ trương nên hòa giải với Phật Giáo. Phe khác, với sự hiện diện của Walter Rostow, vừa được mời làm cố vấn Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ có lập trường trái ngược, cho rằng các tướng lãnh Việt Nam là thành phần quan trọng trong chiến lược mới của Hoa Kỳ, vì vậy phải có thái độ cứng rắn đối với Phật Giáo. Ông so sánh tình trạng hiện nay tại Việt Nam không khác Paris năm 1789 và St. Petersburg năm 1917. Ông đề nghị một chiến lược có hai phần: Trước hết thỏa mãn các yêu sách để được sự ủng hộ của Phật Giáo và các phe nhóm đòi hỏi chính phủ dân sự. Thứ hai phân hóa lãnh đạo Phật Giáo. Thêm vào đó là áp dụng biện pháp mạnh chống lại những cuộc biểu tình tương lai tại Sài Gòn của sinh viên và Phật Giáo và thực hiện đổ bộ lần thứ hai tại Đà Nẵng chống lại Phong Trào.

Phần thứ nhất tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn và tướng Kỳ thực hiện dễ dàng. Phần thứ hai tướng Kỳ gặp Thượng Tọa Tâm Châu, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. Phật Giáo bị phân hóa chia thành hai phe: Việt Nam Quốc Tự và Án Quang.

Để chuẩn bị cho việc đưa quân đến Đà Nẵng lần thứ hai, tướng Kỳ thay thế Đại Tá Liễu, Tổng Giám đốc Công An Cảnh Sát, người cùng tướng Thi làm đảo chánh chống Diệm năm 1960 và cùng tướng Thi lên Nam Vang tị nạn khi cuộc đảo chánh bị thất bại, bằng đại tá Loan. Tiếp theo gần 7,000 quân tinh nhuệ của Việt Nam được máy bay quân sự Việt Nam chở đến Đà Nẵng, trong khi cố vấn Hoa Kỳ thuyết phục tướng Đính đưa quân đến những tỉnh lân cận tảo thanh cọng sản.

Tướng Đính cho biết vào chiều ngày tấn công, 40 xe tăng hạng nặng của Hoa Kỳ lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam được tàu thủy Mỹ chở đến. Ông tưởng những xe tăng này được mang đến để đánh quân Bắc Việt và sẽ bàn giao cho ông. Sáng hôm sau, những xe tăng này thay vì được bàn giao cho ông lại bao vây nhà ông. Tướng Đính chạy trốn sang tổng

hành dinh của tướng Walt, được tướng Walt cho tị nạn. Ngày hôm sau cố vấn chính trị của tòa đại sứ Hoa Kỳ ông Philip Habib tiếp xúc với tướng Đính bằng điện thoại, báo tin cho biết cuộc hành quân tại Đà Nẵng được sự đồng ý của tổng Thống Johnson. (Geirge Kahin: *Intervention*, tr. 428). Habib cố thuyết phục tướng Đính im lặng trở về Sài Gòn và hứa chức vị ngoại giao, nhưng tướng Đính từ chối bay ra Huế, tham gia Phong Trào!

Sau khi tướng Đính tham gia Phong Trào, tướng Thiệu và Kỳ gửi một vị tướng lãnh khác, vị tướng thứ tư trong vòng hai tháng, ra làm Tư Lệnh Quân Đoàn I. Lần này là tướng Huỳnh Văn Cao, một tín đồ Thiên Chúa. Khi tướng Cao được Thủy Quân Lục Chiến chở máy bay ra Huế, tướng Nhuận, phụ tá, từ chối không dự buổi tiếp tân lấy cớ bị bệnh. Hay tin tướng Cao ra Huế, sinh viên đổ dồn đến vây quanh, tướng Cao vội vã lên phi cơ trực thăng bay về Đà Nẵng. Một quân nhân đã bắn vào máy bay chở tướng Cao, bị thủy quân Lục Chiến Mỹ hạ sát.

Đại tá Loan vừa được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An yêu cầu tướng Cao tấn công chùa Phổ Đà, trụ sở của Phong Trào đấu tranh. Tướng Cao từ chối. Một sĩ quan của Loan lấy súng lục chĩa vào đầu tướng Cao. Vừa lúc đó một viên cố vấn Mỹ bước tới. Tướng Cao được thoát, chạy sang căn cứ quân sự Hoa Kỳ xin tị nạn như tướng Đính đã làm.

Phật Giáo rất bỡ ngỡ trước sự phản trắc của chính quyền. Thượng tọa Trí Quang gửi điện văn cho tổng thống Johnson và đại sứ Lodge yêu cầu giúp đỡ. Trong khi đó tại Sài Gòn Thượng Tọa Thiện Minh tuyên bố tuyệt thực 48 giờ. Tại Huế Hòa Thượng Đôn Hậu tổ chức cầu nguyện tại chùa Diệu Đế. Ni cô Thanh Quang, đệ tử của HT Đôn Hậu tự thiêu, cầu nguyện cho Phật Giáo qua cơn pháp nạn.

Sau hai ngày càng quét, quân của tướng Kỳ chiếm các trụ sở của Phong Trào. Chùa Phổ Đà giống như căn nhà bị cháy.

Trên 700 quân nhân Phật Tử với 100 nhà sư, đoàn viên Gia Đình Phật Tử, sinh viên, dân chúng bị bắt.

Tại Sài Gòn thanh niên sinh viên cũng như quần chúng phẫn nộ trước hành động phản trắc của chính phủ. Họ tổ chức biểu tình chống chính phủ và kỳ này chống luôn Mỹ với những biểu ngữ “Yankee Go Home”. Công an, cảnh sát dưới sự điều khiển của đại tá Loan đàn áp dữ dội, không nương tay. Viện Hóa Đạo bị bao vây, bị cắt đứt điện nước cho đến cuối tháng 6.

Tại Huế sự phẫn nộ càng cao hơn. Sinh viên ngồi tuyệt thực trước tòa lãnh sự Mỹ đòi tổng thống Johnson trả lời trước hành động của chính phủ Thiệu Kỳ. Họ xông vào đốt Phòng Thông Tin Mỹ ở đường Hoàng Hoa Thám. Khi tỉnh trưởng Thừa Thiên điều động quân đội liên hệ với Đại Việt Công Giáo Phong Điền về tái chiếm đài phát thanh Huế, Thượng Tọa Trí Quang lần thứ ba kêu gọi Tổng Thống Johnson can thiệp nhưng không được trả lời. Một trăm Tăng Ni tuyệt thực trước tòa Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ ở đường Đống Đa. Họ trao huyết thư cho vị Tổng Lãnh Sự nhờ chuyển đến Tổng Thống, yêu cầu dừng tiếp tục ủng hộ chính phủ tàn ác, không tôn trọng lời hứa. Họ đâu có ngờ đây là chính sách chung của Thiệu Kỳ và Johnson đối với họ.

Ngày 1-6-1966 Thượng Tọa Thiện Minh bị mưu sát. Một quả lựu đạn MK-26 thảy dưới gầm xe Thượng Tọa làm Thượng Tọa bị thương nặng ở chân và bàn tọa. Người thảy lựu đạn chạy thoát bằng xe gắn máy.

Quân đội và công an, cảnh sát của chính phủ hành quân tại Sài Gòn và Huế. Cảnh sát dã chiến và lính nhảy dù bao vây Viện Hóa Đạo và sau hai ngày, tiến chiếm Việt Nam Quốc Tự, trụ sở của Viện Hóa Đạo, bắt hàng trăm Tăng, Ni, Phật Tử.

Ngày 10 tháng 5, 1966, đại tá Loan dùng máy bay Hoa Kỳ đưa hai trung đoàn ra Phú Bài và với sự giúp đỡ của cố vấn cảnh sát Mỹ, mở cuộc hành quân tại Huế. Thượng Tọa Trí

Quang không muốn cảnh chết chóc tái diễn tại Huế, ra lệnh cho Phật Tử thiết án thờ ở các ngã ba đường, chuyên tâm cầu nguyện. Nhờ vậy mà khi quân của đại tá Loan đến Huế không bị chống đối, không phải đổ máu một cách phí phạm, ngoại trừ một trung úy ra chặn xe bị bắn chết ngay tại chỗ. Ngày 19-5-1966 đại tá Loan làm chủ tình hình, bắt hàng nghìn vị sư, sinh viên, học sinh.

Nghe theo lời khuyên của đại sứ Lodge, đại tá Loan cho chở TT Trí Quang vào Sài Gòn, tại đây TT tuyệt thực 100 ngày, da bọc lấp xưởng và chỉ ngưng tuyệt thực khi được lệnh của đức Tăng Thống. Một số sinh viên Huế không còn ngả nào hơn, phải lên núi theo Mặt Trận Giải Phóng. Chính phủ Mỹ và Thiệu Kỳ đã giúp Mặt Trận, cung cấp cho họ những cán bộ có khả năng, đầy nhiệt huyết!

Thượng Tọa Trí Quang, một trong 6 học tăng xuất sắc của Phật Học Viện Báo Quốc, một trong những vị lãnh đạo Phật Giáo có uy tín của Miền Trung - Việt Nam, tác giả cuốn *Tăng Già Việt Nam* xuất bản năm 1952, cổ võ chúng tăng trì trai giữ giới, sống đời phạm hạnh, ăn ở đạm bạc, gần sát với dân, cảm thông nỗi cơ hàn của họ. Người xuất gia không thiên vị, không đối nghịch với ai, chăm chăm ngó thẳng về chân trời giác ngộ mà tiến tới. Người xuất gia coi thường mọi nguy hiểm, bệnh tật, chết chóc, suốt đời chỉ biết có một việc là duy trì Chánh Pháp, hóa độ quần sinh...

\*  
\* \* \*

Trong kỳ Đại Hội Phật Giáo được tổ chức sau ngày Cách Mạng 1963 để thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Giáo Hội gồm có hai Viện: Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo. Viện Tăng Thống lo về mặt tinh thần, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết được Hội Đồng Luống Viện cung thỉnh làm Tăng Thống, Thượng Tọa Trí Quang làm Chánh Thư Ký. Viện Hóa Đạo lo điều hành Phật sự. Thượng Tọa Tâm Châu được mời làm Viện

Trưởng, Thượng Tọa Thiện Minh làm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên. Phật Giáo Nam Việt Nam chia làm bảy Miền. Thượng Tọa Đôn Hậu được cử làm Chánh Đại Diện Miền Vạn Hạnh gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Tín.

Phật Giáo chuyên lo Phật sự. Không liên kết với vị tướng lãnh nào, với đoàn thể chính trị hay nhân vật chính trị nào. Vì vậy khi thành lập chính phủ Nguyễn Ngọc Thơ sau Cách Mạng, Phật Giáo cũng không biết. Khi tướng Nguyễn Khánh chính lý Phật Giáo cũng không hay. Ngay cả khi đòi hỏi Quốc Hội Lập Hiến, Phật Giáo cũng không có một đoàn thể chính trị nào gọi là của Phật Giáo. Những vị tướng như Phan Xuân Nhuận, Nguyễn Văn Chuân, Tôn Thất Đính, ngay cả tướng Nguyễn Chánh Thi có cảm tình với Phật Giáo, ủng hộ vận động đòi hỏi chính phủ dân sự, bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, không phải do Phật Giáo kết nạp.

Thượng Tọa Thiện Minh sau khi nhận trách nhiệm lãnh đạo Tổng Vụ Thanh Niên, ngài lo chỉnh đốn, duy trì, phát huy tổ chức thanh niên, Gia Đình Phật Tử. Ngài tổ chức Đại Hội Gia Đình Phật Tử vào những ngày 28, 29, 30 tháng 6 năm 1964, chưa đầy 6 tháng sau khi Giáo Hội PGVNTN thành lập. Ngài cho tổ chức những Trại Huynh Trưởng như Lộc Uyển, A Dục, Huyền Trang tại các Miền Khánh Anh, Liễu Quán, Vạn Hạnh. Mặc dầu chuyên lo Phật sự, ngài vẫn bị mưu sát ngày 1-6-1966. Không những bị mưu sát mà còn bị Tòa Án Mật Trận tại Sài Gòn tuyên án 25 năm cấm cố và khổ sai vì tội gây rối trật an, trong khi những ông tướng Công Giáo như Lâm Văn Phát, Dương Văn Đức, những người chủ mưu đảo chánh hụt thời ông Khánh, ông Quát thì vẫn tự do. Mặc dầu vậy Phật Giáo vẫn không may thù hận.

Hòa Thượng Đôn Hậu trong Thông Bạch, giữa lúc đầu sôi lửa bỏng, hận thù tràn đầy sau ngày Cách Mạng 1963, nói lên tinh thần của Phật Giáo, hạnh nguyện của ngài:

**THÔNG BÁCH**  
**của Thượng Tọa Thích Đôn Hậu,**  
**đại diện chư Hòa Thượng, Đại Đức Tăng Ni và Hội**  
**Phật Giáo Trung Phần.**

*Kính gửi: Toàn thể liệt vị Tăng, Ni, Phật Tử,  
các Tỉnh Hội, Khuôn Hội,  
Sinh viên Phật Tử, Thanh Niên Phật Tử, Gia Đình Phật  
Tử*

*Hướng Đạo Phật Tử và Học Sinh Phật Tử:*

*Suốt bao năm qua, Phật Giáo đồ chúng ta đã từng cam chịu biết bao tang tóc, đau khổ, tủi nhục mà vẫn còn bền bỉ đấu tranh trong tinh thần bất bạo động để bảo vệ chánh pháp, kịp đến ngày Phật đản năm nay, đầy mạnh đấu tranh vào giai đoạn quyết liệt một mảnh một còn. Tăng Ni và Phật tử khắp nơi trong toàn quốc đã hy sinh cao cả vô cùng cực, làm chấn động sâu xa, dư luận cảm phục trong quốc nội cũng như trên thế giới, cho đến ngày 1-11-1963, nhờ ơn Tam Bảo che chở, cùng chư Bồ Tát và liệt vị thánh tử đạo gia hộ, Phật Giáo đồ Việt Nam đã gặp được cơ duyên tốt khi các chiến sĩ Cách Mạng chia sẻ nỗi đau khổ vô bờ bến của toàn dân và Phật tử, nên đã anh dũng đứng lên mở một kỷ nguyên mới mang lại niềm hoan lạc cho toàn dân.*

*Màn mây đen tối của tội ác ma vương vừa tan biến như một cơn ác mộng khủng khiếp. Phật Giáo đồ chúng ta vừa hồi sinh, thoát khỏi một đại nạn hy hữu mà chưa có lịch sử nước nào đã ghi để giữ vững ngọn cờ chánh pháp.*

*Trong niềm hân hoan tràn ngập đất nước, tôi hân hạnh đại diện Phật Giáo miền Trung thân ái yêu cầu Phật tử cùng nhau chúng ta ghi ân các chiến sĩ anh hùng và*

các đồng bào đã bỏ mình vì chính nghĩa, đánh lě công  
đức vô lượng vô biên của liệt vị Tăng Ni, Phật tử, sinh  
viên, học sinh nam nữ trên toàn quốc và hải ngoại đã  
xả thân vì đạo, đấu tranh vì chánh pháp, đem lại nguồn  
ánh sáng lục hòa.

Hồi các Phật tử thân mến!

Trong niềm tri ân vô hạn ấy, với bao hân hoan vô tận,  
trong sự phục hồi đầy đủ vinh dự và tự do tín ngưỡng  
cho toàn thể Phật Giáo đồ, tôi thân ái gửi đến toàn thể  
Phật tử lời chào mừng hòa vui nồng nhiệt, lời hỏi thăm  
trùi mến của Tổng Hội Phật Giáo miền Trung và của  
riêng cá nhân tôi.

Nhân dịp này tôi xin nhǎn gửi toàn thể Phật Tử thuộc  
các giới, các tầng lớp nhân dân những lời tha thiết sau  
đây:

Động cơ cuộc đấu tranh của chúng ta trước sau cũng  
chỉ vì tình thương với mục đích duy nhất là giữ vững  
và phát huy tinh thần chánh pháp, tức là tinh thần Đại  
Bi của chư Phật diệt khổ ban vui, ngăn cản tội ác, tiêu  
diệt dục vọng từ trong đến ngoài, để cùng nhau thực  
hiện đức Từ Bi. Ngày nay cuộc đấu tranh đã đưa đến  
thành quả, những cá nhân, những tập thể chủ trương  
tội ác, đã gieo rắc tội ác, làm đau khổ Phật Giáo đồ  
chúng ta đều đã được chặn đứng kịp thời, khiến họ  
không còn thể tác hại chúng ta được nữa. Mặc dù bị  
thiệt hại vô kể trên mọi phương diện, tôi vẫn tin tưởng  
rằng Phật Giáo đồ chúng ta vẫn sẵn sàng hoan hỷ cho  
những kẻ đã gây nên tội lỗi, theo đức hỷ xả của  
chư Phật, chư đại Bồ Tát.

Tuy nhiên tưởng rằng trong số Phật tử chúng ta ắt cũng còn một số ít phần tử có những phản ứng thông thường tập tục oán hận những kẻ đã hành hạ điệu đứng Phật Giáo đồ, mà không kịp nghĩ, nên có những tư tưởng và hành động trả thù chung cho thỏa mãn lòng công phẫn. Đối với những người này, tôi tha thiết thân ái nhắc nhở rằng: Một thái độ, một tư tưởng như vậy quyết không phải là phù hợp với chánh pháp, với đức từ bi, với tình thương đã thúc đẩy cuộc tranh đấu của chúng ta từ lâu nay. Đứng trên cương vị người Phật Tử, chúng ta xác nhận rằng, vì chúng ta đã đau khổ đến cùng cực bởi ác nghiệp của kẻ khác đối với chúng ta, cho nên chúng ta đã tự mình xác nhận được nỗi khổ đau tai hại đến mức nào để tự tiêu diệt ngọn lửa dục vọng, oán hờn ngay trong tâm tưởng mọi người. Giải pháp của Phật Tử chúng ta để giải quyết tất cả mọi vấn đề hồn đòn và đau khổ có thể tạo nhân lành để tránh ác quả. Cho nên không thể nào giải quyết thù oán sân si bằng thù oán sân si được. Nhà Phật dạy: Phiền não tức Bồ đề. Chúng ta đã thoát thân ra được bởi sự đau khổ vô cùng cực thì hơn ai hết chúng ta càng biết thương yêu nhau nhiều hơn và nhất định từ chối không gây đau khổ cho ai cả, đó là qui luật tất nhiên để bảo vệ bản năng sinh tồn, tương thân tương trợ trong ý nghĩa của một cuộc sống đầy đủ và tích cực.

Nói tóm lại, tôi kêu gọi toàn thể Phật Giáo đồ hãy đề cao đức Từ Bi, phát huy tình thương dũng mãnh, tranh đấu với bản thân mình, đè nén tập tục thù oán thấp kém mà cầu nguyện cho tất cả mọi người đều sống trong tình yêu thương huynh đệ, như vậy mới thật xứng đáng với Chánh Pháp của đức Thầy Tôn.

*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật  
Nam Mô Thủ tướng Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát.*

*Bị chú: Xin tin để toàn thể Phật Giáo đồ được rõ:*

- Quý vị Tăng Ni Phật Tử bị giam giữ trước kia nay đều đã được tự do, yên ổn.
- Yêu cầu phở biến sâu rộng Thông Bạch này cho toàn thể Phật Tử và cố gắng đề phòng những tin đồn thất thiệt, những sự lợi dụng danh nghĩa Phật tử để gây hoang mang.

Trong Thông Bạch không một gợn hận thù. Tất cả là từ bi, là độ lượng, là hoan hỷ, là bao dung, đúng theo tinh thần Phật Giáo, thể hiện tâm tư của Hòa Thượng.

Thế rồi Hòa Thượng lăn mình vào Phật sự, lo củng cố nội bộ, lo dạy dỗ hàng hậu bối. Hòa Thượng tổ chức Đại Hội Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần vào ngày 18-1-1964 tại chùa Từ Đàm, Huế, với bài Diễn Văn Khai Mạc:

### **DIỄN VĂN KHAI MẠC** **Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần**

*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*

*Cũng chính tại đây, chùa Từ Đàm Huế năm 1951, Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo đầu tiên, đặt nền tảng cho công việc thống nhất lực lượng, ý chí và hành động của Phật Tử Việt Nam. Trải qua mười hai năm trời, thay chung vì âm mưu phá phách của kẻ lạm dụng chính*

*quyền... trăm phương ngàn kế, bằng cách này hay cách khác, muốn tiêu diệt Phật Giáo, một ý định đã có ngay từ khi tổ quốc bị xâm lược.*

*Do đó mà một phong trào vận động của Phật Giáo Việt Nam đã được phát động công khai vào ngày 8-5-1963, cũng tại ngôi chùa Từ Đàm này. Phong trào vận động ấy đã là nguồn gốc của công cuộc thống nhất thật sự nền tín ngưỡng truyền thống của dân tộc. Trong khuôn khổ thống nhất đó, ngày hôm nay, cũng tại chùa Từ Đàm này, một Đại Hội của Phật Giáo Miền Trung được khai mạc làm cản bản và tiền phong cho công cuộc thống nhất thật sự của Phật Giáo Việt Nam. Đại diện hai ban Tổng Trị Sự của Giáo Hội Trung Phần, tôi long trọng khai mạc Đại Hội nói trên, với những ý chí và tuyên ngôn sau đây:*

- Cản bản của Phật Giáo Việt Nam là dân tộc, là tám mươi phần trăm tổng số dân chúng, chứ không phải chính trị và chính quyền. Do đó mà Phật Giáo Việt Nam tán thưởng chính sách và chính quyền nào được đại đa số dân tộc tán thưởng, chứ Phật Giáo không bao giờ từ bỏ cường vị tôn giáo. Học tập đức Từ Bi của Phật, Phật Giáo Việt Nam đã và sẽ nhẫn nhịn, dung hòa và học tập đức vô úy của Phật. Phật Giáo Việt Nam đã và sẽ không tiếc hy sinh cho công bình, hợp lý.*
- Ý thức rằng tự phát triển tôn giáo mình bằng cách đàn áp tôn giáo khác, thì dầu quyền lực được thiết lập và kéo dài cả trăm năm, cuối cùng cũng phải sụp đổ. Do đó mà Phật Giáo Việt Nam đã và mãi mãi cố thủ, phát huy truyền thống Phật Giáo, chỉ tự phát triển tôn giáo mình bằng chính sự tự thực hành giáo lý của mình.*

*– Những điều được nói vắn tắt và tổng hợp trên đã và mãi mãi là căn bản cho tâm tư và hoạt động của Phật Tử Việt Nam, ngay trong công cuộc thống nhất Phật Giáo và trong Đại Hội này. Để cầu nguyện cho một nền hòa bình có thực chất được thực hiện, Phật Tử Việt Nam ước mong tâm tư và hoạt động của mình đồng hành với những người có thiện chí và phải chăng ở các tôn giáo khác. Chính đó là điều làm cho tôn giáo được trường tồn và làm cho dân chúng qui ngưỡng, chứ không phải là một tổ chức tôn giáo làm cho dân chúng sợ hãi.*

*Đại Hội Phật Giáo Miền Trung thực hiện việc thống nhất Phật Giáo bằng ý chí và tuyên ngôn trên đây, được xem như tỏ bày lòng biết ơn sâu xa đối với sự hy sinh cao cả và sự ủng hộ không dè dặt trong cuộc vận động đòi tự do và bình đẳng tôn giáo và cũng được xem như là lời cầu nguyện cho đất nước và dân tộc đang gánh chịu nhiều tủi nhục trong những năm qua được sống những ngày thanh bình, an lạc.*

*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.*

Lập trường của Phật Giáo Việt Nam, tâm nguyện của Hòa Thượng trước sau như một, lấy Từ Bi làm kim chỉ nam, lấy Dân Tộc làm nền tảng, lấy Đạo Pháp làm mục tiêu. Lập trường ấy, tâm nguyện ấy được phản ảnh trong bức thư gửi toàn thể Phật Giáo đồ trong khi Phật Giáo đang trải qua cơn pháp nạn nặng nề năm 1966.

*Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Ban Đại Diện Tỉnh Thừa Thiên  
Phật lịch 1510  
Huế ngày 15 tháng 1, 1966*

## **THƯ GỎI TOÀN THỂ PHẬT GIÁO ĐỒ**

*Nam Mô Long Hoa Thắng Hội Dương Lai Hạ Sanh Di  
Lặc Tôn Phật*

*Kính toàn thể Phật Giáo đồ:*

*Nhân ngày đầu Xuân mà cũng chính là ngày kỷ niệm  
đức Di Lặc Tôn Phật, một vị Phật sẽ xuất hiện ở Hội  
Long Hoa sau này để hóa độ chúng sanh. Thời kỳ Ngài  
ra đời sẽ là ngày vinh quang và an lạc cho thế giới Ta  
Bà. Đau khổ sẽ diệt vong, hạnh phúc chân thật sẽ đến  
với muôn loài.*

*Nhân dịp đầu Xuân Bính Ngọ này, hồi tưởng những  
chuỗi ngày đã qua, Phật Tử chúng ta cần cù soái lại và  
ý thức đúng đắn sứ mạng cao cả của mình đối với Phật  
Giáo và Dân Tộc. Vì vậy Giáo Hội khẩn thiết mong các  
Phật Tử bình tâm nhận định như sau:*

*– Chính cái khối Phật Tử chúng ta qua bao biến chuyển  
của thời cuộc đã tạo nên một sức mạnh và chính cái sức  
mạnh tinh thần ấy đã tạo nên sự trường tồn của dân  
tộc. Sức mạnh nuôi dưỡng tinh thần cho người dân đất  
Việt là sức mạnh của Phật Giáo.*

*– Xét về chiều ngang, thì Phật Giáo là sự kết hợp của  
khối Phật Tử. Khối này chiếm 85% của dân tộc. Xét  
về chiều dọc, thì Phật Giáo là nguồn sinh lực nối tiếp  
trường kỳ gần 20 thế kỷ, đã tạo cho dân tộc một truyền*

*thống tinh thần độc đáo. Dân Tộc và Phật Giáo chỉ là hai từ ngữ biểu thị cho một thực thể duy nhất, bất khả phân.*

*Do đó chúng ta có thể thảng thắn nhận định rằng sự tồn vong của Phật Giáo liên hệ đến sự tồn vong của dân tộc và ngược lại. Nếu đã nhận định được như thế, chúng ta có thể nói những ai mưu mô cố tình làm suy nhược Phật Giáo tức là có tâm làm suy nhược dân tộc. Những hành động bắt bớ Tăng Ni Phật Tử vô tội, những hành động đốt nhà, phá chùa không những chỉ làm hại Phật Giáo mà còn làm tiêu diệt dân tộc.*

*Nhìn lại lịch sử, hễ khi nào Phật Giáo được hưng thịnh thì quốc gia phú cường, dân tộc hùng mạnh, trong mọi lãnh vực văn hóa, giáo dục, luân lý, quân sự, chính trị như các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần. Sự liên hệ mật thiết ấy, sự lớn mạnh của Dân Tộc và Phật Giáo tùy thuộc vào khả năng và ý chí phục vụ của toàn thể Phật Tử chúng ta.*

*Khát vọng thiết tha của Dân Tộc cũng là của Phật Giáo là qua năm mới, mọi đau khổ, bất công sẽ được chấm dứt, hòa bình, an lạc sớm được thực hiện trong tự do, dân chủ và tôn trọng tín ngưỡng thật sự. Khát vọng này thích hợp với mục tiêu của Phật Giáo chúng ta, đề cao giá trị con người, xóa bỏ bất công, bất bình đẳng, thăng tiến trong tinh thần hòa đồng và tiến hóa.*

*Tất cả khổ đau của Dân Tộc và Phật Giáo đều phát xuất từ tham vọng, bạo cuồng của những chủ nghĩa, những bình thái sinh hoạt xa lì, ngoại lai, phản truyền thống dân tộc, phá hoại cơ thể dân tộc; phát xuất từ những cơn sốt trầm trọng trong mấy năm qua, đang cấu xé,*

*bành hạ quần chúng và Phật Giáo đồ Việt Nam. Phật Giáo chúng ta phải mang lại sinh lực cho dân tộc bằng chân tinh thần của Phật Giáo và chân tinh thần dân tộc làm sinh lực cho Phật Giáo.*

*Là Phật Giáo đồ Việt Nam, chúng ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác để bảo vệ Chánh Pháp, bảo vệ công bằng xã hội và những gì quý giá nhất cho danh nghĩa tự do, dân chủ trước những hoàn cảnh vô cùng khó khăn, phức tạp do những lực lượng ngoan cố đang cố tâm liên kết để làm hại Dân Tộc và Tổ Quốc, manh tâm khuynh đảo mọi giá trị tinh thần chân chính, xô đẩy đất nước và dân tộc thân yêu, trong đó có Phật Giáo, xuống hố diệt vong.*

*Tình thế cấp bách và nguy hiểm này không cho phép bất cứ một ai có tâm huyết mà thờ ơ với thời cuộc.*

*Phật Giáo đồ Việt Nam, một thành phần đông đảo nhất của khối dân tộc, không thể “đàm nhiên tọa thi” để cho những lực lượng phi nhân, phá đạo, hoành hành mãi với Phật Giáo. Vì danh dự, vì bốn phận thiêng liêng đối với Phật Giáo, với tổ quốc, chúng ta phải đoàn kết, tiếp tay nhau cứu vãn tình thế, góp phần hữu hiệu trong công cuộc bảo vệ xứ sở và Đạo Pháp. Không ai phủ nhận rằng trong cơn nguy biến Phật Giáo đồ đã đứng tiên phong nhận lãnh sứ mạng cứu khổ, độ nguy.*

*Bước sang ngưỡng cửa năm mới, Phật Giáo đồ chúng ta chó vội lạc quan mà phải luôn luôn ý thức nhiệm vụ của mình trước các điểm then chốt sau đây:*

*– Chúng ta triệt để chấp hành đường lối, chủ trương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để cùng thống*

*nhất ý chí, quan niệm và hành động; giữ vững tinh thần để khỏi bị lung lạc bởi những tuyên truyền xuyên tạc của những kẻ thường xuyên dụng tâm phá hoại.*

- Đoàn kết thuần nhất trong một tổ chức Phật Giáo hợp pháp, kiểm soát chặt chẽ hàng ngũ, canh chừng và loại trừ mọi trà trộn, phá hoại, chia rẽ của những tay sai ma vương, chỉ mặt những tên núp bóng để lợi dụng làm hoen ố thanh danh Phật giáo, lũng đoạn tổ chức.*
- Kiên toàn tổ chức Phật Giáo tại các địa điểm, nhất là tại thôn quê. Thường liên lạc, đôn đốc, giải thích chủ trương, để khỏi bị kẻ khác mê hoặc đem đi sai hướng. Đồng bào Phật Tử ở thôn quê cũng là chủ lực trong mọi cuộc đấu tranh, bảo vệ tự do tín ngưỡng và sự tồn vong của dân tộc.*

*Chúng ta cần thận trọng hành vi, ngôn ngữ, nhất là quan điểm, lập trường, đừng để ai lợi dụng lôi cuốn theo tà thuyết, bè phái, nhóm này, nhóm kia để mưu cầu tư lợi hay xây dựng lực lượng. Chúng ta cần phải phát huy mạnh mẽ lý trí, nhận xét. Phải thận trọng cân nhắc hậu quả trước mọi hành động, lời nói. Đừng bồng bột, nồng nỗi, cao hứng. Hàng Phật tử trẻ tuổi nhiều hăng say, ít kinh nghiệm lại càng phải dè dặt, thận trọng hơn.*

*Suốt mấy năm liền, Phật Giáo đồ Việt Nam phải chịu đựng muôn ngàn đau khổ. Chúng ta cần hiểu rằng lịch sử đã và đang trao cho chúng ta một gánh nặng trong giai đoạn nguy hiểm, căm go. Với tinh thần vị tha của đạo Phật, chúng ta hoan hỷ kè vai gánh lấy trách nhiệm cứu nước, cứu dân, cứu nguy Đạo Pháp khỏi lầm than, giải thoát đất nước thân yêu được vinh quang. Chúng*

*ta cố gắng phục hồi truyền thống cao đẹp, sống trong tình huynh đệ, thương yêu dùm bọc nhau, đem lại sự hưng thịnh, thay vì kỳ thị, oán thù, độc ác, tranh quyền, đoạt lợi.*

*Phật Giáo đồ chúng ta nguyện giữ vững đạo tâm, kiên trì hạnh lành, phát huy tinh thần Bi Trí Dũng.*

*Sau cùng, cùng san sẻ sự khổ đau mà nhân dân ta phải gánh chịu suốt 20 chục năm nay, Phật Tử chúng ta sẽ không sống đua đòi, xa hoa, phù phiếm, sẽ bớt đi phần nào chi phí vô ích để góp vào công đức cứu trợ, góp vào các Phật sự cần thiết.*

*Nhân dịp đầu Xuân Bính Ngọ, Giáo Hội Phật Giáo Thừa Thiên kính gửi đến toàn thể Phật Tử xa gần, từ thành thị đến thôn quê hẻo lánh, lời cầu chúc Xuân An Lạc, Xuân Hoan Hỷ. Cầu nguyện Đạo Pháp trường tồn, đất nước sớm thanh bình, nhân dân sống trong tinh thần đoàn kết, trong ánh sáng Từ Bi, Trí Tuệ, sẵn sàng chờ đón ngày xuất hiện của đức Phật vị lai, cùng hưởng Hội Long Hoa rực rỡ.*

*Nam Mô Di Lặc Từ Thị Tôn Phật.*

*Chánh Đại Diện Giáo Hội Phật Giáo Thừa Thiên  
Thượng Tọa Thích Đôn Hậu  
(Ấn ký)*

Hòa Thượng Đôn Hậu đã trải tâm tư của mình trong bức thư gửi cho Toàn Thế Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam, như Huyết Lệ Thư, như Lời Kêu Cứu, mong mỏi các thế lực thấy sự liên hệ mật thiết giữa Phật Giáo và Dân Tộc, nương tay đừng đánh

phá Phật Giáo vì làm yếu tiêm năng của Phật Giáo là làm yếu tiêm năng của Dân Tộc, tiêu diệt Phật Giáo là tiêu diệt dân tộc. Phật Giáo và Dân Tộc chỉ là hai từ ngữ biểu thị cho một thực thể duy nhất, bất khả phân. Tình tự dân tộc như vậy mà vẫn không được nhà hữu trách quan tâm. Phật giáo không tìm cầu quyền lực, địa vị, Phật Giáo chỉ muốn đất nước sớm thanh bình, nhân dân sống trong đoàn kết, vị tha, thương yêu đùm bọc nhau, thay vì hận thù, kỳ thị. Nhưng tâm tình và hoài vọng tha thiết ấy không khác tiếng kêu giữa sa mạc, đã bị nghiền nát trong gọng kềm lịch sử, trong cuộc chiến mà Việt Nam chỉ là con cờ, trong bàn cờ thế giới và những người chơi cờ thì đầy dẫy thù hận, một mất một còn.

Cũng vào thời điểm này, tại Hoa Kỳ Thượng Nghị Sĩ Robert Kennedy, nhận thấy khuynh hướng giải quyết chiến tranh Việt Nam bằng quân sự ngày càng mạnh cần phải điều chỉnh, một trong những lý do thúc đẩy ông ra tranh cử Tổng Thống và ông đã bị ám sát.

Sau vụ “Biến Loạn Miền Trung”, lực lượng Phật Giáo nòng cốt bị đập tan, Phật Giáo bị gạt ra ngoài xã hội. Chính phủ quân nhân chấp nhận tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến nhưng không cho Phật tử tham gia, họ hoặc bị bắt nhập ngũ, hoặc ở tù hay bị giam ngoài Côn Đảo. Đến tháng 8 năm 1967, tướng Nguyễn Văn Thiệu khôn khéo hất cẳng tướng Nguyễn Cao Kỳ, trở thành Tổng Thống của nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Từ đó chính trường Việt Nam, chính phủ Diệm không Diệm theo ngôn từ thời đại, do quân nhân và chính khách Công Giáo điều khiển, không khác nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Tình trạng này mang lại hậu quả Tết Mậu Thân 1968, Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 và sự sụp đổ của chế độ Việt Nam Cộng Hòa năm 1975.

George Kahin trong cuốn *Intervention* trang 432 viết: “*Thế trung đạo mà Phật Giáo cố xây dựng nằm giữa chính quyền Sài Gòn và Mặt Trận Giải Phóng bị cắt đứt và hy vọng về một lực lượng thứ ba bị hủy diệt. Một chính thể cứng nhắc được*

*tiếp tục đặt trên đầu trên cổ người dân Nam Việt, không cho họ có quyền dung hòa chính trị. Họ chỉ có hai con đường để lựa chọn, hoặc Mặt Trận Giải Phóng bay chính phủ Sài Gòn do Hoa Kỳ uốn nắn và đưa vào Hoa Kỳ để tồn tại.”*

Nhà cầm quyền bị bối cảnh chính trị thời đại chi phối không thể nào cảm thông, không thể nào thở cùng nhịp thở với đại đa số dân tộc. Họ đã để mất cơ hội có thể đưa đất nước ra khỏi gọng kềm lịch sử, không những cho lúc bấy giờ mà còn cho mai hậu. Đây là nỗi đau cho những người thường suy tư đến tiền đồ đất mẹ.

... Trong cuộc chiến mà Việt Nam chỉ là con cờ, con chốt trong bàn cờ thế giới và những con chốt chơi cờ thì đầy dãy thù hận, một mất một còn. “Chế độ tướng tá kế vị nhà Ngô tướng là hay khi kết tội thanh niên chống chính quyền là “làm tay sai cho cộng sản. Phe bên kia chẳng dại gì cải chính. Bao nhiêu thanh niên nam nữ không hề biết đến Bác, đã vào tù vì “tội cộng sản”. Đương nhiên người không vào tù, phải tìm nơi lẩn tránh. Mà lẩn tránh đâu hơn là theo Mặt Trận.” (Hồ Sĩ Khuê: *HCM, NDD MTGP* tr. 390)

Quyển Năm

---

# CÚ TRẦN LẠC ĐẠO



## CHƯƠNG 13:

---

# TỪ TRƯỜNG SƠN ĐẾN THẢO NGUYÊN MÔNG CỔ (1968-1975)

**Ngày 16-10-1964:** Trung Cộng thử bom nguyên tử đầu tiên.

**Ngày 17-6-1967:** Trung Cộng thử bom khinh khí đầu tiên.

**Ngày 24-4-1970:** Trung Cộng phóng vệ tinh lên không gian.

**Ngày 9-9-1972:** Trung Cộng mua 10 máy bay 707 của hãng Boeing Hoa Kỳ.

**Ngày 11-11-1966:** Lol Nol, tư lệnh quân đội Cao Mên được chỉ định làm Thủ Tướng.

**Ngày 1-4-1967:** Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa được ban hành. Liên danh Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ đắc cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống với 30% tổng số phiếu. Thượng Viên, Hạ Viên do ứng cử viên Công Giáo ngự trị. Giống như thời Đệ Nhất Cộng Hòa, trong thời Đệ Nhì Cộng Hòa, Hành Pháp, Lập Pháp, Tư Pháp đều nằm trong tay Công Giáo.

**Tháng 8, 1967:** Dân chúng Cao Mên tại Samlut, tây bắc Cao Mên nổi dậy chống chính quyền Lol Nol, bị đàn áp nặng nề.

**Cuối năm 1967:** Hoa Kỳ đắm chìm trong xáo trộn và phân hóa vì chiến tranh Việt Nam.

**Đầu năm 1968:** Bắt đầu mùa tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ. Robert Kennedy thuộc đảng Dân Chủ, Richard Nixon thuộc Đảng

Cộng Hòa đều chỉ trích chính sách của tổng thống Johnson về Việt Nam. Các bạn đồng minh Hoa Kỳ cũng không ủng hộ lập trường của TT Johnson về Việt Nam.

**Ngày 30-1-1968:** Tết Mậu Thân.

**Ngày 16-1-1969:** Hoa Kỳ và Bắc Việt thỏa thuận để đại diện Việt Nam Cộng Hòa và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tham gia hội đàm.

**Ngày 21-1-1969:** Nixon đắc cử, tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống Hoa Kỳ.

**Tháng 3, 1969:** Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ Melvin Laird công bố chính sách Việt Nam Hóa chiến tranh.

**Ngày 14-5-1969:** Tổng Thống Nixon đề nghị chương trình 8 điểm cho Việt Nam, chuẩn bị rút quân ra khỏi Việt Nam.

**Ngày 8-6-1969:** Tổng Thống Nixon và phái đoàn Hoa Kỳ gặp Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa tại đảo Midway để bàn chuyện rút quân và hòa đàm Ba Lê.

**Ngày 4-8-1969:** Henry Kissinger mật đàm với đại diện Bắc Việt. Giáo Hoàng tiếp Xuân Thủy, trưởng phái đoàn Bắc Việt.

**Ngày 2-9-1969:** Hồ Chí Minh qua đời, hưởng thọ 79 tuổi.

**Ngày 24-7-1969:** Huỳnh Văn Trọng điệp viên CS trong dinh Độc Lập bị bắt.

**Ngày 17-3-1970:** Lol Nol đảo chính tại Cao Mên lật đổ Sihanouk.

**Ngày 26-3-1970:** Biểu tình chống Lol Nol. Chính phủ đàn áp. Hàng trăm người bị giết, hàng nghìn người bị bắt. Hàng vạn người lên núi.

**Ngày 20-4-1970:** Lol Nol gửi thư cho tổng thống Nixon yêu cầu quân viện.

**Ngày 30-4-1970:** Quân đội Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa mở cuộc hành quân tại Cao Mên.

**Năm 1970:** Phái đoàn Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tham dự Đại Hội Phật Giáo Liên Hữu tổ chức tại Kyoto đề nghị chương trình 6 điểm chấm dứt chiến tranh Việt Nam, bị buộc tội là đâm sau lưng chiến sĩ trong khi Bộ Trưởng Ngoại Giao của Tòa Thánh trước đó hai năm và đức Giáo Hoàng trước đó 4 năm chủ trương hòa bình cho Việt Nam thì có quyền nói.

**Ngày 24-11-1970:** Trong chuyến viếng thăm Hoa Kỳ, Phó

Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ cho Kissinger biết ông Nguyễn Văn Thiệu và ông chưa có kế hoạch gì cho hòa bình Việt Nam.

**Tháng 2, 1971:** Quân đội Việt Nam Cộng Hòa hành quân Lam Sơn tại Lào bị thảm bại.

**Ngày 3-10-1971:** Nguyễn Văn Thiệu đắc cử Tổng Thống nhiệm kỳ II trong cuộc bầu cử chỉ có một liên danh Nguyễn Văn Thiệu - Trần Văn Hương tranh cử gọi là độc diễn.

**Ngày 21-2-1972:** TT Nixon đến Bắc Kinh gặp Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, mở đầu chiến lược mới về chiến tranh VN.

**Tháng 6, 1972:** Lol Nol đắc cử Tổng Thống Cao Mên

**Tháng 3 đến tháng 9, 1972:** Cộng sản tấn chiếm Quảng Trị. Kumtum bị đe dọa. An Lộc bị bao vây.

**Ngày 10-4 đến ngày 20-10-1972:** Phi cơ Hoa Kỳ thả bom dữ dội gần Hà Hội và Hải Phòng.

**Ngày 7-11-1972:** Nixon tái đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ.

**Tháng 10, 1972:** Hòa đàm về Lào bắt đầu, không đi đến đâu. Mỹ dùng B-52 ném bom Đường Mòn Hồ Chí Minh và các tỉnh Bắc Lào.

**Tháng 10 đến 12-12-1972:** Hoa Kỳ và Bắc Việt ký Hiệp Định Paris nhưng Việt Nam Cộng Hòa không chấp nhận.

**Ngày 18-12 đến 15-1-1973:** Hoa Kỳ tái oanh kích Bắc Việt.

**Ngày 8-27 tháng 1, 1973:** Hòa đàm Paris lại tái họp. Hiệp Định Paris được ký kết ngày 27-1-1973. Linh mục Trần Hữu Thanh phát động phong trào chống tham nhũng.

**Ngày 14-9-1973:** Hòa ước Lào ký kết. Chính phủ Liên Hiệp được thành lập.

**Tháng 5 đến tháng 8, 1974:** Quân Bắc Việt và Việt Cộng tấn công khắp nơi. Đến tháng 8, 1974 quân cộng sản chỉ cách Sài Gòn 25km.

**Tháng 3, 1975:** Cộng quân tấn công các tỉnh Vùng I Chiến Thuật, Cao Nguyên Trung Phần.

**Ngày 10-3-1975:** Ban Me Thuột lọt vào tay Cộng sản

**Tháng 3, 1975:** Quân Khmer Đỏ tiến chiếm thủ đô Nam Vang.

**Ngày 14-3-1975:** Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút quân khỏi Quảng Trị, Thừa Thiên và Cao Nguyên Trung Phần.

**Ngày 25-3-1975:** Huế lọt vào tay cộng sản. Hàng nghìn dân

chúng, quân cán chinh di tản xuống miền Nam.

**Ngày 1-4-1975:** Lol Nol chạy sang Hawaii tị nạn

**Ngày 14-4-1975:** Quốc Hội Hoa Kỳ cắt viện trợ dành cho Việt Nam Cộng Hòa.

**Ngày 21-4-1975:** Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức cùng gia đình di tản ra nước ngoài. Trần Văn Hương lên thay thế.

**Ngày 28-4-1975:** Cụ Trần Văn Hương từ chức. Đại Tướng Dương Văn Minh lên thay.

**Ngày 30-4-1975:** Chính quyền Dương Văn Minh đầu hàng.

**Tháng 8, 1975:** Quân đội Pathet Lao tiến chiến Vientiane

\*  
\* \* \*

Ngày 20 tháng 12 năm 1964 Chu Ân Lai phản đối Liên Bang Soviet đã phân hóa nỗ lực chống Hoa Kỳ của Bắc Việt. Điều này cho thấy lãnh đạo cộng sản Việt Nam lúc bấy giờ chia thành hai phe: phe thân Soviet chủ trương điều đình, phe thân Trung Cộng chủ trương ngược lại. Ngày 25, tờ *Nhân Dân Nhật Báo* của Trung Cộng tiết lộ đa số khí giới do Liên Bang Soviet cung cấp cho CS Việt Nam đều lối thời. Phản ứng của Hoa Kỳ là dùng vũ lực để đương đầu với phe điều hâu Bắc Việt. Ngày 17 tháng 6, 1965, 30 chiếc B-52 từ Guam đến dội bom Bắc Việt. Máy bay B-52 đầu tiên bị hỏa tiễn Sam hạ là ngày 24-7 và chiếc thứ hai ngày 12-8-1965. Hồ Chí Minh tuyên bố ngày 17-7-1966: Chiến tranh có thể kéo dài 5, 10, 20 năm nữa.

Chiến dịch ném bom tiếp tục trong khi trận địa chiến tăng cường. Liên hệ giữa Việt Nam Cộng Hòa và Cao Mên gấp trở ngại. Ngày 20 tháng 10 năm 1965 quân đội Hoa Kỳ vào lãnh thổ Cao Mên tấn công quân Bắc Việt. Sihanouk phản đối. Tướng Lol Nol lên làm Thủ Tướng Cao Mên tháng 11 năm 1966. Guồng máy quân sự được thiết lập toàn Đông Dương. Chiến lược quân sự của Hoa Kỳ được củng cố vững vàng.

Trong thế cờ chiến lược ấy, đại tá Loan thi hành đường lối của Nội Các Chiến Tranh, dùng vũ lực uy hiếp Phong Trào

đấu tranh đòi bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, vô hiệu hóa tiềm năng của Phật Giáo tại Huế. Ty Cảnh Sát Thừa Thiên Huế theo mệnh lệnh của đại tá Loan hành sự. Một viên thiếu úy Nghĩa Quân Quận Nam Hòa, không có kinh nghiệm điều hành, không có điều kiện học lực làm sĩ quan cảnh sát, nhưng đầy hăng say, sẵn sàng phục vụ, được chọn làm Phó Trưởng Ty, phụ trách ngành cảnh sát đặc biệt dọn sạch chiến trường tại cố đô Huế, nơi có nền văn hóa truyền thống khá sâu đậm, nơi mà trước đó không lâu có ba ông tướng ra ổn định tình hình đã đi theo Phong Trào đòi tự do dân chủ, đòi chính phủ dân sự, đòi bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, nơi một ông tướng cuối cùng cũng phải bó tay, được máy bay Thủy Quân Lục Chiến Mỹ vội vã đưa vào Đà Nẵng, sau khi đã đưa Thượng Tọa Trí Quang vào Sài Gòn.

Vô hiệu hóa xong ảnh hưởng của Phật Giáo, chính phủ Nguyễn văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ cho tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến. Ngày 1-4-1967 Quốc Hội Lập Hiến thông qua Hiến Pháp, khai sinh nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Ngày 3-9-1967 bầu cử Tổng Thống và Thượng Nghị Viện. 11 liên danh ra ứng cử Tổng Thống, 50 liên danh ra ứng cử Thượng Viện. Liên danh Nguyễn văn Thiệu - Nguyễn cao Kỳ đắc cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống với 1,638,902 trong số cử tri đi bầu là 4,868,266, tức vào khoảng 30%, dưới xa quá bán số phiếu. 6 liên danh Thượng Viện đắc cử, đó là Liên Danh Nông Công Bình, thành phần quân đội với một số thành viên Công Giáo, liên danh Bông Lúa, thành phần Đại Việt và Cao Đài với một số thành viên Công Giáo, Liên danh Công Bình Xã Hội, thành phần Công Giáo, Liên Danh Đại Đoàn Kết, thành phần Công Giáo, Liên Danh Mặt Trời, thành phần Công Giáo, Liên Danh Đoàn Kết Tiến Bộ, thành phần Công Giáo. Lập Pháp, Hành Pháp đều do Công Giáo ngự trị và lẽ dĩ nhiên Tư Pháp cũng vậy.

Điều đáng chú ý là trong kỳ bầu cử Tổng Thống và Thượng Viện năm 1967, một số liên danh sử dụng biểu tượng hòa bình, khát vọng của đại đa số dân Việt như Trương Đình Du sử dụng

biểu tượng hòa bình Bồ Câu Trắng. Phạm Thái, Huỳnh văn Tôn, Nguyễn ngọc Huy sử dụng khẩu hiệu An Cư Lạc Nghiệp. Trương Lương Thiện khẩu hiệu Thiên Hạ Thái Bình. Trần văn Văn khẩu hiệu Hòa Bình Ấm No. Nguyễn văn Tường khẩu hiệu Hòa Bình Thịnh Vượng. Thế mà khi Phật Giáo vận động hòa bình vào năm 1970, 6 năm sau Tòa Thánh La Mã, 3 năm sau bầu cử Tổng Thống, Thượng Viện thì bị buộc tội là đâm sau lưng chiến sĩ!

Tại Sài Gòn, chính phủ quân nhân, Nội Các Chiến Tranh tiếp tục làm tròn nhiệm vụ chiến lược Hoa Kỳ, biến quân lực Việt Nam Cộng Hòa thành hình ảnh của quân đội Mỹ. Các nhà chiến lược Hoa Kỳ ỷ vào sức mạnh quân sự, không quan tâm đến truyền thống văn hóa Việt Nam, không nắm vững bản chất chiến tranh cách mạng của cộng sản, đã quân sự hóa, Hoa Kỳ hóa guồng máy chính quyền Nam Việt Nam. Vì vậy việc gì phải đến đã đến: Tết Mậu Thân. Cộng quân tấn công 30 trong 44 tỉnh lị, thị trấn Việt Nam Cộng Hòa.

Tại Hà Nội ngày 7 tháng 7, 1967, một phiên họp quan trọng do Hồ Chí Minh chủ tọa. Tham dự phiên họp gồm các đảng viên cao cấp của Đảng Lao Động (đảng Cộng Sản), trong đó có Thủ Tướng Phạm Văn Đồng, đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng Trưởng Quốc Phòng.... Phiên họp đưa đến quyết định Tổng Công Kích - Tổng Khởi Nghĩa vào dịp Tết Mậu Thân do tướng Giáp chỉ huy.

Trước khi thi hành kế hoạch tổng công kích Tết Mậu Thân, tướng Võ Nguyên Giáp đã bày ra những thế trận để nhử tướng Westmoreland đến những vùng xa xôi hẻo lánh cách xa thị thành, cách mục tiêu dự định tấn công của Võ Nguyên Giáp. Quân đội Bắc Việt và sư đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đã giao tranh dọc theo vùng phi quân sự chia đôi Bắc Nam. Từ tháng 8 đến tháng 11 năm 1967 Bắc Việt tăng cường hoạt động, tấn công nhiều nơi gần biên giới Lào, căn cứ Côn Thiên, Dak To. Tuy bị thiệt hại nặng nề, nhưng cốt để đánh lạt hướng

Westmoreland. Tướng Giáp còn hy sinh nhiều binh sĩ tại chiến trường Khe Sanh... Tướng Westmoreland hăng say trong chiến thắng, không mấy quan tâm đến báo cáo quân Bắc Việt xâm nhập thành phố. Ông không tin lời khai của tù binh cộng sản vì nó không phù hợp với cục diện chiến trường. Tướng Weyland, tư lệnh quân đoàn III dè dặt hơn nên đã chuyển quân từ chiến trường Cao Mên về bảo vệ Sài Gòn.

Trong chiến dịch tổng công kích Tết Mậu Thân, tướng Võ Nguyên Giáp đã huy động từ 67,000 đến 84,000 quân Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng. Lợi dụng lệnh ngưng chiến, dân chúng, quân nhân Nam Việt Nam bận rộn ăn Tết, tướng Giáp cho tấn công đêm ba mươi sáng mồng một Tết nhằm đêm 31-1-1968. Vì trở ngại phổi hợp truyền thông, nên có những đơn vị Việt Cộng tấn công trước giờ ấn định. Thị xã Nha Trang bị tấn công sau nửa đêm ngày 30-1-1968. Sáu thị trấn khác ở Vùng I Chiến Thuật cũng bị tấn công đêm hôm ấy. Điều này làm cho quân đội VNCH và Hoa Kỳ có thì giờ phản ứng khi Tổng Công Kích được phát động đúng giờ đêm 31 tháng 1, 1968 tại 50 xã, 64 quận, 26 tỉnh và 4 thị xã khắp miền Nam Việt Nam. Quân cộng sản xuất hiện khắp nơi: tại Nha Trang, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Mỹ Tho, Bến Tre, Cà Mau...

Từ ngày 29 đến 31 tháng 1, 1968 VC trà trộn đưa 5,000 cán binh vào Sài Gòn. Khí giới được dấu trong các cỗ quan tài của những đám tang giả. Vào lúc 3 giờ sáng ngày 31, VC bắt đầu tấn công vào những mục tiêu chính. Họ mặc đồng phục quân đội VNCH tấn công Dinh Độc Lập nhưng rồi bị đẩy lui. Họ chiếm Đài Phát Thanh Sài Gòn 24 giờ đồng hồ. Những đơn vị khác tấn công tòa đại sứ Phi Luật Tân, câu lạc bộ sĩ quan Hoa Kỳ. Một đơn vị chính tấn công tòa Đại Sứ Mỹ.

Mục tiêu quan trọng khác trong cuộc tổng công kích là cố đô Huế. Ngày Mồng Một Tết lúc 3:40 sáng Việt Cộng ra lệnh tấn công khắp nơi trong thành phố. Quân lực VNCH phản công ngày mồng 3 Tết (1-2-1968). Ngày 14-2-1968 Chiến dịch Sóng

Thần 739/68 của Liên quân Thủy Quân Lục Chiến VN và Hoa Kỳ bắt đầu. Ngày 25, 26-2-1968 Huế được giải tỏa. Làng Quế Chữ, gần La Chữ, huyện Hương Trà, bộ chỉ huy của VC, bị không quân Hoa Kỳ thả bom, biến thành bình địa.

Về mặt quân sự, trong vụ tổng công kích Tết Mậu Thân, quân đội Bắc Việt và Mặt Trận bị tổn thất nặng nề. Viện Sử Học Hà Nội trong bài “Về Tổng Công Tổng Nổi Dậy Đồng Loạt Tết Mậu Thân (1968), Nghiên Cứu Lịch Sử số 1 (266) 1 & 2, 1993 nhận định: “Sau Tết Mậu Thân vùng làm chủ của ta bị thâu hẹp, cơ sở bị tổn thất, lực lượng vũ trang bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các sư đoàn 5, 7, 9 chủ lực của miền Nam mất bàn đạp, mất chỗ đứng, phải lèn vùng biên giới Cao Mên. Khu 8 có 2 trung đoàn còn 1. Khu 8 có 3 trung đoàn còn 1 trung đoàn và 1 tiểu đoàn. Bộ đội tập trung tính còn lại hơn 100.”

Nguyễn Văn Linh trong *Thành Phố Hồ Chí Minh 10 năm, Thành Phố Hồ Chí Minh 1985* viết về Tết Mậu Thân nói cơ sở nằm vùng bị tiêu diệt, Thành Ủy Sài Gòn phải lui xa thành phố, vừa di chuyển vừa trốn tránh mất một năm 28 ngày mới tới khu an toàn.

Thành Ủy Huế năm 1988 nhận định về Tết Mậu Thân cho biết ở Huế sau khi rút lui, lên rừng ngày nào là đổi ngày đó. Sau cuộc liên hoan mừng chiến thắng thì cả rừng ăn muối, khó khăn ập tới như hình hồi vỡ mặt trận năm 1946.

Về mặt chính trị: Tuy nhiên cũng vì vậy mà ảnh hưởng của Trung Cộng trong Mặt Trận bị sút mẻ nặng nề, không còn là một yếu tố đe dọa cho việc thống nhất đất nước trong tương lai. Nước Cao Mên láng giềng do Pol Pot cầm đầu, được Trung Cộng tích cực yểm trợ, không mấy thân thiện với Việt Nam, nếu không có tổng tấn công, Miền Nam sẽ là nơi xưng hùng xưng bá của 3 lực lượng quốc gia, trung lập, cộng sản, việc thống nhất khó đạt được và ảnh hưởng Trung Cộng sẽ tràn xuống bao vây cả những nước Đông Dương, tràn qua vùng Đông Nam Á. Giờ đây thế cờ ấy đã bị hạ qua sự thất bại quân

sự Tết Mậu Thân của Cộng Sản! Một thế cờ hết sức phức tạp.

Cuộc Tống Kích cũng là cơ hội định lượng mức độ ảnh hưởng của Mặt Trận tại Miền Nam và tình cảm dân chúng đối với Mặt Trận. Bắc Việt thấy rõ dân chúng tuy chống đối chính quyền quân nhân, độc tài quân phiệt, nhưng cũng không mở vòng tay tiếp đón họ khi họ chiếm Huế, hay các nơi họ làm chủ tình hình trong giai đoạn đầu. Đây là một bài học vô giá cho kế hoạch tiến chiếm Miền Nam tương lai. Nói tóm lại, trên phương diện chính trị, Tết Mậu Thân là cơ hội tốt để Bắc Việt đánh giá ảnh hưởng của Mặt Trận đối với dân chúng Miền Nam, biết sở trường sở đoản của Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa và Mặt Trận, là cơ hội để củng cố hệ thống lãnh đạo chỉ huy và tương quan giữa Bắc Việt và Mặt Trận, giữa Bắc Việt và Trung Cộng.

Ảnh hưởng chính trị của cuộc Tống Kích Mậu Thân tại Hoa Kỳ và các nước Tây Phương thật rất lớn. Dân chúng Mỹ thất vọng thấy chính sách của Johnson không mang lại kết quả mong muốn. Ngày 31 tháng 3, Tổng Thống Johnson ra lệnh ngừng oanh tạc Bắc Việt và yêu cầu Bắc Việt vào bàn hội nghị. Vatican xúc tiến chủ trương chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Đức cha Casaroli, bộ trưởng ngoại giao của Tòa Thánh tuyên bố: “... *Bây giờ không còn là lúc làm một cuộc thánh chiến chống cộng nữa. Phải chấm dứt chiến tranh và tìm cách sống chung hòa bình với cộng sản. Cho nên những người quốc gia Việt Nam, nhất là những người Công Giáo, phải đoàn kết với nhau, sống chung với cộng sản mà không bị cộng sản nuốt đi.*” (Cao Văn Luận: *Bên Giòng Lịch Sử 1940-1975*, tr. 349). Giáo hoàng tiếp Xuân Thủ, trưởng phái đoàn Bắc Việt tại Ba Lê.

Không khí chính trị Hoa Kỳ đột nhiên thay đổi. Đầu năm 1968 mùa tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ bắt đầu. Robert Kennedy, ứng cử viên tổng thống thuộc đảng Dân Chủ, Richard Nixon, ứng cử viên tổng thống thuộc đảng Cộng Hòa đều chỉ trích chính sách của Tổng Thống Johnson về Việt Nam. Các bạn

đồng minh của Hoa Kỳ cũng không ủng hộ lập trường của TT Johnson về Việt Nam.

Mùa Thu năm 1969 các phong trào phản chiến bùng nổ tại Hoa Kỳ. Tổng Thống Nixon công bố chương trình Việt Nam Hóa chiến tranh, có nghĩa là muốn rút quân khỏi Việt Nam, tìm giải pháp chấm dứt chiến tranh qua hòa đàm.

### **Về việc Hòa Thượng Đôn Hậu lên núi, ra Bắc trong vụ Tết Mậu Thân được thầy Trí Tựu, Trú Trì chùa Linh Mụ thuật lại như sau: (lúc 12:00 giờ trưa, ngày 12-3-2009 tại chùa Linh Mụ)**

Vào khoảng quá nửa đêm tối Mồng một Tết Mậu Thân, có một phái đoàn gồm quân nhân và người mặc thường phục đến thăm Ôn. Ôn đang bị bệnh, bệnh suyễn và xuất huyết dạ dày. Thầy ngồi đây xa. Thầy Trí Lưu, thân phụ của thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát, lúc đó là Tri Sự chùa Linh Mụ, ngồi gần Ôn. Họ mời Ôn về Huế họp. Ôn từ chối nói đau không đi được. Họ nói có người đưa Ôn đi. Sau đó người ta gánh Ôn đi trên một chiếc võng, từ chùa Linh Mụ, không về Huế mà rẽ về Chợ Thông thuộc làng An Ninh Hạ, đến La Chữ. Ban ngày núp, nghỉ, ban đêm đi. Sau một tháng đến Seopon giáp giới Lào. Máy bay trực thăng bay trên đầu mà không bắn. Trên đường đi, thiếu lương thực, bị hạm đội Mỹ pháo kích. Nhiều người bị chết vì đói và sốt rét. (Được kể lại sau 1975). Rồi sau đó từ Huế ra Hà Nội mất hết 4 tháng, đi theo đường Mòn Hồ Chí Minh đến Nghệ An. Từ Nghệ An đến Hà Nội đi xe.

Kể từ hôm đó trở đi, bị ám ảnh bởi cảnh Ôn bị đưa lên núi trong lúc bệnh hoạn, thầy Trí Tựu nói: “Tôi thường nằm梦 thấy mình đi trên một cánh đồng hoang vắng vào ban đêm, không có một bóng người. Sao trên trời nhấp nháń, gió thỉnh thoảng lùa mạnh, như muốn đẩy lũy tre xanh đến phía tôi. Tôi cảm thấy rùng mình. Cái sọ người trắng phếu, cặp mắt đen nhìn tôi sững sững trong đêm tối yên lặng. Ngón tay chỉ vào mặt tôi. Bàn tay xương xẩu quắp lại. Tôi rùng mình thức dậy...”

Ôn ra đến Hà Nội được ở nhà Khách Chính phủ với một số nhân vật Miền Nam trong đó có Ô. Lâm Văn Tết, Nguyễn Thúc Tuân, Nguyễn Đóa, bà Chi, GS Hảo. Ôn gặp Bác Hồ 3 lần. Ôn ngồi trên ghế trường kỷ cạnh Bác Hồ, có Thủ Tướng Phạm Văn Đồng, bà Chi, cụ Đóa, ông Tôn Thất Dương Tiềm. Ôn được hướng dẫn đi thăm các tỉnh miền bắc. Tại Hà Nội Ôn gặp Hòa Thượng Trí Độ, quý Hòa Thượng, Thượng Tọa khác.

Ôn đến thăm các chùa, các Phật Học Viện, nói chuyện với chư Tăng Ni sinh, khuyên họ lo tu học, đặc biệt lo hành trì giới luật.

Năm 1970-1972 Ôn đi sang Hàng Châu, rồi Bắc Kinh, gặp Thủ Tướng Chu Ân Lai và Ban Tôn Giáo Trung Hoa. Nhân dịp này Ôn đến Tây An (Trường An) chiêm bái bảo tháp của ngài Huyền Trang tại chùa Hưng Giáo, Tây An, Trung Quốc.

Trở về Hà Nội một thời gian, Ôn bị suyễn nặng nên được đưa qua Trung Quốc điều trị. Đây là lần thứ hai Ôn đi Trung Quốc và kỳ này Ôn ở lại Trung Quốc cho đến sau ngày 30-4-1975

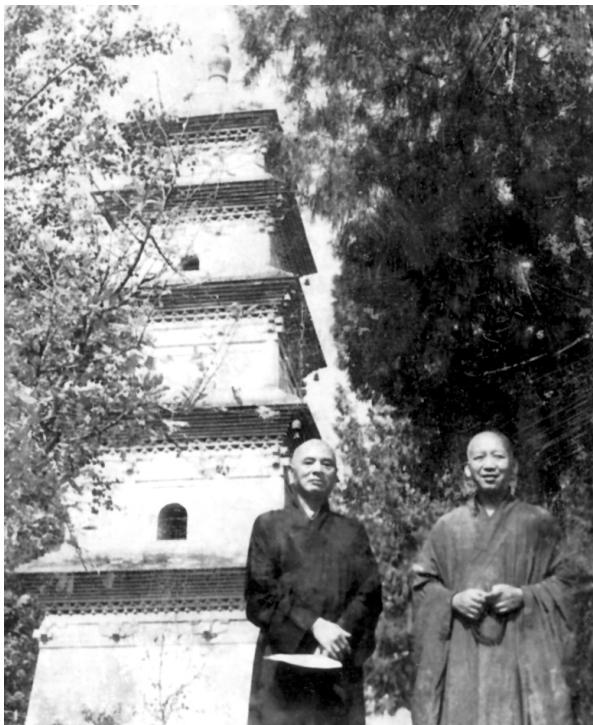
**Về chuyện Ôn lên chiến khu, ra Bắc, theo lời thuật lại của thầy Hải Tạng, trú trì chùa chùa Long An, tỉnh Quảng Trị. (3:00 chiều ngày 20-3-2009 tại chùa Long An). Thầy Hải Tạng nói:**

Tôi nghe kể lại vào khoảng 2 giờ sáng ngày Mồng một Tết Mậu Thân, có người đến mời Ôn đi họp. Ôn từ chối không đi được vì bệnh nặng, bệnh suyễn và dạ dày xuất huyết. Ôn chỉ ống nhổ đầy máu. Người chỉ huy toán lính giải phóng nói: *Đừng làm mất thì giờ, nếu đi không được thì có người gánh.* Ôn gượng ngồi dậy, mặc áo dài chuẩn bị đi. *Họ hỏi Ôn có cần mang gì đi theo không.* Ôn nói không cần gì cả. Họ gánh Ôn trên chiếc võng. Trên đường gặp bà Chi, Ông Đóa, Ông Hảo. *Lên Trường Sơn một thời gian,* Liên Minh Các Lực Lượng Dân Tộc, Dân Chủ và Hòa Bình Việt Nam được thành lập ngày 31-7-1968, Ôn không có mặt nhưng được sắp làm Phó Chủ tịch Liên Minh.

Hòa Thượng chiêm bái  
chùa Một Cột, Hà Nội  
năm 1970  
(Tiểu Sử, tr. 63)



Hòa thượng Đôn Hậu  
đang chuyên trò với  
Hòa Thượng Trí Độ  
tại chùa Quán Sứ,  
Hà Nội.



Hòa Thượng  
đến chiêm bái  
bảo tháp của  
ngài Huyền Trang  
tại chùa  
Hưng Giáo, Tây An,  
Trung Quốc  
(*Tiểu Sử*, tr. 61)



Hòa Thượng thăm hỏi Tăng Ni Sinh tại chùa Quán Sứ, Hà Nội năm 1970  
(*Tiểu Sử*, tr. 57)

Liên Minh Các Lực Lượng Dân Tộc, Dân Chủ và Hòa Bình Việt Nam, được thành lập ngày 31-7-1968 trong phiên họp tại sông Vòm Cỏ, gần căn cứ Mặt Trận trong núi rừng Tây Ninh giữa Mỏ Vẹt (Parrot's Beak) và Fishhook (Luối Câu), độ chừng 60km phía tây nam mạt khu Việt Cộng.

Chủ Tịch: Trịnh Đình Thảo.

Phó Chủ Tịch: Lâm Văn Tết.

Phó Chủ Tịch: Thích Đôn Hậu.

Tổng Thư Ký: Tôn Thất Dương Ký.

Ủy viên: Trương Nhu Tảng.

Ủy viên: Dương Quỳnh Hoa.

Ủy viên: Lâm Văn Tết.

Ủy viên: Thanh Nghị.

Ủy viên: Nguyễn văn Kiệt.

Ủy viên: Cao Văn Bồn.

Ủy viên: Nguyễn hữu Khương.

Ngày 6-6-1969 Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam được thành lập, ông Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, Ông không có mặt nhưng được sắp xếp làm Ủy Viên Hội Đồng Cố Vấn Chính Phủ.

Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam được thành lập ngày 6-8 tháng 6, 1969 trong phiên họp tại mạt khu vùng Fishhook (Luối Câu), Tây Ninh, biên giới Việt-Miền.

Chủ Tịch: Kiến trúc sư Huynh Tấn Phát.

Phó Chủ Tịch: Bs Phùng Văn Cung.

Phó Chủ Tịch: Gs. Nguyễn văn Kiệt.

Phó Chủ Tịch: Nguyễn Đóa.

Bộ trưởng Phủ Chủ Tịch: Trần Bửu Kiếm.

Bộ Trưởng Quốc Phòng: Tướng Trần Nam Trung.

Bộ Trưởng Ngoại Giao: Nguyễn Thị Bình.

Bộ Trưởng Nội Vụ: Bs Phùng Văn Cung.

Bộ Trưởng Kinh Tế Tài Chánh: Kỹ sư Cao Văn Bổn.

Bộ Trưởng Thông Tin, Văn Hóa: Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước.

Bộ Trưởng Giáo Dục, Thanh Niên: Giáo sư Nguyễn Văn Kiệt.  
Bộ Trưởng Y Tế, Xã Hội, Thương Phế Bình: Bs Dương Quỳnh Hoa.

Bộ trưởng Tư Pháp: Trương Như Tảng.

Sau Ôn được đưa ra Bắc, được sắp đặt cư trú tại 29 Nguyễn Du, Hà Nội, được đưa vào Phủ Chủ Tịch thăm Bác Hồ 3 lần. Được Hồ Chủ Tich tiếp đón, tặng 1 bó hoa. Hồ Chủ Tich ca ngợi Phật Giáo Việt Nam và sự hy sinh của Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Được đi Nga, Trung Quốc, Mông Cổ thăm viếng, dự Hội Nghị, được đến Trung Quốc chữa bệnh. Khi đến Mông Cổ, Phật tử Mông Cổ xem Ôn như Phật sống. Họ quì lạy, hôn chân Ôn, muối được Ôn thoa đầu ban phước lành.

Ôn nói khi đi dự Đại Hội Mông Cổ có máy nghe dịch ra tiếng Việt, giống như cảnh diễn tả trong kinh Duy Ma Cật...

Khi Miền Nam giải phóng, Ôn còn ở Trung Quốc chữa bệnh, về VN vào cuối tháng 5, 1975. Thày Trí Tựu có 2 cuốn băng ghi lời Ôn kể thời lên chiến khu ra Bắc, đi nước ngoài. (Hai cuốn băng này được người em bạn dì là cô Hồng ở Đà Nẵng giao cho tôi, tôi đã sang ra 2 bản, 1 bản cho Don, 1 bản tôi giữ và trả lại bản chính cho cô Hồng)

Khi ở nhà khách tại đường Nguyễn Du, Hà Nội vào khoảng năm 1969-70, nhân khi đọc quyển sách về Nguyễn Trãi, nói Phật Giáo ru ngủ cấp nô tì. Ôn gạch đỏ những đoạn văn diễn đạt như vậy. Khi đến thăm Thủ Tướng Phạm Văn Đồng, Ôn đem chuyện này trình bày với Thủ Tướng. Ôn nói ông Phan Huy Liệu, tác giả cuốn Nguyễn Trãi được gọi là một sử gia có uy tín, nhưng ông ấy thực sự có bao giờ viết một bài nghiên cứu về lịch sử Phật Giáo lần nào chưa, mà lại viết về Phật Giáo bằng những lời lẽ như vậy. Ông Phạm Văn Đồng xin Ôn bớt giận. Ôn nói Ôn không giận, nhưng không muốn người ta bóp méo sự thật. Ôn hỏi Thủ Tướng giả sử có người viết bài bóp méo, nói xấu Đảng Cộng Sản thì Thủ Tướng nghĩ như thế nào?

Khi mới ra Bắc, Ông phải tham gia học tập chính trị. Ông thường nghe những lời diệu cợt về thuyết luân hồi của Phật Giáo. Họ cho con người do con vượn hóa ra theo thuyết tiến hóa. Còn Phật Giáo, họ đùa cợt hỏi Ông, theo thuyết luân hồi của Phật Giáo thì con vượn từ đâu ra? Ông bỗng đùa trả lời nói nó từ trong bụi nhảy ra. Mọi người đều cười...

Trong dịp tang lễ Hồ Chủ Tịch, họ sắp đặt nhân viên chính phủ Cách Mạng Lâm Thời vị trí đứng hầu quan tài. Ông là thành viên của Chính Phủ nên được vinh dự đứng hầu quan tài. Ông nói Ông là một tu sĩ thật sự không có tài cán gì cả, quý vị bỏ Ông vào danh sách thành viên chính phủ, Ông không thể từ chối. Quý vị còn ca tụng Ông là bậc chân tu. Nếu vậy, Ông là một tỳ kheo không thể đứng hầu quan tài của bất kỳ người nào đâu đó là của Chủ Tịch. Họ nỗi nóng nói Ông là một công dân, phải tỏ lòng tôn kính đối với vị lãnh đạo. Ông nói Ông rất tôn kính Hồ Chủ Tịch, nhưng với thân phận thầy tu Ông không thể làm như vậy được. Nếu quý vị muốn Ông làm nhiệm vụ công dân thì phải cho phép Ông trở về Huế xin quý Thầy, quý Ông xả giới, sau đó Ông sẽ trở ra làm người đứng hầu quan tài, làm bốn phận công dân danh dự. Họ bàn bạc với nhau, rồi không bắt Ông phải hầu quan tài của Hồ Chủ Tịch nữa.

### **Về chuyện Hòa Thượng Đôn Hậu lên chiến khu theo lời của Gs Lê Văn Hảo.**

Giáo sư Lê Văn Hảo, tiến sĩ dân tộc học, giáo sư Đại Học Văn Khoa Huế, Đà Lạt và Sài Gòn, Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng Thừa Thiên Huế kỳ Tết Mậu Thân.

Trả lời những câu hỏi của biên tập viên Nguyễn An, Ban Việt Ngữ RFA ngày 21 tháng 12, 2006, giáo sư Hảo cho biết Gs không phải là thành viên của Mặt Trận mà chỉ là một cảm tình viên. Vào dịp Tết Mậu Thân, Gs được các nhà lãnh đạo Mặt Trận mời đi họp trước khi họ tấn công Huế. Suốt thời gian Huế chìm ngập trong chiến trận Gs ở trên núi không biết những gì

đã xảy ra cho Huế ngoại trừ tin tức trên đài phát thanh. Chức vị Chủ Tịch chỉ trên danh nghĩa.

Giáo sư Hảo cho biết trong số những người lên núi, rồi sau đó cùng ra Bắc với Giáo sư có Hòa Thượng Đôn Hậu. Hòa Thượng phải ngồi vũng cho hai anh quân nhân giải phóng khiêng. Bà Nguyễn Đình Chi và cụ Nguyễn Đóa cũng ngồi vũng, Gs lúc đó mới 32 tuổi, còn khỏe mạnh nên đi bộ như mọi người khác. Gs Hảo còn cho biết, tất cả mọi người đều được mời đi họp, “*riêng cụ Thích Đôn Hậu thì cụ bị bắt cóc lúc quân giải phóng đã chiếm được thành phố Huế rồi thì họ mời cụ lên vũng để đi họp, rồi vũng cụ lên trên núi luôn. Bà Nguyễn Đình Chi cũng thường họp như vậy... anh Tôn Thất Dương Tiêm đi theo quân giải phóng. Anh Tiêm là Việt Cộng nằm vùng...*”

**Cụ Nguyễn Thúc Tuân, cư ngụ tại 18/15 Lê Thánh Tôn, Huế Tel: 351-2061, nói về cụ Đôn Hậu. (Ngày 17-3-2009, 9:30 sáng)**

Cụ Nguyễn Thúc Tuân, theo lời cụ kể, nay 97 tuổi, sinh năm 1912, cùng năm với vua Bảo Đại, tham gia Cách Mạng, vào đảng năm 1946. Cụ nói Cụ sát cánh bên cạnh Cụ Đôn Hậu suốt 10 năm, từ năm 1968 cho đến năm 1978, theo mệnh lệnh cấp trên có bốn phận bảo vệ và kiểm soát Hòa Thượng Đôn Hậu.

Tối mồng 4 Tết Mậu Thân, cụ Nguyễn Thúc Tuân kể: tôi cùng đi với bà Nguyễn Đình Chi, cụ Nguyễn văn Đóa, ông Tôn Thất Dương Tiêm (3 người) lên chiến khu cách thành phố Huế độ 4km. Tối ấy ở lại 1 đêm, ngày sau lên chiến khu gặp Gs Lê Văn Hảo đã lên trước ngày 30 tháng Chạp, gặp Cụ Đôn Hậu cũng đã lên trước vài ngày, từ Văn Xá đi lên độ 3 km đường chim bay. Chúng tôi giờ đây gồm 6 người: Bà Nguyễn đình Chi, Ô Nguyễn văn Đóa, Ô Tôn thất dương Tiêm, Gs Lê văn Hảo, cụ Đôn Hậu và tôi. Chúng tôi lên gặp ô Hoàng Phuơng Thảo, chủ tịch thành phố Huế. Ông này lo toàn bộ. Ở tại chiến khu Huế 15 ngày. Máy bay Mỹ từ Dương Xuân Hạ bắt



Hòa Thượng tham dự Hội Nghị Phật Giáo Á Châu  
về Hòa Bình tại Mông Cổ năm 1971  
(Tiểu Sử, tr. 25)

đầu thả bom, pháo kích dữ dội. Một trái pháo kích nổ cách bà Chi độ chừng 10m, may mắn không ai bị thương. Chúng tôi đi sâu vào trong núi, sống trong hầm đá, ở lại 1 ngày sau bắt đầu ra Bắc theo đường mòn Hồ Chí Minh, có đoạn đi bộ, có đoạn đi xe jeep, đến Nghệ An. Từ Nghệ An ra Hà Nội đi bằng xe. Cụ Đôn Hậu và bà Chi đi trước, bốn chúng tôi theo sau. Ra đến Hà Nội được Ủy Ban Thống Nhất đón tiếp. Tôi và cụ Đóa gặp lại cụ Đôn Hậu và bà Chi.

Liên Minh các Lực Lượng Dân Chủ và Hòa Bình được hướng dẫn thăm Cao Bằng, Lạng Sơn, Móng Cái. Thỉnh thoảng Liên Minh được đi thăm các nước ngoài.

Khi thành lập Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng Thừa Thiên Huế, Gs Lê Văn Hảo được mời làm Chủ tịch, ông Tôn Thất Dương Tiêm và tôi làm Ủy viên. Lúc ấy chúng tôi ở chiến khu Huế. Số là lúc đầu Gs Hảo được mời ra Phong Điền hội họp. Khi

đến Văn Xá lại nói đổi lộ trình đi thẳng lên chiến khu. Đi vào trưa ngày 30 Tết. Tối đó quân Cách Mạng báo cho giáo sư biết quân đội Cách Mạng tấn công thành phố Huế. Từ đó chúng tôi không trở lại Huế nữa mãi cho đến năm 1975.

Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời được thành lập một năm sau, khi chúng tôi ở tại Hà Nội. Trong Chính Phủ Cách Mạng, cụ Đóa là chủ tịch, cụ Đôn Hậu và bà Chi được sắp làm cố vấn. Tôi và Tôn Thất Dương Tiêm không được mời tham dự.

Từ năm 1970 chúng tôi đi Trung Quốc, Liên Xô, Đông Đức. Riêng tôi có đi Ai Cập. Bà Chi và cụ Đôn Hậu có đi Mông Cổ. Cụ đi đến đâu dân chúng Mông Cổ quì lạy, xem như vị Phật sống.

Cụ Đôn Hậu từ Trung Quốc trở về Huế cuối tháng 5, 1975. Huế đã thành lập Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng trước khi Cụ về đến Huế.



Trong Hội Trường, Hội Nghị Phật Giáo Á Châu  
về Hòa Bình tại Mông Cổ năm 1971  
(Tiểu Sử, tr. 25)

Sau khi chúng tôi về Huế, Gs Lê Văn Hảo được mời làm Trưởng Ban Bảo Tồn Bảo Tàng Viện, không được vào dạy trường Đại Học. Gs Hảo rất buồn. Gs được cấp một cái nhà nhỏ trước Cao Đẳng Y Học, đường Nguyễn Huệ. Tôi được làm Trưởng Ty Thể Dục Thể Thao. Tôn Thất Dương Tiêm làm Trưởng Phòng Giáo Dục Huế. Cụ Đóa được cấp một căn nhà trong thành nội số 22 Lê Thánh Tôn, Huế. Nhà này hiện nay đã bán đi rồi. Người con gái của cụ ở Sài Gòn.

Tôi làm Trưởng Ty cho đến năm 1978, làm Đại Biểu Quốc Hội khóa 6 được vài tháng, đi họp 1 lần rồi bị bắt năm 1978, bị gán tội làm gián điệp, ở tù 8 năm 16 ngày tại trại Bình Điền. Tôi làm đơn khiếu nại nhiều lần nhưng không được xét xử. Mới đây tôi cũng làm đơn xin cứu xét lại, nhưng không được hồi âm vì Trung Ương quá bận việc. Được xóa án nhưng không được trả án. Xóa án xem như không có phạm tội.

Cụ Đôn Hậu và bà Chi được chính phủ trọng nể. Phòng tôi ở gần phòng cụ Đôn Hậu. Cụ có một người đệ tử tên là Kiến, chừng 30 tuổi, đi theo hâu. Cụ thật sự là một vị chân tu. Tôi chưa thấy một vị sư nào đạo hạnh như Cụ. Có một lần chúng tôi được đưa tới Hắc Hải (Black Sea) bên Liên Bang Soviet để nghỉ mát. Chúng tôi ở trên lầu. Một buổi sáng thức dậy Cụ mở cửa sổ hóng nắng, thấy phụ nữ mặc đồ tắm đi trên bãi biển. Cụ đóng sập cửa sổ lại và từ đó, trong thời gian nghỉ mát ở Liên Xô, cụ không bao giờ mở cửa sổ nhìn xuống bãi biển nữa. Suốt 10 năm sống gần cụ, không thấy cụ dùng rượu, bia hay thịt, cá, ngay cả nước mắm, dầu ở trên chiến khu thiến thốn đủ mọi thứ.

Mỗi năm vào dịp Lễ Phật Đản, cụ đọc bài tưởng niệm Đản Sanh do ông Tôn Thất Dương Tiêm viết. Ông Tiêm có dùng một số từ ngữ mà cụ không đồng ý. Cụ nói thà chết chứ không làm việc trái đạo. Cụ Nguyễn Thúc Tuân nói không nhớ rõ từ ngữ gì.

Khi bà Chi và Cụ Đôn Hậu qua đời, cụ Tuân nói cụ tránh

không đến tham dự tang lễ. Gs Lê Văn Hảo sau khi nghe tin vợ đi lấy chồng khác, ông đã tái giá với một cô giáo người Hà Nội. Lễ tân hôn Gs mời nhiều người Huế tham dự nhưng không ai đến chỉ một mình cụ Tuân đến dự.

Vợ chồng cụ Tuân có 2 người con trai, 1 là liệt sĩ, 1 hiện nay ở Nha Trang và 4 người con gái, 1 người làm bác sĩ cùng chồng cũng làm bác sĩ đang cùng sống với cụ ở Huế, 1 là kỹ sư ở Pleiku, 1 là giáo viên ở Sài Gòn và 1 ở Úc. Mặc dù 97 tuổi cụ vẫn dạy học, dạy tư, dạy Anh và Pháp văn cho 15 học sinh. Những người học suốt tuần đóng học phí mỗi tháng \$150,000 (gần 10 đô la Mỹ), học 3 ngày đóng \$70,000. Mỗi tháng kiếm được độ chừng \$100US.

Theo tin tức chúng tôi thâu lượm được vào đêm mồng một Tết, một trung đội nhưng quân số chỉ vào khoảng 20 người của quân Bắc Việt, nhân danh Mặt Trận Giải Phóng, do Thiếu úy Nguyễn Văn Khánh chỉ huy, đến chùa Linh Mụ mời Hòa Thượng Đôn Hậu đi họp. Hòa Thượng không được khỏe. Hai người lính gánh Hòa Thượng lên núi qua ngả Hương Trà. Sau một ngày đường đến địa đạo Khê Trai, Thiếu úy Khánh giao Hòa Thượng cho Thành Ủy Huế. Hai tháng sau Hòa Thượng cùng những vị khác như bà Tuần Chi, Gs Hảo được mời ra Bắc.

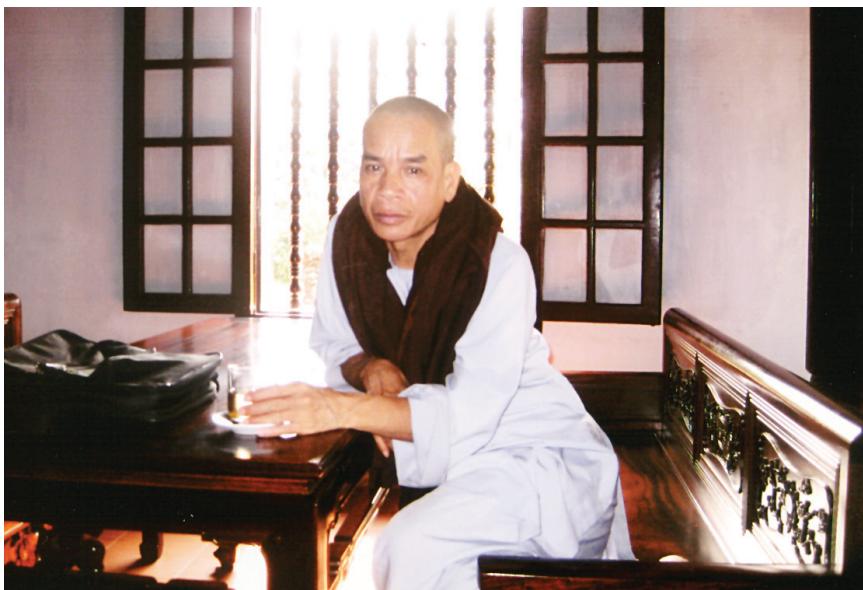
### **Về bài “Ba Lần Được Gặp Cụ Hồ” ký tên Thích Đôn Hậu. Ngày 31 tháng 3, 2009, 10 sáng tại chùa Linh Mụ**

Chúng tôi có nhận được một tài liệu, trong đó có bài viết nhan đề là *Ba Lần Được Gặp Cụ Hồ* đăng trong tập *Bác Hồ Trong Lòng Dân Huế*. Ngày 31 tháng 3, 2009, lúc 10 giờ sáng tôi mang tài liệu này lên chùa Linh Mụ hỏi quý Thầy để xác định xem có phải do Hòa Thượng Đôn Hậu viết hay không. Tôi gặp thầy Hải Bình (thầy Trí Tựu đi vắng) thầy xem xong nói: Tất cả anh em chúng tôi trong chùa có đọc tài liệu này, chúng tôi biết bài ấy không do Ôn viết, cách diễn đạt cũng như nội dung không phải của Ôn. Điều này có thể hỏi ý kiến

của thầy Trí Thành hiện ở Canada hay Trí Lực hiện ở Thụy Điển. Ba anh em chúng tôi (Hải Bình, Trí Tựu, Hải Tạng) đều nhất trí không phải văn phong của Ôn.

Thầy Hải Bình nói những người CS bình luận về Ôn nói Ôn không phải là CS, vì CS không làm sao có hai lỗ tai giống như lỗ tai Phật của Ôn. Nên liên hệ với các thầy Hải Chánh v.v... hiện nay ở Mỹ để biết thêm cung cách hành xử của Ôn vào những năm sau 1968.

Sau khi nói chuyện xong với thầy Hải Bình tôi đến gặp cụ Nguyễn Thúc Tuân tại 18/15 Lê Thánh Tôn, Huế trong Thành Nội. Cụ đang dạy học nhưng vẫn vui vẻ tiếp. Tôi chỉ xin cụ nửa giờ. Tôi đưa bài *Ba Lần Gặp Được Cụ Hồ* có chữ ký của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu đăng trong tập *Bác Hồ Trong Lòng Dân Huế* xuất bản năm 1990 và nói với cụ: Cụ suốt 10 năm sống gần Hòa Thượng Đôn Hậu, cụ biết rõ phong thái, tác phong, ngôn từ... của Hòa Thượng. Cụ đọc bài này và cho



Thầy Hải Bình ở chùa Linh Mụ

tôi biết ý kiến của cụ. Bài dài 91/2 trang giấy. Cụ chăm chỉ đọc. Sau hơn nửa giờ cụ nói: Những dữ kiện đề cập trong bài không đầy đủ chi tiết. Thí dụ trong chuyến thăm viếng Bác lần thứ ba, Bác ôm quả dưa hấu đồng bào đọc sông Hồng trồingh vừa đem tặng Bác và Bác nói muốn tặng cụ Đôn Hậu, tặng phái đoàn để cùng san sẻ. Bà Chi tặng Bác không chỉ mứt gừng mà còn mứt cam quật do chính tay bà làm. Phái đoàn bất ngờ được dẫn đến thăm Bác. Cụ Đôn Hậu là người rất bình tĩnh, ăn nói chững chạc, chừng mực, không đại ngôn, không dùng từ ngữ chính trị, tác phong đứng đắn của một nhà tu. Còn Bác Hồ luôn luôn thân tình. Giọng Bác ấm áp, lời nói giản dị, ít khi nói chính trị. Tác phong bình dị, dễ mến, dễ truyền cảm.

### **Về quí thầy và chùa Linh Mụ sau khi Hòa Thượng Đôn Hậu ra Bắc. Dì Cân (Diệp Bích Thủy) kể ngày 10-4-2009, 8:30pm.**

Dì Cân gọi Ôn Linh Mụ bằng bác ruột, hay về thăm chùa Linh Mụ sau khi Ôn lên chiến khu. Dì kể: Một hôm vào năm 1972-73 tôi về chùa gặp Thầy Sư (Thầy Trí Lưu, thân sinh của thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát), tôi thấy thầy mở đài BBC nghe tin tức xem Ôn có nói gì trên đài không. Thầy Sư thương Ôn, nhớ Ôn lắm, muốn nghe tin tức về Ôn. Lúc bấy giờ có Ông Lê Văn Cư, pháp danh Tâm Cát, là một mật vụ, thường lui tới chùa nghe ngóng tin tức. Một hôm Thầy Sư cùng dì Cân nghe đài BBC bị ông Cư biết được. Sáng sớm ông đến chùa nói với Thầy Sư là Ôn Linh Mụ ở Bắc vừa vào, bị pháo kích, tay bị thương cần thuốc men và vải, yêu cầu thầy sự gửi thuốc, vàng (chứ không phải tiền) và một xấp vải nâu 20m. Thầy Sư cả tin, gửi thuốc trị giá \$200,000, 2 cây vàng, một lon gigo muối mè, 1 lon gigo thuốc tẽ, 1 xấp vải nâu 20m.

Sau năm 1975 Ôn về chùa. Thầy Sư hỏi thăm Ôn về vụ Ôn bị thương v.v... mới biết là ông Cư lường gạt, vì từ năm 1968 đến năm 1975 Ôn đâu có về Huế, làm gì có chuyện bị thương. Ba mẹ của ông Cư rất ân hận có đứa con lường gạt chùa. Ôn

dạy đừng bận tâm, có khi vì thiếu thốn mà làm càng. Nên tha thứ đừng nói đi nói lại.

O Sở, mẹ của thầy Trí Tựu kêu Thầy Sự băng chú. O Sở ở trong chùa giúp việc. Sau 1975 O Sở đến nhà ông Cư hỏi thăm sự việc để rõ thêm về sự lường gạt của ông Cư. Ông nói O Sở đừng hỏi nữa, làm phiền lòng nhà người ta.

Ngày thứ năm ông Cư lên chùa Linh Mụ nói với Thầy Sự ông muốn gặpdì Cân để đưa mặt khẩu đi lên Văn Xá gặpÔn. Dì Cân nghe vậy tự cảnh giác. Làm sao ông Cư biết dì Cân nghe BBC với Thầy Sự? Ông Cư, theo lời Thầy Sự là đệ tử của Ôn Linh Mụ, rất thân chùa, có đường giây có thể giúp đỡ Thầy Sự và dì Cân gặpÔn. Ông Cư muốn gặpdì Cân để đưa mặt khẩu, hẹn 8 giờ sáng thứ Bảy gặp.

Dì Cân nói với Thầy Sự dì đồng ý sáng thứ 7 lúc 8 giờ gặp ông Cư tại trường Văn Xá. Dì Cân còn thưa với Thầy Sự là khi ông Cư lên chùa, thầy nên gọi O Sở bưng nước lên để nhận định về ông Cư. O Sở cho biết ông Cư không thể tin cậy được. Sáng thứ 6 dì Cân đi qua cửa Thượng Tứ thấy ông Cư, đáng lẽ phải đi dạy học (theo lời ông nói là làm nghề thầy giáo), lại thấy đi nghênh ngang giữa đường, ăn mặc chỉnh tề, quần xanh áo chemise trắng, đeo kính đen. Trưa thứ 6 dì Cân thưa với Thầy Sự nếu ông Cư có liên lạc cho ông ấy biết dì đã đi vào Nha Trang có việc gấp nên không gặp được. Ông Cư cung cấp cho Thầy Sự giấy biên nhận thuốc, đồ ăn, vải và vàng.

Dì Cân kể tiếp vào khoảng năm 1978-79, một hôm Bác sĩ Bách, người có bối phận săn sóc sức khỏe cho Ôn, đến thăm Ôn. Ôn cho chế trà Ô Long do anh Trần Tường Châu gửi cúng. Ôn mời bác sĩ uống trà. Bác sĩ cầm tay Ôn hôn, vừa tò vè cung kính, vừa tò vè thân tình, mến chuộng. Bác sĩ nói Bác sĩ thực sự mến Ôn, trọng Ôn lắm.

Năm 1988 sau hai tháng á khẩu, nhờ dì Cân đấm bóp mà Ôn lành lại. Số là sau khi dì Cân nằm mộng thấy 2 bác sĩ, một

người đứng trước, một người đứng sau nói với dì Cân dì bị gió cần phải massage. Dì xem giắc mộng ấy như lời nhǎn nhủ nên đã liên tục làm massage cho Ông, nhờ vậy Ông bình phục lại, nói được và sống thêm được 4 năm nữa cho đến khi Ông viên tịch năm 1992.

\*  
\* \* \*

Tết Mậu Thân trôi qua. Hoa Kỳ và Bắc Việt vào bàn hội nghị. Chính phủ Nguyễn văn Thiệu - Nguyễn cao Kỳ có sáng kiến gì cho hòa bình Việt Nam, có phương thức gì để đối phó với tình hình mới? Trong chuyến viếng thăm Washington ngày 24-22-1970, Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ cho biết ông và ông Thiệu chưa có kết luận nào về sáng kiến hòa bình. Các nhà lãnh đạo Việt Nam, Tổng Thống và Phó Tổng Thống Việt Nam trong khi thế giới đang bận rộn tìm giải pháp hòa bình cho Việt Nam, thì quí vị ấy vẫn chưa có ý kiến gì.

Tại Hội Nghị Midway, Hoa Kỳ đe nghị chính phủ Việt Nam nên tạo điều kiện thuận lợi cho người quốc gia ngồi chung lại với nhau để giải quyết vấn đề Việt Nam. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tổ chức cuộc bầu cử Tổng Thống ngày 3-10-1971 mà chỉ có liên danh của ông, liên danh Nguyễn Văn Thiệu - Trần Văn Hương có thể ra tranh cử, gọi là cuộc bầu cử độc diễn. Nguyễn cao Kỳ bị loại. Nguyễn văn Thiệu làm Tổng Thống Nhiệm Kỳ Hai của nền Đệ Nhị Cộng Hòa.

Tại Việt Nam, Cộng quân mở chiến dịch tổng công kích vào dịp Tết Mậu Thân. Trong khi tại hai nước làng giềng Lào Mên tình hình như thế nào?

Từ tháng 4 năm 1963 đến tháng 2 năm 1973, trong thời gian 10 năm này Lào đã trải qua một thời kỳ rắc rối chưa từng thấy trong lịch sử Lào: đảo chánh, chống đảo chánh, điều đình, thỏa ước, rồi vi phạm thỏa ước, lại đi đến điều đình. Những gì xảy ra tại Lào liên quan đến Việt Nam. Hoa Kỳ không những

cung cấp tiền bạc và khí giới cho phe mình, cho phe hoàng gia mà còn bắt đầu từ tháng 5, 1964 thả bom xuống những mục tiêu Pathet Lao trong khi Bắc Việt điều khiển chiến tranh cách mạng nhân dân.

Máy bay Hoa Kỳ từ Thái Lan hàng ngày hàng trăm lần thả bom xuống Cánh Đồng Chum, vùng oanh kích tự do sau khi USAID và Vang Pao đã di tản 15,000 dân đi nơi khác tị nạn.

Chiến tranh lan rộng xuống miền nam. Hoàng thân Sihanouk của Cao Mên bị lật đổ vào tháng 3, 1970. Đường tiếp tế của Bắc Việt qua hải cảng Kompong Som bị cắt đứt. Đường tiếp tế mà Sihanouk giả làm ngơ để tránh cho Cao Mên khỏi vướng vào vòng chiến Việt Nam. Con đường tiếp vận hàng hải bị cắt đứt, con Đường Mòn Hồ Chí Minh tại Nam Lào trở thành con đường huyết mạch, vì vậy Bắc Việt tăng gia áp lực quân sự tại Attapu vào tháng 4 và tại Saravan vào tháng 6. Đến giữa tháng 6 năm 1971 quân Bắc Việt kiểm soát Cao Nguyên Boloven gần thủ phủ Paksé.

Tháng 2 năm 1971 sau vụ đàm áp phong trào đòi chính phủ dân sự, bầu cử Quốc Hội Lập Hiến tại Việt Nam, sau khi đã sắp đặt guồng máy quân sự bằng Nội Các Chiến Tranh, chính quyền Nam Việt Nam, được sự yểm trợ của không quân Hoa Kỳ tung ra chiến dịch Lam Sơn, đưa quân tiến vào Lào nhằm cắt đứt Đường Mòn Hồ Chí Minh, nhưng thất bại.

Tại Cao Mên không muốn bị cuốn vào quỹ đạo chiến tranh Việt Nam, Sihanouk chủ trương trung lập. Tháng 11, 1966 sau cuộc bầu cử Quốc Hội, phe bảo thủ thắng thế, Lon Nol, Tổng Tư lệnh Quân Đội Cao Mên được bầu làm Thủ Tướng. Tháng 4 năm 1967 dân chúng vùng Samhut tây bắc Cao Mên đứng lên chống Lon Nol bị đàm áp nặng nề. Một số trí thức và thành phần chống đối chạy lên chiến khu (cảnh tượng giống Việt Nam vào thời kỳ 1966-1967 khi đại tá Loan ra trấn áp Đà Nẵng, Huế). Trong vụ Tết Mậu Thân quân cộng sản sau khi bị quân đội Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa phản công, một số đã rút

sang Cao Mên. Vào tháng 3 năm 1969, Không quân Hoa Kỳ ném bom xuống các vị trí quân sự VC tại Cao Mên. Tháng 1, 1970 Sihanouk công du Pháp. Tại Nam Vang Lon Nol vận động Quốc Hội bỏ phiếu bất tín nhiệm Sihanouk. Trước khi rời Mạc Tư Khoa đến Bắc Kinh, Sihanouk được báo tin này ngày 18-3-1970. Ngày 20-3-1970 quân đội VNCH và Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ phối hợp với quân đội của Lon Nol tấn công các vị trí quân sự của VC tại Cao Mên. Từ tháng 4 đến tháng 6 Liên Quân Việt Mỹ xâm nhập đông Cao Mên. Trước đó hàng loạt máy bay B-52 thả hàng trăm tấn bom xuống vùng tình nghi có VC. Cuộc hành quân không mang lại kết quả mong muốn. Dân chúng Cao Mên tổ chức biểu tình ủng hộ Sihanouk, chống Lon Nol bị đàn áp nặng nề.

Ba chính phủ Việt, Lào, Môn đều sử dụng biện pháp mạnh đối với dân chúng khi dân chúng không ủng hộ đường lối của mình. Họ đã thành công. Súng đạn làm tắt đi mọi chống đối, nghiền nát mọi ước vọng, chừa lại cho họ những cái xác không hồn để rồi chỉ cần một cơn gió thoảng thì những cái xác ấy ngã xuống và điều đó đã xảy ra năm 1975 trong ba nước Môn, Việt, Lào.

Năm 1971, 1972 hàng trăm cán bộ cộng sản Cao Mên từ Hà Nội đến Cao Mên giúp cách mạng trong nhiệm vụ cứu quốc. Một số đã đến Việt Nam tỵ nạn từ năm 1954. Đa số trong thành phần này bị Saloth Sar (Pol Pot) thanh lọc một cách bí mật vào năm 1972-1973 khi quân Bắc Việt theo Hiệp Định Ngưng Chiến ký kết giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt, phải rút quân ra khỏi Cao Mên. Pol Pot được Trung Cộng yểm trợ, không mấy thiện cảm với Hà Nội. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam có nhiều thành phần thân Trung Cộng. Miền Nam Việt Nam có thể trở thành đất dụng võ của ba lực lượng quốc gia, Mặt Trận thân trung lập và Bắc Việt chủ trương thống nhất đất nước theo chủ nghĩa xã hội.

Ngày 1-5-1972 Quảng Trị bị VC chiếm, Huế, Kumtum bị đe

dọa, An Lộc bị bao vây. Mùa Hè đổ lửa. Một tuần lễ sau, hải quân Hoa Kỳ phong tỏa Hải Phòng và các hải cảng Bắc Việt. Ngày 27-1-1973 Hiệp Định Paris được Hoa Kỳ, VNCH, Bắc Việt, Mặt Trận Giải Phóng ký. Ngày 4-4-1973 Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu gặp Tổng Thống Nixon ở San Clemente, California. Trên đường về Việt Nam, Tổng Thống Thiệu ghé La Mã yết kiến đức Giáo Hoàng, nơi bào huynh của Tổng Thống làm đại sứ. Ngày 10-3-1975 Cộng quân bắt đầu tấn công Ban Me Thuột. Ngày 14-4 Quốc Hội Hoa Kỳ cắt viện trợ dành cho Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày 21-4 Tổng Thống Thiệu từ chức, Phó Tổng Thống Hương lên thay thế.

Ngày 28-4 Tổng Thống Hương từ chức, đại tướng Dương Văn Minh lên thay.

Ngày 30-4-1975 Quân cộng sản chiếm Dinh Độc Lập, Tổng Thống Minh đầu hàng.

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức ngày 21-4-1975, dãng gia đình bay sang Đài Loan, nơi bào huynh của Tổng Thống làm đại sứ, rồi từ đó qua Anh Quốc tị nạn một thời gian trước khi đến Hoa Kỳ. Chín ngày sau khi TT Nguyễn Văn Thiệu rời Việt Nam thì TT Nguyễn Cao Kỳ cũng bỏ nước ra đi. Hai ông tướng lãnh đạo Việt Nam, đã xây dựng cơ đồ bằng cách dẹp trừ những phần tử không đồng quan điểm với mình, đưa họ vào tù, đày ra Côn Đảo, bắt nhập ngũ hay đẩy họ lên núi theo cộng sản, giờ đây đồng minh của họ là TT Lol Nol của Cao Mên trong kế hoạch quân sự hóa của Hoa Kỳ, đã đàn áp dân chúng xứ chùa Tháp, bắt họ bỏ tù, đẩy họ lên núi theo Khmer Đỏ, cũng bỏ nước ra đi đến Hawaii tị nạn ngày 1-4-1975 khi quân Khmer Đỏ tiến chiếm Nam Vang.

Sau 30 năm chiến tranh, Việt Nam dưới thời Bảo Đại, được Pháp bảo trợ. Miền Nam Việt Nam, dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, Đệ Nhì Cộng Hòa, được Hoa Kỳ hết lòng giúp đỡ, cuối cùng rơi vào tay Cộng sản. Có người cho vì chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ năm 1963, trong khi ai cũng thấy rõ tình

hình quân sự và chính trị trước 1963 đã hết sức tồi tệ. Có người cho vì Phật Giáo sau 1963 hay lên đường xuống đường, trong khi Công Giáo không những biểu tình (ngày 16-8-1964, 1-1-1965, 27-5-1965, 7-6-1975...) mà còn chiếm cả dinh Gia Long và làm những vụ đảo chính ngày 13-9-1965, 19-2-1965, 20-5-1965... Có người cho vì Phật Giáo chủ trương hòa bình, hòa hợp hòa giải, đâm sau lưng chiến sĩ, trong khi đức Giáo Hoàng Paul VI kêu gọi ngưng chiến tại Việt Nam ngày 11-2-1965, tổ chức thánh lễ cầu nguyện hòa bình thế giới ngày 19-9-1965, đến New York kêu gọi hòa bình tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc ngày 3-10-1965...

Cộng sản toàn thắng tại Việt Nam thật ra vì ba nguyên nhân chính:

1/ Vì chính sách của Pháp mà sau Mỹ cũng rập theo. Khác với đế quốc Anh khi rời bỏ các nước thuộc địa, trao trả chủ quyền cho những người trước đây chống lại họ, bị họ bỏ tù như Nerhu của Ấn Độ, U Nu của Miến Điện... trong khi Pháp chỉ giao quyền lại cho những người trước đây hợp tác với họ, mà đối với đại đa số dân chúng Việt Nam chỉ là những kẻ tay sai của Pháp, nên không được dân tín nhiệm.

2/ Khi ông Ngô Đình Diệm lên cầm quyền, ông chỉ dùng người Bắc, người Trung, tín đồ Thiên Chúa Giáo. Ông loại trừ, tiêu diệt Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo, rồi Phật Giáo. Cứ tưởng tượng trong một gia đình, nếu cha mẹ chỉ thương một người con, dành mọi thứ cho người con ấy, hỏi gia đình đó có vui vẻ, thịnh vượng, hạnh phúc hay không? Thủ tướng tượng nếu có chính quyền nào bắt bớ, giam cầm, tra tấn một vài vị linh mục, Giáo Hội và tín đồ Thiên Chúa Giáo sẽ phản ứng như thế nào? Chính quyền Ngô Đình Diệm không những bắt bớ, giam cầm, tra khảo một vài tăng ni mà trên 1,400 vị trên khắp nước Việt Nam Cộng Hòa, gồm cả vị lãnh đạo là Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết đêm 21-8-1963. Ông Ngô Đình Diệm muốn theo gương Hồng Tú Toàn, muốn biến nước Việt Nam

thành một Thái Bình Thiên Quốc, nên đã đem lại hậu quả không khác Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch tại Trung Quốc, Lý Thừa Vãn tại Đại Hàn.

3/ Hoa Kỳ tin tưởng vào sức mạnh vũ khí của mình trong một cuộc chiến tranh cách mạng, chiến tranh toàn diện, chứ không phải chỉ thuần túy quân sự. Chính sách body count không giải đáp thích đáng cho Việt Nam.

Với quyền hành hầu như tuyệt đối không những trong lãnh vực Hành Pháp mà cả Lập Pháp và Tư Pháp. Với sự giúp đỡ tận tình của một cường quốc bậc nhất thế giới, hai vị Tổng Thống Thiên Chúa Giáo trong hai nền Cộng Hòa 18 năm trong đời sống chính trị 20 năm của Miền Nam Việt Nam, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã loại trừ được những đoàn thể quần chúng, tôn giáo ngoài Thiên Chúa Giáo tại Miền Trung, kết quả là ngày 30-4-1975.

Nghĩ lại mà thấy đau lòng. Bao nhiêu xương máu, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, để rồi phải hứng chịu bao nhiêu tủi hờn, thù hận, oan khiên, từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Nguyễn Phúc Sông Hương với những vần thơ xé tim gan, sau mươi năm tù tội, trở về Xuân Lộc thăm chiến trường xưa:

*Dạ thưa, con là người năm cũ  
Trở về Xuân Lộc kiếm tìm thăm...*

*Dạ thưa, mươi năm con nghe rõ  
Mười năm tiếng gọi xé con tim!  
Chao ôi giữa trời long đất lở  
Tôi bỏ mà đi với nửa bồn...*

*Em ơi, anh là người năm cũ  
Đến đây phủ ấm chõ em nằm...*

Và bên kia chiến tuyến, người chiến sĩ Miền Bắc, sau nhiều năm trở về trận địa cũ thăm người đồng đội nằm dưới lòng

đất. Phan Đình Lân trong bài *Tắc Đất Cố Thành*, diễn đạt tâm trạng mình:

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi  
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ  
Trời cũng từ trong xanh và lồng gió  
Đẫu ôn ào dừng lạy mạnh hàng cây*

*Thắp một nén nhang và khóc ít thôi  
Tôi thầm nhủ lòng mình như vậy  
Để một phút lắng lòng nghe bạn gọi...*

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi  
cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ  
Trời Quảng Trị trong xanh và lồng gió  
Ru mãi bài ca Bất Tử đến vô cùng...*



## CHƯƠNG 14:

---

# TRỞ VỀ CHÙA XƯA

**Cuối tháng 5, 1975:** Hòa Thượng Đôn Hậu từ Trung Quốc bay về Huế.

**Giữa tháng 10, 1975:** Hòa Thượng đến thăm Hội Đồng Lưỡng Viện tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

**Ngày 22-11-1975:** 12 tu sĩ Phật Giáo tự thiêu tại Cần Thơ.

**Ngày 28-11-1975:** Viện Hóa Đạo lên tiếng về vụ tự thiêu ở Cần Thơ.

**Cuối năm 1975:** Hòa Thượng gửi kiến nghị đến Tổng Bí Thư Lê Duẩn, Chủ tịch Nước Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Quốc Hội Trường Chinh, Thủ tướng Chính Phủ Phạm Văn Đồng đề nghị mô hình thống nhất Phật Giáo Việt Nam.

**Ngày 2-7-1976:** Bầu cử Quốc Hội, thống nhất hai miền Nam Bắc. Thủ đô đặt tại Hà Nội.

**Ngày 23-1-1977:** Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tổ chức Đại Hội VII tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

**Ngày 9-2-1977:** Viện Hóa Đạo lên tiếng về việc 19 tu sĩ Phật Giáo bị bắt.

**Ngày 3-3-1977:** Cô Nhi Viện Quách Thị Trang bị chiếm.

**Ngày 6-4-1977:** Các vị lãnh đạo Phật Giáo bị bắt.

**Ngày 9-5-1977:** Hòa Thượng Thiện Minh gửi thư cho Hòa Thượng Đôn Hậu xin từ chức Cố Vấn Viện Hóa Đạo.

**Ngày 20-9-1977:** Việt Nam được nhận vào tổ chức Liên Hiệp Quốc.

**Tháng 12-1977 đến ngày 8-1-1978:** Quân đội Việt Nam tấn công Cao Mên sau khi quân đội của Pol Pot nhiều lần đánh phá vùng biên giới Việt Môn.

**Ngày 13-4-1978:** Hòa Thượng Thiện Minh bị bắt.

**Tháng 3 đến tháng 7, 1978:** Sau chiến dịch quốc hữu hóa thương nghiệp (đánh tư sản mại bản) hàng nghìn người Việt gốc Hoa trốn khỏi Việt Nam. Trung Quốc trả đũa bằng cách cắt mọi viện trợ cho Việt Nam.

**Tháng 9 năm 1978:** Trận lụt lớn hoành hành Việt Nam và các nước Đông Nam Á. Hòa Thượng Đôn Hậu gửi thư cho Hội Phật Giáo Á Châu vì Hòa Bình yêu cầu giúp đỡ nạn nhân thiên tai.

**Ngày 23-10-1978:** Hòa Thượng Thiện Minh chết trong tù.

**Ngày 26-10-1978:** Hòa Thượng Đôn Hậu lên tiếng về vụ các nhà lãnh đạo Phật Giáo bị bắt và về cái chết của Hòa Thượng Thiện Minh.

\*

\* \* \*

Theo lời cụ Nguyễn Thúc Tuân, người có nhiệm vụ “săn sóc” Hòa Thượng Đôn Hậu suốt 10 năm, từ năm 1968 cho đến năm 1978 cho biết thì Hòa Thượng đi máy bay từ Trung Quốc đến Huế vào tháng 5 năm 1975, sau khi Huế đã thành lập xong Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng. Cụ Nguyễn Thúc Tuân cùng đi chuyến máy bay với Hòa Thượng.

Thầy Hải Tạng cho biết Hòa Thượng về Huế vào cuối tháng 5, 1975. Hòa Thượng được ở trong một ngôi nhà gần trường Đại Học Huế chứ chưa được về chùa Linh Mụ. Tiểu Sử cho biết Hòa Thượng khi trở về Huế phải ở tại Viện Đại Học Huế một tháng, sau mới được phép về chùa Linh Mụ. Sau khi về chùa,

Hòa Thượng muốn vào Sài Gòn để thăm Hội Đồng Luõng Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nhưng chưa được đi. Trong cuốn băng Hòa Thượng cho biết ước mong lớn nhất của Hòa Thượng là được vào Sài Gòn thăm quý Hòa Thượng, Thượng Tọa trong Hội Đồng Luõng Viện mà Hòa Thượng đã xa cách trên 8 năm. Cuốn băng ghi “*Nhưng làm sao vào được. May nhò ông Nguyễn Hữu Thọ đánh điện mời vào Sài Gòn. Tôi vào Đà Nẵng để đi Sài Gòn. Đợi hoài đợi mãi một tuần lễ mới vào được. Mặt Trận đánh điện vào Sài Gòn nói đi đón. Đại diện Mặt Trận tại Sài Gòn cho người đến Tân Sơn Nhứt đón mấy lần mà không gặp* (vì lúc ấy bị kẹt tại Đà Nẵng). Khi vào được thì không thấy ai ra phi trường đón. Anh Tôn Thất Dương Tiềm rất bức mình. Anh thuê taxi đưa tôi về nhà ông Tôn Thất Dương Kỵ. Anh Tiềm có vẻ bức bối. Về nhà ô. Kỵ ăn cơm, nghỉ xả hơi trong khi nghe nói xe Mặt Trận đến đón tại Tân Sơn Nhất lại không gặp! Đại diện Mặt Trận đến Ấn Quang hỏi thăm. Ấn Quang dò hỏi. Hai ngày sau mới biết tôi ở nhà ô. Tôn Thất Dương Kỵ Các vị lãnh đạo Ấn Quang lần lượt đến thăm. Suốt cả tuần lễ tôi vẫn chưa được đến Ấn Quang”

Hòa Thượng gặp ông Nguyễn Hữu Thọ, được ông cho biết hiện nay chính phủ cách mạng đang gấp sự khó khăn với Phật Giáo Ấn Quang, nhờ Hòa Thượng làm trung gian. Vì lý do ấy mà Hòa Thượng được mời vào Sài Gòn.

Hòa Thượng được mời tham dự Hội Đồng Cố Vấn Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam tại Dinh Thống Nhất (dinh Độc Lập cũ). Tại Hội Nghị này Hòa Thượng nhắc lại lời nói trước đây khi còn ở Trường Sơn được mời tham gia Cách Mạng là sau khi đất nước thanh bình, xin được trở về nếp sống thuần túy của người tu hành, nhưng Hội Nghị không chấp thuận, yêu cầu Hòa Thượng tiếp tục đóng góp.

Hòa Thượng vẫn chưa được phép viếng thăm Hội Đồng Luõng Viện, Cuốn băng ghi:

“Tôi phải đợi 7, 8 ngày sau mới được đến Ấn Quang. Khi đến

*tôi chỉ thấy Thượng Tọa Thiện Minh và Thượng Tọa Huyền Quang. Một lúc sau mới thấy Hòa Thượng Trí Thủ và toàn thể Hội Đồng Viện.*

*“Sau lời chào mừng, Hòa Thượng Trí Thủ cho biết Hội Đồng Lưỡng Viện ngày đêm trông nhớ, vui mừng được gặp lại. Hòa Thượng yêu cầu tôi cho biết Phật Giáo nên làm gì và làm thế nào để có thể duy trì tổ chức, bảo vệ đạo pháp?”*

*Tiểu Sử* ghi:

*“Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo sau khi nói lời chào mừng, thì Hòa Thượng mới yêu cầu tôi nói:  
– Hòa Thượng đi tám năm trường, ở nhà, chư vị trong Hội Đồng Lưỡng Viện hết sức là trông và nhớ. Hôm nay thấy Hòa Thượng về, Hội Đồng Lưỡng Viện rất là vui mừng. Nay giờ trong buổi gặp gỡ này, xin Hòa Thượng cho biết ý kiến, Phật Giáo nên làm thế nào để có thể duy trì đạo pháp, duy trì tổ chức?*

*Tôi nói:*

*“Trước hết, tôi thành thật cảm ơn Hội Đồng Lưỡng Viện. Hội Đồng Lưỡng Viện là tiêu biểu cho các Tỉnh Giáo Hội, các Khuôn Giáo Hội. Theo tôi biết thì sau sau khi tôi đi, từ Hội Đồng Lưỡng Viện cho đến các Tỉnh, các Khuôn, tất cả đều làm lễ cầu an cho tôi, cầu cho trên bước đường phụng sự đạo pháp, dân tộc của tôi được luôn luôn vững bước, an lành. Để đáp lại mối đạo tình thăm thiết đó, tôi không biết nói gì hơn, tôi thành thật cảm ơn và xin nguyện tiếp tục đóng góp vào việc bảo vệ đạo pháp, dân tộc.*

*“Hòa Thượng Viện Trưởng có hỏi tôi bây giờ làm thế nào để bảo vệ đạo pháp, bảo vệ tổ chức. Theo ý tôi.*

*“Điều thứ nhất: Là cấp lãnh đạo, chúng ta phải củng cố Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm mà không củng cố thì không làm gì hữu ích cho đạo được. Các cấp lãnh đạo mà không củng cố Bồ Đề Tâm thì thôi hết nói, không lãnh đạo được ai hết.*

*“Điều thứ hai: Phải giữ gìn giới hạnh trang nghiêm, thật trang nghiêm. Nếu giới hạnh không trang nghiêm, tự mình đã không được lợi ích thì làm sao tổ chức được lợi ích?*

*“Điều thứ ba: Xiển dương Chánh Pháp. Có lúc chúng ta có thể giảng cho hàng vạn người, hàng ngàn, hàng trăm người. Khi không có cơ hội như vậy, chúng ta có thể giảng cho năm người, mười người. Nhiều lần năm người, mười người, nhiều chỗ năm người, mười người thì nó cũng thành đồng như là một lần giảng trăm người, ngàn người.*

*“Điều thứ tư: Chúng ta cố gắng tìm người thừa kế. Phật có dạy rằng: “Phật Pháp Nhị Bảo Do Tự Tăng Hoằng”. Phật Bảo, Pháp Bảo nhờ Tăng Bảo mà hoằng dương. Nếu thiếu Tăng Bảo thì tất nhiên là thiếu Phật, thiếu Pháp. Không có Tăng Bảo là không có Phật Pháp. Có người thừa kế thì Phật Pháp chưa tàn.*

*“Điều thứ năm: Chúng ta cố gắng kiên trì phương pháp mình đã lựa chọn. Nếu đã chọn pháp môn Tịnh Độ thì cố gắng hành trì niệm Phật, nếu chọn Thiền Quán thì kiên trì tham thiền nhập định, nếu chọn Mật Tông thì kiên trì trì chú, quán đản. Không nên bùa nay hành trì phương pháp này, ngày mai hành trì phương pháp khác. Đứng núi này trông núi nọ. Điều đó rất đáng tiếc. Cho nên phương pháp nào mình đã chọn thì cố kiên trì thực hành.*

*“Điều thứ sáu: Cuối cùng cố gắng dùi dắt tín đồ. Chúng ta hướng dẫn cho họ, cho tín đồ biết đạo, tin Phật một cách chắc chắn. Hướng dẫn họ trong ngày Bát Quan Trai, vào ngày rằm, ngày mồng một... Giao phó cho tín đồ một nhiệm vụ quan trọng là họ phải làm thế nào biến gia đình của họ thành gia đình Phật hóa.*

*“Tôi thấy vừa qua có đôi vợ chồng trong một gia đình rất là thuần thành, lo lắng cho đạo hết sức, nhưng lại bỏ lơ con cái không dạy dỗ gì cả. Có lẽ các đạo hữu ấy nghĩ mình là cha mẹ, mình theo Phật thế này thì con cái mình đâu dám lơ là, nhưng mà họ không ngờ được rằng, vì bỏ lơ không dạy dỗ,*

*nên con cái đi theo con đường khác, trở lại phản bội, khi đó thì họ kêu trời không tha. Cho nên phải dạy về con cái, biến gia đình của mình thành một gia đình Phật hóa. Phải dạy cho con từ khi ba tuổi. Đời có câu: “Dạy con từ thuở lên ba”. Mình dạy dỗ con cái của mình về lòng tin Phật lúc ba tuổi. Dạy cho nó biết chấp tay trước bàn thờ Phật. Dạy cho nó biết ăn chay. Dạy cho nó biết cung kính Tam Bảo. Lớn lên một chút, dạy cho nó biết nhân quả, tội phuỚc. Lần lượt dạy cho nó biết đạo lý. Nếu mình không có khả năng, thì nhờ các đạo hữu khác hướng dẫn cho nó.*

*“Như vậy bên Tăng Đồ hết thế hệ này đến thế hệ khác. Bên tín đồ cũng vậy. Thế hệ này qua thì có thế hệ khác thừa kế, tiếp nối. Bao giờ cũng có người duy trì đạo pháp.*

*“Duy trì đạo pháp có khi ô ạt, có khi âm thầm. Biết đâu những lúc âm thầm lại lợi lạc hơn, mang lại kết quả nhiều hơn là ô ạt.*

*“Tôi có đôi lời vấn tắt trả lời câu hỏi của Hòa thượng Viện Trưởng. Tôi xin hết lời.”*

*Nói đến đây Thượng Tọa Thiện Minh hỏi:*

*“Thưa Hòa Thượng. Trước kia thì không nói, nhưng từ nay sắp đi, Hòa Thượng tham gia với tư cách gì? Cá nhân hay đoàn thể?”*

*Tôi nói:*

*“Tôi làm với tư cách cá nhân thôi. Trước kia cũng vậy, từ nay sắp lui cũng vậy, luôn luôn là với tư cách cá nhân.”*

*Thượng Tọa Thiện Minh nói:*

*“Sao Hòa thượng không nhân danh đoàn thể?”*

*Tôi nói:*

*“Tôi không nỡ nhân danh đoàn thể vì Thượng Tọa cũng như quý Thượng Tọa khác đều biết Đôn Hậu này từ khi xuất gia, sau khi học đạo cho đến ngày nay, không làm một việc gì cho riêng mình mà chỉ làm cho Đạo thôi. Ở ngoài tham gia cách*

*mạng cũng vì đạo. Làm điều gì, nói điều gì có lợi cho đạo tôi mới làm, tôi mới nói. Làm cái gì, nói cái gì có tổn hại cho đạo, tôi không làm, tôi không nói. Tôi làm, tôi nói với tư cách cá nhân nhưng có lợi thì Đạo nhở, không có lợi thì cá nhân tôi chịu. Nếu tôi nhân danh đoàn thể mà tham gia, nếu làm cái gì sai thì đoàn thể, tổ chức bị thiệt hại. Tôi không nỡ để cho tổ chức, đoàn thể chịu thiệt hại nên không nhân danh đoàn thể mà tham gia.”*

*Nghe nói vậy, Thượng Tọa Thiện Minh gật đầu cùi sát bàn. Thượng Tọa hỏi thêm:*

*“Thưa Hòa Thượng, Hòa Thượng tham gia với tư cách cá nhân. Hòa Thượng tham gia một mình hay muốn người khác cùng tham gia với Hòa Thượng?”*

*Tôi nói:*

*“Tôi chỉ biết tôi là nhiều rồi. Tôi tham gia là nhiều rồi. Còn ai nữa tham gia thì tôi không dám biết mà đâu có ai tham gia chẳng nữa, thì mình cứ lo chuyện mình, đừng bắt người khác phải làm theo.”*

*Thượng Tọa Thiện Minh hỏi:*

*“Vì sao vậy? Hòa Thượng nói rõ cho một chút!”*

*Tôi nói:*

*“Là thế này: Tôi tham gia với tinh thần bảo vệ đạo pháp, người khác không tham gia cũng với tinh thần bảo vệ đạo pháp. Đứng ngoài cũng bảo vệ đạo pháp. Đứng trong cũng bảo vệ đạo pháp. Trong hay ngoài đều như nhau. Cho nên tôi không rủ rê người nào đi theo với tôi cả.”*

*Thượng Tọa Thiện Minh nói:*

*“Đi lâu mới biết đường dài,  
Ở lâu mới biết con người phải chăng.”*

Hội Đồng Lưỡng Viện cung cống thiền Hòa Thượng vào Hội Đồng Trưởng Lão.

Trở về Huế, Hòa Thượng bắt đầu giảng dạy Kinh, Luật cho các lớp học tăng tại chùa Báo Quốc, Linh Quang và Linh Mụ.

\*  
\* \* \*

Tại Cao Mên, ba ngày sau khi tiến chiếm Phnom Penh, sáng ngày 20-4-1975, Pol Pot trở về thành phố cũ mà ông đã xa cách 12 năm. Khi ông từ giã Phnom Penh, ông nằm trốn trong một chiếc xe chở hàng đi về phía Việt Nam. Giờ đây ông trở lại từ thôn Sdok Toel trên một chiếc xe bọc sắt lấy được của quân đội Lol Non, chung quanh có những chiếc xe jeep chở các nhân vật chỉ huy cuộc tấn công Phnom Penh tháp tùng. Vừa đến Phnom Penh, Pol Pot ra lệnh tản cư toàn thể dân chúng ra khỏi thủ đô.

Sihanouk vào mùa hè năm 1975 sống những chuỗi ngày nhàn hạ tại Bắc Kinh và Bình Nhưỡng. Đặng Tiểu Bình bàn thảo với Pol Pot khuyên Sihanouk về Cao Mên cùng với Khmer Đỏ tái thiết quốc gia. Ngày 9-9-1975 Sihanouk trở về Cao Mên được chư tăng đón rước tại sân bay, được nữ cán bộ Khmer Đỏ rải hoa. Pol Pot nấp sau hàng rào dân chúng quan sát tình hình. Tháng 10 Sihanouk đại diện cho Cao Mên nói chuyện trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc, rồi du hành sang các nước Phi Châu, Trung Đông, Âu Châu trên đường về Bắc Kinh.

Ngày 31-12-1975 sau bữa tiệc tiễn đưa do Đặng Tiểu Bình khoản đãi, Sihanouk lên chiếc máy bay Boeing 707 của hãng Hàng Không Trung Hoa trở về Nam Vang. Không khí tại phi trường lần này hoàn toàn khác hẳn kỳ trước. Không có chư tăng đón rước, không có cán bộ phụ nữ Khmer Đỏ rải hoa, không có thảm điêu, thảm đỏ. Sihanouk chấp nhận tất cả, không muốn chịu chung số phận như Bảo Đại. Ông hy vọng sẽ có cơ hội phục hồi vương vị do tổ tiên để lại. Nhưng sau khi Phó Thủ Tướng Ieng Sary của chính phủ Pol Pot gửi đại sứ đến Bắc Kinh, Hà Nội, Bình Nhưỡng mà không tham khảo ý kiến của ông là Quốc Trường, ông từ chức.

Chủ Nhật ngày 25-2-1976 một loạt súng nổ làm rung động thành phố Siem Reap. Ngày 2 tháng 4 lúc 4 giờ sáng một trái lựu đạn nổ ngoài hoàng cung, nơi Sihanouk và gia đình cư trú. Tháng 5, hai phái đoàn Việt Môn gặp nhau thảo luận vấn đề biên giới nhưng không mang lại kết quả mong muốn. Nhiều sĩ quan bị bắt, bị buộc tội là thân Việt Nam. Vào nửa năm đầu 1976, bốn trăm người bị bắt giam tại S-21, nửa năm sau trên một nghìn. Đến mùa xuân năm 1977, mỗi tháng một nghìn người bị thủ tiêu. Son Sen, Phó Thủ tướng đặc trách quốc phòng tuyên bố: Việt Nam trước đây là bạn của chúng ta, nhưng giờ đây là kẻ thù. Trước đây chúng ta không biết kế hoạch của chúng như thế nào nhưng giờ đây chúng ta biết rõ chúng thành lập phe nhóm để đánh phá chúng ta...

Bộ Trưởng Ngoại Giao Trung Quốc tuyên bố sẵn sàng giúp giải quyết xung đột Việt Môn, không đứng vào phe nào nhưng không cho phép bất kỳ ai xâm phạm chủ quyền và lãnh thổ Cao Môn. Kim Nhật Thành, thủ lãnh Bắc Hàn tuyên bố: Việt Nam quá tàn ác. Tôi không ngờ Việt Nam lại muốn làm bá chủ vùng Đông Nam Á.

Việt Nam bị cô lập trong thế giới cộng sản. Chính quyền Việt Nam hoàn toàn ém nhẹm những cuộc tấn công của Cao Môn. Có lẽ vì không muốn Việt Nam bị xáo trộn, bị khuynh loát bởi nhiều phe nhóm, nhiều khuynh hướng trước tình hình chính trị và quân sự giữa Việt Nam và Cao Môn lúc bấy giờ, nên Hà Nội đã vội vàng cho tổ chức Quốc Hội, thống nhất hai miền Nam Bắc, loại bỏ Mặt Trận Giải Phóng, Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam v. v...

Bầu cử Quốc Hội được dự trù tổ chức vào ngày 2 tháng 7 năm 1976. Ông Trưởng Ban Tổ Chức Bầu Cử Quốc Hội, đơn vị Thừa Thiên lên chùa Linh Mụ mời Hòa Thượng ra ứng cử đại biểu quốc hội khóa VI. Hòa Thượng viện dẫn nhiều lý do để từ chối nhưng không được, cuối cùng cũng phải ra ứng cử.

Anh Trần Hoàng Phi hiện nay ở Irvine, California cho biết khi

Hòa Thượng vào Sài Gòn sau 1975, lúc ấy anh đi tu tại chùa Trúc Lâm, Gia Định với Pháp danh là Quảng Phương. Hai lần thân phụ của anh là ông Trần Tường Châu, đệ tử của Hòa thượng Linh Mụ, thành hôn với người cháu ruột gọi Hòa Thượng bằng bác, nhờ chú mang cơm chay cho Hòa Thượng. Lần thứ nhất chú mang cơm đến một ngôi biệt thự trên đường Trần Quốc Toản, có bộ đội canh gác, có bác sĩ săn sóc. Bác sĩ nhận cơm và món ăn chay đem lên phòng thí nghiệm xem có an toàn không rồi mới đưa cho Hòa Thượng dùng. Lần thứ hai mang cơm chay đến chùa Già Lam, chú thấy Hòa Thượng đang ngồi tiếp chuyện với ba ông cán bộ mặc áo chemise trắng. Họ đến gặp Hòa Thượng, vận động Hòa Thượng ra Dân Biểu trong kỳ bầu cử Quốc Hội sắp đến. Chú đứng lại nghe. Hòa Thượng nói với họ là Hòa Thượng muốn trở lại đời sống thuần túy của một nhà sư, Hòa Thượng muốn về với Giáo Hội. Hai bên lời qua tiếng lai có vẻ hơi lớn tiếng, chú ngại quá không dám đưa cơm vào, trở về nhà báo cho thân phụ biết.



Hòa Thượng làm Đàn Đầu Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn Báo Quốc, Huế  
(Tiểu Sử, tr. 19)

Dù từ chối nhiều lần tại Sài Gòn cũng như tại Huế, nhưng không được. Hòa Thượng phải ra và Hòa Thượng đã được đắc cử với 60% số phiếu, số phiếu thấp nhất ở Huế theo chỉ thị của Trung Ương.

**Trên Những Chặng Đường** đại ý ghi: “Trong một phiên họp Tiểu Ban của Quốc Hội, bàn về kết quả bầu cử, Hòa Thượng phát biểu: Trên bảy mươi tuổi, tôi chưa thấy có cái nền dân chủ nào trên thế giới mà lạ lùng như vậy. Dân chủ gì mà chính phủ ra lệnh bỏ cho người này, dừng bỏ cho người kia. Dân chủ gì mà chính phủ đã định đoạt trước tỷ lệ số phiếu cho từng ứng cử viên... Lúc ấy đại tướng Võ Nguyên Giáp ngồi họp trong một Tiểu Ban bên cạnh nói chen vào: Nay Đôn Hậu, tôn giáo mà được bầu như vậy là cao lắm rồi đó biết chưa”. Hòa thượng nghe mà bức mình, nhưng tự kiềm chế, lặng thinh không trả lời.

Chính phủ đưa Hòa Thượng vào Mặt Trận Tổ Quốc với chức vụ Ủy Viên Trung Ương.

### **Chuyện Thủ Tướng Phạm Văn Đồng vào Huế.**

Quí thầy ở chùa Linh Mụ cho biết hàng năm vào dịp Tết, chính phủ cử đại diện đến thăm Huế. Năm ấy Thủ Tướng Phạm Văn Đồng vào Huế ngày mồng hai Tết. Xe chính phủ đến đón Hòa Thượng mời hòa Thượng xuống tòa Đại Biểu đón tiếp Thủ Tướng. Hòa Thượng nghĩ nếu xuống làm hàng rào đón Thủ Tướng thì kỳ quá với thân phận của một nhà tu, “bất bái quân vương, bất bái phụ mẫu”, nhưng không xuống cũng kẹt. Hòa Thượng kiểm cách hoãn binh. Khi xe đến đón, Hòa Thượng cho mời anh tài xe ăn mứt, đi quanh chùa thăm hoa đào, vườn cảnh, chờ Hòa Thượng hạ bớt cơn suyễn. Sau hơn nửa giờ, Hòa Thượng mặc áo đi về Tòa Đại Biểu. Đến nơi thì Thủ Tướng đã ngồi trong phòng khách. Hòa Thượng đi vào, tay cầm cái xách có dầu thoa. Thấy Hòa Thượng vào, Thủ Tướng đứng dậy bắt tay. Hòa Thượng xin lỗi đến trễ vì bệnh tinh, nhưng không thể xuống chào Thủ Tướng.

Ông Đồng cảm ơn. Hòa Thượng đã khéo léo chuyển biến tình thế, không bao giờ chống đối, nhưng không làm sai trái giới luật nhà tu.

Chiều hôm ấy Thủ Tướng Phạm Văn Đồng lên Linh Mụ thăm chùa, thăm Hòa Thượng. Hòa Thượng tiếp khách nhưng không bao giờ ra sân tiếp, mà chỉ đón khách khi vào đến chùa. Hòa Thượng ra khỏi phòng để đón, trong khi chúng tảng ra tận xe đón khách. Khi tiễn đưa khách cũng vậy. Quý trọng khách nhưng không trái qui luật nhà chùa. Hòa Thượng làm việc và hành xử rất có kỷ luật, đúng khuôn mẫu.

Ngoài việc đón tiếp Thủ Tướng, Hòa Thượng còn có nhiều dịp đón tiếp các nhân vật quan trọng khác như Chủ tịch Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội Trường Chinh, trung tướng Lê tự Đồng, ông Xuân Thủy v.v... Hòa Thượng rất trọng khách, nhưng luôn luôn biết mình là nhà tu, phải hành xử như một nhà tu, đúng theo qui luật của nhà tu.

Ngày 5 tháng 12 năm Bính Thìn tức ngày 23-1-1977 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tổ chức Đại Hội VII tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn. Trong kỳ Đại Hội này Hòa thượng được mời làm Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống.

Hòa Thượng tiếp tục dạy tại các Phật Học Viện Huế, biên soạn bộ *Đồng Mông Chỉ Quán* và làm Đàn Đầu Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn Báo Quốc Huế.

Các nhà lãnh đạo Phật Giáo như Thượng Tọa Huyền Quang, Quảng Độ, Đức Nhuận Thiền Út, Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Thông Bửu, Thông Huệ, Thanh Thế, Ni sư Trí Hải... các Tăng sĩ Phật Giáo ở các cấp địa phương bị chính quyền giam giữ. Hòa Thượng rất quan tâm, tìm cách giải cứu.

Vào tháng 5 năm 1977, Hòa Thượng nhận được bức thư của Thượng Tọa Thiện Minh, xin từ chức Cố Vấn Viện Hóa Đạo. Bức thư như sau:

Sài Gòn ngày 9-5-1977

Kinh gửi Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống

Kính thưa Hòa thượng:

Nhân có người ra Huế, tôi kính lời vấn an Hòa Thượng được súc khỏe. Tôi thật lấy làm cảm kích khi nghe được quan điểm của Hòa Thượng đối với Giáo Hội trong tình huống bi đát hiện nay. Như Hòa Thượng đã biết vận mệnh của Giáo Hội và Đạo Pháp có liên hệ mật thiết trước tình trạng hiện thời. Sự kiện xảy ra trong mấy tuần nay cũng chỉ là một biến tượng tất yếu và nếu có chút ý thức thì ai cũng đoán biết không thể tránh được. Tuy nhiên nhìn thẳng vào vấn đề và những dữ kiện xung quanh nó thì thấy nó làm sao đâu, nếu không nói là ấu trĩ, phũ phàng, ngang ngược v.v... và cũng vì vậy nên không đánh lừa được ai cả.

Qua sự kiện xảy ra, đôi khi tự kiểm điểm thấy Phật Giáo cũng như các vị có trách nhiệm chưa làm một điều gì đi ngược lại quyền lợi của bất cứ ai chứ đừng nói đến nhân dân đất nước! Thôi thì dành dùng câu thơ của cụ Tiên Diên mà ngâm:

Đã mang lấy nghiệp vào thân  
Đừng còn trách lân trời gần trời xa

để mà an ủi vây.

Riêng tôi sự kiện đã không những đem lại những bài học thực quí báu khách quan mà thấy rõ thêm những yếu tố nội tại thực là chua xót, khác nào như chịu đựng cơn bão cát giữa sa mạc vậy!

Tôi thấy thú vị khi đọc lại câu thơ của một thi sĩ nào đó:

Tiền bất hiến cổ nhân  
Hậu bất tri lai giả  
Kiến thiên địa chi du du...

Vì vậy tôi quyết định gửi đơn đệ lên Đức Tăng Thống xin phép được nghỉ chức vụ Cố Vấn, một hưu vị mà có phuơng hại đến

*Giáo Hội! Đơn tôi viết chưa kịp vì có người ra gấp, xin trình với Hòa Thượng biết, nay mai sẽ gửi đơn ra sau.*

*Hòa Thượng, thực là chưa xót cho số phận mình, hôm qua được nghe bốn điều của Hòa Thượng đưa ra không dè lại là một nguồn an ủi lớn cho chính mình. Tôi đã nói với ngài Viện Trưởng: Như vậy đó, đường dài mới biết ngựa hay, ở lâu mới biết con ngài dại khôn là vậy!*

*Thôi kính thăm Hòa Thượng pháp thể khương an, chúng sinh dì độ.*

*Kính bái,  
**Thích Thiện Minh***

*(Tôi hiện ở Già Lam vì trên kia không ở nổi)*

Thượng Tọa Thiện Minh bị bắt ngày 13-4-1978 trên đường đáp xe đò đi Nha Trang. Ông Vương Vũ Văn cho biết trước khi Thượng Tọa bị bắt, ông có gặp Thượng Tọa đi bộ trên đường Cao Thắng, Sài Gòn. Theo ông Văn, Thượng Tọa lúc bấy giờ gầy ốm lấm. Thượng Tọa mặc áo nâu ngắn, đầu đội nón, phải nhìn kỹ mới biết đó là Thượng Tọa Thiện Minh.

Tháng 9 một trận lụt lớn hoành hành Việt Nam, Đông Dương, các nước Đông Nam Á. Với tư cách là thành viên của Hội Phật Giáo Á Châu, Hòa Thượng gửi thư cho vị Chủ tịch kêu gọi các thành viên giúp đỡ nạn nhân bão lụt:

*Linh Mụ, Huế ngày 14-10-1978*

*Kính gửi:*

*Ngài Hambo Lamsgombojav*

*Chủ tịch Hội Phật Giáo Á Châu vì Hòa Bình*

*Ulan Bator, Mongolia.*

*Kính thưa Ngài:*

*Như Ngài biết, những trận bão lụt vừa qua đã gây thiệt hại*

*nặng nề tại Đông Dương và nhiều nước khác ở Châu Á. Những thiên tai này đã nhận chìm hàng trăm nhân mạng, hàng ngàn hecta lúa và hoa màu, đã lôi cuốn đi hàng vạn ngôi nhà, hàng triệu gia súc và để lại hàng triệu người không nhà ở, không cóm ăn, không áo mặc. Mất mát thật lớn lao, đau thương lắm chồng chất. Những khó khăn này nhân dân mỗi nước khó có thể khắc phục được nếu không có sự giúp đỡ từ bên ngoài.*

*Là một thành viên của Hội Phật Giáo Á Châu vì Hòa Bình, chúng tôi xin đề nghị ngài Chủ tịch kêu gọi các thành viên của Hội vận động đồng bào Phật Tử trong nước mình gửi tặng phẩn cứu trợ nhân dân các nước gặp thiên tai nói trên. Sự giúp đỡ của chúng ta chắc chắn sẽ giúp cho nhân dân các nước đó sớm khắc phục được khó khăn để xây dựng đất nước.*

*Chúng tôi rất mong sự đề nghị này được Ngài lưu tâm và nghiên cứu thực hiện.*

*Chúng tôi xin chúc Ngài sức khỏe và nhờ Ngài chuyển lời thăm hỏi của chúng tôi đến quý vị trong Chủ tịch Đoàn và các thành viên của Hội.*

*Trân trọng kính chào đoàn kết và xây dựng.*

*Kính,*

**Hòa Thượng Thích Đôn Hậu**

*Thành Viên Hội Phật Giáo Á Châu Vì Hòa Bình.*

Thiên tai lũ lụt xong, đến nhân họa. Ngày 23-10-1978 đài phát thanh Hà Nội loan tin Thượng Tọa Thiện Minh từ trần vì đứt mạch máu đầu. Nghe tin nhiều người sững sốt, thương tiếc cho một nhà tu suốt 17 năm tranh đấu cho Hòa Bình, giờ đây đã qua bên kia thế giới. Thượng Tọa đã từng bị chính quyền Ngô Đình Diệm cầm tù, bị thương nặng trong vụ ám sát hụt dưới thời Nguyễn Cao Kỳ, bị chính quyền Nguyễn Văn Thiệu kết án 15 năm tù khổ sai, giờ đây ở tù, rồi chết trong tù.

Phật Giáo gặp quá nhiều bi thảm!



## CHƯƠNG 15:

---

# DUNG THÔNG TAM MUỘI

**Ngày 5-9-1977:** Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình được Hà Nội cho xuất ngoại dự Hội Nghị Vatican.

**Năm 1978:** Đức Cha Casaroli, Bộ Trưởng Ngoại Giao của Tòa Thánh tuyên bố: “*Bây giờ không còn là lúc làm một cuộc thánh chiến chống Cộng Sản. Phải chấm dứt chiến tranh và tìm cách sống chung hòa bình với Cộng Sản*”. (Cao Văn Luận: *Bên Giòng Lịch Sử 1940-1975*, tr. 349)

**Đầu tháng 6, 1978:** Trong cuộc viếng thăm Pháp Quốc cầu đức Giáo Hoàng Paul II, 16 hội đoàn của người Việt quốc gia tại Pháp gửi kiến nghị yêu cầu ngài can thiệp với chính quyền Hà Nội tôn trọng nhân quyền, nhưng không được Giáo Hoàng lưu tâm.

**Ngày 26-10-1978:** Hòa Thượng viết đơn xin từ chức Đại biểu Quốc Hội.

**Ngày 3-11-1978:** Việt Nam và Liên Bang Soviet ký hiệp ước thân hữu 25 năm. Trung Quốc gọi hiệp ước ấy là mối đe dọa cho nền an ninh Đông Nam Á.

**Ngày 14-12-1978 đến ngày 7-1-1979:** Việt Nam tấn công Cao Mên, tiến chiếm Nam Vang ngày 7-1-1979, lật đổ chính

quyền Pol Pot. Quân đội Khmer Đỏ rút về hậu phương tiếp tục kháng chiến.

**Ngày 8-12-1978** Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội cử ông Bùi Sản và ông Cổ Kim Thành gặp Hòa Thượng tại chùa Linh Mụ để vận động HT rút lui đơn từ chức.

**Ngày 2-2-1979:** Đại Lão Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, đệ nhị Tăng Thống GHPGVNTN viên tịch, Hòa Thượng Đôn Hậu đảm trách công việc của Viện Tăng Thống.

**Ngày 17-2 đến 5-3-1979:** Để trừng phạt Việt Nam tiến chiếm Nam Vang, quân đội Trung Cộng tấn công các tỉnh miền bắc Việt Nam. Hai bên tổn thất nặng nề. Quân Trung Cộng rút lui ngày 5 tháng 3, 1979.

**Ngày 23-25 tháng 6, 1979:** Quân Việt Nam vượt sang Thái Lan lấy cớ quân Khmer Đỏ dùng lãnh thổ Thái Lan làm căn cứ đánh phá chính quyền Cao Môn được Việt Nam yểm trợ.

**Ngày 24-10-1979:** Hòa Thượng Thích Trí Độ, Chủ tịch Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất viên tịch tại Hà Nội.

**Ngày 11-2-1981:** Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương cung thỉnh Hòa Thượng Đôn Hậu xử lý thường vụ Viện Tăng Thống.

**Ngày 11-10-1981:** Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ bị bắt lần thứ hai.

**Ngày 4 đến ngày 7-11-1981.** Đại Hội Đại Biểu họp tại chùa Quán Sứ, Hà Nội bàn về việc thống nhất Phật Giáo, đi đến việc thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

**Ngày 2-5-1982:** Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ bị lưu đày.

**Ngày 7-7-1982:** Ban Trị Sự Thành Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam chiếm đoạt trụ sở của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Hòa Thượng Đôn Hậu gửi thư đến Hòa Thượng Trí Thủ cho việc làm của Thành Hội là trái pháp luật, trái giới luật.

**Ngày 25-3-1984:** Các nhà học giả Phật Giáo bị bắt.

**Ngày 1-4-1984:** Hòa Thượng Trí Thủ chết trong tù.

**Tháng 9-1985:** Hòa Thượng Đức Nhuận bị bắt giam.

**Ngày 4-6-1986:** Lò nguyên tử Chernobyl tại Ukraine bị nổ.

**Ngày 16-1-1987 và ngày 25-6-1987:** Đại Hội Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Liên Bang Soviet họp. Gorbachev

đưa chính sách Glasnost (Cởi mở) với mục đích cởi vỡ mọi người tham gia vào công tác xây dựng đất nước và chính sách Perestroika chủ trương cải cách nhân sự, cải cách cơ chế, đặc biệt cơ cấu kinh tế, động cơ thúc đẩy phát triển quốc gia.

**Tháng 2 đến tháng 7, 1988:** Quân đội Việt Nam và Trung Cộng thỉnh thoảng đụng độ tại biên giới. Trung Cộng bắn hạ phi cơ quân sự Việt Nam tháng 10, 1987, đánh chìm chiến hạm Việt Nam trong vụ tranh chấp lãnh hải Hoàng Sa, Trường Sa.

**Ngày 19-2-1988:** Lời Di Huấn của Hòa Thượng Đôn Hậu gửi cho thất chúng đệ tử.

**Ngày 10-7-1988:** Lê Duẩn qua đời.

**Ngày 22-6-1988:** Đỗ Mười được bầu làm Thủ Tướng, cải tổ chính sách kinh tế.

**Ngày 28 đến 30-9-1988:** Nhà nước mở phiên tòa xử các học giả Phật Giáo.

**Tháng 9, 1989:** Quân đội Việt Nam rút khỏi Cao Mên.

**Ngày 4-6-1989:** Thảm sát tại Thiên An Môn, Bắc Kinh, Trung Quốc.

**Ngày 9-11-1989:** Bức tường Bá Linh được dựng lên ngày 13-8-1961 phân chia Đông Đức, Tây Đức bị dân chúng kéo sập, bắt đầu diễn trình thống nhất Đức quốc.

**Ngày 9-8-1991:** Võ Văn Kiệt thay thế Đỗ Mười làm Thủ Tướng, chủ trương cải cách hệ thống kinh tế, hướng vào kinh tế thị trường.

**Ngày 10-9-1991:** Hòa Thượng gửi Tâm Thư đến chư tôn đức hải ngoại kêu gọi đoàn kết, hòa hợp, thể hiện tinh thần tương kính, tương thuận, tương giáo, tương sám như luật định.

**Ngày 15-11-1991:** Chúc Thư của Hòa Thượng Đôn Hậu.

\*  
\* \* \*

Được tin Thượng Tọa Thiện Minh, Cố Vấn Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo, Giáo Hội PGVNTN qua đời, Hòa Thượng rất xúc động, viết đơn xin từ chức Đại Biểu Quốc Hội Khóa VI:

*Linh Mụ ngày 26 tháng 10 năm 1978*

*Kính gửi:*

*Cụ Chủ Tịch Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội  
Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam*

*Đồng kính gửi:*

*Cụ Chủ Tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam*

*Kính thưa quý vị:*

*Trước đây, tại Trường Sơn, khi được đề cử làm Phó Chủ Tịch Trung Ương Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ và Hòa Bình Việt Nam, tôi có trình bày nguyện vọng rằng khi hòa bình được lập lại, xin cho tôi trở về cương vị một tu sĩ thuần túy và được cơ quan chấp thuận. Nguyện vọng này cũng đã được đại diện Ủy Ban Thống Nhất tại Hà Nội đồng ý.*

*Sau khi hòa bình trở lại, tôi muốn trở về vị thế tu sĩ, nhưng vì nhu cầu cách mạng trong giai đoạn mới, tôi phải cố gắng tiếp tục công tác được giao phó bằng cả tâm huyết, và rồi sau đó, cố gắng ra ứng cử Đại Biểu Quốc Hội. Trước khi nhận lời ra ứng cử tôi đã trình bày cùng vị Trưởng Ban Bầu Cử Quốc Hội Bình Trị Thiên rằng: Tôi có hai nhiệm vụ phải hoàn thành: một là nhiệm vụ đối với Dân Tộc, hai là nhiệm vụ đối với Phật Giáo. Khi nào thấy không thể hoàn thành được một trong hai nhiệm vụ đó, tôi xin từ nhiệm.*

*Đến nay đã hơn hai năm, tuy có mặt trong hai cơ quan tối cao của Nhà Nước, nhưng tôi đã chẳng giúp đỡ được gì cho đa số đồng bào, trong đó có Phật Giáo. Điện hình là những vụ bắt bớ, giam cầm các vị Thượng Tọa lãnh đạo cao cấp của Giáo Hội Phật Giáo và một số các vị khác trong các tỉnh, đã gần hai năm nay mà không được trả tự do và cũng không được Công Tố Viện cho biết tội trạng gì, nhất là với cái chết của Thượng Tọa Thích Thiện Minh trong nhà giam gần đây, đã làm tôi vô cùng đau xót.*

*Do đó, tôi thấy không thể tiếp tục ở lại trong hai chức vụ này.*

*Vậy xin quý vị cho tôi được giải nhiệm hai chức vụ Đại Biểu Quốc Hội và Ủy Viên Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Tôi tha thiết xin quý vị cho tôi được toàn quyền.*

*Trân trọng kính chào và cầu chúc quý vị thành công tốt đẹp trong mọi lãnh vực.*

*Nay kính,*

**Hòa Thượng Thích Đôn Hậu**  
*(Ấn ký)*

Sau khi gửi đơn từ chức Dân Biểu Quốc Hội và Ủy Viên Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc, ngày 8-12-1978 hai vị đại diện Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội là ông Bùi Sang, Bí Thư Tỉnh Ủy Bình Trị Thiên và ông Cổ Kim Thành, Chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Bình Trị Thiên đến gặp Hòa Thượng tại chùa Linh Mụ để vận động Hòa Thượng rút lui đơn từ chức. *Tiểu Sử* ghi những lời trao đổi giữa Hoa Thượng và hai vị đại diện Quốc Hội, Mặt Trận Tổ Quốc đại ý như sau:

Hòa Thượng Đôn Hậu:

“Chắc quý vị đã biết là Phật Giáo luôn luôn gắn liền với dân tộc. Các nhà lãnh đạo Cách Mạng nhận rõ điều đó. Vào những năm kháng chiến chống Pháp, Hồ Chủ Tịch, Thủ tướng Phạm Văn Đồng... thường vào chùa tá túc. Các nhà sư không những cưu mang các nhà lãnh đạo mà còn săn sóc vô số cán bộ trong thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ.

“Vì gắn liền với Cách Mạng nên khi Cách Mạng thành công, đa số Phật Tử vui mừng, phấn khởi, hoan nghênh. Từ nông thôn đến thành thị nơi nào có bóng dáng của quý vị, của anh em cán bộ, bộ đội, thì đồng bào, trong đó đa số là Phật Tử vui vẻ ra đón chào. Người thì bắt tay, người thì vuốt vai, người thì cầm áo, người đứng nhìn với vẻ trùm mến như nhìn anh em, bà con ruột thịt đi xa mới về. Họ có món gì cũng đem ra mời ăn, tình đoàn kết thân yêu thật thấm thía.

“Nhưng rồi thưa quý vị, tình đoàn kết, thương yêu ấy kéo dài được bao lâu? Không quá mười ngày! Vì sao? Vì những người cán bộ anh em thân tình ấy giờ đây đi khắp nơi, đến chùa chiền, am miếu nói với chư tăng ni Phật Tử: Trước kia các vị đi tu là phải, nhưng bây giờ độc lập đã đạt, quý vị nên về nhà. Chùa là cái gì? Là do xương máu của đồng bào xây dựng lên. Đồng bào sẽ trung dụng vào những việc công ích. Sớm hay muộn quý vị cũng phải về nhà, tại sao không về bây giờ? Hơn nữa, đạo Phật đã có mặt trên trái đất gần ba nghìn năm. Trong gần ba nghìn năm đó đạo Phật đã làm được gì có lợi thiết thực cho nhân dân? Trong khi Cách Mạng ta trong thời gian ngắn đã đem lại những điều chúng ta hằng mơ ước. Chúng ta vì vậy phải tôn thờ Cách Mạng hơn là tôn thờ Phật!

“Qua những lời phát biểu như vậy của người cán bộ anh em, tình đoàn kết, lòng yêu thương kính trọng giảm xuống rất nhiều. Chưa hết. Cán bộ anh em lại bắt đầu phá hủy tượng Phật lộ thiên, bắt bớ, giam cầm hàng tu sĩ Phật Giáo, bắt họ ký giấy giao cơ sở cho Cách Mạng, buộc tội họ là thành phần phản động, theo CIA, theo Mỹ, theo Ngụy.

“Thưa quý vị: Quý vị biết tôi là người trong Viện Hóa Đạo. Tôi không thể ngồi trên cơ quan Nhà Nước mà nhìn Phật Giáo bị lâm vào tình cảnh ấy. Hơn nữa theo nguyên tắc của Nhà Nước, hạ cấp phục tùng thượng cấp. Tôi nằm trong hệ thống Trung Ương, nếu tôi lặng thinh không nói gì, không làm gì, tức là tôi đã đồng tình. Như thế vô tình tôi đã phạm tội làm những việc tày trời vừa kể. Tôi cảm thấy rất buồn, rất đau đớn. Nếu quý vị ở trong hoàn cảnh tôi, quý vị hành xử như thế nào?

Đến đây ông Bùi Sang lên tiếng:

“Thưa Cụ, Cụ đã tham gia Cách Mạng tám năm trường, giờ đây tuổi già sức yếu Cụ nghỉ cũng phải, nhưng mà nghĩ cách nào kia, chớ nghĩ như Cụ thì không đúng lúc và không đúng cách. Mong Cụ nghỉ lại.”

Hòa Thượng trả lời:

“Sự từ chức của tôi đúng lúc và đúng cách. Đúng lúc là khi tôi được ông Hoàng Phương Thảo vận động ra ứng cử Quốc Hội, tôi từ chối không được, phải ra ứng cử nhưng với lời yêu cầu: là tôi có hai nhiệm vụ phải làm tròn, đó là nhiệm vụ đối với Dân Tộc và nhiệm vụ đối với Phật Giáo. Nếu ra ứng cử, rủi được đắc cử, tôi xin nhấn mạnh, rủi được đắc cử, nhưng nếu không chu toàn được hai nhiệm vụ nêu trên thì tôi sẽ về vườn.

“Sau khi đắc cử tôi thường nhận được đơn từ của cử tri nhờ can thiệp chuyện này, chuyện khác. Mỗi khi nhận được đơn từ, tôi đều đề nghị Ủy Ban Nhân Dân cứu xét giúp đỡ và cho tôi biết kết quả. Nhưng sau bao nhiêu lần, thư có đi mà không có thư trả lời. Tôi thấy rõ ràng tôi không làm tròn nhiệm vụ đối với cử tri. Còn đối với Phật Giáo, tôi cũng không làm được điều gì có ý nghĩa trong cương vị của người Dân Biểu. Nhiều nhà lãnh đạo Phật Giáo bị bắt, trong đó có Thượng Tọa Thiện Minh. Tôi nhiều lần can thiệp mà không mang lại kết quả gì cả. Rõ ràng là tôi không chu toàn trách nhiệm đối với Phật Giáo. Cả hai nhiệm vụ đều không chu toàn, làm sao tôi có thể tiếp tục làm Dân Biểu Quốc Hội? Việc từ chức của tôi như vậy là đúng lúc.

“Quốc Hội gồm 500 Dân Biểu, đại diện cho 50 triệu dân. Năm trăm Dân Biểu bầu Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Ủy Ban Thường Vụ như vậy là đại diện cho 500 Dân Biểu. Tôi gửi đơn từ chức lên Ủy Ban Thường Vụ, như vậy sự từ chức của tôi đúng cách. Vô lẽ bây giờ tôi gửi đơn từ chức cho 50 triệu dân?”

Ông Bùi Sang cắt lời:

“Thưa Cụ, chính phủ ta đang gặp nhiều khó khăn. Biên giới Việt Nam - Kampuchia rất căng thẳng, Pol Pot có nhiều hành động gây hấn. Biên giới Việt Nam - Trung Quốc cũng giao động. Nếu trong lúc này mà Cụ từ chức thì sẽ gây nhiều rắc rối thêm. Mong Cụ hơn lúc nào hết nghĩ đến quyền lợi của dân, của nước.”

*Tiểu Sử* cho biết khi nghe những lời ấy của ông Bùi Sang, Hòa Thượng cúi đầu suy nghĩ. Một lúc sau, Hòa Thượng ngẩng đầu lên nói với ông Bùi Sang: “Tôi rất cảm động trước cái lời thành thật của Cụ. Thôi thế này, tôi sẽ tiếp tục ở lại trong Quốc Hội nếu được chính phủ chấp thuận và thực hiện ba yêu cầu sau đây:

Thứ nhất: yêu cầu Chính Phủ trả tự do cho các vị tu sĩ bị bắt bớ giam cầm đã lâu mà không có can án. Ông Bùi Sang nhìn Hòa Thượng, lặp lại: “Không có can án”. Hòa Thượng khẳng định: Đúng như vậy. Chúng tôi không phàn nàn cái chuyện bắt bớ. Nếu có tội thì cứ bắt. Nhưng trước khi bắt phải có bằng chứng, sau khi bắt phải được đưa ra tòa với bằng chứng và bị can có quyền biện hộ. Do đó ở đây tôi yêu cầu chính phủ thả những vị bị bắt giam không có bằng chứng, không bị can án theo luật định.

Thứ hai: Hãy đưa việc Thượng Tọa Thiện Minh bị bắt và chết ra ánh sáng. Tại sao Thượng Tọa bị bắt và Thượng Tọa đã qua đời trong hoàn cảnh nào? Bảo Thượng Tọa bị bắt vì quyền luyến chế độ cũ, có bằng chứng gì không? Thượng Tọa quyền luyến chế độ cũ đã bắt Thượng Tọa bỏ tù, đã cho người ám sát, đã kêu án tù 15 năm khổ sai? Bảo Thượng Tọa phạm tội vượt biên? Thượng Tọa đi đâu mà vượt biên? Đi Gia Định, đi Lái Thiêu, đi Nha Trang là vượt biên? Bảo Thượng Tọa bị bắt vì đời tư không tốt? Khi nào thì chính phủ bắt người vì đời tư của họ? Hơn nữa với bằng chứng gì? Thượng Tọa có quyền biện hộ hay không? Bảo Thượng Tọa chết vì bệnh xuất huyết não? Bệnh này phát xuất khi nào? Có bằng chứng gì? Báo cáo của bác sĩ ra sao và v.v...

Thứ ba, nên đưa người có trách nhiệm gây tử vong cho Thượng Tọa Thiện Minh, nếu có, ra ánh sáng. Chúng tôi không phải muốn trả thù mà muốn công lý được duy trì. Khi đưa ra ánh sáng, chúng tôi sẽ xin phép chính phủ khoan hồng cho người đó chứ không thù oán đòi mạng sống của họ.

Là một Dân Biểu, đại diện dân, là một nhà sư trong Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo mà tôi không nói được điều gì, không làm được việc gì có lợi cho dân, có lợi cho đạo, thì hỏi tôi có nên tiếp tục làm Dân Biểu hay không. Nhưng nếu Chính Phủ giúp tôi thỏa mãn ba yêu cầu trên, tôi sẽ xin được ở lại phục vụ.

Hai ông Bùi Sang, Cổ Kim Thành không bình luận gì cả, từ giã ra về.

### **Chuyện Ôn không nhận lương Dân Biểu và từ chối những dịch vụ được cung cấp:**

Quí thầy chùa Linh Mụ và thầy Hải Tạng ở chùa Long An cho biết sau năm 1975, bệnh tình của Ôn được BS Phúc, Y tá Đông săn sóc. Ôn nói với các cấp lãnh đạo Nhà Nước, Ôn là một nhà sư không cần nhân viên an ninh phục vụ, không cần bác sĩ phục dịch thường xuyên. Năm 1978 sau khi Thượng Tọa Thiện Minh bị chết, Ôn xin từ chức Dân Biểu Quốc Hội. Ôn không chịu nhận lương \$256 một tháng (vào khoảng \$50US), với phiếu B có thể mua bơ Liên Xô và các vật dụng khác trong các cửa hàng đặc biệt dành cho nhân viên cao cấp của Nhà Nước. Ôn từ chối không nhận lương tiền, phiếu thực phẩm. Lương của Ôn tập trung nhiều năm, đưa cho Ôn, ôn cũng không nhận. Ôn nói giao lương của Ôn cho Hội Hồng Thập Tự.

Ông Cổ Kim Thành, chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc, Ông Bửu Sang Bí Thư Tỉnh Ủy thường đến thăm Ôn. Ôn thấy cái chết của Thượng Tọa Thiện Minh không minh bạch, không rõ ràng. Ôn nói Ôn có hai trách nhiệm: với quê hương và đạo pháp. Những sau khi hòa bình trở lại, nhiệm vụ càng khó khăn hơn gấp 30 lần.

### **Tình hình tài chính của Hòa Thượng và của chùa sau khi Hoa Thượng từ chức Dân Biểu Quốc Hội. (Ghi ngày 21 tháng 3, 2009)**

Thầy Hải Tạng nói cuối năm 1978 sau khi Ôn đệ đơn từ chức Dân Biểu Quốc Hội, tình thế hết sức khó khăn, chùa không có ai đến. Ôn tiên liệu sẽ gặp khó khăn hơn nữa. Sau khi tụng kinh sáng xong, Ôn kêu 4 đệ tử: Trí Thành (hiện ở Canada), Trí Tựu hiện làm trú trì chùa Linh Mụ, Huế, Trí Lực (ra đời, hiện ở Thụy Điển) và Hải Tạng hiện làm trú trì chùa Long An, Quảng Trị. Ôn nói sẽ gặp nhiều khó khăn, không biết ngày nào thầy trò có thể đoàn tụ. Ôn nói Ôn có 1 lượng vàng do ni sư Diệu Lý cúng, Ôn đem lượng vàng ấy chia cho mỗi người 2 chỉ, phần Ôn cũng 2 chỉ. Thầy Sư (Trí Lưu) đã lớn tuổi và cũng có tiền nên không cần.

Thầy Hải Tạng nói thầy xem 2 chỉ vàng này là một kỷ vật khó quên, thầy không dám sử dụng, cất làm kỷ niệm. Sau khi Ôn chia mỗi người 2 chỉ xong Ôn bảo mọi người đi lo công việc. Hải Tạng còn giữ 2 chỉ vàng cho đến bây giờ. Khi thầy Trí Lực vào Nam, Ôn khuyên thầy nên về Huế để khỏi bị truy lùng. Ôn rất thương thầy Trí Thành.

Ngoài 2 chỉ vàng Ôn không có tiền bạc nào nữa.

### **Về việc chăm sóc sức khỏe cho Hòa Thượng.**

Được biết ông Hồ Đăng Thông là một y tá săn sóc sức khỏe của Hòa Thượng, đặc biệt có mặt trong giờ phút Hòa Thượng viên tịch. Tôi đến gặp ông Hồ Đăng Thông tại 35 Tuy Lý Vương, Vỹ Dạ, ngày 13 tháng 3, 2009, lúc 3:30 giờ chiều. Ông Hồ Đăng Thông cho biết:

Ôn bị bệnh rất nặng vào đợt đầu năm 1990. Ôn bị hôn mê. Bs Bách thuộc bệnh viện trung ương Huế, chuyên khoa Nội, nhà ở Kim Long gần chùa Linh Mụ được giao phó trách nhiệm săn sóc cho Ôn.

Phòng bảo vệ sức khỏe cán bộ trong đó có Bs Lê Lan, Bs Phương (trưởng Phòng), Bs Hải Án (Thầy Hải Án, hiện nay Trú Trì chùa Từ Đàm, Huế), Bệnh Viện thành phố trong đó có Bs Lan, cán sự điều dưỡng Hồ Đăng Thông. Những vị này có nhiệm vụ săn sóc sức khỏe cho Ôn.

Trong Đợt 1 kéo dài 1 tháng: Ôn hôn mê mấy tuần. Đợt 2 cũng gần 1 tháng vào năm 1992. Những người săn sóc Ôn ở đợt 2 là Bs Hải Ân, Bs Lan, Bs Bách. Cán sự điều dưỡng là Hồ Đăng Thông và các ni cô. Ôn qua đời vì phổi đầy nước, khó thở.

Ông Thông cho biết tính Ôn rất chu đáo và rất tình cảm. Các bác sĩ săn sóc tận tình. Hàng ngày nhiều người phục vụ, cơm cháo. Ôn mất vào khoảng 8 giờ tối. Bs Bách báo cáo cho Mật Trận, cho Tỉnh Ủy biết. Ông Hồ Đăng Thông trực trong đêm Ôn mất.

\*  
\* \* \*

Ngày 2-2-1979: Đại Lão Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, đệ nhị Tăng Thống GHPGVNTN viên tịch. Hòa Thượng Đôn Hậu đảm trách công việc của Giáo Hội. Khi đức Đệ Nhị Tăng Thống viên tịch, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có cử đại diện đến phúng điếu.

Vào tháng 2 năm 1979 Hòa Thượng về thăm tổ đình Sắc Tứ Tịnh Quang Tự, nơi mà năm 1916 Hòa Thượng đã gặp được vị bồn sư tương lai của mình. Trong dịp này Hòa Thượng giảng bài *Ý Nghĩa Chữ Tu trong đạo Phật* cho Tăng Ni Phật Tử nghe.

Vào tháng 10 năm 1979, Hòa Thượng hay tin Hòa Thượng Trí Độ, Chủ tịch Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Bắc Việt viên tịch, Hòa Thượng rất xúc động. Nhớ ngày nào Hòa Thượng Trí Độ lúc ấy còn là cư sĩ theo học Phật Pháp với quốc sư Phước Huệ tại tổ đình Thập Tháp, rồi những ngày Hòa Thượng làm Giám đốc Phật Học Viện Báo Quốc. Hòa thượng vội vã đánh điện văn phân ưu:

*Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*

*Viện Tăng Thống*

*Noi nhận:*

*Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*

*Chùa Quán Sứ, Hà Nội.*

*Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vô cùng xúc động được tin Hòa Thượng Thích Trí Độ, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Hà Nội, viên tịch ngày 24-10-1979.*

*Cầu nguyện giác linh Hòa thượng siêu sinh lạc quốc. Xin phân ưu cùng quý Giáo Hội.*

***Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
Hòa Thượng Thích Đôn Hậu***

### **Chuyện thống nhất Phật Giáo Bắc Nam.**

Tiểu Sử cho biết sau ngày 30-4-1975 Hòa Thượng gửi kiến nghị đến Tổng Bí Thư Lê Duẩn, Chủ tịch Nước Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Quốc Hội Trường Chinh, Thủ tướng Chính Phủ Phạm Văn Đồng về việc thống nhất Phật Giáo Việt Nam.

Theo Hòa Thượng, thống nhất Phật Giáo Việt Nam là thống nhất hai tổ chức Phật Giáo tại Bắc và Nam, tức là thống nhất Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam ở Bắc với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở trong Nam. Đề nghị này không được đảng cộng sản Việt Nam đồng ý có lẽ ngại Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sẽ có ảnh hưởng lớn trong tổ chức Phật Giáo mới, nên đưa ra đề án khác. Hòa Thượng thì cương quyết giữ vững lập trường cho đến ngày Hòa Thượng viên tịch.

Thầy Hải Tạng kể: Tết năm 1980 nghe tin Nhà Nước muốn thống nhất Phật Giáo Bắc, Nam. Ở Huế không có người để Ôn bàn thảo vấn đề. Ôn xin vào Sài Gòn để chữa bệnh đồng thời có dịp bàn bạc công việc với quý thầy. Hải Tạng theo hầu Ôn. Vào Ấm Quang Ôn gặp TT Trí Quang, Huyền Quang.

Sau đó ông Mười Anh đến. Sau khi gặp ông Mười Anh, TT Trí Quang, TT Huyền Quang, Ông về Già Lam cùng quý thầy bàn bạc, thống nhất lập trường. Ông Già Lam tổ chức bữa cơm chiều mời TT Trí Quang, Quảng Độ, Huyền Quang, Minh Châu, Pháp Tri (không có TT Đức Nhuận, Hộ Giác, Thiên Ấn, Hành Trụ, Trí Tịnh). Thị giả không được phép tham dự.

Ôn kể lại Ông rất phấn khởi: TT Trí Quang đề nghị nhận chìm rồi thả trôi để nghị thống nhất Phật Giáo của Nhà Nước. Để khỏi dị nghị Ông vào bệnh viện nằm. Khuya nghe pháo nổ, Ông thức dậy kêu thi giả đem đậu khuôn sống cho Ông dùng. Vừa ăn Ông vừa nói: “*Thời gian có đến có đi, nhưng chân tâm không đi, không đến. Tuy nhiên xuân này là xuân của họ chứ không phải là xuân của mình.*” Nghe như vậy thầy không hiểu ý Ông muốn nói gì

Ngày mồng ba Tết Ông nhận được giấy mời của Mặt Trận Tổ Quốc Trung Ương báo tin nhân dịp đầu xuân có quý Hòa Thượng Đức Nhuận, Pháp Chủ, cụ Phạm Thế Long, chùa Cổ Lễ Nam Định, Thượng Tọa Thanh Tứ từ Bắc vào, mời gặp tại 176 Võ thị Sáu, trụ sở của Mặt Trận Tổ Quốc TP Hồ Chí Minh. Ông đến thăm thì thấy có Ô Nguyễn Văn Linh, Bí thư thành ủy Sài Gòn, Ô Trần Bạch Đằng cán bộ Tôn Giáo và một vị khác nữa...

Trong buổi gặp mặt ấy, Ô. Nguyễn Văn Linh nói: “*Đảng lấy Phật Giáo làm chỗ dựa vững chắc. Xin quý vị cho chúng tôi gọi Phật Giáo là Phật Giáo của chúng ta và xin yêu cầu quý vị gọi Đảng là Đảng của chúng ta.*”

Cụ Đức Nhuận phát biểu đại khái nói nước nhà đã thống nhất, vì vậy Phật Giáo cũng cần phải thống nhất. Đến lượt Ông phát biểu. Ông nói: Trong Đại Hội 7 của Giáo Hội PGVNTN có bàn đến việc thống nhất Phật Giáo hai miền Bắc Nam. Hòa Thượng Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội PGVNTN có gửi bức thư cho Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hà Nội, đề nghị phương thức thống nhất. Nhân đây có quý vị từ

ngoài Bắc vào, xin quý vị cho biết tại sao quý vị không trả lời thư của HT Trí Thủ. Hôm nay quý vị vào đây lại không trực tiếp gặp quý vị trong Viện Hóa Đạo mà lại qua trung gian của Mặt Trận, không biết với chủ ý gì?

Không có vị nào trả lời.

Ôn nói tiếp: Trong thời gian ấy, tôi đã có dịp gặp Thủ Tướng Phạm Văn Đồng để nghị thống nhất Phật Giáo. Thủ Tướng cho biết có nhiều khó khăn cần trung gian xếp đặt. Tôi thưa với Thủ Tướng là tôi có thể làm trung gian vì tôi không xa lạ mấy với quý thầy ngoài Bắc và tôi có liên hệ trực tiếp với quý thầy trong Nam. Thủ Tướng nói cần phải suy nghĩ lại.

Ôn nói tiếp: Nghe nói Ô Mai Chí Thọ khi nghe đề cập đến vấn đề thống nhất Phật Giáo, ông phát biểu ý kiến nói có một loại thịt nướng rất ngon, nhưng trước khi nướng cần phải luộc. Luộc rồi mới nướng. Nghe lời phát biểu ấy, nhiều người không được vui. Tôi đề nghị muốn thống nhất trước hết phải thống nhất cơ sở, có nghĩa là thống nhất tổ chức. Tuy nhiên buổi họp hôm nay, không có ai đến với tư cách đại diện cho tổ chức Phật Giáo nào, vì vậy đây chỉ là buổi gặp mặt giữa những cá nhân chứ không phải đại diện, nên khó có đủ tư cách bàn chuyện thống nhất Phật Giáo Bắc Nam.

Ô Trần Bạch Đằng lên tiếng: Điều đó Nhà Nước rõ cả. Nhìn vào chiến trường Tây Nam, Tây Bắc đang còn ngổn ngang, chính phủ đang phải lo chuyện ngoài, còn chuyện Phật Giáo là chuyện trong nhà. Hơn nữa theo chúng tôi thiết nghĩ quý vị là những nhà tu hành lấy từ bi hỷ xả để giải quyết vấn đề, thì mọi chuyện sẽ êm đẹp.

Ôn trở về bệnh viện. Chiều có xe đến đón mời Ôn đi họp. Ôn cáo bệnh không đi được. Sau đó Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo được thành lập, tên của Ôn được để vào với tư cách Cố Vấn.

*Tiểu Sử* ghi: Ngày 26, 27 tháng 12 năm Kỷ Mùi, tức là ngày

12, 13 tháng 2 năm 1980, ông Nguyễn Văn Linh, ủy viên Bộ Chính Trị, Trưởng Ban Dân Vận Trung Ương mời các tổ chức và hệ phái Phật Giáo Việt Nam họp tại nhà số 31 đường 30/4 (nay là đường Lê Duẩn), thành phố Hồ Chí Minh, mục đích thành lập Ban Dân Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam.

Trên cương vị Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, Giáo Hội PGVNTN, Hòa Thượng đến dự Đại Hội. Trong phiên họp Hòa Thượng được mời phát biểu trước và vẫn giữ lập trường thống nhất Phật Giáo theo kiến nghị đã gửi đến các vị lãnh đạo Trung Ương đảng cộng sản và chính quyền Việt Nam. (Theo *Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam* của Đỗ Trung Hiếu, bản photocopy năm 1994, tr. 4). Tuy thế sau hai ngày họp, Ban Dân Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam ra đời do Hòa Thượng Trí Thủ làm Trưởng Ban đã ghi tên Hòa Thượng vào chức vị Cố Vấn.

### **Điều hành Phật sự phải dựa vào Hiến Chương, Qui Chế.**

Vào đầu tháng 5 năm 1980, Hòa Thượng nhận được văn thư của Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo bãi nhiệm chức vụ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp của Thượng Tọa Thuyền Án, Hòa Thượng liền phúc đáp:

*Văn Phòng Viện Tăng Thống  
Số 1-80.VP/TT  
Phật lịch 2423  
TP Hồ Chí Minh, ngày 12-5-1980*

*Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
Kính gửi: Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*

*Thưa Hòa Thượng:*

*Tôi đã nhận được văn thư số 030- VHD/VP của Viện Hóa Đạo về việc trình quyết định bãi nhiệm chức vụ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp của Thượng Tọa Thuyền Án.*

*Chiểu theo các Điều 15 và 28 trong Chương Tư của Bản Hiến  
Chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (Bản Tu*

*(Chính ngày 12-12-1973 của Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nhiệm kỳ IV)*

*Xét thấy bản quyết định số 01. VHD/VP của Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo chưa có thể thành tựu được. Hiện nay tại bệnh viện, bệnh tình của tôi vẫn chưa bớt, cần phải được tĩnh dưỡng. Nên đối với vấn đề này tôi chưa có ý kiến gì cả. Thiết tưởng chúng ta nên chờ nghiên cứu lại để cho mọi việc được tốt đẹp và hợp pháp hơn.*

*Kính chúc Hòa Thượng Phật sự chau vien, chúng sinh dị hóa và xin Hòa Thượng nhận noi đây lòng chân thành của tôi.*

*Trân trọng kính chào Hòa Thượng  
Tỳ Kheo Thích Đôn Hậu*

*Ghi chú: Bản phúc thư này tôi viết tại bệnh viện trong khi đi chữa bệnh nên không có ấn dấu của Viện Tăng Thống. Tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản phúc thư này.*

Sau khi nhận được bản phúc thư, Hòa Thượng Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo xem lại những điều khoản trong Hiến Chương, Hòa Thượng thấy việc bãi nhiệm chức vụ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp của Thượng Tọa Thuyền Án không phù hợp với những điều khoản nêu trên. Hòa Thượng Thuyền Án không có cơ hội biện hộ. Những lý do đưa ra để bãi nhiệm chưa được kiểm chứng đầy đủ, đặc biệt là không đủ túc số 2/3 toàn thể thành viên Hội Đồng Viện Hóa Đạo biểu quyết đồng ý mới được thi hành việc bãi nhiệm. Vì vậy Hòa thượng Viện Trưởng đã không những không xúc tiến việc bãi nhiệm mà còn tìm cách hóa giải sự hiểu lầm giữa Thượng Tọa Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp và Hòa Thượng Viện Trưởng.

Một khó khăn nội bộ trong muôn vàn khó khăn được vượt qua.

Dù công việc đa đoan, Hòa Thượng cũng không quên viếng thăm Pháp Huynh là Hòa Thượng Giác Hạnh, Viện Chủ Chùa

Vạn Phước tại Sài Gòn, đồng thời lưu tâm đến Phật sự của Giáo hội.

### **Về việc điều hành Viện Tăng Thống sau khi đức Tăng Thống Viên tịch.**

Vào đầu năm 1981 Hòa Thượng với tư cách Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống và Hòa Thượng Trí Thủ với tư cách Viện Trưởng Viện Hóa Đạo gửi thư mời quý vị thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương để bàn về việc điều hành Viện Tăng Thống sau khi đức Đệ Nhị Tăng Thống viên tịch.

Sau đây là Biên Bản cuộc họp của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương ngày 11-2-1981 do lời triệu tập của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống và Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.



Hòa Thượng đến vấn an Pháp Huynh Giác Hạnh,  
Viện Chủ chùa Vạn Phước, Sài Gòn tháng 4, 1980  
(Tiểu Sử, tr. 65)

Thời gian: 8 giờ ngày 11-2-1981 (ngày 7 tháng Giêng năm Tân Dậu)

Địa điểm: Tổ đình Từ Đàm, Huế.

Thành phần tham dự:

- \* Viện Tăng Thống: HT. Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống.
- \* Viện Hóa Đạo: HT Thích Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.
- \* Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương:

- Hòa Thượng Thích Mật Hiển.
- Hòa Thượng Thích Giác Tánh.
- Thượng Tọa Thích Thiện Siêu.
- Thượng Tọa Thích Tâm Hoàn.
- Thượng Tọa Thích Thanh Trí.
- Thượng Tọa Thích Khế Châu.
- Thượng Tọa Thích Đức Tâm.

Ngoài ra còn có một số vị Trưởng Lão Tôn Túc trong Giáo Hội địa phương được mời tham dự và một số Thượng Tọa, Đại Đức Chánh Đại Diện các Tỉnh Giáo Hội như Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Đà Nẵng, Phú Khánh v.v... được phép dự tri.

Ban chủ trì cuộc họp: HT Thích Đôn Hậu, HT Thích Trí Thủ.  
Nghị trình:

- Niệm Phật cầu gia bị
- Tuyên bố lý do buổi họp.

Trong phần tuyên bố lý do cuộc họp, Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống cho biết Điều 11, Mục 2, Chương Bốn, Hiến Chương Giáo Hội PGVNNTN ghi: “*Sau khi đức Tăng Thống viên tịch trong vòng 100 ngày, đức Phó Tăng Thống triệu tập Đại Hội Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương để suy cử đức tân Tăng Thống.*” Trong hai năm qua vì Phật sự đã doan nên việc trên chưa được thực hiện. Nhân nay, sau ngày Đại Tường đức Đệ Nhị Tăng Thống, vấn đề quyền nhiếp những nhiệm vụ và quyền hạn của ngôi vị Tăng Thống cần

được đặt ra để cùng nhau bàn bạc, hầu việc điều hành Phật sự tại Viện Tăng Thống được chu toàn. Hơn nữa gần đây Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo trong văn thư số 092/VHD?VP ngày 22-12-1980 đề nghị triệu tập Đại Hội Đồng Giáo Phẩm, nên tôi đã cùng Hòa thượng Viện Trưởng gửi thư thỉnh mời quý ngài đến dự họp ngày hôm nay.

Hòa Thượng Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo cho biết trong phiên họp ngày 17-12-1980 của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo tại trụ sở Viện Hóa Đạo, khi bàn đến việc suy cử đức Đệ Tam Tăng Thống của Giáo Hội thì quý vị thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm thấy rằng ngôi vị Tăng Thống theo Hiến Chương qui định do Đại Hội Hội Đồng Giáo Phẩm suy cử. Đại Hội Giáo Hội Toàn Quốc suy tôn. Việc này chúng ta chưa thực hiện được. Tuy nhiên các vị thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo đồng ý về một giải pháp trong hai giải pháp: Hoặc là nâng cấp đương kim Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống làm Xử Lý Viện Tăng Thống hay là thành lập một Hội Đồng gồm thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương do vị Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống đứng đầu để xử lý các Phật sự của Viện Tăng Thống cho đến khi có Đại Hội Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương suy cử đức Tăng Thống và Đại Hội Giáo Hội Toàn Quốc suy tôn đức Đệ Tam Tăng Thống ấy.

Hòa Thượng Trí Thủ cho biết đã đem vấn đề này hỏi ý kiến quý Hòa Thượng Trí Tịnh, Hòa Thượng Giác Tánh, Hòa Thượng Trí Nghiêm, Thượng Tọa Thanh Trí tham dự kỳ họp lần thứ 2 của Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo tại Hà Nội và quý vị đã tán thành.

Tiếp theo Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống đọc điện văn của quý thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Miền Liễu Quán tán thành giải pháp trên, ủy nhiệm đương kim Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống Xử Lý Viện Tăng Thống.

Qua tinh thần trên, buổi họp đã đi đến kết luận:

- 1/ Trong khi chờ đợi Đại Hội Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Đại Hội Giáo Hội Toàn Quốc, tất cả nhiệm vụ và quyền hạn của đức Tăng Thống, theo Hiến Chương qui định ở Điều 11, Chương Bốn, sẽ do vị đương kim Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống xử lý. Nếu cần, Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống có thể tùy nghi lựa chọn một vài vị phụ tá.
- 2/ Yêu cầu Viện Hóa Đạo cho sao biên bản này gửi đến quý vị thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương không dự phiên họp này để tham khảo ý kiến. Trong trường hợp tán đồng, thì xin cho biết bằng văn thư về Văn Phòng Viện Tăng Thống, tạm đặt tại chùa Báo Quốc, Huế. Nếu ý kiến tán thành là đa số, thì kết luận nêu ở mục I được trở thành quyết định chính thức.

Cuộc họp bế mạc lúc 11:25 giờ cùng ngày, sau bài Hồi Hướng.

Ký biên bản:

– **Hòa Thượng Thích Đôn Hậu,**  
*Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống*  
*(ký tên và đóng dấu)*

– **Hòa Thượng Thích Trí Thủ,**  
*Viện Trưởng Viện Hóa Đạo*  
*(ký tên và đóng dấu)*

– **Đại đức Thích Thiện Hạnh,**  
*Thư ký cuộc họp*  
*(ký tên)*

Sau đây là văn thư của quý vị thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gửi tán thành mời Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, Xử Lý Viện Tăng Thống: Thư của Hòa Thượng Đức Nhuận, Thượng Tọa Từ Nhơn, Thượng Tọa Hành Trụ, Thượng Tọa Quảng Độ, Hòa Thượng Đạt Hương, Thượng Tọa Pháp Tri, Thượng Tọa Trí Đức, Hòa Thượng Trí Quang, Thượng Tọa Huyền Quang,

Thượng Tọa Đỗng Minh, Hòa Thượng Hoàn Tâm.

## VĂN THƯ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NHUẬN:

*Phật lịch 2524*

*Chùa Giác Minh ngày 7-3-1981*

*Kính gửi: Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*

*Kính bạch quý Ngài:*

*Vì đường sá xa xôi nên chúng tôi đã không về dự buổi họp do quý Ngài đại diện Giáo Hội triệu tập.*

*Nay, chúng tôi hân hạnh nhận được biên bản cuộc họp giữa một số thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương cùng quý vị tôn túc trong hàng giáo phẩm địa phương, diễn ra tại tổ đình Từ Đàm, Huế ngày 11 tháng 2 năm 1981, đã đưa đến kết quả là:*

*“Trong khi chờ đợi Đại Hội Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Đại Hội Giáo Hội Toàn Quốc, tất cả nhiệm vụ và quyền hạn của Đức Tăng Thống, theo Hiến Chương qui định ở Điều 11, Chương 4, sẽ do đương kim Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống xử lý, nếu cần Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống có thể tùy nghi lựa chọn vài vị phụ tá.”*

*Qua biện pháp trên, chúng tôi xin hoàn toàn tán thành và xin nhất tâm cầu chúc Quý Ngài được Pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ.*

*Trân trọng  
Hội Viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương  
Thích Đức Nhuận*

\* \* \*

## VĂN THƯ CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH TỪ NHƠN

Phật lịch 2524

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15-3-1981

Kính gửi: Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Và Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Hội Đồng Giáo Phẩm Trung  
Ương

Tôi vừa tiếp nhận được biên bản cuộc họp của chư tôn Hòa  
Thượng, chư Thượng Tọa Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương  
về việc điều hành Phật sự tại Viện Tăng Thống.

Sau khi đã coi kỹ biên bản, tôi xin nhất tâm đồng ý với chư  
tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa về Điều 1 ghi trong biên bản  
để cho Phật sự của Giáo Hội được điều hành trở lại tốt đẹp.

Tôi xin kính chúc Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
và chư tôn Hòa Thượng được pháp thể khinh an và Phật sự  
viên thành.

Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương  
**Thượng Tọa Thích Từ Nhơn**  
(ký tên)

\* \* \*

## VĂN THƯ CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH HÀNH TRỤ

Phật lịch 2524

TP Hồ Chí Minh, ngày 17-3-1981

Kính gửi: Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Và chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa  
Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương

Tôi vừa tiếp nhận được biên bản cuộc họp của chư tôn Hòa

*Thượng, chư Thượng Tọa Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương về việc điều hành Phật sự tại Viện Tăng Thống.*

*Sau khi đã coi kỹ biên bản, tôi xin nhất tâm đồng ý với chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa về Điều 1, ghi trong biên bản để cho Phật sự của Giáo Hội được điều hành trở lại tốt đẹp.*

*Tôi xin kính chúc Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống và chư Hòa thượng được pháp thể kinh an và Phật sự viên thành.*

*Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương  
**Thượng Tọa Thích Hành Trụ**  
(Ấn ký)*

\* \* \*

### **VĂN THƯ CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH QUẢNG ĐỘ**

*Phật lịch 2524*

*Ấn Quang, ngày 18-3-1981*

*Kính gửi: Hòa Thượng Thích Đôn Hậu  
Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Hòa Thượng Thích Trí Thủ  
Viện Trưởng Viện Hóa Đạo  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*

*Kính bạch quý Hòa thượng:*

*Vì Phật sự đa đoan nên vừa qua tôi không ra Huế để dự cuộc họp của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương, kính xin quý Hòa Thượng từ bi hộ xá cho.*

*Về quyết định của cuộc họp do một số Hòa Thượng, Thượng Tọa thuộc Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và quý vị tôn túc địa phương nhóm ngày 11-2-1981, tại tổ đình Từ Đàm, Huế, ở Điều 1 biên bản cùng ngày, tôi xin hoàn toàn tán thành và*

*xin nhứt tâm cầu chúc quí Hòa Thượng luôn được pháp thể khinh an để lãnh đạo Giáo Hội.*

*Trân trọng,*  
*Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương*  
**Thích Quảng Độ**

\* \* \*

## **VĂN THƯ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH ĐẠT HƯƠNG**

*Phật lịch 2524*

*Tiền Giang, ngày 26-3-1981*

*Kính gửi: Hòa Thượng Thích Đôn Hậu*

*Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống*

*Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*

*Văn Phòng Chùa Báo Quốc – Huế*

*Trích yếu: v/v Dự định nhiệm vụ Xử Lý Viện Tăng Thống*

*Tham chiếu: Biên bản ngày 11-2-1981 của Hội Nghị Hội Đồng  
Giáo Phẩm*

*Kính bạch Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống:*

*Tôi ở xa, giấy tờ nhận trễ nên không đi Huế để đánh lễ đức cố Tăng Thống Đệ II, nhân ngày Đại Tường của Ngài. Tại lễ trên quí Ngài đã đưa vấn đề nhân sự Viện Tăng Thống ra bàn trong khi chờ đợi Đại Hội Giáo Hội suy cử đức tân Tăng Thống, đã ủy nhiệm Hòa Thượng Xử Lý Phật sự Viện Tăng Thống, tôi thấy việc làm ấy hợp pháp nên nhất tâm tán thành và cầu chúc Hòa Thượng nhiều sức khỏe để lãnh đạo Phật sự Giáo Hội.*

*Trân trọng kính chào Hòa Thượng Chánh Thư Ký.*

*Nay kính*  
**Hoà Thượng Thích Đạt Hương**  
*Mỹ Tho - Tiền Giang*  
*(ký tên)*

\* \* \*

## VĂN THƯ CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH PHÁP TRI

Phật lịch 2524

Ấn Quang, ngày 18-3-1981

Kính đệ: Hòa Thượng Thích Đôn Hậu

Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống

Hòa Thượng Thích Trí Thủ

Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN

Kính bạch quý Hòa Thượng:

Vì Phật sự đã doan nên qua tôi đã không ra Huế để dự cuộc họp của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương, kính xin quý Hòa Thượng từ bi bỉ xả cho.

Về quyết định của cuộc họp do một số Hòa Thượng, Thượng Tọa thuộc HĐGPTU và quý vị tôn túc địa phương nhóm ngày 11-2-1981 tại tổ đình Từ Đàm, Huế, ở Điều 1, biên bản cùng ngày, tôi xin hoàn toàn tán thành và xin nhất tâm cầu chúc quý Hòa Thượng luôn luôn được pháp thể khinh an để lãnh đạo Giáo Hội.

Trân trọng

Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương

**Thượng Tọa Thích Pháp Tri**

\* \* \*

## VĂN THƯ CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH TRÍ ĐỨC

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Tỉnh Minh Hải

Phật lịch 2524, Minh Hải, ngày 20-3-1981

Kính gửi: Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Chùa Báo Quốc - Huế

Bạch Hòa Thượng:

Tôi đã nhận được biên bản cuộc họp giữa một số thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bàn về việc suy cử và suy tôn đức Đệ Tam Tăng Thống của Giáo Hội do Hòa Thượng và Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo triệu tập.

Qua nghiên cứu, tôi hoàn toàn tán thành Điều 1 của hội nghị ghi trong biên bản là: "Trong khi chờ đợi Đại Hội Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Đại Hội Giáo Hội Toàn Quốc, tất cả nhiệm vụ và quyền hạn của đức Tăng Thống, theo Hiến Chương qui định ở Điều 11, Chương 3 sẽ do vị đương kim Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống xử lý. Nếu cần Hòa Thượng Chánh Thư Ký Văn Phòng Viện Tăng Thống có thể tùy nghi lựa chọn một vài vị phụ tá."

Kính chúc Hòa Thượng pháp thể khinh an, huệ đăng thường chiểu để dẫn dắt con thuyền Giáo Hội.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

Kính thư  
**Thượng Tọa Thích Trí Đức**  
Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương

\* \* \*

### VĂN THƯ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUANG

Ấn Quang ngày 21 tháng 3, 1981

Kính gửi: Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch liệt vị:

Tôi xin tán thành biên bản cuộc họp ngày 11 tháng 2, 1981 tại tổ đình Từ Đàm, Huế quyết định thôi cử chức vị Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống kiêm nhiệm chức vị Quyền Tăng Thống. Những chi tiết liên hệ quyết định này được ghi trong biên bản, tôi cũng xin tán thành.

Sau đây tôi kính trình thiển kiến của tôi liên hệ đến các chi tiết nói trên, những thiển kiến chỉ có tính cách kỹ thuật mà thôi.

1. *Thay vì gọi là Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống quyền nhiếp Phật sự ngôi vị Tăng Thống, đề nghị gọi tắt là và rõ là Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống Quyền Tăng Thống.*
2. *Hòa Thượng Quyền Tăng Thống chỉ nên mời thêm 2 vị nữa mà thôi phụ tá cho ngài. Hai vị này trách tuyển trong Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và danh xưng cũng như nhiệm vụ là Phụ Tá Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống.*
3. *Nên nói rõ thời điểm thôi tôn ngôi vị Tăng Thống. Lại nên hoạt động cho thời điểm ấy được hiệu quả. Nghĩa là nỗ lực triệu tập thành công Đại Hội thôi tôn Tăng Thống. Vạn nhất thời điểm ấy không giữ đúng được thì sẽ thông tri cho thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và các cấp Giáo Hội biết để khỏi bị thắc mắc.*

Gọi là có vài thiển kiến xin kính trình để liệt vị thẩm sát.

Nay kính,  
**Thích Trí Quang**

\* \* \*

## VĂN THƯ CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH HUYỀN QUANG

Phật lịch 2524, Ấm Quang ngày 26-3-1981

Kính gửi: Hòa Thượng Thích Đôn Hậu  
Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Văn Phòng Chùa Báo Quốc - Huế

Trích yếu: v/v Dự định nhiệm vụ Xử Lý Viện Tăng Thống  
Tham chiếu: Biên bản ngày 11-2-1981  
của Hội Nghị Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương

Kính bạch Hòa Thượng Chánh Thư Ký:

Tham chiếu biên bản thương dẫn, tôi thành tâm tùy hỷ dự định  
nhiệm vụ Xử Lý Viện Tăng Thống do Hòa Thượng xử lý.

Trân trọng kính chúc Hòa Thượng thân tâm thanh tịnh, Phật  
sự viên thành.

Nay kính,  
**Thích Huyền Quang**  
(ký tên)

\* \* \*

## VĂN THƯ CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH ĐỔNG MINH

Phật lịch 2524, Nha Trang ngày 28-4-1981  
Nam Mô A Di Đà Phật

Kính gửi: Hòa Thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Chùa Báo Quốc - Huế

Kính Hòa Thượng:

Con tán thành tinh thần biên bản ngày 11-2-1981 của Hội  
Đồng Giáo Phẩm Trung Ương của Giáo Hội họp tại chùa Từ  
Đàm, Huế về việc ủy quyền Xử Lý Viện Tăng Thống của Giáo  
hội cho Hòa Thượng đảm trách trong thời gian Giáo Hội chưa đủ  
nhân duyên suy tôn ngôi vị Tăng Thống Đệ III của GHPGVNTN.

Con kính thành cầu chúc Hòa Thượng pháp thể khinh an để  
hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng mà Giáo Hội giao phó.

Nay kính  
**Thích Đổng Minh** kính bút  
(ký tên)

\* \* \*

## VĂN THƯ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH HOÀN TÂM

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Giáo Hội Quận Trà Ôn

Chùa Phật Quang, Phật lịch 2524, ngày 29-4-1981

Kính gửi: Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và  
Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo

Tôi vừa nhận được tờ biên bản cuộc họp giữa một số thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vào ngày 1-2-1981 vừa qua.

Theo ý kiến tôi vừa xem qua tờ biên bản, tôi rất tán đồng ý kiến với các vị như Hòa Thượng Trí Tịnh, Hòa Thượng Giác Tánh, Hòa Thượng Trí nghiêm v.v... Nghĩa là theo giải pháp họp thức hóa đương kim Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống Xử lý Phật sự cho Viện.

Khi nào có cuộc Đại Hội Giáo Hội Toàn Quốc suy tôn đức Tăng Thống Đệ III, quyền xử lý của vị đương kim Chánh Thư Ký mới hết hạn.

Trên đây là ý kiến thành thật của tôi xin gửi đến Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo tường tri.

**Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương**  
**Hòa Thượng Thích Hoàn Tâm**  
(ký tên)

**Giới luật và tinh thần Lục Hòa được đặt nặng trong Thông Diệp Phật Đản.**

Đại lễ Phật Đản năm 2525 (1981) đến, Hòa Thượng nhân cơ hội này nhắc nhở cho Tăng Tín Đồ Phật Tử Việt Nam về bốn hoài của đức Từ Phụ: Đức Phật ra đời chỉ với một mục đích duy nhất là phục vụ chúng sinh, chỉ rõ con đường nhập tri kiến Phật. Hòa Thượng kêu gọi Tăng Ni Phật Tử tăng trưởng tín tâm, kiên trì giới hạnh, nghiêm chỉnh thực hiện giáo lý Lục Hòa:

## **THÔNG ĐIỆP Đại Lễ Phật Đản 2525**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa toàn thể Phật Giáo đồ:

Hàng năm cứ vào giờ phút thiêng liêng này, cùng với Phật Giáo đồ trên thế giới, Phật Tử chúng ta hân hoan đón mừng ngày Đản Sanh của đức Bổn Sư. Đây là một sự kiện trọng đại nhắc nhở chúng ta nhớ lại và phát nguyện một lần nữa bản thể độ sanh của đức Bổn Sư, đã long trọng tuyên bố cách đây 2525 năm.

Bản thệ này qui định đức Phật ra đời chỉ vì một mục đích duy nhất, đó là phục vụ chúng sanh, chỉ rõ con đường ngộ nhập tri kiến Phật. Bản thệ đó, bắt cứ ở đâu và thời nào cũng được khẳng định một cách rõ ràng và thẳng thắn, xác định cơ sở tồn tại chỉ để phục vụ chúng sanh.

Khi đạo Phật truyền vào đất nước ta thì bản thệ ấy không những được khẳng định một cách mạnh mẽ, mà còn được phát huy với tất cả tác động tích cực của nó. Đạo Phật truyền vào Việt Nam là để phục vụ dân tộc Việt Nam. Thực hành Phật đạo là vì đạo Phật đã có những đóng góp ích lợi thiết thực cho đời sống dân tộc Việt Nam. Dân Tộc và Phật Giáo vì thế đã trở thành hai mặt của một thể thống nhất.

Cho nên đón mừng Ngày Phật Đản của đức Bổn Sư hôm nay, Phật Tử chúng ta, một lần nữa, phải long trọng thệ nguyện kiên trì thể hiện và thực hiện bản thệ trên của đức Bổn Sư, bằng cách:

Thứ nhất: Tăng trưởng Tín Tâm, kiên trì Giới Hạnh.

Thứ hai: Nghiêm chỉnh thực hiện chế độ Lục Hòa để phục vụ, xây dựng Đạo Pháp và Dân Tộc.

Trong giờ phút thiêng liêng này, tôi kêu gọi Phật Tử hãy dành một phút để mặc niệm các vị Thánh Tử Đạo, những người đã hy sinh để bảo vệ Dân Tộc và Đạo Pháp.

Cầu nguyện cho Dân Tộc và Đạo Pháp mãi mãi trường tồn.

Cầu xin Đức Phật gia hộ cho Phật Giáo đồ chúng ta luôn luôn đoàn kết để tu học, phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc.

*Phật lịch 2525, Huế ngày 20-4-1981*

*Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống*

**Hòa Thượng Thích Đôn Hậu**

(Ấn ký)

Hòa Thượng luôn luôn quan tâm đến hàng hậu bối, làm Đàm Đâu Hòa Thượng tại Đại Giới Đàm Báo Quốc năm 1981, làm lễ qui y và truyền giới cho hơn 1,000 Phật Tử tại Sắc Tứ Tịnh Quang, Quảng Trị. Ngoài ra ngài còn dành thì giờ biên soạn bộ *Giảng Phẩm Tụta Kinh Bảo Đàm*.

Vì công việc Phật sự quá nặng nề, Hòa Thượng không thể có thì giờ cho Quốc Hội. Hơn nữa ngài nghĩ việc này người cư sĩ gánh vác thích hợp hơn nên ngài, lần thứ hai, đệ đơn từ chức Đại Biểu Quốc Hội. Hòa Thượng rất sung sướng kỳ này được Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội chấp nhận. Giờ đây Như Áng Mây Bay, ngài không còn bận rộn với thế sự.

Nhưng Phật sự vẫn nặng trĩu hai vai. Ngày 28-7-1981 Hòa

thượng gửi thư đến Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Trưởng Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam bàn về việc thống nhất các tổ chức Phật Giáo. Ngày 24-10 Hòa thượng gửi thư cho Chủ Tọa Đoàn, đề nghị 5 điều bổ sung cho Bản Dự Thảo Hiến Chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, một trong 5 điều là lá cờ Phật Giáo không thấy nhắc đến trong Bản Dự Thảo.

Công cuộc vận động thống nhất đưa đến buổi họp đặc biệt tại chùa Ấn Quang ngày 9-9-1981 với sự tham dự của Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo và đại diện các cấp Giáo Hội. Trong cuộc họp này Thượng Tọa Thích Huyền Quang và Thượng Tọa Thích Quảng Độ cương quyết phủ nhận Bản Dự Thảo Hiến Chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Thượng Tọa Huyền Quang và Thượng Tọa Quảng Độ bị công an thành phố Hồ Chí Minh mời “làm việc” ngày 11-10-1981. Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội ngày 4-11-1981. Đại Hội cho ra đời Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

### **Về những chức vụ trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.**

Hòa Thượng Đôn Hậu vì lý do sức khỏe, không thể tham dự Đại Hội, tuy nhiên Đại Hội vẫn công cử ngài làm Đề Nhât Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật. Hay tin này, Hòa thượng đã gửi hai văn thư, một văn thư cho Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam và một văn thư cho Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, Pháp Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam từ chối không thể đảm nhiệm những chức vụ giao phó.

Đối với Hòa Thượng Trí Thủ, Hòa Thượng luôn luôn dành sự kính mến đặc biệt. Hòa Thượng đã từng chung học với Hòa Thượng Trí Thủ tại Phật Học Viện Tây Thiên, từng cùng Hòa Thượng gánh vác công việc Phật Sự trong nhiều nhăm. Tính tình phóng khoáng, khoan dung, từ bi độ lượng của Hòa Thượng

Trí Thủ; khả năng nghiệp chúng, lòng từ mẫn chân tình của Hòa Thượng Trí Thủ đối với đồ chúng khó ai có thể sánh kịp. Những điều này Hòa Thượng ghi nhớ rõ khi viết văn thư cho Hòa Thượng Trí Thủ.

\* \* \*

## THƯ GỬI HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THỦ

*Phật lịch 2524*

*Linh Mụ, ngày 24 tháng 11 năm 1981*

*Kính gửi: Hòa Thượng Thích Trí Thủ*

*Trưởng Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam*

*Chủ Tịch Đoàn, Chủ Tịch Đại Hội Đại Biểu*

*Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam, tổ chức tại Hà Nội*

*Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 11, 1981*

*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*

*Thưa Hòa Thượng:*

*Như Hòa Thượng đã biết, từ mùa Xuân năm 1980, khi Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam ra đời, tuy quý vị có ghi tên tôi vào Ban Vận Động với danh nghĩa Cố Vấn, nhưng tôi đã không có sự cộng tác gì với Ban Vận Động cả, kể các cuộc Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo vừa qua tôi đã vắng mặt. Thế nhưng qua báo chí và các văn kiện Đại Hội phổ biến, lại thấy có tên tôi trong Ban Thường Trực Hội Đồng Chứng Minh với chức vụ Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn Hòa Thượng và Đại Hội đã dành cho tôi vinh dự đó. Tuy nhiên vì lý do sức khỏe nên tôi không thể đảm nhận thêm chức vụ này được nữa, trong khi tôi vẫn còn một trách nhiệm lớn đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong cương vị Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Viện Tăng Thống.*

*Do đó, nay tôi viết thư này kính tin Hòa Thượng rõ và nhờ Hòa Thượng hoan hỷ chuyển đạt tinh thần bức thư này đến quý vị trong Đoàn Chủ Tịch của Đại Hội vừa qua.*

*Kính chúc Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ và mong Hòa Thượng nhận noi đây lòng chân thành của chúng tôi.*

*Nay kính,  
Tỳ Kheo Thích Đôn Hậu  
(Ấn ký)*

\* \* \*

## **THƯ GỬI HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NHUẬN**

*Phật lịch 2525, Bệnh Viện Thống Nhất, ngày 8-2-1982*

*Kính gửi: Hòa Thượng Thích Đức Nhuận  
Pháp Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam*

*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*

*Kính bạch Hòa Thượng:*

*Vào những ngày cuối cùng của năm Tân Dậu, vì bệnh tình bức bách, nên ngày 21-1-1982, tôi đành phải rời Huế vào thành phố Hồ Chí Minh để chữa bệnh, giữa lúc mọi người đang hân hoan đón Xuân sang và cho đến hiện nay tôi vẫn đang còn được trị bệnh tại bệnh viện Thống Nhất, thành phố Hồ Chí Minh.*

*Trong thời gian ấy, ngày 7-2-1982, tôi lại nhận được lá thư của Hòa Thượng gửi cho tôi với danh nghĩa Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Nội dung bức thư ấy, Hòa Thượng báo tin cho tôi biết là Hội Nghị Đại Biểu Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam đã thành tựu viên mãn, cũng như Hội Đồng Bộ Trưởng đã ra quyết định công nhận Bản Hiến Chương, danh sách Ban Lãnh Đạo và cho phép Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam hoạt động. Đồng thời Hòa Thượng đã có lời khuyên tôi cố gắng cộng tác với Giáo Hội trong chức vụ nói trên.*

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn lòng thanh tình của Hòa Thượng đối với tôi, đồng thời tôi rất lấy làm vinh dự và tri ân quý Hòa Thượng đã dành cho tôi một chức vụ quan trọng như thế. Nhưng, thưa Hòa Thượng, như Hòa Thượng đã biết, vào đầu mùa xuân năm 1980, cũng chính là lúc tôi đang nằm điều trị ở bệnh viện Thống Nhất này, thì hay tin Ban Văn Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam được thành lập, trong đó tôi được có tên với danh nghĩa Cố Vấn. Thế nhưng bệnh duyên chướng ngại, nên tôi đã không tham gia được một Phật sự nào đáng kể, ngay cả cuộc Hội Nghị Đại Biểu vừa qua tôi cũng phải vắng mặt. Cho nên, tôi xét thấy mình tuổi đã già, sức đã yếu lại bệnh hoạn liên miên và mỗi ngày càng thêm trầm trọng. Do đó tôi viết thư này để kinh báo với Hòa Thượng để Hòa Thượng rõ là tôi không thể đảm nhận được chức vụ quan trọng Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam mà Hội Nghị đã đề cử.

Tuy vậy, riêng cá nhân, tôi vẫn luôn luôn tâm nguyện sẽ tiếp tục đem tất cả sức tàn ra phụng sự chánh pháp trong khả năng còn lại của mình và trong điều kiện sức khỏe cho phép.

Rất mong Hòa Thượng thông cảm và nhận nơi đây lòng chân thành của tôi. Kính chúc Hòa Thượng phước trí nhì nghiêm, chúng sinh dị độ.

Nay kính,  
**Tỳ kheo Thích Đôn Hậu**  
(Ấn ký)

**Về việc thực hiện cuốn hồi ký *Trên Những Chặng Đường*.** Năm nhà thương chữa bệnh, nhưng có phút nào thấy khỏe, Hòa Thượng cũng chuẩn bị tài liệu cho thâu băng để ghi lại những công tác Phật sự, những đoạn đường đã trải qua. Công việc này được Hòa Thượng tiếp tục khi ra khỏi bệnh viện trở về chùa Linh Mụ. Thành quả là ***Trên Những Chặng Đường***.

Ngày 25-3-1982 **Phiên Hợp Bất Thường**. Thượng Tọa Huyền

Quang và Thượng Tọa Quảng Độ bị Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh lưu giữ. Ngày 4-4-1982 Hòa Thượng nhân danh Chánh Thư Ký, Xử Lý Viện Tăng Thống, chiếu Điều 15, Chương 4 của Hiến Chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất triệu tập Phiên Hợp Bất Thường tại Trụ Sở Trung Ương của Giáo Hội, chùa Ấn Quang số 243 Đường Sư Vạn Hạnh, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên họp bắt đầu lúc 8:30 sáng.

Thành phần tham dự: Quý Hòa Thượng Thượng Tọa thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương, Viện Tăng Thống, Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo.

Chủ tọa phiên họp: Hòa Thượng Chánh Thư Ký, Xử Lý Viện Tăng Thống.

Chương trình họp:

- Cảnh đón Văn Phòng Viện Hóa Đạo.
- Gửi thư đến UBND thành phố Hồ Chí Minh về vụ câu lưu hai Thượng Tọa Huyền Quang và Quảng Độ.
- Đại lễ Phật Đản năm 2526.

### **Tinh thần Hòa Hợp được đặt nặng trong Thông Điệp Phật Đản năm 2526.**

Mùa Phật Đản lại đến. Hòa Thượng gửi Thông Điệp đến chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và toàn thể Phật tử. Chủ đề của Thông Điệp Phật Đản năm nay là hòa hợp. Có sống hòa hợp mới mong làm tròn nhiệm vụ mở bày tri kiến Phật, mới mong làm nên sự nghiệp ích nước, lợi dân. Sống hòa hợp là điều kiện cần yếu cho sự tiến tu.

Tại sao Hòa Thượng chọn Hòa Hợp làm chủ đề Thông Điệp Phật Đản? Bởi vì mầm mống phân hóa đã phát hiện sau khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam ra đời. Bên này, bên kia. Bỉ, thử, ngã, nhân làm mất đi trí tuệ bát nhã, làm mờ tri kiến Phật.

**THÔNG ĐIỆP ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2526  
của Hòa Thượng Chánh Thư Ký,  
Xử lý Viện Tăng Thống.**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

- Thưa chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa khả kính.
- Hàng Giáo Phẩm trong Hội Đồng Lưỡng Viện.
- Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.
- Chư Đại Đức Tăng Ni, Phật Tử Ban Đại Diện Giáo Hội các cấp.
- Cùng toàn thể Phật Giáo đồ, những người con trung kiên của Giáo Hội ở trong nước cũng như ngoài nước.

Mùa Phật Đản lại về. Cùng với Phật Giáo đồ trên toàn thế giới, cũng vào ngày giờ này, chúng ta thành kính đón mừng lễ Đản Sanh của Đức Từ Phụ trong niềm hân hoan và lòng biết ơn vô hạn đối với Ngài, đối với đạo lý giải thoát như thật do Ngài vạch ra. Trong niềm hân hoan và biết ơn vô hạn đó, tôi xin gửi đến chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tang Ni và đồng bào Phật Tử trong cõi như ngoài nước, lời cầu chúc an lành, lời kêu gọi hòa hợp và tiến tu.

Đức Phật ra đời vì một đại sự duy nhất là mở bày con đường giác ngộ tri kiến Phật cho tất cả chúng sanh thấy lại diện mục xưa nay của bản thân mình, của đồng loại mình, để phá vỡ những trói buộc do nhận thức mê mờ, tình cảm mù quáng, do ý chí xung đột bủa vây mà vươn lên thành bậc Giác Ngộ.

Động cơ của sự ra đời để mở bày con đường giác ngộ ấy, chính là lòng từ bi vô hạn đối trước những nỗi khổ đau đang đè nặng lên thân phận kiếp người. Thật vậy,

dưới ánh sáng của Phật Pháp, chỉ khi nào tình thương của mọi người, của chính mình thương lấy mình và thương nhau, chỉ khi nào phả vỡ được những trói buộc đã nói trên, con người mới thực sự sống hòa bình, an lạc. Cư xử với nhau trong tình huynh đệ tương thân, bình đẳng là mỗi từng bước một tiến lên địa vị giác ngộ của Phật Đà.

Chúng ta càng vững tin hơn, vì 2526 năm lịch sử trôi qua, đã kéo theo biết bao sự nghiệp vĩ đại, kiêu hùng của các nền văn minh, văn hóa của loài người chìm sâu trong bóng tối, nhưng với đạo Phật thì vẫn mãi mãi còn đó. Vẫn Sống và vẫn Sáng. Sự hiện diện của đạo Phật trong cuộc sống con người là nhằm mục đích thực hiện chân hóa, thiện hóa, mỹ hóa cuộc đời mỗi ngày một tốt đẹp hơn. Do những nhân duyên ấy, nên đạo Phật truyền bá tới đâu cũng được con người hân hoan đón nhận, coi như sự phát triển của chính mình.

Khi đạo Phật truyền vào nước ta, đã được ông cha ta niềm nở đón nhận, phát huy thành một lối sống, đặt nền móng cho sự hình thành một truyền thống dân tộc lành mạnh, biến con người Việt Nam bình dị thành những anh hùng, kiên trì, rộng lượng của những thời đại Lý, Trần.

Cụ thể hóa trong thực tế, đạo Phật đã là chất liệu xây dựng những nếp sống văn minh, tương thân, tương trợ, xuyên qua đời sống Lục Hòa của Tăng Già. Sống Lục Hòa tức là sống hòa hợp một cách chân thành, tha thiết đến sự nghiệp chung, nhưng không bỏ qua những yêu cầu chính đáng của từng cá thể con người.

Ôn lại lịch sử đạo Phật tại Việt Nam, chúng ta sẽ rút được những kinh nghiệm quý báu của sự hòa hợp. Có sống hòa hợp như thế mới mong làm tròn nhiệm vụ của Phật Tử đối với đại sự mở bày tri kiến Phật của Đức Từ Phụ, mới mong làm nên những sự nghiệp ích nước, lợi dân. Điều này có nghĩa, sống hòa hợp là điều kiện cần yếu cho sự tiến tu và sự tiến tu chỉ có thể thực hiện được nếu có sống hòa hợp. Chính vì tinh thần hòa hợp và nhu cầu tiến tu đó mà Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất đã ra đời và đã từng làm rạng rỡ thêm những trang sử vàng son của Dân Tộc và Đạo Pháp. Cho nên để thiết thực đón mừng Khánh Lễ Phật Đản năm nay, tôi mong mỏi chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni các cấp Giáo Hội, cùng toàn thể Phật Giáo đồ trong và ngoài nước, hãy hòa hợp và tiến tu và dũng mãnh tiến tu để cùng nhau hòa hợp.

Giờ đây hoa Uu Đàm đã nở, tôi mong cho hoa nở mãi và hương thơm của hoa tỏa khắp nơi, hâu đem lại một cảnh sắc tươi vui cho con người và cuộc đời.  
Cầu xin Đức Phật soi sáng cho chúng ta.

*Viện Tăng Thống ngày 4 tháng 4 năm 1982*  
*Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống*  
**Hòa Thượng Thích Đôn Hậu**  
(ấn ký)

Hòa thượng khuyên mọi người sống hòa hợp, đừng phân cách. Và Hòa Thượng cầu xin Phật hộ trì cho tất cả người con Phật sống hòa hợp bằng câu kết của Thông Địệp: “*Cầu xin đức Phật soi sáng cho chúng ta*”.

### **Các nhà lãnh đạo Phật Giáo trong vòng lao lý và sự rạn nứt của Phật Giáo.**

Ngày 2-5-1982 Thượng Tọa Huyền Quang và Thượng Tọa Quảng Độ bị Nhà Nước bắt đưa về quê quán. Thượng Tọa Huyền Quang bị giải về Bình Định, rồi chuyển ra Quảng Ngãi còn Thượng Tọa Quảng Độ bị giải cùng mẹ về tỉnh Thái Bình.

Sau khi hai Thượng Tọa Huyền Quang và Quảng Độ bị giải về nguyên quán, Hòa Thượng từ chùa Vạn Phước đến chùa Ấn Quang, với sự trợ tá của Thượng Tọa Nhật Liên, tổ chức phiên họp Giáo Hội PGVNTN. Chương trình nghị sự gồm những điểm chính như sau:

- Cầu an cho hai vị TT Huyền Quang và Quảng Độ.
- Những vị tham gia Ban Vận Động do Nhà Nước thành lập có còn là thành viên của Hội Đồng Viện Hóa Đạo Giáo Hội PGVNTN?
- Công tác Phật sự sắp tới.

Buổi họp khá sôi nổi. Sự nứt rạn đã xuất hiện, điều mà Hòa Thượng rất lo ngại.

Ngày 7-7-1982 Ban Trị Sự Thành Hội của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam vừa mới được thành lập đến chiếm đoạt Trụ Sở Trung Ương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất số 243 Đường Sư Vạn Hạnh, Quận 10, TP Hồ Chí Minh. Hòa Thượng viết văn thư cho Hòa Thượng Thích Trí Thủ nói việc làm trên trái luật pháp, sai giới luật.

\* \* \*

**VĂN THƯ GỬI HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THỦ  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Viện Tăng Thống**

Số 2/82/VTT

Phật lịch 2526, ngày 14-7-1982

Kính gửi: Hòa Thượng Thích Trí Thủ

Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*

*Thưa Hòa Thượng:*

*Như Hòa Thượng đã biết, vào ngày 7-7-1982 Ban Trị Sự Thành Hội, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh đã tự tiện đến công bố đoạt thủ Trụ Sở Trung Ương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, số 243 Đường Số Vạn Hạnh, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh mà không cần có sự thỏa thuận của chúng tôi!*

*Thay mặt chư tôn giáo phẩm Hội Đồng Lưỡng Viện và toàn thể Tăng Ni Phật Tử thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, chúng tôi rất lấy làm ngạc nhiên và hoàn toàn không đồng ý về việc làm ấy của Ban Trị Sự Thành Hội.*

*Nhân dịp này chúng tôi xin nhắc lại với Hòa Thượng rằng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là một tổ chức không những có nhiều công lao xây dựng Đạo Pháp mà còn có sự đóng góp lớn đối với sự nghiệp xây dựng đất nước. Ngay cả những vị lãnh đạo Phật Giáo hữu danh trên đất nước này, trong đó có Hòa Thượng, đều đã xuất thân từ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Do đó dù bất cứ ai có sự xúc phạm đến sự tồn vong của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, thiết tưởng Hòa Thượng cũng phải trực tiếp chịu phần trách nhiệm đối với lịch sử Dân Tộc và Đạo Pháp, huống nữa là trước hành động phi pháp và hoàn toàn trái ngược với giới luật Phật chế của Ban Trị Sự Thành Hội, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, thành phố Hồ Chí*

*Minh đã nói trên, cũng như đối với tất cả các cơ sở của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở khắp các Tỉnh, Thị từ Quảng Trị đến Cà Mau, nếu có xảy ra những trường hợp tương tự thì trách nhiệm của Hòa Thượng lại càng lớn lao hơn nữa!*

*Chúng tôi hy vọng Hòa Thượng sẽ bày tỏ thái độ của mình trước những việc làm đó và sẽ có biện pháp giải quyết tốt đẹp.*

*Kính chúc Hòa Thượng phước trí nghiêm, Bồ Đề quả mãn.*

*Nay kính,*

*TM. Hội Đồng Lưỡng Viện GHPGVNTN  
Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống*

**Hòa Thượng Thích Đôn Hậu**

*(Ấn ký)*

*Phó bản kính gửi:*

*- Ban Chỉ Đạo VHD.GHPGVNTN “để tri tường”.*

Sau khi Hòa Thượng Thích Trí Thủ sang làm việc cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Thượng Tọa Huyền Quang và Quảng Độ bị bắt, đưa đi an trú tại quê nhà, Hòa Thượng Đôn Hậu phải lo toan mọi công việc Phật sự của Giáo Hội. Hòa Thượng phải triệu tập các phiên họp của Viện Hóa Đạo, phải viết thư cho Thượng Tọa Pháp Tri, Đại Đức Minh Kiến v.v... để giải quyết vấn đề.

\* \* \*

## **VĂN THƯ GỬI THUỢNG TỌA THÍCH PHÁP TRI**

*Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*

*Viện Tăng Thống*

*Số 3-82/VTT/VP*

*Phật lịch 2526, ngày 20 tháng 12 năm 1982*

*Kính gửi: Thượng Tọa Thích Pháp Tri*

*Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo*

*Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*

Trích yếu: v/v Phúc đáp văn thư xin từ chức  
Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo

Thưa Thượng Tọa:

Tham chiếu văn thư ngày 27-5-1982 của Thượng Tọa, thay mặt Hội Đồng Viện Tăng Thống, chúng tôi phúc đáp Thượng Tọa được rõ:

- Về việc tu học, chúng tôi vô cùng tán dương tâm nguyện tích cực tiến tu của Thượng Tọa đã và đang thực hiện kể từ hơn 8 tháng qua.
- Về việc Thượng Tọa xin từ chức Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, chúng tôi không thể giải quyết trong lúc này. Vì, như Thượng Tọa đã biết: Một là cho đến nay Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đang gặp nhiều khó khăn rất cần sự góp công, góp sức của Thượng Tọa và quý vị trong Hội Đồng Lưỡng Viện. Hai là chỉ có phiên họp của Hội Đồng Lưỡng Viện và Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo mới giải quyết được sự từ chức này.

Do vậy, chúng tôi yêu cầu Thượng Tọa cố gắng tiếp tục đảm nhiệm chức vụ của mình để cùng với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc trong khi chờ đợi một phiên họp của Hội Đồng Lưỡng Viện và Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo.

Kính chúc Thượng Tọa phước trí trang nghiêm.

Nay thư,  
TM. Hội Đồng Viện Tăng Thống  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống  
**Hòa Thượng Thích Đôn Hậu**  
(Ấn ký)

Bản sao kính gởi:

- Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo
- Ban Chưởng Quản GHPGVNTN “để kính tường”
- Lưu hồ sơ

## VĂN THƯ GỬI ĐẠI ĐỨC THÍCH MINH KIẾN

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Viện Tăng Thống

Số 4/VTT/VP

Phật lịch 2526, ngày 20 tháng 12 năm 1982

Kính gửi: Đại Đức Thích Minh Kiến

Phó Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Trích yếu: v/v Phúc đáp văn thư xin từ chức Phó Tổng Thư Ký

Viện Hóa Đạo

Thưa Đại Đức:

Tham chiếu văn thư ngày 8-5-1982 của Đại Đức, thay mặt Hội Đồng Viện Tăng Thống, chúng tôi phúc đáp Đại Đức được rõ:

Chúng tôi không thể giải quyết việc xin từ chức Phó Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của Đại Đức, vì như Đại Đức đã biết Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hiện nay đang cần sự góp công, góp sức của Đại Đức cũng như quý vị trong Hội Đồng Lưỡng Viện. Ngoài ra chỉ có phiên họp của Hội Đồng Lưỡng Viện và Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo mới giải quyết được sự từ chức Phó Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo hiện nay.

Do đó, chúng tôi yêu cầu Đại Đức cố gắng tiếp tục đảm nhận chức vụ của mình để cùng với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc, trong khi chờ đợi một phiên họp của Hội Đồng Lưỡng Viện và Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo. Chúng tôi rất tán dương tinh thần tích cực tu học của Đại Đức dành cho mai hậu, cũng như tinh thần phục vụ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của Đại Đức bấy lâu.

Chúc Đại Đức thân tâm thường an lạc.

Nay thư,  
TM. Hội Đồng Tăng Thống  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất  
Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống  
**Hòa Thượng Thích Đôn Hậu**  
(ấn ký)

Bản sao kính gửi:

– Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo  
GHPGVNTN “để kính tường.”

Về cố đô Huế Hòa Thượng dành thi giờ giảng dạy tại các Phật Học Viện, tại các chùa cho Tăng, Ni, Phật Tử. Ngoài ra Hòa Thượng còn biên soạn bộ *Khóa Nghi Diễn Giảng Đàm Bạt Độ Giải Oan* và tập *Ý Nghĩa Niệm Phật*. Hòa Thượng lo việc truyền thừa giới luật không những cho hàng Tăng Giới mà cả Ni Giới. Hòa Thượng làm Đàm đầu Hòa Thượng tại Đại Giới Đàm Ni, được tổ chức tại chùa Trúc Lâm, Thừa Thiên năm 1983.

Sáng sớm ngày 25-3-1984 công an thành phố Hồ Chí Minh cho mời Hòa Thượng Thích Trí Thủ đến trụ sở công an thành phố có việc gấp. Hòa Thượng vừa ra khỏi chùa Già Lam thì một lực lượng công an hùng hậu bao vây chùa, bắt các Đại Đức Tuệ Sỹ, Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Nguyên Giác. Một toán công an khác đến trường Cao Đẳng Phật Học Vạn Hạnh bắt Đại Đức Như Minh, Sư Cô Huệ Khuông, một toán công an khác bắt Sư Cô Trí Hải đang hướng dẫn Phật Tử tu học tại chùa Diệu Pháp, Hố Nai, buộc tội những vị này hoạt động chống chính phủ qua Ủy Ban Bảo Vệ Phật Giáo và Cứu Nguy Dân Tộc.

Hòa Thượng Thích Trí Thủ khi đến trụ sở công an thành phố thì bị giữ lại, bị buộc tội đã lợi dụng chức vụ Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (Giáo Hội Nhà Nước vừa được thành lập) để che chở Đại Đức Tuệ Sỹ, Trí Siêu v.v... Hòa Thượng bị thẩm vấn, được vào Bệnh

Viện Thống Nhất tịnh dưỡng và qua đời trong bệnh viện vì “bị đứt mạch máu não” ngày 1-4-1984.

Thật là một mất mát lớn cho Phật Giáo Việt Nam. Môn đồ và Phật Tử sau nhiều năm mà vẫn còn truyền miệng lời thương, nỗi nhớ:

*“Cho dâu Thầy đã đi xa,  
Quê hương vẫn giữ bao la bóng Thầy”*

Hòa Thượng Thích Thanh Trí, Chánh Đại Diện Miền Vạn Hạnh, Giáo Hội PGVNTN, cánh tay mặt của Hòa Thượng Thích Trí Thủ cũng qua đời vì chứng bệnh tương tự một tháng sau tại bệnh viện Huế.

Đầu năm 1985 Hòa Thượng được tin Hòa Thượng Thích Phúc Hộ, Viện Chủ Chùa Bảo Tịnh, Tuy Hòa, thành viên Hội Đồng Trưởng Lão Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống Nhất viên tịch. Tháng 9 năm 1985 Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, nguyên Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, tác giả của nhiều tác phẩm Phật Học nổi tiếng, cư trú tại chùa Giác Minh, thành phố Hồ Chí Minh cũng bị công an bắt, bị buộc tội làm cố vấn cho Ủy Ban Bảo Vệ Phật Giáo và Cứu Nguy Dân Tộc do Đại Đức Tuệ Sĩ và Trí Siêu lãnh đạo.

Bao nhiêu biến chuyển đau thương dồn dập đến Hòa Thượng. Lòng thương tiếc vô vàn đối với Hòa Thượng Trí Thủ, hòa Thượng Thanh Trí, cảm tình sâu đậm đối với Đại Đức Tuệ Sĩ, lòng thương yêu với người đệ tử Trí Siêu Lê Mạnh Thác, lòng mến mộ kính trọng đối với Hòa Thượng Thích Phúc Hộ, Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, làm Hòa Thượng lâm bệnh. Mặc dầu vậy, Hòa Thượng vẫn viết thư phân ưu với môn đồ, thất chung đệ tử của Hòa Thượng Phúc Hộ, viết đơn gửi ông Bộ trưởng Bộ Nội Vụ xin bảo lãnh các Đại Đức Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Nguyên Giác nhưng không được Bộ Nội Vụ trả lời.

## THƯ PHÂN ỦU

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Số 1-85/VTT

Phật lịch 2528 Huế ngày 3 tháng 2 năm 1985

Kính gửi: Thượng Tọa Thích Trí Thành

Chùa Bảo Tịnh, Tuy Hòa, tỉnh Phú Khánh

Thưa Thượng Tọa:

Chúng tôi vô cùng xúc động khi được tin Hòa Thượng Thích Phúc Hộ, thành viên Hội Đồng Trưởng Lão Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vừa viên tịch. Sự vĩnh viễn ra đi của Hòa Thượng đã làm cho Giáo Hội mất đi một vị Giáo Phẩm gương mẫu, trọn đời hy sinh cho Dân Tộc và Đạo Pháp, thắt chúng mất đi một bậc Thầy mô phạm chí kính!

Trước sự mất mát lớn lao này, thay mặt chư tôn Giáo Phẩm Hội Đồng Lưỡng Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, chúng tôi xin bày tỏ niềm thương tiếc, thành kính truy niệm công đức và cầu nguyện Giác Linh Hòa thượng cao đăng Phật Quốc, đồng thời chia sẻ nỗi đau xót này cùng môn đồ và thắt chúng tại bồn xứ.

TM. Hội Đồng Lưỡng Viện GHPGVNTN

Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống

**Hòa Thượng Thích Đôn Hậu**

(Ấn ký)

\* \* \*

## ĐƠN XIN BẢO LÃNH

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Kính gửi: Ông Mai Chí Thọ, Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ

Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Đồng kính gửi: Ban Tôn Giáo Chính Phủ

Tôi là Thích Đôn Hậu, hiện ở chùa Linh Mụ, thành phố Huế, gửi đơn này đến quý vị yêu cầu việc như sau: Vào ngày 22 tháng 3 năm 1984, Lê Mạnh Thát tức Thích Trí Siêu là đệ tử của tôi, Phạm Văn Thương tức Thích Tuệ Sỹ, Hồ Khắc Dũng tức Thích Nguyên Giác là đệ tử của cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ, những vị này có tinh thần dân tộc và đạo Phật Việt Nam, nên đã bị Nhà Nước nghi ngờ khác chính kiến, do đó đã bị bắt giam đến nay chưa được trả tự do. Để thể hiện tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng của Nhà Nước, nên tôi xin bảo lãnh quý vị ấy ra khỏi lao xá.

Rất mong quý vị quan tâm

Linh Mụ ngày 10 tháng 12 năm 1985.  
**Thích Đôn Hậu**

Bộ Nội Vụ và Ban Tôn Giáo đều không trả lời thư của Hòa Thượng xin bảo lãnh.

Thầy Hải Tang nói năm 1986 bệnh tình của Ông trở nên trầm trọng. Ông nói khó khăn, đi đứng không được phải ngồi xe lăn. Hàng môn đồ tưởng Ông không qua khỏi, may nhờ sự săn sóc tận tình của các bác sĩ, nhất là bác sĩ Lê Văn Bách, bác sĩ nhà sư Hải Án, của các y tá, của quý thầy, quý cô, của hàng thị giả ngày đêm túc trực nên sau ba tháng, cơn bệnh của Ông được thuyên giảm, nhưng thể trạng không được như trước.

Năm 1988 sau căn bệnh hiểm nghèo, thập tử nhất sinh năm 1986, vào ngày mồng ba tháng Giêng tức là ngày 19-2-1988, Hòa Thượng cho họp đệ tử, ban lời di huấn cho hàng thất chúng vì biết ngày rời bỏ trần thế không còn bao lâu. Hòa Thượng dặn chư Tăng Ni ghi lời dạy của Hòa Thượng thành văn gọi là *Lời Di Huấn* để lại cho hàng thất chúng đệ tử.

## LỜI DI HUẤN

### CÙNG TẤT CẢ THẤT CHÚNG ĐỆ TỬ:

Lời Kinh dạy: “*Mạng người vô thường, ngắn ngủi trong hơi thở*”.

Thầy nay tuổi ngoài bát tuần, lại thêm trọng bệnh, sức khỏe yếu dần, giờ phút giãn biệt các con không còn bao lâu nữa. Vậy Thầy có vài lời tâm huyết căn dặn lại, trước khi Thầy trút hơi thở cuối cùng:

1. Khi Thầy không còn nữa, anh em các con hãy biết thương yêu nhau trong tinh thần hòa hợp. Người đi trước phải có trách nhiệm giúp đỡ, dù dắt kẻ đi sau, nhất là đối với việc duy trì tịnh giới, tinh tấn tu hành để khỏi luồng uổng chí nguyễn của người xuất gia.
2. Tang lễ của Thầy nên tổ chức một cách đơn giản, trang nghiêm và không kém phần đạo vị. Nên miễn giảm các nghi thức rườm rà, chịu ảnh hưởng các đạo giáo của thế gian, mà không thể hiện được tinh thần thuần túy của Phật Giáo.
3. Chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni có lòng đến dự tang lễ, phải thừa sự cúng dường chu đáo, xếp đặt chỗ ngồi trang nghiêm, thỉnh mời các ngài đứng ngồi theo ngôi thứ, bao quanh linh cữu, tụng kinh và niệm Phật theo chánh pháp.

4. Các cơ quan, đoàn thể công tư có lòng đến thăm viếng, phúng điếu, xin mời giữ yên lặng tưởng niệm là đủ. Miễn tất cả sờ ai, tiểu sử hoặc tuyên dương công đức... trái với tinh thần vô ngã, vô tướng của Phật Pháp. Hãy nhường những việc làm ấy cho lịch sử mai hậu.
5. Ngoài sự tụng kinh, niệm Phật, xin giữ thanh tịnh, không nên có tiếng kêu khóc, nhất là về phía Phật Tử thiện tín.
6. Ban Tang Lễ nên cử bộ phận phát ngôn thay đổi làm việc. Ngoài bộ phận này, không ai được tự tiện phát biểu hay tuyên bố lời gì, nếu không có sự chấp thuận của Ban Tang Lễ.

Suốt cuộc đời của Thầy hơn tám mươi năm, sống tận tụy bên đồ chúng, không phải giờ ra đi chỉ để lại có bấy nhiêu lời. Nhưng vì đó là những điều cần yếu khi lâm sự, nên phải dặn dò, còn những ưu tư trong bản nguyện của Thầy đối với Đạo Pháp, Dân Tộc và Đồ Chúng thì không sao nói hết được. Là những người thường sống bên cạnh Thầy, các con phải tế nhị mà tự cảm nhận lấy. Còn như chỗ thâm yếu của giáo lý Phật Đà, thì các con phải dụng công tu tập mới có thể giác ngộ, chứ không thể dùng lời dặn dò mà thấu hiểu được.

Các con hãy luôn luôn thức tỉnh, nhớ nghĩ đến cuộc đời vô thường mà tinh tấn nhiều hơn! Hãy ghi nhớ kỹ!

*Linh Mụ ngày 19 tháng 2 năm 1988  
Lão bệnh Tỳ Kheo **Đôn Hậu***

Sáu tháng sau vào ngày 28 đến ngày 30 tháng 9 năm 1988, Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh xử 21 Tăng Ni, Phật Tử buộc tội đã tham gia Ủy Ban Bảo Vệ Phật Giáo và Cứu Nguy Dân Tộc bị tù từ 4 năm đến tử hình.

### **Tâm Thư gửi chư Tăng Ni Phật Tử hải ngoại phát huy bản thể Tăng Già.**

Vừa được lành bệnh, Hòa Thượng lại tiếp tục công việc của Chánh Thư Ký Xử lý Viện Tăng Thống. Năm 1991, Hòa Thượng gửi Tâm Thư cho chư Hòa Thượng, Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni đang tu đạo và hành đạo tại hải ngoại, khuyên nỗ lực kế thừa sự nghiệp cao cả của Phật và chư Tổ.



Quí Hòa Thượng đến vấn an nhân dịp Tết Tân Mùi, 1991  
Từ trái sang phải: Hòa Thượng Thiện Siêu, Hòa Thượng Hưng Dung,  
Hòa Thượng Mật Hiển.

Phía sau: Đại Đức Trí Tựu, thị giả của Ôn.  
(Tiểu Sử, tr. 71)

## TÂM THƯ

**Gửi chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng  
Ni Việt Nam  
đang hành đạo và tu học ở hải ngoại.**

Phật lịch 2535  
Huế ngày 10 tháng 9 năm 1991

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thưa quý vị:

Đức Thế Tôn ra đời, chuyển vận bánh xe Chánh Pháp, đem lại trí tuệ, tinh thương hạnh phúc và an lạc cho chư thiên và loài người. Hàng chúng tăng đệ tử của Ngài từ thế hệ này qua thế hệ khác, tâm trong tâm, nguyện cùng nguyện, đã từng hòa hợp với nhau để kế tục sự nghiệp cao cả ấy. Tuy nhiên việc kế tục không đơn giản, vì có khi hàng đệ tử Phật đã hy sinh tính mạng của mình cho chánh pháp được hoằng dương.

Trong lịch sử truyền bá Phật Giáo Việt Nam cũng như thế, có lúc rất bi thảm đầy tủi nhục, nhưng cũng có lúc vang dội tự hào. Lúc bi thảm là lúc bản thể của Tăng bị lu mờ, nội bộ của Tăng bị phân hóa và thành phần của Tăng có nhiều quan điểm dị biệt, giới hạnh suy kém và hiểu biết đạo lý một cách cục bộ, phiến diện. Trái lại, lúc vang là lúc nội bộ chúng Tăng hòa hiệp, biết gạt bỏ những quyền lợi riêng tư, những ngã chấp tầm thường, để tiến xa trên con đường tịnh hạnh, lấy giác ngộ, giải thoát làm cứu cánh, lấy bản nguyên độ sanh làm sự nghiệp.

Bài học lịch sử này, Tăng Ni Việt Nam đã và đang rút ra từ kinh nghiệm đầy quý báu trong cuộc sống hiện tại.

Bởi vậy từ quê hương và cõng chính từ kinh nghiệm bản thân, tôi hằng nghĩ đến, nếu không muốn nói là luôn luôn lo âu và theo dõi những sinh hoạt của Tăng Ni Việt Nam đang tu học và hành đạo ở hải ngoại, những người con của Giáo Hội đang đem chuông đánh ở xứ người, một việc làm cao quý nhưng cũng đầy phức tạp. Với niềm thao thức đó nay tôi có mấy lời tâm huyết gửi đến quý vị: Vì rằng năm nay tôi đã xấp xỉ cửu tuần, sự sống có thể ngưng lại lúc nào và sự từ giã anh em trong trọng trách của mình cũng chưa kỳ hẹn được, nên tôi tha thiết kêu gọi quý vị hãy phát huy hơn nữa bản thể của Tăng già mà đoàn kết hòa hiệp.

Hãy cùng nhau thể hiện tinh thần tương kính, tương thuận, tương giáo, tương sám như luật dạy.

Hãy vì sự tồn tại của Giáo Hội, vì sự quang vinh của Đạo Pháp và Dân Tộc mà gạt bỏ những quan điểm dị biệt để cùng nhau hoằng dương chánh pháp, làm được nhiều Phật sự cụ thể, hữu ích và lớn lao hơn nữa như có nhiều vị đã thực hiện.

Tăng Ni Phật Tử tại quê nhà đang gửi gắm nhiều niềm tin tưởng và đạo tình cao quý ở quý vị. Tôi thành tâm cầu nguyện Tam Bảo già hộ cho tất cả anh em thân tâm an lạc, phước trí trang nghiêm để hoàn thành sứ mạng của bậc Chứng Trung Tôn mà Phật Pháp và lịch sử Phật Giáo Việt Nam giao phó!

*Nay kính  
Tỳ Kheo Thích Đôn Hậu*

## **Về nguyên tắc thành lập và điều hành Giáo Hội PGVNTN tại hải ngoại.**

Sau khi gửi bức Tâm Thư đến chư tôn đức ở hải ngoại, Hòa Thượng nhận thấy cần chỉnh đốn nội bộ Phật Giáo, cần phá vỡ thành kiến chấp trước, cần bao dung, hòa hợp, cùng nhau chung lo Phật sự, Hòa Thượng ra Thông Điệp, đưa ra những phương thức hoằng đạo căn bản.

### **THÔNG ĐIỆP**

#### **Của Đại Lão Hòa Thượng Chánh Thư Ký Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống**

Phật lịch 2535

Huế ngày 31 tháng 10 năm 1991

Thân gửi: Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức  
Tăng Ni

Và đồng bào Phật Tử ở hải ngoại

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý liệt vị:

Trước hết, thay lời chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và đồng bào Phật Tử trong nước, tôi trân trọng gửi đến chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và đồng bào Phật Tử Việt Nam ở hải ngoại lời thăm hỏi ân cần trong đạo tình nồng nhiệt nhất.

Riêng tại quê nhà, mặc dầu trải qua bao nhiêu biến cố dồn dập của đất nước trong những năm tháng đã qua, nhưng tôi và quý vị trong Hội Đồng Lưỡng Viện

của Giáo Hội vẫn giữ đúng truyền thống của Phật Giáo Việt Nam, trước sau như một. Sự chịu đựng kiên trì ấy, phải chăng đã làm sáng tỏ thêm đặc tính nổi bật của Phật Giáo Việt Nam là luôn luôn gắn liền với vận mệnh Dân Tộc.

Yếu tố căn bản để có thể chịu đựng kiên trì như vậy, trước hết, chính là tinh thần thống nhất, đoàn kết và hòa hiệp của Tăng Già.

Từ đó tôi tin tưởng rằng, dù có ra đi hành đạo ở bất cứ nơi đâu, quý liệt vị cũng sẽ cùng chung với chúng tôi một quan điểm ấy.

Do vậy, vừa qua với ý thức trách nhiệm và kinh nghiệm của một người đi trước, tôi đã mạnh dạn gửi một bức Tâm Thư đến quý liệt vị. May mắn thay những lời thống thiết của tôi đã được đồng đảo chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni ở trong nước và hải ngoại đồng tình. Từ đó đến nay đã có rất nhiều văn kiện, điện tín, thư từ... gửi về tỏ bày đáp ứng.

Sau khi đã nghiên cứu các văn bản và hiệp ý cùng chư vị Hòa Thượng trong Hội Đồng Lưỡng Viện, nay nhân danh Viện Tăng Thống, tôi xin chân thành khuyến thỉnh quý liệt vị lưu ý thực hiện mấy điểm sau đây:

Tất cả chư Tăng nguyên trước đây đã từng là Giáo Phẩm, nhân sự, Tăng sĩ thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, nay đang hành đạo và tu học tại nhiều quốc gia trên thế giới, nên có kế hoạch thành lập một Giáo Hội hợp nhất, lấy tên là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Tại Hải Ngoại.

1. Nguyên tắc tổ chức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại hải ngoại căn bản dựa theo Hiến Chương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đã ban hành năm 1964, do một Ban Đại Diện (hoặc có thể là Ban Điều Hành v.v...) trực tiếp lãnh đạo và chịu trách nhiệm với Hội Đồng Lưỡng Viện tại quê nhà. Tuy nhiên cũng có thể tùy theo điều kiện và bối cảnh cụ thể ở hải ngoại mà nghiên cứu phối hợp tổ chức cho hợp lý, hữu hiệu, nhằm thể hiện tinh thần hòa hiệp cao độ, tạo cho lịch sử truyền giáo của Giáo Hội Hải Ngoại có hệ thống chặt chẽ và quy mô hơn.
2. Để thực hiện được hai điều trên, yêu cầu cấp thiết và trước hết là phải thành lập xong các Giáo Hội thực sự thống nhất tại mỗi quốc gia hiện có Tăng tín đồ Phật Giáo Việt Nam đang sinh hoạt. Đặc biệt tại Hoa Kỳ hiện có 6 đến 7 tổ chức Phật Giáo Việt Nam, yêu cầu khẩn cấp vận động, điều hợp thành một Giáo Hội duy nhất và đề nghị nên hoan hỷ tự ý ngừng sinh hoạt các tổ chức riêng lẻ hiện có.
3. Giáo Hội tại quê nhà cũng như cá nhân tôi và quý vị trong Hội Đồng Lưỡng Viện sẽ không liên hệ mọi Phật sự với bất cứ một tổ chức Phật Giáo Việt Nam nào ở hải ngoại, nếu ở đó chưa có một Giáo Hội thật sự thống nhất và sẽ không yên tâm nếu như những điều khuyến thỉnh này chưa đạt được kết quả mong muốn.

Thưa quý liệt vị:

Trên đây là tất cả niềm tin của chúng tôi, những người đã và đang gắn chặt đời mình với sự thịnh suy của Đạo Pháp, trong một hoàn cảnh hết sức phức

tập và khó khăn như hiện tại. Vì danh dự của Giáo Hội, vì tiền đồ của Phật Giáo Việt Nam và sự quang vinh của Dân Tộc, kính mong quý vị đặc biệt lưu tâm.

Cầu nguyện hồng ân chư Phật gia hộ cho tất cả chúng ta.

*TM. Hội Đồng Lưỡng Viện GHPGVNTN  
Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống  
Đại lão Hòa Thượng **Thích Đôn Hậu**  
(ấn ký)*

Qua Bức *Tâm Thư* và *Thông Diệp*, Hòa Thượng khẩn thiết kêu gọi chư Tôn Túc gạt bỏ những quan điểm dị biệt, sống hòa hợp xem đó là điều kiện thiết yếu cho sự tiến tu, là nền tảng của những trang sử vẻ vang của Phật Giáo trong quá khứ, nêu lên sự thao thức của Hòa Thượng đối với hiện tình và tương lai Phật Giáo. Hòa Thượng Huyền Quang trong *Tiểu Sử* (trang 22) xem Bức *Tâm Thư* và *Thông Diệp* không chỉ là hai văn kiện lịch sử, có tính cách quyết định đứng đắn đường hướng duy trì và phát triển Giáo Hội mà còn là nhịp cầu nối liền sự đoàn kết, hòa hiệp giữa chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và Phật Tử Việt Nam ở hải ngoại và trong nước. Qua hai văn kiện này, theo Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng (Đôn Hậu) đã phá được vòng vây hiềm nghèo cho Giáo Hội, đã liên kết Tăng Ni, Phật Tử hải ngoại với Tăng Ni Phật Tử trong nước, đánh thức và khơi dậy niềm tin mãnh liệt của chư Tăng Ni Phật Tử vào tiền đồ vẻ vang của dân tộc và Giáo Hội. Dù khó khăn chưa hết nhưng con đường sống đầy gian nguy hiểm trở trước mặt đã được Hòa Thượng khai thông: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vẫn tồn tại. Tương lai của đạo pháp chắc chắn sẽ sáng ngời

miên viễn giữa lòng Dân Tộc và Đất Nước Việt Nam như hoài bão sâu xa mà Hòa Thượng đã hằng ấp ủ từ bao nhiêu năm.

Trước khi từ giã cuộc đời trần thế, Hòa Thượng còn có một việc quan trọng phải làm. Vì vậy vào ngày 15-11-1991 Hòa Thượng đã để lại Chúc Thư gửi Hội Đồng Lưỡng Viện, GHPGVNTN.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT  
VIỆN TĂNG THỐNG

**CHÚC THƯ**  
**của Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống**  
gởi Chư Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa  
trong Hội Đồng Lưỡng Viện  
GHPGVNTN

Phật lịch 2535 Huế ngày 15 tháng 11 năm 1991  
Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa:

Như quý vị đã biết, tôi mang trọng bệnh từ nhiều năm nay, sức khỏe ngày càng yếu dần. Tuy nhiên tôi vẫn thường giác tỉnh, sáng suốt và hằng quan tâm đến các Phật sự của Giáo Hội. Nay nhân danh Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống, tôi trân trọng gởi đến chư tôn Hòa thượng, chư Thượng Tọa lời vấn an chân thành và mong quý vị đặc biệt lưu tâm đến những vấn đề quan trọng của Giáo Hội như dưới đây, sau khi tôi xả báo thân này:

1. Hội Đồng Lưỡng Viện vẫn tiếp tục sứ mạng của mình: lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành các Phật sự của Giáo Hội trong mọi hoàn cảnh.

2. Tiếp tục thực thi đúng Hiến Chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (Bản Tu Chính ngày 12 tháng 2 năm 1973 bởi Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất kỳ V)
3. Hòa Thượng Thích Huyền Quang, quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Hòa Thượng Thích Pháp Tri, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo theo Quyết Nghị của Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất kỳ VII, có trách nhiệm cùng quý vị còn lại trong Hội Đồng Lưỡng Viện, tiếp tục điều hành các Phật sự của Giáo Hội cho đến khi tổ chức được Đại Hội kỳ VIII.
4. Khi hoàn cảnh thuận tiện, Hòa thượng Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo sẽ triệu tập Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất kỳ VIII.
5. Xin hãy đặc biệt lưu tâm một Phật sự mới nữa, là việc Giáo Hội Hải Ngoại đang tiến hành tổ chức thống nhất các Giáo Hội đơn phương và đang hướng về đặt dưới sự lãnh đạo của Giáo Hội nhà.

Nguyễn cầu Tam Bảo gia hộ cho toàn thể chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa trong Hội Đồng Lưỡng Viện, thanh tịnh, hòa hiệp, hoàn thành mọi Phật sự. Và qua quý vị, xin gởi lời nhắn nhủ, cầu chúc đến toàn thể chư Tăng, Ni, Phật Tử trong và ngoài nước Bồ Đề Tâm bất thối, đạo quả viên thành.

Tôi tuy xa cách quý vị và sẽ còn xa cách vô hạn định, nhưng chí nguyện của tôi vẫn luôn luôn gắn

bó cùng quý vị trên bước đường phục vụ Đạo Pháp,  
Dân Tộc, Nhân Loại và Chúng Sinh.

Nam Mô Thường Tịnh Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát.

*Trân trọng kính chào quý liệt vị  
Tỳ Kheo **Thích Đôn Hậu**  
(ấn ký)*

### NHIẾP HÓA ĐỒ CHÚNG.

Trong cuốn *Tiểu Sử Đức Đệ Tam Tăng Thống GHPGVNTN* trang 16 đại ý ghi:

*"Trong suốt thời gian trụ thế ngài luôn luôn chăm sóc nuôi dưỡng thế hệ kế thừa trau dồi giới hạnh cho Tăng Ni. Với cốt cách uy nghi, đạo phong trác tuyệt, giới hạnh tinh nghiêm, Hòa Thượng là hóa thân của một Bài Thuyết Pháp thù thắng, linh động, hùng vĩ; là Lời Huấn Dụ mẫu mực, trang nghiêm, tự tại cho hàng thất chúng đệ tử noi theo để tu tập hành trì.*

Vào năm Bính Dần, 1986 Hòa Thượng đã 81 tuổi và đang ở ngôi vị Chánh Thư Ký Xứ Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, thế nhưng Hòa Thượng vẫn dành thì giờ và hơi sức của tuổi già còn lại để chuyên tâm giảng dạy kinh luật cho Tăng Ni. Trong khi giảng dạy Hòa Thượng thường khuyến dụ Tăng Ni sinh với lời lẽ thật vô cùng cảm động, đầm ấm, sâu nặng tình nghĩa: Những lời nói này xuất phát từ một lão bệnh Tỳ Kheo, luôn luôn thao thức cho thế hệ tương lai mà đem sức tàn ra phục vụ. Mong quý vị thông cảm cho sự thao thức này mà cố gắng nghiên cứu và thực hành để giới phẩm được trang nghiêm, xứng đáng dự vào hàng Tăng Bảo.

*Đến mùa xuân năm Mậu Thìn vào ngày 19-2-1988 Hòa Thượng đã 83 tuổi. Tuổi già và di chứng của con bạo bệnh đã làm cho sức khỏe của Hòa Thượng có phần giảm sút. Hòa Thượng e rằng con vô thường sinh tử bất chợt xảy ra nên ngài cẩn dặn những người đệ tử của ngài bằng những lời lẽ thật vô cùng tha thiết:*

*"Khi Thầy không còn nữa anh em các con phải biết thương quý nhau trong tinh thần hòa hợp. Người đi trước phải có trách nhiệm giúp đỡ dùi dắt kẻ đi sau. Phải luôn luôn nghiêm trì tinh giới, tinh tấn tu hành để khỏi luống uổng chí nguyện của người xuất gia.*

*Những ưu tư của Thầy, những băn nguyệt của Thầy đối với đạo pháp, dân tộc và đồ chúng khó có thể nói hết. Các con thường sống bên Thầy phải tế nhị mà cảm nhận, còn chớ thâm yếu thì phải dụng công tu tập mới có thể giác ngộ chứ không thể dùng lời dặn dò mà đạt được. Các con phải luôn luôn tỉnh thức, nên biết cuộc đời là vô thường mà tinh tấn nhiều hơn nữa."*

*Trải qua 49 năm, từ năm 1943 đến năm 1992, Hòa Thượng đã để lại cho hậu thế một sự nghiệp Nghiệp Hóa Đồ Chúng vô cùng lớn lao: Gần 50 đệ tử xuất gia kể cả chư vị Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni. Hàng chục vạn đệ tử tại gia đủ mọi thành phần trong xã hội, từ thượng lưu trí thức đến hạ tầng nhân dân lao động.*

*Trong số xuất gia của Hòa Thượng có nhiều vị rất xuất sắc, có học vị học hàm cao, đã đóng góp nhiều công sức và trí tuệ cho dân tộc và đạo pháp như Thượng Tọa Tâm Đức Trí Không, Hòa Thượng Tâm Chánh Trí Chơn, Thượng Tọa Tâm Phật Trí Siêu và nhiều vị Tỳ Kheo tinh thông Kinh Luật Luận. Nhiều vị đã hy sinh thân mạng của mình để bảo tồn sinh mệnh của Giáo Hội. Nhiều vị đã vào tù ra khám nuôi dưỡng chí khí kiên cường, trung trinh, un đúc tinh thần vô úy để mong cầu Chánh Pháp hưng long.*

*Có thể nói ngày nay các hàng đệ tử của Hòa Thượng trong sự nghiệp học đạo và hành đạo, dù phải trải qua những cơn biến*

*động dai dẳng của lịch sử, những tai ương của các thế lực vô minh, nhưng phần đông vẫn thể hiện được lời dạy quý báu của Hòa Thượng và thực sự đã đền đáp được phần nào thâm ân của Hòa Thượng trong công nghiệp Nghiệp Hóa Đồ Chúng của ngài.*

### TRUYỀN ĐĂNG GIỚI LUẬT.

Tiểu Sử trang 19 ghi:

“Suốt trong thời gian gần 35 năm, từ năm 1949 đến năm 1983, chư tôn giáo phẩm Giáo Hội Tăng Già đã cung thỉnh Hòa Thượng đảm nhận nhiều trọng trách trong các Đại Giới Đàn:

- Năm 1949 làm Tuyên Luật Sư tại Đại Giới Đàn Hộ Quốc, chùa Báo Quốc, Huế.
- Năm 1950 làm Giáo Thọ Sư tại Đại Giới Đàn chùa Từ Hiếu, Huế.
- Làm Tuyên Luật Sư tại Đại Giới Đàn chùa Long Sơn, Nha Trang.
- Năm 1951 làm Yết Ma tại Đại Giới Đàn chùa Án Quang, Sài Gòn.
- Năm 1965 làm Yết Ma tại Đại Giới Đàn Vạn Hạnh chùa Từ Hiếu, Huế.
- Năm 1977 làm Đàn Đầu Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn chùa Báo Quốc, Huế.
- Năm 1981 làm Đàn Đầu Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn Báo Quốc, Huế (Kỳ I và Kỳ II).



Một số đệ tử của Hòa Thượng, trong đó có thầy Trí Tựu, trú trì chùa Linh Mụ (ngồi)





Một số đệ tử của Hòa Thượng tại chùa Linh Mụ, Huế



– Năm 1983 làm Đàn Đầu Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn Ni Giới tại chùa Trúc Lâm, Huế.

#### TRƯỚC TÁC, BIÊN SOẠN VÀ DỊCH THUẬT.

*Tiểu Sử* trang 20 đại ý ghi:

Trong sự nghiệp trước tác, biên soạn, dịch thuật Hòa Thượng không chỉ đơn thuần đưa ra những tác phẩm thuần túy dùng vào việc tu học của Tăng Ni mà cũng vì mục tiêu làm sáng tỏ truyền thống truyền thừa Phật Pháp của Giáo Hội.

Năm Tân Sửu, 1961 là thời kỳ Phật Giáo bị chế độ Ngô Đình Diệm đàn áp, khủng bố nặng nề nhất, nhưng trong bài giảng nhân đại lễ Phật Đản, Hòa Thượng viết: “Muốn Phật pháp trường tồn, muốn tích cực trong sự cứu khổ, phù nguy, chúng ta phải luôn luôn tâm niệm mình là Phật Tử, phải luôn luôn thực hành hạnh từ bi, bồ xả, nhẫn nhục, tinh tấn trong bối cảnh pháp nhược, ma cường, giữa lúc nền đạo đức dân tộc đang xuống dốc, giữa sự phát triển của dục vọng, tham tàn.”

Trải qua gần 20 năm sau Hòa Thượng không hề thay đổi văn phong, văn khí. Trong bài *Ý Nghĩa Chuẩn Tu Trong Đạo Phật* giảng cho



Hòa Thượng đang đọc sách

tại sao khi nói đến chữ cách mạng thì nhiệt liệt hoan nghênh còn nói đến chữ tu thì bị cực lực phản đối? Đã đồng nghĩa thì tại sao bảo tu là để dành cho những người chán đời, già nua, bệnh hoạn, mất sức lao động mà không nói cách mạng, cũng có nghĩa là tu, lại không dành cho những người đó?”

Cuối mùa Thu năm Tân Mùi, 1991, Hòa Thượng đã 86 tuổi. Tuy tuổi cao, con bệnh hoành hành, nhưng trí tuệ của Hòa Thượng vẫn còn minh mẫn, huệ nhẫn vẫn tinh tường, tầm nhìn vẫn xuyên suốt mọi vấn đề sinh tử của Giáo Hội. Hòa Thượng đã đưa ra một kế hoạch phục hoạt Giáo Hội khi ngài biên soạn bức *Tâm Thư* ngày 10-9-1991 và Bản *Thông Điệp* ngày 31-10-1991 kêu gọi Tăng Ni và chỉ đạo Phật sự một cách cụ thể.

Tăng Ni Phật Tử tại tổ đình Sắc Tứ Tịnh Quang, Quảng Trị vào năm Quý Mùi, 1979, Hòa Thượng đại ý viết: “Trong đạo Phật chữ tu có nghĩa là sửa đổi, hoán cải, huấn luyện, cải tạo. Với con người đầy nghiệp lực cần phải cải tạo tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi. Cải tạo yếu tố xấu thành tốt.

Khi cắt nghĩa chữ tu như vậy làm tôi liên tưởng đến danh từ cách mạng. Theo tôi hiểu cách mạng cũng có nghĩa là cải tạo. Cải tạo con người, cải tạo xã hội, cải tạo thiên nhiên. Cải tạo cái gì xấu thành tốt.

Như vậy thì ý nghĩa chữ cách mạng của Dân Chủ Nhân Dân đồng nghĩa với chữ tu trong đạo Phật. Mà đã đồng nghĩa

Trong khoảng thời gian 58 năm, từ năm 1933 đến năm 1991, Hòa Thượng đã trước tác, biên soạn và dịch thuật một số tác phẩm như sau:

<b>Tác phẩm</b>	<b>Biên soạn năm</b>
1. Giảng giải danh từ Phật	1933
2. Chánh tín và mê tín	1936
3. Chuyện nàng Liên Hoa	1936
4. Đâu là con đường hạnh phúc	1937
5. Nhiệm vụ cần thiết của người Phật Tử	1959
6. Tứ Nghiệp Pháp	1960
7. Nghi thức tụng giới của tại gia Bồ Tát <i>(Soạn chung với Hòa Thượng Thiện Siêu)</i>	1961
8. Cách thức sám hối các tội đã phạm	1962
9. Phương pháp tu Quán, niệm Phật	1962
10. Trên Nhũng Chặng Đường (Hồi Ký)	1976/1986
11. Đồng Mông Chỉ Quán	1977
12. Ý nghĩa chữ Tu trong đạo Phật	1979
13. Giải phảm tự kinh Bảo Đàm	1981
14. Khóa Nghi diễn giảng Đàm Bạt Độ Giải Oan	1984
15. Ý nghĩa niệm Phật	1984
16. Sinh mệnh vô tận hay thuyết luân hồi	1985
17. Luật Tứ Phân Tỳ Kheo Ni Sao	1941/1986
18. Lời Di Huấn	1988
19. Tâm Thư 10-9-1991	1991
20. Thông Điệp 31-10-1991	1991
21. Chúc Thư 15-11-1991	1991

Hòa Thượng tuy chỉ lưu lại cho hàng hậu bối một số lượng tác phẩm rất khiêm tốn, nhưng nội dung có tính cách bảo tồn sinh mệnh Giáo Hội thì rất thâm hậu.



## CHƯƠNG 16:

# NHƯ ÁNG MÂY BAY

**Ngày 27-3-1992:** Hòa Thượng Thích Quảng Độ trở về Sài Gòn.

**Ngày 23-4-1992:** Vào lúc 20 giờ Hòa Thượng Thích Đôn Hậu viên tịch, trụ thế 87 năm, 67 pháp lạp. Nghi lễ Nhập Tháp do Hòa Thượng Huyền Quang soạn, câu đối do Thượng Tọa Tuệ Sỹ sáng tác.

**Ngày 2-6-1992:** Chính phủ Võ văn Kiệt công bố đã đóng cửa tất cả các trại cải tạo trên toàn quốc.

\*  
\* \* \*

Vào đầu năm 1992 căn bệnh phổi đầy nước tái phát. Bệnh của Hòa Thượng ngày càng trầm trọng. Bác sĩ, y tá, Tăng Ni, Phật Tử ngày đêm săn sóc, nhưng bệnh tình của Hòa Thượng không thuyên giảm. Hòa Thượng viên tịch ngày 21 tháng 3 Âm Lịch.

*Tiểu Sử* trong trang 72 ghi: “Vào dịp Tết Nguyên Đán, Hòa Thượng vẫn khỏe khi ngồi tiếp chuyện với chư vị Hòa Thượng, Thượng Tọa trong Hội Đồng Lưỡng Viện đến vấn an và chúc thọ Ngài. Đến giữa tháng Ba, pháp thể Hòa Thượng khiêm an.

*Sau một tuần tĩnh dưỡng, đúng giữa giờ Thìn, ngày Thân, tháng Thìn, vào lúc 8 giờ tối ngày 21 tháng 3 Âm Lịch, tức ngày 23 tháng 4, 1992, Hòa Thượng xả bỏ báo thân, an nhiên thi tịch. Hòa Thượng trụ thế 87 năm và 67 Pháp Lạp”.*

Hòa Thượng đã trụ thế, tu đạo, hành đạo, ra đi *Nhu Áng Mây Bay*.

Cuộc đời của Hòa Thượng không khác ngọn gió bay qua khóm tre thân thuộc trong thôn xóm Việt Nam, mát mẻ mà không hệ lụy; không khác con chim nhạn bay qua hồ nước lạnh, không lưu lại bóng hình, thanh thoát không trụ trước, nhẹ nhàng *Nhu Áng Mây Bay*. Cuộc đời của Hòa Thượng có thể được diễn tả trong 4 câu thơ:

*Phong lai sơ trúc,  
Phong khứ nhi trúc bất lưu thanh.  
Nhạn quá bàn đàm,  
Nhạn khứ nhi đàm vô lưu ảnh.*

#### TANG LỄ.

Trước khi viên tịch, Hòa Thượng để lại **Lời Di Huấn** cho hàng thất chúng đệ tử và Chúc Thư cho thành viên Hội Đồng Lưỡng Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Trong **Lời Di Huấn**, Hòa Thượng lưu ý hàng đệ tử ba điều quan trọng đó là:

1. Sống hòa hợp.
2. Tang lễ tổ chức giản dị theo truyền thống.
3. Sắp xếp chỗ đứng chỗ ngồi của chư Tăng Ni, quan khách theo luật định.

Ba điều này thể hiện một cách cụ thể lối suy nghĩ và hành xử của một nhà tu, vì Hòa Thượng luôn luôn là một nhà tu dù ở hoàn cảnh nào, vị thế nào.

Trong **Chúc Thư**, Hòa Thượng cũng lưu ý đến ba điều quan trọng:

1. Tiếp tục công việc của Giáo Hội đúng theo Hiến Chương của GHPGVNTN.
2. Tổ chức Đại Hội VIII khi hoàn cảnh cho phép.
3. Quan tâm đến tổ chức Phật Giáo hải ngoại.

Hòa Thượng không quên đặt nặng trọng tâm nếp sống Phật Giáo là thanh tịnh và hòa hợp. Ba điều trong Chúc Thư cũng thể hiện rõ ràng lối suy nghĩ và hành xử của một nhà tu, có trọng trách đối với ngôi nhà Phật Giáo. Và trọng trách ấy cần được thực hiện đúng theo Hiến Chương, đúng theo luật Phật trong thanh tịnh và hòa hợp.

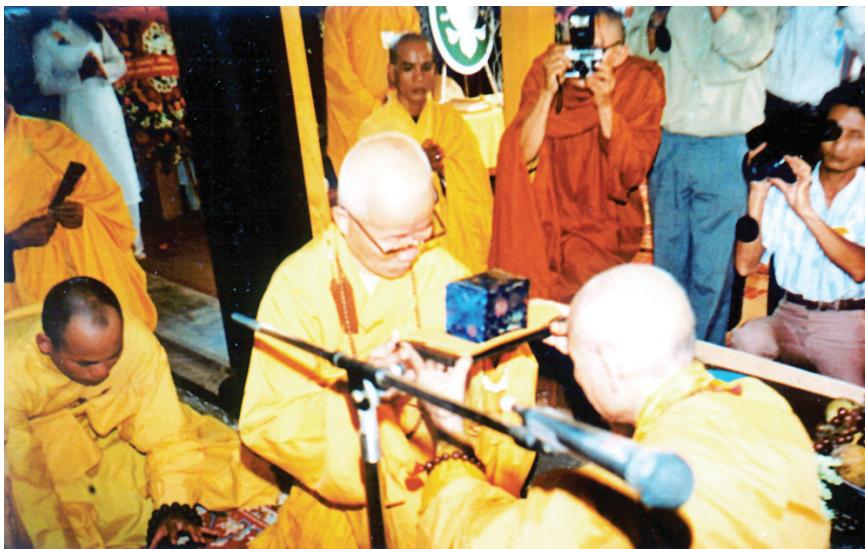
Sau khi Hòa Thượng viên tịch, Hội Đồng Lưỡng Viện và môn đồ đệ tử thành lập Ban Tang Lễ theo lời Di Huấn của Hòa Thượng. Giản dị mà trang nghiêm. Khiêm cung mà cẩn trọng. Hòa Thượng không muốn có những lời tán dương tràn thế, vì cuộc đời tu hành, hoằng đạo của Hòa Thượng chỉ hướng vào việc phụng sự Đạo Pháp, do đó Ban Tang Lễ tuy rất tri ân Đại Diện chính phủ muốn truy tặng huân chương cho Hòa Thượng nhưng không thể tiếp nhận được.

Vì Ban Tang Lễ không tiếp nhận huân chương do đại diện chính quyền truy tặng nên đã xảy ra sự hiểu lầm khiến cho chư Tăng Ni môn đồ đệ tử ngồi tuyệt thực trước kim quan Hòa Thượng.

Nhưng rồi mọi chuyện đều được dàn xếp thỏa đáng, Nghi Lễ Nhập Quan được tiến hành.

Kim Quan của Hòa Thượng được tôn trí trang nghiêm trong điện Địa Tạng cũ tại chùa Linh Mụ suốt 10 ngày. Trong thời gian này, chư Tăng Ni Phật Tử luân phiên tụng niệm.

Hòa Thượng Huyền Quang đã soạn *Nghi Dụ Tiển* để cúng dường, nói lên công hạnh của cố Hòa Thượng Thích Đôn Hậu.



Hòa Thượng Trí Án Nhật Liên trao Lời Di Huấn của Chánh Thư Ký Xử Lý Viện  
Tăng Thống cho Hòa Thượng Huyền Quang trước kim quan  
(Tiểu Sứ, tr. 35)



Hòa Thượng Huyền Quang, quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo  
danh lễ kim quan đức Đệ Tam Tăng Thống  
(Tiểu Sứ, tr. 73)



Tăng Ni môn đồ  
tuyệt thực trước kim quan  
(Tiểu Sử, tr. 35)



Chư Ni  
luân phiên  
tụng niệm  
(Tiểu sử, tr. 73)

## **NGHI DỰ TIẾN.**

Cao Tăng Trừng Nguyên Đôn Hậu, sắc tứ Linh Mụ Đại Lão  
Hòa Thượng.

## **TIẾT THỨ LÀM NGHI.**

- Chuông trống Bát Nhã
- Chủ lễ lâm diên
- Chủ lễ niệm hương
- Cử nhạc khai đàn
- Cử nhạc tham lễ
- Dâng hương - tác lễ

### **Chủ lễ hạ phủ xích, xuống:**

*Đại hạn đến rồi!*

*Giường bạc an nhiên phút mộng tàn,  
Ngabin thu vĩnh biệt nẻo nhân gian.  
Pháp âm gió thoảng, hồn ngơ ngác,  
Tăng tướng mây bay dạ ngộ ngàng!*

Tuy nhiên:

*Đạo nghiệp một đời ghi đá trắng  
Hóa thân muôn thuở ngự hoa vàng  
Niết bàn, sinh tử không hai lẽ  
Duy nguyên Tôn Sư giáng đạo tràng*

### **Tả bạch xuống: Đảnh lễ giác linh tam bái**

### **Chủ lễ hạ xích thủ, tuyên dương thân thể, đạo nghiệp:**

Kính bạch tân tịch Đôn Hậu Hòa Thượng giác linh:

Hòa Thượng Người:

Cùng tỏ ngộ lòng thiền, trong cửa Tây Thiên, vâng lời thọ ký  
Người khai Phật trí tại chùa Linh Mụ nối nghiệp độ sinh.

Người là: Non nước anh linh, trắng sao tú khí

Ngọc vàng tinh túy, tùng bá kiên cường!

Phật pháp đống lương, tông môn cương kỷ

Tào khê pháp khí, thiếu thất gia trân.

Người đã từ:

Quảng Trị nhà Diệp giáng trần, nhân gian thác chắt

Xuân kinh cửa Tùng đầu Phật, thế ngoại thiên thần!

Lúc thiếu thời, Người:

Đèn sách chuyên cần, rừng Nho biển Thánh  
Bút nghiên kiểu hanh, cửa Khổng sân Trình  
Trau dồi lý thuyết Năm Kinh  
Xôi nấu từ chuồng Bốn Sách  
Học tập trí tri vật cách  
Thực hành tâm chánh thân tu...

Người thường thao thức:

Không lẽ kiếp sống phù du, nhấp mắt hồn tiêu vĩnh kiếp  
Cuộc đời hồ địch, xuôi tay mộng vỡ trường niê?  
Biết hỏi ai mở cửa thâm huyền,  
Biết nhờ ai chỉ đường diệu ngộ?  
Thế rồi Người vào Thuận Hóa,  
Tâm Tịnh cầu thầy thế độ,  
Tây Thiên xin tổ xuất gia.

Và, từ đó Người sống cuộc đời đạo hạnh:

Thanh tịnh thi la, quang minh bát nhã,  
Họ Thích. Người nguyện xây nghiệp cả,  
Dòng Thiền, Người mong xây dựng tôn cao!

Người được bổn sư:

Truyền áo phượng bào, giữa lúc trăng sao lóng lánh,  
Xoa tay viên đảnh, trong khi sương tuyết lạnh lùng!

Bổn sư ân cần chúc dặn:

Trong cửa ta: Đôn Hậu sau cùng, Trùng Giác Nguyên trước hết,  
Làm đạo chớ mỏi mệt, dựng nghiệp phải siêng năng...

Người lên đường tham phuong du hóa:

Đến gõ cửa: Hồng Khê tham vấn Đại Tăng

Thập Tháp thỉnh cầu Thượng Sĩ

Cơ thiền huyền bí, ý tổ mật nghiêm...

Người đã bao lần chịu gậy (Bảng) dưới thềm

Và, mấy độ nghe la (Hát) trong thất.

Trong cơ sự bất ngờ ấy đã làm cho Người:

Mộng tan nửa giấc, hồn tĩnh một đời

Cơ Thiền diệu ngộ không lời,

Ý Tổ tâm truyền khó nói...

Người đã phát nguyện:  
Thuyền từ bể khổ đăng trình,  
Xe pháp đường mê thông lộ.  
Người đã: Chuyển luân pháp cổ, hàng phục quân ma,  
Hiệu triệu pháp loa, hoằng dương Phật đạo.  
Khuôn phò tổ quốc, cháu con Vạn Hạnh tiên sinh,  
Vận động hòa bình, thầy tổ nhất chi hậu bối.  
Độ sanh: Người mở mang Phật hội,  
Tiếp chúng: Người xây dựng tăng trường.  
Cũng có lúc: lụy tiết vấn vương, chim kêu phi tội.  
Đấu tranh đòi hỏi, Người bảo vô công,  
Thừa kế Thích Tông, Tăng Thống đại vì chỉ giáo.  
Duy trì Thánh Đạo, Giảo Quyền Phó Viện chủ trì,  
Người tượng trưng cho:  
Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh.  
Tỏ lòng thấy tánh, trăng sáng nước trong,  
Thanh cao Linh Mụ tổ phong,  
Nghiêm túc thiền tôn đại hóa.  
Vị tha vô ngã, kiến nghĩa nǎng vi,  
Hứng từ vận bi, dương nhơn bất nhuộng.  
Cao cả thay, Tòng lâm long tượng,  
Quí báu thay, Đôn Hậu cao tăng!

### **Chủ lẽ hạ thủ xích, cảm thán:**

Thế nhưng, việc phải đến đã đến,  
Thật vô khả ngại hè.

Than ôi:

Đạo tràng gió tạt từ đăng,  
Pháp hội khói tan tuệ cự  
Giờ này: Tăng Ni đau buồn khắp xứ.  
Thiện tín thương tiếc mọi nơi!  
Tòng bá lệ rơi,  
Trống chuông buồn trỗi...

### **Chủ lẽ hạ phủ xích, tuyên Pháp ngữ:**

Kính bạch Tân Tịch Đại Lão Cao Tăng Giác Linh:

Biết bao giờ nghe thầy hỏi đá: Phật tánh vân hà?  
Biết mấy thuở thấy Tổ cầm hoa: Pháp thân như thị!  
Như Người đã biết:  
Sanh tử, niết bàn bất dị,  
Bồ đề, phiền não vô thù.  
Chỉ ngậm ngùi: Nhất biệt, thiên thu,  
Mong sao được: Tam sinh tái ngộ.

### **Tả bạch tiến: Kính bạch giác linh tân tịch Hòa Thượng:**

Pháp sư vừa cúng đường cam lô,  
Linh giác đã nạp thọ đê hồ.  
Giờ này: Giáo đoàn pháp phái hiếu đồ,  
Trân trọng thượng hương hương bái thỉnh:  
Hương hoa thỉnh, hương hoa phụng thỉnh.

### **Chủ lễ hạ phủ xích, thượng hương sơ thỉnh:**

Nam mô nhất tâm phụng thỉnh:  
Thạch Liêm tục diệm, Liễu Quán truyền đăng,  
biển pháp mạc vận cân bằng, rừng thiền hậu sanh sư tượng.

Hôm nay Pháp tịch, phụng vị:  
Sắc tứ quốc tự, Thiên Mụ đường thượng,  
nối dòng Pháp Lâm Tế đời thứ 42,  
húy thượng Trừng hạ Nguyên,  
tân tịch bốn sư, Hòa Thượng Giác Linh, liên đài tọa hạ.

Duy nguyện:  
Hương lòng vừa bén, linh giác đã hay,  
Pháp tịch vừa bày, nguyện xin chứng giám.  
Hương hoa thỉnh, hương hoa thỉnh...

### **Chủ lễ hạ phủ xích, thượng hương tái thỉnh:**

Nam Mô Nhất Tâm phụng thỉnh:  
Xích tâm tôn giả, cầu Phật đại phu,  
Ấn tâm chánh thống nghìn thu,  
y bát chơn truyền muôn thuở.  
Hôm nay Pháp tịch phụng vị:

Tây Thiên đường thượng,  
Nối dòng Pháp Lâm Tế đời thứ 42,  
Pháp hiệu Đôn Hậu, pháp sư giác linh, liên đài tọa hạ.

Duy nguyện đài vàng hoa rải, đánh báu hương xông,  
linh giác cảm thông, quang lâm Pháp Hội.  
Hương hoa thỉnh, hương hoa thỉnh...

### **Chủ lễ hạ phủ xích. Thượng hương tam thỉnh:**

Nam Mô Nhất Tâm phụng thỉnh:  
Cổ chùy đại sát, lão nạp tổ đình.  
Thoại đầu khám phá nghi tình,  
công án phát minh tín giải.  
Hôm nay Pháp Tịch phụng vị: Thiền tôn tự tổ,  
Nối dòng Pháp Lâm Tế đời thứ 42,  
Truyền giáo Sa Môn, Bổn sư Giác Linh, liên đài tọa hạ.  
Duy nguyện: Thiền sàng an tọa, trượng thất cao cù,  
Duy nguyện thùy từ, chứng minh công đức.  
Hương hoa thỉnh, hương hoa thỉnh...  
Nam Mô Đăng Bảo Tọa Bồ Tát.

### **Tả bạch xướng: Sơ hiếu trà. Lễ tam bái. Đồng qui.**

#### **Chủ lễ hạ phủ xích. Vịnh 1:**

Tôn linh báo hiếu lễ nghiêm trang,  
Duy nguyện tôn sư giáng đạo tràng.  
Lễ nhạc hương hoa dâng cúng dường,  
Cúi đầu đánh lễ trước tôn nhan.

Kệ trà:

Tôn nhan ngôi sư tượng,  
Tướng hảo vẫn huy hoàng.  
Dâng hương hoa cúng dường,  
Cúi lễ trước linh sàng.

#### **Chủ lễ tuyên sớ:**

Nguy nguy Tăng tướng,  
Trạo trạo uy quang,

Thiên thượng nhân gian,  
Tùy duyên ứng cúng.  
Nay có hiếu chúng,  
Thiết lễ an linh,  
Tỏ tấc hiếu tình,  
Sớ văn bái bạch.  
Duy nguyện tôn sư cảm cách,  
Từ bi túc đại chứng minh.

### **Tuyên đọc văn sớ:**

Kính bạch Linh Mụ Tân Tịch Hòa Thượng Giác Linh:  
Chúng con cung kính nghe rằng:  
Đại Phật xuất sinh,  
Tự có ngày niết bàn an nghỉ.  
Cao Tăng nhập diệt,  
Há không dịp đền đáp thâm ân?  
Sự ấy rất cần,  
Lý đâu lại chấp.

Sớ rằng: Nay có Tỳ Kheo, hiếu đồ Thích Nhật Liên,  
Cùng bốn chúng Tăng Ni, mười phương thiện tín,  
thuộc các tổ đình Thiền Tôn, Tây Thiền, Linh Mụ...  
ở cố đô Huế.  
Giờ này cung kính quì trước tổ đình,  
chí thành dâng lên Sư Tọa:  
Tâm Hoa Bát Nhã, đạo vị Thiên Trù,  
Thanh tịnh trai tu, thiền duyệt pháp hỷ.  
Ngõ đền ơn khai thị, hâu tổ dạ tiếc thương.  
Hiếu tinh hương phẩm cúng dường, linh giác ái liêm chứng giám.  
Chúng con tự nghĩ: Tôn sư Người,  
Pháp thân diệu trạm, Phật tính Trừng Thanh,  
Thuyết pháp độ sanh, tham thiền kiến tánh.  
Non thần viễn cảnh, nghe nhiều thấy rộng phẩm cao,  
Ruộng phước phương bào, giống Thánh hạt lành giá quý.  
Người là: Trần lưu đạo sĩ, tịch tịnh thiền tăng.  
Than ôi:

Đau lòng trước cảnh sơn băng,  
Xót dạ trong tình hè ẩm?  
Rồi đây: Áo nǎo khói mờ màu giáo phẩm,  
Gậy giày mưa xóa dấu (gót) Tăng quan!  
Giờ thì: Tịch mịch thiền sàng, cô liêu linh tọa!  
Từ nay: Ai phò cơ cao nghiệp cả?  
Ai truyền diệu kệ chơn thuyên?  
Hải hà đức lớn khó đền,  
Khe hát lòng hèn nào bồ.  
Thốn thức vì: Song lâm thiên cổ,  
Nghẹn ngào vì: Chính lý nhất triêu.  
Nay thời: Pháp tịch lâm triều, tang nghi cập nhật.  
Cẩn cụ sớ văn tuân thức, hòa nam bái bạch xin nghe:  
Nam Mô Sắc Tứ Quốc Tự, Thiên Tôn tổ đình,  
Linh Mụ Tự Tổ, Tân Tịch Cao Tăng Đôn Hậu  
Sa Môn Hòa Thượng Giác Linh tác đại chứng minh.

Phục nguyện: Một tánh linh minh,  
Tây phương trực vãng,  
Ba thân viên mãn,  
chánh giác vị thành.  
Chứng pháp nhẫn vô sanh,  
ngộ chân thừa đại định.  
Mong Phật thọ mệnh,  
Ứng hóa độ sanh.  
Cẩn sớ.

### **Tả bạch xướng: Hiến trà. Lễ tam bái. Đồng qui.**

#### **Chủ lễ hạ phủ xích. Vịnh 2:**

Sắc hương mỹ vị y hồ soạn,  
thành kính dâng lên trước bão dài.  
Một bát hòa la đầy đạo vị,  
Cúng đường Hòa Thượng Sứ Như Lai.

Kê trà:  
Như Lai, người sứ giả,

Ứng cúng khấp mưỡi phuong.  
Một bát y hồ soạn,  
Xin thành kính cúng dường.  
Mỹ Hương Trai Bồ Tát Ma Ha Tát.

### Tả bạch xướng: Phụng thực.

Tụng: Cúng dường thanh tịnh Pháp Thân...  
Tả bạch xướng: Chung hiến trà. Lễ tam bái. Hồ quì.

### Chủ lễ rung linh. Vịnh 3:

*Người từ đâu đến, đi về đâu?  
Đạo lý vô sanh quá nhiệm mầu.  
Đến chẳng tầng sanh, đi chẳng diệt,  
Đến, đi, dấu tích khó tìm cầu.*

Kệ trà:

*Tìm cầu chi dấu vết,  
Chẳng đến cũng chẳng đi.  
Lý vô sanh đã nêu rõ,  
Di, đến hỏi làm gì?*

Tụng: Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh...

Chủ lễ hạ phủ xích: Hồi hương:  
Vừa rồi bao nhiêu công đức, bấy hương hoa,  
Thành kính thiết tha nguyện cúng dường.  
Linh Mụ phuong truong giác linh tọa,  
Duy nguyện ai liêm, thùy từ minh chứng.

Cúi mong Người hãy dùng thần thông cảm ứng,  
Diệu dụng thiêng liêng.

Gia hộ cho:

Thanh tịnh nhà thiền, trang nghiêm chốn tổ,  
Trong sáng tôn phong Linh Mụ,  
Vàng son Tổ ấn thiền tôn,  
Đạo pháp trường tồn, núi sông vĩnh diệu.  
Và mong được, sống thời:  
Nghe pháp dưới sân Tiêu Diễn,

Tham thiền trong thất thân quang.  
Nối dòng lịch sử vang,  
Noi dấu ông cha rạng rỡ.  
Trúc Lâm muôn thuở,  
Yên Tử nghìn thu.  
Tăng Ni thực học chân tu,  
Thiện tín xây đời giữ đạo  
Tôn thờ Tam Bảo,  
Đền đáp Tứ Ân.  
Đồng hòa: Nam Mô A Di Đà Phật.  
Chủ lễ hạ phủ xích. Tân lưu:  
Đại Tăng tang sự rất trang nghiêm,  
Long vị, thiền sàng đã tạm yên.  
Nghi trượng thiền môn còn tiếp diễn,  
Xin Người an nghỉ tại Linh Sàng.  
Linh Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát.

### **Chủ lễ phủ xích. Kết điện, xướng:**

An linh lễ tất,  
Hiếu sự sơ thành.  
Chuông trống hòa thanh,  
Lễ từ ba lạy. Lễ chung.

### **LỄ NHẬP THÁP.**

Lễ cung nghinh kim quan của Hòa Thượng nhập bảo tháp  
được tổ chức trọng thể và trang nghiêm vào đúng giữa giờ  
Mão, ngày Mồng Một tháng Tư Âm Lịch, vào lúc 6 giờ sáng  
ngày 3 tháng 5 Dương Lịch.

Tham dự Lễ Nhập Tháp có đầy đủ chư tôn Hòa Thượng, Thượng  
Tọa trong Hội Đồng Lưỡng Viện Giáo Hội PGVNTN, cùng chư  
Hòa Thượng, Thượng Tọa đại diện các Miền, Tỉnh, Quận.

Ngoài ra còn có sự hiện diện của chư tôn Hòa Thượng, Thượng  
Tọa trong Hội Đồng Chứng Minh, Hội Đồng Trị Sự Giáo Hội  
Phật Giáo Việt Nam, phái đoàn Đại diện Hội Đồng Chính Phủ,  
Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, Ban Tôn



Lễ Nhập Tháp  
(Tiểu Sử, tr. 41)

Giáo, đại diện Bộ Văn Hóa Thông Tin, phái đoàn Tỉnh Đảng Bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam tỉnh Thừa Thiên, Huế, phái đoàn Tỉnh Bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam tỉnh Quảng Trị, phái đoàn đại diện các cơ quan, đoàn thể chuyên nghiệp công tư, cùng hàng vạn tín đồ Phật Tử, hàng nghìn Huynh Trưởng, Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử Thừa Thiên, Huế

Bảo Tháp của Hòa Thượng được xây dựng phía sau điện thờ Đức Quán Thế Âm, trong khuôn viên chùa Linh Mụ.

Kiến trúc ngôi bảo tháp thể hiện được đường nét đặc trưng về sự đơn sơ và giản dị nhưng không thiếu phần mỹ thuật đúng y theo Lời Di Huấn của Hòa Thượng.

Thượng tọa Tuệ Sỹ mô tả cuộc đời Hòa Thượng Linh Mụ trong hai câu đối:

*Thiên chu mê vụ, cử trao kích kinh đào,  
thanh đoạn cửu thiên, trường xutóng vô sanh vô ngã.*

*Kiều mộc tầng nham, phất vân khuy hạo nguyệt,  
ảnh phù không dã, thùy tri tức vọng tức chân.*

Và Thượng Tọa dịch ra chữ Việt bằng văn vần:

*Thuyền con giữa chốn mịt mù,  
vung chèo cõi sóng, đêm thu bão bùng.  
Lời ca vang chín tiếng không,  
diễn lời kệ ngọc vô sinh nhiệm mâu.*

*Cây cao trên đỉnh ngút ngàn,  
xé mây lóa ánh trăng vàng mát trong.  
Bóng cây tỏa khắp ruộng đồng,  
ai bay tâm vật sắc không là gì.*



Hòa Thượng Thiện Hạnh *thay mặt Ban Tang Lễ*  
*đọc lời cảm tạ quan khách sau Lễ Nhập Tháp.*

(Từ phải sang trái: Ô. Nguyễn Hữu Tho, Chủ tịch Ủy Ban Trung Ương Mặt  
Trận Tổ Quốc Việt Nam, Ô. Vũ Thắng, Bí Thư Tỉnh Ủy Thừa Thiên, Huế,  
Ô. Nguyễn Chính, Phó Ban Tôn Giáo Chính Phủ. (Tiểu Sử, tr. 75)

Trong *Light of Asia* (Ánh Sáng Á Châu) thi sĩ người Anh Edwin Arnold bằng lời thơ bóng bẩy đơn sơ, như bức tranh thủy mặc, diễn tả Phật nhập Niết Bàn, gọn ghẽ trong bốn giòng thơ ngắn:

*He is one with Life  
Yet lives not. He is blest, ceasing to be  
Om Mani Padme, Om! The Dewdrop slips  
Into the shining sea!*

Tôi tạm dịch:

*Người và Nguồn Sống biến thành nhất thể  
Cuộc đời nhân thế đâu người trải qua.  
Người xa sinh tử Ba Tà, đi vào tịch tịnh hư vô Niết Bàn  
Úm Ma Ni Bát Mê Hồng! Giọt sương tan biến đại dương  
sáng ngời.*

Cuộc đời của Hòa Thượng **NHƯ ÁNG MÂY BAY**

*"Phong lai sơ trúc,  
Phong khút nhi trúc bất lưu thanh.  
Nhạn quá bàn đàm,  
Nhạn khút nhi đàm vô lưu ảnh!"*

Hòa Thượng Thích Huyền Quang trong Nghi Dụ Tiến diễn đạt:

*Người từ đâu đến, đi về đâu?  
Đạo lý Vô Sanh quá nhiệm mầu  
Đến chẳng từng sanh, đi chẳng diệt  
Đến, đi, dấu tích khó tìm cầu...*

*"Túi đại đãi về không, nhưng Pháp Âm và Pháp Thân của Hòa Thượng vẫn bất diệt giữa dòng đời sinh diệt."*

Với quần chúng Phật tử Mông Cổ, Hòa Thượng được ngưỡng mộ như bậc Thánh. Với hàng Phật Tử Việt Nam, Hòa Thượng được kính trọng như vị tôn sư. Với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Hòa Thượng là Đức Đệ Tam Tăng Thống, nhưng với hàng thất chúng môn đồ đệ tử, Hòa Thượng là Sư



Bảo Tháp của  
Hòa Thuượng Thích Đôn Hậu  
trong khuôn viên  
chùa Linh Mụ, Huế



Con cháu của Ôn  
quanh quẩn bên Ôn

Phụ trong Gia Đình Đạo, là Ôn sống mãi trong lòng những người đệ tử thân thuộc, trong lòng con cháu của Ôn. Và một ngày nào đó, như lòng mong ước, những người đệ tử của Ôn sẽ gặp lại Ôn bên kia trời Tây, nơi thế giới Cực Lạc vô sinh vô tử, mãi mãi cùng Ôn không xa cách!

Ôn ra đi, để lại Ngôi Nhà Phật Giáo, cũng như Ngôi Nhà Việt Nam, tuy đã được kết hợp, nhưng vẫn còn nhiều hàng rào phân cách. Không biết khi nào, như ông Hồ Sĩ Khuê đã đặt câu hỏi: “Người bên này, người bên kia chiến tuyến, chịu tháo gỡ các hàng rào ý hệ, xé nát khẩu hiệu, bích chương, cùng mở lối cho nhau về lại Ngôi Nhà của ông cha?” (Hồ Sĩ Khuê: *HCM, NĐD, và MTGP* tr. 442)

Tiếng Ôn vọng lại từ Áng Mây Bay: “*Tất cả chỉ là huyền vọng. Ngày nào con người còn chấp trước, còn thị phi, thì không làm sao có thể nhìn mặt nhau, không làm sao tìm được cái an lành, êm ái, cái không khí thân tình của Ngôi Nhà do tổ tiên để lại...*”

Nam Mô Tôn Sư Bồ Tát, Ân Sư Bồ Tát Ma Ha Tát.



# TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ TRÍCH DẪN

- Thích Đồng Bổn (Chủ biên): *Tiểu Sử Danh Tăng Việt Nam*, thế kỷ XX, Tập 1 & Tập 2. Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2002.
- John S. Bowman, Ed.: *Columbia Chronologies of Asian History and Culture*. Columbia University Press, 2000.
- Cecil B. Currey: *Victory at Any Cost - The Genius of Vietnam's Gen. Vo Nguyen Giap*, 1997.
- Bùi Diễm: *Gọng Kèm Lịch Sử*, Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, 2000.
- Trừng Nguyên Đôn Hậu: *Những Chặng Đường* (Hồi Ký), Phật Lịch 2544 (2000).
- Thích Hải Ân & Hà Xuân Liêm: *Lịch Sử Phật Giáo Huế*. Nhà Xuất Bản Văn Hóa Sài Gòn, 2006.
- Hồ Sĩ Khuê: *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*. Văn Nghệ, 1992.
- Hòa Thượng Huyền Quang: *Nghi Dự Tiến*.
- Kiêm Đạt: *Lịch Sử Tranh Đấu Phật Giáo Việt Nam*, Tập 1. Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, 1981.
- *Kỷ Yếu Quảng Trị*, tháng 10 năm 2000.
- Minh Đức: *Truyện Tích Quán Thế Âm Bồ Tát*, An Tiêm, 1988.
- Keith W. Nolan: *The Battle for Saigon*, Tet 1968.
- Edgar O'balance: *The Wars in Vietnam 1954-1980*.
- Nhà Xuất Bản Văn Hóa, Thông Tin: *Đình Chùa Lăng Tẩm Nổi Tiếng Việt Nam*, 1999.
- Phan Khoan: *Việt Nam Pháp Thuộc Sỉ 1884-1945*.
- Phong Trào Giáo Dân Việt Nam Hải Ngoại Sưu Tập: *Thảm Sát Mậu Thân ở Huế*, 2008.

- Quán Như: Phạm Văn Minh: *Vietnamese Engaged Buddhism - the Struggle Movement 1963-1966*, Văn Nghệ, 2002.
- Quốc Sử Quán, *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*. Bản Việt dịch của Viện Sử Học, nhà xuất bản Sử Học Hà Nội, 1963.
- Nguyễn Từ Quang: *Khảo Luận về Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*. Nhà Xuất Ban Văn Hóa Thông Tin, 2003.
- Trần Trọng Kim: *Việt Nam Sử Lược*.
- Văn Phòng Thủ Tướng Trực, Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại - Hoa Kỳ: Phật Giáo Việt Nam - Biến Cố và Tư Liệu (1975-1995).
- Văn Phòng Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất: *Tiểu Sử Đức Đệ Tam Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu-1905-1992*. Phật lịch 2548 (2004).
- Trương Như Tảng: *Việt Cộng Memoir*. Vintage Books, 1985.
- Dương Phước Thu: *Tử Ngục Chín Hầm & Những Điều Ít Biết Về Ngô Đình Cẩn*. Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, 2006.
- Trần Quang Thuận: *Phật Giáo Mỹ*, tập I & II, Trung Tâm Học Liệu Phật Giáo, 2000.
- Trần Quang Thuận: *Hành Trì Phật Đạo tại Trung Quốc*, Trung Tâm Học Liệu Phật Giáo, 2003.
- Trần Quang Thuận: *Phật Giáo Tổng Quan*, Trung Tâm Học Liệu Phật Giáo, 2005.
- Trần Quang Thuận: *Phật Giáo Đại Hàn*, Trung Tâm Học Liệu Phật Giáo, 2006.
- Trần Quang Thuận: *Phật Giáo Nhật Bản*, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2008.
- Trần Quang Thuận: Phật Giáo Lào, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2009.
- Trần Quang Thuận: Phật Giáo Mông Cổ, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2010.
- Trần Quang Thuận: Phật Giáo Cao Môn, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2010.
- Võ Văn Tường: *Việt Nam Danh Lam Cổ Tự*. Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội-1992.